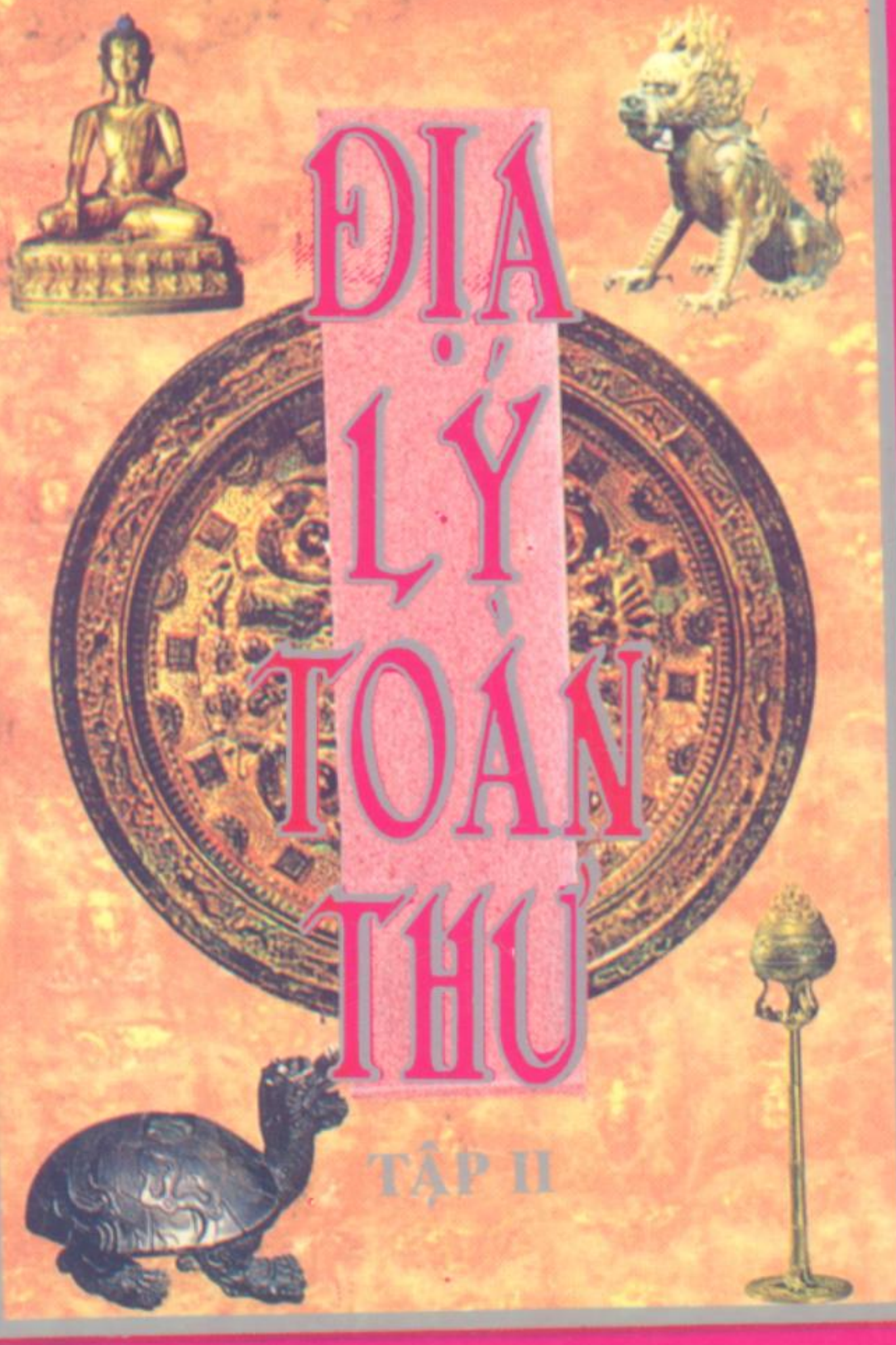
BÌNH GIẢI VĂN HÓA THẦN BÍ

GIẢI THÍCH HỌA ĐỒ BẰNG BẠCH THOẠI



ĐỊA LÝ TOÁN THƯ

TẬP II

LƯU BÁ ÔN VÀ CÁC TÁC GIẢ

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN

LƯU BÁ ÔN
VÀ CÁC TÁC GIẢ

ĐỊA LÝ TOÀN THƯ

TẬP II

Biên dịch: LÊ KHÁNH TRƯỜNG
LÊ VIỆT ANH

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA VÀ THÔNG TIN

MỤC LỤC

ĐỊA LÝ ĐẠI TOÀN TẬP YẾU

Quyển 2 LONG KINH 9

Luận Long 9

Tẩm Long 13

Tam thập lục thuận hội pháp 16

Luận chi can 17

Luận trướng 18

Luận xuất hiệp 19

Giáng thế trú hình 20

Hình thế dị tướng 21

Ly sào nhập lộ 23

Long cách 23

Nghi Long kinh 24

Nghi Long trung thiên 31

Nghi Long hạ thiên 34

Phong thủy nghĩa 35

Quyển 3. CAN LỘ ĐỞM KINH 39

Long quyết ca 39

Huyệt tình phú 46

Sa quyết ca 49

Quái huyệt phá hoặc ca 52

Hám Long kinh 54

Tổng luận 54

Viên cục 56

1. Tham Lang tinh 57

2. Cự Môn tinh 60

3. Lộc Tồn tinh 62

4. Văn Khúc tinh 65

5. Liêm Trinh tinh 66

6. Vũ Khúc tinh 69

7. Phá Quân tinh 72
8. Tả Phù tinh 76
9. Hữu Bật tinh 77
10. Cửu tinh biến huyệt 78
11. Cửu tinh cát hung 79

Quyển 4 TÁNG KINH 82
Khí Cảm – Nhân thế 82
Bình chi 84
Sơn thế 84
Tứ thế 85
Quy huyệt 86
Hình thế – Thủ loại 87
Thanh nang tự 89
Thanh nang áo ngữ 98

Quyển 5 THIÊN NGỌC KINH 104
Nội truyện thượng 104
Nội truyện hạ 117
Thiên Ngọc Kinh ngoại thiên 122
Huyền Không đại quái quyết 122
Phòng phân thủy pháp 125
Tương sinh tương khắc 126
Tương hình tương khắc 126
Nhị thập tứ sơn hoàng tuyền 127
Tứ lộ hoàng tuyền 127
Thập nhị chi hoàng tuyền 128
Cửu khẩn hoàng tuyền 128
Huyền văn quan thiên đại quái 129
Ngũ hành thiết cước quan 129
Phụ luận : thủy pháp xuất nhập sát kiêm tiểu huyền không 130

Quyển 6
Phát vi luận 136
Cương nhu 136
Động tĩnh 137
Tụ tán 138
Hướng bối 139
Thư hùng 139

Cường nhược 140
Thuận nghịch 141
Sinh tử 142
Vi trước 142
Phân hợp 143
Phù trầm 144
Thiển thâm 145
Nhiêu giảm 146
Xu tị 147
Tài thành 147
Cảm ứng 148
Chân Long danh tủy kinh 149
Thạch sơn 153
Loan đầu 154
Ngũ hình tam cát 155
Bạt sa kinh 155
Tâm pháp 155
Thủy luận 161
Sơn tổ nhân tổ 161

Quyển 7

Ngọc xích kinh 163
Thẩm thế 163
Thẩm khí 165
Thẩm Long 167
Thẩm hướng 169
Tạo vi phú 172
Thiên cơ phú 176
Trục cát phú 180

Quyển 8

Tuyết tâm phú 183

Quyển 9

Xích đinh kinh 229

Quyển 10

Hội tỏa tinh vi 252
Giải bày tâm can 252

Hắc nang kinh quái liệt 253
Mười yếu quyết chọn đất 253
Hai mươi hai điều tốt 254
Hai mươi sáu điều e sợ 255
Huyệt kỵ 255
Nhập thủ mạch huyệt pháp 256
Ba mươi sáu kỵ Long 257
Kỵ Long huyệt 257
Luận huyệt 258
Âm khế dương phù 259
Sa pháp tổng luận 260
Luận sa thủy 262
Long hổ 264
Long huyệt sa thủy 265
Hình thế -
Hình cục
Long, hiệp, huyệt mạch 266
Tứ cục -
Tứ hình 267
Lục cát 268
Tẫn mẫu -
Luận minh đường -
Luận triều sơn 271
Triều sơn chứng huyệt 272
Chiên thần luận huyệt -
Thập đạo chứng huyệt -
Triều án -
Huyệt 273
Tứ thể của huyệt -
Luận thủy -
Vi hội thủy 275
Cẩu thiếm -
Kim ngư thủy
Sa cánh ve 276
Râu tôm -
Mắt cua 277
Chỉ khí chân quyết -
Bát cục tướng pháp 278
Tướng pháp chủ khách -

Tướng pháp thuận nghịch 279
Nội ngoại tướng pháp -
Nhập thủ khán pháp 280
Tướng địa lục pháp -
Tướng thủy yếu quyết 281
Thủy pháp nghi luận hình thế ngũ thành -
Thập bất tương 282
Tứ bất hạ -
Thập hung 283
Bát sát 284
Thập yếu -
Thập bát kỵ 285
Mười ba điều e ngại -
Tám điều sợ 286
Tám điều không hiểm -
Sáu điều hiểm 287
Tứ chân -
Tứ vô -
Tứ khí -
Tứ thú -
Tứ hướng 288
Tứ dục -
Tam kiếp -
Tam thế 289
Lý khí -
Địa kỷ thiên kỷ -
Di hướng pháp -
Biến khí 290
Thừa khí 291
CAO SƠN LONG HUYỆT ĐẠI TOÀN PHÁP 293
tập 2, quyển 1 303
Thất tinh Long huyệt kinh
Huyệt pháp
BÌNH LONG DƯƠNG HUYỆT ĐẠI TOÀN PHÁP 312
tập 2, quyển 2
Trật tự hình cục 312
Luận bình dương long 329
BÌNH DƯƠNG LONG HUYỆT PHÁP 334
tập 2, quyển 3

Bình dương điểm huyệt pháp 334
Long gia ngũ hành... 335
Lập huyệt luận 367
Bình dương lập hướng thu thủy pháp 370
Bình dương thủy khẩu luận 372
Tiêu thủy quyết 373
Bình dương bình dương biện... 374

ĐỊA LÝ ĐẠI TOÀN TẬP YẾU

Quyển 2

Biên soạn : Ngụy lý Hứa Tử Viễn Đạm Viên Phủ

Đính chính : Nam Kinh Cửu Nhất Quả Am

LONG KINH

LUẬN LONG

TẠ ĐÌNH TRỤ

Là sơn mà không gọi sơn, lại gọi là Long, chính vì Long có thể lặn xuống vực sâu, bay lên trời cao, thoắt ẩn thoắt hiện, khiến người ta khó đoán được sự biến hóa. Bởi Long là dương tinh thuần túy, nên mới có bản lĩnh như vậy. Hơn nữa, một khi sơn trầm mình xuống đáy sông đáy biển, hoặc vươn cao tới chín tầng mây, thì cũng chẳng khác gì Long, lại có thể sản sinh mây ngũ sắc, tạo thành mưa gió hệt như Long. Cho nên dùng Long để gọi Sơn có thể nói là tự nhiên xảo diệu phi thường vậy.

Nhưng muốn truy tìm, nghiên cứu sâu vào cốt tiết, khai hợp, mạch sống v.v... của Sơn, thì chi bằng lấy thân thể con người làm tỷ dụ càng xác đáng, phù hợp. Có thể dùng chữ Giới (介) mà so sánh. Chữ "Giới" là chung thủy (đầu và cuối) của Long. Sao lại nói là chung thủy ? Chữ "cá" (个) không thể phân ly. Lấy đầu người mà nói, đầu ở hai bên có hai tai, giống như nét phẩy "丿" và nét mác " 乀" của chữ Giới. Đỉnh đầu cao gồ lên, xương đầu từ trán chạy xuống mũi, giống như nét sổ " 丨 " của chữ cá. Trán chia làm hai phần,

chạy thẳng xuống hai lưỡng quyền và má, lại là nét phẩy " ノ " và nét mác " 乀 " của chữ "cá". Từ trán xuống thẳng Sơn Căn , chuẩn đầu (múi) là nét sổ " 丨 ", ba yếu tố này lại là chữ "cá". Đấy là chữ "cá" của phần Thượng Đình con người.

Đầu người từ xương gáy lại chia ra hai vai, hai tay, là hai nét phẩy " ノ ", và mác " 乀 " của chữ "cá". Phần giữa thân người giống như nét sổ. Nội khí từ đầu người xuống tim, tim ở trung gian, lại thành nét "sổ" của chữ "cá". Gan ở bên trái, phổi ở bên phải, là nét phẩy và nét mác, biểu hiện chữ "cá" của nội tạng người. Đấy là phần Trung Đình của thân người.

Từ eo, thận lại chia thành hai hông, hai đùi, hai chân, là phần hạ đình của thân người.

Một chi Sơn cũng giống một thân người. Sơn phong (đỉnh núi) bắt đầu rời tổ sơn (núi tổ) phân Long mạch, đó là đầu người. Tại địa phương này nhất định sẽ hình thành một chữ "cá". Từ đây chỉ cần gặp chỗ đoan chính đẹp đẽ kết đỉnh thì phần nhiều hình thành chữ "cá". Đến chỗ sắp kết huyệt sẽ có hai hoặc ba chữ "cá" trùng điệp hoặc luồn vào nhau, hoặc bên dưới một chữ "cá" nữa, trông không trùng điệp, luồn vào nhau, nhưng thực tế là trùng điệp, luồn vào nhau, rất giống chữ "cá" của thân người. Nét phẩy và nét mác của chữ cá giao hội với nhau, ôm lấy hai, ba huyệt vị ở đằng trước, là cách tuyệt mỹ. Thủy lưu xuất phát từ tổ sơn, phân chia long mạch, từ hai bên kẹp sơn mà đi, tại hai bên chữ "cá" lại có tiểu thủy lưu từ hai phía tả hữu chảy vào phân Long; đại thủy lưu xuất phát từ tổ sơn cuối cùng sẽ tụ ở trước minh đường. Thủy đến tận cùng thì sơn cũng đến tận cùng. Long Sơn tương đối dài, thì thủy sẽ hợp vào sông dài biển lớn. Long sơn tương đối ngắn, thì thủy sẽ hợp với suối khe, mương ngòi. Khỏi cần nói Long dài mấy ngàn, mấy trăm dặm, mà nói Long ngắn mươi dặm, năm dặm, thì ắt có thủy làm bạn, phân hợp mười dặm, năm dặm. Chỉ cần xem chỗ khởi đầu và hội hợp của thủy, đã có thể biết Long dài hay ngắn. Cũng khỏi cần đi tìm đến đầu nguồn thủy, chỉ cần từ chỗ Long mạch kết

thúc, đi ngược lại hai, ba, năm cốt tiết, thấy địa phương nào đầu Long đoan trang đẹp đẽ, có mạch đâm thẳng xuống, thì đó là nét sổ của chữ "cá", hai bên đỉnh có hai vai, vươn ra là nét phẩy và nét mác của chữ "cá". Thân người thẳng, nên chữ "cá" trùng điệp, luồn xuyên vào nhau, tương đối dễ nhận biết. Còn sơn đi thì thường chuyển biến, đứt đoạn, nên chữ "cá" ít trùng điệp hoặc luồn xuyên, khó nhận biết. Ắt ở chỗ khởi đỉnh, đứt đoạn, chuyển biến, phân nhánh, nhìn kỹ sẽ thấy chữ "cá". Phàm là hướng đi của nét "sổ", chính là chính mạch, còn hướng đi của nét phẩy, nét mác thì không phải chính mạch. Bởi thế giống như cành cây ngô đồng, thì từ hai bên đồng thời tách ra mà một mạch chạy thẳng ở giữa, đó là một chữ "cá", cũng là cách vận hành long mạch bình thường. Giống như cành thược dược, một chi long mạch phát xuất từ bên trái của đốt trên, một chi phát xuất từ bên phải của đốt dưới, do đó không thành chữ "cá".

Khi Long sắp hình thành huyệt vị, nhất định sẽ kết thành yết hầu, thắt lại như lưng ong, rồi mới lại nhô lên. Điều này cũng giống cổ họng của con người, khí hô hấp từ đây. Điều tối quan trọng là tìm đến chữ "cá" để nhận ra phần đầu, tìm đến yết hầu, nơi hấp thụ chân khí. Tìm được đầu sẽ có thể biết đường vào của khí, tìm được yết hầu sẽ có thể biết sự tiềm phục của khí. Đã tìm thấy đầu và yết hầu, thì tìm tim ở gần đó. Vì tim là huyệt vị, là chữ "cá" trong nội tạng, nên điều này đã quá rõ. Tìm được huyệt vị mấu chốt là phải biết Long mạch. Long mạch có khi kết huyệt tại eo, có khi kết huyệt tại nơi tận cùng. Long kết huyệt ở nơi tận cùng thì lấy sơn ở mặt ngoài để sử dụng, nên không bằng Long kết huyệt tại eo lưng vì Long này lấy ngay bản thân của chi sơn để sử dụng.

Một chi sơn giống một cây ăn trái. Thủy lưu chảy qua ba trăm dặm là thủy lưu phân hợp chính quả. Thủy lưu chảy qua hơn trăm dặm là một phân hợp thủy đại phân chi (cành lớn). Trên một đại phân chi lại có phân hợp thủy tiểu chi (cành nhỏ), lại có phân hợp thủy đóa hoa. Do đó nhận biết Long mạch thông qua nhận biết thủy lưu. Long mạch của bình địa với Long mạch của cao sơn cũng không khác nhau là mấy về phương diện cốt tiết, khai hợp, mạch sống, luồn xuyên, cũng có hai bên phân hợp,

thủy lưu vận hành tùy theo Long, chỉ khác nhau về tính nết. Ngũ tinh của cao sơn thì đứng thẳng, còn ngũ tinh của bình địa thì nằm ngang. Về phần phân chi, kết eo, khai trướng, xuất mạch, thuận nghịch, nghênh tống v.v... đều không có gì khác nhau.

Nếu muốn tìm phương pháp cấm huyệt vị, chỉ cần quan sát kỹ phần đỉnh hơi nhô lên, thẩm định phần mặt hơi gồ, xem hai bên có vết tích của thủy thấp đôi chút, phía ngoài thủy lưu có kiềm cục (thế kẹp) hơi nhô cao, như thế dựa vào chân khí đã tìm đến huyệt vị.

Tìm cẩn thận trên mặt đất hai nhánh thủy lưu sắp giao hội, thấy một nhánh quanh co vòng vào phía trong, thấy chỗ nổi cao dù chỉ một thước mà đoán định cao sơn, chỉ thông qua ngũ tinh mà kiểm chứng hình dạng nằm ngang, vậy là dựa vào thủy lưu đã tìm đến huyệt vị. Đất đai ở phương bắc trải qua nhiều lần khai khẩn đa phần mất đi hình dạng cao sơn, cần thẩm xét miệng, mũi mà đoán định. Đất đai phương nam trải qua nhiều đợt làm thủy lợi, đa phần bị đứt địa mạch, nên cần tìm kỹ lại đầu nguồn thủy.

Chỗ hồi Long cố tổ (Long quay về thăm tổ sơn) vì có hướng nghịch, song cũng phân thành mấy loại. Cố tổ kết huyệt tại eo lưng thì không bằng cố tổ kết huyệt ở nơi tận cùng. Có hồi cố thủy tổ sơn, có hồi cố thái tổ sơn, có hồi cố thiếu tổ sơn, có hồi cố phụ mẫu sơn, song hồi cố nơi gần không bằng hồi cố nơi xa, lực lượng càng mạnh, qui mô càng rộng.

Ly khai tổ sơn nghịch hướng đã quá xa rồi, quay đầu trở lại vài dặm hoặc vài chục dặm mà triều hướng tổ sơn, thì đây là cách hồi Long thượng đẳng. Nghịch hướng gần, sơn, thủy thuận hành, khi đến chỗ kết huyệt mới quay mình hồi cố là đã thành công. Điều chủ yếu nhất là sa phong hộ vệ đan chéo sau lưng, Triều thủy trước nơi kết huyệt uốn lượn bao bọc lấy sơn phong ở đằng sau huyệt vị, đấy gọi là "Thủy triền Huyền Vũ", mới là thích hợp nhất.

TẦM LONG

ĐỔNG ĐỨC CHƯƠNG

Ngảng đầu lên quan sát bốn bề tinh tú, cúi xuống phải quan sát Long mạch tám phương. Bốn bề ngụ ý sao Tử Vi ở phương Bắc, sao Thiên Thị ở phương Đông, sao Thiếu Vi ở phương Nam, sao Thái Vi ở phương Tây. Long mạch tám phương ngụ lấy bốn xứ Càn, Khôn, Khảm, Ly tại phương hướng Tiên Thiên tứ chính làm Dương Long, lấy bốn xứ Chấn, Tốn, Cấn, Đoài tại phương hướng Tiên Thiên tứ ngung làm Âm Long. Phàm đối với Long, coi Âm là quý mà coi Dương là tiện, bởi vì Dương là ở trên trời.

Lại có thuyết nói : dùng nhãn giới của mình mà quan sát cho kỹ, dùng tính tình của mình mà nhận chân sẽ biết. Phàm đến một làng một bản nào đó, chợt thấy có một ngọn núi nhỏ đơn độc nhô lên, xung quanh đẹp đẽ, lập tức biết đấy là chân Long (Long thật sự). Chỗ vận hành của nó nhất định sẽ hình thành đại địa (đất lớn). Đó cũng là điều Dương công đã nói "trên núi xuất hiện cảnh tượng kỳ dị thì không phải là tùy tiện hiện ra đâu, hãy tìm kỹ chân Long (Long thực sự) và địa thế tương nghênh ở hai bên tả hữu".

Phàm khi tìm chân Long, trước hết phải xác định rõ đầu, mình, sau đến can, chi, có thai có con, Triền, Giáp, Hộ vệ sơn chạy thẳng đến đầu, sau đó dùng La Kinh mà định lượng. xem ngôi sao nào trên trời chủ chiếu xuống đất này, viên cục ở đây được hình thành như thế nào, hình thế có toàn vẹn hay không. Tức là xem cục thế lớn nhỏ, tốt xấu, chứ không nên tùy tiện chỉ trỏ sơn cước (chân núi) mà tìm Long, không chỉ trỏ lung tung một chỗ nào đó làm huyệt vị, nghĩa là chưa thấy gốc đã tìm ngọn. Cho nên Kinh Thư có viết : "Tinh tú trên trời và hình thế dưới đất, trên dưới hỗ tương với nhau, phong thủy bảo địa (đất quý) tự nhiên sẽ hình thành". Lại viết : "Dương đức sẽ hình thành từ hình tượng của ta, âm đức sẽ hình thành từ vị trí của ta". Cũng là ngụ ý tinh tú trên trời và hình thế dưới đất tương phối với nhau. Thuật sư nghiên cứu phong thủy nhất

thiết phải tiến hành tính toán từ điểm này, thì cách tìm Long mạch ắt sẽ sáng tỏ.

Có thuyết nói về đất Thiếu Long, là nơi tinh phong vừa mới hình thành. Lại nói về đất Trung Long, là nơi dịch mã dừng chân. Lại thêm đất Tận Long, là chỉ nơi giao kiếm hội lưu, sơn và thủy đều đến chỗ tận cùng. Đất Thiếu Long và Trung Long đều có thể cấm huyệt vị mà không cần phải câu thúc gì hết. Nơi tận cùng của Long mạch chính là huyệt. Ẩn tàng xa mã, có thể là đại phú đại quý, an toàn vô bệnh, đa phần là cấm huyệt tại đất Thiếu Long và Trung Long.

"Minh Sơn Bảo Giám" chia Long ra làm 12 loại, là Sinh Long, Phúc Long, Ứng Long, Ấp Long, Uổng Long, Sát Long, Quỷ Long, Kiếp Long, Du Long, Bệnh Long, Tuyệt Long, Tử Long. Các tên gọi này căn cứ vào sự tụ hợp hoặc phân tán của chân khí mà gọi. Như Sinh Long, Phúc Long, Ứng Long, Ấp Long là bốn loại mà chân khí tụ hợp. Uổng Long, Sát Long, Kiếm Long, Quỷ Long, Du Long, Bệnh Long, Tử Long, Tuyệt Long là 8 loại mà chân khí phân tán. Khí thế giáng lạc (đi xuống) của Long theo kiểu chân khí tụ hợp thì trải dài, lên xuống nhiều lần, còn khí thế giáng lạc của Long theo kiểu chân khí phân tán, thì đoản thúc (ngắn, gấp), ít lần lên xuống. Có loại thậm chí lên rồi khó xuống, xuống rồi lại khó lên. Loại này ít gặp.

Long mạch xuất phát từ tổ tông sơn, đường đột như con rắn lướt trên mặt nước, như chim gõ kiến bay lên trời, khi giáng lạc mọc thêm chân tay, Long mạch ở chỗ nhập thủ thì đoan chính ngay ngắn, hoành lâu trùng trùng, gọi là Sinh Long.

Long mạch mà chân tay ngắn, trên thân có hoành án, hai bên hình dáng như có cánh, gọi là Phúc Long.

Long mạch không có hoành án, nhưng hai bên ôm vòng trở lại, gọi là Ứng Long.

Long mạch ôm vòng trở lại nhiều lần, trùng điệp, hình dáng như thi lễ với nhau, gọi là Ấp Long.

Bốn loại Long mạch trên tạo nên địa hình cát lợi.

Long mạch có hình thế thôi thúc gấp rút, hiểm ác, không chỉnh tề, không có ý tiếp thụ, gọi là Uổng Long. Tả hữu hai bên nhọn hoắt, sắc cạnh gọi là Sát Long. Phân chi chia cắt mạch gọi là Quỷ Long. Chia ra nhiều cánh tay gọi là Kiếp Long. Lưu ly tán loạn là Du Long. Hoàn toàn không lên xuống, không lưu chuyển biến động là Bệnh Long. Phá toái là Tử Long. Cô đơn vô lực là Tuyệt Long. Tám loại Long mạch vừa kể tạo thành địa hình hiểm ác, hung địa.

Ở chỗ Sinh Long thì con cháu trường thọ. Ở chỗ Phúc Long, con cháu phú quý. Ở chỗ Ứng Long, con cháu trung hiếu. Ở Ấp Long, con cháu lễ độ, nhường nhịn. Ở chỗ Uổng Long, con cháu tà ác. Ở chỗ Sát Long, con cháu bị trùng độc, thú dữ làm hại. Ở chỗ Quỷ Long, con cháu bị bệnh tật, ôn dịch. Ở chỗ Kiếp Long, con cháu sẽ gặp tai họa chết chóc, ở chỗ Du Long, con cháu dâm loạn, tứ tán. Ở chỗ Bệnh Long, con cháu quanh năm bệnh tật và sinh đẻ khó. Ở chỗ Tử Long, con cháu tử thương không dứt. Ở chỗ Tuyệt Long, con cháu tuyệt tự.

Mười hai loại Long mạch chủ cát hung như vậy, có ảnh hưởng, báo ứng và linh nghiệm, cho nên khi mai táng người chết, không thể không lựa chọn nơi cắm huyệt.

Phương pháp chọn, lấy Sơn (thủ sơn) phải dựa trên hậu tích căn bản. Nói căn bản tức là ngụ ý các danh sơn là tổ tông sơn và phụ mẫu sơn.

Xa xa thấy một ngọn núi lớn cao vút tầng mây, dưới sơn cước hình thành dáng Long nhấp nhô phát mạch chạy ra xa, có khi hình thành dáng hổ bộ đại đột tiểu khởi, có khi hình thành dáng phượng hoàng vỗ cánh, có khi hình thành bình địa tản mát như tấm chăn chiên, có khi hình thành dạng chuỗi ngọc, có khi thành hình dạng tòa nhà lầu nguy nga, thôi thì đủ hàng ngàn lý do để quy về một điểm nào đó, nên mới có thể đàm luận về những điều liên quan đến phong thủy địa lý.

Một dãy núi dài có chính Long làm chúa tể. Suy từ Long này ra có thể thông hiểu kết quả, thành tựu, sẽ có chính thụ. Có khi một dặm kết huyệt, có khi 10 dặm kết huyệt, có khi trăm dặm kết huyệt. Khí thế lớn thì hình thành kinh đô, đô

thị. Khí thế nhỏ thì hình thành phủ, trấn. Hình thế của Long khởi phục (lên xuống) nhấp nhô, vòng đi lượn lại, tướng sinh tựu tử, thủy lưu Huyền Vũ thì gọi là Sinh Vượng. Vượng là tiết, được xem là tối hảo. Hình thế mạch đá tương giao mà nổi lên một Long mạch tổ tông khác, gọi là Băng Hông, Hông là tiết được xem là tối linh dị. Nếu có một chỗ chi tiết đứt đoạn, không tùy theo tứ tượng mà phân tán, thì gọi là chi tiết Tử Tuyệt. Cúng khỏi cần đi quan sát, chỉ cần tìm ở chỗ chân khí đứt đoạn, cái gọi là chính Long, chính thụ; hoặc giả là đất lớn, hoặc giả là đất nhỏ, tùy lực của Long khinh hay trọng mà tìm chỗ tuyệt khí của nó. Các tình huống cửu không tứ khoáng, sơn thủy giao hại, âm dương thác loạn, thì trở ngược lại gốc mà tìm chỗ vượng khí sắp bị tuyệt nhưng chưa tuyệt, quay nhìn tổ tông triều nghênh tùy hộ, không nhờ đến sơn thủy nào khác bảo vệ xung quanh và thần sát che giấu, nơi Long hồi cố (quay nhìn lại) tổ sơn, thì gia chủ sẽ được tiền phú hậu quý.

TAM THẬP LỤC THUẬN HỘI PHÁP

Thôn trang và đô thị có cư dân đông đúc, phần lớn nằm ở địa phương dừng nghỉ của Long mạch. Đàn tế thần linh và miếu mạo đa phần nằm ở nơi cùng tuyệt hung sát. Anh linh thần tiên và thánh tích Phật giáo phần lớn nằm trên các ngọn danh sơn. Quận, trấn náo nhiệt đa phần nằm tại địa phương quần Long tụ hội, Kinh đô có thể nói là nơi vạn thủy thiên (ngàn) sơn triều hội tôn kính thần linh. Chỗ ấy là chính giữa thiên địa, hấp thụ chính khí âm dương biến hóa và ngũ hành tương phối cùng là bát quái hiệp trợ. Tuy có vận hưng thịnh và suy vong, nhân khẩu đông đúc và tiêu giảm khác nhau, nhưng vẫn đóng vai trò đó liên miên bất tận. Do vậy, nơi quần Long tương hội nếu nhỏ thì ắt là quận, trấn, nếu lớn ắt là đô thành, nhất định đều có phép tắc chứ không thể tùy ý cải biến.

Long mạch từ các nơi chạy đến, như sợi dây, như con rắn, con lươn, qua sông ngăn cách lại nhô lên, hoặc biến hóa có hình,

hoặc tiềm ẩn vô hình. Số quần Long tụ hợp dưới con số 36, nhưng trên con số 30, thì là quận, trấn đông mấy vạn dân, tài sản dư dả, các anh hào chí sĩ danh thần đều cư trú ở nơi này. Nếu số quần Long tụ hợp từ trên số 20 đến 30, thì hợp nên thị trấn, huyện thành. Nếu quần Long tụ hợp từ 6, 7 đến con số 10, thì tạo nên thôn trang, dân cư cũng đông đúc, tiền tài dư dả. Còn số Quần Long tụ hợp ít hơn, thì tùy sự chuyển động của trời đất mà có khi hưng thịnh, có khi phế lụi. Cho nên khảo sát lịch sử đời trước, thấy có cải quận thành ấp, cải ấp thành quận đều là vì lẽ đó. Hung cát, thịnh suy, không phải do sức người quyết định, mà do trời đất tự nhiên định mệnh. Người phàm tục há có thể biết. Phải là bậc đạo sĩ có nhãn quang đặc biệt mới nhận thức nổi.

LUẬN CHI CAN

Long có chi trong can, mạch có can trong chi. Can Long là từ trên đỉnh tổ sơn mà đi xuống, sơn cũng giống như đỉnh đầu và sống mũi người. Cư ở trung ương mà tiến về phía trước, phân chi thì giống như chân tay ở hai bên, từ hai bên hộ tống, hai dòng thủy lưu cứ kèm đến tận cùng thành Can. Lực lượng kết địa của nó nặng nề dị thường. Chi là bàng phân của can, một bên nhẹ một bên nặng, thì lấy thủy lưu một bên làm chi, lực lượng kết địa của nó tương đối nhẹ.

Thế nào là Chi trong Can ? là thủy lưu lớn chỉ thu nhận thủy lưu một bên, lúc phân lúc hợp, đến chỗ qua mạch tạo nên một sa trướng, bên dưới sa trướng, thủy lưu với sơn giới cũng nằm ngang trước huyệt vị, mà sa trướng ở hai bên đều hộ vệ thủy lưu tiến vào cục thế, giao hội tại trước huyệt vị, giống như ngón tay giữa trên bàn tay con người, là chi ở trong can. Chính can giống như ruột của gốc cây, chi can thì giống như ruột của cành cây. Hai đại lưu thủy của đại can đều tụ hợp ở chỗ tận cùng. Tình huống tụ hội chúng sa và chúng thủy gọi là đại tụ. Chi trong chi thì giống như trên một bàn tay có ngón lớn, ngón

nhỏ. Lực lượng của nó yếu nhất, phát mạch cũng không lâu bền. Thủy lưu một bên tiến đến trước minh đường, là một chủ một khách, hữu tình thì là tiểu kết. Đây chỉ là đại cương, chủ yếu còn tùy thuộc vào từng người. Cổ thư viết : "Có Long vận hành từ hai bên mà quy về đường chính. Có Long thì vận hành từ giữa ra hai bên". Trương Tử Vi luận đến cành cây ngô đồng, cho rằng nó là sa trướng từ giữa xuyên ra, chủ can từ giữa phân ra hai bên; còn cành cây dương liễu thì chủ can hoàn toàn nghiêng về một bên. Cành cây thược dược, một tiết từ bên tả chìa ra, lại một tiết từ bên tả chìu xuống, một tiết từ bên hữu chìa ra, lại một tiết từ bên hữu chĩa xuống. Đó cũng là cách vận hành quen thuộc của Long mạch. Do đó chủ can cũng có khi lệch sang một bên, nhưng có thủy lưu lớn nhỏ ngăn lại, khiến cả hai bên đều chỉnh tề. Cho nên sơn mạch vận hành thường có thủy lưu tương tùy (cùng đi theo).

LUẬN TRƯỚNG

Sơn có dùng trướng mà xưng danh, tức là lấy doanh trướng khi hành quân làm tỉ dụ. Không thể lấy cung điện làm ví dụ, vì không thể tùy tiện di chuyển cung điện. Còn doanh trướng thì có thể di chuyển hàng ngày; giống như sự vận hành của sơn mạch vậy. Doanh trướng giống hình dạng tấm bình phong, tấm màn che.

Phàm sơn từ ngọn núi tổ khởi thế, nhất định sẽ triển khai thành trướng bồng (lều vải). Sau khi đứt đoạn quá mạch, sơn quá mạch giống một vị đại tướng từ trong doanh trướng đi qua; doanh trướng tứ bề vây quanh làm công cụ hộ vệ ông ta. Phàm quá hiệp lại hình thành doanh trướng, thì đều là Long cao quý. Có thuyết gọi nó là cách "quý Long trùng trùng xuất nhập trướng", ngụ ý sơn thế vừa mới ly khai doanh trướng phía sau đã lập tức tiến vào doanh trướng phía trước. Nếu có thể dùng hành động xuất nhập của vị đại tướng quân mà so sánh, thì hình thế của sơn sẽ xuất hiện đúng như ta mong muốn.

Doanh trướng đầu tiên của đại Long thường dàn ngang triển khai mười mấy dặm, đến chỗ sắp kết huyệt vị thì thót lại còn không quá một dặm, đủ để thủ hạ có thể hộ vệ trụ huyệt vị mà thôi. Sơn trướng có khi thành hình chữ Thập (┼), đó là sơn trướng thượng đẳng (trướng hình chữ thập dựng đứng, sơn mạch vạch ngang qua là trướng); có khi thành hình chữ Đinh (丁) là sơn trướng quý thứ nhì (trướng hình chữ Đinh là sơn mạch chạy ngang tới, sắp tới chỗ tận cùng thì thụt xuống một trướng, thành cảnh tượng sĩ quan một nằm một đứng).

Long cao quý vận hành đi, phàm đến địa phương chuyển ngoặt đều có tiểu trướng, nhưng lực lượng không lớn mạnh như khi quá hiệp tiến vào sa trướng, hình thế cũng không thịnh vượng. Có sơn nhất định có hiệp (hiệp là khe hẹp kẹp giữa hai quả núi, nơi dòng sông chảy qua), bởi vì sự thăng giáng, lớn nhỏ trong Âm Dương do quy luật quyết định. Sơn nhất định có sa trướng; đây cũng là sự khai mở, tung hoành trong âm dương do quy luật quyết định. Phàm đã thăng sẽ có giáng, thăng không đến cùng thì chẳng thể giáng đến cùng, giáng không đến cùng, thì chẳng thể thăng tột độ. Cái lý lớn nhỏ cũng như vậy, vì thế mà có sơn ất có hiệp. Đã hợp ất có khai, hợp không đến tận cùng thì khai mở cũng không hết mức. Cái lý tung hoành (ngang dọc) cũng tương tự. Vì vậy mà sơn nhất định sẽ hình thành trướng. Như thế, sơn nhất định có khí âm dương, chỉ cần tuân theo thể thế động tĩnh mà tìm hiểu, sẽ thấy công đức diễn sinh vạn vật là vô cùng vô tận. Nếu gộp hiệp và trướng vào nhau mà xem xét, thì đạo lý ấy tự nhiên sẽ trở nên rất minh bạch.

LUẬN XUẤT HIỆP

Sơn có hiệp, là nơi Long mạch đứt đoạn lớn quá mạch, cũng là nơi khó thoát thai hoán cốt. Giống như một người xuất thân nhờ khoa cử, được làm quan, cuối cùng đến chức khanh tướng, là có Long đại lực lượng. Tại chỗ có hiệp nhất định là do quy luật, không phải tự dưng. Long mạch khi sắp đứt đoạn quá mạch,

trước hết từ tổ sơn khởi thế, hai bên vai tổ sơn sẽ giương ra hai trướng màn, mạch thì từ chính giữa rút ra khỏi hiệp, nên gọi là xuất hiệp. Chỗ co rút từ từ hạ xuống, từ từ nhỏ dần, có khi đứt đoạn tại bình địa (đất bằng), có khi đứt đoạn tại nơi vượt sông, có khi tại nơi vượt qua thung lũng. Sau khi đứt đoạn lại nổi thành cao sơn. Trước hiệp có nghênh có tống, hai bên có sơn cước quay đầu để nghịch nghênh, để phân thủy lưu làm đứt đoạn mạch không làm thất thoát chân khí.

Long mạch khi xuất hiệp, khí thế của nó giống như một vị đại tướng dừng ngựa, cắm doanh trại tinh kỳ, chiêng trống, đội ngũ dàn khắp tứ phía, xung quanh chính mạch, tạo nên cục thế thoáng đãng mà bí hiểm, giữa chốn sơn lâm, bốn phương tám hướng không chỗ nào khuyết hãm. Đây là đệ nhất cách của sơn hiệp. Hiệp chia ra Lão hiệp, Trung hiệp, Thiếu hiệp, đến địa phương của Thiếu hiệp thì không quá xa chính huyệt. Long mạch hình thành kinh đô, đế đô, chúng ta khỏi bàn, phàm Long mạch hình thành tỉnh, phủ, châu huyện, đại hương thôn, đại âm trạch đều có hiệp, hình dáng cũng giống như nhau, chỉ khác về lớn nhỏ và đẳng cấp nặng nhẹ mà thôi. Một nơi phú quý bảo địa không có hiệp riêng, đa phần nhờ hiệp của chính Long phân chi mà kết huyệt ở hai bên. Điều này có thể khỏi luận bàn. Chính, bình, phục, là quá dương hiệp; khởi tích (nhô sống lưng), là quá âm hiệp. Có loại quá hiệp từ trung tâm, chính diện, lực lượng tương đối nặng. Có loại quá hiệp từ hai bên, lực lượng tương đối nhẹ. Có loại xuyên qua ruộng, có loại vượt qua thủy... Sơn hiệp phải ngắn, phải nhỏ, hẹp (thắt lại như lưng ong, cổ hạc) mới hợp cách.

GIÁNG THẾ TRÚ HÌNH

QUẢN CÔNG MINH

Sơn mạch do từ đằng xa mà đến gọi là Thế, kết thành huyệt vị gọi là Hình. Thế thì giống như gốc, Hình giống như hoa. Hoa tươi thì kết được nhiều quả, gốc dài và sâu xa thì thân cành

(chi can) dày đặc. Hình được gọi là Trú, vì đến từ xa mà trú ở gần; Thế được gọi là Giáng, vì từ chỗ cao hạ xuống bình địa. Thế chung kết thời Hình thành công. Hình hoàn kết thì Thế dừng nghỉ. Thế cần trải dài, Hình cần thu hẹp. Thế như đại tướng xuất hành mà đạo lộ uy nghiêm, có cờ xí, xe cộ tương tùy. Hình giống như quan thích sứ đến thành trì do mình kiểm soát, kiểm tra thương khố, ốc vũ và thành quách. Đứng từ xa quan sát Thế, tuy giản lược, nhưng tương đối chân thực; đứng chỗ gần nhận xét Hình, tuy giản lược nhưng tương đối phong phú. Giáng mà chân thực, thì khí thế đi liên một mạch, không phân tán. Trú mà phong phú, thì tứ bề chiếu ứng, chầu vào nhau. Giáng là từ phía sau mà đến, Trú là từ phía trước ngoảnh lại nhìn. Hình là thừa Thế mà giáng, chỉ lo phóng túng. Thế là tùy hình mà trú, chỉ lo bỏ đi. Giáng thì khí tụ hợp, tụ hợp thì vạn vật đều đến bổ trợ, Trú thì khí dừng ngưng, dừng ngưng thì làm chỗ dựa cho vạn vật.

Do đó, nghiên cứu sự lên xuống (khởi phục) của sơn, quan sát quan tiết của sơn, sự thuận nghịch của sơn, nhận rõ hướng chảy của thủy, nếu trú thì sẽ giáng, nếu giáng thì sẽ trú, giáng giống như phó nhiệm (đi nhậm chức), trú giống như ngộ hợp, như chủ nhà đón tân khách, như thân nhân gặp bạn cũ, cân nhắc suy tính mức độ dung nạp, quan sát dò xét tinh thần.

Cổ nhân lấy tướng quân xuất phát làm tổ, lấy giáng làm tông, lấy trú để hình thành thân thể của mình, lấy án để ứng với Minh Đường làm con cháu.

HÌNH THẾ DỊ TƯỚNG

Sự khác nhau giữa Hình và Thế thực quá trọng yếu. Sự khác nhau giữa xa và gần, đi với dừng giống như nội tâm với con mắt. Việc quan sát kỹ lưỡng sự lưu thông tiềm ẩn huyền diệu tuy đã được các vị tổ sư thuật số tiến hành, song nhất định cũng phải hỏi ý kiến của các bậc danh Nho, dùng học vấn Nho gia mà suy xét nặng nhẹ, nghiên cứu kỹ lưỡng hình thế...

Thế nhất định phải đi, có đi mới được xa, có xa mới vùng vẫy tung hoành. Hình không nên đi, đi thì dễ phóng đãng, phóng đãng thì khó ngưng tụ. Thế không nên dừng, dừng thì đường tới không có tháp tùng. Hình nhất định nên dừng, dừng mới có thể hàm súc, bao dung. Hình không nên hiển lộ, hiển lộ thì sẽ làm cho chân khí bị phân tán theo gió. Thế nhất định nên hiển lộ, hiển lộ thì chân khí mới có thể tụ hợp, cùng dung hóa (tan hòa ra).

Hình là tích tụ của Thế. Thế là tôn sùng của Hình. Hình là kết quả của Thế, Thế là tháp tùng của Hình. Có thế tả hữu, lấy trung gian tháp tùng mà hộ vệ huyệt vị. Có thế trước mặt (diện tiền), lấy triều hướng huyệt vị mà hồi ứng chân Long. Thế ngoại lai nên tròn, thế nội tại nên vuông. Hình dáng của Tông Long thì giống như nhị của hoa. Hình dáng của Tùng Long thì giống như hai vai của người nằm sấp, như hai cái mang hô hấp của con cá, tùy xu hướng của thân thể mà chiếu ứng, phòng vệ hai bên. Hình dáng của Thừa Long giống như tâm linh có mắt kèm theo, như tinh quang của mặt trời mặt trăng soi tỏ lai lịch và kho báu kín đáo.

Dị tướng của Hình Thế giống như nơi ở của thế gia đại tộc, kín cổng cao tường thì người ngoài khó nhìn trộm vào nội thất. Lại như tấm thảm trải rộng trên sàn nhà, chủ và khách trong lúc giao tế có thể bày tỏ hết lòng tôn kính. Lại như hoa viên hoang phế, hàng rào đổ nát, ai muốn ra vào tùy tiện. Lại giống như một lão ông quyền thế và phú quý, xung quanh ông nhất định có tả hữu thị vệ. Lại giống như nhà kho cất giữ bảo bối và lương thực, nhất định có nhiều thiết bị phòng vệ nghiêm ngặt. Nền móng bền vững, thì can chi sẽ vượng thịnh. Hộ vệ dày đặc, thì hình sẽ ở gần chân Long. Chỉ cần hiểu được dị tướng của hình và thế, thì có thể phân biệt được cát hung của nó.

LY SÀO NHẬP LỘ

Sơn mạch có vô vàn hình dáng. Quản Công Minh xếp bốn dáng chính : lạc, xuyên, chuyển, biến thành cách Ly Sào Nhập Lộ. Ly Sào Nhập Lộ bao gồm các tiểu cách :

Phát tổ quá mạch.

Trú hình phát tướng (đây là cách khởi từ Tổ sơn).

Quá Tướng (đây là dạng chuyển, biến)

Trú Tướng (đây là cách kết tụ).

Trú tướng, thì sơn mạch ở phía sau tưởng như đã đoạn tuyệt, song vẫn còn nối tiếp, còn sơn mạch ở phía trước tưởng chừng sắp rời đi, sắp khởi hành, song cứ đứng lỳ ra đó. Sơn ở hai bên châu vào như củng cố, phòng vệ môn hộ.

Quá Tướng thì như là con đường mà đại tướng đi qua, nửa như định dừng binh hạ trại chỉnh đốn lại đội ngũ, song lại vẫn trùng trùng kéo quân đi.

Lạc tức là Chi xen lẫn với Can, không còn rõ chủ với khách, từ trên cao giáng xuống chỗ thấp nhỏ như có mục đích riêng tư.

LONG CÁCH

Hình dạng thế cách của Long có các kiểu dưới đây : chữ Cá (个), chữ Vương (王), chữ Công (工), chữ Chi (之), chữ Dã (也), chữ Phẩm (品), chữ Nhất (一), chữ Hạ (下), chữ Thượng(上), chữ Thập (十), chữ Xuyên (川), Tam Thai, Ngũ Não, Thất Tinh, Song Tinh, Song Tôn, Long Lâu, Phượng Các, Bảo Điện, Ngự Tòa, Ngự

Liên, Ngự Tản, Quý Nhân, Văn Bút, Tinh Tiết, Giao Sàng, Triển Cáo, Đốn Hốt, Bảo Kiếm, Hoàng Cầm, Vân Cẩm Trướng, Phù Dung Trướng, Liên Khí Kim Thủy, Hoàng Liệt Thiên Tài, Trực Lai Tam Thai, Bình Địa Văn Tinh, Tẩu Mã Kim Tinh, Giang Nhạn Xuyên Vân, Phi Phụng Xung Tiêu, Phi Nga Giáng Thế, Phi Nhạn Hạ Sơn, Bàn Long Ủy Khúc, Sinh Xà Hoạt Động, Thiên Mã Hành Không, Lưỡng Hồng Ẩm Thủy, Thù Ti Mã Tích, Hổ Cứ Ngưu Miên, Phủ Chiên Triển Tịch, Độ Thủy Xuyên Điền, Lạc Địa Mai Hoa, Xuất Thủy Liên Hoa, Mãn Sàng Nha Hốt, Nhật Nguyệt Hợp Bích, Ngũ Tinh Tụ Giáng, Kỳ Cổ Thương Khố, Triều Thiên Thủy, Khúc Xích Mộc, Thập Tự Mộc, Cái Thiên Thổ, Ngọc Tịnh Thổ, Thấu Thiên Kim, Phúc Chung Kim, Bình Diện Kim, Trương Thiên Thủy, Chi Huyền Thủy, Ba Lãng Thủy, Văn Khúc Thủy, Chiếu Thiên Thủy, Tam Tiêm Hỏa, Khởi Diệm Hỏa, Bát Giác Hỏa, Ngô Đồng Chi, Thược Dược Chi, Dương Liễu Chi, Kiêm Hà Chi, Kim Hà Diệp, Hà Diệp...

Hình dạng, thể cách thôi thì muôn hình vạn trạng. Chỉ cần nhấp nhô lên xuống, có đoạn có tục, màn trướng trùng trùng, hai bên tương tống, khai trướng xuyên tâm, mạch từ trong ra đều là phẩm cách cao quý thượng đẳng. Sinh, lai, mỹ, hỉ, chỉ một tiết khả dĩ chủ về phúc phận 20 năm. Tử, khứ, xú, nộ, chỉ một tiết cũng chủ về tai ương 20 năm.

NGHI LONG KINH

LƯU THÀNH Ý

Long mạch khiến người ta có nhiều nghi vấn ở chỗ nào ? Đấy là khi ta tìm đến tinh phong, phát hiện phân chi của Long. Hoặc khi tại chủ Can thấy quan, hiệp song hành mà đi, có hộ có thác (có bảo vệ, có nhờ cậy), tinh kỳ, dáo mác hai bên tả hữu tương tùy, nhưng hoàn toàn không thấy cảnh tinh phong nhô lên bốn phía; xem chừng không biết dựa vào đâu mà tìm

Long mạch. Tác giả xin giải thích cho các vị điều nghi ngờ này, làm chỗ dựa thực sự để từ chủ can mà tìm ra Long mạch.

Long chủ can dài và xa vô cùng tận. Khi nó vận hành được giữa chừng, đến chỗ dương khí hội tụ, sơn thủy phía trước lại đẹp tươi khả ái, Hộ Long ở phía sau cũng quay lưng lại. Nếu tại đây các vị có nghi vấn về hướng đi của Long mạch, thì có thể nói cho các vị biết đội ngũ nghênh tống can Long. Điều này giống như vận chuyển lương thảo đi ngàn dặm, chẳng lẽ không hề dừng nghỉ, tá túc mà phân biệt nội ngoại ? Long mạch viễn chinh, nhất định phải có quan đô đốc đi cùng. Phàm có thủy lưu dẫn Can đi, thì ở nơi chi Long đến tận cùng sẽ xuất hiện cờ xí, dáo mác. Dáo mác nói ở đây chính là tinh phong xuất hiện, vuông vức, tinh khiết, hùng vĩ, song các vị lại không tìm thấy huyệt vị ở chốn này. Khi can Long viễn chinh còn chưa dừng nghỉ, thì chi Long đã lạc huyệt rồi. Trên thân chi Long (như trên cành cây) có hoa đực, hoa cái, hoa cái mới kết tinh thành quả. Nếu là hoa đực (hư hoa) thì không có triều, ứng. Nếu là hoa cái thì thụ thai, kết quả, sẽ có hộ tống. Dù có hộ tống vây quanh, vẫn còn phải xem kỹ có trùng điệp vài lần hay chăng. Nếu chỉ trùng điệp một lần, thân Long sẽ có phản cố (nhìn lại). Không nên coi đó là chân Long, vì đó mới chỉ là hộ Long, hơn nữa là tương giao mà hộ. Trùng điệp ba lần, năm lần mà thác hồi, cũng vẫn chỉ là vồn vẹn làm đỏm làm dáng trên lưng chi Long mà thôi. Can Long dĩ nhiên theo thủy lưu mà đi, sơn phong hộ tống thì đi cực xa mà không phản cố (nhìn lại). Trên thân chính Long không sinh ra các tinh phong. Có tinh phong đều là chi, diệp (cành, lá) hộ tống mà thôi. Nếu các vị thấy thân hình Can Long kiểu thế này, nhất định phải đến chỗ tận cùng của Can Long mà tìm huyệt vị. Tìm đến chỗ tận cùng của Can Long, các vị sẽ có thể thấy cục diện nhị thủy tương giao mà huyệt vị thụ phong. Nhưng phong xuy thủy kiếp vẫn chưa phải là huyệt vị. Các vị nếu tới địa phương như thế thì là nghi Long. Lúc này các vị hãy nhìn chỗ thủy lưu giao hội, có thể thấy ở đấy có sơn phong đến tụ hợp. Các sơn phong này quay mình hồi cố (về thăm) phụ mẫu sơn, tổ tông sơn. Đây là nơi hồi Long chuyển thân. Hồi Long gấp khúc như một chiếc

lưới cầu, trước khi hình thành huyệt vị đã có xu hướng triều bái. Triều sơn chính là tông sơn với tổ sơn, nó không quản đường xa ngàn vạn dặm. Các dạng quan hình trước huyệt đều có dáng triều bái, thiên lưu vạn nguồn đều ở tư thế hướng vào bên trong mà triều bái. Cách tốt nhất để tìm Long mạch là tìm hai dòng thủy lưu tương chuyển mà triều bái.

Tìm Long mạch, chỗ nào khiến người ta nghi vấn nhiều nhất ? Ấy là khi thấy tinh phong chỉ là chi mạch. Chi, diệp tán loạn sẽ không có chính huyệt, nhưng khi Long mạch chân chính đến thì lại hoài nghi nó không phải là chân Long. Tình huống này xảy ra, chỉ vì không thể nhận rõ hộ vệ ở hai bên, mà lại chỉ thích sơn phong từ ngoài xa tới cước. Sơn phong từ xa tới mà lệch lạc là nơi đặt chân của Long, sơn phong nảy sinh từ chân của Long đa phần dựng đứng ở một bên. Chỗ bình viên của Chân Long không có tinh phong, sơn phong ở hai bên là khó nắm bắt hơn cả. Phần lưng bị nghiêng lệch mà mặt thẳng đứng thì gọi là phi phong. Đây chính là tư thế Chân Long giáp Tùng Long. Một tiết sinh phong, một tiết cẩm nhập, khoảng cách giữa hai tiết mà rất dài, thì gọi là khoan hiệp (hiệp rộng). Hiệp rộng mà quành ra mặt trước của Chân Long, tinh phong phía sau lại hiển lộ cực kỳ khả ái, nếu đến chỗ này các vị vẫn còn nghi ngờ chưa quyết, thì hãy đi từ phần trung gian của Chính Long mà tìm hai bên. Sơn phong ở hai bên là Hộ Long và Tùng Long. Chính Long thấp nhỏ, bằng phẳng tức thị là có trùng điệp. Sơn phong trùng điệp từ hai bên chuyển hướng triều bái về phía trước, triều bái tại trước huyệt thì ta sử dụng nó.

Thông qua cách giải thích trên, thử hỏi các vị, mấy nơi châu, quận nằm trên chính thân của Long, nơi vượt sông lớn, có tìm được tinh phong hay không ? Tinh phong đều hình thành ở hai bên chỗ Long đặt chân, hướng đi của chúng chỉ có thể hình thành tiểu huyệt vị mà tạo nên thôn trang, xóm ấp. Giống như tìm Long chủ yếu nhìn hai bên mà định, nếu hai bên sinh cước (chân), thì chắc chắn rồi. Chính thân Long nếu vòng qua trung ương mà đi xa, thì Lộc Tồn, Phá Quân, Văn Khúc, Liêm Trinh phần nhiều sẽ là quan môn (cửa khẩu). Quan môn cũng chia ra lớn nhỏ, hai sao Lộc Tồn, Phá Quân sẽ chặn ở chỗ này. Lộc

Tồn nếu vô lộc thì làm thần miếu, Phá Quân nếu vô phá thì làm cận quan. Nếu muốn tìm đại địa thì phải tìm quan cục, xem kỹ sự lớn nhỏ của quan cục và sơn thế của thủy khẩu.

Phàm tìm Long mạch, nhất thiết phải tìm Chủ Can, khỏi cần coi ở đó có tinh phong và hoán khứ hay không. Các vị hiện tại chưa thể phân biệt chi Long với Can Long. Mỗi khi thấy Can Long còn nghi hoặc. Đâu biết chủ Can dài hơn, hộ vệ cũng dài hơn, huyệt ngoại sơn hình thành châu huyện cũng là lấy sơn làm bạn. Long mạch chạy dài nghìn dặm, vài trăm dặm, trước hết ta hãy thông qua địa đồ mà tìm thủy nguyên (đầu nguồn nước), ở chỗ lưỡng thủy giáp nhau, ắt sẽ có chân khí tụ hợp. Thủy nguyên cũng có dài có ngắn. Thủy nguyên dài có thể lấy làm châu, quận, thủy nguyên ngắn – làm huyện lỵ. Mỗi tiết trên chi mạch có thể làm hương thôn, chi Can thường hay đứt đoạn. Phân chi phách mạch tán loạn mà đi xa, chi trên chủ Can có lúc lại biến thành chủ can trên chi. Đại phàm là chi Long, thì sẽ trải dài hàng trăm dặm, trong vòng trăm dặm, có thể hình thành một huyện. Trên Chi Long dài trăm dặm lại có Long tiểu can, chỗ lưỡng thủy giáp nhau hãy tìm thủy ngạn (bờ nước) khúc chiết. Thủy ngạn khúc chiết có thủy lưu chảy vòng ôm lấy đầu Long. Ở chỗ này tương đối dễ tìm, vì chân khí không bị tán. Đến đây trước hết hãy xem xét sơn phong nơi thủy khẩu. Thủy khẩu có nội cục thoáng đãng, có hình răng chó giao thoa, hai bên và xung quanh bằng phẳng, khoan dung, thì huyệt vị nhất định nằm tại đây. Xem xong thủy khẩu và sơn rồi, lại xem kỹ triều thủy với triều sơn. Triều thủy với Long mạch đều cùng từ xa mà đến đây, chúng có chung tổ sơn, tông sơn. Các sơn từ xa ngàn dặm viễn hành đến đây triều bái, triều bái ở trước mặt huyệt vị nên trở thành thân cận. Nếu quần sơn thực sự triều nghênh, thì có thể đoán định ngay rằng huyệt vị ở đây sẽ thành khanh tướng công hầu.

Biết chân Long, chân huyệt, mới hiểu được huyệt vị. Nếu dưới huyệt có Chân Long, thì đường công danh sẽ liên tục thăng tiến mãi. Mỗi đoạn Chân Long đều ẩn tàng, nhưng khó tìm thấy huyệt vị, chỉ có thông qua hướng đi của triều sơn mới tìm ra huyệt vị. Triều sơn nếu tương đối cao, thì từ trên cao xuống mà

điểm huyệt. Triều sơn nếu tương đối thấp, thì từ dưới thấp lên mà điểm huyệt. Triều sơn cũng có chân có giả. Nếu triều sơn là chân, thì nó sẽ hướng đến huyệt vị mà triều bái; nếu triều sơn là giả, thì núi của nó sẽ không triều bái. Đừng nên chỉ thích sơn phong cao vút, tròn trịa, xảo diệu như bức họa. Nếu đã có chân triều sơn triều bái, thì không nhất thiết phải cao vút, tròn trịa, chỉ cần thấy thế đến nhấp nhô là được. Đừng chọn loại sơn trực lai trực khứ, vì thứ đó gọi là trụy triều sơn, dù cao vút, tròn trịa như quý nhân, nhưng quý nhân ấy lại quay lưng đi, chẳng có tình ý gì với ta.

Có hình thế triều sơn dàn hàng ngang mà tới. Khi ấy triều sơn sẽ giống như quan lại vái chào nhau trước cửa công đường. Sơn phía trước dàn ngang mà qua, thì ở chân núi sẽ tõe chân (chi sơn), nếu trên chân (chi sơn) hình thành sơn, thì phải chúi đầu xuống. Chúi đầu xuống mà hình thành sơn phong (đỉnh núi), thì sẽ có loại nhọn, loại tròn, cả hai loại đều vái chào về phía huyệt vị ở trước mặt ta. Sơn phong lớn thì như hàm răng hướng vào nhau, sơn phong nhỏ thì như bầy cá cùng ngẩng đầu hoặc như đàn tằm kề vai nhau. Vái chào xong lại chuyển thế mà hình thành thủy khẩu, phối hợp với phía sau huyệt vị. Hàm răng chó của triều sơn đan vào nhau, không cho nước chảy ra ngoài, không cho khí mạch của sơn và thủy tản đi.

Đến một nơi như vậy thì nên tìm huyệt vị, xác định Minh Đường. Cần phân biệt hướng dàn ngang và hướng đâm thẳng của Minh Đường. Thành quách của loại dàn ngang rộng rãi thì càng tăng thêm hiệu quả. Hiệu quả nhiều thì thành quách cao; hiệu quả ít, thì thành quách thấp. Thành quách thật dài, thì trung tâm của thành quách là sơn Minh Đường. Thành quách như cái móc câu, đầu lưỡi câu hướng về phía cửa thành, thì hình thế núi trùng điệp mà triều bái.

Diện mạo của sơn tuy ở dưới mặt đất, nhưng tinh quang của sơn còn tùy thuộc tinh tú trên trời. Linh hồn của sơn ở dưới đất, còn khí phách lại ở trên trời, phải biết khí phách mới tạo nên linh hồn thật sự. Đằng trước Minh Đường rất cần có thủy, như cần có khí huyết. Bên trong huyệt vị phải tránh gió như tránh giặc cướp. Không thể để cho huyệt vị bị khuyết, bị gió

thổi mất khí hoặc để nước chảy vào. Thử hỏi phân biệt Minh Đường ra sao ? Khi núi vây xung quanh, còn ở phía trong bằng phẳng, có thành quách, thì có thể tạo nên Minh Đường. Có những hiệp cốc hình dạng tương tự như vậy, trông sơn thủy vây quanh thanh nhã, mỹ lệ, ta cần nghiên cứu cho cẩn thận, đừng như một số thầy phong thủy vội vã nói ngay đó là Minh Đường, chỉ ngay trái núi dàn ngang bảo đặt huyệt vị. Họ không ngờ rằng tuy hiệp cốc có nhiều quả núi bao quanh, nhưng khí bị tán thoát. Sao biết khí bị tán thoát ? Hai bên tuy thấy có núi hộ vệ, bao quanh, song phía ngoài lại không có gì che chắn. Vậy thế nào mới là Minh Đường ? Minh Đường phải có hình dạng khúc chiết như một cuộn dây thừng, cuộn dây được mở dần ra, ở phía trước huyệt vị phải lần lượt chúi vào phía trong, dòng nước chảy vào phía trong huyệt sẽ uốn lượn bao quanh, từ phía đối diện ôm vòng lấy như hình cánh cung, núi ở bên trên chúi xuống mà núi ở bên dưới thì ngóc lên, ở giữa có huyệt vị cát lợi nương theo hình thế và hướng đi. Hình thế chân thực thì huyệt vị chân thực, hình thế không chân thực, thì huyệt vị là giả. Thế núi giả, chỉ cần ngó hai bên, huyệt giả thì tình hình ở hai bên nhất định cũng như vậy. Phần che chắn bên ngoài không chuyển động, thành quách bên trong đổ nghiêng vào trong, thì hình khí của Long cao quý đều bị tán thoát.

Phía sau Long sơn Hổ sơn nhất định có y phục che chắn. Tuy y phục ấy không làm cho ta nhìn thấy huyệt vị, nhưng chắc chắn huyệt vị kia sẽ làm cho con cháu làm đến chức công khanh. Chỗ Long mạch cao quý vận hành, nhất định có trải chăn đệm, hình thành cục diện cao quý. Thế nào là trải chăn đệm ? Thì xem phía dưới thân Long có vạt đất bằng phẳng như mai rùa, như bàn đãi tiệc của quí nhân, như đàn bái của tăng nhân, đạo sĩ.

Long thực thụ khi đến chỗ huyệt vị, thì có thể trải đệm, sơn mạch của chi Long cũng có chăn đệm. Đó là biện pháp rất hay để nhận biết quý Long, chứ không chỉ xem Long ốm hay mập. Long ốm tuy có sơn mạch cô hàn, nhưng huyệt vị của Long ốm vẫn trở thành quan to. Long mập phải có thể cách quí Long, nếu không nhiều khi chẳng bằng Long ốm. Phân biệt Long ốm

hay Long mập thế nào ? Muốn biết, hãy quay lại hiệp cốc sẽ rõ. Trong "Đại đới lễ ký" có viết : "Ở hiệp cốc, giống cái thì thấp, giống đực thì cao". Các nho sĩ đời Hán thì luận về sơn như về vợ chồng. Núi chồng cao, núi vợ thấp. Phong thủy sư thì luận Long trống mái. Long ốm là trống, Long mập là mái. Long mập phải có Long ốm hộ vệ, Long ốm phải có Long mập phòng ngự. Long ốm nếu có hình thế trải đệm, thì kéo dài ngàn dặm, đại quan được phong hầu tất nằm ở đây.

Thử hỏi ngày xưa vua Vũ đã xác định trên địa đồ như thế nào. Tìm Long, tìm mạch, còn đồng thời phải luận về địa thế, địa thế như thế nào thì thuộc Khôn ? Nếu dùng sơn thủy mà phân định hai bên, thì sẽ hình thành hai dòng chảy lớn là Hoàng Hà và Trường Giang. Trên Chủ can có phân Chi, mà trên Chủ Chi có phân Can, dài thì chảy ra biển, ngắn thì chảy vào đồng bằng. Hoàng Hà và Trường Giang có các chi lưu là Tế Thủy với Hải Hà, Hoài Hà, Hán Thủy với Tương Thủy. Nếu nói đến chỗ tụ hợp cuối cùng của Can Long, thì giống như Thái Hành Sơn với Kiệt Thạch Sơn nối liền chạy dài tới biển. Lại có núi nhô cao tới tận Vi Lãnh, lại bị hai sông Nhữ Thủy và Dĩnh Thủy nhấn chìm. Chủ Can ở phía Nam phân Chi mà chạy ra biển, Hà Bắc, Hà Đông đều không trái nhau. Núi Song Lãnh chạy dài mãi về phía Đông, đến Quế Châu, Liên Châu, lại chạy vào Hành Dương đến thẳng bờ sông, không biết tỏa ra bao nhiêu nhánh nhỏ. Lại một chi khác chạy ra biển Đông. Một chi khác đến cửa biển, chỗ tận cùng của Can Long nằm ở nơi rất cao trên bờ nam Trường Giang. Nếu chọn Can Long làm thứ tối cao quý, thì nó là cả một dải duyên hải đông nam. Vì sao viên tinh không ở đây, mà phần lớn nằm tại các phân chi trên thân mình Chi Long ? Tại vì đến đây thì rất khó phân biệt Chi với Can, huyệt vị trên Chi phần lớn tạo nên các châu, huyện. Mà kinh thành, đế đô thì đa số nằm ở dải Trung Nguyên, bởi lẽ nơi tận cùng của núi ở ven biển thường bị gió thổi tán thoát hết chân khí.

Nếu bạn muốn biết tình hình Chi Long và Can Long, thì hãy đọc kỹ quyển thứ hai và thứ ba (trung thiên và hạ thiên) của "Nghi Long Kinh" dưới đây.

NGHI LONG TRUNG THIÊN

Tuy chúng ta đã biết trong Chi có Can, biết can dài có thể hình thành kinh đô, Can ngắn có thể tạo nên châu huyện, trong Chi có Can, trên Can lại có Chi, điều này đã rõ. Chỉ e tìm Long mạch đến chỗ này lại không thể nói cho rõ, thủy hai bên tuy kèm sát, nhưng gió sẽ thổi khí tán thoát. Có huyệt vị tạo nên châu, ấp lớn, đến chỗ sơn cùng thủy tận mới xuất hiện. Có khi thành hoàng đô hội lại nằm ở chốn rừng sâu cô quạnh. Hiện tại bạn tìm huyệt vị đến chỗ tận cùng của thủy, có thể thấy đất đá lổn nhổn. Nhìn sang bên phải không thấy huyệt, ngó sang bên trái cũng chẳng thấy hình, đành chuyển hướng đi tìm huyệt vị trên phân Chi. Trên phân Chi lại chỉ thấy cành lá tán loạn. Thành thử khó tìm ra huyệt vị. Cũng biết rằng nếu huyệt vị là giả, thì đằng trước không có Án sơn, nhưng vẫn cứ nghi nghi hoặc hoặc. Gặp được bậc cao minh chỉ giáo, may mới hết nghi ngờ. Khi không phân biệt được Can với Chi, còn khả dĩ biết mặt trước mặt sau, nếu có hai dòng thủy lưu kèm Long mạch mà đến, thì phải xem thủy lưu ở bên ngoài từ phía nào chảy vòng đến hộ vệ. Chỗ có sơn thủy vây bọc, thì mặt sau của nó thấp hẳn xuống. Sơn thủy vây bọc cũng có lớn có nhỏ, tùy Long dài hay ngắn. Nếu Long mạch dài, thì sơn thủy bao bọc cũng tương đối xa. Nếu Long mạch ngắn, sơn thủy bao bọc sẽ tương đối gần. Như vậy mà nói, sơn bao bọc nhất định phải lưu chuyển khúc chiết, không được động chạm đến Minh Đường cả trong lẫn ngoài. Hình dạng lưu chuyển khúc chiết là nói phần mặt, chỉ ngại triều sơn che lấp mà không mở ra cho thoáng. Sơn thủy bao bọc giống như tấm bình phong, nhưng phía trước mặt phải thông thoáng. Sơn thủy bao bọc hình thành án sơn, chỉ e Minh Đường bị bó hẹp, không được thoáng đãng. Thoáng đãng, song lại không thể để sóng gió xâm phạm. Cho nên ta còn phải xem phía sau, thủy lưu có xung phá vách đá khiến Long chuyển hướng hay không. Nếu là chính diện thì phải rộng rãi bằng phẳng, nếu là sau lưng thì nhiều vách đá dựng đứng. Nếu là đối diện thì lập huyệt nơi

bằng phẳng, bên trong ắt có triều thủy chảy qua. Khi ta có thể biện rõ quan hệ giữa mặt và lưng, tìm Long theo can chi thì sẽ không còn nghi hoặc.

Tìm kiếm được huyệt vị nơi rộng rãi bằng phẳng mà khúc chiết thì chắc chắn đó là huyệt tốt. Cần xét rõ triều, nghênh ở đâu, ở giữa có sông nước chảy qua. Sau lưng có thủy ôm ấp, có sơn hộ vệ. Sơn và thủy sẽ hình thành một cửa khẩu, sau đó qua la bàn xác định tinh vị để biết trước sau. La bàn có phân biệt đầu cuối, đầu đón sơn trước mặt mà cuối hợp với thủy. Dò xét kỹ càng trên dưới trái phải, sẽ phát hiện có chân Long trong cục thế. Có khi sẽ có vài ngọn núi tới chắn thủy lưu, thủy lưu kèm sát mấy ngọn núi này mà đi. Nếu thấy núi hộ tống mà tình trạng trên dưới tương đồng, ắt phần trên sẽ là chân huyệt mà phần dưới sẽ giữ gió. Nếu còn nghi hoặc thì quan sát sự chuyển hướng của trên dưới, sơn và thủy cùng chuyển về ôm ấp thì đó là chân Long. Trên mình Long mạch từ xa tới cũng có thể hình thành huyệt vị, tại đây sẽ hình thành huyệt vị Thư Hùng, tuy vậy cũng phải phân quí tiện, phân cao thấp, càng cần phân trung. Cũng có chân hình xuất hiện mà không có triều thủy hộ vệ, chỉ thấy triều sơn lập nên chân hình. Triều thủy bên ngoài Án sơn lặng lẽ tiến vào. nếu Án sơn hình thành ngược thủy lưu thì có thể vây kín bốn bề, không để chân khí tán thoát. Huyệt vị cũng có chân hình mà không có triều thủy, như vậy chỉ cần nhiều thủy lưu hội hợp ở trong thì được. Thủy lưu dịch chuyển bên ngoài minh đường, bốn phía cục thế bên trong ôm ấp, bao quanh, thủy lưu uốn cong như lưỡi câu, chân khí trong cục sẽ không bị chân khí ngoài cục xâm phạm. Dương khí ngoài cục chầu hướng đại hải mà hộ vệ tinh tú, chân khí trong cục ắt sẽ khiến Long sơn, Hổ sơn an toàn.

Nếu Long trên Chi và Can có bề mặt rộng lớn, thì huyệt vị sẽ phát về đường quan lộc, đời đời làm quan.

Nơi Long chuyển mình uốn lượn, hình thế sẽ thay đổi theo.

Cứ một lần nhô lên sẽ có một lần hạ xuống, một lần chuyển thân thì có một lần đứt đoạn. Hai bên tả hữu của Long mạch đều có sơn thủy chầu về, đều có dòng chảy ôm ấp, đều có chân

hình của huyệt vị, đều có án sơn. Hình thế chào đón cả hai phía đều rất đẹp, minh đường sáng sủa, sơn hộ tống đầy đủ. Song điều quan trọng là không thể lập huyệt vị ở cả hai bên. Như vậy lại phải quan sát kỹ xem nơi này là Chân Long hay Giả Long. Nếu có hai dòng thủy lưu kèm sát Long mạch thì nhất định chân Long sẽ chuyển hướng. Long chuyển hướng sẽ có quỉ sơn, chân Quỉ sơn đều hướng ra sau. Thông thường khi Long của chủ can sắp hết, sơn ngoại vi sẽ chắn dòng thủy lưu, khiến thủy lưu phải quay ngược về chầu Long. Phàm sơn và thủy có sự gấp khúc, quay về thì nhất định nơi ấy sẽ có huyệt kết phát vương hầu.

Lại có Chân Long được hai thủy kèm bên, không chuyển mình mà trực tiếp kết huyệt, thì hộ vệ hai bên ắt sẽ khác nhau. Long của chủ can khi sắp hết mà chưa thấy có Quỉ sơn tương ứng thì cần xem thủy hội tụ tại đâu. Nơi mà thủy hội tụ chính là minh đường vậy.

Long không luận về quí tiện, mà bàn về độ dài ngắn của nó, Long từ xa tới, càng lại gần càng dũng mãnh. Nếu chỉ luận dài ngắn mà không nói tới quí tiện, thì Long có huyệt kết phát tốt hơn ư ? Chỉ e có thể thấy Long trước mắt mà không biết rõ tổ tông của Long, vậy phải làm sao ? Các nhà phong thủy thời trước khi gặp tình huống này đều tìm nơi Long tạm dừng lại, vì nơi tạm dừng của Long ắt sẽ có nhánh rẽ, trên phân nhánh ắt hình thành tiểu quan cục. Điều này cũng giống như người ta đi trên lộ trình ngàn dặm, phải có nơi dừng chân nghỉ ngơi. Nơi này ắt sẽ có bộ thuộc tùy tùng, hộ vệ theo hầu. Nơi Long tạm dừng, cần quan sát sơn diện hạ xuống tại đâu, có như vậy mới biết được diện mục của Chân Long, trên lưng Chân Long là Triều Sơn, huyệt kết tại đây.

Các nhà phong thủy thời xưa khi xây dựng thành đô, thoạt tiên họ tìm kiếm nơi Long tạm dừng. Sau sẽ lên đỉnh núi tìm sơn diện, lại xuống bình nguyên quan sát tìm nơi sơn diện hạ xuống mà tìm huyệt.

NGHI LONG HẠ THIÊN

Đã biết rõ Long mạch là chân hay giả, nhưng lại chưa biết huyệt vị ra sao. Thông thường khi Chân Long sắp kết huyệt, nó sẽ tạo ra một huyệt vị giả theo mình. Trong huyệt giả này có nhũ đầu, kiềm khẩu, song không có tả hữu. Biết Long mạch càng cần phải biết huyệt vị, vấn đề này "Biến tinh thiên" có đề cập tới. Trên Long mạch sinh ra đỉnh ngọn thì nơi đó là gốc rễ, Long hình thành huyệt vị ở phía trước giống hoa nở. Chỉ cần gốc rễ là thực thì huyệt vị không thể là giả. Nếu không căn cứ vào đỉnh ngọn để tìm gốc rễ mà chỉ dựa vào huyệt giả thì hậu họa khó lường. Vì lẽ đó, ta nhất định phải nắm vững "Biến Tinh Thiên", có thể phân biệt rõ các loại hình Nhũ Kiềm. Sự cao thấp của địa thế đều có huyệt vị theo bên cạnh, không thể tùy tiện phán đoán. Nếu huyệt vị không tùy theo đỉnh ngọn thì đây chắc chắn là huyệt giả.

Đa số huyệt vị của các kinh thành, đế đô, huyện ấp đều nằm trên đất bằng, song cũng có huyệt vị của thành đô nằm trên vùng cao, huyệt của huyện ấp đóng nơi thủy tận sơn cùng. Ví dụ như thành Kiến Khang thuộc Nam Kinh, tọa lạc dưới vách núi, do Tả phù Hữu bật kết thành huyệt vị. Thành Thái Nguyên xây dựng trên chiến trường cổ xưa với Hùng Nhĩ Sơn là Long mạch. Bắc Kinh tọa lạc trong Viên Cục, do Tham Lang, Cự Môn kết thành huyệt vị.

Nếu tinh tú giáng xuống trên Long mạch thì có thể đoán rằng có huyệt vị tồn tại ở phía trước tinh phong (đỉnh ngọn). Đây là phương pháp dựa vào sự dịch chuyển của các vì tinh tú mà đoán định huyệt. Thông thường mà nói, biết tinh tú rồi sau đó mới biết Long mạch, Huyệt vị sinh ra trên Long mạch mới có dấu vết thực. Dấu vết này khi tới nơi có huyệt vị thì sẽ có hình có thế. Lại còn rất nhiều hình thế giống như Long mạch, nơi cận kề với sơn thủy thì phải dựa vào hiện tượng sự vật mà định. Hình thế giống rắn, tựa hổ sẽ sinh huyệt, nếu hình thế

này chân xác thì có thể thấy huyệt vị chân thực. Long mạch đi suốt ngàn dặm chỉ có một huyệt vị chính. Chính huyệt thì tốt nhất, bàng huyệt thì kém hơn. Nếu Long mạch đến từ bên trái thì huyệt vị cần phải đóng ở bên trái và ngược lại. Hai bên trái phải tương đối thấp thì huyệt vị đóng dưới thấp và ngược lại. Khi chính huyệt đối diện với triều sơn thì ắt sẽ có tướng quân, tướng quân luôn đóng trước mặt chính huyệt. Khi huyệt vị ở phía Nam thì nên tìm tướng quân ở phía Bắc, đỉnh của triều sơn đóng ở hai bên trái phải, bao bọc huyệt vị. Chỉ cần thông qua tướng quân để tìm chân huyệt thì được, nếu huyệt vị có tướng quân đóng đối diện thì đó là Chân huyệt và là huyệt tốt nhất.

Nơi nhũ đầu của huyệt vị rất sợ phong (gió) xâm phạm. Nếu bị phong xâm phạm thì người cư trú tại đây sẽ không còn con cháu nối dõi. Kiếm huyệt tựa cây đinh ba treo trên tường, tối kỵ có thủy lưu chảy qua đầu. Huyệt vị của Ngưỡng chưởng huyệt phải đóng ở chính giữa. Huyệt vị của Oa hình cần phải giống tổ chim, không được nghiêng lệch, bằng không đại họa sẽ giáng xuống.

Ngoài ra ta còn phải biết tới Thiên Kiếp, Địa Kiếp và Nhân Kiếp. Thiên Kiếp chính là thân mình của Long mạch, Địa Kiếp là cửa phía trước huyệt vị, Nhân Kiếp nằm ở phương hướng, 3 loại Thiên Địa Nhân Kiếp chủ về phú quí đời sau. vấn đề này được đề cập tới trong "Long Tủy Kinh".

PHONG THỦY NGHĨA

TẨN SỬ LÝ

Dòng thủy lưu có ẩn chứa phong, dù không hợp với tinh tú, thể phách vẫn an toàn. Song nếu ngược lại, hợp với tinh tú mà gió thổi nước reo thì khó tránh họa. Phong sinh ra từ thủy, phong là vô hình mà thủy hữu hình. Thông qua hữu hình mà phán đoán vô hình là phương pháp của cổ nhân. Chân khí gặp phong thì tản mát, sau khi tản mát phong cũng không thể hồi

phục. Chân khí gặp thủy thì dừng lại, sau khi dừng lại, thủy cũng bị ứ đọng. Phải quan sát sự tới lui của Phong và Thủy để biết rõ nơi sinh khí hứng nhận. Thủy đi thì phong tới, thủy đến thì phong đi. Phong tới chủ hung, thủy tới chủ cát. Sơn thủy cùng giao hội thì phong ẩn khí tụ; sơn đi mà thủy rời thì phong cuốn khí tán. Thủy chuyển theo sơn, phong hành theo thủy. Thủy chầu sơn thì không có phong, phong thế tuy thuận thủy mà đi, song sẽ nghịch thủy mà đến. Nghịch thời cát, thuận thời hung.

Khí của người nằm ở hô hấp; khí của đất nằm ở phong và thủy. Hô là thở khí ra mà hấp là hít khí vào. Chỉ thở mà không hít, người tất phải chết. Nếu chỉ có phong mà không có thủy, thì đất sẽ khô cằn. Nếu có phong tới, sinh khí tiêu tán hết, thì huyệt vị sẽ lạnh lẽo; Phong đi, sinh khí ngưng tụ, huyệt vị ấm áp. Huyệt vị lạnh lẽo thì ẩm thấp, huyệt vị ấm áp thì khô ráo. Lạnh lẽo chủ về hao tán mất mát người và vật, ấm áp chủ về sinh sôi khiến người và vật sung túc. Thủy theo mặt đất lưu chuyển mà phong nhờ thủy để tới lui, vì thế gọi là địa phong.

Thủy lưu của Minh Đường chảy về bên trái, Long sơn bên trái ngắn mà Hổ sơn vượt quá trung cung, mặt đất trong Minh Đường bên phải cao, bên trái thấp, thế gọi là Quyển Liêm, như vậy quan tài phải chuyển về bên trái và ngược lại.

Nếu thủy của khe nhỏ không xâm phạm thì có thể đặt huyệt trên đất bằng; thủy của sông lớn tới chầu thì đặt huyệt trên núi cao. Nếu quan tài táng ở chân núi và ở đó có một ao nhỏ thì nơi đây gọi là Hạt Thủy, chủ nhân có huyệt này sẽ bị tật ở chân. Nếu thủy lưu chạy thẳng tới thì gọi là Tiến Thủy. Thủy chạy ngang mà tới gọi là Xuyên Thủy.

Phong của Long sơn, thế chạy dài mà bị Hổ sơn che chắn, phong sẽ khiến quan tài lật qua bên trái, nếu Hổ sơn thấp nhỏ thì tránh được hung.

Phong của Hổ sơn cũng giống phong của Long sơn. Nếu thủy lưu đảo hướng qua phải thì không có Hổ sơn, đảo hướng qua trái thì không có Long sơn. Không có Hổ sơn thì Long sơn không thể vượt qua huyệt vị; không có Long sơn thì Hổ sơn khó bề vượt qua cung vị.

Phàm các Long mạch đều có 2 thủy kèm bên mà đi. Có khi một bên là sông lớn một bên là suối nhỏ; Có lúc một bên là khe một bên là mương. Như thế gọi là Cổ Minh, Cổ Ám. Song hai thủy này tối kỵ giao nhau ở trước mặt, tốt nhất là ở bên trái hoặc bên phải.

Long mạch có sự phân biệt giữa mặt trước và mặt sau, nếu trước mặt có thủy đến chầu, thì huyệt vị sẽ thuộc về triều sơn.

Xem tướng đất, thoạt đầu phải đứng đầu nguồn mà quan sát phương hướng của thủy lưu. Nếu thấy sơn nghịch thủy đi lên, sau lại quan sát thấy huyệt vị có sơn thủy triều bái thì đó là đất tốt.

Phàm có thủy chạy ngang qua, thì sẽ có hai sơn đối diện nhau, bình địa trong sơn nếu quay lưng lại bao bọc lấy chân núi phía Nam thì huyệt vị sẽ ở phía Nam.

Nếu thủy lưu bên phải đảo hướng qua trái, thì chân núi bên hữu sẽ thay đổi. Chân núi không vượt qua trước huyệt, không xâm phạm Minh Đường thì không đáng ngại và ngược lại. Nếu thủy bên phải đảo hướng qua trái thì phải quan sát sơn bên phải, và ngược lại. Nếu chân núi theo thủy mà xuống thì gọi là "Thối Thần", "Thách Sơn, Quyển Liêm Thủy, Thối Điều Bút, Thương Sơn..." Nếu chân núi theo thủy mà lên thì gọi là "Tiến Thần, Tấc Sơn, Nha Đao...". Núi trọc gọi là "Hốt Sơn", núi nhọn gọi là "Văn Bút Sơn". Tóm lại chân núi cứ nghịch thủy thì khá cát lợi, thuận thủy thì hung họa.

Nếu Long sơn dài mà Hổ sơn ngắn, thì huyệt vị ắt phải đóng bên trái mà hướng về bên phải và ngược lại, nếu Hổ sơn dài mà Long sơn ngắn thì huyệt vị nhất định phải trú tại bên phải và hướng bên trái. Vì bên ngắn nhất định có thủy tới nghênh đón, nên phải giữ bên dài để bắt đầu nhằm bảo toàn sinh khí.

Khí của Long mạch nếu giả làm khí của Quỉ thì bất an. Phàm huyệt đạo thẳng mà dài, xây dựng nhà cửa phải bắt đầu từ trước ra sau. Nếu huyệt đạo ngang mà ngắn, thủy lưu tụ về bên trái thì xây nhà phía bên trái cần từ trước ra sau, bên phải thì từ sau ra trước. Bên trái cao mà bên phải thấp; bên trái đầy

mà bên phải trống; bên trái hợp với tiến tới, bên phải hợp về bước lui.

Mai táng phải nhờ vào sinh khí. Nếu thiên về bên trái thì hài cốt bên trái sẽ hư hỏng và ngược lại bên phải cũng vậy. Nếu sinh khí tương đối trầm uất mà huyệt táng quá nông, thì hài cốt dễ bị vôi hóa; nếu sinh khí nổi lên, mà huyệt quá sâu, thì hài cốt dễ bị than hóa.

Phong thủy địa lý cũng có khi không linh nghiệm, mai táng tại nơi đất xấu mà vẫn an nhiên tự tại, đó là do phúc phận của người thịnh vượng mà địa khí tốt lành.

ĐỊA LÝ ĐẠI TOÀN TẬP YẾU

Quyển 3

Biên soạn : Ngụy Lý Hứa Tử Viễn Đạm Viên Phủ

Đính chính : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am

BÌ CAN LỘ ĐẢM KINH

LƯU THÀNH Ý

LONG QUYẾT CA

Nội dung văn từ của phong thủy địa lý vô cùng đa dạng, xin quý độc giải hãy chuyên tâm nhất trí khi thưởng thức "Long quyết ca".

Bài ca này tuy không thể nói hết mọi sự ảo diệu nhưng mọi đề mục chính yếu đều được nhắc tới. Phương pháp xem Long trước tiên cần xem Tổ sơn, tông sơn, sau đó phải xem lầu Long, bảo điện, hồ giác (góc cung) có tương đồng hay không. Nếu nơi hội tụ của tinh tú hợp với lý số của Ngũ Hành Cửu Tinh, thì nơi mà Long mạch từ lầu xuống điện sẽ có rất nhiêu sơn phong (đỉnh núi) nguy nga. Mộc, Hỏa, Kim tinh là sự nhấp nhô của Long mạch, nơi uốn lượn hạ xuống tựa rắn bò mà nơi cao vút lên tựa rồng giữa từng không. Nếu Mộc, Kim, Thủy, Thổ tinh đồng cách với nhau, phối hợp hài hòa thì Long đó là thượng đẳng. Nếu Long thiếu thủy thì không thể sinh tồn, thiếu Thổ thì bần hàn, nơi thủy khẩu nếu có 4 hung tinh trước mặt, mà Thiên qua đê trụ lại tương đồng với Bắc tinh, tinh tú bên trên tương hợp mới thành Đại Hội cục, vận đại quý của vương hầu

khanh tướng xuất phát từ đây. Quí Long ở giữa, nếu có trướng rủ trùng trùng thì đó là dấu tích tốt đẹp. Có lúc Long như chim bay phụng múa, nếu lại có Thủy Kim tinh tương hợp thì đó là Chân Long. Trên Long mạch có thể thấy sư tử và voi hộ vệ trước cửa, Ô qui và Xà xuất hiện nơi cửa động, đầm, thì Long thuộc về cách Trung Hội cục. Trung Hội cục phát về quí cách, chức vị lên tới Cửu Khanh. Nhân tài của châu, huyện sẽ phát trên đất quí nhỏ hơn, nếu thủy khẩu xen kẽ cùng khuyển nha thì đây là sinh địa.

Lại xem về Long thể, chủ yếu phải lưu tâm tới Xuyên, Lạc, Chuyển, Biến. Xuyên tức là thân Long ngay ngắn bằng phẳng đi qua trùng trùng màn trướng. Lạc chính là thân Long từ trên cao hạ xuống. Chuyển nghĩa là không đứt đoạn, chính phụ uyển chuyển liên hoàn. Biến là thay đổi biến hóa, đại sơn biến hóa thành tiểu sơn, thô xấu biến thành nhỏ đẹp. Muốn rõ chi Long đâu là hư huyệt, đâu là thực huyệt, chỉ cần tìm kiếm trong Âm Dương hóa khí.

Nếu Dương Mạch xuất hiện từ tâm, eo, tiến tới trước, ắt sẽ kết thành kỳ huyệt. Nếu Âm bao phủ khắp đỉnh mặt, thì đó là mạch chết, cần phải dựa vào la bàn mà cân nhắc quyết định.

Trước tiên phải biết rõ sự xảo diệu của Ngũ Tinh hành độ, sau phải xét tới khí hóa sinh của Âm Dương trong Ngũ tinh, Kim, Mộc, Hỏa thuộc Dương, Thủy, Thổ thuộc Nhị Dương diệu. Trong hành độ của Dương Long có thể hóa làm Âm, Âm lại hóa thành Dương. Sự biến hóa này là dấu hiệu báo trước sự xuất hiện của Chân Long. Nếu Âm Dương không có biến hóa thì không thể kết tụ, Long mạch thuần Dương hay thuần Âm nhất định sẽ chết. Ngoài ra còn có phương pháp xem Cửu Tinh trên núi. Cự Môn, Lộc Tồn thuộc về Thổ Tinh Âm tính, Tham Lang, Tử Vi thuộc về Hỏa Tinh Dương tính. Canh Cô Vũ Thái thuộc Kim Tinh Dương tính, 3 và 5 cộng thành một thái cực, dùng Âm Dương để gọi tên Thủy Thổ, trong tính tú lại kèm Kim, Mộc, Hỏa tinh, cao sơn Long pháp lấy đây làm tối chân thực. Nếu nói Long mạch kết thúc gần thủy của sông hồ, biển thì hành độ của Long đa phần có hình dáng của Thủy tinh. Bên trong có thể có Kim Mộc Hỏa Tinh tương đồng, nơi Long mạch lạc xuống

kết huyệt đa số ở dưới thấp, nếu không có hóa thì nhất định không thể kết huyệt, cũng giống như không thể đi tìm kinh mạch khi Long thể tạp loạn vậy.

Ngoài ra còn có Bình Cương ca quyết, phép tắc Âm Dương trong đó tương đối chính xác. Nếu Long mạch có hình dáng như tay ôm mà sống kiếm thành Âm tính, nếu mạch bên phải có hình bàn tay ngửa thì Long mạch thành Dương tính. Nếu Long mạch sinh ra đầy đặn thì là Dương tính. Cần nắm rõ về đạo lý Âm Dương này. Lại có một phương pháp Âm Dương có tên là Lục Phủ. Âm là Thái Âm Bội Kế Thổ, Dương là Thái Dương Tử Khí. Nếu là Hỏa tinh là gốc, thì Long mạch vận hành nhấp nhô dựng đứng. Nếu là Cô Âm mà không có Thủy Thổ, thì không kết thành huyệt vị. Cũng có Kim tinh hiên ngang bước tới, nhưng nơi không có thủy thì không thể xuất hiện Dương khí.

Trong Tham Lang tinh có Liêm Trinh tinh, trong Văn Khúc có Hữu Bật, trong Vũ Khúc có Phá Quân, trong Lộc Tồn có Cự Môn, tất cả những điều này có thể đoán định sự sinh tử, và được gọi là cách Long vận hành giữa các tinh tú, có thể tìm thấy điều này ở bất kỳ một làng quê nào. Sự dịch chuyển thay đổi của tinh tú có thể thấy được ở nơi đứt đoạn nhiều. Nếu Tham Lang tinh bất biến thì sẽ sinh Thổ Đột. Cự Môn tinh bất biến thì có trong Oa. Vũ Khúc tinh bất biến thì có thể tìm thấy trong Kiềm. Văn Khúc bất biến thì giáng xuống bình địa, Phá Quân bất biến sẽ có nạn can qua, Tả Phụ Hữu Bật sẽ có Yến Oa hướng lên. Nếu Mộc, Hỏa tinh nhiều thì huyệt vị phải xuất hiện cách đó khá xa, có thể kết Oa mà thành huyệt của Hồi Long, nhưng nếu Thủy tinh nhiều thì huyệt sẽ kết trên bình địa. Kết huyệt tại Ba Tâm thì có thể thay đổi thành Dương Cục, huyệt của Kim, Thổ tinh phần nhiều kết huyệt chiều ngang.

Trong phong thủy địa lý, "hóa khí" là tối quan trọng. Hỏa tinh tuy sinh Mộc tinh nhưng hoàn toàn chẳng phải là hóa khí, chẳng những quan lộc không có mà gia nhân cũng ít. Mộc tinh tuy khắc Thổ, nhưng chỉ cần phối hợp với khí Âm Dương, từ đó có thể hình thành một huyệt vị đại phú quí, nhân tài thịnh vượng. Nếu thấy Kim, Mộc tinh cùng thay đổi thì hoàn toàn đoạn tuyệt với dòng họ; Mộc, Hỏa tinh cùng đổi thì chỉ có hư

danh dù đạt ngôi vị tể tướng; Thủy Kim tinh cùng đổi, người sẽ phải tha phương cầu thực. Nếu Thổ Kim tinh cùng đổi, sẽ xuất hiện người hiền và phú. Nếu chỉ có Thủy tinh thì sẽ xuất hiện rất nhiều người đỗ tiến sĩ vang danh văn đàn. Nếu Hỏa Kim cùng đổi sẽ khiến người cô đơn tật bệnh. Hỏa và Thổ tinh cùng biến sẽ xuất hiện tướng giỏi trấn giữ bờ cõi. Những điều này dù tương sinh hay tương khắc, chỉ cần quan sát hóa khí là biết rõ cơ trời. Trong ngũ tinh thì đẹp nhất là Thủy Tinh, nó thích hợp với Mộc, Kim, Hỏa tinh; Thổ tinh thích hợp với Kim, Hỏa, Mộc tinh, Thủy và Thổ không thể cùng đổi, song nó lại đoạn tuyệt với âm khí.

Đã nói Long mạch có hóa khí, quyết định huyệt vị cũng có phân Âm Dương. Hành độ của Âm Long do Dương Long tới kết huyệt và ngược lại, hành độ của Dương Long do Âm Long tới thu giữ. Thời cổ thánh hiền gọi sơn là Long là có ý gì ? Vì sự biến hóa của Long cũng giống biến hóa của sơn vậy. Ngư Long phải được Thủy mới có thể hóa rồng, tạo hóa cũng nằm trong sự biến cải của Âm Dương. Lại xem hình thế Thái, Thiếu sơn rời mạch chỉ hợp với Dương khí mà không hợp Âm khí. Nếu nơi mà Long của Âm mạch tới kết huyệt sẽ khiến con cháu cô khổ lênh đênh. Lại thấy Thai Tức, nó tựa tinh huyết của mẹ cha. Thiên nhất sinh Thủy mà Địa lục thành, tinh hoa của Nhị Ngũ cũng lần lượt bổ sung. Nơi rộng rãi sẽ hình thành địa hình Thủy Chu, Hạc Tích, Phong yêu. Những hình dạng chữ Chi (之), Huyền (玄), Nhân (人) cùng Xuyên Chu, Tẩu Mã đều sinh ra từ đó. Giữa hai đốt sống lưng có một chút Thủy, đó là điểm báo Chân Long thành thai. Sau khi thành thai kết thành huyệt vị tự nhiên rõ ràng, có thể thấy rõ những nơi Hoàng Hiệu, Quật Đột. Âm xứ, Thần xứ, Đố Tế đều phân ra mà xếp thành Táng Khẩu, tinh tú của huyệt vị phải tìm trên Long mạch.

Sinh Tử Quyết là khó nhất trong việc tìm kiếm Long mạch song không thể thiếu nó được. Nếu dáng núi uốn lượn sống động, đó là Long Sinh; dáng núi thô thiển cứng nhắc, thì Long Tử; dáng núi đông kéo tây rời đó là Long Phiên Hoa, dáng núi phân nhánh cắt mạch đó là Long Quỉ Kiếp; dáng núi nhọn, vỡ vụn,

đó là Long Đới Sát; dáng núi nghiêng ngả, nhọn lõm đó là Long Xú Quật, dáng núi cô độc, đó là Long Cô Đơn; dáng núi rộng rãi bằng phẳng đó là Long Tán Mạch; dáng núi phân Nha lộ Trảo, đó là Long còn đang đi tới; dáng núi dấu nha ẩn trảo, đó là Long dừng bước, dáng núi có Thiên Hồ, Thiên Giác, đó là Long Dục Độ; dáng núi Hộ Lạc Tích Phong Yêu, Long đã hình thành; Nếu hiệp mạch co rút, đó là Long đang giữ khí; nếu Âm Dương phân thụ, đó là Long đang kết đất thành huyệt; nếu dáng núi tựa đứt mà chẳng đứt đó là Long Thoát Sát; dáng núi trườn tới xuyên bình địa vượt sông ngòi, đó là Long Quá Hiệp, dáng núi là trung tâm rời mạch, đó là Long Xuyên Trướng; dáng núi tròn trịa ngay thẳng, đó là Long nhập trướng; dáng núi đến và đi cứng nhắc không uốn lượn sống động thì không thể kết thành huyệt vị. Nếu nhô lên mà không thể hạ xuống, hạ xuống lại không thể nhô lên, thì Long mạch này không có khí lực; dáng núi vừa nhô lên đã hạ xuống và ngược lại thì Long mạch này khí vượng, lực đại. Long cao quí thường trùng trùng vượt trướng mà ra. Long cao quí rời mạch từ trung tâm, Long phú túc chỉ sinh ra trên bàng chi. Trướng càng nhiêu thì vận khí cao quí càng lớn. Long có phân biệt Thư Hùng thì gọi là Thành Long, sự lớn nhỏ, thô thanh của chúng tự có chổ bất đồng. Thủy có phân Thư Hùng, gọi là Thành Huyệt, trái phải giao giới có hợp có phân. Vạn vật đều có Thư có Hùng (có trống, có mái) chỉ một Thư hay một Hùng thì không thể phối hợp. Thông thường cao lớn thì gọi là Hùng, thấp nhỏ gọi là Thư, nếu Thư Hùng phối hợp sẽ kết thành huyệt. Núi lớn đột nhiên biến thành núi nhỏ là trong thô có thanh, hình dáng trước Hùng sau Thư cần phân minh. Núi nhỏ thoắt biến thành lớn là trong thanh có thô, hình trạng của trước Thư sau Hùng ắt sẽ kết đất thành huyệt. Long muốn kết đất sẽ nổi Sinh Thần, Tiêm Viên Phương tự sẽ ró ràng. Nhắc tới Tam Cát chính là nói tới Tiêm, Viên, Phương (nhọn, tròn, vuông), đất kết tự phải phân ra Âm Dương. Nếu không phân Âm Dương thì không thể kết đất thành huyệt. Thế của Long mạch khi ẩn khi hiện, lúc vui lúc giận, biến hóa đa đoan. Thế của Long mạch dựng đứng gấp khúc đó là Long đang giận dữ; nhấp nhô uốn lượn, là Long đang mừng vui. Huyệt vị khi Long giận dữ mà kết huyệt là giả. Huyệt giả này cũng có

Long, Hổ sơn bao bọc, tiền khách hậu chủ tương ứng, quang cảnh trong huyệt rất đẹp không bút nào tả xiết. Song sơn thủy trong ngoài vô tình, hơn nữa Quan, Quỉ đều là giả. Giáp sơn, tòng sơn không tương ứng, hai bên trái phải hoặc cao hoặc thấp, lưng trong lưng ngoài đối nghịch. Nếu mai táng tại giả huyệt thì tiền của hao tán, bệnh tật không dứt.

Có Long mạch chỉ chuyên kết quái huyệt, người ta khi nhìn thấy quái huyệt đều cho đó là Xú Quật mà bỏ đi. Tuy huyệt vị Xú Quật song chỉ cần giao, giới, phân, hợp rõ ràng, thì ắt có Âm Dương phân thành Quật, Đột dù có thể Long, Hổ sơn không tề toàn trong huyệt. Long mạch chân thực mà huyệt Xú Quật không phải ai cũng biết, sau khi mai táng ở đây, con cháu đời đời được hưởng phú quí. Đáng tiếc người ta không biết rằng thân Long đều mang theo phú quí, trong huyệt có chỗ xấu, quái lạ thì có gì đáng ngại ?

Phàm Chân Long đến từ chính diện, thân mình tuy uốn lượn, nhưng đầu không nghiêng lệch. Nếu là Chân Long, ắt sẽ có đủ Tống, Giáp, Tòng, Hộ, Triều Sơn. Nếu Long không có triều cũng không có tống, dù có chân Long cũng vô dụng. Triều Hộ sơn càng nhiều thì càng có lực, nhiều sơn và thủy tới hội hợp, tụ tập, tựa như đại tướng ngồi trong trướng, đội ngũ chỉnh tề đầy đủ xếp hàng la liệt.

Nếu là Triền Long nghiêng mặt đi tới thì một bên có Trác, một bên không. Mạch thân trên đỉnh thường quay đầu về phía chân Long không dám tùy ý tiến tới. Nếu Nhiêu, Trác hướng về phía sau thì Long thân còn đang tiến về phía trước, và ngược lại, đi tới là thuận, lùi lại là nghịch. Nghịch sẽ mang theo hung mà thuận mang theo cát. Nếu một bên có một bên không, thì chính là Hộ Triền; một bên thuận một bên nghịch thì Phòng phận có thiên lệch. Mang theo thương khố là Phú Long, mang theo cờ trống là Quí Long, mang theo cả thương khố cờ trống thì phú quí song toàn.

Xem Long cũng phải giỏi xem Long quá hiệp, ý nghĩa của hiệp tình và nuyệt tình giống nhau. Khi Long quá hiệp cũng có Cang có Hộ, tránh cho Long bị gió thổi làm lộ mạch sống. Khi

Quá Long quá hiệp (vượt khe) mà không có Cang có Hộ thì gió sẽ thổi khí tán thoát hết cả. Khoảng cách quá hiệp chỉ hợp ngắn mà không hợp dài, vì khoảng cách xa dài sẽ khiến khí lực suy yếu. Long mạch quá hiệp cũng chỉ hợp với thanh mà không hợp quá thô, vì quá thô thì chân khí sẽ đục mà không thể thành huyệt. Quá hiệp lại chỉ hợp với hẹp mà không hợp với quá rộng, vì quá rộng sẽ khiến khí lực tản mát. Quá hiệp lại phân thành Ngạnh Yêu quá hiệp và Nhuyễn Yêu quá hiệp. Nếu là Nhuyễn Yêu quá hiệp thì không thể gấp khúc đứt đoạn, khí lực khó giữ được. Diệt tuyến khi quá hiệp thường vừa nhỏ vừa thanh, phong yêu hạc tích (gối hạc lưng ong) là Long đang giữ khí, nếu giữ được chân khí tụ hội, huyệt hình thành mới là huyệt vị chân chính. Sự giữ khí cũng giống như người thổi sáo, khí vào từ lỗ nhỏ sẽ dễ tụ hợp, vì thế sẽ dễ phát ra âm thanh, từ đây cũng có thể biết được sự sai biệt giữa đất kết và không kết.

Khi quá hiệp nếu hai bên trái phải có Cang, Long, Hổ sơn thì hoàn bị, nếu không thì sẽ thiếu hụt. Nếu có thương khố vây quanh hiệp thì chủ phú túc, có Kỳ Cổ (cờ trống) vây quanh hiệp thì chủ quí. Có cả Thương, Khố, Kỳ, Cổ thì phú quí song toàn. Nếu dáng núi như đội kim quan, khăn quàng thì chủ vận quí cho nữ nhân. Nếu dáng núi như não bạt, trống, địch thì chủ vận quí cho tăng, đạo nhân; Có sơn quay đầu về, từ bốn mặt xếp thành 2 hàng. Lại có triều Sơn ở trước mặt, đứng tựa chầu bái. Thiên Tâm Thập Đạo ở chính giữa không nghiêng lệch, ở giữa đối diện với Triều đường. Thủy lưu uốn lượn ôm lấy nơi Tiền Viên; Ứng, Lạc Trầm, Đối do tự nhiên mà có. Triền, Hộ, Tòng, Thác biết thật giả. Triều sơn không có cách nào nâng đỡ thân Long, Triều sơn quá thẳng mà thiếu. Chân Long khuất khúc Long của chuyển chiết không chầu bái Long khác; Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc tinh cùng hợp là phú quí cục. Nếu thương khố kỳ cổ cùng theo mà Kim Sương, Ngọc Ấn bày trước mặt nhất định sẽ xuất hiện vương hầu. Tứ thần tám tướng đều quy tụ trước Long, nhị thập bát tú cũng tề tựu. Trăm ngàn ngọn núi đều bao bọc nơi đây.

Bài "Long Quyết Ca" này còn cao hơn cả "Nghi Long Kinh", nếu nghiên cứu tỉ mỉ, chuyên tâm và hiểu được sự huyền diệu

của nó thì càng thêm phần tinh tường, năng lực phong thủy chẳng kém gì Tăng Cầu Kỷ, Dương Quân Tùng tái sinh.

HUYỆT TÌNH PHÚ

Biết được Long mạch và huyệt vị đã khó, nói tới nơi huyền diệu trong huyệt vị càng khó hơn. Song nếu hiểu rõ học thuyết Âm Dương và Ngũ Tinh thì có thể nắm vững cách tìm ra nơi ảo diệu này.

Long mạch đi tới bất luận dài hay ngắn, điều quan trọng là phải xem đoạn đến cuối cùng của nó. Trong đoạn này nếu có Thổ, Mộc, Kim tinh cùng phối hợp thì có thể hình thành huyệt vị cát lợi, thế gọi là "Tam Cát". Nếu Loan Đầu rõ ràng mà dáng vẻ đầy đặn lại có đủ Tiêm, Viên, Phương, Chính (nhọn, tròn, vuông, thẳng), huyệt vị hình thành như vậy mới thực xem là đạt được kỳ tuyệt. Nếu Long đang mở mắt, vươn vai đã kết thành huyệt vị thì tự nó có nhiều khác biệt với các núi khác.

Hình chữ bát (ノ㇏) mở ra bên trên dùng để che gió. Hình chữ bát mở ra bên dưới dùng để đậy huyệt. Nếu chữ bát phân ra lớn thì Long sơn cùng hợp với Hổ Sơn, phạm vi Âm Dương không có nơi nào vướng mắc; Nếu chữ bát phân ra nhỏ thì huyệt vị tương hợp, chân khí không thoát ra ngoài.

Nói tới "Đại Khẩu Xuất Tiểu Khẩu", là chỉ huyệt vị từ Tiểu khẩu thoát ra. Nếu phía trước không phân ra chữ bát, trong cục thế sẽ không có chân khí kết tụ; Nếu bên dưới không có tụ hợp, thì kết cục không rõ ràng, bên ngoài không có Đường Khí để có thể giữ, theo. Nếu trên có phân mà dưới có hợp, như thế Thư Hùng phối hợp thì có thể hình thành huyệt vị.

Huyệt vị chân chính sẽ có một nơi kỳ dị, nó ắt có khí Âm Dương phân ra Quật và Đột. Nếu là Dương đến Âm thu thì trong Quật có chỗ lồi lên, nếu Âm đến Dương thu thì trong Đột có Quật (chỗ lõm xuống). Trong Đột có Đột là thuần Dương; trong Quật có Quật là thuần Âm. Chỉ có Âm mà không có Dương, hay

chỉ Dương mà không Âm thì không thể sinh sôi và thành huyệt. Chỉ có Âm, mà không Dương thì giống như con gái mà không có chồng; chỉ thuần dương thì giống con trai không có vợ. Con gái không chồng làm sao sinh sản ? Con trai không vợ làm sao có người nối dõi ? Nếu dương trên phối hợp với âm dưới thì bên trong âm sung mãn; âm trên phối hợp với dương dưới thì bên trong dương sung mãn. Nếu âm nhiều dương ít thì không nên dựa gần khối tròn và ngược lại; âm dương bằng nhau thì lấy ở giữa; nếu một dương lại tới một âm thì giữ dương. Nếu âm thịnh dương suy thì dựa gần dương; dương thịnh âm suy cũng vậy. Nơi động là sinh, nơi tĩnh là tử, thiết lập huyệt vị cần bỏ chốn tử mà gần nơi sinh.

Khi đã nắm vững cách điểm huyệt mà có thể biết rõ Chân Giả, còn cần phải biện rõ sự hòa hoãn và gấp gáp của Long mạch. Nếu Long mạch gấp gáp thì khí càng gấp hơn, mai táng ở nơi này khiến đời sau tuyệt tích. Đặt quan tài nên tránh chỗ hình cầu mà chọn gần dưới Hiên, nên đem quan tài rời cách hình cầu 4, 5 thước. Nếu chân khí rơi vào đầu mà không hợp với chân thì cách tốt nhất là dùng phương pháp Miên Can. Gặp nơi khí gấp gáp nên chọn phương pháp Hư Niêm, phải đắp đất thành mộ mà tiếp thông mạch đến. Điều này cũng giống làm hơi bốc lên sau khi khói lửa đã tắt hoặc tiếng nước rơi sau trận mưa lớn dưới hàng hiên. Nếu Long mạch hòa hoãn thì khí càng chậm chạp, nếu đặt quan tài ở nơi đây thì sẽ thoát mạch khiến đời sau người và tài sản hao tổn, giảm thiểu. Như vậy khi đặt quan tài nên ở gần hình cầu mà tránh xa Hiên khiến quan tài vào sâu thêm 7 tấc để khí hòa hoãn có chút tăng nhanh. Nếu khiến khí hợp với chân thì sẽ không rơi vào đầu. Hạ huyệt nơi đầu lưỡi ắt không tổn thương đến môi miệng, tìm huyệt giữa khe hở của Nha (răng) cũng tránh không nên làm thương tổn đến lợi. Nếu Long gấp mà mạch hoãn, khí cũng gấp, gặp nơi ấy cũng không nên mai táng chỗ có gió. Tình hình này ắt mang tới kết cục xấu, chết chóc, dù phúc lớn cũng khó cứu. Khi đặt quan tài, trong trường hợp này nên gần Hiên mà tránh hình cầu, đem áo quan ra ngoài 3 thước cách hình cầu, nhằm làm cho nơi gấp có chỗ hoãn.

Nếu chân khí rơi vào đầu mà hợp với chân, khiến chân khí vào từ lỗ tai. Phải để huyệt vị chếch về sau gáy mà không được đối đỉnh, tránh xa gió mà diệt được lực hồi thiên. Nếu Long hoãn mạch gấp mà khí cũng hoãn thì mai táng ở đây sẽ lạnh lẽo, nên tìm huyệt ở nơi có chút gấp gáp, khi gấp và hoãn cùng sinh cùng hợp mới phù hợp với quyết pháp. Nên tránh Hiên mà tiếp cận với Cầu, để quan tài sâu vào 5 tấc mới khiến khí mạch liên tiếp. Đây cũng là trường hợp hợp chân mà không rơi vào đầu, thuận đến thuận giữ mà không bị chặn bị đứt.

Lại có huyệt vị Dương khí nhiều mà Quật Đột không rõ ràng chỉ có vết tích mờ nhạt có thể phân ra Giới Hợp. Có tảng đá từ đáy nước sinh ra dợn sóng, điều này phải dựa vào nhãn lực tinh tường mới quyết định được. Cũng có một vài nơi tương đối bằng phẳng mà chỉ có đôi chỗ nhô lên, vết tích của rắn trong cỏ, của tơ trong Điệt, khiến người ta khó biết. Hai cánh ve hai bên hình thành sa phong, đường phân giới tựa như hai sợi râu tôm có tư thế bao bọc lấy huyệt vị. Loại thủy lưu này tuy có ảnh mà vô hình. Đột ở trên phân ra mà Đột ở dưới hợp lại. Khi điểm huyệt chỉ cần điểm thủy giới có hay không tương hợp, cũng có nơi dương khí nhiều mà Quật không rõ ràng. Hai bên nhô lên tựa sừng trâu hình thành sa phong, chỉ có một hình mất cua xuất hiện trong huyệt. Loại thủy lưu này tuy có tên gọi nhưng không tìm ra bằng chứng, ở nơi tận cùng thoắt ẩn hiện có thể thấy huyệt vị đang nghênh chầu.

Đã biết rõ điểm huyệt phải dựa vào Quật Đột, lại cần biết Chỉ Tiết và Khí Tiết. Long, Hổ sơn hai bên phải hộ vệ được huyệt vị, đừng để tạo thành trường hợp Lậu Thai và Thổ Thiệt. Nếu Nhũ Đột ở giữa cao mà Long, Hổ sơn thấp, xuất hiện trường hợp Lậu Thai, Thổ Thiệt thì nhất định phải thận trọng tra xét rõ ràng. Không nên cho rằng đã cắt lìa, triệt hộ rồi thì không còn gì đáng ngại, phải biết rõ tông tích ban đầu thì không có nơi ẩn chứa. Nếu Triệt Lộ Nhũ Đột thì ắt sẽ thương tổn tới mạch đến, gây ra cho đời sau các tai nạn, chết chóc. Trường hợp Chỉ Tiết cũng phải hiểu được pháp quyết, xem khí mạch của nó từ đâu mà ra. Nếu khí đã vào Đại (cái túi) lại Chỉ Tiết (ngừng tiết), tuy giữ lại (chỉ), song chân khí trong Đại đâu có bị thoát

ra. Nếu chân khí chưa vào Đại mà đã Chỉ Tiết, thì sau đó trong Đại sẽ không có bất kỳ khí mạch nào tồn tại, nếu Nhũ ở giữa mà nặng thì Long, Hổ hai bên sẽ tương đối nhẹ. Dù đã Chỉ Tiết, Chân khí vẫn tồn tại, nếu bản thân nhũ nhẹ mà hai bên Long Hổ nặng thì dù Chỉ Tiết rồi, chân khí sẽ rất ít mà vô dụng.

Long huyệt cần có giới hạn, bằng không chân khí sẽ thoát ra. Giả như giới hạn huyệt mà không giới hạn Long mạch, thì Khứ Trú sẽ không tách ra. Vì Long mạch giới mà không để huyệt lập giới, thì sẽ hỗn loạn, không phân biệt nổi. Nếu phân giới đã giới Long mạch lại giới huyệt vị thì sinh khí sẽ kết tụ tại nơi huyệt đóng. Mai táng ở đây sẽ đạt được vinh hoa phú quí.

SA QUYẾT CA

Sa phong luôn hiện ra rõ ràng nên không khó tìm. Sa trướng kỳ quái nguy nga không thể gọi là tốt, sa phong dựng đứng hiểm nghèo cũng không thể xem là hay. Sa phong nghiêng lệch cũng chẳng lành, sa phong thô cũng mang theo hung sát. Cảnh tượng tan nát chỉ hình thành chết chóc, bay chếch đi xuyên cũng có kết cục bất thiện. Nếu có Kiếp sơn chiếu phá thì cũng chẳng phải đất tốt, Hung, sát sẽ giáng xuống đầu.

Sa phong chỉ được xem là Tam Cát khi có đủ Tiêm, Viên, Phương, Chính, đẹp đẽ thanh nhã mới gọi là núi tốt, chỉ có hình dáng tự nhiên mới có phúc đức đoan chính, viên nhuận thì ất sẽ cát. Sa phong cần tròn trịa mà không nên thô tráng, sa phong nhọn hoắt tối kỵ hình dáng bị cắt xẻ. Nếu Phá đóng ở nơi cát lợi thì không tốt, nếu đẹp đẽ mà đóng ở nơi hung ác thì sẽ có phúc vận hanh thông. Sa phong sung mãn, sinh khí sẽ thuận theo mọi điều, Tử Sa sẽ cứng nhắc thẳng khô tựa đao thương. Sa phong đẹp đẽ dễ sinh ra hình Hốt, Bút (thẻ bút), Sa phong phú túc viên nhuận ngay thẳng như hình dáng của Thương, Khố, nhưng cũng chỉ đem đến cho người lương thực và tiền tài đầy đủ mà thôi, nếu xuất hiện

hình Nha Đao, Câu Trượng thì cực quí. Nếu có tướng phú túc, thì sẽ xuất hiện sa phong mang hình bình vàng, chén ngọc, nếu có tướng đại quí thì sẽ có sa phong mang hình dáng Ngọc Ấn, Kim Sương. Sa phong có dạng tựa kiến tụ ong bầy thì đó là nơi đất quí, sa phong có hình dáng cờ phướn sẽ đem tới địa vị cao quí khiến người lưu danh thiên cổ.

Sa phong có hình dáng như đá bị chẻ làm trăm mảnh, đời sau sẽ xuất hiện đạo tặc, cướp bóc; sa phong như cây thương, sẽ xuất hiện cướp trộm; nếu thủy lưu và sa phong đều thuận hướng thì gọi là Thoái Bút, nền nhà và mộ chí gặp trường hợp này thì không tốt. Sa phong nghịch hướng thủy lưu gọi là Tiến Thần, chỉ cần xuất hiện xu hướng Tiền Tài Đầu thì tiền tài sẽ đầy đủ. Nếu có vài sa phong nghịch hướng thủy lưu mà vào thì gia nghiệp, nhà cửa vô cùng rạng rỡ. Nếu có một tòa sa phong đi vào và một tòa bước ra, như thế sẽ khiến người táng gia bại sản, cuối đời đi khất thực. Còn có sa phong ở vòng ngoài lại bỏ đi, sẽ khiến người tha phương cầu thực đến chết không có đường về; Sa phong trực diện mà đến trông tựa mũi tên bắn tới, sẽ khiến hàng năm đều có tai họa giáng xuống.

Long, Hổ sơn cần phải bao bọc huyệt vị. Nếu ngẩng đầu cất chân sẽ dễ tổn thương tới nhân mạng. Nếu một bên thẳng một bên cong sẽ khiến nhà cửa bị khuyết hãm; một bên có một bên không thì đất đai hưng vượng. Nếu sa phong vòng ngoài bao bọc mà không thiếu chỗ nào thì con cháu đời sau sẽ đầy đủ. Nếu sa phong đố kỵ chủ nhân mà có thế như nắm đấm thì sẽ có người làm phản khiến họ tộc liên lụy mà tổn thương tới tôi tớ. Không nên chọn sa phong cùng đến hoặc lao đến tựa mũi tên, bằng không anh em ruột thịt sẽ tranh giành lẫn nhau. Nếu Thanh Long sơn xuyên tới phương vị Đông Cung, sẽ khiến chủ nhà nghèo mạt. Nếu Bạch Hổ sơn xuyên vào Tây Cung sẽ khiến trẻ nhỏ bị quấy nhiễu, họa phúc của Đông, Tây cung giống nhau vậy. Nếu Thanh Long, Bạch hổ đã vượt qua cung, lại quay đầu thì không có gì đáng ngại, hơn nữa còn mang tới phú quí song toàn.

Nếu Huyền Vũ Thổ Thiệt (lè lưỡi) thì gọi là "Thoát Bút", chủ về thứ nam trong nhà gặp vận hung, xấu. Tiểu Minh Đường

trong Long, Hổ sơn, cần giữ được sự thanh tịnh mà rộng rãi. Nếu trong đó có Sa Đôn và Thạch Khoái thì khiến chủ nhân bị mù, khó sinh nở và bị hình thương. Minh Đường bên ngoài cũng cần rộng rãi, không nên có sa phong hung dữ chắn ngang tầm nhìn. Đáng sợ nhất là Sa phong tán loạn trước Minh Đường.

Nếu sa phong có hình dáng như tôm, cóc thì sẽ khiến chủ nhân bị tật bệnh về khí mạch; sa phong có hình giống thi thể đang nằm thì đó là điềm báo phụ nữ dâm đãng, sa phong có hình giống bụng heo thì chủ nhân cần đề phòng tai nạn cháy nhà, bị đâm chém, sa phong có hình móng dê lại mở miệng nghịch hướng là điềm báo sự loạn luân; sa phong có hình như đùi ngựa, cẳng trâu thì chủ nhân bị hạ nhục, xuất hiện sa phong đầu ngỗng cổ vịt thì có tư tình mờ ám. Sự xuất hiện của mấy loại sa phong này sẽ đẩy chủ nhân vào kết cục ăn mày, hát rong.

Khoảng cách xa gần của triều sơn cũng nên tương đối, không nên để chủ nhân yếu đuối đối diện với tân khách cương ngạnh. Nếu dựa quá gần thì phải thấp nhỏ, có như vậy mới tốt, nếu rời khá xa thì nên cao lớn. Chỉ cần Triều sơn hữu tình mà không có ý gì khác, mới là Án sơn chân chính để có thể triều bái. Nếu triều sơn vô tình mà không có ý lưu luyến, thì dù có đẹp đẽ đến đâu cũng vô dụng. Nếu sa phong lộ mình dâng hoa thì quá xấu xa, điều này tựa như con gái đẹp đứng đường mua vui cho người. Sa phong cúi đầu nghiêng mặt thì chủ đàn ông làm đầu trộm đuôi cướp; sa phong vén quần lộ chân thì khiến con gái gian tà. Do vậy tuy phú quí và điềm xấu có cùng trong Long huyệt hay không, nhưng khí đẹp cần dựa vào sự tốt xấu của triều sơn. Nếu triều sơn tựa giá bút thì chủ nhân sẽ liên quan tới khoa cử, bảng vàng đề tên; Triều sơn như thẻ ngà, sẽ khiến chủ nhân đời đời làm quan. Triều sơn như kiếm ngọc, thẻ vàng, sẽ khiến chủ nhân vào viện hàn lâm. Triều sơn tựa bàn ngọc, bếp vàng, chủ nhân sẽ đứng trong hàng ngũ học sĩ; nếu Triều sơn có hình Tam Thai, chủ nhân sẽ có quan chức hàng huyện lệnh, tri châu; triều sơn tựa bình phong ngọc, chủ nhân sẽ là phò mã mà nắm giữ vận mệnh quốc gia; triều sơn có dáng như chiếc mũ nhưng khá mơ hồ chủ nhân sẽ đứng hàng cử

nhân; triều sơn tựa áo bào, chủ nhân sẽ ngồi trên ngai vàng; triều sơn tựa cây bút, chủ nhân sẽ đậu tiến sĩ; triều sơn có hình lâu đài ngũ phụng, đây là điều hiếm có, chủ nhân sẽ đậu trạng nguyên, bảng nhãn hoặc thám hoa.

QUÁI HUYỆT PHÁ HOẶC CA

Nơi chân Long ẩn tàng, huyệt vị ắt sẽ rất kỳ lạ. Những bí mật ẩn tàng của trời đất đều do quỷ thần nắm giữ, muốn hiểu rõ sự ảo diệu cần phải có cao nhân chỉ dạy. Cao nhân có thể vạch rõ huyền cơ, song họ lại thường im lặng, vì họ chỉ e duyên và phúc của bạn không đủ, nếu chỉ rõ sẽ khiến bạn nghi hoặc.

Trên mặt đất có nơi đẹp đẽ cũng có chỗ xấu xa, gộp chung lại gọi là quái huyệt. Hình dáng của huyệt đẹp đẽ mà kỳ lạ hiếm có, địa thế này khiến người ta nghi ngờ; hình huyệt xấu xa mà khó ưa, địa thế này cũng khiến người ta hoài nghi mà không dám quyết. Thông thường chỉ cần quái huyệt có vài chỗ kỳ hoặc thì Long mạch cũng có nơi vô cùng quái lạ. Chỉ cần nhận rõ chuẩn xác Long mạch thì có thể tiến hành thăm dò quái huyệt.

Trước hết ta phải biết được Xảo Huyệt, vì sao gọi là Xảo Huyệt ? Là vì có khi huyệt vị đóng trên đỉnh núi cao, loại huyệt vị này đáng để thăm dò; có khi huyệt vị đóng ở sâu dưới đất, có khi huyệt vị lại cô độc lộ ra dưới tình huống gió từ tám phương thổi tới, song chỉ cần bạn tới huyệt lại cảm thấy nó tự cùng tụ hợp; có lúc lại xuất hiện 2 dòng thủy lưu chạy thẳng ra, chỉ tới gần huyệt, mới thấy nó tự có dấu tích; có khi huyệt vị lại kết tại phương vị trung ương của thủy, bốn bề sông nước mênh mông, có khi huyệt vị lại kết trong đất đá, phải đập ra mới phát hiện có mạch đất, có khi huyệt vị lại cúi nhìn miệng suối đang phun, sau khi hạ táng, miệng suối lại khô cạn, có lúc huyệt vị gần thủy biên, sau khi hạ táng thủy thành lại dời đi; có lúc huyệt vị ở trên sống lưng của Long; tướng kỵ Long (cưỡi rồng) có thể nói cực phú quí; có khi huyệt vị lại đóng ở nơi Long mạch đứt đoạn, gọi là huyệt vị trảm quan, có khi huyệt

vị đóng gần bên hồ phải đến mùa Thu, Đông mới thấy được nó; có khi huyệt vị rơi vào trong ruộng, đến mùa Xuân, Hạ thì có thủy lưu giao hội trong đó; Có khi huyệt vị đóng trên bề mặt đất đai, gọi là "Bồi Thổ Táng"; có lúc huyệt rơi vào trong kẽ đá, chỉ cần có đất thì chân khí lưu thông; cũng có huyệt vị thủy lưu thông thẳng, khiến chủ nhân đạt địa vị công hầu; cũng có huyệt vị mà sa phong bay chếch, khiến chủ nhân phú quí song toàn; cũng có huyệt vị bốn bề trống trải, nhô lên trong Bình Dương; lại có huyệt vị khí dư rất nhiều, cách sơn mấy mươi dặm đường mà chân khí vẫn thông, cũng có huyệt vị tọa lạc tại vùng đất trống có được thủy lưu cũng không cần tránh gió thổi; cũng có huyệt vị bị chặn trước mặt, quay đầu nhìn tổ sơn cũng không ngại thấp nhỏ; Cũng có Xảo Huyệt có tên là Hợp Khí, mạch tới là hai Long cùng đến, cũng có Xảo Huyệt gọi là Long Thoát, Long mạch theo thủy từ xa tới.

Một số huyệt vị vừa nêu ra ở trên đều kỳ lạ mà xảo diệu, khiến người ta hoài nghi, đây là thiên cơ ẩn tàng trong tự nhiên vậy. Hơn thế nữa lại có loại huyệt vị xấu xí càng khiến ta khó nhận biết, nhưng báo ứng về phú quí lại không sai chút nào. Huyệt xấu xí này có tên là huyệt Xú Chuyết, vậy huyệt Xú Chuyết đóng ở đâu ? Điều này cũng có bí quyết ẩn chứa sự huyền diệu. Huyệt này giống như người quân tử có đạo đức, dù là đại trí mà bề ngoài như ngu như đại, nó lại tựa phú nhân lấm của mà bề ngoài chẳng khác kẻ nghèo; nó lại dường như người con gái đức hạnh cao quí, dù bề ngoài xấu xí.

Nói tới huyệt Xú Chuyết là Nhũ Đột, trong huyệt thẳng mà dài, hai bên trái phải không bị ngăn trở; có huyệt vị đầu não nghiêng lệch, người phàm khó mà nhận rõ; có huyệt phía trước sinh mõm nhọn tựa hình 3 góc của lá cây phong; có huyệt mang Chủy thẳng, dài, sau khi thành huyệt thì có hình dáng hai cánh tay khoanh tròn bao bọc; cũng có huyệt vị phía sau mang hình lòng máng, hoặc như miếng bánh trên đầu đũa ngọc; cũng có huyệt vị trước mặt có khe nước sâu tựa lưỡi câu bạc; có huyệt Xú Chuyết trông tựa huyệt Tiên Tử, hình dáng lộ ra đột ngột khiến người ta không biết có huyệt vị; cũng có huyệt trông tựa da trâu, khiến người nghi hoặc; cũng có huyệt thiếu một bên

tay; cũng có huyệt thể chất thô lậu, song nếu nhìn kỹ thì thấy Âm Dương hài hòa. Có quái huyệt hình thành hình dạng lõm; có quái huyệt hình thành dạng ngửa lên, chân khí bức xúc mà đầu cúi thấp; có quái huyệt tựa ngọn thương, huyệt này chỉ cần có hộ sơn, triền sơn dài là được; có quái huyệt tựa hình cây lúa, cần có Quỉ cùng giữ; có quái huyệt không có Long, Hổ sơn, có quái huyệt không có Án sơn, chỉ có nhiều thủy lưu tụ hợp bên trong; cũng có quái huyệt giống bàn tay lật; có quái huyệt giống cái mai, chỉ có thể thông qua Bao Tiết mới nhận ra biến hóa trong đó, có huyệt vị tựa thiêu thân lao đầu vào vách, quan sát kỹ thì thấy có rất ít huyệt vị; có huyệt giống ngọn đèn treo trên tường, chỉ thấy có Đột hơi ngửa lên; có sơn mạch gấp gáp chạy về trước bỗng nhiên xuất hiện mặt đất bằng phẳng, huyệt vị xuất hiện tại đây; có Long mạch hòa hoãn nhưng khi đến gần cuối bỗng cao vút lên, huyệt vị cũng xuất hiện tại đây.

Tinh thần của huyệt vị lộ ra ngoài, bằng không thì hung. Long mạch chân chính thì tàng ẩn thiên cơ, cho nên xuất hiện nhiều nơi kỳ lạ. Vì sao lại gọi là kỳ lạ ? Là vì bề ngoài nó thiên hình vạn trạng. Thông thường, nói tới huyệt vị hình dạng kỳ lạ, chỉ là phân biệt với thần của Long mà thôi, chỉ cần nhận biết được Long mạch là chân thực thì huyệt vị ắt sẽ là chân huyệt. Long hư giả không có chỗ cho huyệt.

HÁM LONG KINH

DƯƠNG QUÂN TÙNG

TỔNG LUẬN

Tu Di Sơn là chủ tâm cốt của trời đất, nó đứng sừng sững giữa trời đất tựa như cột sống lưng của người, từ trong sinh ra tứ chi hình thành Long hình. Tứ chi lại chia ra làm 4 thế giới, 4 hướng Đông Tây Nam Bắc. Một đi về phía Tây Bắc đến thẳng núi Không, Động với chặng đường dài vạn dặm; một phái đi về

hướng Đông tiến vào đất Nhị Hàn. Chỉ có Long của Nam Hạ là vào Trung Quốc, thai nghén ra Tổ sơn, Tông sơn mà thế đến đặc biệt. Sông Hoàng Hà chín khúc là ruột già của Long, sông Trường Giang khúc khuỷu là bàng quang của Long. Đại Long của Nam Hạ phân nhánh tách mạch dọc ngang mà đi, trong sự tương hỗ lẫn nhau khí huyệt liên tục, gặp thủy thì dừng. Đại Long mạch hình thành quận huyện, nơi cư trú của công hầu. Tiếp đó còn có vài Long mạch hình thành các thị trấn nhỏ, nơi người giàu sang trú ngụ.

Sự vận hành của Long mạch có dấu hiệu chân thực, tinh phong hùng dũng là thân mình của Long. Trên núi cao cần nhận rõ sự lên xuống của tinh phong, Long đi trên bình địa ắt có danh tiếng. Sơn phong (đỉnh núi) lên xuống lấy tên của tinh tú mà giữ tướng tòng, sơn phong của tinh tú chiếu xuống mà hình thành thế. Trong hai chữ Thần Long thì Thần là tinh thần mà Long là bản chất của sơn mạch.

Không nên nghĩ rằng chỉ có núi cao mới có Long, còn khi tới đồng bằng thì dấu vết của Chân Long biến mất. Long của đồng bằng khởi phát từ Long mạch của núi cao, tinh phong cao vút kết huyệt ở dưới thấp. Tìm huyệt trên núi cao chủ yếu phải biết sự trồi lên của tinh phong, tìm huyệt trên đồng bằng cần phải tìm thủy thế của hai bên tả hữu. Nơi hai thủy kèm nhau ắt là có Chân Long, trong sự đảo lộn tứ phía của Chi Diệp ắt có huyệt vị. Đừng để thế núi ngược hướng mà khiến Chi Diệp tản mác, nếu thế núi tương phản, thì thủy lưu sẽ tản mác khó tụ. Sơn ngoại vi trong vòng trăm dặm hình thành La Thành, đây là dáng hình của Cục Bình Dương Long. Tinh phong cúi xuống lạc huyệt nơi bình địa, núi bên ngoài cách với thủy lưu sẽ tới chầu bái. Hình bàn tay để ngửa trong Bình Địa tựa lòng tổ chim, thấp thoáng xuất hiện bóng dáng một gò núi nhỏ và mặt đất nhô cao. Phải tìm được chỗ lõm trong gò núi mô đất, còn có Câu Giáp giống vòng xoáy trôn ốc. Câu Giáp là Án, hình trôn ốc là huyệt vị, thủy lưu lui lại, minh đường tụ nhiều khí. Bốn bề bao bọc tựa thành quách, thủy lưu uốn lượn mà thế núi quây tròn tụ thành một Oa. Khi sương xuống thủy lưu khô cạn thì khó mà tìm thấy vết tích của Long mạch. Đến Xuân, Hạ,

thủy lưu dâng cao, thì lưng Long sẽ hiện ra. Đây là phương pháp xem Long Bình Dương, nơi nó qua mạch tựa sợi chỉ đường tơ, khó mà biết rõ. Đất cao hơn mặt nước một tấc có thể nhận là sơn, thấp hơn mặt nước một tấc có thể cho là thủy lưu uốn lượn. Thủy bao lấy Triền Hộ tựa như Triền, Hộ sơn vây chặt Chân Long thì giống hình dáng bàn tay lật ngửa. Ở giữa Sào Cữu hoặc chỗ trồi lên của nhũ Đầu, có một huyệt vị ngay ngắn. Trên sườn núi thoai thoải, có thủy lưu uốn lượn và núi non bao bọc huyệt vị, ngoài xa là hẻm núi và gò đất, trông gần là Hà Lưu tuôn chảy. Huyệt vị tốt cần có núi non đến chào đón bao bọc, không nên có thủy lưu bao bọc rồi sau đó chảy đi nơi khác. Nếu có thủy lưu uốn lượn thì bên ngoài phải có núi non bao bọc; nếu thủy lưu không có dáng vẻ ôm ấp thì núi non cũng không thể tới trước huyệt.

Hành Long của núi cao dễ nhận biết, nhưng khi tới chỗ Bình Dương thì dấu vết của nó lại biến mất. Chỉ có nơi đứt đoạn còn vương tơ tìm thấy nó, nếu Long mạch xuống núi càng nhiều thì càng có sức mạnh. Long mạch trên cao phần nhiều sẽ ẩn tàng ở dưới thấp, có thể tìm thấy nó ở nơi bị vùi lấp mai một. Có khi giữa tổ tông sơn và phụ mẫu sơn chỉ cách vài dặm. Phàm khi tới bình địa, ta không cần phải đi thăm dò Long mạch tận cùng ở nơi nào, chỉ cần nhìn nơi sơn thủy uốn lượn bao bọc thì sẽ biết được chỗ của Chân Long.

VIÊN CỤC

Không trung phương Bắc có một vầng trăng tròn, mà Thượng Tương Thổ Tướng có địa vị của Tứ Viên. Sao Thiên Ất và Thái Ất chiếu trong Đảm Đường, Hoa Cái và Tam Thai lần lượt xuất hiện. Loại cục diện tinh tú này khó tìm được một nơi tương ứng trên mặt đất bao la, Long mạch mà nó hình thành, người trần tục khó mà biết được. Nếu có ai biết được nơi bảo địa phong thủy này, thì cũng không nên che giấu, mà hãy đem nó cho người thánh minh của quốc gia để làm ngọc bảo trấn quốc.

Ở đây chúng tôi sẽ nói về Cửu Tinh từ ngoài Viên Cục, xem trong tinh cung của Bắc Đẩu có bao nhiêu tinh cung liên quan. Cửu Tinh gồm : Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc, Tả Phụ, Hữu Bật, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh và Phá Quân, loại tinh tú này vận hành với địa hình tương ứng trên mặt đất. Trong Cửu Tinh có Tam Cát, ngoài Tam Cát còn có Phụ Bật.

1- THAM LANG TINH

Tham Lang tinh có đỉnh núi đột ngột cao vút lên tựa măng tre, song nếu chỉ là nhánh rẽ của Long mạch thì không như vậy, đỉnh núi mặt bên của nhánh rẽ gọi là Phá Diện, đỉnh núi nhọn mà có chân thì gọi là Thừa Long. Dưới Cước có thế kéo ngang thì gọi là Địa Kiếm, mấy cách này chủ về văn võ song toàn. Nếu nhìn ngang là đỉnh, nhìn hai bên là bướu, thì đó chính là Long mạch của Tham Lang tinh rời trận. Nếu bên mình thành đỉnh mà đi thẳng, không phải để triều bái thì sẽ không dừng bước, không cần phân biệt nơi này là cao phong, ắt hẳn nó có Huyền Vũ sơn ở trong. Cũng có sơn phong là Huyền Vũ Sơn, ở nơi Huyền Vũ giáng xuống (kết huyệt vị gọi là "Huyền Vũ Lạc") thì có Tứ Thú tụ hội. Chỉ có nơi Tứ Thú hội hợp mới được gọi là Long Tụ Tinh, nếu Long vượt Tứ Thú mà không qua nơi này thì gọi là Không Long. Không nên tìm huyệt vị trên Không Long.

Có khi Tham Lang tinh hình thành trông tựa như Quan, Hiệp của Long mạch, mà chính thân của nó lại vận hành ngấm ngầm trong Hiệp. Tham Lang tinh có 12 hình thức : Tiêm, Viên, Bình, Trực, Tiểu, Khi, Tà, Trắc, Nham, Đảo, Phá, Không (nhọn, tròn, bằng, phẳng, nhỏ, lệch, chếch, nghiêng, mỏm, sụt lở, vỡ, rỗng), 12 hình thức này mang theo các loại họa phúc, khinh trọng khác nhau. Khi, Trắc thì giống Tà; Bình thì giống Thừa Long. Nếu Tham Lang giống Cự Môn thì đó là Đảo, Không, Phá nếu không có Nham thì là đá. Nơi có Khi thì giống sườn dốc, mà nơi có Phá tựa bị chém đứt, nơi có Tà thì hai bên không cùng một dạng. Trắc là mặt Tiêm thân Trực, Không là chỉ trong

nham thạch có nhiều chỗ lóng lánh. Đảo Phi Phong là nghiêng lệch, mấy dáng vẻ trên đây cũng chưa đủ nói hết Long hình của Tham Lang tinh. Trên Bình Địa bỗng nhiên nổi lên một đỉnh núi trông tựa cây măng non, đây chính là bộ mặt thật của Tiêm Phong. Viên là chỉ không có Khi, Trắc mà bốn bề đều như một, Bình là chỉ sơn phong giống con tằm ở trên cao, Trực thì giống dây tơ nhện mà tới, Tiểu thì như đầu bút cắm trên cao. Đây là những hình chuẩn của Tham Lang; có thể xét rõ cát hung họa phúc từ đây.

Hỏa tinh nhất định phải đóng trên tinh vị của Liêm Trinh mới có thể từ các hình dạng trên mà sinh ra tinh của Tham Lang, nếu thấy hỏa tinh vận hành thì ắt sẽ thấy dấu tích của nó giáng xuống tại đây. Long như thế chẳng phải quí Long thông thường, nếu sinh ra tinh phong của Tham Lang thì phương hướng của nó cũng rất kỳ lạ. Nếu Hỏa tinh xuất hiện trên Liêm Trinh thì phải tìm kiếm huyệt vị trong vòng 100 dặm. Ở trong sẽ xuất hiện một tinh phong Tham Lang nhỏ, nó sẽ luôn hướng về phía cung Hỏa tinh. Thông thường người ta chỉ biết Tham Lang tốt mà không biết Liêm Trinh tinh là chủ tông tại đó. Nếu Tham Lang không có Liêm Trinh làm tổ sơn, dù chủ nhân làm quan cũng không cao đến địa vị tam công.

Tinh phong trên đỉnh cao thì giống bàn tay nằm ngang, ở giữa phân ra một đường mạch nhỏ tựa rắn bò. Long mạch cao quí xuyên ra từ trung tâm, Phú Long thông thường chỉ sinh ra từ hai bên. Núi cao giống màn trướng che đậy phía sau, trong doanh trại sẽ có một Long mạch vô cùng nhỏ bé xuyên thấu qua, nếu Đới Tử bay nhảy mà phía dưới giống đuôi chuột thì đó là Thượng Linh Xà của Tham Lang; nếu Đới Tử bay nhảy mà bên dưới tựa tiên hạc duỗi dài thì đây là Hạ Tinh Xà của Tham Lang. Hình trạng của Thượng Linh Xà sẽ mang tới đại phú quí, mà Hạ Tinh Xà sẽ khiến gia đạo mục rữa thối nát.

Nếu có núi lớn cao vượt lên thì núi nhỏ trong đó đặc biệt phú quí; nếu có nhiều núi nhỏ xuất hiện thì núi lớn trong đó sẽ hình thành công hầu. Chỉ có núi cao cao thấp thấp, chợt to, chợt nhỏ, khi đứt đoạn khi liên tục mới là núi có cốt khí của Tham Lang chân chính. Thông thường Cửu tinh có các chủng

loại khác nhau, sinh con cháu cũng giống như các chủng loại này vậy.

Chỉ khi trải qua sự lột xác mới biết rõ cốt khí thực giả, nếu lột xác giả thì không phải là Chân Long. Vừa lột xác thì Long từ lớn biến thành nhỏ. Sau khi trải qua lột xác mới hiện ra Chân Long mà tinh phong nhỏ vẫn là Tham Lang tinh như cũ. Việc lột xác này cũng giống như người ta thay đổi y phục mới. Loại lột xác này có khi từ núi lớn biến ra núi thấp nhỏ, có lúc từ núi cao giáng xuống Bình Dương. Trong quá trình lột xác, Long mạch phân thành mấy đoạn, phần lớn sẽ bị rối loạn, chỉ còn lại một Chân Long duy nhất. Nếu là Chân Long thì sẽ đứt rồi lại đứt. Núi non tranh nhau bao bọc trước mặt không để các Long mạch này vượt ra ngoài, chỉ có Long mạch chân chính mới xuất hiện trong Sa Trướng, núi non bên ngoài sẽ vây kín nó. Long mạch này đa phần hạ mạch từ giữa eo, dư chi của nó hồi chuyển có thể hình thành thành quách. Thành quách khúc khuỷu sẽ để lộ dáng vẻ của lính canh cửa, La Tinh ngoài cửa phải nằm trong La Võng. Tinh tướng bên ngoài thường là Hỏa Tinh, chỉ có Hỏa Tinh thành đôi mới khiến Chân Long, yên ổn. Nếu La tinh đóng trong huyệt vị thì nó sẽ mang tới các ác bệnh về mắt và thai sản cho chủ nhân. Nếu La tinh sinh trên miệng La Thành, thì chủ nhân đứng trong hàng ngũ Ngọc Doãn. La Thành có hình thế như tường thành thì Long mới có thể tụ tập chân khí trong đó. Nếu La tinh đóng ở trong cung khuyết thì được gọi là Thủy Khẩu Sơn. Hình thế một bên là Trẩm Thủy một bên là Trẩm Điền là tốt nhất với La tinh chân thực. Trong ruộng thường có cốt nối liền mạch khí, có khi trong đất có đá cứng tồn tại. Đó là vì sự tồn tại dư khí của La tinh, nên lập thành thủy biên cao. Tham Lang và Cự Môn có hình dáng vuông và nhọn, Tả Phụ Hữu Bật và Vũ Khúc có dạng uyển chuyển và nghiêng hẹp. Lộc Tồn, Liêm Trinh, đa số là vỡ vụn, Phá Quân nhọn, chỉ có La tinh hiện ra dáng vẻ nhọn tròn vuông lệch mới đạt được chính hình của La Tinh. Có khi bốn phương tám hướng đều là thủy, có hai tòa núi bao bọc huyệt vị. La tinh cũng có nhiều chủng loại, nên không được tùy tiện nói rằng La Tinh chỉ xuất hiện tại thủy biên.

2– CỰ MÔN TINH
(PHỤ LUẬN QUÁ MẠCH)

Cự Môn tinh tôn quí mà tính đoan trang, vừa rời khỏi Tổ sơn nó đã ngẩng cao đầu. Tinh phong của Cự Môn khác biệt rất nhiều với các tinh thể khác, nó chẳng nhọn chẳng tròn mà thể cách vuông vức. Phía trên cao của nó hình thành dạng chiếc thẻ, hốt, nhưng không có Cước sinh ở hai bên. Tinh phong như vậy chỉ có một, hai tòa, phía dưới Phương Cương thì có nhiều núi nhỏ như đàn dê đang đuổi nhau. Cự Môn tinh của Phương Cương có cái giống Trướng bốn góc, trong Trướng có Đới tựa như muốn bay lên. Phải để Cự Môn xuyên qua mà vào trong Trượng, hai góc bay lên thì sẽ theo thân mình mở ra. Cự Môn tinh không có nhiều phân chi, phân diệp mà Quan, Hiệp cũng ít, song lại có sơn hộ vệ theo bên mình. Những sơn hộ vệ này mang theo Tiết, Hốt hộ vệ Cự Môn, những sơn có Tiết thường đến thành từng đôi. Lại có sơn phong Đao Kiếm cùng hộ tống, sau khi Đao Kiếm phong đưa tiễn thì có Viên Cương (đời tròn) của Cự Môn ở trước mặt.

Rời xa nơi có vết tích đứt đoạn thường không thấy Long mạch, tựa dấu chân ngựa lưu lại rất dài. Trong Thoa Cơ tự có đường tơ liên tục, sau khi qua lưng ong, gối hạc thì có nhiều dáng vẻ. Đây đương nhiên là vì Cự Môn tinh vô cùng tôn quí, do vậy có nhiều sơn phong đến hộ tống, mỗi khi Long mạch đứt đoạn ở nơi Quá Hiệp hai bên ắt sẽ xuất hiện sơn phong đến hộ tống. Những sơn phong này hai bên đều xuất hiện Cước hộ tống Chân Long. Nếu Long mạch đơn độc vận hành mà không có hộ tống sơn bảo vệ, thì nhất định sẽ tạo nên các miếu, chùa. Long Xuyên Chu tiến tới vài dặm, chợt hình thành Phương phong cao vượt lên. Nó đi theo một đường thẳng tắp, lưng dài rất giống Tham Lang bằng mà nhọn. Đã giống hai hình thức Bằng và Tiêm của Tham Lang, nó xuất hiện trên đỉnh núi, tựa con tằm đang nằm, Tham Lang tinh lại đi thẳng tựa hòa thượng đang thiền định. Hộ Long mang theo Tả Phụ lần

lượt chuyển, Chân Long ở trong mà tả hữu bao bọc. Nơi loại Long này hình thành không có lũng cao, nó sinh ra trong Oa huyệt và đầm nước sâu. Cự Môn tinh xuất hiện đơn độc giữa khe núi, huyệt vị nằm trên gò cao tựa Chân Long vậy. Bốn bề phải có dáng vẻ hộ vệ, chầu bái mà cao vượt. Án sơn trước mặt lộ dáng vẻ chào đón, cũng cần có tư thế bay lượn trên cao. Huyệt hình thành trên cao phải ngay thẳng.

Chân Long có Cự Môn xuất hiện nếu vận hành 30 dặm sẽ chỉ có 3,4 Phương phong cao vượt. Nhưng mỗi một sơn phong đều phải có các điều kiện là đều cùng ngay thẳng, dài, vuông, không nên có bất kỳ một thức nào nghiêng lệch mà mất đi hình thể quí giá. Nếu trên sơn phong bỗng nhiên xuất hiện dấu vết gấp quạt thì nó giống với Liêm Trinh vậy. Phàm Tinh Tú xuất hiện thì không được nghiêng lệch, càng không nên sinh ra Cước chiếu ứng đi nơi khác. Chân Long thông thường đều tiến thẳng về phía trước, từ từ hình thành huyệt vị Long Hổ xung quanh. Đây là sự vượt qua Nhĩ Hiệp của Vũ Khúc tinh, khi đi qua nơi này ngẫu nhiên nó sinh thành Hiệp.

Tinh tú tôn quí ắt sẽ có tư thế tôn quí, lấy ngay ngắn vuông vức làm Bình phong thì đó là huyệt vị của tướng. Hành Long dưới Cự Môn rất ít có Quỷ Kiếp bởi hàng ngũ hộ tống hai bên có khá nhiều, lấy thủy làm ranh giới, bên trong phân ra kèm theo Long mà đi, không thể đơn độc mà đi được. Nơi thủy giới phân ra sinh sôi vô số chi mạch, tuy Chi Diệp nhiều song đều cùng đi với thủy. Long mạch hộ tống nào cũng có phân biệt mặt và lưng, phàm lưng trông tựa bức vách mà mặt bằng phẳng. Nơi bằng phẳng gần sát với thân mình của Long, khi Long vượt qua nơi này thì hình dáng của nó rất kỳ dị. Nếu không có hình dáng tròn nhọn thì sẽ có hình dáng mã kỳ, nâng kiếm, bàn long đều qui tụ về đây. Hộ vệ sơn bao bọc trùng trùng. Cự Môn tinh tương đối ít có Quan Hiệp, hộ tống, lại không để hai bên trái phải có chỗ rời nhau. Xác định minh đường phải là nơi không bị nghiêng lệch, Án Sơn dày đặc phải ở dưới chầu lên. Tham Lang tinh phải Bình, Cự Môn tinh phải che phủ, Vũ Khúc tinh phải tròn. Tóm lại phải có đủ Tam Cát Tiêm Viên Phương chính mà không thể quá tề. Khi có đủ Tam cát thì mới không còn

hoài nghi gì khi nhận huyệt. Phải nhận rõ chân long thì tại nơi hồ nghi mới đủ để đoán định, nếu đoán định được chân long rõ ràng thì đúng là thuật sư thánh minh.

3– LỘC TỒN TINH

Hình dáng của Lộc Tồn tinh giống mặt trống, phía dưới sinh ra Cước trông tựa móng vuốt. Trước mặt nó thường có một tòa tinh phong nhỏ, đây là nơi Lộc Tồn tinh mang theo Lộc (còn gọi là Đới Lộc). Nếu tinh phong này lớn thì đây là Lộc Tồn tinh mang theo sát khí (Đới Sát). Nếu Đới Sát có Hoành Ma kiếm thì đó là Quyền tinh ở trước Vũ Khúc tinh. Thông thường Long mạch và Hiệp Cốc lớn đều phải vận chuyển vài trăm dặm đường, trong đó có rất nhiều Bảo Điện, Lầu Long. Nếu bỗng nhiên gặp Lộc Tồn tinh tựa như tiến vào Trường Viên, tinh phong cao không bao bọc Long mạch, thì chẳng cần lưu tâm tới nó làm gì.

Nếu Tiêm Cước ở dưới Lộc Tồn phong hỗn loạn thì gọi là Kỳ Trảo Cự. Tinh phong nhỏ mà tròn lại Đới Lộc sẽ sinh ra phú quí bậc công hầu. Tinh tú thường kỵ sự vỡ vụn, nếu không bao bọc bản thân Long mạch thì sẽ làm Quái. Long thần ngay thẳng không nên có bất kỳ kẽ hở nào. Long thần hung ác sẽ có nhiều nơi vỡ vụn. Huyệt vị hình dạng kỳ quái sẽ sinh ra người xấu kẻ ác, rốt cục cũng dẫn tới hủy diệt chính mình. Nếu trên Long mạch xuất hiện hình ngọn thương thì không tốt.

Mặt trống nếu hơi có hình vuông tựa Vũ Khúc tinh, song Vũ Khúc tinh khá ngay thẳng mà bên dưới không có Cước. Nếu có Cước bao quanh thì đó chính là Lộc Tồn tinh. Khi gặp những nơi tương tự, nên phân biệt mặt và lưng. Nếu lưng giống mà mặt khác thì đây là nơi Lộc Tồn tinh di chuyển. Nơi lõm xuống là mặt mà nơi gồ lên là lưng, nơi làm huyệt phân rõ Kim tinh mà chốn vượt qua trông tựa đường tơ. Phàm xem tinh tú chủ yếu là xem nơi nó chuyển dịch, nơi này cần phải giống người mẹ đang nhìn con mình vậy. Nếu chi mạch phân thành nhánh khác cũng vẫn có Chân Long, nhưng phân làm Qua Đằng thì khó biết.

Trong vòng mười dặm không có núi non thì phương hướng cũng mờ mịt.

Mỗi khi tới một nơi nào, ta cần xem xét thủy thế, xem đó là sông nước hay nguồn khe. Chỉ cần có 2 dòng thủy lưu kèm nhau mà ra, cùng giao hội mà kết thành mạng lưới dày đặc bên ngoài. Nơi Lộc Tồn tinh đóng phần lớn là trong Bình Dương, nơi kết huyệt lớn thì tạo thành châu quận, mà nhỏ thì hình thành thị trấn, huyện lị. Trong Bình Viên thường có đất đá lổn nhổm, có khi hình thành Hoành Sơn. Nơi đây cũng có Tả Phụ và Hữu Bật, Phụ, Bật tinh không có chi mạch mà Lộc Tồn tinh thì có, phải quan sát kỹ mới tránh khỏi sai lầm.

Lộc Tồn tinh là tinh tú lớn thứ nhì của bậc đế vương, nó chủ cả văn lẫn võ. Phàm Cửu tinh hành Long đều cần có Lộc, trọng yếu nhất là cần có Tham Lang, Liêm Trinh, Cự Môn kèm theo, có lúc nó nổi lên từ hai bên trái phải của Vũ Khúc, quí Long này rất ít thấy, nếu gặp loại tinh phong rời xa kết huyệt thì không nên lên núi cao tìm cục thế gấp gáp. Nếu gặp Cửu tinh cùng kèm nhau mà đi, thì chỉ cần phân biệt có chân hay không là đủ. Yên Vân xuống núi mà vượt ra Cửu quan, bên trong cần mang theo Tam Cát sơn của Lộc Tồn tinh. Núi cao hay trong Hiệp phần lớn có dáng vẻ đẹp đẽ, nhưng cũng có Lộc Tồn viên nhuận sinh ra trên nham thạch. Lộc Tồn và Phá Quân có rất nhiều loại hình dạng, cũng có chính hình ở dưới thấp. Sơn hình ở dáng cao vút, trên đỉnh sẽ sinh ra Lộc Tồn tinh. Nếu sơn hình ở trên Bình Dương thì giống như sơn phong đứng thẳng, đỉnh thấp mà Cước Thủ (chân tay) ngang bằng. Nếu trên đỉnh sinh hình, thì đỉnh núi nhất định xưng vương, nếu bình địa sinh hình thì cước sẽ đi loạn.

Lộc Tồn tinh thứ nhất giống mặt trống, Cước và Thủ đối xứng bên mình mà đi xa. Bình hành có Cước thì trông tựa mũi kiếm. Tinh tú ra từ sông lớn, ở trong cũng có Tiểu Tham Lam và Tiểu Cự Môn. Tả Phụ, Hữu Bật tinh sinh ra từ hai bên trái phải thân mình. Đây là Long Thần hình thành châu huyện. Có khi núi non bỗng hình thành cục thế tán loạn, do vậy cần có thủy lưu làm môn hộ.

Lộc Tồn tinh thứ nhì giống chiếc nồi lật úp, Cước nhọn như mũi kích. Có Cước mới được xem là Lộc Tồn tinh chân chính, nếu không thì gọi là Lộc Tồn Thôi Cự Môn, tinh tú này nhất định có uy quyền, khiến người từ tay trắng làm nên.

Lộc Tồn tinh thứ ba giống móng bạc, hai bên ngắn nhỏ mà ở giữa khá dài là Long mạch lộ ra. Nếu hình thế thấp nhỏ, khi tiến tới có huyệt vị tồn tại, ắt sẽ sinh Long sơn, Hổ sơn.

Lộc Tồn tinh thứ tư giống hình rẻ sườn, nan quạt, mà Cước Thủ thì giống tơ căng. Long này kết huyệt chỉ lợi cho việc xây dựng đàn cúng tế.

Lộc Tồn tinh thứ năm tựa quần áo rách cũ, như bị tản mác, đây là tinh tú của Bình Hành, tinh tú bình hành mà chi tách ra trên đỉnh. Long này chỉ kết huyệt trong Bình Địa.

Lộc Tồn tinh thứ sáu lạc huyệt trong Bình Địa, hình thế của nó tựa sóng trào. Các tinh tú khác cũng lạc huyệt tại Bình Dương, nhưng chỉ có tinh tú này lạc huyệt tại Bình Địa là tự bay lên. Cước của nó chuyển dịch thường sinh ra các tảng đá lớn có màu đen hoặc vàng. Ở hai bên Long mạch cần quan sát kỹ các hiệp cốc tùy theo Long mà đi nên xem kỹ độ lớn nhỏ, dài ngắn của nó. Khi Long Hộ Tòng chuyển hướng, nên quan sát nơi nó giáng xuống, nơi đó cần có thủy lưu uốn lượn, khúc chiết. Quỉ hình của Lộc Tồn tuy nhiều mà thế của nó tựa đàn chim bay qua.

Lộc Tồn thứ bảy tựa con rắn dài, hai bên trái phải không có hộ vệ, cũng không có gì che chắn. Long này chính là Hộ Tòng của Quí Long, trên bờ thủy lưu có tư thế chếch ngang.

Lộc Tồn thứ tám xuất hiện trên đỉnh núi cao. Nó từ từ nhỏ dần và hình thành huyệt vị, Oa, Kiềm cũng rất ngay ngắn. Long này được gọi là Bát Quí Long. Đẹp nhất là khi từ Chân huyệt mà ra.

Lộc Tồn thứ chín tựa hoa rơi, từng mảng hình thành hình dáng thủy kèm sa phong. Nếu không hình thành đầm ao làm Quỉ huyệt, cũng sẽ hình thành La Tinh tại thủy khẩu để che chắn.

Các tòa núi trong thiên hạ đều có Lộc Tồn, song hung hay cát phải phân biệt cho rõ. Đừng cho rằng Lộc Tồn tinh nào cũng tốt đẹp. Nên biết Ngũ Nhạc đều là Chân Long lạc huyệt, trong đó có quá nửa là Lộc Tồn lẫn lộn với Phá Quân.

Đỉnh Mã Nhĩ trên Thái Hành Sơn chính là Long mạch Tham Lang tinh xuất hiện trên Lộc Tồn tinh.

4- VĂN KHÚC TINH

Hình dáng tiêu chuẩn của Văn Khúc trông tựa rắn bò. Văn Khúc tinh nhu thuận mà có tình. Hình thần của nó rất sống động. Thử hỏi làm sao mới có thể có ngọn núi như vậy ? Thế ất nó phải xuất hiện trên tuyệt thể của Liêm Trinh. Lại hỏi làm sao mới tìm được tuyệt thể ? Thế ất nó ở trên Bản Cung sơn. Làm sao kiếm ra Bản Cung ? Đó là nơi Long mạch mới sinh dưới Bảo Điện.

Nếu nhận ra tinh phong mới lộ diện rồi, càng cần phân biệt kỹ xem đã có được tinh tú nào. Chín loại tinh tú đều rất ngoằn ngoèo, chỉ có Văn Khúc tiến về phía trước. Nếu không có Văn Khúc, các tinh tú khác sẽ không có biến hóa. Sự biến hóa cần phải xem thứ nào chiếm đa số tinh. Tinh tú chiếm đa số thì thành chủ mà phân biệt thiện ác, Văn Khúc tinh dễ thấy nhất. Mỗi khi gặp nó nơi thịnh vượng thì sinh ra mặt nghiêng, Long thần sẽ đi thẳng, nếu có tinh phong thì sẽ có Phụ Bật cùng ra. Có Văn Khúc tựa rắn bò trên Bình Địa là tốt nhất. Sơn cốt của nó thiếu tinh phong nổi lên. Văn Khúc liên tiếp thì con gái của gia chủ sẽ làm cung phi hoặc hoàng hậu. Thông thường tinh xuất hiện thì ất sẽ có tình, đương nhiên sẽ liên tiếp. Song nếu không có tinh phong mang hình thần sống động thì sơn mạch tựa Tử Long không thể tung hoành bay lượn. Dù tại đó có huyệt vị, song cũng chỉ có thể làm miếu thần mà thôi. Nếu xây dựng phần mộ và nhà ở tại đây thì con gái trong nhà sẽ phải làm nghề kỹ nữ, con trai thì phá gia, cha mẹ anh em bất hòa dẫn tới kiện tụng và sinh ra các loại bệnh tật quái dị khiến người sống thec nhau mà chết.

Trong Khốn Long có tinh phong cao vút lên thì trái phải trước sau sẽ gặp nghênh, tống, Cự Môn, Tham Lang, Vũ Khúc, Phụ Bật... lần lượt xuất hiện. Nếu có được tinh phong cao quí tương sinh thì Tốn phong sẽ rất tốt. Đàn ông tướng mạo khôi ngô, đàn bà nắm giữ toàn bộ quyền hành trong gia đình.

Không nên nghĩ rằng Hung Long không lạc huyệt, cũng có Hung Long khiến nước nhà thịnh vượng. Đó là vì người ta không biết có Tinh Long, như trong Tham Lang có Liêm Trinh, trong Văn Khúc có Hữu Bật. Trong Vũ Khúc có Phá Quân thì sẽ khiến nhà cửa rối loạn; trong Lộc Tồn có Vũ Khúc thì sẽ có người giỏi võ thuật; nếu trong vòng 10 dặm có một ngọn núi sừng sững, thì có một Long biến từ nhỏ thành lớn, từ yếu thành mạnh.

Một núi có thể đoán là một đời, cần phải quan sát kỹ đời nào đã sinh ra Long. Như vậy có thể đoán được phú quí từ chỗ gián đoạn của tinh phong này. Long khốn nhược tựa Tử Long, không hề có chút sinh khí. Trên lộ trình của nó sẽ không có sơn hộ tòng.

5– LIÊM TRINH TINH

Vì sao Liêm Trinh lại thuộc về Hỏa Tinh ? Là vì nó có hình thể cao lớn. Hình dáng của nó biểu hiện tư thế chót vót trên đỉnh núi.

Sự hưng khởi của Liêm Trinh hình thành thế lầu rồng bảo điện, Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc cũng sinh ra từ đây. Thuộc tính của Liêm Trinh thuộc về thuần Dương, nó sinh ra trên đỉnh tinh phong, nơi cao mà nhọn là lầu, nơi bằng phẳng là điện.

Nơi đất đá hỗn loạn trên đỉnh sơn phong được gọi là Tụ Giảng Sơn. Sau khi Tụ Giảng Sơn hình thành thì nó sẽ phân tán ra. Sau khi hình thành Long mạch sẽ di chuyển rất xa. Tìm dấu vết của nó, nên tìm tới mẫu sơn. Tới nơi này nó sẽ sinh ra Sơn Chương trùng trùng, tựa vô số trướng màn đang mở ra. Sơn thế giống một vào trướng, một rời trướng. Giữa trùng trùng Sơn Chương sẽ có một Long mạch xuyên tâm mà qua, nếu màn trướng

không bị xuyên tâm thì sẽ không có nhập trướng. Trướng màn nhiều bao nhiêu thì vận quí càng nhiều bấy nhiêu. Chân Long xuất hiện nếu chỉ có một lớp màn trướng, tại đây sẽ xuất hiện quí nhân. Trong màn trướng thấp thoáng có Tiên Đới nhảy múa, nếu Tiên Đới hạ thấp thì chủ hưng vượng phát đạt. Tại nơi này có Thiên Quan Địa Trục cùng đón ở hai bên, các tảng đá tựa rùa rắn cũng thường có ở đây. Trên đỉnh núi có Trì Thủy, Trì Thủy chảy xuống giáp với sự dịch chuyển của Chân Long. Vì sao trên đỉnh lại có Thủy ? Vì Chân khí trên lâu rồng bảo điện của Chân Long tích tụ. Chân Long xuyên qua Thủy, lại cũng có một Trì Thủy đơn độc hình thành thế bao bọc ở bên trên. Trì Thủy đơn độc, nếu có nơi nghiêng lệch sẽ sinh ra tại họa; nếu bề mặt Trì bằng phẳng mà có 2 thủy lưu kèm theo thì nơi này gọi là Thiên Hán Tinh. Thiên Hán và Thiên Hoàng đều tiến vào lâu gác, tinh tú như thế sẽ khiến người làm tướng lĩnh. Long có hộ vệ trên đỉnh núi, thủy lưu kèm sát Hộ Long mà vào.

Nếu nơi tương ứng với tinh tú lại lập một hình thể khác thì đó là bằng chứng Chân Long phân nhánh rẽ mạch. Tổ Tông sơn phân chia con cháu và anh em, đến đây lại phân ra Tham Lang mà biết được tính tình.

Tham Lang có hình búp măng cũng xuất hiện từ đây. Sơn phong vuông vức là Cự Môn, ta phải phân biệt rõ Cái, Đích (Đích là chi chính, Cái là chi phụ) Nếu Đích, Cái không mất hình thế rời trướng, thì đây chính là Ngũ Cát Tinh (Tham Lang, Vũ Khúc, Cự Môn, Tả Phụ, Hữu Bật) của các tướng soái.

Các tảng đá tương ứng với Liêm Trinh đều bị mọi người gọi là Ác Thạch, họ thực không rõ đó chính là tinh túy đá được rèn luyện của khí Dương Chân Khí. Long mạch như thế phần lớn lạc huyệt tại phương Nam, sơn phong phía Bắc đều có hình dạng kỳ lạ.

Phàm tinh phong đều có đất đá, nếu chỉ có đất không có đá thì vô dụng. Cốt của Liêm Trinh có thể tìm thấy tại nơi bằng phẳng, nếu Liêm Trinh không sinh ở nơi cát lợi, thì nó ắt sẽ cách với sông hồ mà hình thành thế Ứng Long. Tư thế chào đón của nó tương ứng trong vài mươi dặm. Chỉ cần thạch đá

lớn nhô lên trên Liêm Trinh thì phải tìm dấu vết của nó trên đỉnh. Quan sát kỹ Chân Long sinh ra ở đây thấy được Long xuyên qua trung tâm tầng tầng Hoa Cái; Ngũ Cát phải nhô cao và xuất hiện trong Hoa Cái. Chân Long này rất ít khi gặp được, Hoa Cái của nó xếp theo hình chữ Phẩm (品). Hai bên vai nó chia thành 2 Hộ Long, đây là anh em có cùng tổ tông. Huynh Đệ sơn liền hình thành nên 2 Long Triền Hộ, trước đón sau đưa sinh ra Thư và Hùng. Nếu Long là giống đực (Hùng) thì những điều nó sinh ra thuộc giống đực. Song nếu Long là giống cái (Thư) thì phải làm sao để nhận biết ? Thấp mà phì nhiêu đó là Thư, Cao mà khô cằn đó là Hùng. Phàm trên mình Chân Long đều có ngọn núi chính, chỉ cần phân biệt được vết tích của nó ở đây thì được. Thường thường chúng hình thành dáng vẻ đón chào Tổ Tông; chỉ cần xem dáng Hộ Vệ sơn, nghênh Tống sơn tựa Chân Long đang cuộn mình. Lại có nghênh Long tựa hổ ngồi bên đường, thuận theo Chân Long, sơn, thủy, đều lộ dáng vẻ chào đón. Nếu mất tông tích ở nơi đến mà có điều nghi ngờ, thì hãy quan sát Thủy Khẩu có sinh ra các tảng đá hình dạng kỳ lạ hay không. Ắt sẽ có La Tinh đứng giữa Thủy, ngoài ra La Tinh có núi làm Quan. La Tinh sinh ra ở trên hay dưới cần phân biệt, tìm kiếm kỹ lưỡng, vì La Tinh cũng có thực có giả. Nếu La Tinh gần thủy thì sẽ sinh ra đá lớn, La Tinh ngay ngắn thì tốt nhất, Liêm Trinh thường sinh nhiều trên Long quay đầu về Tổ sơn. Tổ Long xa xa là Triền Sơn, còn có Quỉ cước quay mình. Long Hộ Tống cần sinh ra mười mấy lớp, sơn phong của Tống Long phải ngắn nhỏ và ở phía sau. Hình dáng bao bọc không thể ôm lấy hai tay, Triền Hộ có Long phải vây phía trước lấy Long, Hổ Sơn. Nếu có 3,5 lớp hộ vệ thì phúc sẽ nhiều thêm. Cho nên khi tìm Long mạch, chủ yếu phải quan sát Triền Sơn, Triền Hộ là một lớp Quan. Nếu Quan có một vòng các núi bao bọc thì nhất định sẽ có Vương hầu ở trong.

Nếu gặp Liêm Trinh mà không thấy đá thì dưới Cước sẽ có vách đá, vách đá là lưng mà mặt là nơi bằng phẳng, tìm Long ở mặt thì dễ gặp. Các tinh : Tham Lang, Vũ Khúc, Cự Môn, Phụ Bật... trong quá trình vận hành, nơi chúng xuất thân là chân thực. Nếu sơn mạch đổi cốt có hơn 9 đoạn thì

nơi đây sẽ sinh ra bậc công hầu. Nếu Liêm Trinh biến thành Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc thì chủ nhân sẽ văn võ song toàn mà chức vị tột bực cao. Song nếu Liêm Trinh bất biến thì trong nhà chủ nhân sẽ nảy sinh những việc dữ như : loạn luân, giết cha, làm phản...

6– VŨ KHÚC TINH
(PHỤ LUẬN QUAN QUỶ MINH ĐƯỜNG)

Tinh phong của Vũ Khúc luôn có hình dáng như chiếc chuông, chiếc nồi lật úp, thông thường chuông cao mà nồi thấp, chúng chủ về những sự việc khác nhau. Cao là Vũ Khúc mà thấp là Phụ Bật. Cả hai tuy cùng cát lợi, song lớn nhỏ đều có khác biệt. Nếu Vũ Khúc ngay ngắn, thì vận phú quý khá vững bền; song nếu là Tả Phụ, Hữu Bật thì vận phú quý chỉ có thể quyết định tùy theo sự dày mỏng của Long mạch.

Sau khi Chân Long vận hành 5, 6 dặm, lúc sắp lạc huyệt thì phải tách Phụ Bật ra. Trong khi đi, trước có Quan sau có Hiệp cùng theo, nếu Hiệp nhiều, Long sẽ uy mãnh. Nếu Phụ Bật tịnh tách ra đến 3, 4 lớp thì cần quan sát kỹ nơi này để tìm dấu vết của Long. Nếu ở nơi lạc huyệt không có Phụ Bật mà chỉ có Tham Lang, Cự Môn, thì dù đó là cao sơn cũng không thể khiến Long dừng lại. Tuy Phụ Bật là dấu vết nhập huyệt, song tùy hình dáng mà thành huyệt lại có điểm khác nhau. Huyệt vị tùy vào sự nhấp nhô của Thổ Phong mà thành Kiềm, Nhũ, Hình Thần và sự lớn nhỏ của chúng đều quyết định nhờ vào Tông Long. Thông thường, Long của Viên sẽ bất ngờ kéo dài Cước ra, đây là Quỷ Long có hình giống chiếc thìa lật úp. Dấu hiệu cái ki bị lật úp, bàn tay để ngửa là điềm báo Long sắp lạc huyệt, khi tới đây không nên đánh mất vết tích thực của nó. Hãy nhận kỹ huyệt vị trước mặt Long, và đừng bỏ qua phần lưng. Làm thế nào để biết Long có lạc huyệt hay không ? Phải quan sát xem ở đàng sau, Long có hình thành sơn phong tươi tốt không. Lại hỏi làm sao biết Long đang dịch chuyển ? Chủ

yếu phải xem tinh phong của đuôi Long có lắc lư liên tục không. Phía sau Long là Quan hay Quỷ phải phân biệt cho rõ, nếu là Quỷ khắc thân Long thì nó ở sau, nếu là Quan khắc thân Long thì nó ở trước mặt, đây là tình huống Long mạch xuất hiện Quan tinh và Quỷ tinh.

Nếu Âm Dương ở nơi Chân Long lạc huyệt rối loạn, thì Ngũ Hành và Quan Quỷ không nên đối nghịch nhau. Thủy Long tách ra thì Hỏa Long xuất hiện, Quỷ ở sau Quan ở trước. Nếu trên Khảm sơn có Long đến làm Ngọ, Đinh, mà khiến Địa võng, Thiên La cùng chuyển thì đây là trong Âm Dương pha tạp Ngũ Hành. Không cần phải nhận biết Ngũ Hành ở đây mà chỉ cần quan sát kỹ thân Long mà thôi. Nếu Chân Long đoạt mạch thì có Quỷ Khí, Quỷ Khí không tụ mà vận hành trên Long mạch. Trên mình Chính Long thường không có Quỷ sơn, song nếu Hoành Long rời huyệt ắt sẽ có Quỷ tinh xuất hiện, Quỷ tinh xoay mình mà cùng bao bọc phía sau huyệt vị. Nếu Quỷ sơn quá dài thì nó sẽ lấy mất Chân Khí của Long. Như thế nào mới có thể gọi là Quỷ " Quỷ Sơn chống ở phía sau Chủ sơn. Quỷ Sơn phân nhánh tách mạch mà không quay đầu về, đoạt lấy chính thân của Long mà thiếu Toàn khí. Sau, huyệt của Chân Long nếu có Quỷ sơn, thì sơn thế ngắn mà tách nhiều nhánh. Đây là tinh tú sau huyệt Chân Long, tinh tú có phân biệt thể nhọn và tròn. Nếu sau huyệt của Chính Long có Quỷ sơn thì Quỷ sơn giống như những con chim Trĩ bay tới, quay đầu lại hộ vệ cho huyệt vị. Nếu Quỷ sơn không quay đầu bao bọc bản thân huyệt vị thì đây là nơi Tử Huyệt, còn gọi là huyệt Không Vong. Cái gì gọi là Không Vong ? Phía sau huyệt xuất hiện tư thế hòn ngói để ngửa thì gọi là Không Vong. Trên mình Chân Long có rất nhiều hộ vệ, các ngọn núi đều tới chào đón, chúng hộ vệ bên mình mà không dám rời xa, ở giữa có Tuyền Trì lặng lẽ chảy vào huyệt. Phải nhận biết Quỷ sơn của Chân Long khá ngắn, vì có Long Triền Hộ ở sau. Đã có Triền Long sát bên Hộ Long thì nó sẽ không để Quỷ sơn tản mát khắp nơi. Nếu Quỷ sơn đi thẳng mà tiến vào sông bể, thì Long này sẽ có nhiều hình dáng tạp loạn. Nếu Quỷ sơn có hình cái qua, cái mâu, chạy tán loạn, thì không thể lấy Chân Long kiêm chế chúng được. Long không có Triền Hộ thì dù có Chân Long cũng không được toàn mỹ.

Sơn Hộ Triền phần nhiều ở trước huyệt, nếu Hộ Triền có 3, 5 lớp thì phúc khí sẽ được bền lâu. Có một lớp Hộ vệ thì phúc cả một đời, nếu Hộ vệ này có diện tích 10 dặm thì nó là nơi sinh ra danh tướng.

Quỷ Sơn cũng có Chân hình. Chân hình tùy thuộc vào Tam Cát và Phụ Bật. Cửu tinh cũng có hình dạng của Quỷ. Quỷ tinh của Tham Lang rất nhọn, nhỏ; Quỷ tinh của Vũ Khúc có ít Chi, Diệp, phần lớn hình thành dáng vẻ chiếc thìa lật úp, nếu ở phía sau huyệt thì tối cát. Quỷ tinh của Cự Môn có hình châu ngọc, Tham Lang thì hình thành hình bậc thang sinh ra ở sau lưng, tầng lớp nhỏ dần. Nếu Hữu Bật làm Quỷ tinh thì giống như màn trướng có khi sinh ra từ phía sau Long, Hổ sơn. Quỷ của Tả Phụ phần lớn hình thành dáng đốt sống loài trùng, tựa chữ Vương ( ).

Phá Quân, Lộc Tồn, Liêm Trinh, Văn Khúc đa số sẽ hình thành cửa ải, nơi gần cửa ải mà rộng lớn thì gọi là Tản Quan. Cửa ải là cục cũng phân biệt lớn nhỏ, Phá Quân, Lộc Tồn ở ngoài chắn trước cửa. Nếu Lộc Tồn không có Lộc thì gọi là Thần Đàn, nếu Phá Quân không có Phá thì thành Cận Quan. Quỷ sơn chuyển hướng đều dựa vào Hoành Long, Chính Long thường lạc huyệt từ Bình Địa. Long thế của Bình Địa tựa rết bò, chân núi dài trông tựa mái chèo, trước mặt chính là huyệt vị. Nếu mái chèo hướng ra sau thì Long mạch tiếp tục đi tới. Nếu mái chèo hướng ra sau mà chợt có sơn phong dựng lên thì ắt có Chân Long tại đây.

Tóm lại Cửu tinh đều có Quỷ hình, mỗi tinh lại có 4 hình thức, tổng cộng có 36 quỉ hình, biết được Quỷ hình cũng chính là biết được cái tinh túy của Chân Long vậy.

Lại hỏi phải thế nào mới được xem là Quan ?

Đó chính là núi kéo dài nghịch hướng ở phía sau Triền sơn. Đây là biểu hiện Triền Sơn có dư khí cũng như phía sau Long huyệt có Quỷ vậy. Quan tinh ở trước mà Quỷ tinh ở sau, Quan phải có thể quay đầu mà Quỷ phải có thế nghênh tiếp, bằng không đó chỉ là hư ảo và huyệt vị không thể kết phát được. Sau lưng Long huyệt nếu có Y Quần thì đây là trường hợp có nhiều

Vũ Tụ tại Quan Lan. Nhưng có Vũ Tụ lại không thấy huyệt, cũng như người được bổ nhiệm mà không đi nhận chức vậy.

Nên quan sát Minh Đường ở nơi hội tụ Chân khí, trong minh đường cần có Bình Dương, nếu trong có Thủy thì phải rộng rải bằng phẳng mới quý. Nếu minh đường gặp các tình huống như nghiêng đầu, lệch lạc, lao tới và thủy lưu gấp gáp thì đều không tốt. Trong trường hợp chưa phán đoán kỹ Tả Hữu tiền hậu của sơn thì nên tới minh đường xem thủy thế trước nhất. Cũng có minh đường giống đáy Oa, có hướng ngang thì gọi là Kim Thuyền, và được Thanh Long, Bạch Hổ bao bọc, có hướng thẳng thì gọi là Thiên Tâm mà uốn khúc, Mã Đế tuy thẳng mà có thế uốn lượn. Minh đường tựa hoa sen, trôi dạt về bên trái thì đại quí, dạt về mé phải thì tiểu quí, nếu đóng ở giữa thì các phương vị đều đạt phú quí song toàn. Minh Đường lấy hướng ngang làm thế quí, tiếp đến là hình thế khúc chiết rõ ràng gọi là Quan Tỏa. Nếu minh đường trôi dạt đi mà không có thế quay đầu thì không tốt. Quan Tỏa có nhiều cách thức : dài mà vuông thì gọi là Tượng, ngắn là Mộc, nhỏ gọn là Kim, đầy đặn là Ngân. Sau khi quan sát các cách thức này, cần tới gần cục thế xem xét, nếu ở trong có Nhũ huyệt thì đó là Chân Long. Nếu Quỷ hình trái bầu thì chuyển sang trái. Trước mặt huyệt có thế chuyển ngang thì quan vận sẽ chuyển, con cháu 3 đời hưởng phúc.

7– PHÁ QUÂN TINH

Tinh phong của Phá Quân giống lá cờ, trước mặt là núi cao mà sau lưng thấp dần. Hai bên không có thế hiểm yếu, nơi vách núi dựng lên hình thế nghiêng lệch. Không ai biết đây chính là tinh tú xuất hiện Lục Phủ, trên mặt có Tam Thai mà ở xa là Tổ sơn. Sau đó sinh ra 6 diệu tinh tức Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Vũ Khúc. Tinh tú trên Tam Thai được gọi là Tam Giới, 6 vì tinh tú này cùng dắt nhau mà ra. Hình dáng tròn, nhọn thì giống Tham Lang, Cự Môn, hình tròn sinh ra Vũ Khúc, Thượng, Trung, Hạ Thai cùng xuất hiện

mà đi tới thẳng Văn Xương Thai của Lục Phủ. Sáu tinh của Văn Xương Thai tựa Yến Nguyệt. Trên đỉnh bằng phẳng sinh ra 6 tinh, 6 tinh tạo ra hình lồi lõm. Trong hình lõm có chỗ trồi lên, sinh ra Cửu tinh xếp đặt chỉnh tề. Phá Quân chịu sự biến chuyển của Cửu tinh, từng vì tinh tú sinh phong mà hình tượng đều hiện ra, hình thế của núi ở trên mặt đất mà hình của Thủy lại ở trên trời. Nếu tôn tinh nổi lên thì chân khí dứt, Chi Diệp đều bị Lộc Tôn chiếm. Nói tới tôn tinh là nói tới Tam Cát và Phụ Bật.

Phá Quân có hình như lá cờ bay có đuôi kéo dài mới là chân hình, nếu xuất hiện Tôn tinh thì sẽ có hình thế. Hình thế của Phá Quân được mệnh danh tùy theo chủng loại các tinh tú. Phá Quân của Tham Lang như chợt nổi lên, từng bậc từng cấp có tên là Thiên Đệ. Mũi nhọn trên đỉnh hướng về trước mặt thì có Nham Huyệt, nơi đỉnh duổi ra trông như hình con gà đang gáy, trên đỉnh núi có một dải Đới trải xuống Nham, tiến thẳng đến Bình Địa như sợi tơ nhện. Sợi tơ này tựa đứt mà không đứt, như vó ngựa vượt qua vậy, ở hai phía Đông, Tây có thể thấy rõ nó. Hình tượng của Tam Cát luôn là như thế, nơi đây được gọi là Cát Phá Địa. Đi qua Bình, Thủy đều như vậy, nhất định có ao hồ cùng theo sát hai bên. Tham Lang xuống, Phá Quân đi, hình thành nên Viên cục.

Phá Quân của Cự Môn bày thành hình chữ thập (✝) đỉnh tương đối tròn mà có thế Khi, Trắc. Nó giống chim gõ kiến trên cành cao vậy, lên thẳng tới đỉnh mới lộ ra Thạch Thủy. Tinh tú này rời khỏi Long mà sinh ra thế chân vạc. Long này đem tới phú quí, có thể sinh ra bậc vương hầu, lại trải qua mấy phen thay đổi sẽ xuất hiện tể tướng phò trợ nước nhà.

Phá Quân của Lộc Tồn đều ở trên đỉnh bằng phẳng, hai bên mình có hình dáng như rắn uốn mình trườn đi, đồng thời hai bên sườn hơi lộ ra, trước mặt tựa cây đại thụ đổ tại đất Bình Dương, sinh ra vô số Thụ Can, Chi Diệp. Trong Thụ Diệp lại sinh ra mầm non, hình thành ra thế từ núi cao chạy xuống đất bằng. Huyệt vị ở gần ngay trước mắt, song nếu không có hộ tống thì chỉ có thể xây dựng đền miếu mà thôi.

Phá Quân của Vũ Khúc tựa cái chạn thức ăn bị đổ, thân hình của nó đầy đặn song có hình thế nghiêng lệch, sơn mạch phía trước chạy ra như gà duỗi cổ, sơn mạch từ đỉnh xuống trông tựa sống mũi. Cước một cao một thấp cùng không nhọn, Nhũ đầu lạc huyệt ắt phú quí song toàn.

Phá Quân của Liêm Trinh cao lớn, tiếng của đại thủy lưu qua quan hiệp ầm ầm như sấm.

Phá Quân của Tả Phụ tựa chiếc khăn đội đầu của đàn ông, hai bên có Cước với tư thế như đá cầu.

Phá Quân của Hữu Bật tựa cá chép vượt Long môn khi tới bình địa chợt dựng đứng lên mà ra. Mấy loại Phá Quân tinh phong này đều chen nhau đi trong bình địa, chúng kéo dài thân hình mà đặt Cước hướng ngang.

Để hình thành được đàn thần, tông miếu hay phú quí, cần xem xét kỹ sự khác nhau của Triền Hộ sơn. Nếu Triền Hộ nhiều thì đó là Long của Phú quí, nếu Triền Hộ ít thì chỉ thành đền chùa. Cửu tinh đều có Phá Quân, Lộc Tồn và Văn Khúc, hình của 3 tinh này do Phụ Bật làm chủ. Chúng có hình xâu chuỗi thì đó là Lộc Tồn của Cự Môn, nhưng nếu là hình mái chèo thì đó là Lộc của Phá Quân. Nếu thành huyệt phía dưới cát tinh thì tốt, và ngược lại. Huống hồ Long hung ác không thể kết huyệt, dù có thành huyệt thì cũng là huyệt giả, mà huyệt giả làm sao có thể bền vững được lâu ?

Khi Chân Long xuất hiện, trước mắt ắt hiện ra Tồn Tinh. Nếu Tồn Tinh sống động, thì dù là Tử Long cũng có thể biến thành Sinh Long; Long đổi cốt thì xuất hiện Phá Quân, Liêm Trinh, Lộc Tồn, Văn Khúc. Phá Quân sẽ đột nhiên hướng ngang mà ra khỏi sa trướng, Long này xuất hiện sẽ có hình dáng của Tướng Quân, thủy lưu nó gặp phía trước sẽ thành áo giáp của nó. Trong trường hợp này hình tượng của Phá Quân và Lộc Tồn sẽ rất nhiều. Nếu không có hình mũi đao thì cũng có hình kiếm kích. Nếu Long vận hành mà gặp phương vị Lục Tú thì sẽ gặp Lục Khí mà tung hoành khắp trời đất, Lục Khí biến hóa sinh ra Lục Tú, dù hung tinh có tới đây cũng bị tiêu diệt tận gốc. Hung tinh tận diệt, cát tinh sinh ra.

Mỗi một dải chân núi của sơn mạch Côn Luân đều là Phá Quân sơn, Chúng đi ra liên miên bất tuyệt từ bờ Bắc biển lớn, người ở đây thô kệch, tính tình cũng vì thế mà dũng mãnh, trẻ em lên ba đã học cưỡi ngựa bắn cung. Sơn thế đến Lũng Hữu, tinh phong ở đây cao chọc trời, nhọn hoắt. Vì sao nơi này không sinh ra văn nhân ? Vì sơn phong quá nhiều mà thành nơi hỗn trọc. Nơi núi cao lũng rộng nhiều, Tiêm phong không như trên bình nguyên, dù có núi cũng chỉ là số ít. Sơn mạch chạy tới Đại Tản Quan, tại đây núi sông hội tụ rất nhiều. Sơn mạch tiến thẳng tới cửa Hàm Cốc, thủy lưu xuất hiện từ Hoàng Hà. Sơn mạch thấp dần mà xuất hiện Hùng Nhĩ sơn, Bình Dương vạn dặm cũng thấp dần. Đến đất Đại Lương thì không có núi, vậy phải tìm Chân Long ở đâu ? Phải dựa vào giang, thủy mới thấy được tông tích của Long.

La Thành 100 dặm không được coi là xa, có biết được điều này mới có thể đàm luận về Cửu tinh. Muốn biết Cửu tinh thì cần xem chính hình của nó, như vậy nên tìm kiếm tại nơi dịch Cước của Chính Long, từ đó mà biết Phá Quân và Lộc Tồn dịch chuyển bên trong. Trong thiên hạ núi nào cũng có Phá Quân và Lộc Tồn, Phá Quân cùng giao với Lộc Tồn thì xuất hiện Địa Trục (có núi tại Thủy Khẩu). Nếu Lộc Tồn không có Lộc thì hình thành Quan, Phá Quân không có Phá thì thành Lan. Sơn hình làm Quan, Lan sẽ hình thành Thủy Khẩu, ắt có La Tinh trong thủy.

Đại Long cần có Phá Quân sơn lớn, Tiểu Long cùng cần có Phá Quân, Lộc Tồn và Văn Khúc giáp bên. Liêm Trinh đa số hình thành núi tổ của Long, nếu có Phụ Bật cùng theo với Long mạch thì ắt sinh phú quí. Nếu tinh phong Liêm Trinh quá cao thì không có Long, nó chỉ có thể tương ứng và làm môn hộ. Quan Lan của Thủy Khẩu sơn đều là Phá Quân và Lộc Tồn, tuy không có Cước, song Khuyển Nha giao nhau thành một vòng. Tại đây sẽ xuất hiện núi ngang tựa hổ nằm hoặc xuất hiện hình vòng cung. Chỉ cần nhận biết được Thủy Khẩu sơn là biết được Phá Quân và Lộc Tồn.

8 – TẢ PHỤ TINH

Chính hình của Tả Phụ như chiếc khăn đội đầu, mặt trước cao mà phía sau thấp. Duỗi dài tới eo lưng tựa Trượng, Cổ, phía sau lớn mà phía trước nhỏ giống như bướu lạc đà, phía dưới có hai Cước đi ngang, thường trôi dạt ở hai bên trái phải của Vũ Khúc. Vì sao Long của Tả Phụ lại ở gần Vũ Khúc ? Vì chia dòng, tông mà thành quan hệ chú bác. Sau khi chia dòng sẽ hình thành hai quí long, đây là điểm khác biệt với các tinh tú khác. Hai bên mình Vũ Khúc ắt sẽ sinh ra Tả Phụ. Tả Phụ có hình dáng riêng của nó, dưới sơn phong vuông vức sẽ có hình dáng như cây búa dựng đứng. Đây là hình Tả Phụ của Vũ Khúc; nếu là Chân hình thì nó sẽ khác. Long hình chân chính sẽ có dáng của quí Long, có dáng hình chiếc khăn, có Hoành Cước nhấp nhô đi tới. Nó có đỉnh cao và vai thấp hình tròn nợi chợt nhô lên giống như tổ mối trên núi. Từ đây có thể đoán định phía trước sẽ có Long nhập vào Viên; Long vào Viên thì cao quí nhất, có thủy chảy qua trước Đông và Tây Hoa Môn. Ngoài Thủy lưu, bốn phía đều có sơn phong trùng điệp. Những sơn này là Chấp Pháp tinh trước Viên. Chúng chia thành quân binh hai bên, Viên cục vuông vức thì gọi là Thái Vi, Viên cục có 4 cửa gọi là Thiên Thị. Hoa Cái và Tam Thai cùng hộ vệ trước sau, ở giữa có thủy lưu chảy ngang gọi là Ngự Câu. Nó bao bọc lấy thành Viên khúc chiết chảy qua giữa. Thiên Thị, Thái Vi mà thiếu mất cục thế hoàn toàn, dù có triều, nghênh cũng chưa hẳn là chân hình. Tư thế biển lớn chào đón, hộ vệ tinh tú trông tựa mũi tên. Hoàng Hà chín khúc, mỗi khúc đều có Phụ Bật phân ra, làm những nơi nhập thủ.

Làm sao mới có thể nhận biết Tả Phụ ? Chỉ cần quan sát mỗi một sơn phong mà Tả Phụ sinh ra, thấy hình thể sơn phong không hỗn tạp thì được. Trên Thiên Môn có thể sinh ra Bảo Điện (nơi thủy lưu tới gọi là Thiên), Bảo Điện có thể tìm thấy Long lầu trong đó. Phải tìm được Trì Thủy trong Long lầu (trên đỉnh sơn phong có Trì Thủy), Thủy là sinh khí trên Long lầu,

hai bên Trì Thủy giáp nhau mà ra, trong Trì Băng không phải là Địa. Địa chính là Phụ Bật, chỉ phân làm vô hình và hữu hình mà thôi. Hữu hình là Tả Phụ chân thực. Nếu Long từ Thiên Môn mà ra thì đó là Chính Long, bằng không thì không phải là Chân hình. Thuận theo thứ tự là từ Tham Lang tới Phá Quân, nếu có nơi Long đi ngược thì nó sẽ mất đi thứ tự. Tìm kiếm nơi đứt đoạn của Long, ở hai bên của nơi đứt đoạn sẽ sinh ra Hộ sơn.

Nhất thiết phải tìm kiếm Long lột xác trong Cửu tinh, sau khi thấy nó rồi, lại cần tìm dấu vết của nó. Muốn nhận rõ hình tượng của Chân Long và Chân Tả Phụ, chỉ cần quan sát sự cao thấp của tinh phong tựa chiếc khăn đội đầu là được. Nếu Tả Phụ tự mình thành Long thì nó sẽ ẩn giấu hình tích. Nếu Long do Tam Cát hình thành, Tả Phụ sẽ tùy theo Long mạch mà biến đổi hình của nó. Tham Lang đa số có hình chữ Phẩm ( ), Vũ Khúc, Cự Môn đều tròn, vuông mà thành 3 tòa tinh phong nối tiếp nhau. Từng Tiết của Tam phong chuyển dịch theo thân, ở giữa có một phong là chính diện phong, giáp 2 bên là Tả Phụ; nó lớn nhỏ hay tròn nhọn cần phân rõ. Long này từ núi cao mà tới, ở trên cao có thể sinh phong. Nếu là Long Giáng Lầu, hạ Điện thì từng Tiết sẽ thay đổi dưới Lầu. Tham Lang Long lột xác dưới sẽ giống quả cầu, nơi nhọn có mang Cước tựa con rùa nổi trên mặt nước. Lộc Tồn lột xác tựa Ngô Công thoát tiết, hơi lộ đoản Cước ở bên mình. Văn Khúc tinh thì giống rắn bò. Long lột xác dưới Liêm Trinh thì sẽ có hình răng lược, từ trong răng lược có Long mạch đi ra. Dưới Phá Quân mà có Tham Lang tới thì trông có hình như tia chớp. Nếu Triền Hộ khá nhiều thì sẽ hình thành Cát Long, bằng không chỉ có thể xây dựng đền chùa mà thôi.

9- HỮU BẬT TINH

Hữu Bật vốn không có chính hình, hình của nó tùy vào sự cao thấp của tám tinh kia mà xuất hiện. Muốn nhận biết được

chính hình của Hữu Bật chỉ cần tìm kiếm nơi tám tinh đứt đoạn thì có thể thấy được hành tích ẩn tàng của nó. Giấu mình mà đi nên Hữu Bật còn được gọi là Ẩn Diệu. Hình dáng của nó tựa như con thoi, dấu chân ngựa mà nhỏ như tơ, lại như nhện qua mặt nước, cá trên bờ, hình tích phảng nhất như rắn trốn trong cỏ, khi tìm Long mạch và dấu vết thì chẳng hề thấy. Mạch chính là Hữu Bật được tôn xưng, nó tùy theo Long mà đi. Khi Long vận hành có Hữu Bật triều, nghênh, sự biến đổi của nó là tùy vào Long đi. Nếu nhận biết được Ẩn Diệu cung của Hữu Bật thì có thể thấy địa hình Cát Lợi ở khắp nơi. Hữu Bật đa số là cát lợi vì khi nó ẩn giấu hình tích thì đồng thời nó cũng ẩn giấu cả Thần Sát. Song vẫn có mạch ngầm tiếp nối, tại Bình Dương có lộ trình ngàn dặm. Nơi đây chính là nơi sở tại của Hữu Bật, trong Địa Bình có thủy lưu. Sơn cao hơn thủy một tấc gọi là sơn A, chỉ tiếc rằng các nhà phong thủy hiện nay có cặp mắt kém tinh tường, khi gặp nơi này thì không biết ra sao, đã nói không có nơi nào để tìm kiếm tông tích, cho đến khi thấy sơn mới nhận được ra Long mạch.

Nếu có huyệt trên Bình thì sẽ có nơi biến mất, nên tìm Thanh Long và Bạch Hổ trên núi, lại cần sơn phong có đỉnh tròn mới là đại cát. Sơn Khuy xuống Bình mà đi, huyệt ở trong Bình thì phú quí song toàn.

10– CỬU TINH BIẾN HUYỆT

Tham Lang hạ làm huyệt trên Nhũ Đầu. Cự Môn hạ làm huyệt trong Oa, Vũ Khúc hạ làm huyệt trên Kiềm, Lộc Tồn, Liêm Trinh hạ lầm huyệt trên hình răng lược, hình cái cày, Văn Khúc hạ làm huyệt trong Bình, dù ở trên cao, huyệt cũng đóng chính giữa. Phá Quân hạ làm huyệt giống cái qua cái mâu, hai bên có hai tay bao bọc, sẽ có hai núi làm hộ vệ, hoặc có thủy lưu chảy ngang qua trong huyệt. Chính huyệt của Tả Phụ như tổ chim yến ngửa lên, nếu ở trên núi cao thì tựa ngọn đèn treo tường.

Nếu huyệt vị rơi vào nơi thấp, bằng phẳng thì tựa tổ chim, dù có Viên cũng chỉ là cửa. Đây là cách thông qua Bác Hoán để tìm tinh huyệt, tìm huyệt vị phải tùy vào Long mạch. Nếu là Chân Long thì huyệt cũng là Chân huyệt. Tìm Chân Long thì dễ hơn tìm Chân huyệt. Long lột xác, tinh tú cũng theo đó mà biến đổi, nếu biết được Nghi Long thì tìm huyệt vị không khó. Các nhà phong thủy cổ đại thông qua việc xem Long mà biết chính huyệt, tìm Long đổi cốt ở nơi Long biến mất. Biết được tinh của Long đổi cốt thì sẽ có được phú quí trường tồn.

11- CỬU TINH CÁT HUNG

Tìm Long phải dựa vào kinh, quyết, như vậy là phải phân biệt tinh phong tỉ mỉ. Sự hành tiến của Long mạch ứng với Tam Cát tinh. Long lần lượt mà ra cũng phân biệt tôn ti, Sơ Long nhỏ gọn mà Chân Long hùng vĩ, trong sự nhô lên hạ xuống đều tự có khác biệt, trong quá trình biến đổi cũng chia ra Cốt Tiết (đốt đoạn). Ở nơi có Khổng có Tiết có thể an táng, có thể tìm huyệt vị ở nơi Khí tiềm tàng. Dưới sự chiếu rọi của Cát tinh, đốt đoạn của Long rất kỳ lạ, dưới sự chiếu rọi của hung tinh, đốt đoạn của Long thiếu hụt. Khí thế của đốt đoạn vô cùng mạnh mẽ, khí mạch nối liền. Long tinh ắt sẽ có sơn phong chân thực tương ứng, Thư Sơn thường thấp, mà Hùng sơn cao lớn. Hành Long tuy lấy đốt đoạn kỳ lạ làm quí, mà nhập huyệt cũng phải lấy đó mà kết huyệt mới được.

Không nên có sơn thế uốn lượn tựa vòng cung, hoặc quá thẳng mà kéo dài ra. Cát tinh mang tới sự tốt đẹp mà hung tinh mang tới điều ác dữ, điều này là thuộc về thiên định. Các nhà phong thủy hiện nay thường không biết hình dáng của các tinh, vì vậy dưới đây chúng tôi xin giới thiệu vài nét về chúng :

Tham Lang là một Mộc tinh, hình nhọn thế cường Quỉ tinh của nó đẹp đẽ, nếu có 7, 8 tòa tinh phong cao lớn cùng đi thì sẽ xuất hiện văn nhân có học vấn uyên bác. Long mạch tại đây tung hoành ngang dọc, khi Long vận hành, Thi Tiết tựa Kỳ

Thương vậy, bên trong ắt có thần linh tương ứng, sẽ xuất hiện vương hầu. Nếu Long mạch như Thiên Mã bay lên thì phát về phú. Nếu sơn phong tựa búp măng thì sinh ra người văn võ song toàn, không chỉ đại phú quí mà danh lưu thiên cổ, gồm đủ phúc lộc thọ xương.

Cự Môn là một Thổ tinh, ngay thẳng, đẹp đẽ có khi nó tựa vành trăng treo nghiêng bên trời, có lúc lại ẩn hiện trong Bình Dĩ. Có như vậy sẽ xuất hiện nhân tài phò trợ quốc gia. Nếu như chiếc chuông treo mà cao phong dựng đứng thì khiến chủ nhân phú quí song toàn, nếu sơn thế tựa voi chạy, thì chủ nhân sẽ là tướng trấn giữ biên ải. Có khi sơn phong cao ngất trời, càng nhỏ càng đẹp mà càng cao càng kỳ lạ. Có sơn hình này thì phú quí song toàn, chủ nhân được sống lâu trăm tuổi. Nếu sơn thế viên mãn, kéo dài thì nhiều con cháu, nếu sơn thế ngắn mà nhọn, đời sau có giàu có nghèo.

Vũ Khúc là một Kim tinh, nó dựng đứng, cao chọc trời. Vũ Khúc tinh chủ về binh quyền lại có tài thao lược. Nếu sơn phong nhô cao mà có bình phong thì chủ nhân văn tài xuất sắc, nổi danh trong giới nho sĩ; sơn phong tựa lâu đài cao lớn, đẹp đẽ, có Nham đứng trong thì tốt, nó khiến đời sau vinh hoa phú quí. Sơn phong tựa chiếc miện, đẹp, tinh xảo thì chủ về con cháu thông minh, xinh đẹp.

Lộc Tồn là một Thổ tinh, nếu gặp cao phong cô độc, nghiêng lệch, cất xẻ vụn, ẩm ướt thì nên tránh đừng mai táng. Có khi sơn phong tựa quan tài nổi trôi theo dòng nước, có khi lại tựa thây người nằm trên mặt đất, sơn phong này sẽ đem đến bệnh tật, tai họa về hình pháp, con cháu đời sau nghèo hèn, tha phương cầu thực.

Văn Khúc là một Thủy tinh, phần nhiều đơn độc, sơn thế sinh chi, cước tựa loài côn trùng đang co rút. Cũng có Văn Khúc như rắn trốn trong cỏ, hoặc tựa cổ ngỗng chìm trong nước. Huyệt vị đối nghịch với thủy lưu mà không có nơi tụ hội. Mai táng ở nơi này khiến chủ nhân tha phương cầu thực, nam bất trung mà nữ bất trinh.

Liêm Trinh là một Hỏa tinh, Liêm Trinh cao, nhọn, hung ác thì đem tới tai họa lớn. Hình dáng của nó giống ụ đất nhô

cao, địa chất hỗn trọc tựa huyết. Hình núi tựa đầu bút lông thì khí mạch tản mác, thủy lưu lúc chậm lúc mau, tiếng réo như sấm dậy, thì chủ bệnh tật và tai họa cho người làm quan.

Phá Quân tinh cũng hiểm ác vô cùng, thế núi hung mãnh mà Âm Dương đảo lộn. Sơn phong nổi cao trong đám loạn thạch, có lúc Phá Quân có hình thế gậy trúc, roi ngựa, có khi lại có hình thế cuộn thừng.

Nếu nơi nhập huyệt tựa hồ lô thì có thể trực tiếp hạ huyệt. Trước Minh Đường có tiếng nước róc rách, Long, Hổ sơn có hai Cước thò ra; nếu mai táng ở đây, con cháu sẽ gặp tai họa lớn.

Tả Phụ và Hữu Bật lưu chuyển theo Phá Quân, phần lớn chúng xuất hiện ở hai bên Minh Đường. Có khi rời thể mà dựa vào Thanh Ba, hình thế chợt chuyển về phía Tây, có khi lại thấy được thế rùa, rắn, có khi lại có hình con cá, sơn nghênh tống nối liên nhau tựa đường tơ sợi chỉ. Nếu sơn thế viên mãn thì đem lại phú, nếu sơn thế khuyết hãm thì khiến chủ nhân chịu họa. Với hình thế này thì nên tránh không để gió thổi tới, không được dẫn thủy lưu.

Tam Cát tinh tùy Long mà nhập huyệt, hình thế đứng thẳng, sừng sững. Có lúc lại hình thành sơn phong chọc trời, khi thì hội tụ cả trong Minh Đường. Lúc lại nối liên với Thủy Khẩu, khi thì đứng cùng sơn phong của Phụ Bật. Có lúc thấp thoáng xuất hiện trong rạch ngòi, thai nghén thành Long, dưỡng dục thành Đại Long mà hình thành Châu, Huyện, thành Tiểu Long thì tạo nên thôn ấp, khiến chủ nhân hưởng phú quí lâu bền.

Sự biến hóa của cửu tinh là vô cùng tận. Nó có Tứ Duy Bát Can và Thập Nhị Chi, trong quá trình chuyển đổi nó có thể biến ra thiên hình vạn trạng, thủy từ hai nguồn phân ra mà không có bất đồng, nhưng nếu không có lời thuyết giảng của minh sư thì làm sao có thể thông qua cửu tinh mà tìm được, hà tất lại phải lao tâm khổ tứ vậy ? Nếu là sao gây hung họa thì sẽ tạo ra hung họa, nếu có sao phúc đức thì sẽ với được phúc đức tới. Thiên biến vạn hóa của tạo hóa kỳ thực chỉ trong lòng bàn tay của ta, đó là phép tắc chân chính mà thần tiên tìm ra long mạch.

ĐỊA LÝ ĐẠI TOÀN TẬP YẾU

Quyển 4

Ngụy Lý Hứa Tử Viễn Đạm Viên biên soạn
Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am chú giải
Tôn
Ái Tải Uy
Đao Tải Phỉ đính chính

TÁNG KINH

QUÁCH PHÁC

KHÍ CẢM – NHÂN THẾ

Mộ táng phải nhờ vào sinh khí. Khí ngũ hành vận hành trong đất, bốc lên biến hóa, thai nghén thành vạn vật. Thân thể người ta có được nhờ mẹ cha. Hài cốt cha mẹ dưới đất được sự hun đúc của Ngũ Hành sinh khí, hình thể người con được cha mẹ che chở. "Táng kinh" của Thanh Điển tiên sinh viết : "Thi thể dưới đất chịu sự cảm hóa của khí, tương ứng với phúc khí của nó sẽ ảnh hưởng tới con cháu". Đó chính là núi đồng ở phương tây tan rã sụp đổ, tiếng chuông linh diệu ở phương đông không gõ tự kêu; đó cũng là đạo lý mùa xuân cây cối ra hoa, thì hạt dẻ để trong phòng cũng sẽ nảy mầm.

Hai khí Âm Dương, trải qua sự thổ nạp của đất trời thì thành gió. Gió do hai khí Âm Dương biến thành bốc lên cao thì thành mây, lại giáng xuống thì là mưa. Chúng vận hành dưới đất thì là sinh khí. Cho nên "Táng kinh" viết : "Hai khí âm

Dương mượn gió mà thai nghén thành vạn vật, gặp thủy thì ngưng kết trong thủy". Do đó, sự sống chính là do khí âm dương tụ tập trong thân thể, sinh khí ngưng kết trong hài cốt của thi thể người, nên chỉ có xương đầu là còn lại dưới đất. Mộ táng là đem khí Âm Dương tán hóa, nạp vào hài cốt cha mẹ, từ đó dùng nó để che chở cho con cái, cháu chắt đời sau. Phong thủy chính là cách người xưa tụ tập khí Âm Dương lại để nó vận hành và có nơi ngưng kết. Tướng pháp của phong thủy là, đạt được thủy là tốt nhất mà có thể tàng trú được gió (phong) thì trái lại, so với thủy hơi kém một chút.

Vì thế Thổ là thân thể của khí, có Thổ mới có khí; khí là mẹ của thủy, có khí mới có thủy. Táng kinh viết : "Khí vận hành khắp nơi bên ngoài, bên trong khí thai nghén sinh mệnh".

Cốt gió của núi cao, chi mạch của núi đất thấp đều có sinh khí theo cùng. Táng kinh viết : "Sau khi Thổ thành hình, khí vận hành trong đó, vạn vật nhờ vào sinh khí mà sinh ra từ Thổ".

Tại sao lại nói vậy ? Vì khí thịnh vượng dù chảy qua dưới đất đã nhiều, song vẫn còn một phần nhỏ bị hao hụt; Dù hao tổn song vẫn tụ tập lại ở một số nơi khá sâu. Do đó khí ẩn tại những nơi khô ráo, nên phải tương đối nông, khí ẩn tàng ở nơi thấp bằng phẳng thì phải khá sâu.

"Táng kinh" viết : "Nông hay sâu cũng cần gặp nơi thích hợp". Do đó, khí vận hành dưới đất, phương hướng của nó phải biến hóa tùy theo sự thay đổi của địa thế, sự tụ hội hoặc ngưng kết cũng phải biến hóa theo địa thế. Mộ táng cần phải chiếu theo nguyên lý ẩn hiện, ngưng tụ của khí. Ở nơi thấp bằng thì phải theo mạch hướng của nó; ở nơi núi cao thì phải theo cốt của nó. Uốn lượn quanh co, Đông Tây Nam Bắc, dù thế nào cũng phải ứng theo. Lại còn Lai Thế (thế đến) xa ngàn thước thì gọi là "Thế", xa trăm thước thì kêu là "Hình". Sơn thế luôn thuận theo Thủy mà tới, sơn hình lại luôn nghịch với Thủy mà thành. Như vậy gọi là Khí Toàn, nơi Khí Toàn có thể táng mộ.

Sơn thế uốn lượn bao bọc, Loan Chương trùng điệp tựa trăm quan quỳ hai bên bái lạy triều kiến hoàng đế. Lại như một người

đang giơ hai tay ra ôm vật gì. Thế đến có ngưng kết lại có tụ tập, hoàn toàn phù hợp với Âm Dương, thổ cao mà thủy sâu, cỏ cây tươi tốt, đây là nơi lý tưởng để mộ táng. "Táng kinh" viết :

"Sơn hình tụ kết, bao hàm sinh khí, đất này có thể sinh thành vạn vật, là nơi đất tuyệt hảo".

BÌNH CHI

Địa thế quí ở chỗ bằng phẳng, đất đai quí ở nơi có chi mạch. Nơi chi mạch nổi lên, sinh khí cũng theo đó mà có; nơi chi mạch tiêu tán, sinh khí cũng theo đó mà ẩn tàng ở trong. Phương pháp quan sát chi mạch là xem ở nơi bản thân của nó ẩn tàng, nổi lên, biến hóa ảo diệu, chỉ một mạch thừa tiếp thì cát tướng của nó ẩn bên trong. "Táng kinh" viết :

"Đất có khí tốt, khí này biến hóa theo hình của đất (thổ hình); Chi mạch có khí ngưng kết, khí này biến hóa theo thủy lưu. Sơn thế thuận theo thủy mà tới, sơn hình theo thủy mà như có lên xuống, chúng cùng bao bọc, tầng tầng lớp lớp, táng ở nơi đây, cát tường vĩnh viễn".

SƠN THẾ

Sơn thế uy nghi, hiểm trở, lại có sinh khí, muốn táng mộ thì nên táng ở nơi thế núi cùng hội hợp, dựa vào khí mạch của thế đến, chú ý quan sát nơi hoang phế của nó, chọn lựa nơi chúng giao nhau, tránh xa những nơi mang tới tai họa. Táng kinh viết :

"Táng mộ ở núi cũng tựa kêu to trong hẻm núi, âm thanh vọng lại rất nhanh". Có một số núi không thể táng mộ. Ngũ khí lấy sinh khí của Âm Dương mà điều hòa nên núi trẻ (Đồng sơn) không thể dùng để mộ táng; sinh khí dựa vào hình núi mà tới, nên không thể táng ở núi đứt đoạn (Đoạn sơn); vì sinh khí vận

hành hướng lên trên nên không thể táng người tại núi đá (Thạch sơn); vì sinh khí ngưng kết tùy theo sự ngưng kết của sơn thế, nên không thể hạ táng ở núi chạy ngang qua (Quá sơn); vì sinh khí sinh ra từ sự hội tụ giữa núi với núi nên không thể hạ táng ở núi cô độc (Độc sơn), lẻ loi "Táng kinh" viết :

"Đồng sơn, Đoạn sơn, Thạch sơn, Quá sơn, Độc sơn là những nơi sinh ra hung tai; hơn thế nó còn làm những nơi cát phúc tốt đẹp đã có bị mất đi".

Tìm sơn Cát Phúc khó nhất là tìm sơn thế, thứ đến là sơn hình, thứ nữa là tới phương hướng. Sơn thế ở nơi lý tưởng khi lên khi xuống, nó tới từ trời, tựa sóng nước, tựa dáng ngựa phi. Thế đến của nó hùng dũng, sự tiêu tán của nó không tiếng động; dường như trong lòng chất chứa châu báu, lại như rồng bay phượng múa vậy.

TỨ THẾ

Mộ táng, bên trái gọi là Thanh Long, bên phải là Bạch Hổ, phía trước là Chu Tước, phía sau là Huyền Vũ. Huyền Vũ phải cúi thấp đầu, Chu Tước phải bay lên, Thanh Long lên xuống uyển chuyển, Bạch Hổ phải thuần phục; nếu hình thế của sơn tương phản lại những điều trên thì phải đổi. Cho nên gọi Hổ ngồi là Hổ Ngật Thi (ăn xác chết), gọi rồng cuộn là Long Kỵ Chủ, Huyền Vũ không cúi thấp đầu xuống thì nó không tiếp nhận thi thể, Chu Tước không múa lượn là muốn bỏ đi. Do vậy, lấy chi mạch làm Long, Hổ là chỉ thế đến và sự tiêu tán, eo lưng của nó phải như cánh tay, gọi địa thế này là Hoàn Bao (bao bọc). Lấy Thủy làm Chu Tước là chỉ sự hưng vượng và suy bại của nó tương ứng với sơn hình, trường hợp này tối kỵ thủy lưu quá gấp, như thế gọi là Bi Khốc (khóc thảm). Chu Tước hóa ra từ khí, phân lưu tới chỗ chưa thịnh, lại quay về Khuyển Vượng, lại tàng ẩn nơi suy bại, sau cùng chạy tới Ngục Tạ, cứ thế đi lại không ngừng. Uốn uốn lượn lượn tựa quay đầu rồi lại bỏ đi, đã không thấy hình cũng chẳng thấy bóng. "Táng kinh" viết :

"Sơn thế đổi tới, thủy lưu bao bọc, nơi như vậy sẽ khiến con cháu đời sau hưởng phúc; nhưng nếu sơn thế quay lưng rời xa, thủy lưu chảy thẳng mà đi, nơi đây dù đang là vương, hầu cũng bị tiêu diệt".

Sơn thế cao vọi, trước mặt có khe nước, đây là nơi Long tàng ẩn; sơn thế chếch nghiêng mà tới, kết huyệt trước mặt Long thì tốt, song nếu kết huyệt tại Giác và Mục (sừng, mắt) của Long, đời sau bất hạnh; sơn thế đứng thẳng mà tới, kết huyệt bên cạnh Long thì tốt, nếu kết huyệt trong miệng, trên môi Long, thì đời sau con cháu chết trong binh lửa. Sơn thế uyển chuyển, bên trong súc tích sinh khí, nơi này gọi là Long Phúc (bụng rồng), nếu cuống rốn của Long sâu mà khúc chiết, táng ở đây thì con cháu ắt sẽ giàu sang. Nếu chọn sai nơi táng, làm kinh động đến Hung và Tế huyệt (Hung : ngực, Tế : rốn) thì ắt có tai họa.

QUÝ HUYỆT

Phán đoán chi mạch hay Khâu Lũng (gò đống) thực chẳng phải dễ. Đoán đúng thì nguồn phúc không cạn; đoán sai hung tai bất tận.

Tại nơi Loan Cương trùng điệp, trong vô số chi mạch và gò đống, cần phải chọn lựa một nơi kỳ lạ nhất. Tức là nơi đó có sơn mạch lớn mà bề ngoài lại rất nhỏ hoặc ngược lại. Có như thế nơi này mới được gọi là "kỳ lạ". Chọn lựa chi mạch, phải chọn chi mạch ẩn tàng, mà chọn gò đống, cần chọn gò đống nổi lên cao. Tuy là như vậy, song chi mạch và Khâu Lũng đều phải ở nơi bằng phẳng, vì có sinh khí ngưng kết tại đây. Nếu là chi mạch thì nên táng ở đỉnh núi; nếu là Khâu Lũng thì nên táng tại chân núi. Xem chi mạch như xem Đầu, xem Khâu Lũng như xem Cước. Dùng khúc biểu (dụng cụ đo lường) để trắc định phương hướng, dùng thước ngọc (ngọc xích) để cân nhắc xa gần, lại phải dựa vào sự ngưng kết của Kim, sự phù trợ của Thủy, sự chính ứng của Mộc, sự xung hòa của Thổ. Bên ngoài mộ huyệt

phải giữ được gió từ tám phương thổi tới, bên trong cần gồm đủ khí của Ngũ hành. Sa sơn tựa Long Hổ vây quanh, chủ sơn cùng nghênh đón với Sa sơn. Sự vi diệu trong đó chỉ có thầy thông minh căn cứ vào sự bất đồng của sơn thế, khảo sát kỹ càng, quán thông khí âm dương, đủ để cải biến tạo hóa của trời đất.

HÌNH THẾ – THỦ LOẠI

Tuyển chọn không đúng hình và thế, thì sinh khí trong sơn sẽ thất thoát. Sơn thế tựa ngàn vạn con ngựa phi nước đại tới, táng ở đây, đời sau có thể làm vương. Sơn thế tựa sóng lớn, Loan Chương trùng điệp, táng ở đây, con cháu giàu có. Sơn thế giống Long giáng trần, thủy lưu bao quanh, mây đẹp bay theo, táng ở đây, đời sau con cháu là đại thần. Sơn thế tầng tầng lớp lớp lâu dài, cỏ cây sum suê, táng ở đây con cháu sáng lập một quốc gia mới. Song táng người ở nơi có sơn thế tựa rắn bò, nghiêng lệch thì sẽ nước mất nhà tan. Táng ở nơi sơn thế tựa thủy lưu chảy thẳng xuống thì tai họa đổ xuống đầu. Sơn hình tựa gò đống (Khâu Lũng) mà lưng mang Ngự, Bình, táng ở đây, đời sau ắt có người làm vương, hầu. Sơn hình tựa tổ chim Yến, táng ở đây thì sẽ vì chia đất mà được nước. Sơn hình tượng hồ rượu nghiêng lệch; phía sau lại có sơn cương tới, phía trước không có kẻ ứng tiếp, táng ở đây, đời sau con cháu sẽ làm công khanh đại phu. Sơn hình cái mũ đặt đứng, con cháu đời đời hoan lạc. Sơn hình tựa nắp vung nồi, táng ở trên đỉnh của nó, đời sau hưởng giàu sang. Sơn hình tựa mũi đao hướng lên, táng mộ ở đây, đời sau khó tránh tai họa. Táng ở nơi sơn hình tựa kiếm nằm ngang, đời sau bị nạn đao kiếm. Táng ở nơi có sơn hình tựa bàn trà đặt ngang, con cháu bị diệt vong; Táng ở nơi có sơn hình tựa mui thuyền, con gái của chủ nhân bệnh lâu không khỏi, con trai bị hình ngục; Táng ở nơi có sơn hình tựa cái túi, thì nhà cửa bị hỏa hoạn. Táng ở nơi sơn hình tựa quần áo nhăn nhúm, vợ, con gái chủ nhân sẽ dâm đãng, làm những việc thương phong bại tục. Táng ở nơi có

sơn hình tựa răng lược, đời sau mọi sự đều mê loạn. Sơn thế và sơn hình hỗn loạn, không phân minh thì không nên táng ở đây.

Sau đó phải xem sơn thế hai bên cùng sơn hình phía trước. Nơi đất quí (bảo địa) có sơn hình và thế tựa trâu nằm, ngựa phi, phượng múa loan bay, mà nếu có hình rắn bò hoặc có hình mai rùa thì không phải là đất quí, đặc biệt phải dùng thủy để thêm phần tốt đẹp. Hình trâu nằm sẽ mang tới tiền của; hình phượng múa sẽ mang tới chức vị tôn quí, chỉ cần sơn hình có chút gấp khúc thì táng ở đây không tốt lắm. Cho nên phải chú ý trước sau và hai bên của mộ táng.

Sơn thế lao tới cùng sơn hình chạy đi, phương hướng phải như nhau, có như thế mới là mộ huyệt tốt, sơn thế không tốt mà sơn hình tốt thì mộ huyệt còn có chút phúc khí, ngược lại thì tai họa chực chờ giáng xuống. Do đó cần có khí ngoài ngưng tụ với khí ở trong, mà lưu thủy có thể ngưng kết Lai Long. Sơn thế cao vút từ từ tiến tới, bỗng thu thế, nếu không có Thủy trì để tụ khí, thì khí bên trong sẽ thấm xuống đất. Táng kinh viết : "Nơi không súc tích sinh khí chính là nơi khiến thi cốt mục rữa".

Gió thổi tới cũng có thể khiến sinh khí tản mác, Thổ Cương tầng tầng lớp lớp, nếu hai bên mình nó trống trải, trước mặt rộng lớn mà sau lưng đứt đoạn thì sinh khí sẽ bị gió thổi đi. Táng kinh viết : "Mộ huyệt có khí bốc lên tản mác đi, sẽ khiến quan tài mục nát".

Về địa chất, đất nhuyễn nhưng phải chắc, tươi nhuận mà không ẩm ướt. Cần phải gồm đủ hai sắc hồng hoàng; đất khô như hạt gạo, có Tuyền Thủy lại có Sa đá nhỏ, đây là nơi hung họa. Tóm lại mộ huyệt có 3 điểm tốt đẹp, lại có 6 tướng hung. Ánh mặt trời chiếu xuống, vượng khí của địa mạch tiếp nhận lấy, nguyên thần hợp hội, mộ huyệt như thế gọi là Thần Nghênh Quỉ Đóa, đây là nơi đất tốt thứ nhất; khí Âm Dương cùng dung hòa, đất gồm đủ 4 sắc trong số 5 sắc, đây là nơi đất tốt thứ nhì; nơi đất tốt thứ ba phải dùng sự quan sát tinh tường của nhà địa lý phong thủy để mộ huyệt được toàn bị.

Còn 6 hung đó là :

Âm sai Dương thố là một hung; ngày tháng năm không hợp là hai hung; không theo bổn phận mà tới là ba hung; ỷ phúc khinh người, dựa thế làm càn là bốn hung; đắc tội với người trên, bức hiếp kẻ dưới là năm hung; trong mộ huyệt xuất hiện quái vật là sáu hung. Táng kinh viết : "Có được mộ huyệt tốt mà không táng mộ kỹ thì chẳng khác nào đem thi thể mà quăng ra ngoài đồng"[1].

THANH NANG TỰ

LỖ VĂN THUYÊN

Thư Hùng chính là Âm Dương, cũng bao gồm cả hình thế và phương vị.

Xem phong thủy trước tiên phải xem Kim Long có động thế hay không, thứ đến là quan sát huyệt mạch để nhận biết Lai Long.

Phương hướng của huyệt tứ mộ Thìn Tuất Sửu Mùi cùng 4 vì tinh tú Lâu, Cang, Ngưu, Quỉ ngầm có Kim Sát, trường hợp này gọi là Kim Long. Tìm Long mạch trước hết phải xem Khứ Thủy bắt nguồn từ đâu. Nếu thủy khẩu của Khứ Thủy đóng tại phương Thìn, nên tìm Long ở bên trong, trong đó có Tân Nhâm Long có thể hợp mạch, còn cần phải xem Âm Dương của mạch tới, cho nên nói : "Thứ đến quan sát huyết mạch để biết Lai Long" Vào núi phải tìm Thủy Khẩu, lên huyệt cần xem Minh đường. "Tuyết Tâm Phú" có viết : "Tìm Thủy Khẩu chính là nói Thủy Khẩu của Thìn Tuất Sửu Mùi". Đây là yếu quyết vào núi tìm kiếm Lai Long.

Lai Long phân Âm Dương, Âm hành tiến bên phải, Dương hành tiến bên trái; Thủy chính là Tam Nghĩa. Âm Dương và Tam Nghĩa sản sinh ra phần mộ hưng vượng.

Lai Long ở phía Nam giang thủy, đầu nó sẽ quay về giang Bắc; Lai Long từ phía Tây giang thủy, đầu nó sẽ quay về giang Đông.

Đây chính là Long chuyển thuận theo Thủy.

Vì thế thánh nhân khi xưa chiêm bốc Hoàng Hà và Lạc Thủy. Sông Triền và sông Giản cùng hội lưu tại Hoàng Hà và Lạc Thủy, quan sát vị trí âm dương lưu thủy của chúng, bất luận là chiêm bốc nhật nguyệt hay nhà cửa, nơi này mãi là nguồn gốc phát sinh phú quí, công danh.

Hai con sông giao hội tiến vào trong huyệt, trước mặt có Chu Tước sơn, thế thì muốn lấy sinh vượng khí cần lấy ở trong huyệt, thế gọi là Nội Tiếp Sinh Khí. Nếu là Chu Tước Thủy, muốn lấy sinh vượng khí phải lấy ở trước mặt huyệt, thế gọi là Ngoại Tiếp Đường Mi; Ở đây muốn nói, muốn để sinh vượng khí chảy tới trước mặt huyệt và đi ra từ phía sau Mộ Khố. Huyền Chính là Thủy, Thủy không có vị trí và hình thể cố định, Âm và Dương biến hóa tùy vào sự thay đổi của nó, thế gọi là không. Chu Tước phát nguồn quay đầu nhìn Tổ Sơn, như vậy mới có khí sinh vượng tới Minh đường.

Nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật. Sơn chủ sơn, Thủy quản Thủy, đó là Âm Dương.

Nhất là chính khí của Ngũ Hành, khí của Ngũ Hành xuất hiện trong sơn thủy, có khác biệt của Âm và Dương. Âm hành tiến bên phải, Dương bên trái, phân rõ Âm Dương chính là nhị. Đến Thân Tí Thìn Khôn, Ất Nhâm Tam Hợp. Như vậy từ Nhất Khí có thể biết rõ Âm Dương, nhận rõ Tam Hợp, có thể thấy được khí sinh vượng. Sơn chủ sơn, Thủy quản Thủy, dùng điều này để quan sát Thủy, Sơn thì phải nói tới Âm Dương, Ngũ Hành Tam Hợp và khí sinh vượng của Thủy, Sơn; dù chúng thuận hay nghịch cũng đều có nguồn gốc riêng; dù là sơn hay là thủy, chúng đều có sinh khí riêng. Dùng phương pháp này để xem sơn thủy, thì sự quí tiện, cát hung của chúng điều hiện rõ.

Xem địa lý cần biết rõ đạo huyền diệu của Âm Dương, cần biết rõ suy bại hưng vượng và sinh tử do nó mang tới, có như thế mới tránh được sai lầm.

Biết rõ đạo lý trái phải thuận nghịch, ắt biết được sinh tử và suy bại hưng vượng. Sơn có âm dương của sơn, Thủy

có hưng vượng của Thủy. Thủy tùy theo Long, Thủy có âm dương của Thủy. Thủy theo phương hướng của Long, có chút không phù hợp với Long thế.

Người xem địa lý có khi xem Tử Huyệt thành Sinh Huyệt. Ví dụ như Bính Long có khi từ phương Bính hướng về Dương, như vậy sẽ sinh tại Dần, Tử tại Dậu. Nếu quay về Âm sẽ sinh tại Dậu, tử tại Dần. Chỉ cần sơ suất nhỏ bé cũng dẫn tới sai lầm to lớn. Vậy làm sao để chọn được huyệt địa, không thể không thận trọng.

La Kinh của Tiên thiên có 12 chi, sau đó lại dùng chúng với Duy của Hậu thiên, Bát Can Tứ Duy phò tá Chi, Phụ mẫu tử tôn từ đây mà có.

Hà Đồ của Tiên thiên có 12 chi, sau người ta dùng Lạc Thư trừ đi 2 chi Tuất Tị, dùng Bát can trừ đi Tứ Chính mà dùng Tứ Duy, do vậy tám phương vị mới được định. Tí, Dần, Thìn, Càn, Bính, Ất thuộc Kim là nhất Long, được gọi là Phụ (Cha) Danh Thiên Bảo Kinh.

Ngọ, Thân, Tuất, Khôn, Nhâm, Tân thuộc Mộc là nhị Long được gọi là Mẫu (Mẹ) Danh Long Tử Kinh. Mão, Tị, Sửu, Cấn, Canh, Đinh thuộc Thủy là tam Long được gọi là Tử (Con) Danh Huyền Nữ Kinh.

Dậu, Hợi, Mùi, Tốn, Giáp, Quí thuộc Hỏa là Tứ Long được gọi là Tôn (Cháu) Danh Bảo Chiếu Kinh, nhất Long và tam Long là Dương; nhị Long tứ Long là Âm.

24 tòa núi chia làm thuận và nghịch sơn, tổng cộng có 48 cục diện, Dương Long đi từ bên trái gọi là thuận hành, Âm Long đi từ bên trái gọi là nghịch hành, nói Long tùy Thủy chuyển, lại nói cần quan sát kỹ hơn sơn thế để biết rõ Long mạch. Nếu thủy lưu là thuận thì Long mạch ắt là nghịch và ngược lại. Ví dụ như Hợi Long, Âm Hợi Long đi từ bên phải là nghịch hành thì Ất Mộc là tổ tông của nó. Dương Hợi Long từ bên trái thuận hành, thì Giáp Mộc là tổ tông của nó. Một thuận một nghịch, cứ như thế phối hợp thành 48 cục diện.

Phương hướng của Dương sơn là quay về Dương, hướng thủy lưu của nó cũng quay về Dương, người xưa thường nói như vậy,

kỳ thực là hoang đường, nói thế cũng chẳng khác nào nói hướng của Dương sơn quay về Âm mà Lưu thủy của nó cũng vậy. Nếu hiểu được điều này thì diệu dụng của Âm Dương là một thể, Âm Dương cùng xuất hiện dễ dàng.

Phải dùng huyệt để sai khiến khí của Long Thần, phải dùng phương hướng mà sai khiến khí của Thủy thần, như thế mới được gọi là nội tiếp sinh khí, ngoại tiếp Đường khí. Sơn thế tới kết huyệt phải căn cứ vào sơn hình, Thủy lưu xác định phương hướng phải căn cứ vào đặc điểm của thủy lưu. Biết rõ âm dương phân ra, thì cũng biết rõ đạo lý tụ hợp của nó. Nói rằng Dương sơn, phương hướng của nó phải quay về Dương chính là căn cứ vào Thuần Âm Thuần Dương.

Còn về phương hướng của Long thì Dương Long phối hợp Âm hướng, Âm Long phối hợp với Dương hướng. Do vậy, Âm Dương cùng xuất hiện, Phúc Đức mãi theo cùng.

24 tòa núi song song từng đôi nổi lên, có không ít người không hiểu được hàm nghĩa trong đó ngũ hành phân bố trong 24 tòa núi.

Song song tức là nói tới Âm Dương, 24 tòa núi thuận và nghịch phối hợp thành 48 cục điện do đó gọi là khởi, phân bố song song cũng là ý này.

Long thần trên núi không hạ thủy, Long thần trong Thủy không lên núi.

Gọi Long là Thần chính vì khí sinh vượng của Ngũ Hành vận hành trong đất, thần diệu không lường. Sơn và Thủy đều có khí sinh vượng riêng. Nói Sơn phải dùng Song sơn ngũ hành phối hợp với địa quái để tìm nơi Long nhập Thủ. Nói tới Thủy, phải dùng Tam Hợp ngũ hành phối hợp với Thiên Quái để tìm Lai Khứ của thủy lưu, như vậy mới nói Long Thần trong thủy không lên núi. Long Thần trên núi dùng khí sinh vượng để hiện rõ cát hung của nó, với Thủy cũng vậy. Nếu Long trên núi và Long trong nước lẫn lộn, cùng lấy khí sinh vượng của nhau, như thế dù là chọn được huyệt tốt thì tổ sơn của chúng cũng khác nhau.

Lại có cách mộ táng thuần âm thuần dương, cách trước huyệt 8 thước không nên pha tạp, sơn thế đến chếch phải dùng Chính Thụ để giữ Âm Dương, sơn thế đến, sơn đầu phải cất cao, biết điều này thì sẽ không quá câu nệ kết huyệt ở nơi Tam Tiết hay Tứ Tiết, chỉ cần Long Thần có được khí sinh vượng, Âm Dương và trong huyệt khác nhau.

Đây là cách quan sát đoạn sau của Lai mạch, Long Thần không nên pha tạp, thế mới được gọi là thuần dương, thuần âm, cho nên sơn thế đến nghiêng phải dùng Chính Thụ mà giữ Âm Dương, ất Dương phải phối hợp với Dương, Âm phải phối hợp với Âm như thế kết huyệt mới rõ ràng, cũng như phối hợp giữa Long mạch và phương hướng. Dùng Âm Dương để nói tới khí sinh vượng của sơn thủy, do thế mới nói Âm Dương và huyệt khác nhau.

Tinh tú trên trời tựa mạng lưới, thủy lưu dưới đất cùng giao nhau chảy qua, thủy lưu cần hội tụ với nhau ngoài cửa thành, thế tựa như ngỗng nhà và chim ưng tương giao.

Nhị thập Bát tú trên trời là sợi dọc, lấy Ngũ Tinh làm sợi ngang, tung hoành khắp 365 độ vòng trời, trông như võng lưới, trên thiên văn dưới địa lý hỗ trợ cùng thông. Thủy vận hành dưới đất cũng giống như một tấm lưới, đan vào nhau mà không rối loạn, ví dụ như Bản Long, Lai Thủy, một từ bên phải, một từ bên trái cùng hội tại Đường, cả hai phối hợp thành nghĩa, đều từ mộ huyệt Bản Long thăng lên Điện, còn về hai luồng Kim Ngư Thủy và Hà Tu Thủy, cũng phải từ hai bên tả hữu mà hợp dòng đến Đường, một dọc một ngang tựa tấm lưới, chúng tựa như ngỗng nhà và chim ưng, ngỗng là gia cầm, được ví với Kim Ngư Thủy trong Bản Long nhập thủ, Ưng là dã cầm cần được ví với Hà Tu Thủy ở ngoài Bản Long Đảo Đầu. Thủy ở trong tiến vào cùng thủy ở ngoài kết hợp, tụ hội thủy để khống chế Long. Văn Khố, Minh Đường và Triều Thủy trước mặt huyệt đều phải thích hợp. Biết rõ sinh vượng khí đừng để nó thoát ra, phương hướng Minh Đường đến thẳng hoặc thủy lưu đi thẳng thì gia nghiệp suy vong, nếu ở phương vị Minh Đường phá sinh thì không con nối dõi, nếu phương vị thủy xung phá vượng thì

tài sản tiêu tán hết. Nếu Văn tới thì con gái trong nhà dâm loạn, Khố tới thì ắt có tai họa.

Tiếp lời ở trên, xem mười hai phương vị của Lai Long và Lai Khứ của Thủy. Nếu thấy đủ Âm Dương, Thư Hùng phối hợp thì sơn và thủy hợp với phép tắc, Lai Khứ của Thủy tự có được sinh khí vượng. Tứ Mộ là Lai thì sẽ có sinh vượng, Minh Đường quay sang Thủy ắt vô tai họa, nếu Thư Hùng không cùng phối hợp thì căn cứ Long Âm bố trí vận khí, nhưng phương vị phía trên thì có Thủy thần tới, phương vị này không hợp phép tắc. Phương vị Sinh chủ tôi tớ, xung phá Sinh ắt tôi tớ bị yểu chiết; phương vị Vượng chủ về tài lộc, bị xung phá ắt tiền của tiêu tán. Mộc Dục nên là Khứ (đi) nếu là Lai (đến) thì chủ nhân dâm loạn, Mộ Khố cũng nên là Khứ, bằng không tai họa ắt tới. Không hợp phép tắc thì nên xác định phương hướng để khống chế. Phương hướng nên xác lập dựa vào Lai Thủy, trên thực tế không có liên quan gì tới Lai Long; nếu dùng Lai Long Sơn Âm và Quái Khí để phối hợp phương hướng thì ắt gặp họa do Thủy Sát đem tới. Đây là Long dùng Tĩnh Khí mà giữ, Thủy dùng Động mà chủ hung họa. Do đó có nói, Huyệt tiếp nhận Tĩnh Khí, sự hòa hoãn gấp gáp của Long có thể dùng huyệt sửa đổi; Hướng dựa vào Đường Khí, cát hung của thủy có thể dùng hướng mà uốn nắn.

Sinh xuất Khắc xuất gọi là Thoái, Sinh nhập Khắc nhập gọi là Tiến; Thoái Thủy nên rời xa ngàn bộ, Tiến Thủy nên dùng nhà cửa nghênh đón.

Sinh Khắc chính là 10 Thoái thần và 14 Tiến thần của Hạ Tiết (đốt, đoạn dưới) của Long.

Bính, Đinh, Ất, Dậu là Hỏa; Càn, Khôn, Mão, Ngọ là Kim; Hợi, Quí, Giáp, Cấn là Mộc; Tuất, Canh, Sửu, Mùi là Thổ; Tí Dần, Thìn, Tốn, Tân, Tị, Thân, Nhâm là Thủy. Sơn chủ về gia nhân tôi tớ, Thủy chủ về tài lộc. Lai Thủy tùy vào phương hướng, Khứ Thủy tùy theo mộ huyệt, đều trong sinh khắc xuất nhập mà tìm kiếm cát hung, tốt xấu. Điều này cũng giống như Sơn Long, Thủy thần có được Âm Dương thuận nghịch, đều hợp với Sinh Vượng. Bằng không, gia nhân cùng tài sản sẽ hao tổn. Do

vậy phải xác lập Sơn Âm Thủy Âm sinh khắc với Lai và Khứ Thủy.

Nếu Tiến Thoái thích hợp thì ắt trong nhà có người làm quan to, tài sản súc tích, gia nhân đông đúc. Vượng Khí Đới Sát đến chẳng phải dễ, không nên bỏ Mộ Khố Tàng Sát.

Vượng Khí Đới Sát gặp Lai Thủy với Sinh Vượng là tốt, tựa Sinh xuất Khắc xuất là mang theo Sát (Đới Sát), nó không thu sơn thế được. Trong khố có ẩn chứa Sát, từ trong Hưu Tù mà phát Khứ Thủy là hay. Tựa như sinh nhập khắc nhập chính là tàng sát, sát khí không thoát ra được. Sơn chủ đầy tớ, Thủy chủ tài lộc; Thủy trong huyệt thu lấy sinh khắc, dùng nó giải cứu tôi tớ. Hướng tùy theo Thủy, nên dùng Lai Thủy theo Hướng thu giữ Sinh Khắc, dùng nó giải cứu tài lộc. Sinh và Khắc tự có phép tắc riêng, như thế tôi tớ sẽ đông đúc mà tài sản súc tích.

Thứ đến phải xem thế nổi lên của các loại cao phong, Tiêm, Tú, Phương, Viên đều có phương vị riêng, phương vị Sinh phải cao vút thì tôi tớ mới đông, phong khởi tại Quan Vượng thì làm quan và tài lộc dồi dào.

Đoạn trước dùng Thủy để đo lường Thủy, đoạn này dùng sơn để đo lường sơn, phàm tìm kiếm Long mạch, gặp Hợi Long nhập Thủ,nếu nó chuyển đi từ bên phải thì đó là Âm Long, nên dùng Ất Mộc khởi Tràng Sinh tại Ngọ, đi ngược về bên trái đến Tuất chính là Mộ Khố đóng tại phương vị Tràng Sinh có cao phong, chủ về gia nhân đông đúc. Mão Cấn khuyết hãm, thì tài lộc hao tổn. Suy vong bệnh tật, Tử Mộ đều lấy khuyết hãm làm chủ, nếu cao lớn thì nó chủ về đại họa.

Tri Âm ít có trong Thủy, vì vậy nên tìm nó trong Huyền Không, cần phải biết rõ biến hóa sinh khắc tại phương vị nó đóng và đừng xem thường đường tiến thoái của Thủy.

Khí của Ngũ Hành ắt có Sinh cọ Tử, Lai Long, Thủy Thần vốn đều tương ứng với Hưu, Tù, Sinh, Vượng, mà dùng hướng để sai khiến, nên tìm sinh khắc của nó để hiểu rõ cát hung. Do đó, Dương Quân Tùng xác lập Huyền Không Ngũ Hành là dùng trong Thủy Lộ và Long Hướng, chúng đều tự có cát hung riêng.

Còn về việc Tiến Thoái thì dùng, Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt là 10 phương vị Thoái Thần; Thai, Dưỡng, Sinh, Mộc, Quan, Lâm là 14 Tiến Thần, Địa chi theo Thiên Can, cứ hai phương vị hợp làm sinh nhập khắc nhập là Tiến, sinh xuất khắc xuất là Thoái. Sự tương ứng cát hung có liên hệ tựa tiếng dội lại của âm thanh vậy.

Tứ Kim Tứ Mộc cùng hợp Nhân Thủy, Từ Hỏa, Tứ Thổ thiếu Ngũ Hành, lớn nhỏ đều ở tại Huyền Không, 24 sơn có Thủy Thần, 10 Thoái Thủy linh nghiệm, 14 Tiến Thần, Sinh nhập Khắc nhập là Tiến Thần, Sinh xuất Khắc xuất là Thoái Thần, Tiến Thần tiến tới thì tài sản súc tích, nếu lập tức Thoái ngay thì không tốt. Thoái Thần nên lùi, gia sản hưng vượng nếu lập tức tiến tới thì chủ kiện tụng.

Ngũ Hành của các nhà đều kỵ khắc, mà tiểu Huyền Không thì ngược lại, do vậy mà nói sinh nhập khắc nhập là Tiến Thần, sinh xuất khắc xuất là Thoái Thần, dùng sinh ta khắc ta, tình hình hẳn sẽ thay đổi, song là thay đổi tốt. Dương Quân Tùng dùng Hướng để luận về Thủy Lộ, tại 14 phương vị Thai, Dưỡng, Sinh, Mộc, Quan, Lâm là Tiến Thần, tại 10 phương vị Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt là Thoái Thần mỗi tòa núi đều có. Vì thế nên nghênh tiếp Tiến Thần, sinh nhập và khắc nhập cũng khá tốt. Nên rời xa Thoái Thần, sinh xuất khắc xuất đều hung. Điều chủ yếu là chúng đều nằm trong Thập Nhị Tràng Sinh Thủy Pháp. Khe rạch và Minh Đường xác định tại phương Ngẫu và quan sát Hành cùng Oanh, 4 thước 8 tấc là 1 bộ, Triết nên để chúng giao hội và có phương hướng thích ứng, Tiểu Thần nên để chúng tiến vào Trung Thần. Trung Thần nên tiến vào phương vị của Đại Thần. Tam Triết lại chảy về Ngự nhai, như vậy sẽ có tên trên bảng vàng.

Đoạn này muốn bàn về sự khác biệt giữa Nội và Ngoại Minh Đường, Triết Thủy và Huyền Không, Tiến và Thoái. Trước mặt Minh Đường huyệt là Tiểu Minh Đường, Câu Khê Huyệt bên có khe rạch và Âm Lự Thủy ở bốn góc. Dẫn đường tới trước mặt huyệt, Sơn và Thủy cần được đo đạc từ giữa mộ, giữ được cát lợi rồi hãy sắp đặt yên vị. Tam triết ra Minh Đường rời Câu Khê. Ngoại Minh Đường cũng vậy, vẫn dùng 4 thước 8 tấc làm

1 bộ, để xác định Hoành và Oanh lớn nhỏ, Oanh từ Hoành Thủy còn Hoành từ Khúc Thủy. Sinh Vượng sẽ chảy rất dài còn Tử Tuyệt ắt ngắn ngủi, hơn nữa theo Thủy Thần từ Tiểu mà đến Trung thần.

Kỳ Quý, Tham Lang và Lộc Mã liên tiếp trong Tam Hợp, địa huyệt có Tam Hợp này là huyệt quí vô song. Hung thần chảy ngắn, Cát thần chảy dài, phú quí cùng thanh danh vang khắp thiên hạ.

Thủy thừa tiếp Câu Khê và Minh Đường chảy từ Tiểu tới Trung đến Đại, như thế sẽ đạt được Kỳ Quý, Tham Lang và Lộc Mã đến đi, phúc đức không nhỏ. Kỳ là chỉ Tam Kỳ của Địa bàn, đó là Ất Bính Đinh. Quý là quý của Thiên Ất. Tham Lang chỉ sinh khí, Lộc Mã chỉ thiên can, nếu cùng với Kỳ Quý, Lộc Mã tới Minh Đường lại liên tiếp Tam Hợp chảy theo hướng Ngự Nhai, vẻ đẹp của nó sẽ lộ ra.

Thủy Lộ xuất nhập cũng có khúc chiết, Chiết chuyển dịch trong đó, đều khó nhất là tất cả đều không được phạm vào Hung thần. Tóm lại, Hung thần nên ngắn, Cát thần nên dài, Ngắn không quá Nhị, dài không hơn Cửu. Dẫn vào Minh Đường, Tam Chiết, hiển nhiên cát lợi.

Tí Ngọ Mão Dậu khiến cho nha môn, đàn tế thần, đền chùa, đạo quán hưng thịnh, bên trong có Kỳ, Thương, Cang, Môn, Thủy, Lôi Công Quan Vị khiến người kinh hãi.

Tí Nha, Đinh Ngọ, Giang Kỳ, Đoan Môn, Mão Lôi Quan, Dậu Kim Thương chủ những sự khiến người ta kinh sợ.

Họa phúc của Thủy thần vốn không cần xem xét tỉ mỉ, song lại cần quan sát kỹ Công Vị. Càn, Khôn, Cấn, Tốn trưởng nam hưng vượng; Dần Thân Tị Hợi trưởng nam nghèo khổ cô đơn; Giáp, Canh, Bính, Nhâm, thứ nam hưng vượng, Tí Ngọ Mão Dậu tai ương không ngớt; Ất Tân Đinh Quí con út hưng vượng, Thìn, Tuất, Sửu, Mùi tai họa giáng xuống.

Đoạn này dùng Công Vị để nói tới Thủy, nó đến từ phương Sinh Vượng, chảy về hướng mộ huyệt, hợp với Tam Hợp, chỉ cát mà không hung. Công vị phải ngay thẳng, không nên nghiêng lệch. Nếu Thủy Lai, Khứ không được Tam Hợp, thì khó tránh

khỏi tai họa, cho nên có phép tắc đình chỉ Thủy Âm, lấy Mạnh Trọng để định Quí, dùng công vị Trường, Trung, Tiểu để đoán cát hung, đường tới lui của Thủy Thần rất quan trọng, Thiên Can vị cần Lai Thủy, trên Địa Chi vị cần Khứ Thủy. Dần Thân Tị Hợi tứ sinh phối hợp với trưởng nam, trưởng nữ; Tí ngọ Mão Dậu Tứ chính phối hợp với thứ nam, nữ; Thìn Tuất Sửu Mùi tứ Mộ phối hợp với thiếu nam thiếu nữ. Thảy đều dựa và Cửu Tinh Thủy Pháp để quan sát.

Phú Quí bần tiện của mộ huyệt, phải xem thủy thần. Thủy là huyết mạch tinh hóa trong sơn. Sơn tĩnh Thủy động ban ngày và ban đêm phải chính xác rõ ràng. Thủy sinh tài lộc, sơn sinh nhân khẩu, Càn Khôn Cấn Tốn gọi là Ngự Nhai, 4 đại tôn thần này sắp xếp bên trong; Sinh Khắc cần bố cục theo Ngũ Hành. Càn, Khôn, Cấn, Tốn Thủy chảy dài, cát thần sẽ vào nhà, khiến được giàu có.

Càn Khôn Cấn Tốn là 4 đại thủy khẩu, Lai Khứ của chúng ít khi hợp được với tam hợp, không có sự phân bố của Ngũ Hành, Sinh Khắc chịu ảnh hưởng của Sinh Vượng Mộ, nếu không hợp, nên lấy sinh nhập khắc nhập làm Tiến, sinh xuất khắc xuất làm Thoái.

THANH NANG ÁO NGỮ

Khôn, Nhâm, Ất, tử Văn Khúc mà ra, Cấn, Bính, Tân đều tại Liêm Trinh vị, Tốn, Canh, Quí đều là Vũ Khúc vị, Càn, Giáp, Đinh, Tham Lang đều cùng một đường.

* Hà Đồ thập nhị chi của tiên thiên chuyên luận về Thiên quái. Ai tinh, Ngũ hành, Thiên can phối hợp địa chi, Lạc Thư bát thập tứ duy của hậu thiên chuyên bàn về Địa quái, Tam hợp, Ngũ hành, Địa chi phối hợp Thiên can Khôn, Giáp đồng cung, Nhâm, Tí đồng cung; Ất, Thìn đồng cung, Tam hợp Thân Tí Thìn hợp thành Thủy Cục, mà Khôn, Nhâm, Ất phối theo, cho nên cũng là thủy, thủy là Văn Khúc. Cấn, Dần đồng cung; Bính, Ngọ đồng cung; Tân, Tuất đồng cung; Tam hợp Dần Ngọ

Tuất hợp thành Hỏa cục, mà Khôn, Bính, Tân phụ họa theo chúng, nên cũng là Hỏa, Hỏa là Liêm Trinh. Tốn Tỵ đồng cung; Canh, Dậu đồng cung; Quí, Sửu đồng cung; Tam hợp Tỵ Dậu Sửu hợp thành Kim cục, mà Tốn Canh Quí tùy theo, nên cũng là Kim, Kim là Vũ Khúc. Càn Hợi đồng cung; Giáp Mão đồng cung; Đinh Mùi đồng cung; Tam hợp Hợi Mão Mùi hợp thành Mộc cục, mà Càn Giáp Đinh tùy theo nên cũng là Mộc, Mộc là Tham Lang. Một thuận một nghịch tổng cộng 48 cục, Dương sinh Âm tử, Âm sinh Dương tử, dùng tam hợp, ngũ hành để đếm, Long sinh Âm Dương lấy Thủy đối với Tam Nghĩa Sinh Vượng Mộ. Sinh dùng để kiểm nghiệm sự bắt đầu của khí; Vượng kiểm nghiệm sự thịnh suy của khí, Mộ dùng kiểm nghiệm kết cục của khí. Tiên thiên, hậu thiên cùng phối hợp, Hà Đồ, Lạc Thư cùng tương hỗ làm biểu lý. Ngũ hành dịch chuyển dưới đất, đều có thể biết. Không nói tới Thổ là vì Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là cung chuyển tiếp. Không nói Thân, Tí, Thìn mà nói Khôn, Nhâm, Ất là vì địa chi tam hợp thì người ta dễ biết rõ Thiên Can, mà tam hợp lại chưa từng được nghe. Tả hành (theo chiều thuận kim đồng hồ trên la bàn) là Dương, đi từ Tí Sửu đến Tuất Hợi; Hữu hành (đi theo chiều nghịch) là Âm; từ Ngọ Tị đến Thân Mùi.

* Tả hành là Dương, Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tị, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Hữu hành là Âm, Mão, Dần, Sửu, Tí, Hợi, Tuất, Dậu, Thân, Mùi, Ngọ, Tị, Thìn. Ngũ hành Âm Dương, Sinh Vượng Mộ của nó đều chiếu theo thuận nghịch mà đếm. Thư hùng giao hội hợp do huyền không, huyền không của hùng và thư tính toán trong quẻ.

* Thiên và Địa giao hội với nhau mà sinh vạn vật; chồng vợ tương giao mà thai dục vạn vật, đây là thiên cơ của sự biến hóa thai dục. Do vậy nhà phong thủy xác lập cách táng, dùng nó để cầu phúc khí của Quỉ, để khiến khí trời đất cùng thông suốt, không hề cách biệt. Thấy rõ sự giao hội của Thư và Hùng, biết được sự vận chuyển của Thuận Nghịch. Mộ huyệt dựa vào sinh khí, luôn có được Xung, sau đó mới có thể cầu phúc khí. Nếu chỉ là tượng trong Sa Thủy mà không có sự hòa hợp của

Thư Hùng, thì không thể phát phú quí. Cho nên, Dương Quân Tùng có nói : "Thư âm Hùng dương, sơn Long thủy thần tự có Âm Dương". Dương chuyển về bên trái, Âm chuyển sang bên phải Âm Long nhập thủ nghịch, Dương Thủy nhập Thủ thuận, Âm Dương cùng gặp, khí ắt xung hòa, Sơn thủy chuyển sang trái hay phải đều nói theo hình tượng của nó. Nhị khí vận hành dưới đất đi thuận hay nghịch đều ngầm vào mộ, mất tuy không thấy song hai khí vẫn cùng tương ứng, như thế vạn vật sẽ biến hóa, điều này rất huyền diệu cho nên gọi là Huyền Không. Cần hiểu rõ Sơn và Thủy có họa phúc liên quan với nhau.

* Luận Sơn, dùng hình dáng nào của Lai Long để khởi Tràng sinh ? Luận Thủy, dùng Thủy thần nào để khởi Tràng Sinh ? Cần hiểu rõ Tam hợp và Thuận Nghịch, Song sơn là sơn, Thủy là Thủy, phúc họa có liên quan với nhau sao ? Giả như Thân Tí Thìn 3 cung có quan hệ với Long nhập thủ, lấy Thủy Long tam hợp Khôn Nhâm Ất để lập hướng, dù khí đồng nhất song lại khiến Sinh tiến về hướng Khôn, Thân, như vậy là Phá Sinh; Thủy tiến về hướng Nhâm, Tí là Bại tại phương vượng. Phúc họa của nó vì thế phải liên quan với nhau. Hơn nữa tam hợp là do Long hướng và Thủy khẩu hợp thành, tựa hình chân vạc cho nên gọi là tam hợp. Hướng chưa lập, họa phúc chưa hiện ra, Long hướng đã định thì tùy thời có thể thấy phúc họa. Cho nên phúc họa là do người chứ không do trời. Người hiện tại có thể cải biến hay không thể cải biến.

Đạo của Huyền Không nằm trong Ngũ hành, biết điều này thì không cần nạp giáp.

* Trong "Kinh Dịch", một Âm một Dương gọi là Đạo. Huyền Không ngũ hành dùng sơn thủy phân Âm Dương, lại xem Âm Dương là Thư Hùng. Thiên Đạo xoay sang trái thuộc Dương, mà sinh khí của nó bố trí theo chiều Thuận; Địa Đạo xoay sang phải thuộc Âm, sinh khí bố trí theo chiều Nghịch. Âm đắc Dương từ dưới đất lên trên trời, khí mới cùng giao, Dương dụng Âm từ trên trời xuống, khí mới tương giao. Cho nên một thuận một nghịch giao hội xen kẽ. Ví dụ Hợi Long, đi về bên trái, khởi từ Giáp Mộc Sinh Hợi mà Vượng Mão, thuận với bố cục. Tuất Long đi về phía phải, khởi từ Ất Mộc Sinh Ngọ mà Vượng Dần, nghịch

với bố cục. Còn về chuẩn mực xác lập hướng của nó, có khi Sinh Long làm hướng Vượng; có khi Vượng Long làm hướng Sinh, có khi làm hướng từ Mộ, như thế gọi là cách tam hợp Liên Châu. Sơn và Thủy đều có Sinh Vượng Mộ riêng, cho nên nói Long thần hạ sơn không hạ thủy. Và cũng vì thế mà không cần phải nạp giáp.

24 sơn Âm Dương điên đảo có châu báu, mà 24 sơn nghịch thuận điên đảo đều có bần tiện.

* Giữa sơn với sơn đã có phân biệt về Tả và Hữu hành như thế, khí của Hữu hành phân Âm Dương mà thuận nghịch đảo điên. Dương khí thuận, khí của sinh vượng khởi từ Tí chuyển qua Sửu. Âm khí nghịch, khí sinh vượng khởi từ Ngọ chuyển qua Tị. 24 sơn tự có phú quí. Nếu lấy nghịch làm thuận, lấy thuận làm nghịch thì chúng tự có bần tiện. Nhận biết một dọc một ngang (Kinh Vĩ) của Kim Long, vô cùng có ý nghĩa, nó động hay không đều do cao nhân nhìn thấy hay không thấy.

* Kim Long là chỉ 4 thủy khẩu của Kim. Long là dọc (Kinh), Thủy là ngang (Vĩ), Kim Long động hay không không phải cao nhân làm sao quyết định ?

Đệ nhất Nghĩa, phải biết sự vận hành và dừng lại của Thần Long; Đệ nhị Huyền, Minh Đường của Lai mạch không được thiên lệch; Đệ tam Pháp, truyền, vận công không được đè nén; Đệ tứ Kỳ, Minh Đường chữ thập (✝) có Huyền vi; Đệ ngũ Diệu, Thanh Long trước sau tương hỗ ứng chiếu; Đệ lục Bí, Thành Môn tám nước giữ được Chính Khí; Đệ thất Áo, phải hướng về Thiên Tâm tìm Thập Đạo; Đệ bát Tải, phải nhận rõ Lai Khứ của Thủy; Đệ cửu Thần, dùng Bình Địa và Cao phong của nó; Đệ thập Chân, nếu có chỗ khuyết hãm thì không phải là chân thực.

* Đoạn này chuyên nói về Tam Hợp, vì sự diệu dụng mà đề cập đến sự vận hành và đình chỉ của Long, sự lệch và thẳng của mạch, Long Hổ trái phải, Minh Đường chữ Thập trước chào sau đón. "Tám nước" chính là tám hướng, Thành môn "là Thủy khẩu, chúng cần phong tỏa được khí, Thiên Tâm Thập Đạo, chuẩn mực lập huyệt, cần phải khiến cho thủy chảy uốn lượn phân rõ

Lai và Khứ của Thủy, hoặc Bình Địa hoặc cao phong đều dùng những chuẩn mực trên, thiếu một cái đều không phải là thực.

* Cách Đảo Trượng, trước tiên phải bàn tới Mạch Lạc, Âm Dương, Cầu thiềm, Giới Hợp. Khẩu quyết : "gặp Nhất lạp Túc (một hạt thóc)" là tâm pháp của Dương Quân Tùng, không dùng Quái khí. Cho nên nói, tối quan yếu là thế, thứ đến là hình, thứ nữa là phương vị. Nhận biết hình dáng của chưởng, thái cực phân rõ ắt có ý đồ.

* Nơi kết huyệt có vòng thái cực, thì đó là cầu thiềm, tựa hình chưởng (lòng bàn tay). Biết được hóa khí sinh khắc chế hóa, tất sẽ nhớ kỹ.

* Khí vận hành dưới đất, không hình trạng nên khó biết. Dùng sinh khắc để biết, chính là Quý Khảm kèm theo Xà cuồn cuộn tiến vào hướng Hợi Càn Bính, đây là ý nghĩa của sinh, những phần khác phân Kim vượt triền, đều có sinh khí, cần phân rõ Phương, Viên, Tiêm, Tú của Ngũ tinh.

* Ở trên nói tới phương vị, phần này bàn về hình thế. Thông hiểu tinh, phong cao thấp thì phân biệt tỉ mỉ.

* Tinh có hình thế, phong cũng có, cần hiểu rõ ngũ hành sinh khắc. Sinh Tử Lai Khứ của Quỷ và Diệu thực huyền ảo.

* Quỷ Long, Diệu tinh kết huyệt, huyệt có thể kết khi có Sinh và Lai, Tử và Khứ thì không phải là Chân huyệt. Lấy thủy để nói, nó cũng có các phương hướng Quỷ, Diệu, Sinh, Tử, Lai, Khứ.

Thủy có Sinh Vượng thì cát, Hưu Tù thì hung.

* Đặt Thủy hợp với Sinh Vượng thì tốt, Hưu tù thì xấu, câu này chính là khẩu quyết cho việc đặt thủy trước huyệt. 24 ngọn núi phân ra ngũ hành, trong chúng có thể thấy rõ vinh nhục và sinh tử, chúng đối nhau mà không giống nhau, bí mật nằm trong Huyền Không. Nhận chuẩn xác Long mạch, nhận địa huyệt phải rõ ràng, phải phân biệt được Thiên Tâm, như vậy kết huyệt chẳng phải khó, chỉ cần đặt Thủy trong Hướng, từ ngoài sinh vào gọi là tiến, huyệt này mang lại phú quý. Từ trong sinh ra gọi là thoái, tiền của trong nhà tiêu tán. Sinh nhập khắc nhập

gọi là vượng, con cháu đời đời làm quan phú quý là do loại huyệt mộ này.

* Câu "đối nhau mà không giống nhau" là chỉ Tam hợp hoặc Âm hoặc Dương tiếp nhận khí sinh vượng. Song không hợp chuẩn mực thì phải dùng tới sinh khắc của Tiểu Huyền Không.

Phải rõ nguyên nhân vì sao Mạch, Tức Sinh Vượng, Long nghỉ ngơi, Mạch lạnh lẽo thì sắp có tai họa. Dù có Sơn hộ cứu, cũng uổng phí Lộc Mã theo cùng.

* Đoạn này bàn tới sự thịnh suy của Mạch, tức Nhập Thủ. Mạch là lai Mạch, tức là Khí tức và cũng nói về hình thế phương vị, *như* Lai mạch hoạt động chính là Sinh, thẳng cứng là *tử*, khí tức đầy đủ là Sinh, thiếu thốn là Tử. Mạch tức đã suy nhược thì dù có Lộc Mã và Quý Sa đi kèm cũng vô dụng.

ĐỊA LÝ ĐẠI TOÀN TẬP YẾU

Quyển 5

Biên soạn : Ngụy Lý Hứa Tử Viễn Đạm Viên
Hiệu đính : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am
Tôn Ái Tải Ung

THIÊN NGỌC KINH

DƯƠNG QUÂN TÙNG

NỘI TRUYỆN THƯỢNG

+ Giang Đông nhất quái đến thì cát, là Bát Thần, tứ cá nhất hợp thành.

Giang Đông là chỉ xoay về bên trái, Dương Long chuyển mình từ Đông sang Tây, thuộc Dương, nên mới là nhất quái. Bát Thần là 8 phương vị Ất, Bính, Tân, Nhâm, Đinh, Canh, Quý, Giáp và 24 vị trí của tam hợp, ngũ hành, mỗi phương vị cữ cách 8 thì tương sinh. Tứ cá chính là Thủy, Hỏa, Kim, Mộc, và 4 xứ Thìn, Tuất, Sửu, Mùi. Đây là Long xoay sang trái thuộc Dương Sinh Vượng Mộ, Dương * chuyên thuận theo nó, nên gọi là Bát thần tứ cá nhất, nhất là chỉ Dương.

+ Giang Tây nhị quái sắp thành phương vị của Long, là Bát thần tứ cá nhị.

Giang Tây là chỉ Âm Long xoay sang phải, từ hướng tây đi sang đông, nghịch với vị trí của Long; Ất, Bính, Tân, Nhâm, Quý, Canh, Giáp đều thuộc âm nên gọi là quái nhị Long, xoay

sang phải thì thuộc âm, Sinh Vượng Mộ chuyển biến theo âm. Nhị là chỉ âm.

+ Nam Bắc Bát Thần cũng đồng một quái, với Đông Tây không có sai biệt.

Tác giả lại sợ người đời sau câu nệ Đông Tây mà không biết có Bát Thần Nam Bắc hỗn chuyển tả chuyển nơi đông tây tưởng đồng có thể xem làm một.

Sở dĩ lại nói cùng một quái, thì là tương đồng nói chung, không sai dịch là quái bao sơn hướng thủy mà nói.

+ 24 Long nắm giữ Tam Quái.

24 Long không xuất đầu lộ diện, nên nói là Tam Quái, Tứ Sinh Vượng Khảm, Ly, Chấn, Đoài; Tứ Sinh Mộ Càn, Khôn, Cấn, Tốn, Âm Dương Nam Bắc Đông Tây hội hợp tại đây.

Phải tìm Thiên Quái Giang Đông trên bàn tay.

Thiên Quái tức là nói Địa Chi tùy theo Thiên Can, cũng chính là an tinh ngũ hành trước. Từ trên bàn tay phân Âm Dương thuận nghịch, khởi Sinh khởi Tử; Vượng Mộ sắp đặt Cửu Tinh dùng đó mà xác định cát hung của Thủy Thần. Cách dùng Thủy, tại Giang Đông gọi là Dương, mà Âm cũng có thể dùng nó mà đối chiếu.

+ Địa Quái, ai là người hiểu hết sự huyền diệu, Thủy và Sơn đối nhau. Địa Quái là Thiên Can phối hợp với Địa Chi, cũng chính là 2 mặt trước sau của Tam hợp Ngũ Hành. Là tổ tiên của Song sơn tam hợp Ngũ Hành, đây là yếu quyết của Âm Dương sinh tử, cách dụng của sơn, thủy đối nhau, cho nên tác giả nói : "Thiên Quái ở trên dùng để chỉ Thủy Thần Vượng Mộ, Địa Quái ở đây dựa vào Long để bàn về Sinh Tử của Sơn Thủy, thể chất và chỗ dụng của 2 quái tương hỗ nhau. Do vậy mới nói "đối nhau". Phàm là Thủy ắt phải tới từ trời nên gọi là Thiên Quái, Phàm là Long ắt phải ngủ yên dưới đất, vì vậy gọi là Địa Quái.

+ Cần phân biệt kỹ Phụ Mẫu Âm Dương, trước sau cùng tương hỗ, rồi mới có thể an táng hài cốt.

Đoạn này bàn tới nguồn cội của trời đất, Phụ Mẫu khác nhau mới có sai biệt Âm Dương, sau đó tương hỗ mới phân ra trái phải.

+ Long đi theo bát quái mà không rời vị trí, gia thế đời đời phú quý, Thủy lưu luôn chảy về bản quái, danh vang thiên hạ. Nếu Long rời khỏi bát quái thì bần tiện. Sắp đặt Thiên Y, Phúc Đức tốt thì có thể thấy vinh hiển.

Không rời vị trí là muốn nói Long cùng Thủy quy về một đường, Tả Hữu thuận nghịch chủ 24 vị, nếu Ngũ Hành không rời bát quái, thì Long hướng sẽ hợp trên một đường, đây là Toàn Cục, trong nhà đời đời có người làm quan. Nếu Thủy đến theo Quan Vượng, dòng chảy trở về bản quái Phụ Mẫu, thì danh vang khắp gầm trời. Nếu không có cục thế Quan Vượng gặp Sa Thủy thì suốt đời bần tiện. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa; Âm, Dương; Tả, Hữu luôn ở trong Bát Thần, như thế là hướng thủy luôn trở về cùng bản quái.

+ Đảo lật Phụ Mẫu hộ tống Long vị, hướng núi cùng dòng chảy của Thủy tương đồng, Âm Dương hợp trên một đường đến từ trong quái.

Thủy lưu trở về Long vị là đảo lộn Phụ Mẫu. Trong 24 vị, Âm và Dương cùng chiếm một nửa, Thiên Quái chuyển từ Dương, Địa Quái theo Âm chuyển, Thiên Quái theo Dương là chỉ nó chia làm 12 Dương vị, đi theo chiều thuận là Ngũ Hành; Địa Quái theo Âm là chỉ nó phân ra 12 Âm vị, đi theo chiều nghịch làm Cửu Tâm. Cát hung của chúng đều nằm trong 2 quái Thiên và Địa.

+ Quan Thiên Quan Địa xác định Thư Hùng, có thể thấy phú quý trong đó; Phiên Thiên Đảo Địa đối mà không đồng, điều huyền diệu ở tại Huyền Không.

Đoạn này muốn nói về 2 cục thế Âm Dương và Tả Hữu. Dương xoay sang trái đi thuận thành Hùng. Âm xoay sang phải đi nghịch thành Thư. Dựa vào Âm Dương, thuận nghịch của Thủy Thần thì sẽ khởi Sinh Vượng; thế gọi là Phiên Thiên Đảo Địa. Trong Huyền có Huyền, trong Không có Không, còn được gọi là Huyền Không Thiên Quái. Dư Giới Thạch có nói : "Người đời chỉ thích dùng Tiểu Huyền Không Ngũ Hành để nói về sinh tử của Thủy Thần, La Kinh 24 chữ, Thủy Thổ chiếm một nửa".

Phàm Thủy pháp nên dùng Song sơn liên tiếp làm mục đích của nó, như thế Viên Thần sẽ không gây trở ngại cho Vị, trên Vị có sơn Tràng Sinh, Trên Sơn có Huyền Khiếu, đôi bên đều hữu dụng. Quan Thiên Quan Địa tức Thìn Tuất Sửu Mùi, Phiên Thiên Đảo Địa là Âm Dương sinh tử.

+ Thủy khẩu của Tam Dương đều là ngọn nguồn thì phú quí đời đời, Tam Dương, Lục Tú, Nhị Thần hợp với Thế, thì nên tiến vào Đường.

Tam Dương là Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc; Lục Tú là Cấn, Bính, Tốn, Tân, Đoài, Đinh; Nhị Thần là 2 quái. Thủy của Tam Dương chảy về Mộ địa thu hết thủy đầu nguồn thì phú quý đời đời, nếu Tam Dương thủy hợp với phương vị của Lục Tú, nhập cục không rời bản quái Nhị Thần, có thể thấy ngay chúng đóng trong đền miếu.

+ Thủy Đáo Ngọc Nhai Quan Quan thì sẽ xuất hiện thần đồng trạng nguyên, tựa Ấn đóng tại Thủy khẩu, Ngọc Nhai tới gần Đoài Đỉnh thì sẽ được thăng quan tiến chức.

Càn Khôn Cấn Tốn có lúc được gọi là Ngọc Nhai hoặc Ngự Nhai.

Câu trên nói tới Ngọc Nhai thủy tới chào đón theo phương hướng của Quan Vượng thì sẽ xuất hiện thần đồng trạng nguyên.

Câu dưới nói tới Ngự Nhai rời Thủy theo phương vị của Tứ Mộ (Thìn Tuất Sửu Mùi) thì sẽ được thăng quan tiến chức.

+ Cổ Giác thuận thủy lưu mà đi, như thế thì Hồng Bái tươi đẹp tượng trưng cho phú quí sẽ xuất hiện.

Cổ Giác là chỉ vị trí phía trước một cung của Ngũ Hành Tràng Sinh, sau 2 cung là Hồng Bái, có Thủy chào đón Sa, nếu đẹp đẽ thì sẽ phú quí.

+ Bên trên phải chiếu theo Tam Tài và Lục Kiến để sắp đặt ổn thỏa Âm Dương; Bên dưới cần theo phương hướng của Ngọc Liên và Hán Môn, Long đi tới còn cần quay đầu.

Tam Tài là Tam Dương, chỉ Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc; Lục Kiến là Thiên, Địa, Nhân, Tài, Quỷ, Lộc; Ngọc Liên

là Ngũ Hành đi nghịch với vị trí Suy : Vị trí Mộc suy gồm : Quý, Cấn, Ất; Hỏa suy gồm : Ất, Tốn, Đinh; Kim suy gồm : Đinh, Khôn, Tân; Thủy suy gồm : Tân, Càn, Quý. Lại nói Hãn Môn Thủy nên chọn phương hướng của suy. Cho nên nói bên dưới chiếu theo đó mà đi. Lại gọi Tí, Dần, Thìn, Càn, Bính, Ất là Lục kiến. Tí là Hãn Môn, Dần là Kỵ Cổ, Thìn là Hoa Biểu, Càn là Ấn Thụ, Bính là Ngọc Nhai, Ất là Ngọc Liên. Cần chú ý Lục Tú không phải là Lục Kiến. Long đi phải quay đầu lại là nói Thủy rời khỏi Quái ất phải quay về bản quái Phụ Mẫu mới tốt. Ngô công nói : "Ngũ Hành dùng Tràng Sinh làm Thiên Kiến, là khí Âm Dương hóa dục; dương Mộc, Quan làm Địa Kiến, là khí Âm Dương thoát thụ; Đế Vượng là Tài Kiến, tức là khí âm Dương cực thịnh; Tử, Mộ, Tuyệt là Quỷ Kiến, tức khí Âm Dương ngưng kết; Thai, Dưỡng là Lộc Kiến, tức khí Âm Dương Bác Phục. Do vậy không nên rời Lộc, Thiên, Nhân Kiến đến đón lưu thủy, Tài Quỷ Kiến vào Mộ quấn quanh bản quái Phụ Mẫu, thế mới phù hợp với Toàn Cách.

+ Lục Kiến tự phân rõ gọi là Lục Long, danh vang thiên triều; Chính Sơn Chính Thủy ở trên Chi mạch của lưu thủy, đàn bà trong nhà cô đơn, trẻ nhỏ chết non, người nhà chịu hình luật.

Đoạn này bàn về sắp xếp Long trên Thủy, theo Thiên, Nhân, Kiến đến đón Thủy lưu, Tài, Quỷ, Kiến vào mộ, thì đời sau có người nổi tiếng. Nếu Chính Thần của Long làm chính diện trên chi mạch, hướng theo Chính thần của Thủy, thì đời sau ắt gặp họa.

+ Nếu hướng trở về sơn, đây là hướng trở về Phụ Mẫu của Thủy lưu; Nếu Thủy cùng đi chung với Phụ Mẫu Sơn thì đời sau có người làm quan to.

Ý của đoạn này là Hướng của Thủy lưu trở về Bản Quái Long vị, ví dụ như Dương Hợi Long làm Giáp, Mão hướng đi về Đinh, Mùi hợp với Mộ Khố, đây là Thủy lưu quay về. Nếu Âm Hợi Long, Cấn Tốn Bính thủy đến hợp với âm thủy cục đi vào Tuất, Càn, trở lại Mộ Khố, vây quanh Phụ Mẫu bản quái thì

chính là cùng đi với Phụ Mẫu Sơn, tất nhiên có xuất hiện tam công, phúc cát kéo dài.

+ Cùng đường với Nhị Thần là Phu Phụ, biện rõ đường của Chân Thần, đã định Âm Dương thì đó chính là Long Cương.

Đoạn này dùng Tam Hợp Địa Quái để bàn về Song sơn. Tam hợp ngũ hành lấy Chi mạch làm Dương, làm Phu; lấy Can mạch làm Âm, làm Thê. Can và chi mạch đồng hành chính là Phu Phụ cùng đi. Ngô Công nói : "Song sơn Can mạch theo Chi mạch, phân ra Ngũ Hành là chi Âm theo Dương, Thê theo Phu vậy". Tức là lấy Chính Thần làm chủ, ví như Dần, Ngọ, Tuất Dương Hỏa Thần; Cấn, Bính, Tân, Âm Hỏa Thần. Tương ứng cùng Thân Tí Thìn là Dương Thủy Thần; Khôn, Nhâm, Ất là Âm Thủy Thần. Hợi, Mão, Mùi là Dương Mộc Thần; Càn Giáp Đinh là Âm Mộc Thần. Tỵ Dậu Sửu là Dương Kim Thần; Tốn Canh Quí là Âm Kim Thần.

+ Cần phải quan sát Linh và Chính của Âm Dương, nên biết hướng của chúng có chính xác không. Nếu gặp Chính Thần Chính Vị, ắt phải đặt Thủy tiến vào Linh Đường; Linh Đường có Chính Hướng thì tốt. Tuyển chọn Lai Sơn bên trên Não Thủy, xếp Long vị ổn thỏa, có như thế mới tốt.

Đoạn này dùng Song Sơn tam hợp để luận 12 chi âm dương, Chính Thần thuộc Dương, là Bát Can Tứ Duy. Linh Thần thuộc Âm, khi lập hướng cần biết. Chi Thần không thể làm Chính Hướng ắt phải đặt Thủy tiến vào Can Thần; Can thần có thể làm Chính hướng, cũng cần nhận rõ Lai Long là Ngũ hành nào nhập thủ nhằm tiêu, nạp. Ngô công nói : "Chu Tước khởi nguồn từ sinh khí, phân dòng thì chưa cực thịnh, hướng về Đại Vượng, tưới nhuần Tướng Suy, tiến về Hưu Tạ, cùng là cách xếp đặt Long vị trên thủy.

+ Chính Thần đi xa trăm bộ mới bắt đầu hình thành Long mạch, Thủy ngắn thì gặp họa; Linh thần bất kể dài ngắn, Cát hung dùng Ngũ hành để bàn.

Đoạn này nói về Chính Thần hành Thủy hợp với Quan Vượng, nguồn và dòng rất lớn, xa thì chủ đại quý, nếu xuất hiện

tại đồng ruộng hoặc khe rạch thì phải cách 100 bước mới cát, nếu ngắn hơn thì hung. Linh Thần hành thủy không nhất thiết phải bao bọc nguồn và dòng xa gần, chỉ dùng ngũ hành Sinh Vượng Hưu Mộ để luận cát hung. Nếu nó là Chiết Thủy từ Chính Thần chảy ra thì ắt gặp họa, phải chú ý, Chính Thần lên núi, Linh Thần xuống nước, Long Thần trên núi không xuống nước, Long Thần đáy nước không lên núi. Ở đây dùng sơn để nói : "Chính Thần hành Thủy cát, ra ngoài trăm bước mới thành Long".

+ Phụ mẫu đặt xong, thì tới Tử Tức, nên nhận rõ Sinh Khắc, Long vị trên thủy phải biết rõ huynh đệ cùng Tử Tôn của nó.

Đoạn này dùng Tứ Kinh Chiết Thủy để nói. Càn Kim là Phụ, Khôn Mộc là Mẫu, Cấn Thủy là Huynh Đệ, Tốn Hỏa là Tử Tức, cần nhận rõ ngũ hành sinh khắc; đặt xong đường thủy, Công vị để phân biệt họa phúc. "Trên Thủy" chính là Cấn Thủy, Tốn Hỏa vậy.

+ 24 chia 2, khi chọn lựa phải xem ngũ hành, cần chọn huyệt trong Thủy khi Long giao chiến. Long ở đây là Chính Long khuyết hãm, nếu trước mặt không có hung tướng tương giao phá hủy, không dụng phân biệt thì biết đó là hung họa, phải xem hung tinh thuộc công vị nào.

Đoạn này muốn nói 24 sơn chia âm dương, thuận nghịch và dùng nó để phân biệt cát hung, ắt phải xem nó thuộc ngũ hành nào chủ quản; trong khi dùng nó để định họa phúc thị tối kỵ Chính Thần giao chiến với Thủy Lộ. trước mặt không có hung tướng là muốn nói Thủy Lộ không chỉ là Lộc, Phá mà còn kiêm cả Văn Hung vị, do đó không nên vội quyết đoán hung tướng. Nếu giao chiến tại Hung vị, phải xem đó là công vị nào, nếu tại cung Tí Dần, tai họa có liên quan tới con trưởng. Ngô công nói : "Tí Ngọ Mão Dậu, Thìn Tuất Sửu Mùi tám đường cùng gặp Thủy ắt bị tai họa về đánh đập. Tí Ngọ gặp Thìn Tuất thì chủ về người nam, Mão Dậu gặp Sửu Mùi chủ về người nữ. Mão Dậu gặp Thìn Tuất thì Âm Dương không giao nhau, chủ tai họa về kiện tụng thị phi. Dần Thân Tị Hợi thuộc thủy nếu giao chiến với Tí Ngọ Mão Dậu đều chủ về tai họa hình ngục, đánh chém.

+ Trước định lai Sơn, sau định hướng, Liên Châu không cùng đặt, cần tìm kỹ tông tích của Ngũ hành, huyệt phú quí kết là Kim Long.

Ở đây nói là song sơn tam hợp lập hướng. Tỉ như Hợi Khôn Long lập hướng Giáp Mão Đinh Mùi, Thìn Dậu Long lập hướng Tốn Kỷ Quý Sửu; gọi là liên chân tam hợp, tất phải xem kỹ hai phương diện Long và hướng, ngũ hành hợp, Sinh Quan Vượng; Sa Thủy ứng, Cục thế hội mộ khố; như vậy thì biết phú quý là kết tại toàn cục.

Ngô công nói : "Dùng Ngũ hành của Long để tìm phương vị Sinh Quan Vượng, lập hướng đừng câu nệ về phương vị âm dương, chỉ cần Lưu Thần hợp độ thì phương Sinh, chủ gia nhân đông đúc, phương Quan Vượng chủ phú quí, nếu ngũ hành phối hợp Âm Dương, lập hướng cũng không nên cậu nệ, đó chỉ là Âm và Dương".

Dư Giới Thạch nói : "Cổ nhân dùng Âm Tốn Long tìm về hướng Nhâm, là lấy Tân Kim phối với Nhâm Thủy, gọi là Hợi Long; tìm hướng Dần là lấy Dần phối với Hợi, gọi là Hợp, hợp có trong phối. Chuế chính là Âm Hợi Long làm hướng Dần, là phối ở trong Hợp".

Lại công nói : "Mộc Dưỡng Sinh Quan Vượng trong thai, trong mộ huyệt không cần luận tới khuyết điểm của Âm Dương".

+ Đông Tây Phụ Mẫu Tam Ban Quái, huyệt mộ này quí giá vô cùng, 24 sơn Lộ đều có quan to, Xuyên Hồng Bì Tử tiến vào Trường An, không phải Phụ mâu phong thì không tốt, loại hình thế này chỉ có phú mà thôi.

Đoạn này nói Đông Tây Nam Bắc giống nhau, cùng phân thành Âm Dương, Quan Vượng. Chủ Sơn là Phụ mẫu sơn làm lai Long thì đời đời làm quan to mặc áo tía, nếu không có Quan Vượng và Triều Thủy của bản quái thì chẳng phải lấy Phụ mẫu sơn làm bản quái, mà là Lai Khứ từ ngoài quái, cho nên huyệt này chỉ phú mà không quí, dù có Lục Tú, Sa Thủy ứng với cục thế cũng chỉ là phú quý tạm thời mà thôi.

+ Phụ Mẫu định xong cần xem Tả Hữu, cần rõ tốt xấu của phương vị, của Hướng, Song sơn lại hướng thủy là Linh Thần, phú quý trường tồn; Nếu gặp Chính Thần thì hung họa, nên phân biệt Ngũ hành, một Thần cách hướng thì cần 2 Tử thừa tiếp.

Ngũ hành Phụ mẫu phân làm Âm Dương thuận nghịch. Dùng Thiên Quái để xác định tốt xấu của Thủy Thần. Lập hướng nên theo Can và Chi Long, mà đặt Thủy đến từ Thần thì chủ phú quý trường cửu, nếu lập Chính Chi hướng về phía Chiết Thủy Chính thần thì chủ suy vong. Hơn nữa phải dùng ngũ hành để biết được họa phúc lớn hay nhỏ, nếu Quan, Vượng, Tử, Tuyệt có liên quan đến hướng nhà ở, thì tai họa của nó sẽ trầm trọng tại phương vị của Quan Vượng, song chỉ bất lợi cho trẻ nhỏ; Dùng Công Vị để nói thì nếu chúng xuất hiện tại các cung Ngọ, Thân, Thìn, ất con thứ sẽ gánh chịu tai họa.

+ Nếu cung vị dịch chuyển thì cần quan sát sự thuận nghịch của nó, tiếp đón được Kỳ. Khi cung vị tới gặp Nghịch Long thì nam nữ sẽ lỡ hôn.

Thủy lưu trở về bản quái gọi là cung vị dịch chuyển, cần xem ngũ hành, Âm Dương thuận nghịch, tiếp đón được Kỳ tức là có Sinh, Quan, Vượng, Sa, Thủy ứng với cục, có được như vậy phú quý mới bền lâu. Ngô công nói : "Thủy rời bản quái lại đối nghịch với Ngũ hành Thủy Lộ, vậy tức là Âm Dương không cùng giao hội, chủ nam nữ lỡ hôn. Dù đó là Chân Long, Chính Huyệt cũng không tốt.

+ Lại cần xem bên dưới Phụ Mẫu sơn, nếu có Tam Cát Nhị Ban thì mới là tốt nhất.

Mấy lời này muốn nói Phụ Mẫu sơn hợp với sa thủy của Tam Cát : Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc, còn Nhị ban chính là : Đông Tây, Nam Bắc; có được vậy thì Phụ Mẫu sơn này mới là tốt nhất.

+ 24 sơn khởi từ 8 cung Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc, Tả Phụ, Hữu Bật... 4 bề đều là Đào Vong Huyệt, sau khi hạ táng sẽ khiến chủ nhân không con nối dõi.

Đoạn này muốn nói về việc không nên dùng Lưu Niên Tiểu Hạn, cách này tuy có sự khác nhau về Càn Khôn, Âm Dương, Thuận Nghịch, song vẫn không bằng hợp với Quan Vượng của bản quái; Thủy hướng về Mộ được Sinh của bản quái. Phụ Mẫu sơn là cục thế tương ứng của Chân Long.

+ Ai Tinh tiết lộ bí mật của Thiên Cơ : Nếu Thiên cơ ở bên trong Ai Tinh thì phú quí song toàn, bằng không thì gia nghiệp lụn bại. Ngũ Tinh cùng phối hợp với Cửu Tinh, thì danh vang thiên hạ.

Đoạn này muốn nhấn mạnh việc phải dùng Ngũ hành tam hợp làm đầu.

+ Can Duy là Càn, Khôn, Cấn, Tốn, Nhâm, Dương đi thuận tới Thìn; Chi thần là Khảm, Chấn, Ly, Đoài, Quí, Âm đi nghịch. Đã rõ hai đường Âm Dương thì phải xếp đặt được thuận nghịch biết sinh tử bần tiện thì dùng đó mà truyền lại cho con cháu.

Càn, Khôn, Cấn, Tốn tức Dần, Thân, Tị, Hợi. Sở dĩ dùng một chữ Nhâm vì nó là nơi sản sinh ra Dương. Khảm, Ly, Chấn Đoài tức Tí, Ngọ, Mão, Dậu. Sở dĩ dùng một chữ Quý vì nó là nơi bắt nguồn của Âm. Rõ sinh tử thì biết Âm Dương phân thành 2 đường. Ai Tinh dùng Càn, Khôn, Cấn, Tốn khởi từ Âm Can Long theo chiều thuận; Ngũ hành dùng Khảm, Chấn, Ly, Đoài khởi từ Dương Can Long đi theo chiều nghịch. Do vậy Cửu Tinh mới phân biệt Âm Dương thuận nghịch. Hiểu được điều này thì có thể đoán được sống chết, giàu sang, nghèo hèn. Nhâm là Dương Thủy, Quí là Âm Thủy, đây là nguyên do vì sao thuận nghịch chia rõ.

+ Thiên Địa Phụ mẫu Tam Ban Quái, các nhà phong thủy hiện nay đều không biết đến. Huyền Không đại quái vốn là yếu quyết của cuốn kinh này.

Thiên Quái Ai Tinh Ngũ Hành, Địa Chi theo Thiên Can, Tam Hợp, Ngũ Hành; Thiên Can theo Địa Chi, phân Âm, Dương, Phụ Mẫu, nên gọi là Tam Ban Quái.

Các nhà phong thủy hiện nay không biết điều này, lại dùng Thiên Địa Phụ Mẫu Nhị Quái, đảo lộn Sinh Khí, sửa đổi

Thiên Y, Phúc Đức để xác định cát hung mà không biết hai quái Thiên Địa, Phụ Mẫu chỉ dùng cho Tiểu Thủy trước cửa. Huyền Không Đại Quái là dùng Huyền Không của Địa Quái; các nhà phong thủy lại dùng Tiểu Huyền Không Ngũ Hành để xác định sinh tử của Thủy Thần, mà không biết nó là Vong Quái dùng để phát xuất sát khí.

+ Ở trên có nói tới Đông Tây Nhị Quái, ở đây muốn nói phải tìm Ngũ hành dưới sơn và nơi nhập thủ thì mới biết được tông tích của nó.

Đông Tây Nhị Quái tức Thiên Địa Nhị Quái, phải quan sát kỹ nguồn gốc cua nó thì mới biết được tông tích của Cửu Tinh. Nếu dùng Thiên Quái, thì nên thêm hướng Thượng để xác định tốt xấu, dùng địa quái phải thêm phần quan sát sự thịnh suy của Sa Thủy. Có hiểu được điều này mới biết Thiên Quái chính là Thiên Bàn Ai Tinh, Địa Quái là Địa Bàn Tam Hợp.

+ Phân rõ 12 phương vị Tử Tôn, tai họa liên tiếp, muốn rõ khắc hại phải luận Tông Chi.

Đoạn này nói về Tứ Kinh Ngũ Hành tự phân định 12 phương vị Âm Dương, chia làm chi mạch Tử Tôn, cát hung nối tiếp nhau, song phần nhiều là tai họa, tất cả chỉ vì không quan sát kỹ lưỡng Ngũ hành đến từ Quái nào, không tra cứu xem Tử Tôn thuộc về Tông chi nào.

+ Ngũ hành đóng ở giữa, nếu Cốt của Lai Long là giả thì hại tới ngàn người.

Ngũ hành : Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Song sơn, Tam Hợp, Huyền Không Thiên, Địa Quái đều không dùng Thổ, nên gọi là Tứ Kinh Ngũ Hành, nếu phương vị của Lai Long là giả, thì khí mạch của Ngũ Hành sẽ tiêu tán, cát hung lẫn lộn, hại người rất nhiều.

+ Một sinh trăm ngàn, không nên làm hỏng tinh thần; Long phải hợp với Hướng, Hướng phải hợp với Thủy, Thủy phải hợp với Tứ Cát; Hợp Lộc Hợp Mã hợp Quan Tinh, bản quái tìm Quan Vượng; Hợp Hung hợp Cát, hợp tường, chỉ cần xem Thái Tuế là

Thần nào thì có thể biết, đoán định thành bại thì xem là công vị nào trong tam hợp năm là được.

Đoạn này muốn nói Phụ Mẫu Quái sinh ra nhiều Tử Tôn, chúng có riêng Ngũ Hành Cửu tinh, không nên làm hỏng Tông và Chi. Phàm là Long đều phải hợp với Phụ Mẫu quái, hơn nữa liên tiếp phối hợp, lập hướng thuộc về Quan Vượng, Hướng phải hợp với thủy lộ của bản quái, Thủy phải hợp với 4 cát tinh : Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc, Tả Phụ hoặc hợp Chính, nhờ vào Lộc, Mã, Quan tinh, như thế Quan Vượng tới vị trí Quan, Thủy hướng về nơi đối diện với sơn phong, chủ phú quí. Đoán xét về Cát hung nếu gặp Thái Tuế đến thì xuất hiện tai họa, gặp được năm trong Tam Hợp năm thì khi lập mộ, nên dùng công vị để luận, tại các vị trí Thân, Ngọ, Tuất, Tân, Nhâm cát hung thành bại xuất hiện tại Nhị Phòng.

+ Muốn rõ Tinh, Thần, cần quan sát kỹ Ngũ Hành đến từ Quái nào, Lai Sơn tám quái không biết tông tích, tám quái Cửu Tinh đều là hư giả, thuận nghịch tự có điểm khác nhau, Thiên Quái ở tại Huyền Không.

Đoạn này có ý rằng : dùng Ai Tinh quái để nói Ai Tinh thuận theo hướng nhà, tính toán ra Cửu Tinh để định cát hung của Thủy Thần thì ắt phải xem Ngũ Hành đến từ quái nào. Nếu cát hung cùng ứng mà lại không truy tìm nguồn gốc của nó, thì Bát quái Cửu Tinh đều là giả. Thiên quái tại Huyền Không là muốn nói Ai Tinh Quái chính là Thiên Quái, Thiên quái chính là Đại Huyền Không quái, Đại Huyền Không quái Kim Mộc Thủy Hỏa đều có sở thuộc riêng, Ai Tinh Âm Dương thuận nghịch tuy khác nhau song lại cùng hợp với nguồn gốc của Đại Huyền Không. Ngô công nói : "Hợp với Thiên quái thì Thủy chảy về Mộ Khố, nó tương ứng rất nhanh; hợp với Huyền Không thì Thủy Thần rời khỏi Cự Môn, nó ắt tương ứng chậm, do vậy phải chiếu theo Thiên Quái. Bằng không, công vị bị lệch mà trẻ nhỏ bất lợi".

+ Tí, Dần, Thìn và Càn, Bính, Ất được xếp vào vị trí trưởng nam; Ngọ, Thân, Tuất và Khôn, Nhâm, Tân xếp vào vị trí nhị nam; Mão, Dậu, Sửu và Cấn, Canh, Đinh là vị trí của tam nam; Dậu, Hợi, Mùi và Tốn, Giáp, Quí xếp vào vị trí của tứ nam.

· Đoạn này bàn tới Chiết Thủy Công vị. Công vị đã được nói ở trên, ở đây dùng nhất, nhị, tam, tứ phối với Mạnh, Trọng, Thúc, Quí để nói về Chiết Thủy dùng Tí, Dần, Thìn, Càn, Bính, Ất làm Nhất Long, chủ về Trưởng Phòng; Ngọ, Thân, Tuất và Khôn, Nhâm, Tân làm nhị Long, chủ về Nhị Phòng; Mão, Tị, Sửu, Cấn, Canh, Đinh làm tam Long, chủ về Tam Phòng; Dậu, Hợi, Mùi, Tốn, Quý, Giáp làm tứ Long, chủ về Tứ Phòng. Đây là cách cổ nhân Chiết Thủy (cắt đặt thủy lưu). Phàm can Thần Thủy của Chiết Long thì chủ hạnh phúc trong Phòng; Chi Thần Thủy của Chiết Long chủ tai họa. Cần xem xét Thiên Quái, Địa Quái, Ngũ hành khởi Cửu Tinh để tiêu tán và kết tụ, có thế mới nghiệm được Nhất, Nhị, Tam, Tứ Long. Tứ Kinh Ngũ Hành Tam Hợp đều chủ dùng cách này, đoạn văn này dùng Chiết Thủy trước huyệt để bàn chứ không phải dùng công vị, không nên dùng chung, lẫn lộn.

+ Lai Long ngàn dặm phải xem Tổ Tông sơn, Chi Thủy đến đi là Hung, chỉ có Dần, Thân, Tị, Hợi Thủy mới có sinh Vượng, phúc đức vô cùng.

Phàm Thủy thì không nên dùng Chi Thần Thủy, Lai Khứ của nó đều hung, chỉ có 4 đường thủy Dần, Thân, Tị, Hợi hợp với Ngũ Hành, sinh tại vị trí Quan Vượng, dòng chảy xa chủ phú quí. Song chẳng phải là 4 sinh thủy này đều dùng như nhau, chúng có sinh vượng riêng. Do vậy còn phải xem tổ tông sơn của chúng. Giáp, Canh, Bính, Nhâm cùng thuộc Dương, đi thuận Ngũ Hành; Ất, Tân, Đinh, Quí cùng thuộc Âm, đi nghịch Ngũ Hành. Âm Dương thuận nghịch khác nhau thì cần tìm ở bên trong, Cửu Tinh khởi Thư Hùng bất đồng, Huyền Quan có chỗ diệu dụng. Ở đây dùng Tam hợp địa quái nói về Giáp, Canh, Bính, Nhâm thuộc Dương, đều thuận với Ngũ Hành; Ất, Tân, Đinh, Quí cùng thuộc Âm, nghịch với Ngũ Hành. Do vậy đường đi của chúng khác nhau. Cửu Tinh cũng có thuận nghịch cùng khởi Thư Hùng khác nhau. Huyền Quan là Dương xoay sang trái, Âm xoay sang phải, Ất Bính giao hội cùng Mậu Tân Nhâm, như thế là phá vỡ Huyền Quan, tận thiện tận mỹ.

+ Hai quái Đông Tây vô cùng kỳ diệu, phải biết bản quái hướng về Thủy, bản quái hướng về bản thủy Tứ Thần, có như thế mới đời đời làm quan.

Ở đây nói về 2 cục Âm Dương hợp với hai quái Thiên Địa Đông Tây. Lại phải hợp với Phụ Mẫu quái, bản quái hướng về Quan Vượng, thủy chảy về bản mộ, sau đó rời Ngự Nhai Tứ Duy mà đi, chủ phú quí đời đời bền vững. Tổng kết về 2 quái Đông Tây mà không bàn về 2 quái Nam Bắc là do phần đầu có nói Nam Bắc giống như Đông Tây vậy.

+ Thủy lưu rời bản quái thì chỉ có một đời làm quan, Nhất Chiết là một đời làm quan hưởng bổng lộc; Nhị Chiết là 2 đời hưởng hạnh phúc, Tam Chiết Phụ Mẫu cũng có phúc. Song sẽ đón lấy tai họa nhanh chóng, vì Thủy lưu rời bản quái.

Đoạn này tổng kết cách dùng Ai Tinh ngũ hành. Thủy rời bản quái tức là Thủy đến chào đón quan vượng từ bản quái, như vậy thủy chảy ra ngoài quái.

NỘI TRUYỆN HẠ

+ Càn sơn càn hướng có thủy đến thì xuất hiện trạng nguyên; Mão sơn mão hướng đón tiếp nguồn thủy thì giàu nhanh; Ngọ sơn ngọ hướng đến mộ huyệt, sản sinh đại tướng; Khôn sơn khôn hướng có thủy đến, phú quí trường tồn.

Đoạn này bàn về cách dùng Càn, Khôn, Chấn, Ly phân 2 cục âm dương, những cách còn lại đều chiếu theo cách này. Càn sơn hướng lên, Thủy đến hướng Càn, Càn phong phải cao chọc trời mới sinh ra trạng nguyên, Càn sơn hoàn toàn chẳng phải càn hướng. Dương càn hướng lên có Thủy chảy tới, Âm Mão hướng có Thủy chảy tới hướng Mão, Dương Ngọ hướng có Ngọ Thủy, Âm khôn hướng lên có Thủy đến. Hết thảy Âm cục thủy lưu đều chảy về mộ huyệt, hết thảy Dương cục thủy lưu đều tới từ Đế vượng. Có người nói đây là Hồi Long quay đầu nhìn Tổ

sơn, là cách cục đầu tiên trên mặt đất, cách này nó cũng dựa vào âm dương cục để nói mà thôi.

+ Có thể phân biệt hai đường âm dương, phân rõ ngũ hành thì dù là con cá trạch cũng sẽ vượt sóng gió qua Long môn mà thành rồng.

Đoạn này nối tiếp phần trên, âm dương có khác biệt về thuận nghịch, ngũ hành cũng có đường đi khác nhau, nếu có thể biết được nguồn cội và lợi dụng được nó thì có thể biến hóa rất lớn.

+ Tốt nhất là chiếu theo Tứ Thần, như vậy phú quí bền vững, phải biết rõ tình hình của bát quái trên mộ huyệt và phải sắp đặt ổn thỏa quái trong mộ.

Tứ Thần là Tứ Duy, Thủy tiến vào đất Tứ Kim Mộ từ Sinh Vượng, có như vậy mới được giàu sang mãi, đây là tác dụng của quái bên trên mộ huyệt Quái bên trên phải được sắp đặt rõ ràng và biết được nguồn gốc của nó, "Nguồn gốc" chính là Sinh Vượng.

+ Muốn được phú quí thì xem cát hung của Tam ban quái. Thủy rời quái thi bần tiện. Dần Thân Tị Hợi thủy đến từ rất xa, Ngũ hành ẩn tàng trong hướng, Thìn Tuất, Sửu Mùi được gọi là Động Kim Long, nếu Kim Long động, thì bần cùng mãi, Nếu mượn thủy trở về trong mộ huyệt thì tiền phú hậu bần.

Tam ban quái chính là Thiên quái, Địa quái, Âm dương phụ mẫu quái. Thủy Thần từ bần quái hợp với Quan Vượng mà tới, chủ đại phú quí. Nếu thủy thần từ bên ngoài quái, lại không hợp Quan Vượng thì mãi mãi bần cùng. Thủy chảy về hướng Tứ Mộ Kim thì gọi là Động Kim Long, đất này sẽ phát phúc lớn. Từ Mộ Khố tức là nói Thủy hợp với Thiên, Địa quái. Ất, Bính đến gặp Tuất, Nhâm, Tân. Tiếp Mộ Khố là nói Thủy trở về Mộ Khố của Thiên quái, không hợp với Mộ Khố của Địa quái thì đời trước giàu sang mà đời sau nghèo hèn. Nếu Thủy lưu trở về Mộ Khố của Địa quái, không hợp với Mộ Khố của Thiên quái thì nơi sản sinh vương hầu có chỗ khuyết hãm, nếu Thủy rời Địa quái lại không hợp Thiên quái thì chủ bần tiện mãi mãi, do

vậy phải dùng phương pháp Chiết Thủy để hóa giải mới có thể toàn mĩ.

+ Đại đô Tinh đều khởi từ một phương vị nhất định, nếu là Ngũ Hành khởi Sinh Vượng, Hỏa tinh đối với Cẩm bài khởi Cao Cương, thì chức vụ tại Học Đường. Hãn Môn, Quan Quốc, Hoa Biểu, Thủy tú sơn kỳ có thể sản sinh bậc đại quan.

Tràng Sinh sơn cùng đối diện với Bài chính là Tinh khởi đại đô, nó hợp cục với Thủy tới, chủ đại quí, Quan Đới chính là Học Đường, Suy là Hãn Môn, Tử Huyệt là Quan Quốc Mộ, là Hoa Biểu. Long hướng Tham, Cự, Vũ, Thủy nghênh đón sơn phong, chủ đại phú quí.

+ Khảm Thủy, Ly Hỏa đi qua từ trung Thiên; Long Trì dịch chuyển về Đế Tòa, Bảo Cái Phụng Các Tứ Duy chào đón, Bảo Điện phát Long Lâu, La Kiếp Điếu Sát không nên phạm, Kim Chi Ngọc Diệp được sắp đặt trong Tứ Mạnh, Ngọc Ấn giấu trong Kim Sương.

Phàm Chiết nạp Thiên tinh là lấy Tí làm Đế Tòa, Ngọ làm tướng tinh, Kim Thủy Dậu làm Hoa Cái, Thái Dương Càn làm Long Lâu, Thái Âm Khôn làm Bảo Cái, Tá Tôn Cấn làm Phụng Các, Viêm Diệu Tốn làm Bảo Điện, Tử Vi Dần làm Thiên La, Tuất làm Thiên Kiếp, Sửu làm Thiên Điếu, Mùi làm Thiên Sát, Tử Khí Dần làm Kim Sương, Thân làm Ngọc Ấn, Thiên Tài Tị làm Kim Chi, Hợi làm Ngọc Diệp, Thân là Quỉ Kiếp, Canh là Động Sát, Bính làm Đế Thích, Viêm Liệt Nhâm là Huyền Vũ Giảm Trì, Ất là Công Tào, Tân là trực Phù, Đinh là Đế Liên, Hành Long của nó Chiết Thủy, đắc cát tinh gặp Sinh Vượng thời quí hiển, hợp với hung sát gặp Tử Mộ thì đa tai. Đoạn này bàn về tổng yếu của Chiết Thủy trước hết phải biết rõ nguồn gốc.

+ Đế Thích đặt tại châu, phủ, nó và Tử Vi cùng tiến vào Huyền Vũ, Phụ Mẫu sơn đảo ngược dưỡng dục Long thần, phú quí trường tồn.

Đế Thích là Bính, thường hướng về châu, phủ, huyện. Tử vi là Hợi. Huyền vũ là Nhâm. Phụ mẫu đảo ngược thì tựa Âm

Hợi mộc lập hướng Bính, hợp với Dần Giáp, Tốn Quan Vượng, Thủy cùng về Tuất Càn, bao bọc bản quái phụ mẫu, như vậy gọi là Phụ Mẫu dưỡng dục long thần, chủ về phú quí đời đời.

+ Biết được Phụ mẫu tam ban quái, chính là đường đi của Chân thần. Bắc đẩu thất tinh đi trừ Kiếp, cần phải tương hợp cung Ly.

Có được thiên, địa, âm dương cùng đi một đường thì mới là Chân thần. Đường đi của nó là Tí sơn Ngọ hướng thành Khảm Ly giao hội, hướng lên phải hợp với hướng của sơn, lưu Thủy không rời bản quái mới là Chân.

+ Lại có một sao phò tá Tôn quí, Khôn là vị trí của Kim thần, 4 Long thần Giáp Canh Bính Nhâm đều thuộc Dương Can, Cấn Tốn và Càn Khôn có thủy hướng tương đồng, phú quí thịnh vượng. Thìn Tuất Sửu Mùi cùng vận hành một đường, phú quí phát nhanh.

Khôn là sao phò tá cho quyền quí, Thiên quái thuộc Kim đóng tại vị trí của Quan Vượng, Giáp Canh Bính Nhâm thuộc dương, Càn Khôn Cấn Tốn thuận theo hướng của dương, cùng thuận khởi ngũ hành mà sắp đặt Cửu tinh. Nếu Hợp được với thủy của Quan Vượng, chủ phú quí song toàn, nếu thủy trở về Tứ Mộ hợp với 2 quái Thiên Địa, Phu Thê đồng hành một đường, chủ phú quí phát nhanh. Ở đây nói về dương vị, âm vị cũng vậy.

+ Căn cứ vào quái đến thì cát, mất "căn cứ" thì trộm cướp xuất hiện, không dựa vào phương vị thì hung.

Căn cứ vào quái đến là chiếu theo 3 quái Thiên Địa, Huyền Không để lập hướng và tiêu nạp Thủy thì mới tốt. Mất đi hướng của quái thì thành trộm cướp. Không chiếu theo Phụ Mẫu, Thiên, Địa tam quái thì hung.

+ Ngoài ra bốn long sơn cương Tí, Ngọ, Mão, Dậu, nếu đem chúng làm tổ sơn thì gia sản sung túc, Thủy tiến xa trăm dặm có thể phò tá vua chúa, Thủy ngắn chủ tai họa.

Tí, Ngọ, Mão, Dậu là bản thân ngũ hành luôn hướng về vị trí của Vượng, Lai Long chiếu theo đó thì vượng về người và

tài sản. Ngô công nói : Tí Ngọ là Thiên Kiếp tinh, Mão là tướng tinh, Dậu là Hoa Cái tinh, nếu thủy của nó đến từ sông ngòi khe rạch, dòng chảy xa hợp với cung vị của bản quái, ứng cục Long Thần mạnh mẽ, chủ về sản sinh ra danh tướng, nếu Thủy ngấn mang theo Sát thì tổn hại đến phú quí, nếu đi qua vị trí của Mộc Dục thì nam nữ dâm loạn, Long suy nhược mà đại quái cương cường thì chủ về tai họa do trộm cướp gây ra, ở đây muốn nói là phải hợp với Địa quái vậy".

+ Biết rõ âm dương vận hành theo hai đường, phú quí song toàn, bằng không tai họa giáng xuống.

Sơn lập hướng phải phân rõ ngũ hành, âm dương thuận nghịch, sinh tử thì mới có phú quí song toàn.

+ Tiền kiêm long thần Tiền kiêm hướng, không nên đặt liên tục, Hậu kiêm long thần hậu kiêm hướng, sắp đặt xong, phải phân âm dương, linh thần và chính thần.

"Tiền kiêm hậu kiêm" chỉ Thiên quái là tiền kiêm hậu, Địa quái là hậu kiêm tiền. Phàm xác định cát hung, họa phúc theo ngũ hành âm dương, thuận nghịch đều dựa vào điều trên. Linh thần và Chính thần chỉ chi mạch là Chính Thần, can mạch là Linh Thần. Sơn hướng Chiết Thủy phải tính từ Linh Thần Ngũ hành, như thế mới có được phú quí cát lợi. Càn Giáp Đinh liên tiếp chính là Tiền kiêm hậu, Hợi Mão Mùi là hậu kiêm Tiền. Biết được như vậy thì Ai Tinh không thoát ra ngoài Tam Hợp, Thiên quái và Địa quái.

+ Phụ Mẫu đảo vị là Chân Long, phú quí song toàn. Phụ Mẫu thuận vị, nghèo hèn suốt đời.

Đây là phương pháp Tứ Long Chiết Thủy. Phương pháp của cổ nhân : đem Nhất Long làm Phụ mẫu, Nhị Long làm Tử Tức, Tam Long làm huynh đệ, Tứ Long làm Tôn Tử. Chiết Thủy cần đi từ Tứ Long ngược về tam rồi nhị rồi nhất Long, như vậy gọi là Phụ Mẫu đảo vị, có thế mới tốt. Nếu từ Nhất, tới Nhị, Tam, Tứ Long thì gọi là Thuận vị, như vậy thì xấu. Ngô công nói : "Phụ tử tương sinh thì tài phúc vượng, Huynh đệ đồng

sinh thì làm quan. Phụ tử tương khắc chủ hình thương, Huynh đệ tương khắc chủ cô độc".

+ Nhất Long ở trong cung có Thủy đi qua, con cháu gian khổ; Tứ, tam, nhị, nhất đảo vị, 4 người con đều hiển vinh; Long hành rời xa, chủ con cháu rời xa quê hương, 4 người con đều hành nghề buôn bán.

Phàm Chiết Thủy rời đi từ Nhất Long đến tứ Long thì con cháu nghèo khổ. Từ Tứ, tam, nhị, nhất chiết thủy mà đi thì đời sau phú quí. Chiết Thủy xuất quái gọi là Long đi ra xa, chủ xuất ngoại rời bỏ quê cha đất tổ, song nếu triết lại trở về bản quái phụ mẫu thì chủ phát về kinh doanh buôn bán.

+ Phong thủy gia hiện nay đa phần không biết Ai Tinh, chỉ dựa theo Thiên Tâm, tài sản ở phía Đông chuyển sang hướng Tây, coi phía Bắc thành phía Nam, Chân Long nằm suốt ngày trong núi, làm sao kiếm được ? Chỉ vì tự mình không thấy lại đi tìm loạn.

Đoạn này bàn về việc các nhà phong thủy không biết Ai tinh pháp mà chỉ nhờ vào Thiên tâm, Thập đạo để lập hướng. Thủy của Sinh Vượng ở phía Đông thì lại đi lấy hướng Tây, Thủy của Lâm Quan ở bên Bắc thì họ lại lấy bên Nam. Dù Long là Chân Long huyệt, là Chính huyệt mà mất đi chuẩn mực của lưu thần, thì có khác nào quăng xác ngoài đồng ?

THIÊN NGỌC KINH NGOẠI THIÊN

DƯƠNG CÔNG CHẨM

HUYỀN KHÔNG ĐẠI QUÁI QUYẾT

+ Huyền không quái cũng là tứ kinh ngũ hành, nó có 5 cách dùng.

Thiên, Địa, Âm Dương quái còn gọi là Huyền không quái. Cần tìm nguồn gốc của Càn Khôn, Cấn Tốn, Khảm, Ly, Chấn Đoài, phải phân Thiên Địa, tìm Ngũ Hành tại đó. Tứ kinh là :

1– "Thiên Bảo Kinh" : Càn, Bính, Ất, Tí, Dần, Thìn lục vị cùng thuộc Kim.

2– "Huyền Nữ Kinh" : Cấn, Canh, Đinh và Mão, Tị, Sửu lục vị đều thuộc Thủy có thể do người tới số định, số đã kể trên đều thuộc dương, dương sơn dương thủy mới có thể tương phối.

3– "Long Tử Kinh" : Khôn, Nhâm, Tân và Ngọ, Thân, Tuất lục vị đều thuộc Mộc mà mấy ai biết.

4– "Bảo Chiếu Kinh" : Tốn, Giáp, Quí và Hợi, Dậu, Mùi lục vị đều thuộc Hỏa. Số đã kể trên đều thuộc âm, tương ứng với âm sơn, âm thủy.

Đây đều là thiên, địa, âm dương quái trong ngũ hành, nên gọi là Tứ Kinh, nếu Thủy lưu phá phương Vượng thì tài lộc hội tụ, nếu phá phương Sinh thì tổn hao người, ở Hoàng Tuyền đóng trên vị trí của Tràng sinh, nếu năm đó cốt can hóa đi thì tất bị hình thương, đó là chân khẩu quyết của Cửu thiên huyền nữ, không nên coi nhẹ truyền cho những người bạc phúc.

Năm cách dùng :

1– Chi Thần là Chính, Can Thần là Linh; Chính Thần ở trên sơn, Linh Thần ở dưới Thủy.

2– Sơn chủ nhân đinh, Thủy chủ quản tài lộc, tứ Long chia làm tứ Phòng.

3– Sơn hướng Thủy lộ phải theo thứ tự nhất nhị tam tứ, tức Sơn khắc hướng là thuận, chủ đại phú quí. Nếu hướng khắc sơn là nghịch, chủ bần hàn.

4– Sơn hướng Thủy cùng ở trong quái, chủ phú quí; nếu rời quái thì nghèo hèn.

5– Thủy đi (khứ) phải quay đầu, trong tứ Long phải có Bản Long thủy mới tốt; không có Bản Long thủy thì chỉ giàu mà không sang, ví dụ như Ất Bính, đặt Thủy, đặt mấy lần thì thành Ất Bính Thủy, như thế gọi là quay lại.

+ Nhất Long kim vị chủ phú quí con cháu đầy nhà. Thìn Sơn Càn hướng đặt Càn Thủy hay Càn Sơn Ất hướng đặt Ất Thủy đều là Kim gặp Kim, chủ phú quí song toàn.

+ Nhị Long tại Mộc vị, vượng về nhà cửa, đất đai. Khôn sơn Nhâm hướng đặt Nhâm Thủy thì tốt vì là Mộc gặp Mộc.

+ Tam Long rời bản vị, vàng bạc đầy nhà. Cấn sơn Đinh hướng đặt Đinh thủy; Canh hướng đặt Canh Thủy, là Thủy gặp Thủy, chủ phát về giàu có.

+ Tứ Long đi tới vị trí của Hỏa, phú quí song toàn. Dậu sơn Giáp hướng đặt giáp Thủy là Hỏa gặp Hỏa.

+ Chính thần trên núi, con cháu đầy nhà; Linh Thần dưới nước, chủ cao sang. Linh Thần gặp Chính Thần chủ tai họa; Chính Thần ngoài trăm bước mới thành Long, Thủy lưu ngắn thì hưng; Linh thần bất kể thủy lưu dài hay ngắn.

Đoạn này chỉ phương pháp tìm Linh và chính Thần. Chính thần thì tìm trên núi mà Linh Thần tìm dưới nước và chú trọng tới việc Chính Thần phải ra ngoài trăm bước mới thành chân Long cùng độ dài ngắn của Thủy lưu.

+ Nếu Ngũ Hành khắc hướng, con cháu giàu sang; nếu gặp hướng mà thấy có 2 thần đi cùng thì phú quí trường tồn. Phàm sơn khắc hướng thì tốt, như Tí sơn Ngọ hướng (Tí thuộc Thủy, Ngọ thuộc Hỏa) chính là trưởng khắc thứ. Là Thủy khắc hỏa, Thủy là một thần, Hỏa là một thần nên nói gặp được hướng có 2 thần đi cùng.

+ Nơi sinh Nhất Long có Tam Long, đời đời vinh hiển. Tam Long là chủ của Ngũ Hành, bản thân nó thuộc Thổ. Thủy trong Ngũ Hành phải đắc Thổ, Sinh Vượng Mộ cũng vậy. Tam Long cát thì Nhất, Nhị, Tứ Long cũng cát, nếu hung thì cùng hung.

Đoạn này nói về Tam Long, chỉ có Tam Long kiêm hai hành Thủy, Thổ. Thủy, Thổ có Sinh Vượng Mộ cũng như vậy. Do vậy, nó cát hay hung thì 3 Long còn lại cũng cát hay hung theo.

PHÒNG PHÂN THỦY PHÁP

Tí, Dần, Thìn và Càn, Bính, Ất là chân vị của trưởng nam; Ngọ, Thân, Tuất, Khôn, Nhâm, Tân là chân vị của thứ nam; Mão, Tị, Sửu và Cấn, Canh, Đinh là chân vị của kế nam; Dậu, Hợi, Mùi và Tốn, Giáp, Quí là chân vị của thiếu nam. Chiết thủy thứ nhất là trưởng phòng (nam) chiết thủy, Càn Bính, Ất; Chiết thủy thứ hai là tình huống của thứ phòng, Khôn, Nhâm, Tân đồng hành; Chiết Thủy thứ ba là thuộc về kế phòng, Cấn, Canh, Đinh; chiết thủy thứ tư là cung vị của thiếu Phòng, Tốn, Giáp, Quí gặp nhau tại đây. Nhất Long rời xa Thủy Khẩu, con cháu bất lợi, chủ về tha phương cầu thực, nhưng nếu ở vị trí của Thủy thì không đáng ngại. Nhị Long đi trước, còn lại một Nhất Long đơn độc thì có người dưỡng dục con cháu. Nhị Long chiết Thủy gặp Chân Long thì tay trắng làm nên cơ nghiệp. Tam Long đi trước, Nhất Long đơn độc ở nhờ và nhờ người nuôi dưỡng con cháu. Không phân rõ vị trí của Tứ Long thì cả nhà chịu chết.

Dùng 24 sơn để nói Phụ Mẫu, Huynh Đệ, Tử Tôn phải có tôn ti trật tự, người dưới đi lẫn với người trên là loạn về thứ tự, ngũ hành trong phản chủ, con cháu được người khác nuôi dưỡng.

+ Kim Mộc Thủy Hỏa tự có một cung vị riêng, sinh khí và vận mệnh cũng khác nhau, hiểu tỉ mỉ sinh khí của tứ hành hợp với vận mệnh, tự nhiên sẽ phát phúc, phát thịnh.

Tí, Dần sơn thuộc Kim, chẳng hạn Cấn sơn Bính hướng có Thủy đi tới hướng Đinh, Canh thì là Kim sinh Thủy, người mệnh Kim Thủy thì sẽ phú quí.

Ngọ, Thân sơn thuộc mộc, ví dụ như Nhâm sơn Ngọ hướng, hướng có Thủy tới Khôn và Ngọ thì là Mộc sinh Hỏa, người mệnh Mộc thì phú quí song toàn.

Mão Tỵ sơn thuộc Thủy, tỷ như Cấn sơn Đinh hướng, Canh hướng thì người mệnh Thủy Thổ phú quí.

+ Can và Chi Thủy phải hỗ trợ nhau. Trong cung Chấn, trưởng nam đạt được nhiều may mắn; cung Đoài là vị trí của thiếu nam; cứ chiếu theo đây mà tính, song với tử tức thì khác.

Chấn là trưởng, Đoài là thiếu, Ly Khảm là giữa, đó là hình thế của sơn mà người ta thường bàn tới.

TƯƠNG SINH TƯƠNG KHẮC

+ Bốn long vị Kim Mộc Thủy Hỏa, tương sinh thì cát, tương khắc thì hung, họa phúc ở trong tương sinh tương khắc.

Sáu sơn thuộc Kim là Tí, Dần, Thìn, Càn, Bính, Ất, Kim Thủy tương sinh là thuận Long. Như : Bính hướng cần đặt trong Đinh Thủy, là Kim sinh Thủy, đặt trong Canh Thủy cũng vậy. Đặt trong Tân Thủy, là Kim khắc Mộc thì hung với cái trên cùng là dương.

Sáu sơn thuộc mộc là : Ngọ, Thân, Tuất, Khôn, Nhâm, Tân, lai sơn lập hướng tối kỵ tương khắc. Như Tuất hướng không nên đặt trong Càn Thủy, là Kim khắc Mộc, cùng với cái dưới là âm.

Sáu sơn thuộc Thủy là : Mão, Tị, Sửu, Cấn, Canh, Đinh. Ví dụ : Mùi sơn Sửu hướng không nên đặt Quý Thủy vì Mùi là Hỏa, Sửu là thủy, Quý cũng là Hỏa, như vậy thủy khắc hỏa nên bất lợi.

Sáu sơn thuộc Hỏa là : Dậu, Hợi, Mùi, Giáp, Tốn, Quý. Ví dụ Dậu sơn Giáp hướng không nên đặt Đinh thủy vì Giáp hướng thuộc Hỏa mà Đinh thuộc Thủy, Thủy khắc Hỏa, hung.

TƯƠNG HÌNH TƯƠNG KHẮC

Kim đến cung Hỏa người chết sạch; Hỏa đến cung Kim ắt hại tới vợ con; Kim Hỏa tương hình, người phải tự vẫn và ly biệt.

Ví dụ như Hợi sơn Bính hướng là Hỏa đến cung Kim. Càn sơn Tốn hướng là Kim đến cung Hỏa, dù vậy lại có cách chuyển cung thuận Long để hóa giải hung tai. Ví dụ Hợi sơn Bính hướng có thủy tới Tốn, Giáp, Dậu sơn Ất hướng có Thủy tới Mùi, Quý. Ngọ sơn quý hướng Thủy về Giáp, nếu có Thủy Canh, Dậu, Tân thì phát phúc trường tồn; về Càn cũng phát phú, song con cháu sinh bệnh tật.

NHỊ THẬP TỨ SƠN HOÀNG TUYỀN

Tí, Dần, Thìn, Càn, Bính, Ất tối kỵ Tốn Thủy rời đi. Ngọ, Thân, Tuất, Khôn, Tân, Nhâm cần có Càn Thủy tới Mão; Tỵ, Sửu, Cấn, Canh, Đinh cần có Khôn thủy dừng. Dậu, Hợi, Mùi, Tốn,- Giáp, Quý cần có Cấn Thủy đến.

+ Tí, Dần, Thìn, Càn, Bính, Ất thuộc hành Kim, là Nhất long sinh tại Tị, Tốn và Tị đồng cung là Thủy lưu tới phá Tràng Sinh, cát.

+ Ngọ, Thân, Tuất, Khôn, Tân, Nhâm thuộc hành Mộc là Nhị Long sinh tại Hợi, Càn Hợi đồng cung là thủy lưu tới phá Tràng Sinh, cát.

+ Mão, Tị, Sửu, Cấn, Canh, Đinh thuộc hành Thủy, tức Tam Long sinh tại Thân, Khôn Thân đồng cung là thủy lưu tới phá Tràng Sinh, cát.

+ Dậu, Hợi, Mùi, Tốn, Giáp, Quý thuộc hành Hỏa, tức tứ Long sinh tại Dần, Cấn Dần đồng cung là thủy lưu tới phá Tràng Sinh, cát.

TỨ LỘ HOÀNG TUYỀN

Canh, Đinh kỵ gặp Không thủy; Ất, Bính kỵ gặp tốn thủy; Giáp, Quý không nên gặp Cấn Thủy. Tân, Nhâm sợ nhất Càn Thủy tới.

Trương Tông Đạo nói " Từ Canh tới Đinh đều kỵ Khôn, từ Ất đến Bính đều kỵ Tốn, từ Quý đến Giáp đều kỵ Cấn, từ Tân đến Nhâm đều kỵ Càn".

Phương pháp này chủ về lập hướng, khai môn, chiết Thủy, đặt Thủy, đều cần tránh kỵ, nếu phạm gần vào nó thì tai họa sẽ tới nội trong 6 - 12 năm, nếu phạm khá xa thì phải 24 năm sau mới xuất hiện tai họa, còn kỵ thì chỉ kỵ đi (khứ) mà không kỵ đến (lai). Như Canh hướng Đinh thủy, rời xa 12 năm tới Khôn thì dừng. Ước lượng độ dài ngắn của nó mà định họa phúc trong năm, qua đến Mùi thì hết tai ương. Nếu Tị hướng Khôn Thủy đi mãi không dừng, thì nó chủ tuyệt vong.

THẬP NHỊ CHI HOÀNG TUYỀN

Tí, Sửu, Dần, Mão có Cấn Thủy thì hung; Mão, Thìn, Tị, Ngọ không nên vào cung Tốn; Ngọ, Mùi, Thân, Dậu đừng gặp Khôn; Dậu, Tuất, Hợi, Tí chẳng nên gặp Càn.

Chúng đến (lai) cần Sinh Vượng, đi (khứ) cần Bệnh Tử. Dương can lập hướng, Thủy khẩu Thai Tuyệt thì chủ phú quí song toàn.

CỬU KHÔN HOÀNG TUYỀN

Đây chính là tứ lộ Hoàng Tuyền đều chủ về hướng, Lai Thủy thời cát, khứ Thủy hung.

"Tân an phả chí" viết "Nhâm sơn Bính hướng Giáp môn khai, Ngũ bách niên trung sản đại tài" là Nhâm sơn Bính hướng Giáp Thủy, giàu sang suốt 500 năm vì Dương Nhâm gặp Càn, Giáp cũng nạp Càn nên giàu sang, từ Nhâm tới Giáp cách 5 vị nên nói suốt 500 năm.

Thủy bên dưới Tử Dương sơn rời đi, năm Ất, Canh thiếu niên yểu chiết vì Tứ Kinh Ngũ Hành Bính hướng thuộc Kim,

Tử Dương Thủy đi qua vị trí Tốn, Tị thuộc Hỏa tức phá Tràng Sinh. Ất, Canh hóa giải Kim để cứu vãn tai họa năm đó, song thiếu niên phải chết yểu vì Sinh Dưỡng chủ về trẻ nhỏ. Cách cứu như sau :

Phải lấy hướng làm chủ, cần tránh phạm vào Môn Lộ, Trì Tỉnh, Câu Hà, Chiết Thủy của Tốn, Tị, nếu Tốn, Tị hướng có đường đi thì gọi là Đạp Phá Tràng Sinh, cũng gọi là Hoàng Tuyền.

HUYỀN VĂN QUAN THIÊN ĐẠI QUÁI

Huyền Văn quan Thiên chính là Thìn sơn Tuất hướng hoặc Tuất Sơn Thìn hướng, Thìn là Thiên La, Tuất là Địa Võng vô cùng hung họa. Lại còn Dần hướng Giáp Thủy, Ất hướng Tốn thủy đời đời làm quan; Bính Thìn là Long, Dần là Hổ, cần tìm kỹ nguồn gốc của chúng; Tốn Bính chính thần là Lục Tú đến, suốt đời thanh nhàn; Mão sơn Tân hướng Càn thủy, phú quí mà còn có thể làm quan.

NGŨ HÀNH THIẾT CƯỚC QUAN

Kim gặp Tuất thành Thiết, Hỏa tới Mùi Thân thì tuyệt tích, Mộc gặp Thìn chi diệp khô héo, Thủy Thổ Sửu Dần thời cạn. Ngũ hành gặp buổi suy tàn gọi là Quan, nơi Thủy Thành chảy ra phạm phải Quan Sát trước mặt, chủ thiếu niên chết yểu (cũng là ý tương giao bất cập).

Cuốn kinh này có tên Thiên Ngọc Kinh; phần Nội Truyện viết : "Thủy phải đi nghịch từ Tứ đến Tam qua Nhị tới Nhất"; phần Ngoại Truyện viết : "Thủy phải đi thuận từ Nhất qua Nhị sang Tam đến Tứ". Đó là vì khi bàn tới công vị thì dùng nghịch, luận tới Chiết Thủy thì dùng thuận. Tóm lại, nghịch mà không loạn thứ tự của nghịch, thuận mà không loạn thứ tự của Thuận thì mới đúng với hàm ý của Thiên Ngọc Nội Ngoại Truyện.

PHỤ LUẬN : THỦY PHÁP XUẤT NHẬP SÁT KIÊM TIỂU HUYỀN KHÔNG

Càn là trời, là dương, là dụng, là động nên lấy hướng về thủy giữ phép tắc; Khôn là đất, là âm, là thể, là tĩnh nên Long và huyệt theo đó mà giữ nghĩa. Do vậy, Càn Khôn đã định vị, âm dương lấy đó để sinh sôi, thịnh vượng; Thể Dụng giao hội, Động Tĩnh tương hỗ thời có thần và Sát. Phương vị đã định, sơn thủy có linh khí, nên tìm kiếm kẻ kế tục thời mong được Tràng Sinh, mưu đồ phú quí thời muốn được Quan Vượng. Nếu không biết được chỗ xấu và thoái Thần của Huyền Không thì có mong muốn cũng vô dụng. Có Sinh Vượng lại có Tiến Thần thì gọi là trong Sinh có Sinh, trong Vượng có Vượng". Lại có nguồn sinh làm gốc chết, gốc chết làm nguồn sinh. Vượng biến thành gốc Suy, Suy hóa thành gốc Vượng. Thế nhân trần tục không biết những điều này nên không dùng nó; biết những điều này cũng không dùng nó. Biết mà dùng là Thường số, không biết mà không dùng là Biến số của sơn thủy. Thường (Hằng) là quyền của tạo hóa, dễ cùng tận. Dễ cùng tận thì ắt là hung. Người ta có thể nhờ nó mà có phúc đức. Biến là điều huyền diệu của tạo hóa, khó tìm kiếm. Khó tìm tức là giữ lại điềm tốt lành cho người. Cho nên Đại Huyền Không Kim, Mộc, Thủy, Hỏa đều có 6 loại (sáu loại Kim, sáu loại Mộc, sáu loại Thủy, sáu loại hỏa). Bốn tương hỗ với sáu thì cát, chúng tự cùng hợp. "Kinh Dịch" viết : "Tạp bất việt phạm" (Tạm dịch : Tạp loạn mà vẫn không vượt quá chuẩn mực, qui phạm). Khảo sát số của chúng thì bốn cộng sáu bằng mười, đây là số khiến thần và vật hưng thịnh và lấy đó làm cơ sở vận dụng cho trăm họ. Tiểu Huyền Không số Kim, Thủy, Hỏa, Mộc đều có 4. 4 cộng 4 bằng 8, chúng không cùng tương hỗ, tương hợp. "Kinh Dịch" viết : "Tam Ngũ biến hóa hỗn tạp, tác quỉ thần" (Tạm dịch : sự biến hóa của Tam (3) và Ngũ (5) hỗn tạp là số thành của sự biến đổi khiến quỉ thần hưng thịnh". Mà Thần thì phù hộ người, Quỷ thì hại người.

Do đó, người giỏi hiểu trời đất đến chỗ huyền diệu, dụng nó tới chỗ hư vô, lấy cái cùng thường của Âm Dương mà thông tới chỗ cùng biến, như thế trong Vượng mới không có Quỷ. Quỷ là Tiểu Huyền Không Sát, khắc Tam hợp, như Hợi Mão Mùi thuộc Mộc gặp Càn Kim, con cháu sẽ tàn suy mãi, đất đai tiêu tán, tước vị bổng lộc cũng mất; không nên để Sinh bị khắc, Vượng bị phạm. Đây chính là Huyền Không.

Ta đã biết có Sinh Vượng, có trường hợp có Sinh trong Tử, có Vượng trong Suy. Nên khi thấy một dòng Thủy xấu thoắt ẩn thoắt hiện, khi có khi không, và dùng nó thì hiện tại thì nghèo hèn mà tương lai thì sang giàu. Ngược lại, dù có thủy đẹp tới chào đón, nhưng ngấm ngầm hãm hại gia nhân, hiện tại thì thịnh vượng mà tương lai sẽ lụn bại. Thường thấy Tử trong Mộc cục Khôn ở trước một ngôi vị tiến vào cung Thân thì cát, Sinh trong Thủy cục có Thân ở sau một ngôi vị gặp Canh thần thì đa hung. Hiểu được điều này thì biết rằng có thể và không thể tránh được Sát ngầm. Do đó có người khống chế biến hóa để bảo toàn cái thể của nó, có người dùng sinh khắc để bảo toàn cái dụng của nó. Thần lộ Sát ẩn, sát tinh biến thành cát tinh. Chính Sát tinh biến thành cứu tinh cũng là cát tinh, dùng Huyền Không để thay đổi nó cũng là cát tinh.

Tam Hợp là Kinh (sợi dọc), Huyền không là Vĩ (sợi ngang), điên đảo biến hóa tự có điều huyền diệu riêng, nếu thường câu nệ bất biến thì sẽ mất đi sự kỳ diệu. Cổ nhân nói : "Điên đảo Ngũ Hành, Địa có Thất Bảo; Ngũ Hành đi thuận, Địa có Hỏa kháng". Quả vậy ư ? Vượng thần mất đi, của cải cạn kiệt; Vượng thần bị khắc, của cải khó giữ. Sinh thần đi Nghịch, hiếm người thừa tự. Sinh thần bị khắc, con cháu hiếm hoi. Sinh vượng như vậy thì sao lại góp chung lại mà gọi là "câu nệ". Dương chủ về Thổ, Long lấy Thủy làm tùy tòng; Âm chủ về Thủy, Tướng lấy Thổ làm vũ khí. Chính diệu tương khắc ngầm bên trong là tương sinh thì đại cát phú; chính diệu tương sinh ngầm trong tương khắc đại hung họa. Vượng Sinh mang theo Sát (đới Sát), kiêm chế nó thì xấu mà thay đổi nó thời được bình an. Chiếu theo thần Minh Vượng, có thể dùng để giải trừ tai họa binh lửa, nếu kiêm chế sát thì sinh khắc ngầm ẩn; còn thay đổi nó thì phải

làm sao, tốt nhất là để nó hợp với xung chiếu tựa như tiếng vang dội lại trong núi vậy. Sửu Mùi công huyệt, tốt nhất có Giáp, Canh. Giả như đủ để chế hóa thì có thể dùng nó để cùng hòa với Thủy Đạo. Nếu Uông Khí cùng tận thì có thể dùng Thập Đạo, Thủy Thần sẽ ngấm ngầm trợ giúp, hỗ trợ.

Sinh nhập khắc nhập, tốt nhất có Triều Huyệt; Sinh xuất khắc xuất, cần có Lưu Thủy chiết và nạp. Quí nhất là hợp với Thiên Tinh : Tham Lang, Cự môn, Vũ Khúc. Yếu quyết quan trọng nhất là cần có tương giao và thoát ra, tài sản và gia nhân sẽ sung túc. Đại Thủy Thần đi qua, con cháu thông minh sớm thành danh. Tứ Mộ xấu hoặc Thủy yếu thì đừng phạm vào nó. Nếu hợp Hung với Long ắt gặp họa binh lửa, toàn gia tuyệt diệt. Khắc hợp với Thiên Tinh thì khó tránh tai họa, các cách trên đều hợp với Địa Hậu, và cần xem Âm Dương. Âm không có Dương tới phò tá ắt mồ côi mẹ; Dương không có Âm tới cùng hội họp, đại hung. Âm Dương tương ứng, gia đạo càng thêm tốt đẹp.

Đại Huyền Không pháp hóa giải hung họa. Như Mộc khởi từ Ngọ là dùng Mộc từ Hợi vị, thế của nó rất lớn, nên giữ trung tâm và vị trí của Âm Mộc để đẩy nó trở về Ngọ. Hỏa khởi từ Dậu là chỉ Hỏa từ Dần vị, thế của nó mãnh liệt nhất, cho nên giữ Trung và Âm Hỏa để đẩy nó trở về Dậu. Kim khởi từ Tốn là chỉ Kim theo Tị vị, thế của nó bị khắc nên không thể rời xa vị trí của bản sinh để đẩy tới Tốn. Thủy khởi từ Khôn là đem Thủy Thổ khởi từ Thân vị, thế của nó bị khắc, nên không thể rời xa bản vị để tới Khôn được. Vì vậy cách dùng của chúng là : trước tiên phải định được sơn có 24 vị, thứ đến là định hướng cùng Thủy Khẩu, cũng phải thêm 24 vị để tiêu nạp sinh khí, sự ra vào của nó phải lấy sự hữu ích cho Long làm chủ yếu.

Càn là Thiên quái cư tại phương Nam, Đoài, Ly, Chấn kế tiếp nhau đi từ Nam đến Đông. Tóm lại lấy Càn làm Thiên quái thống lĩnh sự bắt đầu của chúng. Khôn là địa quái đóng tại Phương Bắc. Tốn, Khảm, Cấn trải đều theo Khôn từ Bắc qua Tây. Tóm lại, lấy Địa quái làm chủ sự kết thúc của chúng. Càn

Khôn là Đại Phụ Mẫu, 6 quái còn lại là con cháu của Càn Khôn, cư tại Đông và Tây, do vậy, Kim đóng tại Hậu Thiên, vị trí Tràng Sinh của Kim là Đông quái; Thủy sinh tại Hậu Thiên, sinh vị của Thủy là Tây quái; Hỏa sinh tại Hậu Thiên, Vượng vị của Kim là Tây quái. Càn, Khôn 2 quái bao quát cả sự bắt đầu và kết thúc của chúng, vì thế mà nói Thiên Địa Phụ Mẫu quái lấy hết hàm nghĩa trong đó. Cách khởi đã xong thì dùng Tứ Hành Liên Châu, có thêm 24 vị để tiêu nạp Dưỡng Tức, có đạo tiến thoái sinh khắc của nó, như Tí sơn thì dùng Tí thêm Tốn, Dần thêm Tỵ, Thìn thêm Bính rồi tính theo chiều thuận. Tóm lại trước nhất là định Lai Sơn, thứ đến là định hướng, sau cùng định Thủy khẩu.



Hình 1 : Căn bản sinh của Tiên thiên bát quái.


四珠之行聯圖
Tứ
Mộc
Hỏa
Thổ
Kim
Thủy
Giáp Tý
Ất Sửu
Bính Dần
Đinh Mão
Mậu Thìn
Kỷ Tỵ
Canh Ngọ
Tân Mùi
Nhâm Thân
Quý Dậu
Giáp Tuất
Ất Hợi
Bính Tý
Đinh Sửu
Mậu Dần
Kỷ Mão
Canh Thìn
Tân Tỵ
Nhâm Ngọ
Quý Mùi
Giáp Thân
Ất Dậu
Bính Tuất
Đinh Hợi
Mậu Tý
Kỷ Sửu
Canh Dần
Tân Mão
Nhâm Thìn
Quý Tỵ
Giáp Ngọ
Ất Mùi
Bính Thân
Đinh Dậu
Mậu Tuất
Kỷ Hợi
Canh Tý
Tân Sửu
Nhâm Dần
Quý Mão
Giáp Thìn
Ất Tỵ
Bính Ngọ
Đinh Mùi
Mậu Thân
Kỷ Dậu
Canh Tuất
Tân Hợi
Nhâm Tý
Quý Sửu
Giáp Dần
Ất Mão
Bính Thìn
Đinh Tỵ
Mậu Ngọ
Kỷ Mùi
Canh Thân
Tân Dậu
Nhâm Tuất
Quý Hợi



Hình 3 : Khởi từ hành gia nhập.

ĐỊA LÝ ĐẠI TOÀN TẬP YẾU

Quyển 6

Biên soạn : Ngụy Lý Hứa Minh Tứ Viễn Đạm Viên

Hiệu đính : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am
Tôn Ái Tải Ung

PHÁT VI LUẬN

THÁI MỤC ĐƯỜNG

CƯƠNG NHU

Kinh Dịch viết : "Lập thiên đích đạo, thị âm dữ dương" (Đạo của việc lập thiên là Âm và Dương).

Trâu công nói : "Cương và nhu bao hàm đạo lập địa".

Vì vậy địa lý phong thủy lấy cương và nhu làm mấu chốt quan trọng nhất. Cương nhu chính là chỉ về đặc trưng bản chất của địa lý. Thuở ban sơ của trời đất có hình thái mây khói mịt mù, chưa định hình sông núi như hiện nay. Không lâu sau, phong và khí va chạm ma sát với nhau, thủy và thổ cùng kích động lẫn nhau. Và rồi cái cứng mạnh thì trồi lên mà tồn tại, cái mềm yếu thì tiêu tán, chìm lấp đi. Cuối cùng sông và núi từ từ được hình thành.

Thể của sơn phong thì cương cường mà Dụng lại nhu nhược, do thế nó cao sừng sững mà đứng yên bất động; Thể của thủy lưu nhu nhuyễn mà Dụng thì cương cường, do vậy mà thường đóng ở chỗ thấp mà lưu động không ngừng. Thế gọi là trong cương có nhu, trong nhu có cương vậy.

Trâu công lấy Thủy làm Thái nhu, đem Hỏa làm Thái cương, Thổ làm Thiếu nhu, Thạch làm Thiếu cương. Đây chính là 4 hình tượng chung của địa lý.

Thủy tựa huyết mạch trong thân thể người, bởi thế là Thái nhu; Hỏa tựa khí mạch, nên là Thái cương; Thổ giống da thịt, nên là Thiếu nhu, Thạch giống xương cốt nên là Thiếu cương. Dung hợp Hỏa, Thủy, Thổ, Thạch làm một thể thì thành mặt đất, cũng như hợp nhất xương máu khí và da thịt thì thành thân thể con người vậy.

Quan sát kỹ sẽ thấy rằng : phàm những gì khô, lồi lõm đều là cương, những gì bằng phẳng tươi nhuận là nhu, song trong khô héo lồi lõm cũng tồn tại bằng phẳng tươi nhuận. Thế mới nói trong cương có nhu; phàm những gì mạnh mẽ, cao vút, gấp gáp đều là cương mà những gì mềm dẻo, chậm chạp đều là nhu, nhưng trong mạnh mẽ có mềm dẻo, trong mềm dẻo có cương cường, thế mới nói trong nhu có cương.

ĐỘNG TĨNH

Sau khi xét rõ cương nhu thì cần hiểu đạo lý của động tĩnh. Động tĩnh có nghĩa là biến hóa thông suốt.

Đạo lý vận hành của trời đất và vạn vật là tìm kiếm sự tĩnh lặng trong sự sôi động và ngược lại, mà tuyệt đối chẳng phải là đã tĩnh lặng lại tĩnh lặng hơn, đã sôi động phải sôi động hơn.

Cổ nhân có nói : "Nước vốn lưu động không ngừng, người cần nó dừng lại; núi vốn đứng yên, người lại mong nó vận động không nghỉ". Lời này thực đúng lắm vậy. Do đó, núi lấy an tĩnh là trạng thái thường của nó, chỉ vì nó không có sự vận hành, nếu nó vận động không ngừng, thì nó hình thành nên Long mạch. Nước đem lưu động làm thường thái, vì nó không tĩnh, nếu nước dừng lại thì nó có thể kết làm huyệt.

Vì thế, núi non thành Long mạch ắt sôi động, nước chảy kết làm huyệt thì nhất định sẽ uốn lượn quanh co. Nếu núi thẳng

cứng mà thổ thì có vận hành cũng không biến hóa, đổi thay, thì khác nào chuyển từ trạng thái tĩnh này sang trạng thái tĩnh kia; nếu Thủy không uốn lượn, quanh co, uyển chuyển thì cũng như núi vậy. Như thế núi sông sẽ không thể cùng giao kết với nhau.

Song, một động một tĩnh tuần hoàn mãi. Núi non cũng có khi lưu động đến cùng cực thì dừng lại, sông nước an tĩnh đến cùng cực thì sẽ chảy đi. Do vậy đừng nên quá giữ một điều mà nhầm mất nói bừa.

TỤ TÁN

Sau động tĩnh là quan sát tụ tán. Tụ tán là chỉ thế đi và hình thái tổng quát của sông núi, sơn thủy.

Sơn thủy hội tụ, tự nhiên có kiến tạo của trời đất, lấy đi chỗ dư thừa, bồi đắp nơi thiếu hụt. Do vậy sông núi nhỏ thì địa lý có tiểu thành, sông núi lớn thì địa lý có đại thành, nếu phân tán thì không thể hình thành nên địa lý.

Tụ là gì ? Tụ là chỉ Sơn loan (dãy núi) kết giao hội tụ, hà thủy giao hội tập kết, Phong Khí tàng ẩn. Tán là gì ? Tán là chỉ Sơn loan phân tán bốn bề, hà thủy ly tán tiêu triệt. Phong, Khí hồi tán khắc nghiệt.

Hiện nay người ta đàm luận về địa lý thường không hiểu rõ thế tụ tán. Nếu địa lý tụ, thì huyệt vị càng có hình thái quái lạ bao nhiêu càng là đại thế chân chính bấy nhiêu; nếu hình thái là tán, thì huyệt vị càng đẹp đẽ càng là hư giả.

Quan sát mộ táng của người xưa thì thấy phần lớn đều là huyệt vị có hình dáng quái kỳ mà chẳng phải huyệt đẹp đẽ. Huyệt vị kỳ lạ này quả đã có được chính thế của sơn, thủy. Do vậy, huyệt vị kỳ quái lại là huyệt vị chính thường. Hiện nay người ta thường câu chấp về hình dáng cụ thể của huyệt vị, mà không dùng quái huyệt.

Tụ tán lại có hai loại : có tụ tán của đại thế và có tụ tán trong huyệt. Có thể đứng xa quan sát tụ tán của đại thế, lại gần quan sát tụ tán trong huyệt. Tụ tán của đại thế và của huyệt phải cùng hỗ trợ, cùng hình thành, không thể thiếu một.

HƯỚNG BỐI

Tiếp theo cần quan sát hướng bối. Hướng bối là chỉ tính tình của sơn thủy.

Diện mạo của địa lý cùng nhân sự đều có phân biệt âm, dương. Tính tình của người đa dạng, vì thế mà ta có thể thấy rõ địa lý của hướng bối dựa vào tính tình của người. Hướng về ta, ắt sẽ có ý bao bọc, tương hợp chu toàn; Bối (quay lưng) với ta, ắt sẽ có bội nghịch tương phản. Bề ngoài đẹp đẽ, tươi tốt, song đó chỉ là giả tạo và diện mạo đó rốt cục rồi sẽ lộ ra.

Do đó phàm là muốn xem xét diện mạo của địa lý, trước hết phải quan sát hướng bối của nhân tình. Nhân tình cùng hướng thì dễ thấy, song nếu đối diện, trông tựa bầy tôi cung kính với quân vương, tựa chủ khách tương thân tương ái, tựa anh em ruột thịt giúp đỡ lẫn nhau. Đây đều là nhân tình của hướng. Nhân tình của bối thì khó thấy rõ. Phàm sơn thủy nhìn nhau như thù địch, đánh nhau như người ngoài, sơn thủy như vậy đều là tình quay lưng với nhau (tương bối).

Chỉ quan sát diện mạo của địa lý, sẽ bị lừa gạt, mê hoặc. Mà xem xét tính tình của nó là hướng hay bối thì sẽ thấy rõ tình hình, đã biết rõ địa lý của hướng bối thì cát hung họa phúc hiện ra rõ ràng.

THƯ HÙNG

Tiếp đến là quan sát thư hùng. Thư hùng là sự phối hợp ứng đối của sơn thủy.

Chỉ có dương thì không có sinh sôi nảy nở, chỉ có âm thì không có sinh trưởng. Trời đất vạn sự vạn vật không có một sự một vật nào tồn tại mà không có đối ứng phối hợp.

Các nhà phong thủy dùng thư hùng để luận bàn, chẳng qua là chỉ cái đạo về tương hỗ ứng đối. Vậy phải căn cứ vào đâu ? Sơn thuộc âm mà Thủy thuộc dương, do đó phàm sơn hội tụ, kết hợp, ắt sẽ gặp Thủy quanh co, uốn lượn, bao bọc. Thế vận hành của sơn tuy thuận theo Thủy mà tới, song hình thái của nó lại nghịch với Thủy mà thành. Sơn và thủy cùng đối, có Thư có Hùng, mà chúng tự cũng có phân biệt thư hùng riêng.

Dương Long chọn âm huyệt, Âm Long chọn dương huyệt, đó là Long huyệt cùng phối hợp ứng đối giữ lấy thư hùng. Dương Sơn lấy Âm làm đối ngẫu, Âm Sơn lấy Dương làm đối ngẫu, đây là chủ khách yêu mến lẫn nhau có thư có hùng, một nơi nào đó ngưng kết tụ hội, thì thư hùng ắt sẽ cùng ứng hợp, Long cùng huyệt, Sa cùng thủy, Tả cùng hữu, Chủ cùng khách ắt cùng ứng hợp.

Nếu chỉ có thư hoặc hùng mà không phải là thư hùng kết hợp thì dù tụ cát hình thành địa thế cũng chẳng phải tốt đẹp.

CƯỜNG NHƯỢC

Kế đến là quan sát Cường nhược. Cường nhược là chỉ khí bẩm sinh của địa lý.

Đạo lý vận hành và tồn tại của trời đất lấy từ bình, chính. Nếu quá cứng ắt sẽ gãy, nếu quá mềm ắt sẽ nhu nhược. Do đó cần lấy nhu nhuyễn hỗ trợ cứng rắn, và lấy cứng rắn bổ khuyết cho nhu nhuyễn. Cương nhu hỗ trợ lẫn nhau mới đạt được đạo trung hòa.

Luận về địa hình cần quan sát kỹ khí bẩm sinh của nó. Nếu khí bẩm sinh thiên về nhu hòa, thì tính tình ắt sẽ bình ổn hòa hoãn; nếu khí bẩm sinh thiên về cứng rắn, thì tính tình của nó sẽ cương cường, nóng vội.

Khí cương cường mà tính nóng vội, huyệt vị như vậy cần lấy nơi thấp, bằng phẳng mà đóng. Nếu lại xây dựng huyệt ở nơi địa thế gấp gáp thì ắt có tai họa về tuyệt tự. Nếu huyệt có khí nhu hòa mà tính tình bình hòa thì hợp với sự kiến tạo ở chỗ gấp gáp cương cường, bằng không ắt sẽ lụn bại.

Hạ huyệt ở nơi có khí bẩm sinh cương cường mà tính tình nóng vội sẽ làm Long mạch tổn hại, nhu nhược mà hạ huyệt tại nơi nhu hòa sẽ rời xa Long mạch; do vậy phương pháp xác định kiến tạo huyệt vị cần phải được cân nhắc kỹ lưỡng. Không nên thiên lệch, bằng không sẽ tới chỗ cực đoan, tai họa liên tục ập xuống.

THUẬN NGHỊCH

Kế tiếp cần phân biệt hình thế Thuận Nghịch.

Thuận nghịch là chỉ sự đến và đi ("Lai và khứ") của địa lý trong sơn thủy.

Khứ và Lai chỉ điều gì ? Lai là ám chỉ về nguồn của Thủy và nơi xuất phát của Sơn. Khứ chỉ mọi xu thế Thủy quy tụ, quay về. Biết rõ được Lai và Khứ rồi thì sẽ biết được hình thế thuận và nghịch của sơn thủy.

Nên biết thuận trong thuận sơn thuận thủy chính là từ nơi phát nguồn của sông núi thuận thế mà tới và nghịch là chỉ Long từ nơi quy tụ, dừng lại của sơn thủy nghịch thế mà tới.

Phương pháp xác lập huyệt là phải giữ nghịch trong thuận, lấy thuận trong nghịch. Đây là đạo lý bất di bất dịch. Nói rộng ra thì Long mạch có phân ra thuận nghịch và cũng có sự khác biệt về thuận nghịch. Huyệt vị của Thuận Long cần phải nghịch với thế kết tụ và ngược lại.

Tóm lại muốn quan sát sự thuận nghịch của sơn thủy trước hết phải xem xét kỹ lưỡng tới đại thế của nó, đại thế tức hình thế chung, đại thể. Đứng ngoài xa vài dặm mà quan sát đại thế,

thì mới có thể nhận rõ tình thế chung, đại thể. Đứng ngoài xa vài dặm mà quan sát đại thế, thì mới có thể nhận rõ tình thế thuận nghịch của sơn thủy trong vài thước. Bằng không vàng thau lẫn lộn, đen trắng không phân minh.

SINH TỬ

Sinh Tử ám chỉ nên giữ lại hay bỏ đi một tình thế có lợi hay bất lợi, xác định Sinh Tử là bước kế tiếp sau khi biết thuận nghịch.

Long mạch tới từ ngàn dặm chỉ chiếm lĩnh một nơi khuất khúc nào đó, nếu không thẩm xét sinh tử để phân biệt thì làm sao mà chọn lựa giữ hay bỏ được ? Đại khái có khí là sinh, không có khí là tử, Long mạch hoạt bát sinh động là sinh, thô cứng, thẳng quá mức là tử.

Nếu Long thế uốn lượn sang bên trái thì bên trái là sinh mà bên phải là tử và ngược lại. Nếu chọn lựa thịt trong xương thì xương là sinh mà thịt là tử. Nếu chọn đói trong no thì đói là sinh mà no là tử. Nên chọn sinh mà bỏ tử.

Đã rõ chọn gì bỏ gì rồi, thì có thể xác định được cách cấu tạo của huyệt vị và sau khi đã xác định phương pháp cấu thành huyệt vị thì cát hung hoạ phúc sẽ ứng nghiệm. Trong trường hợp khó nhận biết sinh tử nên không chọn lựa giữ và bỏ gì, thì đó không phải là nơi tốt lành do tự nhiên tạo nên.

VI TRƯỚC

Bước tiếp theo là quan sát tỉ mỉ Vi Trước của sơn xuyên (núi sông). Cái gọi là vi trước chính là khí mạch của sơn xuyên.

Khí vô hình thuộc dương, hữu hình thuộc âm. Dương trong sáng mà âm vẩn đục, do vậy khí mờ ảo mà mạch hiển hiện. Song, khí không thể tự kết tụ mà phải nhờ vào Long mạch;

Mạch cũng dựa vào khí mà sản sinh và hình thành. Có trường hợp có mạch mà không có khí hoặc có khí mà không có Long mạch.

Kinh Thư viết : "Khí nhờ gió thổi phân tán đi, mạch gặp lưu thủy thì dừng".

Không có Long mạch cũng không có sinh khí thì đó là hậu quả xâm hại của thủy lưu. Có Long mạch mà không có sinh khí thì đây là hậu quả xâm hại của phong thế.

Người giỏi quan sát khí, có thể căn cứ vào hình thái cụ thể mà biết được khí vô hình, bằng như không phải thì các sự vật vô hình sẽ che lấp sự vật hữu hình. Tóm lại vô hình chỉ tồn tại trong hữu hình, mà chỉ người có "mắt", mới thấy, vì thế họ có thể tìm ra những sự vật tốt đẹp tại những nơi xấu xa.

Nên biết rằng, hà thủy từ bốn phương tám hướng kết tụ sẽ hình thành mạch, mà phong bốn phương tám hướng đứng im bất động sẽ sản sinh ra sinh khí.

PHÂN HỢP

Bước tiếp đến là quan sát sự Phân Hợp. Nó chỉ sự xuất hiện và tàng ẩn của Sơn xuyên.

Mạch chẳng phải đột nhiên mà đến, bỗng chốc mà sinh. Mạch xuất hành, khi đến cần uốn lượn uyển chuyển; như vậy sẽ có thủy từ bốn phương dẫn đường cho nó.

Mạch tàng ẩn, cần có nơi dừng chân, như thế sẽ có thủy từ bốn phương hội tụ để giới hạn nó.

Quách Phác nói : "Mặt đất có khí tốt lành, tùy theo thổ mà sinh ra; Chi có khí đình chỉ, bố trí theo Lưu thủy. Nơi Chi bất nguồn, khí sẽ sinh ra ở đó; nơi chi tụ hội, khí sẽ theo đó mà tụ hội".

Đây là luận thuyết của cổ nhân khi bàn về nguồn gốc và lưu mạch của khí mạch. Khí theo Thổ vận hành, vì vậy khi

mạch xuất hành tất có hình sống lưng nổi lên, khí theo thủy lưu vận hành liên tục, vì thế khi Long mạch trở về và đi tới, tất có hà thủy cùng theo.

Khí sinh ra từ nơi khởi nguồn của chi, do vậy bên trên có phân mạch; Khí hội tụ tại nơi dừng lại (chung chỉ) của Chi, như thế bên dưới có hợp mạch.

Nếu chỉ có Hợp mà không có Phân, thì lai thế của Long mạch là hư giả, vì trong nó không có khí sinh vượng để có thể tiếp tục; nếu chỉ Phân mà không Hợp thì khứ thế của Long mạch sẽ bất minh vì ngoài nó không có Đường Khí để có thể thu nạp. Nếu có Phân và Hợp, có lai lại có khứ, đã có xuất hành lại có ẩn tàng, thì huyệt vị của Long mạch sẽ kết tụ, sau đó mới thành nơi khí mạch viên mãn.

Phân hợp có nhiều trường hợp, ví dụ Đại phân hợp và Tiểu phân hợp. Nếu Long huyệt chân thực kết tụ tại nơi cát địa thì sẽ có tam phân tam hợp. Tam phân tam hợp trước sau huyệt, từ huyệt đến Long Hổ Sa là nơi kết tụ của tam phân tam hợp; từ Tổ Long đến sơn thủy, ất là Đại tam phân hợp.

Tiểu phân hợp thì có Tiểu minh đường, Đại phân hợp thì có Đại minh đường cùng ứng hợp với Long, biểu tượng Hổ Sa làm Nội minh đường, ứng hợp với Long Hổ Sa bên ngoài thì làm Ngoại minh đường.

PHÙ TRẦM

Phù Trầm chỉ biểu lý (trong ngoài) của địa lý sơn xuyên.

Vì mạch có khác biệt về Âm Dương, nên cũng có phân biệt về Phù Trầm. Dương mạch luôn xuất hiện bên ngoài, nên gọi là phù; Âm mạch thường xuất hiện bên trong, nên gọi là trầm.

Người quan sát phong thủy địa lý cũng như thầy thuốc bắt mạch vậy. Người giỏi y lý thì quan sát mạch âm dương mà xác định và cho thuốc đúng bệnh, người giỏi xem phong thủy thì quan sát phù trầm mà xác định huyệt chủ.

Tam âm sinh từ thiên vì âm của nó căn thực với dương của nó, nên âm mạch ất trên nhỏ nhọn dưới lớn thô, nơi nó đi ra cũng nhỏ hẹp. Tam dương sinh từ địa, vì dương của nó căn thực với âm của nó, nên dương mạch bên trên thì rộng lớn mà bên dưới thì nhỏ hẹp. nơi nó đi ra cũng tròn.

Phong thủy gia sau khi xem Long mạch chỉ cần thấy nơi sinh ra có hình nhọn dài thì là dương, biểu hiện là mạch phù. Mà khẩu tròn là âm, mạch của nó trầm bên trong. Nói rộng ra, phàm những mạch nhô cao lên đều thuộc về Trầm, những mạch lặn thấp xuống đều thuộc Phù; những nơi khác đều cao mà có một nơi lõm xuống thì đó là mạch phù; các nơi đều lõm thấp mà có một chỗ nổi lên thì là mạch trầm.

THIỂN THÂM

Thiển Thâm (nông sâu) là chỉ chuẩn mực của sơn xuyên.

Thiểm Thâm hình thành tự nhiên nhờ vào khí mạch, chọn Long huyệt nhất định phải lấy trạng thái nông sâu làm chuẩn mực cho việc lập huyệt. Địa mạch hợp với sự nông cạn, lộ rõ mà đào xuống quá sâu thì sinh khí sẽ xuyên qua phía trên huyệt vị; nếu Địa mạch hợp với sự sâu, tàng ẩn mà đào quá nông thì sinh khí sẽ đi qua bên dưới huyệt. Vì thế, dù có chọn được nơi cát địa, song hiệu quả không cao, đều do nguyên nhân này.

Trước hết ta cần quan sát âm dương của Lai mạch, sau đó xem xét tùng tá của sa sơn bốn mặt. Nếu Lai mạch nhập thủ hùng dũng, mạnh mẽ, huyệt vị tạo thành chỗ lõm thấp mà cửa ra nhọn dài, như thế mạch này là mạch phù, do vậy huyệt cần phải nông, lộ; nếu Lai mạch nhập thủ yếu ớt, huyệt tạo thành nhô lên mà cửa ra tròn thì mạch thuộc trầm mà huyệt thuộc âm, nên huyệt cần sâu, tàng ẩn. Do đó, sự nông sâu của sơn xuyên hình thành tự nhiên nhờ vào khí mạch. Đây chính là phương pháp quan trọng nhất trong việc tìm tình trạng nông sâu của sơn thủy. Cần quan sát kỹ âm dương của Long mạch nhập thủ, cùng đường giới hạn huyệt có hợp hay không, mới có

thể căn cứ trạng thái nông sâu hợp lý để chọn huyệt. Nếu huyệt vị cần nông, lộ mà ta đào quá sâu, hay cần sâu mà ta lại đào quá nông, thì dù chỉ sai một vài tấc, cũng khiến huyệt vị cát lợi biến thành hung sát. Kinh Thư viết : "Chọn được một huyệt vị tốt lành, nhưng độ nông sâu khi táng không thích hợp, dẫn tới hung sát thì có khác nào đem thây bỏ ngoài ruộng" chính là nói ý này.

Hiện tại trong an táng, dùng luận thuyết cửu tinh bạch pháp dùng thước tốn xác định độ nông sâu, hoàn toàn sai lầm vô căn cứ.

NHIÊU GIẢM

Bước tiếp đến cần xác định Nhiêu Giảm của sơn xuyên địa lý. Nhiêu Giảm chỉ thế tiêu trưởng của sơn xuyên.

Thanh long, bạch hổ, hai bên trái phải có sự khác nhau về nhiêu và giảm. Nhưng sự phong phú và nghèo nàn về Long Sa, Hổ Sa rốt cục là gì ? đó là muốn nói đến sự tiêu tán hoặc sinh trưởng của âm dương. Phương pháp và chuẩn mực của nhiêu giảm lấy sự đến trước làm chủ. Nếu Long sơn đến trước, thì ất Long sơn nghèo nàn mà Hổ sơn phong phú, huyệt vị sẽ đóng bên trái; nếu Hổ sơn đến trước, thì Hổ sơn tiêu mà Long sơn trưởng, huyệt vị ất đóng bên phải.

Quan tỏa của sơn xuyên hà thủy tất phải giao kết kiên cố, thì sau đó khí mạch mới viên mãn. Huyệt vị đóng bên trái thì chọn sơn mạch bên trái làm cửa khẩu, Thuỷ bên trái cần quá cung vây chặt lấy nơi đứt đoạn mới là cát, thế này gọi là âm tỏa dương quan. Còn dương tỏa âm quan là huyệt vị gần bên phải thì chọn sơn mạch bên phải làm cửa khẩu, thủy xuyên qua cung cắt ngang nơi phong tỏa.

Chỉ có sơn mạch, thủy lưu triều thuận mới có thế vây và phá vây thuận thế. Nếu Hoành Thủy quá cung thì ất phải nghịch hướng vây phá mới cát ! Dù chỉ sai vài phân, cát hung họa phúc cũng có sai biệt rất lớn.

XU TỊ

Bước kế tiếp là quan sát tình hình Xu Tị của sơn thủy. Xu Tị là muốn nói tới việc chọn lựa, quyết định.

Đạo của trời đất một phân thành hai, cát hung họa phúc thường chiếm một nửa trong đó. Không thể có cát phúc toàn bộ và hung họa toàn bộ. Đời người thường gặp nhiều sai sót bất ngờ do vậy ắt sẽ tồn tại khuynh hướng thuận theo phúc thiện, ham muốn tốt đẹp, trốn tránh hung họa, rời xa tà ác. Phong thủy địa lý cũng vậy. Nơi sơn thủy hội tụ không hoàn toàn có sinh khí thuần nhất, viên mãn tốt lành, không thể có khí mạch không có một chút hỗn tạp nào. Đã không thể không có, thì sự thiện ác phúc họa sẽ đấu tranh tồn tại, đó cũng là đạo lý chính thường.

Song sơn thủy hình thành thiên biến vạn hóa, dù chỉ sai vài phân, ly thì tình hình đã khác biệt. Có những địa mạch quan sát ở dưới thấp thì xấu xa mà lên cao để quan sát thì diệu kỳ mỹ lệ, lại có địa mạch khi đứng bên trái quan sát thì thấy tốt lành mà quan sát từ bên phải lại thấy xấu, ác khó coi.

TÀI THÀNH

Bước tiếp đến là tìm hiểu Tài thành. Tài Thành chính là nhân sự.

Nếu nhân sự bất lực thì tự nhiên sẽ thuận theo nguyện vọng; nếu tự nhiên không cùng phối ứng, thì nhân sự cũng không được như nguyện. Từ khi vũ trụ vô bờ bến sinh ra, thì sơn thủy thuận theo đó mà có, số lượng không quá nhiều, tác dụng không quá ít, song nó phải có tự nhiên rồi mới xác định. Do đó trời đất, tạo hóa cũng là hữu hạn.

Vì thế sự kết tụ của sơn thủy đều nhờ vào tự nhiên mà có, mà sơn thủy vây bọc, vượt qua, hình thành huyệt lại hoàn toàn

nhờ vào sức lực của con người. Nếu hình thế của sơn thủy có sai sót thì ta cắt bớt những nơi dư thừa khiến nó hoàn chỉnh; nếu hình thế sơn thủy có chỗ thiếu sót, thì ta bổ sung vào những phần khiếm khuyết, khiến nó hoàn thiện. Cắt dài thêm ngắn, san cao lấp thấp, không gì không hợp đạo tự nhiên.

Do đó phong thủy sư giỏi về việc cải tạo địa hình đã có thể khiến nó hợp với chuẩn mực, lại có thể không làm tổn hại đến hình dáng tự nhiên của nó.

CẢM ỨNG

Bước cuối cùng là nghiên cứu, quan sát tình hình cảm ứng. Cảm ứng chính là Thiên đạo.

Thiên đạo (đạo trời) không cần nói rõ cũng vẫn ứng nghiệm, phối hợp. Phúc lộc, thiện lương, tai họa, dâm tà đều do thiên đạo sinh ra. Tục ngữ có câu "Âm địa tốt không bằng tâm địa tốt". Do vậy tìm kiếm chọn lựa địa mạch, huyệt vị cần lấy việc tích thiện làm căn bản. Nếu người ta có đạo đức, phẩm chất cao đẹp thì thiên ắt tương ứng với địa mà tăng thêm sự tốt lành. Cho nên con cháu đời sau được hưởng phúc là bởi tâm địa thiện lương chính trực, tâm địa trung hậu tự sẽ tương ứng với địa mạch cát lợi.

Tâm là gốc và nội dung của khí, khí là hình thức và cành lá của tâm. Trời chẳng hề có tâm ý gì với người, song lại tự nhiên cảm ứng với tâm khí của người. Quách Phác nói : "Cát hung cùng cảm ứng lẫn nhau, tai họa và phúc đức tự nhiên tới vậy". Với di hài của tổ tiên, người ta ắt sẽ chọn những nơi có địa mạch tốt lành mà an táng, song nếu không nỗ lực tu tâm dưỡng tính cầu gốc rễ của nó, mà chỉ chú trọng tới quan sát hình thế của cành lá, thì sẽ tổn hại rất nhiều tới tổ tiên và con cháu đời sau.

Chúng tôi đã trình bày rõ ràng tất cả tinh hoa của phong thủy địa lý ở trên. Cuối cùng mới trình bày tới sự cảm ứng, không thể không thận trọng khi chọn lựa và quyết định bất kỳ điều gì.

CHÂN LONG DANH TỦY KINH

LÝ THUẦN PHONG

Long mạch là nơi lưu giữ nguồn gốc tổ tông, nếu phân làm Ngũ tinh thì người ta dễ nhận biết. Duy chỉ có sự vận hành biến hóa của Long mạch là ít người biết tới, cuốn kinh này nói rõ mọi điều tinh vi ảo diệu của nó.

Các dạng các thức trong sự vận hành biến hóa của Long mạch đều phân thành nghèo hèn hạ tiện và cao sang quyền quí. Trong lầu các, bảo điện sản sinh ra các khu vực mà ở đó các loại tinh tú, Thủy Mộc tinh đều có được sự tương ứng. Mộc Tinh biến hóa thành hình dáng như chiếc mũ đẹp, Thủy tinh biến hóa thành vô vàn sợi kim tuyến phấp phới hạ xuống. Lầu son gác tía lần lượt sinh ra, phụng hoàng, đại long hộ giá cũng được sinh ra. Loan phụng bay lượn trước sau, Thần Ngưu trước xe cũng quay đầu mà đi. Năm vì tinh tú hội tụ lại có dáng vẻ tựa như đang thương lượng một sự việc, Trường Xà lấp lánh ánh vàng uyển chuyển uốn mình vượt qua dòng sông mịt mù khói sóng. Ở trong chợt sinh ra tầng tầng hoa sen đẹp đẽ, lá tròn dầy đặc, lá sen bao bọc, chào đón nhụy sen. Giữa đóa sen lại có một đài sen mỹ lệ, ngàn sợi tơ xuyên qua lỗ mũi trâu khiến nó mở rộng ra. Mấy con tuấn mã vượt qua trung tâm, trên lưng ngựa bày la liệt đao thương, trống trận, cờ xí. Kiếm kích tung hoành tựa rừng mà ở trong có rất nhiều giáp trượng nhô lên, cùng bày trên yên, hơn nữa lại dùng dây cương níu chặt lấy mặt trời mặt trăng. Trong môn hộ kiên cố, sông nước cuồn cuộn chảy ra, vây bọc hộ tống hơn trăm dặm. Long mạch có hình thái vừa nêu ở trên ắt dùng để xây dựng hoàng cung, đế đô. Với Long mạch kéo dài hơn ngàn dặm, cần thận trọng quan sát, lựa chọn.

Long mạch kéo dài một, hai trăm dặm dùng để kiến tạo nên quận ấp, đều bao hàm trong sự vận hành biến hóa của Ngũ Tinh. Long mạch tương đối nhỏ cũng có chu vi không dưới 50 dặm.

Trong chu vi 20, 30 dặm đều là cát địa. Chân Long ắt có đại tinh nổi lên, bằng không thì không thể sinh ra Khí tức. Long từ trung tâm đi ra là Chân Long, nếu không đi ra từ chính giữa thì sức lực ắt yếu ớt. Tuy rất khó câu nệ về một điểm, song tả hữu giao hội tạp loạn thì dễ nhận ra. Bên trái có, bên phải không, chỉ là qua một đoạn, một đốt mà thôi. Phải có mà trái không có nguồn gốc thì cũng chẳng có gì lạ. Long này vốn giống hình dạng cây sậy, chỉ cần quan sát kỹ vị trí tinh tú đắc địa là đủ, tinh tú đắc địa là Chân long. Long mạch chủ yếu do Thủy Hỏa làm tinh tú, lá tre từ hai bên bao bọc mà tới. Có một Chi trong đó gọi là Thược Dược Chi, hai bên cùng sinh ra giống nhau. Tả Hữu tách ra sáng sủa có cành có lá thì chủ yếu do Mộc tinh mang theo thủy lưu tạo nên. Còn có Chi tựa mầm liễu, nửa có nửa không tựa hình chữ nhân (人), Long này toàn bộ là Mộc tinh cùng chuyển mà tới.

Chỉ có Long mạch hình lá ngô đồng là sáng sủa bằng phẳng, song song chào đón tựa hai tay thủ thế. Cành đốt của chi mạch hình lá ngô đồng phân hướng sinh trưởng đối nhau, chủ can ở giữa vượt qua tâm mà ra, chủ về tổ tông và con cháu có nhiều điểm giống nhau. Đây là nơi tối qui của Mộc tinh, Long mạch này rất hiếm. Nếu câu nệ, chủ tìm kiếm các Long mạch thần kỳ, thì có đi khắp thiên hạ cũng chẳng kiếm được.

Lại có Dương liễu chi chỉ có một bên sinh khí thịnh vượng, bên còn lại hình dáng rất kỳ lạ. Long mạch này vốn nghiêng chếch về một phía, một bên khô cằn một bên thịnh vượng. Bên thịnh vượng sinh ra cành lá dầy đặc, bên khô cằn tựa một cành cây khô héo. Nếu không có Long mạch khác hộ tống thì sẽ sinh ra bệnh điên dại. Nếu bên trái bị Phong xâm hại thì bên trái sẽ khô héo và ngược lại. Con cháu đời sau nữ rất nhiều mà nam rất ít.

Song, trong Long mạch nửa vượng nửa sinh này cũng có nơi cực quí, được gọi là cách Quyển liêm đăng điện (vén rèm lên điện). Long mạch này là kết quả của sự biến hóa xảo diệu của Kim tinh. Long mạch này còn có tên gọi khác là Ngọc giới cấp, sự nghiêng lệch tiếp tục chếch lên cao hơn. Lại có một Long

mạch khác gọi là Kim Tỏa Giáp, hình thành bởi rất nhiều sơn cương trùng điệp, tích tụ lại. Long mạch này là hình tượng của Kim tinh huyền diệu vô cùng.

Lại có một Long mạch hiếm ai biết được, nó có tên là Ngự Nhai, Long mạch này tựa bức tường thành bao bọc, sơn cương cúi thấp, kéo dài trăm thước, uyển chuyển bao bọc địa đới Bình Dương rộng rãi bằng phẳng. Không có nơi nào đặc biệt nhô ra, đây là Long mạch của Thổ tinh xuyên qua mà hình thành, đã giống bằng phẳng dựng thẳng lại tựa như đang chuyển nghiêng, đây là Quí Long cực hiếm.

Lại có Long mạch tựa dải lụa múa lượn, cao chín tầng mây, mềm mại uyển chuyển, tựa rắn bò. Đây là Long mạch do Thủy tinh vận hành sinh ra.

Còn một Long mạch khác có hình dáng tựa đốt con rết, tổng cộng có từ 7, 8 đến 10 đốt lần lượt sinh ra, mỗi một đốt trông giống như một ngọn núi nhỏ, còn thoáng lộ Cước, từ từ bò đi mà không có dáng xuyên tâm. Long mạch này thuộc Kim do Thổ sinh ra, chào đón có trật tự, khí mạch phân minh.

Lại có một Long mạch đóng trong bình dương rộng rãi, thủy lưu uyển chuyển uốn lượn, tung hoành, trong thủy lưu có thạch xà uốn mình bò đi. Kim Xà vận hành qua thủy, là hình thức thủy lộ cốt mạch. Kim xà lột xác thành hình xà; cũng là thủy tinh vừa thoát ra, khúc khuỷu, bằng phẳng, bao bọc, đây cũng là Quí Long, nó đến từ ngàn dặm mà tạo thành huyệt quí, có được huyệt này thì ắt có thể đạt được chức vị lên tới tột đỉnh.

Lại có một Long mạch khác có tên là Phao Ngọc Thoa, khi qua trái lúc qua phải. Long mạch này vốn do hỏa tinh sinh ra, biến hóa đa đoan. Kim khí thịnh vượng. Các nhà phong thủy hiện nay chỉ xem Long mạch này là bất chính, mà chưa từng để tâm quan sát loại long mạch chân chính này.

Lại có một Long mạch như những giọt nước mưa tí tách nhỏ xuống, gọi là Kim Loan Minh Ngọc Kha, hình dáng nửa đầy nửa khuyết, tựa mành mgọc rủ xuống, kỳ thực là do Thủy tinh bị Phong ba xung phá mà hình thành nên. Còn có Long

mạch do Văn tinh biến đổi mà thành, trông như tua ngọc gấn trước mũ vua, đây là kết quả của Mộc tinh biến hóa.

Còn có một Long mạch có thế đi kéo ra thẳng dài, có hình vài viên ngọc tròn trịa, hai bên trái phải không đối xứng mà đều dồn về một phía hình thành một mặt phẳng hoàn chỉnh. Long mạch này được gọi là Ngọc Vi Câm, sản sinh ra những nhân vật nho nhã thanh cao, tinh thông thiên văn địa lý, kiêm thông cầm, kỳ, thi, họa. Hoặc là ẩn sĩ chốn sơn lâm, hoặc nho sĩ danh vang bốn bể.

Long mạch khí tức chỉ có (nửa thịnh nửa suy) suy, thiên về khô cạn là do Mộc và Thổ tinh biến hóa thành. Lại có Long mạch vận hành, qua trung tâm, rời khỏi rừng hoa, Mộc tinh hiến thành những ngọn lửa thoắt ẩn thoắt hiện. Hoặc là Hỏa tinh gặp Thổ, ngọn lửa bị dập bắn tàn lửa ra 4 phía.

Có Long mạch trông như ấn ngọc đấu vàng, đây là Long mạch do Thổ tinh biến hóa mà nên. Chúng tay đón tay đưa trước sau mà tới, rất có thứ tự.

Có Long mạch tựa chiếc thuyền lướt sóng ra khơi, nhấp nhô lên xuống, sinh khí viên mãn bên trong, Long này sản sinh ra kỳ nhân dị sĩ, là do Mộc tinh hình thành, Long này được dùng làm nơi xây dựng cung điện.

Nếu hình của Long mạch tựa như tuyên chỉ trước lầu vàng thì Long này do Thổ tinh hình thành, sinh ra những người cao quí. Sơn phong cao vút sừng sững tựa muôn trùng lầu gác mà lại có sơn cương nhỏ, thấp chạy ra thì đó vốn là phẩm cách của Mộc tinh, Long này ắt sinh ra tướng giỏi, cần quan sát huyệt vị này do tinh tú nào biến hóa mà hình thành. Long mạch do Mộc có trong Hỏa biến hóa cùng văn tinh hỏa, Long này cực quí, ắt xuất hiện thiên tài, thần đồng.

Long mạch có dáng tựa chuông vàng búa ngọc là do Kim tinh biến hóa sinh thành, chủ sinh ra quyền quí hoặc trạng nguyên. Còn có tinh tú có tên là Quán Thiên Hồng, khối đá màu tím đỏ, có hình như chiếc nghiên dài hơn trăm trượng, chếch ngang phía sau Long mạch, cùng liên tiếp quán xuyến. Trong đó

Long mạch ngắn thì giống chiếc bàn, dài thì tựa cầu vồng. Nếu như cầu vồng thì ắt là do Văn Khúc tinh biến hóa sinh thành.

Nếu hình dáng của Long mạch tựa kiếm tuốt khỏi vỏ thi đó là do đại khí rèn luyện thành. Các phong thủy gia hiện nay đều lầm tưởng đó là đao thương mà không dùng. Long mạch chân thực có các hình dạng khác nhau, Mộc tinh có các đỉnh núi cao chọc trời, cạnh đó có 6, 7 huyệt vị. Nếu hình dáng Long mạch trông tựa đẩy xe hiến ngọc, phía trước lớn thô, phía sau nhỏ, thanh; thế đi thẳng mạnh; thế đến hùng dũng, thì đây cũng là Long mạch do Mộc tinh biến hóa sinh thành, chủ về quyền vị cao trọng.

Nếu Long mạch trông tựa bàn ngọc kê sát hiên thì đó là do Mộc tinh sinh ra, dọc ngang giao hội, bao bọc ắt có quí tinh đóng tại phương Mộc, chủ sinh đại quan. Long mạch tựa hình ngọc khuê xuyên qua thì nó do đảo địa Thổ hình thành, Thổ tinh biến Mộc, Long có hình như vậy ắt làm tổ sơn. Ngọc mạo nếu ở giữa sinh ngọc bích, thì đây cũng là nơi kỳ diệu của Thổ tinh. Xuyên chương cũng là Hỏa Thổ Long.

Nếu thực biết rõ sự tinh vi ảo diệu trong biến hóa của Ngũ Tinh, thì có thể nhận biết cát hung của chân Long. Song sũng không nên câu nệ, đừng khinh suất trong việc xác lập huyệt, định phương hướng.

THẠCH SƠN

TẠ SONG HỒ

Thạch là cốt lạc của sơn loan (dãy núi), do sinh khí bất đồng nên Thạch có ẩn có lộ. Lấy thân người làm ví dụ, Tú khí tụ kết tựa người có da thịt, xương máu. Nói tới cốt lạc của người, nếu Thạch tựa ngọc chẩm, trán... đều là cốt khí thịnh vượng mà tán phát lộ ra ngoài. Thạch tùy Thương Khuê và Tế Nộn của Long mà phân làm thanh và thô. Long vừa phân ly, vừa rối loạn hỗn tạp, kết tụ dày đặc, hình thành dáng vẻ xấu xí. Da thịt

thô, sắc da đen sạm. Thạch do nó hình thành thì lởm chởm, sắc nhọn. Vách dựng đứng trùng điệp, tích tụ hỗn tạp, đó là vì khí tích tụ bên trong chưa phát ra ngoài. Thạch được hình thành do khí tụ kết thì tạo nên Ngọc Khuê, Xích Hốt, Bình Phong và Trướng Mộ, Khố Phủ và Mộc Quỹ, Tương Tử cùng Ấn Chương, Đao Thương và Kiếm Kích... tầng tầng cửa ải tựa như xếp hàng, cao phong sừng sững cao như muốn chọc thủng trời, bằng phẳng, thoáng đãng tựa trang sách mở ra... hoặc cao vút từng mây, hoặc kéo dài tựa sống lưng... là vì những Thạch sơn này sắp xếp rất hợp lý, đơn độc sừng sững mà không cô lập, có đủ Tả Phụ Hữu Bật. Có Thạch sơn tròn, nhấn tựa vỏ trứng, Thạch Chủy quay tròn bao bọc tựa sừng trâu, đây là Thạch Sơn đẹp đẽ, kỳ diệu nhất, đó là Sơn Thạch hộ tống Long, trấn thủ huyệt vị.

Thạch Sơn kết tụ hình thành huyệt vị cần có Thổ hỗ trợ, Thổ sơn tụ hội hình thành huyệt vị cũng cần có Thạch hộ tống.

LOAN ĐẦU

Hai khí âm dương giao kết biến hóa hình thành ngũ hành, Ngũ hành giao xúc biến hóa thành Cửu tinh, Cửu tinh biến hóa mà hình thành Cửu diệu cũng được gọi là Loan đầu.

Tham Lang là Mộc tinh, Cự Môn là Thiên tài, Vũ Khúc là Kim thủy. Đây là Tam Cát. Tả Phụ là Thái Dương, Hữu Bật là Thái Âm, Phá Quân là Thiên Cương, Lộc Tồn là Cô diệu, Liêm Trinh là Hỏa, Văn Khúc là Thủy cũng gọi là Tảo Đãng.

Liêm Trinh chỉ hợp làm tổ tông sơn mạch, Cự Môn thích hợp làm Trướng mộ, bình phong; Tham Lang làm Quí nhân; Vũ Khúc làm Long mạch kéo dài tụ kết thành huyệt, Văn Khúc thích hợp với sự hình thành Quá hiệp, Phụ Bật làm hộ tống tùy tùng, Phá Quân và Lộc Tồn làm cửa ải.

NGŨ HÌNH TAM CÁT

Hỏa hình lấy nhọn, Mộc lấy đốt, Kim lấy vuông, Thổ lấy góc cạnh. Đến gần một Tiết thì chọn Tam cát Mộc, Kim, Thổ hình thành huyệt vị. Kim Mộc Thủy tai họa, lấy Kim trong Thủy; mà Thổ tinh Kim huyệt thì lấy Thủy trong Kim.

BẠT SA KINH

TỐNG LIÊU

TÂM PHÁP

Phàm việc quan sát địa lý sơn xuyên, trước tiên cần quan sát hình thái bản thân địa mạo. Sau khi quan sát xong hình tướng của sơn xuyên thì quan sát sơn thủy cạnh huyệt và các trạng thái Hướng, Bối. Đây là bước cơ bản để tìm và chọn Long mạch.

Nếu tại Bình dương thì cần quan sát xem các trạng thái liên kết và nhô lên đột xuất, có Long tựa sóng trào, có Long tựa rắn bò. Long mạch của sơn dù rất khác biệt với Long mạch của bình địa, song có một điểm tương đồng là : nhị thủy giao hội tụ hợp là không thể thiếu được.

Giới mạch hai bên đại hà là Thượng địa, hai bên tiểu hà là Trung địa, hai bên ruộng nước là Hạ địa. Đại hà chỉ cần có nguồn nước chảy xa là được. Chỉ có địa mạch từ bình nguyên nhô lên mới là sơn mạch đẹp đẽ kỳ diệu, dù ngắn, nhỏ cũng cực quý.

Long mạch có nội thủy đổ vào, bên ngoài hợp với thế ngang. Nếu hà thủy ngoài sơn giao hội mà thủy khẩu co hẹp

thì có thể chọn làm huyệt vị. Long mạch có ngoại Thủy đổ vào, Án sơn sáng sủa, minh đường thoáng đãng mà không rời đi thì lập huyệt được.

Nếu thủy không tới Minh Đường thì đừng lập huyệt, nếu sơn mạch không giữ được khí cũng không nên cư trú.

Chân và giả của Địa mạch đã bao hàm cả sơn, thủy, hướng, bối ở trong.

Sơn không trọng về tinh diệu mà quí ở chỗ oai nghiêm bình chính; Thủy không chủ về Lai Khứ mà kỳ diệu nhất là uốn lượn bao bọc. Sơn Loan nghịch thủy thì rất cần Minh Đường rộng rãi, sáng sủa; Sơn Loan thuận thủy cần Án sơn chắn trước mặt. Triều thủy không nên quá thẳng, cứng; Triều sơn không ngại uốn lượn, mà kỵ nhất là nghiêng lệch.

Với Can Long chỉ cần lưu tâm quan sát thế đi là được. Chi Long cần xem tinh thần của nó có hiên ngang hay không. Chi Long yếu ớt, không có hộ tống thì không nên chọn, song có thể mai táng tại Chi Long cúi thấp mà có đuôi.

Phàm gặp làng thôn thì cần xem xét Long có sinh động không. Thế đi của sơn mạch cần có thủy hai bên kèm sát hộ tống, như vậy mới có chân huyệt vị. Nếu thủy không bao bọc hộ tống thì đây chỉ là Hành Long.

Sơn Loan bối nghịch thủy thế, hai dòng nước sông cần tụ hội ở đàng sau; Sơn phong thuận theo thủy, hai dòng nước phải tụ hợp ở phía trước; Sơn mạch từ bên trái chạy tới, hai dòng nước nên tụ bên phải và ngược lại. Tóm lại, cần phải có thủy bao bọc hộ tống sơn mạch.

Nếu thế đi của sơn mạch thẳng tắp thì nên chọn huyệt vị chính diện; sơn mạch uốn lượn tựa vành cung thì nên chọn huyệt vị nghịch hướng.

Long thô kệch mà cứng đơ, sấp tới Thủy mà dựng đứng thì không nên kết Trạch huyệt, mà nên chọn huyệt ở nơi có Long mạch hoạt bát sinh động, song phải có thủy bao bọc, hộ tống mới tốt.

Nếu thủy không bao bọc sơn mạch thì nó không phải là mạch dừng; khi có thủy, sinh khí mới tụ hội.

Nếu ở nơi khởi đỉnh hai dòng phân lưu dài ngắn như nhau thì Long mạch này là Chính Mạch, nếu một dài một ngắn thì Long này là Bàng Chi.

Địa mạch khuất khúc hồi chuyển, hạ sơn thường nhấp nhô lên xuống, thì có chỗ khiếm khuyết. Chỉ có ngoại sơn bao bọc dày đặc, hai dòng nước giao hội tụ họp ở phía sau thì sẽ có cát địa. Địa mạch uốn lượn chuyển mình, cần có bản thân hạ sơn hùng vĩ, dày đặc, mới thành cát địa. Địa mạch uốn lượn bao quanh, phía sau thường có thiếu hụt, cần có nhiều thủy hộ vệ. Phía sau sơn mạch thiếu trống, rất cần thủy lưu bao bọc. Phàm sơn mạch chạy dài cần thu nạp tụ kết thành một Bình đầu nhỏ, gọn, lại nổi lên, kết tụ Bào (nhau) thì nơi đó mới được xem là kỳ mỹ quái địa. Nếu không có Bình đầu nhỏ bé thì khí mạch không thể kết tụ được. Hơn nữa còn cần có sơn thủy hộ tống hai bên, mới là hùng mạnh có lực.

Bình đầu nhỏ gọn của địa mạch Bình Dương trông tựa một đỉnh bạc. Long mạch kết thành dương địa thì Ngân đỉnh (đỉnh bạc) ở xa lớn rồi dần dần thu nhỏ, khí mạch của nó một tụ một tán, một thu một buông; Long kết thành âm mạch thì Ngân đỉnh ở gần lớn mà từ từ nhỏ dần, khí của nó một buông một giữ, một tán một tụ.

Có Long tựa bình phong xếp hàng; tựa chim ưng bay lượn; như có lên xuống nhấp nhô,... biến hóa khôn lường. Đây là nơi tối quí của sơn mạch. Có Long tựa sóng cuốn, như rắn bò, có Long đứt đoạn, liên tục... mạch lạc thông suốt liên kết, đây là nơi tối quí của bình địa.

Sơn cốc kết thành địa mạch phải đứt đoạn; nếu không đứt lìa, khí mạch sẽ thô trọc trì trọng. Bình Dương kết thành địa mạch cần nhọn, lại có Ngân đỉnh nối liền; bằng không cùng liên tiếp thì khí sẽ tản mác.

Sơn mạch sản sinh công hầu thì đoan trang trọng hậu, sinh ra quan văn thì thanh kỳ tú lệ, khả ái vô cùng; sơn mạch sản sinh võ tướng trông hào hùng, rung động khiến người kính nể.

Can Long khởi thế cao vút, sơn mạch hai bên kèm sát hộ tống nhất định rất hùng hậu, phát đạt; Chi Long khởi thế thấp,

sơn mạch hộ tống không thể hùng vĩ, khí thế không được hùng hậu như Can Long.

Chi Cước của Chi Long trong khi đang vận hành, mà dừng lại kết địa huyệt, thì cần qua một Hiệp hoặc nhô lên một đỉnh, nơi dưới Bình Dương cần nổi gồ lên.

Nếu Long mạch không quá Hiệp thì huyệt vị dưới sơn cước không có thần tướng bao bọc sẽ là huyệt giả.

Nơi quá sơn, 4 phía sơn cương bao bọc, La thành dày đặc, có thể chọn làm huyệt ở đây. Nếu Hiệp thủy thẳng tắp đi tới mà trước mặt không có cửa ải thì không thể kết huyệt. Long mạch chuyển mình nhìn về tổ sơn thì được.

Sa sơn quí nhất là có tình với Hướng, tối kỵ cùng nghịch với Bối. Nếu có hình dáng tựa vòi voi thì cát, giống cánh cung thì tốt. Sa sơn nghiêng lệch mà ra thì hung.

Nơi có nhiều sơn tụ kết, hoạt bát sinh động thì mai táng.

Nơi Bình Cương gió thổi vô hại, nơi hẻm núi gió thổi tới gây phương hại. Nơi Bình Dương không sợ gió thổi mà vùng sơn cốc lại rất kỵ gió.

La thành chỉ tường thành, bao bọc kín đáo là quí; Thủy khẩu là chỉ môn hộ, quí ở chỗ chắn ngang; Triều sơn chỉ tân khách, từ xa tới là quí; Minh Đường chỉ Tài khố, tụ kết là quí. Cần biết ở bờ sông hồ biển lớn thì sơn quí về Thủy; mà trong bình địa trống trải thì Thủy quí về sơn.

Triều Thủy cần thịnh vượng, nếu suy kém thì sẽ dẫn tới yểu chiết, chết chóc, gia nghiệp lụn bại.

Sơn mạch chạy tới nếu thẳng tắp, thô, mà không đứt đoạn dừng lại, đứng cao sừng sững thì đừng táng.

Nếu Hoành sơn đảo quái thì cần có Thi vĩ (Thi vĩ tức là có tình), đây mới là Chân huyệt. Nếu gần đó có Sa bao bọc hộ vệ thì không cần Thi vĩ. Hình dạng huyệt như viên ngói ngửa lên cũng không đáng ngại. Đuôi (vĩ) lệch về một bên cũng được. Song tối kỵ nếu sơn thủy không bao bọc hộ vệ, ở sau tràn tới.

Địa mạch giống hình cái yên ngựa đặt trên lưng Long, nếu ở giữa lõm khuyết, trước mặt dựng đứng, nhị thủy giao hội bao bọc thì có thể hạ huyệt; thủy không giao hội thì chớ hạ táng.

Long mạch đảo kỵ, sơn thế hiểm ác, thì không nên chọn huyệt; mà nơi có sống núi hơi cong, uốn thì có thể được. Long mạch tiến tới không nên lệch, nghiêng, có vẻ hữu tình thì có thể hạ huyệt. Có Long mạch phần đỉnh xấu xí, Lai sơn nghiêng lệch, quá cảnh cũng bất động thì đừng hạ táng. Nơi Bình dương rộng rãi; nơi quân bình, thẳng ngay thì có thể Đảo kỵ làm Dương địa chọn Huyệt.

Nếu Bình Dương có chỗ nổi cao, thì khí cát lợi sẽ bay lên; nếu Bình Dương có thế kiềm mở ra thì đây là huyệt vị đại cát.

Hang động của cao sơn, ắt có thủy tụ hợp bên dưới; bằng không nó chỉ là Hành Long.

Quật huyệt của sơn đương nhiên đẹp đẽ. Đột huyệt tại Bình Trung còn đẹp hơn. Nơi chợt nổi cao cũng có chỗ hơi lõm, không nên hạ táng, nơi Quật thấp lõm cũng không nên lấy làm huyệt.

Lại có nơi Long mạch tới thẳng thì nên chọn huyệt táng ngang, vì Kiềm tiêm, Chủy Thần, Minh Đường, Khí Tức đều tụ hợp lại một phía, nên táng ngang để tiếp cận nó. Phía sau nó cần có Thi vĩ; Dư khí cũng cần bao bọc chuyển về, nhị thủy phải tụ hợp, bằng không sơn mạch này chỉ là Hoành sơn.

Nếu phía trước huyệt không có thủy tụ hợp thì không nên chọn huyệt, nếu có thủy tụ hợp, nhưng lại cuồn cuộn chảy đi thì cũng không tốt.

Nơi cao sơn làm huyệt bất luận thủy có hình thái thế nào, chỉ cần sơn cước giới hợp phân minh; nơi Bình Dương kết huyệt không sợ gió, chỉ cần có Kiềm Thần của bản thân ngay ngắn.

Nếu trên cao sơn có nơi bằng phẳng, 4 mặt bao bọc, không có nơi nào thiếu sót hoặc nghiêng lệch thì được.

Nếu sơn mạch tới mà thô hùng cao lớn thì cần đại thủy bao bọc, hoặc có nhị thủy bao hợp mới có thể kết huyệt.

Nơi thâm sơn cùng cốc chợt sinh ra một Tiểu Bào, mở rộng Giáp Kiềm, để lộ nhũ, khác hẳn với sơn mạch khác xung quanh.

Kỳ thực nó đang thoát khỏi thô đại. Tú khí hội tụ, Minh Đường tụ kết Oa, 4 phía bao bọc, có thể mai táng.

Sơn mạch cao thô hùng chạy tới, không có dợn sóng nhưng lại sinh ra một Tiểu Bào, phía sau vẫn thô cứng song lại kết tụ sinh khí, mở rộng Giáp Kiềm, để lộ nhũ thì ắt là cát địa. Nếu không có Tiểu Bào, sinh khí không thể dung hợp. Nếu có gợn sóng tựa sườn trâu thì là hung địa.

Nếu sơn cương thô ngạnh đứng im bất động, không mở rộng Oa, Kiềm thì đây là nơi địa mạch mất Lai sơn. Nếu sơn thẳng tắp, nhọn sắc, nhỏ hẹp thì đây là nơi sơn mạch mất chủ sơn.

Nếu Lai mạch thuộc Âm, Đột lại đầy đặn, giữ được sinh khí, khí thế hùng vĩ thì có thể xây dựng lâu đài. Nếu cơ địa nhỏ hẹp thì chớ nên xây nhà cao.

Xây dựng phòng ốc tổn hại Lai Mạch thì vô cùng hung hiểm. Tả Hữu cũng vậy.

Hai bên nhà nhất định phải trống trải để biểu thị ý có dư đất mà không dùng hết.

Long mạch Lai Khứ thẳng tắp, cần có sự tương hỗ trước sau; Long mạch Hoành Lai, Hoành Khứ cần có tả hữu bao bọc; Chính Lai Tà Thụ ở xa cần có tổ sơn cùng hộ vệ thì tuy hư mà không giả; Tà Lai Chính Thụ; nơi gần có thân chi hộ tống thì tuy thuận mà không thuận. Nghịch Lai Thuận Thụ bao hàm và thu nạp khí mạch sở hữu; Thuận Lai Nghịch Thụ thì cần xét rõ hình thái Phong Nhiêu và Tiêu Giảm.

Lời cuối chúng tôi muốn đề cập tới việc tu tâm tích đức của người làm nghề địa lý. Phong thủy địa lý gia phải chọn lựa những chủ nhân có đạo đức, mà chủ nhân cũng cần chọn thầy địa lý thiện lương.

Cát địa rất khó tìm được. Chỉ tu tâm tích đức và nỗ lực học hỏi, nghiên cứu tìm kiếm mà thôi.

Chỉ có lòng thiện mà không cần thuật giỏi, thuật sẽ được lĩnh ngộ từ tâm thiện, nếu chỉ có thuật mà không có tâm, thì thuật sẽ diệt theo tâm.

THỦY LUẬN

Kinh viết : "Sơn mạch tụ kết hình thành là một thể thống nhất, phân tán ra trong muôn ngàn sự vật khác nhau; Thủy lưu tụ hội sinh thành, là từ vạn vật khác nhau quy kết dung hợp làm một thể thống nhất".

Do vậy khi bàn về sơn mạch thì ta thuận theo cách nói Chi mạch Can mạch. Nhất là Long mạch, nhị là huyệt vị, phân ra hai bên trái phải làm Thanh Long, Bạch Hổ, phân ra trước sau làm Chu Tước, Huyền Vũ sa sơn, từ đó lại phân ra La Tinh, Hãn Môn, Quỷ Diệu... sơn mạch phân tán, cần phải thu thập tụ kết khiến sinh khí của sơn tụ hội, do đó rất cần có thủy. Nên, tác dụng của thủy, biểu hiện mật thiết với Âm Dương, thị phi phúc họa cũng có liên hệ mật thiết. Một sơn mạch chạy dài cần có 2 thủy kèm sát hộ tống.

Thủy phân ly có nhiều nguyên nhân, hãy dùng một huyệt vị để nói, cứ 5 đốt tiết thì hình thành một tổ mạch, thống lĩnh Long Hổ, ứng tiếp Hãn Môn. La Tinh nhị diệu luôn cần tụ hội, thế gọi là cứ một cục Âm Dương thì có một giao độ lớn. Long mạch chuyển đi sinh thành một đốt tiết liền có hai vây, đó là Thủy hội hợp mà sinh ra một đốt Long mạch. Sinh đến huyệt tinh, Tinh Đầu và Tinh Cước là một phân một hợp. Một Thanh Long một Bạch Hổ tất nhiên có giới thủy đi cùng. Phàm các sơn mạch mà ta thấy được cũng luôn có Thủy làm ranh giới đi cùng. Thế gọi là nhất sơn nhị thủy. Thủy cuồn cuộn chảy tới, do vậy mà có minh đường để thu nạp Lai Thủy của Nhất Cục, tức là thu nạp nguồn thủy của các núi. Còn Đường Thủy chính là thủy được các khí tụ hội hình thành nên vậy.

SƠN TỔ NHÂN TỐ

Từ đời ông cố kéo dài đến đời cháu chắt được gọi là Ngũ thế (năm đời). Sau ngũ thế, tình thân chấm dứt mà phúc đức

cạn kiệt. Do đó trong địa lý, người ta lấy cứ 5 đốt tiết làm thành một huyệt, một huyệt lấy 5 đốt tiết làm một tổ, phúc đức cùng qua 5 đời thì hết.

Song thi hài mai táng truyền đi 5 đời thì thành tổ của một chi. Mà sơn mạch mai táng tổ tông cần phải hợp thành một thể với thi hài để mai táng, do đó cũng có thể gọi là Tổ Sơn. Như vậy tổ tông của sơn mạch đóng trong 5 đốt tiết, ở phía dưới nơi dừng lại; mà tổ tông của người đóng ở nơi bắt đầu của Ngũ thế ở phía dưới nơi dừng lại. Nơi kết thúc của Tổ Sơn và Tổ nhân đã khác nhau thì dựa vào đâu để chiêm nghiệm phúc họa ?

Quan sát kỹ và thông hiểu sự hội hợp thì sẽ thấy. Tại sơn mạch thì lấy khí, khi sơn mạch hình thành, nó đã chuẩn bị đầy đủ, và cùng dung hợp hội tụ, liên tiếp quán xuyến, thông suốt từ nơi khởi đầu cho tới nơi kết thúc của 5 đốt tiết. Khi mai táng hài cốt thì lấy một đốt tiết đầu tiên của sơn mạch làm mộ huyệt. Nếu rút sinh khí của một tiết trong đó thì khí mạch 5 tiết sẽ xuyên suốt và đều hội tụ tại đây, từ đời cố đến đời chất. Thị hài của tổ tông sau 5 đời không ai còn thấy nữa. Thi hài đó phụ thuộc vào một đốt tiết trên sơn mạch, sinh khí của 5 tiết hạn chế trong hình tượng của một tiết cố định, nó chỉ rõ tinh tú và địa mạch nào thì sản sinh ra nhân vật và phúc đức ấy, một đời người ứng vào một tiết mà tồn tại. Cứ một đời thì lùi về sau một tiết, khi lùi đến tiết thứ 5 thì sinh khí của 5 tiết cũng cạn kiệt.

ĐỊA LÝ ĐẠI TOÀN TẬP YẾU

Quyển 7

Biên soạn : Ngụy Lý Hứa Tử Viễn Đạm Viên

Chú thích : Nam Vinh Cữu Nhất Quả Am

Đính chính : Tôn Ái Tải Ung

NGỌC XÍCH KINH

THẨM THẾ

Vô vàn tinh tú phân bố trên bầu trời, vô số sơn thủy sắp xếp dưới mặt đất. Ngẩng đầu quan sát sự bố trí của tinh tú, thì thấy vô vàn tinh tú kết hợp bảo vệ; cúi xuống nhìn Lai Long Khứ Mạch của sông núi mới biết được diện mạo của bình nguyên đại địa.

Bầu trời hình thành các loại tinh tú, cũng như mặt đất hình thành các loại sông núi. Khắp nơi trong trời đất đều có cùng một loại khí, mà sông núi cùng ứng hợp với tinh tú, đều do tác dụng và biểu hiện của loại khí đồng nhất này.

Vô số sơn mạch trên mặt đất đều liên tiếp quán xuyến lẫn nhau, cùng khởi nguồn tại sơn mạch Côn Luân, cùng bắt đầu từ sơn mạch tổ tông đồng thời phân tán ra 4 phương 8 cực mà đi.

Tám cực tức là chỉ Bát Quái (tám quẻ).

Càn, Khôn, Khảm, Ly, Đoài quy tụ về khu vực tận cùng, thông về hướng Tây tới sa mạc mênh mông; Cấn, Tốn, Chấn liên tiếp với nhau tiến vào Trung Nguyên mà hình thành hình thế của Ngũ Nhạc.

Ngũ Nhạc là bộ phận tối trọng yếu trong toàn bộ sơn mạch của Trung Quốc.

Lấy Hoàng Hà làm giới hạn khu vực Tây Bắc, Sửu, Cấn hình thành Long mạch cuồn cuộn; lấy Trường Giang làm giới hạn khu vực Đông Nam, Tốn, Thìn hình thành Tổ sơn kéo dài trùng điệp. Chỉ có Dần, Giáp, Mão, Ất hình thành Long mạch mới có thể thành nền tảng trụ cột cho trung lưu Trường Giang. Phân ra Núi cao và bình nguyên bằng phẳng cùng ứng hợp lẫn nhau, hỗ trợ lẫn nhau như xương và thịt. Thịt bọc bên ngoài xương, huyết mạch chạy trong da thịt. Nếu thấy rõ tình hình huyết mạch lưu động thì có thể biết được da thịt có tươi tốt hay không.

Khí mạch nơi đồng bằng đều có nguồn gốc tại núi cao. Sơn Loan từ phía Đông duỗi dài tới thì khí của thổ mạch cũng xuất hiện tùy vào sự lưu động của sơn mạch. Sơn mạch chạy nhanh tới, thủy tùy theo sơn, thủy tựa như huyết mạch chảy trong da thịt mà khí của địa mạch chính là da thịt vậy. Thổ không có thủy thì không tốt tươi, vì vậy Long mạch nhất định phải có thủy tùy tòng mới vận hành được. Khí mạch vận hành dưới mặt đất cũng giống như thủy lưu trên mặt đất. Thủy chính là dấu vết và biểu hiện của khí. Nếu Thủy lưu động về hướng Đông thì sơn khí ắt sẽ đi về phía Đông. Long mạch vận hành, thủy tự sẻ theo cùng, kỳ thực là nói sơn khí vận hành mà thủy sẽ đi theo.

Rất nhiều sông nước chảy về phía Đông Bắc, Hà Khí của Khôn, Thân mới sinh thành; rất nhiều thủy lưu động về hướng Chấn, Thìn thì Long mạch của Càn, Hợi mới thanh tú. Giáp, Mão hình thành Thai chẳng phải nhờ vào khí, của Tân, Dậu ư ? Ngọ, Đinh sinh sôi bất tận chẳng phải nhờ vào Linh Khí của Khảm Quý đó sao ?

Long mạch quý tại nghịch hướng chuyển hồi, cần quay đầu nhìn lại tổ tông sơn mạch; song không hề xuất hiện trường hợp Long khắc phạm Tổ sơn mà hình thành Chân huyệt.

Quan sát kỹ nơi thủy tụ hội mới phân rõ Thư Hùng. Nếu thủy không tụ hội thì Long mạch không kết thúc, nếu Long mạch

không ngưng kết, thì khí tức đang vận hành không có chỗ ngưng tụ.

Cần làm rõ đầu và đuôi của Long mạch chạy dài vạn dặm trên bình nguyên.

Bình Nguyên bao la, dù xa vạn dặm cũng phải tìm ra nơi khởi nguồn và kết thúc của Thủy. Quan sát kỹ đường đi của Thủy và nhận biết rõ tình hình giao kết tụ hội của Thủy, như vậy sẽ tự nhiên phát hiện ra Chân huyệt.

Dù Long quay đầu nhìn về tổ mạch cũng không thoát rời Phụ mẫu sơn cầu sinh khí.

Câu nói này muốn chỉ Long thành Thai tại Giáp, Mão.

Long thuận thủy mà đến nghịch Hướng mà kết huyệt mới có thể biết sự chân thực về thể đoạn của nó. Nếu Long nghịch thủy mà tụ kết ở phía sau, thì nhất định là địa mạch giả.

Nơi Long mạch quay đầu nhìn về tổ sơn, sa sơn không đến từ nơi nó sinh ra. Nếu sa sơn Nghịch Bối thủy thế lưu động thẳng ra, giao hội về phía sau lưng thì nó không phải là địa mạch chân thực.

Nếu Long tựa như trải thảm trên bình nguyên thì cần nhận biết nơi nó tụ hợp; nếu Long như đang giương hai mắt thì cần quan sát nơi nó dừng lại tụ kết.

Nếu Chân Long kết tụ thành Chân huyệt thì nơi sinh khí của Long mạch giao hội ắt có chính mạch hạ thẳng xuống, Thủy phân ra hai bên trái phải, có Nhất Trùng, Nhị Trùng, song song tiến tới Minh Đường thu nạp khí. Nơi như vậy mới được xem là địa mạch chân thực.

THẨM KHÍ

Long chia Ba Tám (tam bát), khí thuộc Ngũ Hành. Xác định đạo lý tiêu trưởng của âm dương thì biết rõ nguyên nhân của hưu

tù vượng tướng. Vì thế, Nhâm, Quý phải đến từ Đoài Canh mới hình thành thể trạng hoàn chỉnh.

Theo Sinh về Vượng, Tú Khí (khí đẹp) mới viên mãn.

Khảm thủy triều nghênh, nghịch Dần, Mão được gọi là thần thống lĩnh khí tức.

Thủy mộc tương sinh, mới có được Tú Khí. Vì thế mới nói Long mạch thịnh vượng tiếp nhận Sinh Khí mà kết thành cát địa.

Tam Dương giao thái, Chấn tinh xuất hiện. Bính, Ngọ, Đinh là đất của tam Dương.

Tổ mạch bắt nguồn từ phương Chấn, qui tụ về Ly tức là bắt đầu xuất phát từ nơi Tràng sinh hưng thịnh. Tứ Phục nổi giận, Thiên Cương Thực Khí chỉ tai họa.

Thìn Tuất Sửu Mùi là nơi bốn Kim ẩn tàng, Ngũ Long kinh sợ, là nơi vượng địa của Thiên Cương. Người ta không thể sinh sống ở nơi này được. Phàm Long nhập thủ, phạm khắc 4 Kim thì ắt chuốc lấy tai họa.

Kim vào đất Hỏa, tự hủy diệt mình; Mộc vào cung Kim, tự nguy tính mạng.

Long không thể rời thoát sinh khí của Phụ Mẫu. Đoài đến Ly, Chấn đến Đoài là tương khắc, đây không phải là Chân huyệt.

Hỏa Long sợ gặp Đoài Canh; tới Bắc Thìn thì tự hủy mình, đến Đông Chấn gặp tai họa, nếu Đông Chấn gặp Tây Đoài thì hại tới quỉ thần.

Long mạch đẹp đẽ vận hành, nhập thủ bị khắc phạm thì không hợp cục.

Dương Long đi sang trái từ Sinh tới Vượng; Âm Long xoay qua Phải, từ Vượng đến Sinh. Hợp Lai mạch thừa tiếp Sinh Vượng khí, kỵ Long mạch vào đất Tử Mộ. Long mạch kết thúc tại Suy, có Vượng Thủy tụ hợp thì tài sản dồi dào; có Sinh thần kết tụ thì nhiều gia nhân.

Long mạch chạy đến, nhập thủ nơi khí suy yếu, nếu có được Quan Vượng thủy tụ hội trước Đường Cục thì dù Long huyệt hung sát nhưng khí vẫn thuần khiết, vì thế có thể phát tài, phúc. Nếu được Tràng Sinh thủy chạy tới Đường Cục thì gia nghiệp hưng vượng. Long là Thể, Thủy là Dụng. Nếu Thủy tốt lành thì có thể cứu vãn cho Long; nhưng Long thì không thể cứu cho Thủy.

Quí nhất là có Song Hưng cùng đến.

Nếu có được Long mạch Sinh Vượng, tiếp đó lại có được Thủy sinh vượng tiến tới Đường Cục, thế gọi là Song Tinh đồng sinh. Nếu Long và Thủy không thể lưỡng toàn thì phải dùng hướng để thu nạp. Song Hưng là chỉ Sinh Vượng vậy.

Nhâm hóa Quý, Quý hóa Nhâm, Thủy và Long cùng lợi dụng nhau mà tự nhiên sinh Thần; Đinh hóa Bính, Bính hóa Đinh, Hỏa và Khí mạch cùng tồn tại mà không sinh hung họa; Hợi Long kỵ hỗn tạp. Càn Nhâm viên mãn lưu thông. Tốn sợ Liêm Trinh đến Thìn Tị, chỉ muốn bước đi cô độc. Nếu nó đi thẳng tắp thì hung, uốn lượn thì cát.

Đoạn này muốn nói Hợi, Tốn khi đi thẳng, hợp với thế uốn lượn.

Dần, Giáp, Cấn không cùng đến thì Dậu, Canh, Tân mới đi cùng. Nếu Càn, Khôn sắp tới, dù nhà cửa đang phát phúc lộc, song kết cục vẫn lụn bại. Nếu Thìn, Tuất Long nhập thủ, dù thuận lợi phát đạt, nhưng kết cục con cháu đời đời bần hàn.

Vì vậy, muốn làm rõ phương hướng, xác định vị trí, cần nghiên cứu sự thịnh suy lên xuống của 24 sơn; muốn lập huyệt, xác định Triều sơn, Nghênh sơn thì phải quan sát cát hung họa phúc của 72 Long.

THẨM LONG

Sa sơn bước đi, có thủy phò trợ, Sa và Thủy giao hội quấn quít, thuận cùng. Sa sơn vòng về, Thủy vây quanh, ắt sẽ phát quí.

Thủy và sơn có quan hệ mật thiết với nhau. Thủy chảy đi, khí cũng theo thủy mà lưu động, thủy dừng thì khí dừng theo. Thủy bao bọc hộ tống bên ngoài thì khí ất tụ hội thu nạp ở trong Minh Đường. Sa Thủy bốn phía tự nhiên quay đầu trở về, bao bọc tựa thần dân triều kiến quân vương thì chủ sang quí.

Long mạch chân chính khi mới bước đi tựa vạn mã cuồng bôn, khí thế hùng vĩ. Sa sơn đến tựa sóng trào. Thủy tới tụ kết. Sa và Thủy cùng bao bọc, theo cùng mà đi.

Long mạch chân chính bước đi khi không thể không đi, dừng lại khi không thể không dừng.

Nếu biết rõ nơi Thủy giao hội, sa sơn tập kết thì sẽ thấy được nơi Chân Long Nhập Thủ. Thế đi của Thủy cuồn cuộn tựa như đang tuôn ra bể lớn.

Đoạn này nói về Thủy chảy đi mà không giao hội.

Nếu Thủy chảy khắp nơi mà không kết tụ, thì Long mạch đi mãi không dừng.

Thủy chảy thì Long đi, Thủy quy tụ thì Long dừng.

Sa phân tán mà không quay về, thì sinh khí không kết tụ, vẫn đi mãi.

Nhiều sa sơn quay mặt ra ngoài, khí mạch của nó chạy mãi không ngừng và không thu nạp lại.

Dù có môn hộ và cục diện rộng lớn, sáng sủa, song Thủy đi mãi, phúc không trường tồn.

Đoạn này nói rằng Thủy cứ đi mãi thì phúc lộc không thể tồn tại lâu dài dù có Chân Long.

Dù Long tích tụ Thủy thành quan ải, cũng chỉ là chặn lưng cất khí mà thôi.

Câu này ý nói nếu không phải là chính Long thì đây chỉ là nơi sinh khí tích tụ mà thôi.

Nếu Trường sa tựa chiếc chiếu trải rộng thì cần chọn một tiết sa sơn ở gần chi lưu; nếu sa sơn như tấm thảm mở rộng, thì

nên cầu sơn ứng hợp hoàn mỹ; Long mạch nổi lên có hung có cát, Thủy từ trên xuống có trong có đục.

Khảm Ly cùng tụ hội đến vô cùng thì không phân dày mỏng, Quí Long thừa tiếp Khí Khảm thì hữu dụng, Khôn Mẫu thừa tiếp thì không thuần khiết. Vì vậy, Âm, Dương, Lão, Nguyên tứ mộ, nhất định ẩn tàng trong Kim Dần.

THẨM HƯỚNG

Ly về Nhâm Quý, Quý đến Nam Ly. Nếu Khảm gặp Đinh Khôn thì sang quý, nếu Bính gặp Tân, Cấn thì cát. Canh hợp Chấn, Khôn gặp Quý hợp với Cấn, Tân, Hợi. Bính, Tốn, Nhâm là hướng Hợi Long cần theo; Đoài, Đinh, Mộc là chính phối, gặp Hợi, Cấn thì phú quý vinh hoa. Chấn Canh gặp Tân, Hợi thì văn võ song toàn. Tốn gặp Tân, Tân gặp Tốn, cùng hỗ trợ lẫn nhau; Cấn sinh Nhâm, Nhâm sinh Cấn Bính thì đại cát. Nếu Thiên Thị ngộ Canh thời sẽ có văn võ kỳ tài, thiếu nam phát phú quí, phúc tộc song toàn.

Đoạn này nói về việc lựa chọn huyệt vị, xác định hướng đều tùy theo Quái Khí hỗ tương tác dụng. Nếu Quái Khí không hoàn chỉnh thì cần dùng Tam Hợp, Ngũ Hành, Song sơn để nạp âm cho bổn sơn. Nếu bổn sơn không cùng ứng hợp, thì dùng Song Sơn, Tam Hợp nạp âm cho Hướng.

Long hoặc thần sát dài ngắn không đều, Sa sơn và thủy lưu hoặc ẩn hoặc hiện, cao thấp khác nhau.

Như sự ứng nghiệm mau chóng của Lộc Mã, Quý Nhân thì Thôi Quan, Sinh Khí tựa sấm nổ chủ phát phúc, lộc.

Sơn mạch là Thể, Thủy là Dụng, đều sinh thành từ một khí thống nhất. Dụng thuộc Dương, Thể thuộc Âm, Động tĩnh lấy đó mà hiển hiện. Vì thế ứng hợp thu được khí Sinh Vượng thì Phú quí song toàn, phúc lộc trường tồn.

Dương Âm vốn không có sự khác nhau về Sinh Vượng cùng Thể Dụng. Nơi Long phát nguồn và nhập thủ cần quan sát

vị trí và lập hướng cụ thể, căn cứ vào sự xoay sang trái hay phải để xác định có Sinh Vượng hay không.

Sơn và Thủy vốn cùng một nguồn, sau khi gặp Tam Hợp thì tốt lành.

Sơn và thủy vốn cùng một nguồn, đều cần thu được khí Sinh Vượng. Nếu muốn thu nạp khí Sinh Vượng bên dưới Tọa Hướng của Long mạch thì nên dùng Tam Hợp với trạch cục, chủ gia nhân đông đúc, con cháu đầy nhà; Thu nạp Thủy hợp với Trạch cục chủ tài lộc dồi dào.

Phàm huyệt vị của Long quí hay hung đều tùy vào tình hình cụ thể của Thủy.

Huyệt vị vốn không có phân biệt thiện ác, chỉ có Thủy mới phân mà thôi; Thủy vốn cũng không phân cát hung, mà là Hướng phân ra thiện ác. Sa sơn cát hay hung thì dựa vào Long mạch, Thủy cát hay hung thì nhờ vào Hướng. Như vậy Hướng là chúa tể của Ngũ Hành Sinh Vượng, phát đạt hay lụn bại. Nếu hướng không hợp thì Sa và Thủy đều hung.

Nếu Long mạch tốt lành mà Thủy hung ác thì tai họa liên miên; Dù huyệt hung song Thủy cát thì phúc lộc vẫn dồi dào.

Kinh Thư viết : "Tuy có Thủy tuyệt diệt, song không có Địa mạch tuyệt diệt; Tuy không có Thủy lưu tuyệt diệt song lại có thủy hướng tuyệt diệt".

Muốn biết tọa huyệt cát hay hung, cần xem sự ra vào của Thủy thần.

Chọn huyệt cần lấy lưu thủy làm chủ, lấy hướng của thủy làm chuyên, tuyệt đối không để thủy xung với Tử Tuyệt Hưu Tù.

Nếu Thủy đến từ chỗ cát mà quy về nơi hung thì có ai biết cách tránh; nếu lưu thủy đến từ nơi hung mà quy về chỗ cát, thì ai có thể biết cách cầu theo cát lợi ?

Nguồn đến thuộc phương Sinh mà quy tụ về Vượng hoặc đến thuộc Vượng về thuộc Sinh thì gọi là đến từ cát mà về

hung. Lao đến từ dất Tử Tuyệt mà từ Tử Tuyệt chảy đi, hoặc tới nơi Thai, Mộc mà rời nơi Tử, Tuyệt đều gọi là đến từ hung mà quay về cát. Cách tránh hung về cát thuộc về việc điểm huyệt, xác định hướng của Thủy, Thủy thế tiêu nạp.

Nếu chỉ thiên về đối ứng chỉnh tề mà bỏ mất quan vị thì Quan quí sẽ hóa thành Quỷ Sát.

Nếu cục cách ngay ngắn, đối xứng tề chỉnh, song thủy hướng không phù hợp khiến Sa sơn và thủy lưu hãm vào Tử địa thì Quan quý của Long sẽ biến thành Quỷ Sát khiến tài lộc lụn bại, gia nhân giảm thiểu.

Triều và Nghênh Thủy thần thay đổi chuyển dịch, xác định thủy hướng khi được khi không, khiến cát và hung tự khu biệt. Long mạch, huyệt vị, sa sơn, thủy lưu vốn không phân cát, hung mà vẫn mang tới phú quý, bần tiện, phúc họa, đó là vì có hướng vậy. Hướng có thể biến hung thành cát. Do vậy, nếu phương hướng của Long mạch có thể đổi thì nên đổi, không cần thay đổi địa mạch, chuyển dịch huyệt vị.

Thần còn Quỷ mất, phúc đến mau chóng; hung sát, bức thân, bần tiện khó tránh. Cần quan sát khí Hưu Tù Vượng tướng.

Dù nói gì thì nói, đoạn này vẫn có ý dùng Hướng để tránh hung trừ họa. Tóm lại, nếu thu được một hướng cát thì vạn sự hanh thông.

Tú thủy chào đón, phú quí song toàn, đáng theo thì theo; Thủy Hưu, Tù, Bối, Nghịch sinh họa, cần tránh thì tránh.

Lập hướng có lưu thủy đến từ nơi Sinh Vượng thì phú quý tự nhiên tới; nếu chọn huyệt mà mất thủy Sinh Vượng thì sinh họa.

Nếu Thủy xung phá Sinh thì họa đang kề cận, nếu Thủy xung phá Vượng thì suy vong tới gần.

Đoạn này nói về cách theo cát tránh hung.

Câu phú quí theo Quái Liệt, tổ tông theo nạp giáp.

Quái Liệt là Càn, Khôn, Đinh, Canh, Giáp, Quý, Nhâm, Ất, Cấn, Bính, Tân. Tam hợp dùng nạp giáp chỉ có cách lập

Thủy hướng để tiêu trừ thủy mới hợp với Tam Hợp. Tứ mộ Ất, Tân, Đinh, Quý là Thiên Can Thủy cần lưu động cùng Long và Huyệt, không nên để hướng đối diện với Khứ Thủy. Ất, Tân, Đinh, Quí phải chính đối với Khứ Thủy, hai bên trái phải tự nhiên có Sinh Vượng thủy tới diệt trừ sát khí.

Dù Bát Sát Hoàng Tuyền có thể diệt trừ Ác tinh, song Quái Liệt đóng ở Phương Sinh Vượng thì không như vậy. Dù thủy thần của sinh huyệt đảo hướng sang trái mà tuyệt diệt, song thủy thần của Vượng Long lại không hiềm từ trái đảo hướng qua phải, lúc này xu hướng gần phương Sinh Dưỡng. Do đó, xác lập thủy và hướng có ứng nghiệm cát hung; mà nhận biết sơn mạch, tiêu trừ sát khí thì có ứng nghiệm mau chóng.

Đoạn này bàn về việc xác lập thủy hướng để xem Long có cát hay hung. Sa sơn, thủy lưu không phân cát hung mà căn cứ vào hướng để định, hướng lại dựa vào khí mạch cát hay hung để xác định. Khí tới mà phủ khắp là Thần khí, ngược lại là Quỉ khí. Quỉ khí và Thần khí vận hành không ngừng, sinh thành Âm Dương, cát hung họa phúc.

Tứ Sinh, Tam hợp là thiên cơ huyền diệu.

Xác định Long mạch, huyệt vị, phương hướng cần quan sát Thủy Khẩu. Phải có Tam Hợp sinh vượng, mà Kim, Mộc, Thủy, Hỏa tự hình thành, Thủy Khẩu ứng hợp cùng Mộ Khố lưu động.

Song sơn, Ngũ Hành đều là bí quyết.

Tràng Sinh thủy qui về Đường cục, đặt Mộ Tuyệt thủy chảy đi là Song sơn. Tứ cục hoàn chỉnh, phúc lộc cùng tới. Công vị ngay ngắn thì ất là nơi khí mạch viên mãn.

TẠO VI PHÚ

Thái cực phân mà Lưỡng Nghi hình thành, hai khí âm dương phân bố thì thuận nghịch hành.

Ngọ suy tại Mùi, bệnh tại Thân, tử tại Dậu, táng tại Tuất, Tuất là phần mộ của Bính, cũng là gốc diệt của dương Hỏa, gốc sinh của âm Thủy. Bính dùng Ất cùng hội tụ vì Ất sinh tại Ngọ, Mộc Dục và Quan đới Lâm Quan ở Thìn, Đế Vượng ở Mão.

Dần suy tại Sửu, Bệnh tại Tý, Tử tại Hợi, Táng tại Tuất nên Tuất là phần mộ của Ất. Bính Ất gặp nhau thành Thư Hùng tụ hội.

Càn, Giáp, Đinh, Hợi, Mão, Mùi là 6 cục âm; Cấn, Bính, Tân, Dần. Ngọ, Tuất là 6 cục dương. 12 Long hướng thủy pháp cùng một cửa ải.

Còn Tân phối hợp với Nhâm là cục Dương Kim; Nhâm phối Tân là Dương thủy cục, 12 Long hướng thủy pháp đều xuất phát tại Thìn. Canh phối Đinh là Dương Kim cục; Đinh phối Canh là Dương Hỏa cục. 12 Long hướng thủy pháp xuất phát tại Sửu. Quý phối giáp là Âm Thủy cục; Giáp phối Quý là Dương Mộc cục. 12 Long hướng thủy pháp xuất phát tại đây.

Long mạch có 48 Long hợp hướng và còn có 48 Long không hợp hướng. Chỉ có Long mạch, mà hướng không hợp thì cũng vô dụng.

Ất, Tân, Đinh, Quý cần hợp với Giáp, Canh, Bính, Nhâm, Ất, Bính tới Tuất thì bị diệt.

Nếu gặp Âm Dương, lại không cùng một loại, gọi là Dương sai.

Nếu Long mạch Ất Mộc dùng khí Bính để cùng phối hợp thì là Âm Dương chính phối. Thủy lưu động tại Bính, Tuất thì cùng gặp. Nếu cùng Thủy Khẩu Canh Nhâm tương hợp thì không phải là chính phối, nên gọi là Dương Sai, chủ thương tổn tới nam nhân. Nếu Bính Hỏa Long dùng Ất khí để phối hợp thì đó là chính phối, mà thủy xuất phát từ Tuất. Nếu phối hợp với Thủy Khẩu Quý Nhâm thì khác biệt về loại, gọi là Âm Sai, chủ tổn hại tới nữ nhân.

Thư Hùng cùng đường cũng chỉ là miễn cưỡng ứng hợp; Anh em một nhà dù suy yếu song lại hữu dụng.

Nếu Bính Ất cùng gặp, thì là Thư Hùng phối hợp; Bính phối với Bính, Ất phối với Ất là anh em một nhà, dù Lai Khứ suy nhược, song phú quí vẫn tới.

Nếu Bính Long gặp Ất hướng, tiếp đến gặp Đinh Quý Thủy Khẩu xuất phát thì đây chính là Thư gặp Hùng. Dù có sa Thủy cát cũng ít hữu dụng, dù là chính phối song phát phúc rất chậm. Chủ về việc hay đến muộn, con đầu lòng không tốt, con thứ mới phát đạt.

Nhị nữ đồng cư, thuần Âm không cùng phối hợp. Nhị nam đồng cư, thuần Dương không thể sinh sôi.

Âm thủy Long phải có dương Hỏa, nếu lại có âm, Thủy, Kim, Hỏa thì lại là âm phối với âm, hai nữ chung nhà chỉ thuần âm thì không phát triển; Dương Hỏa Long cần có âm Mộc, nếu lại gặp dương Mộc, Kim, Thủy, thì lại là dương hợp phối với dương, là hai nam cùng nhà, thuần dương thì không sinh sôi.

Nếu âm và dương giao hội quá độ thì hại, mà giao hội không đủ thì yếu.

Nếu Long Âm Mộc gặp Dương Hỏa thì cần có Thủy chảy từ Dần tới Tuất. Song nó lại tới Hợi thì đây là gọi là giao hội quá độ, chủ sinh khí phát tán khiến tài lộc lụn bại, gặp phải tai họa, sinh ra hạng người tà ác. Còn nếu thủy chạy qua Tuất lên tới Dậu, Thân, Mùi thì gọi là giao hội không đủ mà thủy xung phá khí Sinh Vượng, chủ khắc vợ hại con, cuối đời lụn bại. Dù Sa và Thủy cát lợi, song phúc lộc không bền.

Thịnh Suy quan hệ với Hình Ứng.

Dương dùng âm để ứng hợp, âm dùng dương để triều đối. Hình dùng khí để phát, từ đây có thể thấy Long hướng có sinh phú quí hay không là đều nhờ vào Thủy Thần hợp với phép tắc mà cùng hợp.

Long dương mà Thủy âm hoặc Thủy dương mà Long âm, âm Dương hội hợp thì khí cảm mà Quỷ ứng, phúc họa bất đầu sinh sôi. Nếu Huyệt thừa tiếp sinh khí thì Hình và khí cùng ứng hợp. Âm dương đã giao hội song không hợp hướng thì là

hướng và khí không cùng ứng mà suy bại; nếu hướng tiếp nhận sinh khí thì tốt. Đoạn này bàn về Long thừa tiếp sinh khí để lập hướng.

Tiến về bên trái là từ Tí tiến vào; mà sang phải thì từ Tí chuyển đi.

Đoạn này bàn về sự phân bố sinh khí để biết thịnh suy, cách xác định huyệt để cầu phú quý. Nếu đã rõ hướng thì sẽ rõ thủy thần có sinh vượng hay không. Vì vậy, Dương chuyển sang trái, bắt đầu đi từ Hợi, Tí, Sửu; Âm chuyển sang phải, bắt đầu tiến từ Tí, Hợi, Tuất.

Sinh Vượng tương hỗ, Huyền khiếu quán thông.

Nếu Ất Bính gặp Ất Mộc thì sinh thành Ngọ; Vượng Dần gặp Bính Hỏa thì sinh Dần; Nơi Vượng Ngọ gặp Ất Mộc sinh thành, cũng là nơi Bính Hỏa. Ất cùng giao hội với Bính, vì thế mà nói Sinh Vượng tương hỗ. Bính Mộ tại Tuất cũng tương đồng. Ất Mộ tại Tuất, đó là Huyền khiếu quán thông. Bính Mộc lấy Tuất làm Thủy khẩu. Khi táng tại Mộc Long, Sinh khí tại Ngọ thì dùng Bính hướng, Sinh khí tại Dần Tuất sinh ra thủy, chủ phát phú quý.

Chỉ cần đối ngẫu mà không cần huynh đệ.

Ất, Bính, Đinh, Canh, Quý, Giáp, Tân, Nhâm đều cùng ứng hợp đối ngẫu mà thành. Nếu Ất Mộc Long gặp Giáp Mộc hướng, Tân Kim Long gặp Canh Kim hướng... thì Giáp Ất Canh Tân đều là huynh đệ đồng khí, dù là Âm gặp Dương, cũng không tốt.

Thiên Quan là nguồn khởi phát của tài lộc, Địa trục khiến gia nhân đông đúc.

Nơi Thủy Thần bắt nguồn gọi là Thiên Quan; nơi thủy thần phát lưu là Địa Trục. Nếu thủy chảy đến dài thì tài lộc phong phú; thủy chảy đi hợp phép tắc mà quy tụ về Suy Mộ thì gia nhân đông đúc.

Long mạch và Thủy giao hội khiến âm dương gặp nhau.

Nếu Sinh Vượng Thủy tới được Minh Đường thì Sinh Thủy khiến gia nhân đầy nhà, Vượng Thủy khiến tài lộc sung túc. Âm dương bối nghịch, Hướng khó thu nạp thì tài lộc hao tán, gia nhân giảm thiểu, do vậy cần xác lập Huyền Không ngũ hành cùng Tiến Thoái để trừ họa. Chọn sinh nhập khắc nhập là cát. Sinh xuất khắc xuất là Hung. Nếu Lai Thủy hợp phép tắc thì phú quý trường tồn; nếu Khứ thủy hợp phép tắc thì gia nhân đông đúc.

Ngũ hành kỳ thực không có liên hệ gì với Long, chỉ cần quan sát thủy lộ (đường thủy) là biết rõ cát hung họa phúc.

Ngũ hành không liên hệ với Long mà chỉ dùng trong việc lập huyệt, lập hướng và xác định Lai, Khứ Thủy để tìm Sinh và Khắc.

Quay về tự thân, bao bọc tự thân là Quan là Phụ.

Khắc nhập là Quan, Sinh nhập là Phụ. Phàm ngũ hành vận hành khí cần chọn tương sinh mà kỵ tương khắc. Ở đây lại chọn khắc nhập là vì thủy từ nơi khác tới cùng hội hợp với bản Long.

Nếu Long tĩnh mà chuyên nhất thì khi sinh xuất khắc xuất nó sẽ vận động. Thủy lưu động, thẳng tắp khi sinh nhập khắc nhập thì dừng lại.

THIÊN CƠ PHÚ

Muốn tìm kiếm Long mạch, trước hết phải quan sát sự thịnh suy của Long mạch, sau đó xem xét cát hung của hướng thủy, thứ đến nhận biết tình hình chiếu ứng phối hợp của Âm Dương.

Thuận thế và nghịch thế tự có tình trạng Âm Dương vận hành riêng, nó dùng để quan sát Sinh Vượng và Hưu Tù. Phương pháp đón nhận cát lợi đều dùng hướng để tiêu nạp. Nếu

Thủy ở phương Sinh thì dùng hướng để dẫn dụ nó. Nếu Thủy ở phương Vượng thì dùng Hướng mà chào mời nó.

Sinh Vượng Mộ cùng hợp thì Công vị lập tức phân thành 12 cung phối hợp ngũ hành, sau đó mới xác định được Tham Lang, Vũ Khúc, Phá Quân.

Tràng Sinh là Tham Lang, Quan Vượng là Vũ Khúc, Mộ Khố là Phá Quân, đều hợp với 3 Công vị Mạnh, Trọng, Quí để phân biệt.

Gia nhân thì xem Tràng Sinh, tài lộc căn cứ Quan Vượng. Nếu Sinh thủy tới Đường cục thì gia nhân đầy nhà, mà Vượng thủy quy tụ tại Đường cục thì tài lộc dồi dào. [illegible] muốn phú quý thì bỏ Vượng, nếu muốn con cháu đầy nhà thì bỏ Sinh.

Phương pháp xác định Thủy Khẩu, trước tiên phải lấy Thủy Khẩu làm chủ, sau mới xem Lai Thủy thuộc Sinh hay Vượng. Cách này không dùng địa mạch mà căn cứ vào Lai, Khứ Thủy cùng Hướng Bối để xác định và chọn huyệt. Song nếu có Địa mạch cát mà hướng không hợp thủy thì không thể phát phú quý.

Nếu Phá Quân xâm phạm Đế Vượng thì bần hàn cơ cực; Thiên Cương khắc Tham Lang vị thì tuyệt hậu.

Nếu Thủy ở phương Mộ nghịch lưu tới Đường cục xung phá Quan Vượng thì chủ bần tiện, xung phá Tràng sinh thì phú quý suy bại; Nếu Vượng nghênh đón Sinh thì phú quý song toàn. Khi chưa thoát Thai mà đã chết yểu, thường là vì Thai Thần bị xung phá; vừa xuất hiện mà đã chết, là vì Sinh khí bị phá. Nếu Tham Lang xung khắc Thiên Cương thì sống lâu trăm tuổi, mà Phá sát xung khắc Sinh khí thì đại hung.

Thủy của Sinh đến Đường cục, tới thẳng Mộ khố rồi mới thong thả rời đi thì chủ con cháu được hưởng phúc thọ; Nếu Mộ Sát Thủy tới xung phá Sinh Vượng khí thì con cháu yểu chiết.

Nếu sinh khí bị tổn thương thì dù có con cháu cũng chỉ biết mẹ mà không rõ cha nó là ai; Nếu Vượng thần rơi vào phương Mộc Dục thì dù ở chức vị cao cũng là kẻ hạ tiện.

Nếu Tí Ngọ Mão Dậu thủy ở trong Long hướng Mộc Dục tới phương Sinh mới rời đi thì con cháu loạn luân; nếu Long hướng Mộc Dục tới phương Vượng mới đi thì dù giàu sang tới đâu, thanh danh cũng bị ô nhục. Nếu Dương Sai thì khắc phu mà Âm Thố thì khắc thê.

Nếu Thư Hùng nửa đường kết hợp thì về già mới hưởng phú quý.

Ba phương vị Sinh Vượng Mộ phối hợp với Mạnh Trọng Quí dùng để luận đoán cát hung. Sinh thủy tới trước, thì trưởng nam phát đạt trước. Vượng thủy tới trước thì thứ nam vinh hiển trước. Ngoài ra Sinh Thủy khiến con cháu phát trước mà Vượng Thủy khiến tài lộc phát trước, đây là ứng hợp hoàn cấp (mau chậm), tiền hậu (trước sau).

Mạnh vị đóng ở Tham Lang, Sinh Dưỡng tương đồng với Thai, Mộc; Trọng cư tại Vũ Khúc, Quan Lâm và Suy Vượng giống nhau; Quý thuộc Phá Quân Hưu Phế, Mộ Sát.

Nếu Sinh Thủy xuyên tới Thiên Cương thì trưởng nam vinh hiển; Vượng thần quy tụ nơi Mộ địa thì con thứ phát đạt.

Nếu Sinh Vượng cùng quy tụ thì cát lợi cả về tài lộc lẫn con cháu. Nếu đến từ phương Lục Tú thì sang quý mà từ phương Bát Diệu xung phá tới thì đại hung.

Nếu Bát Diệu, Quan Sát, Hãm Trì, Quân Tặc Thủy lưu động mà tới thì đại hung.

Long mạch cần quan sát nơi nó nhập Thủ. Với Thủy cần xem tình ý của nó. Tại Thiên Can vị, cần đề phòng thủy tới phá xung; Tại vị trí Địa Chi thì đừng để Thủy quy tụ. Do đó, Tiểu Xích Văn đến thì thiếu nam hưởng phúc, Trung Xích Văn đến thì thứ nam hưởng phúc; Tứ trụ có tình ý thì trưởng nam hiển đạt.

Ất Tân Đinh Quý là Tiểu Xích Văn; Giáp Canh Bính Nhâm là Trung Xích Văn; Càn Khôn Cấn Tốn là Tứ Trụ cũng là Đại Xích Văn. Nếu là Dần Thân Tị Hợi thì trưởng nam nghèo hèn; Tí Ngọ Mão Dậu thứ nam lụn bại; Thìn Tuất Sửu Mùi thiếu nam chịu nhiều tai họa.

Nếu Canh, Thân tới Đường thì quý; Bính Nhâm đến cục thì hiển đạt. Tuổi còn nhỏ mà bảng vàng đề tên thì ắt là Thủy đến từ Dần, Giáp; chức vị lên tột đỉnh là do thủy triều nghênh (chào đón) Canh, Tân.

Dần Giáp chủ bệnh tật. Khôn, Thân chủ cô độc ở đây lại là quý hiển vì có được Sinh Vượng.

Hợi Nhâm là chức ngoại nhậm, Ất Bính là chức nội ứng, Dậu Tốn sinh con gái xinh đẹp, Chấn Canh sinh con trai văn võ song toàn. Nếu Cấn Tốn cùng phối hợp với Bính, Tân thì con cháu đời đời vinh hiển; Hợi Dần Giáp Tốn Canh cùng liên tiếp ứng phối, đời đời chấp chưởng quyền uy.

Nguyên Thần thủy tới Đường thì công danh phú quý trường tồn; Viên Tinh tiến vào Đường cục thì lập nghiệp vương, bá.

Nếu Nguyên Thần thủy theo Long, uốn lượn đến Đường hội hợp thì phú quí bền lâu. Viên Tinh chính là Sinh Vượng thủy, nếu tiến vào Đường cục thì lập vương nghiệp.

Chấn Canh triều nghênh thì xuất hiện anh hùng; Ất Bính tới thì phú gia địch quốc.

Chấn Canh chủ uy quyền, Ất Bính chủ tài lộc.

Mão Dậu thủy vốn khắc tà dâm, nếu nó dài xa, thì nữ nhân hiền lương; Tí Ngọ gọi Quân Tặc tới, nếu nó rộng lớn thì hợp với quan võ.

Đoạn này bàn về Sinh Vượng Thủy. Nếu không phải là Sinh Vượng Thủy thì ắt là kỹ nữ, trộm cướp. Ất, Thìn tới thì tự vẫn nơi sông nước; Bính Đinh tới thì trường thọ, Xích Văn mang theo Đào Hoa thì khó giữ thanh danh khỏi bị ô nhục; Lục Tú gặp Diệu Khí thì thiếu niên khó tránh trộm cướp, xâm phạm Hoàng Tuyền thì yểu chiết.

Đoạn này bàn về Thủy ứng hợp tại phương Hưu Tù.

Tứ Khố Thủy lưu thông súc tích, sẽ khiến nữ nhân góa bụa; song nếu Tứ Khố Thủy tích tụ ngoài đường cục mà không bị xung phá thì nữ nhân chủ lo việc nhà. Dần Thân Tị Hợi thủy tới thì chịu nạn, khó sinh nở. Tuất Càn Thìn Đoài thủy tới

Đường cục thì bị bệnh điên, mù hoặc câm. Dần Thân thủy tới thì khó thoát tai ương bệnh tật; Lâu, Cang song song tới thì đề phòng cổ người cầm đao kề cổ. Nếu Dần Long Ngọ Tuất thủy cùng tụ hợp với Ất Thìn thì sinh ra Hỏa Dần.

Lâu, Cang, Thìn, Tuất là chỉ phương vị của thủy, nếu có được Sinh Vượng thì cát, Hưu Tù thì hung.

TRỤC CÁT PHÚ

Phú quý vinh hoa hình thành ở nơi sơn thủy tụ hội giao kết. Do vậy, Long mạch tới nhập cục, tất có sự khác biệt về đục và trong; mà các Sa tụ hội cũng có ứng nghiệm về cát hung.

Đoạn này bàn về việc tìm kiếm Long mạch và xác lập huyệt vị cần quan sát cát hung của Sa Thủy.

Long tại đất Tứ Duy hay Lục Tú, nếu lấy Long nhọn, cao vút thì phát quý; nếu thấp tròn thì phát phú.

Tứ Duy là trước sau trái phải, chúng cần phải đưa đón, bao bọc, hộ vệ sơn mạch, không nên nghiêng lệch nham nhở. Nhọn cao chủ quý, tròn thấp chủ phú.

Nếu Mã hãm Lộc không thì danh lợi hư ảo.

Cấn, Bính khiếm khuyết thì Lộc sơn hư không, Càn, Ngọ khuyết thì Thiên Mã hãm lạc.

Nếu hai sơn Thiên Thái không cao vút sừng sững thì không quý hiển; Tốn Nguyên, Quan Quý lạc hãm thì dù tài học hơn người cũng vô dụng, thi không đỗ.

Tốn, Tân là Thiên Ất, Thái Ất, nếu ứng chiếu thì chủ bần hàn. Tốn Nguyên chỉ là Bát Quái, nạp giáp; Quan Quý chỉ Giáp Long gặp Tân, nơi này khuyết hãm, chủ có học bất thành danh.

Cấn Long được Bính, Đoài Long được Đinh, Chấn Long đắc Can, Tốn Long đắc Tân. Nếu có được 4 sơn này thúc đẩy Sinh Khí của Lục Tú thì chủ công danh thành đạt.

Hai Long mạch Tốn, Hợi nếu có hai sơn cao vút Chấn, Canh tương ứng thì chủ về nắm binh quyền, có thực quyền, còn các Long mạch khác, nếu có được hai sơn Chấn, Canh ứng hợp, thì có thể phát về binh nghiệp, song nếu gặp Diệu Sát tinh thì thây phơi chiến địa.

Chấn, Canh hai sơn chủ binh nghiệp, nếu cao vút thanh tú thì Khảm Long sẽ kết Trạch cục tại Nam Ly.

Nếu Khôn Mẫu sơn cao sừng sững, thì có thể có tên trên bảng vàng. Nhưng Long mạch phải hợp với sinh khí của bổn sơn, như vậy Sát Diệu sẽ hóa thành Văn Diệu.

Bính, Ngọ, Đinh sơn đẹp đẽ thì sẽ độc chiếm khôi nguyên, vang danh khoa cử.

Khi ở phương vị Sinh Vượng, các cao phong Hoàng Tuyền, Bát Sát hóa cát thành Quyền, Văn thì phú quý song toàn, nếu Long mạch thấp, sa sơn phân tán, phương vị tại Hưu Tù, thì tai họa giáng xuống. Cát lấy cát ứng hợp, hung dùng hung ứng hợp.

Nếu Khố Quỳ sơn vuông vức to lớn ở vị trí Cấn, Bính, thì trong nhà ắt có vạn quan tiền, phú gia địch quốc. Nếu Nga My sơn thanh tú uyển chuyển ở cung Tốn, thì chủ mỹ nữ có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành. Nhưng phải là ở phương Sinh Vượng. Nếu ở phương hưu, tù, ắt khó tránh tà ác, dâm đãng.

Hình sơn như rùa hạc, đàn kiếm, nếu có được tam cát, sẽ xuất hiện bậc văn nhã. Tại vị trí Sửu, Mùi, Khôn, Thân, chủ sản sinh bậc thánh nhân tiên phong đạo cốt.

Nếu Ất, Chấn giao nhau tại thủy lộ, khó tránh tai ách. Nếu Bát diệu trùng trùng điệp điệp chạy qua đao sa, ắt khó thoát mưu sát, hình phạt. Nếu Mộc Biều sa, Mạnh Bát sa ở vị trí Khôn Thân, ắt sản sinh tăng lữ, ni cô hoặc khất cái.

Mộc Biều sa là sơn có hình cái gáo, cái muôi, Mạnh Bát sa là sơn có hình cái bát, cái chén, đều không nên xuất hiện ở phương vị hưu, tù, bại, lạc trên bổn Long. Dù chúng xuất hiện ở phương vị cát tường, cũng không mấy tốt đẹp.

Nếu Tý, Ngọ, Dần, Thân gặp Hồ lô sa, ắt sẽ bị cố tật hoặc ác bệnh.

Hồ Lô sa là sơn mạch hai đầu phình ra, phần giữa lõm vào.

Nếu có một sơn phong cô độc nhô cao ở cung Ly (phương nam), chỉ e tai họa về tài lộc hoặc bị mù.

Phương pháp quan sát địa lý phong thủy cũng như xem tướng người. Người đoan trang, tề chỉnh, đứng đắn, ngay thẳng, phúc hậu, uyển chuyển, trung tín, lễ độ, đường đường chính chính, mới là quý nhân. Còn kẻ tà ác, nham hiểm, gian trá, biến đổi thất thường, gian dâm, nghiêng đầu vẹo cổ ắt là hung hiểm.

Sinh khí của địa mạch là phù hiệu của tự nhiên thiên địa. Đó là chân lý vĩnh hằng. Nhìn địa mạch, có thể biết tính cách của chủ nhân ở đó. Biết quá khứ, có thể dự báo tương lai.

Quan sát hình dạng địa mạch, có thể tiến tới dự đoán tính nết, phẩm hạnh của đời con đời cháu chủ nhân. Nếu Long mạch thanh tú, sa sơn vuông vức, thì đời con cháu ắt quang minh chính đại; còn nếu Long sa nghiêng lệch, xiêu vẹo thì con cháu nhất định âm hiểm gian trá, dâm tà hung ác. Thiết tưởng muốn biết sự tình và mạng vận trong tương lai, cứ xem hình mạo Long mạch, sa sơn của mộ tổ là có thể kiểm chứng cát hung họa phúc.

ĐỊA LÝ ĐẠI TOÀN TẬP YẾU

Quyển 8

Biên soạn : Ngụy Lý Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên
Đính chính : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am
Hiệu đính : Tôn Ái Thức Ung

TUYẾT TÂM PHÚ

BỐC TẮC NGUY

Hai khí âm dương vận hành trong trời đất là một đạo lý không được vi phạm.

Nhẹ mà thanh gọi là thiên, nặng mà trọc gọi là địa, tĩnh là sơn, động là thủy, đều là kết quả vận hành của hai khí âm dương. Nhưng âm dương tuy chưa thành hai khí, mà thực ra vốn chung một lý. Ấy là trong âm có dương hoặc trong dương có âm.

Chân khí phải quan sát khi xúc kết, mà đạo lý phải hiểu đến mức tinh diệu.

Sơn với sơn giao kết, thủy với thủy giao hội, phong khí được ẩn tàng thì gọi là thuyết "xúc kết".

Phàm chân khí có trong thân người, người có trăm xương chín khiếu. Phàm chân hình có trong trời đất, trời đất có vạn thủy ngàn sơn. Chúng đều từ gốc mà ra, hoặc ẩn hoặc lộ, có tông có tổ, chủ can tương đồng mà phân chia đa biến. Có cái hiển lộ dễ thấy, có cái ẩn tàng khó thấy. Chỉ cần quan sát nguyên nhân ẩn hiện của Long mạch phía sau thì

dù có sự tương đồng hay dị biệt về căn bản, có sự ẩn lộ cũng không qua được mắt người.

Thai, tức, dựng, dục là sự biến hóa vô cùng của thần linh.

Phàm sơn ở nơi bắt đầu phân mạch gọi là Thai, nợi phục xuống là Tức, nơi nhập thủ thành hình là Dựng, nơi nhập huyệt khẩu là Dục.

Cơ là thiên cơ vận hành liên tục.

Đây là nói Mộc sinh tại Hợi, Vượng tại Mão, hưu tù tại Ngọ Mùi, và âm mộc sinh tại Ngọ, Vượng tại Dần, hưu tù tại Tí Hợi. Các hiện tượng vận hành như thế của hình, khí là liên tục vô tận, không khi nào dừng.

Địa linh mà nhân kiệt, đều tùy chân khí biến hóa mà nên vạn hình.

Chân khí biến hóa sinh ra các nhân vật, phàm phú quý, bần tiện, thọ yểu, hiền ngu, thiện ác... của con người đều tùy thuộc khí sinh ra hình.

Ai bảo điều vi diệu khó làm cho người ta minh bạch ? Ai bảo điều mơ hồ không thể khiến người ta tin tưởng ?

Đạo lý âm dương tuy vi diệu, nhưng căn cứ hình có thực mà quan sát khí hư vô, căn cứ tình huống có thực mà quan sát đạo lý, cũng có thể dự đoán mà thông hiểu. Ngay cả những điều rõ ràng vẫn có người chưa chịu tin.

Mai táng người chết phải dựa vào sinh khí.

Nghiên cứu lai lịch của chân Long mạch lạc, quan sát nơi tận cùng và tụ hợp của hình thế Chân Long, có thủy lưu làm ranh giới, không bị gió thổi tán thoát, gọi là sư tụ hội của sinh khí.

Tìm đất quý chủ yếu căn cứ vào Long mạch chạy đến.

Xem phong thủy phải chú ý trước hết đến Long. Long luôn luôn biến hóa, mạch có ẩn, hiện. Có Long từ trung gian

tới, có Long từ hai bên tới, muôn hình vạn trạng rất khó nói hết, cho nên phải tùy vào Long vận hành mà phân biệt mạch lạc, nơi Long tụ kết thì cấm trạch huyệt.

Huyệt vị cuối cùng tụ dừng ở ba nơi.

Sơn thế phủ phục nhất định đỉnh núi cao mà tròn, mặt trên tụ tập mà mặt dưới phân tán, huyệt vị phần lớn nằm ở trên đỉnh núi, nên gọi là thiên huyệt. Sơn thế ngẩng cao nhất định đỉnh núi thấp mà rộng, phần dưới tụ tập mà phần trên phân tán, huyệt vị đa phần nằm ở chân núi, nên gọi là địa huyệt. Sơn thế không phủ phục, không ngẩng cao, nhất định đỉnh núi không tròn cũng không nhọn, thì phần giữa tụ kết mà phần trên phần dưới đều phân tán, nên gọi là nhân huyệt. Đấy là ba nơi tụ dừng, khi tìm phải tùy chỗ khi mạch tụ kết mà cắm huyệt.

Sơn thế cũng chia ra bát quái.

Hai mươi bốn loại hình sơn, trong đó âm dương biến hóa không nằm ngoài sự chi phối của bái quái.

Mắt người là công cụ tốt nhất để quan sát sự huyền diệu của địa lý phong thủy.

Quan sát địa lý phong thủy, không gì sánh được với mắt người. Nếu không thấy được nơi sinh khí dừng tụ, tồn tại, không thấy rõ hình thế, thì làm sao đạt tới chỗ huyền diệu, tinh vi ?

Đạo lý âm dương thuận nghịch khó tường.

Bốn chữ âm dương thuận nghịch bao hàm nhiều khía cạnh. Nếu nói về hình thể của sơn, thì lũng cao là Dương mà đất bằng là Âm. Nơi kết huyệt nhô lên là Dương mà lõm xuống là Âm; cao mà chúi xuống là Dương, thấp mà ngẩng lên là Âm. Nếu nói về sự phối hợp sơn thủy, thì sự tĩnh dừng của sơn là Âm, sự lưu động của Thủy là Dương; sơn thế tùy thủy lưu mà xuống gọi là thuận, ngược thủy lưu mà lên gọi là nghịch. Nếu nói về táng pháp, thì có dương Long

âm huyệt, âm Long dương huyệt, thuận đến nghịch tiếp, nghịch đến thuận tiếp. Nếu nói đến âm dương của lý khí, cũng có nhiều loại, có tĩnh âm, tĩnh dương, quan sát tiết sau của Long mà quyết định. Nói đến âm dương của quái khí, là nói đến việc nạp giáp, thuận mà quay sang tả là dương, nghịch mà chuyển sang hữu là âm. Có âm dương của ngũ hành sinh vượng, như dương Mộc sinh ở Hợi mà đi thuận; âm Mộc sinh ở Ngọ mà đi nghịch... Nếu nói đến chính âm dương, thì Tý dương mà Sửu âm, Kiền dương mà Khôn âm, Giáp dương mà Ất âm v.v..., đều là âm dương thuận nghịch của lý khí. Thể và dụng khác nhau, cũng có nhiều nghĩa, nên bảo là khó tường.

Tình trạng của quỷ thần cũng khó thấy.

Sơn thủy kỳ diệu đẹp đẽ, chân khí cát lợi tụ ở trong cục gọi là thần. Sơn thủy xấu xí, mà khí hung ác gọi là quỷ. Kinh Thư viết : "Nghênh thần tị quỷ" nghĩa là nghênh tiếp thần mà né tránh quỷ.

Bát quái bố cục tám phương và bốn thế.

Tý, Ngọ, Mão, Dậu là Khảm, Ly, Chấn, Đoài, gọi là bốn thế, vì chúng cư ở giữa thiên địa, thế chính trong tám phương. Kiền, Khôn, Cấn, Tốn là tứ duy, vì chúng cư ở bốn giới hạn, có quan hệ kinh vĩ bát phương.

Có khứ có lai, có động có tĩnh.

Long mạch từ Tổ sơn phát xuất rất nhiều phân chi, có cái trở lại hộ vệ cho Can Long, có cái chạy đi kết viên đường khác, mỗi cái lai hoặc khứ có sự kết tạo riêng. Sơn vốn là tĩnh vật, hình thế của nó nhấp nhô mà đến, là trong tĩnh có động. Thủy vốn là vật thể lưu động, hình thể của nó hàm súc ngưng tụ, là trong động có tĩnh.

Núi từ xa chạy đến, là tổ tông sơn sinh ra tử tôn sơn.

Phàm tổ tông sơn đẻ ra các chi lưu từ xa chạy tới, gặp thủy lưu thì dừng lại, ắt hình thành huyệt vị.

Vào trong sơn phải tìm thủy khẩu.

Thìn, Tuất, Sửu, Mùi là bốn thủy khẩu, phàm khi tiến vào núi, nhất định phải xem thủy khẩu ở hướng nào. Nếu ở vị trí Thìn, thì phải tìm cục thế sáu dương Long Thân, Tý, Thìn, Khôn, Nhâm, Ất hoặc sáu âm Long Tỵ, Dậu, Sửu, Tốn, Canh, Quý, mới có thể kết huyệt. Nếu không, dù có sa, thủy đẹp, cũng chẳng thể kết huyệt. Đây cũng chính là câu Dương công nói : "Trước hết phải xem Kim Long động hay bất động".

Leo lên cục vị thì phải quan sát Minh Đường.

Bất kể đông tây nam bắc, đều có thể lập hướng cấm huyệt. Nếu thủy lưu ở vị trí Thìn, thì tương đối thích hợp với âm Kim, cho nên không câu nệ sáu hướng âm Tốn, Canh, Quý, Tỵ, Dậu, Sửu, vẫn có thể cấm huyệt. Song nhất thiết phải quan sát xem Minh Đường có vuông vức, bằng phẳng, triều đối hay không.

Sơn và thủy đều hội tụ linh khí của tinh tú, khách và chủ phải có tình.

Khách là chỉ triều sơn, chủ là chỉ lai Long. Ở đây ngụ ý quan hệ giữa chủ và khách quý ở chỗ có tình với nhau.

Long mạch từ lầu xuống điện, từ xa ngàn dặm lặn lội chạy đến, khi tìm Long, tìm tổ tông sơn không được bỏ dở giữa chừng.

Long mạch có tông sơn, tổ sơn. Chúng nhô lên thành đỉnh núi lớn, cao mà nhọn gọi là lầu, cao mà bằng phẳng gọi là điện. Long mạch vận động, vận hành nhấp nhô lên xuống, phân chi bố cục trong vòng trăm dặm, ngàn dặm, vạn dặm. Chỗ cuối của Long mạch, chân khí kết tụ, không phải là dễ thấy. Thuật sư phong thủy ắt phải có đôi chân khỏe để lần theo từ tổ tông sơn đến nơi Long mạch nhập huyệt, hoặc từ huyệt lần về nơi khởi tổ, quan sát rõ sự phân hợp của thủy lưu, sự khởi dừng của sơn mạch. Long mạch hoặc mới lạc huyệt, hoặc sắp lạc huyệt, hoặc đã lạc huyệt đều có định cục, nhất định phải nghiên cứu sự khởi dừng của Long

mạch mới biết huyệt chân giả. Nếu ngại đi mỏi chân, bỏ dở giữa chừng thì không xong.

Nếu tổ tông sơn nhô lên cao sừng sững, thì con cháu đại phú đại quý.

Tổ tông sơn nhô cao nguy nga, các chi lưu con cháu sinh ra nhất định tú lệ.

Khách với chủ cúi chào nhau, nhất định có tình ý tương hợp.

Chủ sơn Huyền Vũ với khách sơn Chu Tước đối diện với nhau.

Hữu biên cúi thấp, tả biên phủ phục, tinh thần mạnh mẽ bội phần.

Tả biên là Thanh Long, hữu biên là Bạch Hổ, đều phải thu nhận, mềm mỏng, thư thái, phủ phục.

Tiền diện tương hỗ, hậu diện tương ứng, khí thế hùng tráng.

Triều sơn và án sơn trùng điệp đằng trước, Nhạc chướng (đỉnh núi) lớp lớp hộ tùng ở đằng sau, tiền hô hậu ứng, khí thế sẽ vô cùng hùng tráng.

Nếu phân biệt sơn mạch, có sự đồng can khác chi.

Can chi của Long mạch giống như thân cây mọc cành, có đại can, đại chi, tiểu chi. Nếu chủ can dài thì khí lực thịnh vượng, nếu phân chi ngắn, thì khí lực nhỏ yếu. Họ Đổng từng nói : "Can (thân cây) tuy giống nhau mà khi phân Chi (mọc cành) lại có chỗ khác nhau". Huyệt vị có loại kết ở sơ Long, có loại kết ở trung Long, có loại kết ở tận Long. Có Long chủ can kết cục mà lấy Long phân chi làm hộ tống. Có Long phân chi kết cục mà lấy Long chủ can làm hộ tống. Có Long mạch tự bản thân phát xuất mà hình thành Long sơn, Hổ sơn, triều sơn, án sơn. Có phân chi Long từ ngoài phát xuất mà thành La thành phối hợp. Giống nhau và khác nhau cũng có đủ kiểu, cần phân biệt cho rõ.

Nếu nói về thủy pháp, có tam thoa, cửu khúc.

Thoa là giao thoa, khúc là uốn lượn. Tam thoa nghĩa là ở hai bên tả hữu trước huyệt có ba dòng thủy lưu hội hợp ở Minh Đường; cửu khúc là nó có thủy uốn lượn chảy vào Minh Đường.

Thầy bốc quẻ nói cát lợi, thì nơi đó ẩn tàng cát địa. Địa trạch cát lợi là do thần cai quản, người tích thiện sẽ được trời ban. Cho nên công hầu khanh tướng, phú quí vinh hoa đều xuất hiện ở địa trạch cát lợi. Cần hiểu hình thế phân hợp. Có đại phân hợp và tiểu phân hợp.

Phải quan sát tình ý.

Sơn thủy quay lưng hay hướng mặt vào nhau giống như tình ý giữa hai người. Hướng mặt vào nhau là có tình nghĩa, quay lưng vào nhau là không có tình nghĩa.

Nếu ly tán thi loạn, nếu tụ hợp thì sẽ kề bên nhau.

Tán là chỉ sơn thủy phân ly, hợp là chỉ sơn thủy tụ hợp.

Quần lấy phân mà loại lấy tụ.

Hình thế của sơn thủy tuy cùng xuất phát từ một gốc (căn bản), nhưng giữa chừng phân ra chi, phái khác nhau, có cái hướng nam, có cái hướng bắc, tán loạn mà không nhìn nhau, cuối cùng có cái hộ tòng nghênh tống, có cái yểm hộ, có cái là Long sơn, Hổ sơn, triều sơn, án sơn; tụ với nhau hoặc nghênh tiếp nhau, sẽ gặp tại Minh Đường.

Do vậy, phải quan sát kỹ sự tiềm ẩn của Long mạch.

Sự vận hành của chân Long thường ẩn giấu tông tích, không lộ liễu, dù ở chốn núi cao hay chốn bình dương; ở nơi đất bằng càng tiềm ẩn kỹ hơn, nếu không chăm chú quan sát, e khó nhận biết.

Phải biết rõ mạch đến, mạch dừng hẳn.

Mạch xộc đến như lang sói, như hổ đói vồ mồi là mạch đến. Hoa trong cỏ lộ ở phần đuôi, mà hương vị của hoa tập trung ở tâm hoa, thì đó là mạch đã dừng hẳn.

Nơi các đỉnh núi tụ lại, thủy lưu chảy chếch là hung hiểm.

Sơn thế quý ở chỗ đoàn tụ, thủy thế quý ở chỗ uốn quanh. Nếu ở nơi núi quần tụ, mà thủy chảy xéo đi là bất cát lợi.

Nơi thủy lưu uốn lượn có hình thế sơn tán loạn, gọi là vô tình.

Dù thủy lưu uốn lượn, nhưng thế núi tán loạn, cuối cùng cũng chỉ được coi là vô tình, không có tình nghĩa.

Tìm cát huyệt giữa vùng hung địa, khác gì leo cây bắt cá. Việc khó như vậy mà làm được, tức là đã nắm vững cái hay của đảo trượng pháp.

Trước hết phải nắm được tượng sao, khí mạch là sinh hay tử, gấp gáp hay thư thả, mạnh hay yếu, thuận hay nghịch. Sau đó xem nơi nhập thủ thế nào, sự nghênh tiếp ra sao. Mạch chính diện lấy thế xiên chéo, mạch xiên chéo chọn thế chính diện, mạch thô lấy thế non trẻ, mạch tán chọn thế tụ, mạch thư thả lấy chỗ đối chọi, mạch gấp gáp chọn chỗ thư thả, song mạch chọn cái ngắn, đơn mạch chọn chỗ nhô, mạch thẳng lấy chỗ cong, mạch cong chọn chỗ thẳng, chỗ cao không bị gió thổi, chỗ thấp không bị đứt mạch, âm lai dương thụ, dương lai âm thụ. Khi tạo huyệt, hoặc bỏ tử chọn sinh, hoặc bỏ thô lấy non trẻ, hoặc bỏ tối lấy sáng, hoặc bỏ sáng lấy tối, bên trong nhờ sinh khí, bên ngoài nhờ đường khí. Trong ngoài phù hợp mới là chân huyệt. Chỉ cần một điểm không thuận đã thành giả huyệt. Đó là bí quyết dựa vào sinh khí hoặc gọi là đảo trượng pháp. Đảo trượng pháp có thuận trượng, nghịch trượng, khai trượng, xuyên trượng, ly trượng, một trượng, đối trượng, tiệt trượng, thuần trượng, phạm trượng vv..., rất huyền diệu.

Phải nắm được bí quyết phong thủy mới phân biệt chân giả. Bí quyết đó là quan sát kỹ bát quốc và ngũ tinh.

Bát quốc đây chỉ là tám hướng. Ngũ tinh là năm sao Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. "Ngũ tinh ca" có câu : "Mộc

thẳng, Kim cong, Thổ nằm ngang, Hỏa nhọn hướng nam, Thủy ngoằn ngoèo rắn bò".

Tinh tú lấy sự chuyển biến không ngừng làm quý.

Tinh tú là chỉ tinh phong trên thân của Long mạch, chuyển biến là chỉ sự biến hóa. Họ Lưu viết : "Phàm chọn đất cát lợi, trước hết phải quan sát Long đến. Cách quan sát Long đều là nhìn một ngọn sơn phong tú lệ có tình, hoặc chọn một đỉnh núi cao sau khi quá mạch; hoặc chọn một đỉnh núi cao sau khi quá mạch lại vút lên cao. Các sơn phong muôn hình vạn trạng, nhưng đều có hình ngũ tinh (năm ngôi sao). Ngũ tinh biến hóa thành Cửu tinh. "Long Tủy Kinh" và "Hám Long Kinh" đã nói đến sự biến hóa này. Sự biến hóa ấy rất đa dạng. Kim tinh phát xuất từ tổ tông sơn, biến thành Thủy tinh, Thủy tinh lại biến thành Mộc tinh, Mộc tinh lại biến thành Hỏa tinh, Hỏa tinh lại biến thành Thổ tinh, Thổ tinh lại biến thành Kim tinh v.v... Chúng từ ngàn dặm xa xôi chạy đến, phân nhánh hưng vượng thì là đất quý, đại cát lợi. Phàm gặp tình huống ngũ tinh xung khắc nhau, cũng quý ở chỗ có tinh tú cứu trợ. Chẳng hạn tình huống Kim tinh là Long vận hành mà Mộc tinh tạo huyệt. Kim tinh khắc Mộc tinh, Mộc tinh là hung tinh, nhưng tả hữu có Hỏa tinh chế ngự nó, hoặc có Thủy tinh cứu trợ nó, đều khả dĩ thành đất quý.

"Cửu tinh ca" viết : "Sao Tham Lang là sao cát lợi, nó giống như măng mới nhô lên khỏi mặt đất. Vũ khúc là sao tôn quý. Nó giống như vầng trăng mới tròn. Sao Tả Phụ thì như cái chuông, sao Liêm Trinh như hình cái dù rách. Phá Quân là sao hung như dãy chậu bày ra, Lộc Tồn là hung tinh, trông như cái nhà xiêu vẹo. Văn Khúc thì như tấm lưới giăng. Hữu Bật như tấm chăn chiên. Cự Môn giống như cái án thư thẳng nhọn. Muốn hiểu sự biến hóa của thân Long, trước hết cần nhận biết hình dạng của Cửu tinh".

Hình dạng Long lấy đặc sắc làm tôn quý.

Câu này ngụ ý Long tuy lấy sự biến hóa làm quí, nhưng hình dạng của nó đặc biệt thì càng thêm tôn quý. Đặc sắc

nghĩa là vượt trội, khác hẳn đồng loại, tượng sao đoan chính, khí thế uy nghiêm vv...

Nếu Thổ tinh không giống Thổ tinh, Kim tinh không giống Kim tinh, thì là hình thế tạp loạn. Hỏa tinh không giống Hỏa tinh, Mộc tinh chẳng giống Mộc tinh, thì người ta kinh sợ, không biết đâu mà lần.

Câu này ngụ ý hình dạng sao mà không đặc sắc, mà tạp loạn, thì không phải là quý Long, hãy vứt bỏ ngay.

Kim tinh ất phải thanh.

Kim tinh tính cách trong sáng, hình dáng thanh tú. Cao vút là Thái Dương, thấp nhỏ là Thái Âm. Kim tinh khi vận hành giống như loan phượng bay lượn. Kim tinh thì lấy phần giữa hoặc góc nhọn.

Thổ tinh ất phải trọc.

Thổ tinh tính cách thuần hậu, hình dáng vuông vức. Thổ tinh khi vận hành giống như bình ngọc, kim thư. Nếu lấy Thổ tinh kết huyệt, mà trong bụng Thổ tinh có Kim tinh, thì lấy phần giữa, hoặc góc nhọn. Góc nhọn cùng loại với Hỏa tinh; Thổ tinh có Hỏa thì thêm phần ấm áp, sản sinh ra vạn vật.

Hỏa tinh ất phải táo.

Hỏa tinh tính cách nóng nảy, hình dáng nhọn, nghiêng, phần lớn là sơn tổ tông, tạo nên thế lâu, điện. Khi kết huyệt thì như hình cây phi liêm (cây liêm).

Thủy tinh ất phải nhu.

Thủy tinh uốn lượn nên gọi là nhu, hình dáng khúc chiết, thiên về động, tính cách thiếu trung chính. Khi vận hành, nó như thế rắn bò. Khi kết huyệt, phần lớn trông như thế lưu châu trong ao hồ.

Chỗ huyền diệu của Thủy tinh là lập huyệt ở phương đông, hướng bắc khả dĩ tiếp nhận Sinh, Vượng, còn hướng tây thì xung khắc. Hỏa tinh do thế viêm nhiệt, nên lập huyệt ở phương nam là hay nhất; hướng bắc bị xung khắc, còn hướng đông có thể tiếp nhận sinh vượng. Tiền hung hậu cát phần lớn là do Thủy đến sinh Mộc. Tiền cát hậu hung là do Hỏa khắc Kim.

Nếu do Kim tinh kết huyệt, thì năm hạn hán có thể phát phúc, cuối cùng chuyển hóa hậu Long thành Hỏa tinh, do Hỏa khắc Kim, nên sinh ra họa hại – Nếu hai bên có Thổ tinh đi kèm, thì cuối cùng cũng tai qua nạn khỏi.

Nếu lấy Mộc tinh làm tổ tông, Hỏa tinh làm con cháu, thì chủ nhân giàu có, con cháu hiếu đễ.

Mộc tinh, Hỏa tinh, Thổ tinh liên tiếp tương sinh, nhất định kết thành đất phú quý, xuất hiện những người trung, hiếu, lễ, nghĩa. "Long Tủy Kinh" viết : "Mộc tinh, Hỏa tinh chuyển hóa mà đến, cuối cùng lấy Thổ tinh kết huyệt, thì phú quý khôn cùng".

Nếu lấy Kim tinh làm phụ mẫu, Mộc tinh làm con cháu, thì chủ nhân cuối cùng bị tai họa.

Mộc tinh bị Kim tính xung khắc, rất hung hiểm. Hơn nữa, bản thân Mộc tinh có tính cách gấp mà cương, có sát khí, nên khi bị Kim tinh khắc thì sẽ càng tăng sự phá phách.

Nếu Thủy tinh kết huyệt ở cung Khảm, thì phú quý vô cùng.

"Kham dư ngũ tinh biên" viết : "Trong ngũ hành, tuyệt diệu nhất là Thủy tinh, ở phương vị tây bắc sẽ sinh vượng liên tục. Hình dạng đẹp như rắn bò, phú quý thanh danh vô cùng".

Nếu Kim tinh kết huyệt ở cung Đoài, thì chủ về danh vọng cao trong phủ ngự sử.

Kim tinh nằm ở phương Tây, có sát khí, làm giảm tài hoa, chức vụ của chủ nhân.

Thổ tinh làm cho chủ nhân giàu có.

Tinh phong của thổ tinh thấp nhỏ, làm cho chủ nhân chỉ có nhiều ruộng đất mà thôi. Nếu Thổ tinh cao lớn, thì có thể xuất hiện nhân tài quý hiển.

Mộc tinh chủ về văn chương.

Tinh phong của Mộc tinh nhô cao thanh tú gọi là văn tinh, hoặc Thông thiên Mộc, thân Long mạch có tinh phong như vậy chủ về sự phú quý, văn chương kiệt xuất.

Nếu Thủy tinh xuất hiện ở vùng đất bằng, thì khó diễn tả nơi kì diệu của nó.

Thủy tinh lưu động uốn lượn, phảng phất như hoa lau, ở vùng đất bằng thì nó giống như sóng nước, chân khí của nó ẩn tàng khó thấy, thật khó dùng lời miêu tả nơi tuyệt diệu của nó.

Nếu Hỏa tinh xuất hiện trên núi cao, quan vận chỉ tàm tạm.

Hỏa tinh cao lớn đẹp đẽ, thường đi theo tổ tông sơn. "Hám Long Kinh" viết : "Đất quý, đẹp, nếu không có sao Liêm Trinh làm tổ tông sơn, thì dù làm quan cũng không thể đến chức Tam công".

Mộc tinh phải có tiết.

Nếu Mộc tinh có tiết, thì ở ngay nơi có tiết tạo huyệt mới cát lợi. Nếu không có tiết, thì không tốt.

Kim tinh quý ở Liên Châu.

Kim tinh khi vận hành phải giống như chuỗi ngọc (liên châu), sẽ thành đất đại quý.

Long mạch quý ở chỗ linh hoạt như rồng rắn.

Hoạt là chỉ động thái của sơn, thế núi dù lớn nhỏ, chỉ cần nhấp nhô linh hoạt mà đến, thì Long mạch có sinh khí, tức là hoạt.

Long mạch tiện (xấu) thì như lươn chết.

Xấu là sơn bất động, sơn mạch đến không chút khí thế, như con lươn chết, không có sinh khí.

Long mạch thấp nhỏ, không nên quá gầy.

Nếu Long đến thấp nhỏ, thì hai bên của nó không nên quá hẹp, gầy.

Thế khuất khúc không nên nghiêng lệch.

Long mạch có thể khuất khúc, nhưng tối kỵ nghêng lệch và nhọn xuyên.

Nếu tính cách không cô độc, ắt có láng giềng. Cho nên Long mạch phải xem tình hình hai bên.

Sự kết huyệt của chân Long, sự kết tụ của chân khí nhất định sẽ hình thành thế tả hữu chầu vào, trước sau tiễn đón, như sự ra vào của vị đại quan, có nhiều tùy tùng hộ vệ. Cho nên trong thuật phong thủy, càng nhiều tùy tùng hộ vệ thì càng thành đất quý, càng ít thì càng kém phú quý.

Mắt không sáng, đọc sách chỉ phí công.

Trong "Long kinh" có viết : "Đọc sách phong thủy mà không có nhãn lực, thì dù đọc vạn quyển, cũng bằng không".

Thủy lưu giao, kiềm, chức, kết là cát lợi.

Giao là hai dòng thủy lưu hợp lại gặp nhau. Kiềm là khóa, chỉ thủy lưu uốn quanh sa phong, đồng thời che kín, Chức là dệt, chỉ thủy lưu thành hình cái thoi uốn lượn qua lại như dệt vải. Kết là thủy lưu đồn tụ với nhau. Bốn tình huống đó là cát lợi.

Xuyên, cắt, tiễn, xạ thì nên tránh.

Xuyên là chỉ xuyên qua vai Long sơn, Hổ sơn hoặc xuyên phá Minh Đường. Cắt là chỉ phía trước huyệt vị không có dư chân khí, mà thủy lưu xói vào đất dưới chân. Tiễn là chỉ thủy lưu vừa gấp vừa thẳng chạy đến. Xạ là chỉ thủy lưu

xối thẳng vào giữa hoặc hai bên sườn. Bốn tình huống ấy là hung hiểm.

Thủy lưu vỗ vào thành, sẽ phá gia bại sản.

Thủy thành có 5 loại : Kim tinh thành có dạng uốn quanh, Mộc tinh thành có dạng vỗ (đập) thẳng, Thủy tinh thành ngoằn ngoèo, Hỏa tinh thành nhọn chếch, Thổ tinh thành bằng phẳng. Vỗ vào thành (chàng thành) là chỉ Mộc tinh thành vỗ đập thẳng đến, khiến nhân đinh gặp họa. Nếu thêm sao Thái Tuế, thì táng gia bại sản.

Phúc khí phát đạt lâu dài, nhờ thủy lưu chảy qua sơn Huyền Vũ.

Huyền Vũ là chỉ hậu sơn, thủy lưu triều hướng Minh Đường hoặc hướng sang hữu mà lượn quanh sơn Huyền Vũ, là cát lợi.

Làm quan mà giàu là nhờ thủy lưu lượn quanh Thanh Long.

Thủy lưu triều hướng Minh Đường, vòng sang bên tả mà đi, chủ làm quan và giàu có. Thủy lưu uốn quanh Hổ sơn cũng vậy.

Quý nhất là ngũ hộ bịt kín.

Ngũ hộ là Suy, Bệnh, Tử, Mộ, Tuyệt bao kín, không nhìn thấy thủy lưu chảy về hướng nào, mới là cát lợi.

Hay nhất làm Tam môn rộng rãi.

Tam môn là Sinh, Quan, Vượng, nên Minh Đường tối kỵ nhỏ hẹp. Kinh thư có câu : "Minh đường phải chứa được vạn hộ, nhưng thủy khẩu không để một lá thuyền vượt qua".

Cho nên dù viên cục là quý, nhưng Tam môn hẹp thì cung bỏ; hình huyệt dù đặc biệt, mà Ngũ hộ không che kín, cũng bỏ đi.

Thủy lưu vừa qua huyệt vị đã chảy ngược, không đáng một xu. Thủy lưu nếu nhập vào lòng lại chảy ra hết thì bị suy bại. Thủy khẩu tốt nhất là thắt lại như cái eo của hồ lô.

Nơi thủy lưu chảy đến phải trong rộng ngoài hẹp, không thấy hướng chảy đi của thủy.

Nếu thủy lưu bao quanh thân Long, quý nhất là nó uốn cong như cái sừng trâu.

Hình dạng Thủy thành nên bao quanh thân Long, không câu nệ đến hay đi.

Sơn phong hình răng chó cài vào nhau mà chặn ngang thủy lưu, tốt nhất là phải nhô cao.

Cài răng là chỉ sơn ở hai bên thủy khẩu phải cao và đối xứng sừng sững như bày binh bố trận, trùng điệp đan xen rất khớp vào nhau. Bên trong như đồn binh của đại tướng, bên ngoài không có lối tiến vào. Như vậy được coi là thủy khẩu quý nhất, bên trong nhất định là địa huyệt đại phú đại quý.

Thủy đương nhiên nhìn dòng chảy thì biết. Sơn thì khó tìm mạch hơn. Có khi chỉ ẩn hiện thấp thoáng giữa đồng bằng mênh mông, có khi ẩn tàng dưới lòng hồ. Đỉnh núi lấp ló tản mát giữa các bóng cây. Phàm Long mạch nhô cao ở phía sau, thì phía trước nhất định có hô ứng.

Phàm tìm Long mạch, nếu phía sau có các ngọn núi cùng kéo đến, thì phía trước nhất định sẽ có các ngọn núi triều củng, gọi là tiền hậu chiếu ứng.

Bên trong có chân khí, ắt có hình biểu hiện bên ngoài.

Chân khí ẩn trong đất gọi là nội khí, thủy lưu chảy ở ngoài đất gọi là ngoại khí. Ngoại là chỉ sự phân hợp tam thoa như chữ Cá (个). Nếu trong có chân khí, thì hình của nó tất biểu hiện ở bên ngoài, nên gọi là nội ngoại tương phù.

Muốn tìm Long mạch thực thụ, quan sát triều sơn ở xa không bằng triều sơn ở gần.

Triều sơn ở xa dù thanh tú cũng không bằng triều sơn ở gần tròn trịa, có tình. Vì phúc khí của triều sơn ở gần ứng nghiệm nhanh hơn so với phúc khí của triều sơn ở xa.

Muốn biết tượng sinh thành, thì cát lợi do thuận thế mang đến không bằng nghịch thế.

Thuận là ngụ ý thuận sơn thuận thủy, nghịch là ngụ ý nghịch sơn nghịch thủy.

Đại đa số người đời thích viễn đại mà bỏ cận tiểu.

Triều sơn ở xa cao to nên mọi người đều tham, Án sơn ở gần thấp nhỏ, nên mọi người đều bỏ qua.

Ngoài ra, Án sơn ở xa tuy thấp nhỏ, nhưng lại ngoảnh đầu lưu luyến có tình, thì nên chọn, còn triều sơn ở xa dù cao lớn, nhưng không có tình, cũng nên bỏ.

Tam cát, Lục tú chưa hẳn là hay.

Tam cát là Hợi, Chấn, Cấn, đỉnh núi lại là Tham lang, Vũ Khúc, Cự Môn, làm Tam cát. Lục Tú là Cấn, Bính, Tốn, Tân, Đoài, Đinh. Hiện thời các nhà phong thủy đều lấy Long, Sa, Thủy ứng với Lục Tú, hoặc với Tam cát. Họ cho rằng như vậy mới là quý Long, quý Sa, quý Thủy, mà không biết rằng tuy nhập sinh nhưng xuất sát, mỗi cái có chỗ kỳ diệu riêng, hà tất phải có Tam cát, Lục tú ? Nếu có đủ Tam cát, lục tú, nhưng không thu sinh, xuất sát (vào chỗ sinh, ra khỏi chỗ tử) thì cũng vô tác dụng, có khi còn gây họa.

Long mạch ở nơi Tử, Tuyệt thường có khí cục sinh thành, ở nơi Sinh, Vượng cũng cần xem kỹ vết tích phế vong.

Trên Long mạch có thể xuất hiện sát khí hung ác, như quân lính quăng giáp, vứt vũ khí mà chạy trốn; nhưng sau khi xuyên điền, qua thủy lại trồi lên mạnh mẽ, thì vẫn cát lợi.

Nếu thấy hình thổ ngưu ẩn phục, thì có thủy lưu yểm hộ và sơn phong yểm hộ.

Nơi kết huyệt gọi là "thổ ngưu ẩn phục" (trâu đất nằm phục), ngụ ý huyệt vị ẩn tàng. Huyệt vị đã ẩn tàng, thì sẽ có sơn thủy bao quanh.

Long mạch tựa hải âu bập bềnh trên sóng, chỉ cần mạch đẹp thì huyệt sẽ rất tốt.

Long mạch khi vận hành giống như chim hải âu dập dềnh trên sông nước mà đến, khi tiến thì có tiến đưa, khi dừng thì có yểm hộ, nhất định sẽ kết thành đại cục phú quý.

Nơi thủy lưu, cần có sơn phong tứ phía hội ứng.

Kiến lập huyệt vị phải lấy việc đắc thủy làm quý, mà nơi thủy lưu thì quý ở chỗ tứ phía có sơn che kín gió để ngưng tụ sinh khí.

Nơi bình địa, chọn nơi đột ngột nhô lên.

Dưới lòng đất nếu có nhiều cát khí, thì đất nơi đó sẽ nhô lên, vì vậy chỗ nhô cao trên bình địa là đất quý.

Long mạch cát lợi, cần phải có tình.

Long mạch đến đã cát lợi, còn phải quan sát xem triều sơn có đặc biệt hay không, có tình hay vô tình, rồi mới chọn cái có tình, cái đặc biệt.

Triều sơn đã đặc biệt, còn phải xem Long sơn, Hổ sơn.

Triều sơn đặc biệt rồi, phải xem Long sơn, Hổ sơn hai bên tả hữu có bao bọc cân xứng mới là hoàn mỹ. Chủ khách phân minh, nhưng Long sơn, Hổ sơn không cân xứng với nhau, thì cũng chẳng cát lợi.

Minh Đường rộng rãi, phải có La thành vây kín.

Minh Đường rộng rãi, không có án sơn che chắn, thì nhất thiết phải có La thành vây kín mới được.

Thủy lưu tán loạn, cuối cùng phải hội tụ.

Thủy lưu tuy vô tình, nhưng cuối cùng phải uốn lượn hội tụ với nhau mới ngưng kết chân khí, ngăn dừng Long mạch, tạo nên đất tốt.

Sinh mà không sinh, thế lực cô đơn.

Long mạch đến, tuy hoạt động mà có sinh khí, nhưng đến chỗ nhập thủ lại không kết huyệt, gọi là sinh mà không sinh. Vì hai bên Long không có tùy tùng, hoặc bị gió thổi, hoặc bị thủy chia cắt, cô đơn khuyết lực, không ai hỗ trợ.

Mẹ khỏe con yếu, tưởng chết mà sống.

Mạch đến, tuy khí thế khiếm khuyết nên tưởng như chết, nhưng khi nhập thủ làm huyệt vì có tổ tông sơn cao lớn, cách không xa, tổ khí còn thâm hậu, nên gọi là mẹ khỏe con yếu, sinh khí chưa tận.

Gối hạc lưng ong, chỉ e quỷ kiếp bất định.

Gối hạc là chỉ nơi Long chạy qua ở giữa to mà hai đầu nhỏ. Lưng ong là chỉ đoạn giữa thắt lại như đứt hẳn. Quỷ kiếp là chỉ sự phân chia của mạch. Phân chi ngắn và nhỏ là quỷ, nhiều và dài là kiếp. Gối hạc lưng ong vốn là sự kết cục, Long mạch sợ nhất là quỷ kiếp tán loạn, hoặc đến hoặc đi bất định, như vậy sinh khí bị tiêu tán, không thể tạo nên huyệt vị cát lợi.

Ong dồn kiến tụ, phải có lớp lang quy củ.

Các ngọn núi nhỏ trước huyệt vị dày đặc như bầy ong, tổ kiến, mà không tán loạn, lại có lớp lang, quy củ như đại tướng ở giữa, ba quân vây quanh, tiền hô hậu ủng, tả hữu răm rắp vâng lệnh, là đất đại phú quý.

Hổ phục rồng chầu, khỏi cần để ý xa gần to nhỏ.

Phàm nơi chân Long tạo huyệt, sẽ có Thanh Long uốn mình, Bạch Hổ nằm chầu, đó là cát huyệt, khỏi cần nệ xa gần, lớn nhỏ.

Nơi tận cùng Long mạch sợ chân khí bị tuyệt.

Lập huyệt phải kiềm chế sự suy vong, không thể để sinh khí tán thoát, vì vậy không nên cắm huyệt ở nơi Long mạch tận cùng.

Nơi đất ẩm thấp phải tránh suối nước lưu động.

Nơi ẩm thấp bốn mùa có thủy lưu xuất hiện, ở giữa không có sinh khí, chủ về tuyệt tự.

Đến thì dừng, dừng thì cô lập, phải có yểm trợ.

Kinh Thư nói : thế đến mà hình dừng, thì gọi là toàn khí, nơi toàn khí mà mai táng thì phải chọn nơi dừng cuối cùng. Nhưng nơi đó không thể sinh ra chi phái, là đơn sơn độc lũng, gọi là cô. Vì vậy cần có yểm trợ, có sơn mạch kèm hai bên, mới là đất cát lợi.

Đất đơn nhất không thể sinh sôi, muốn sinh sôi phải có âm dương giao hòa.

Cô âm độc dương gọi là âm dương không giao hòa, nên không thể sinh sôi. Một âm một dương gọi là lưỡng, phải trong âm cần dương, trong dương cần âm, âm dương giao hòa mới có cơ sinh thành, mới là đất phú quý.

Phải có thư có hùng.

Tính ý thư-hùng cũng tức là âm dương phối hợp, do vậy Long, huyệt, sa, thủy, khách, chủ, Long, Hổ đều có thư hùng.

Có thư hùng giao độ mà không đắc thủy, là thất (mất) độ.

Long, huyệt, sa, thủy, mỗi thứ có tình ý thư hùng giao độ, ngụ ý nói về huyệt pháp. Phàm ở nơi khí mạch dừng lại, bên trên có phân, bên dưới có hợp, gọi là thư hùng giao độ; trên có phân, dưới không có hợp là thư hùng thất độ.

Thanh Long, Bạch Hổ không vượt quá huyệt vị, gọi là lậu thai.

Thai là huyệt. Sơn hai bên bảo hộ mà quá huyệt, gọi là hộ thai, không quá huyệt gọi là lậu thai.

Hay nhất là Long, Hổ sơn có nhiều sơn phong.

Huyệt vị đã có Long, Hổ sơn hộ thai mà trên Long, Hổ sơn có nhiều đỉnh cao thì thật là toàn mỹ.

Đáng sợ là cấm huyệt ở nơi bùn nước.

Nơi ẩm ướt không có Long mạch gọi là "nê thủy huyệt" (huyệt bùn nước). Đem mai táng ở đấy thì tuyệt tự.

Nơi Long mạch hiện thân, cần có bình phong màn trướng.

Nơi thân Long bắt đầu hành tiến, sau lưng có núi cao nhô lên hộ vệ, cùng theo Long mạch mà đến, là Long đại quý.

Nơi chân Long kết huyệt, cần có đệm.

Trước huyệt vị có dư khi gọi là chẩn đệm, chủ nhân đinh hưng vượng.

Ẩn hiện thân sơ.

Sa phong hai bên thấy được gọi là hiện, không thấy được gọi là ẩn. Sa phong hướng vào nhau gọi là thân, quay lưng lại nhau gọi là sơ. Cách quan sát sa phong không cần chú ý ẩn hiện, chỉ cần xem tình ý thân sơ. Thân thì mới quý.

Cần xem kỹ hình dạng sa phong mà lấy hay bỏ.

Sa phong hai bên có thiên hình vạn trạng, nếu thấy đoan chính, tròn trịa thì lấy, thấy nham nhở, nghiêng lệch thì bỏ.

Sa phong nhọn như sừng trâu, răng hổ, chủ về kiện cáo.

Lên trên huyệt vị thấy hình dạng nhọn như đầu sừng trâu, răng hổ là chủ về kiện tụng, tai họa hình ngục. Nhưng nếu là hình dạng nghịch thủy mà sinh, uốn cong có tình như nha đao, thì lại là cát lợi.

Có huyệt vị nằm ở đáy nước.

Loại huyệt vị này rất kỳ dị. Long đến, khí thịnh, bỗng nhiên trầm mình xuống hồ sâu. Vậy là huyệt vị xuất hiện

dưới đáy hồ, phải có nhãn thần may ra mới phát hiện được nó.

Có huyệt vị xuất hiện ở giữa đá, gọi là chuyển Long hoán cốt.

Huyệt vị trong đá cũng rất khó nhận biết, Long đến biến đổi nhiều lần đột ngột, dưới đá trên tinh phong có đất, đó là thổ huyệt do thiên nhiên tạo ra trong lòng đá, phải là người có nhãn thần mới thấy được. Vì vậy Dương công nói : "Có huyệt vị kết ở trong khối đá, cũng có huyệt vị kết ở đáy nước sâu thẳm". Phải là người tài cao đức dày mới phát hiện ra sự biến hóa huyền diệu của trời đất và có thần linh mách bảo.

Phải nắm chắc tình trạng của Thanh Long, Bạch Hổ.

Thanh Long sơn có hình dạng uốn lượn; Bạch Hổ sơn thì phủ phục ngồi chầu là đẹp. Thêm nữa, Long Hổ đến bên thủy không nên quá dài, quá mạnh, ly khai thủy biên không nên quá ngắn, quá yếu. Nếu hình dạng Long Hổ lồi lõm, nhọn, ngang, quay lưng là vô tình, không cát lợi.

Hoặc ky Long đi Hổ về, hoặc ky Long về Hổ đi.

"Sa pháp" viết : "Rồng bay mà Hổ ôm lấy mộ phần, thì dòng con trưởng tuyệt tự. Hổ đi mà Rồng trở lại, thì con cái đều tha hương".

Thanh Long hoặc Bạch Hổ vòng lại, đều không được đâm thẳng vào huyệt vị.

Long, Hổ nếu quay vòng trở lại không được đâm thẳng, vô lễ, mà phải uốn mình, mềm dẻo, có tình ý.

Thanh Long hoặc Bạch Hổ chạy đi, phải ngoảnh nhìn lại.

Long, Hổ dù chạy đi, nhưng phải quay đầu nhìn lại. Nếu chỉ cắm đầu đi thẳng, thì xấu.

Nếu cắm đầu chảy đi thẳng, mà không có gì ngăn, che, thì chủ nhân ly hương, bôn ba nay đây mai đó, thất bại và tuyệt tự.

Thủy lưu chảy đi cuồn cuộn, sa phong cũng chạy như bay, thì chủ nhân đại bại.

Có Long sơn không có Hổ sơn hoặc ngược lại.

Nếu có Long sơn mà không có Hổ sơn, sẽ thuộc loại huyệt vị tả đơn đề, tả tiên cung. Nếu có Hổ sơn, không có Long sơn, sẽ thuộc loại huyệt vị hữu đơn đề, hữu tiên cung. Hai loại huyệt vị này có tả không hữu, hoặc có hữu không tả, chỉ cần chi sơn ở nơi đến hộ vệ, hưởng ứng thì vẫn tốt đẹp.

Nếu không có Long sơn, thủy lưu phải uốn quanh bên tả. Nếu không có Hổ sơn, thủy lưu phải uốn quanh bên hữu.

Không có Long sơn, thì thủy lưu phải từ bên tả chảy đến, uốn lượn bên hữu, bao quanh huyệt vị mà đi, mới cát lợi. Thủy lưu từ bên tả chảy đến mà không có sơn bên tả cũng được. Không có Hổ sơn thì phải có thủy lưu từ bên hữu chảy đến uốn lượn bên tả mà đi. Thủy lưu từ bên tả đến mà không có sơn bên hữu cũng khả dĩ.

Long mạnh Hổ yếu hoặc ngược lại.

Nếu Long mạnh, tối kỵ Long sơn nghển đầu áp huyệt. Nếu Hổ mạnh, tối kỵ Hổ sơn nghển đầu nhòm huyệt vị, gọi là cách ngậm xác (hàm thi)

Nếu hai cung tả hữu cùng chạy qua Tây cung, thì dòng (chi) trưởng thảm bại.

Cánh tay hai bên cùng đến, tuy có tình ý, nhưng thủy lưu trước huyệt chảy thẳng đi mà không có gì che chắn, thì sẽ dẫn đến kết cục thảm bại.

Nếu Đông cung chạy qua Tây cung, dòng trưởng sẽ thảm bại. Nếu cánh tay hữu xuyên qua cánh tay tả, dòng con út sẽ bần hàn. Nếu sau khi xuyên qua còn ngoảnh đầu lại thì không đáng ngại, thậm chí còn tốt đẹp. Phép điểm huyệt cũng giống như xem tướng cho người.

Điểm huyệt có nhiều cách, phải tùy hình và thế, không được sai lệch. Điểm huyệt chỉ cần cao hơn một thước sẽ chạm vào Long mạch, thấp hơn một thước sẽ chạm vào huyệt vị. Điểm sâu quá, chân khí sẽ lướt qua phía trên, điểm nông quá, chân khí sẽ lướt qua phía dưới. Vì vậy, điểm huyệt cũng khó như châm cứu cho người vậy.

Có Long sinh thành, ắt có huyệt vị sinh thành.

Long sinh thành thì khởi điểm và nơi dừng phân minh.

Huyệt vị sinh thành, thì âm dương hóa khí, phân hợp đâu ra đó, hợp lẽ tự nhiên.

Dù đơn hướng hay song hướng, điểm mấu chốt là phải xem có tình hay vô tình.

Nếu Long huyệt đoan chính, lập hướng tự nhiên, chủ khách có tình, thì có thể dùng 24 hướng của La bàn làm phương hướng, không câu nệ đơn hướng hay song hướng; Song hướng giống như Đinh thêm Ngọ, Bính thêm Tỵ vậy.

Nếu có thủy lưu uốn lượn, ắt có sơn phong uốn lượn. Hà tất phải dùng bát quái, cửu tinh.

Sơn thủy đã ngoảnh đầu nhìn vào trong, thì khỏi cần có phù hợp bát quái, cửu tinh hay không.

Đã không có, sao tìm cái có.

Không có, là chỉ Long mạch không cát, huyệt pháp không thật. Phong thủy sư ngày nay không biết phân biệt thật giả, ở chỗ chân khí bị tiêu tán còn hoài công tìm huyệt vị.

Ở chỗ có, tìm cái không có.

Có là chỉ chân khí dừng lại, thủy lưu giao hội, lạc huyệt đã kết. Nhưng nếu sa phong hai bên tả hữu và thủy lưu có tì vết, phương vị và hướng có sai biệt, thì gọi là tìm cái không có trong chỗ có, phải thận trọng tìm kiếm.

Tiền nhân không tinh mất hay tạo hóa cố ý dành cho người tích thiện.

Dương Công nói : "Chẳng phải các thuật sư không nhìn ra huyệt vị đại cát lợi, mà là tạo hóa cố ý để dành chỗ tốt đẹp cho người có phúc lớn được hưởng".

Bàn tay tả và cánh tay hữu có huyết mạch khác nhau như băng giá với hỏa nham.

Bàn tay người có huyết mạch bình hòa, chậm rãi, cánh tay người có huyết mạch thẳng và gấp. Một âm một dương, một chậm một nhanh, khác nhau như băng giá và hỏa nham.

Tôn chỉ với vô danh chỉ, gần nhau trong gang tấc, nhưng khác nhau như mây trời với bùn đất.

Tôn chỉ là ngón tay giữa, vô danh chỉ là ngón út, chỉ cách nhau có một ngón tay (ngón đeo nhẫn). Phương pháp điểm huyệt có chính thụ và tà thụ, cự ly cũng rất gần nhau, trong gang tấc, nhưng tiếp khí hay thoát khí lại khác nhau một trời một vực.

Thoát Long tựu cục, đa phần bị hạn chế bởi triều nghênh.

Đây là nói về việc từ bỏ Long mà thêm đường cục (cục thế Minh Đường). Một số thuật sư khi cấm huyệt bị hạn chế bởi cục thế chật chội, nhỏ hẹp. Nếu có thể từ bỏ Long mạch mà tăng thêm chân khí ở Minh Đường, thì không cần vì sự triều nghênh mà bỏ mất huyệt vị.

Nơi lớn thì tìm chỗ nhỏ, nơi nhỏ tìm chỗ lớn.

Quần sơn đều nhỏ, thì tìm huyệt mạch ở ngay chỗ lớn. Quần sơn đều lớn, thì tìm huyệt mạch ở ngay chỗ nhỏ. Nơi cao thì cúi xuống chỗ thấp mà tìm.

Hoành sơn phải thụ huyệt dọc, trực sơn phải thụ huyệt ngang. Cần chú ý tình hình sơn hộ vệ.

Muốn lấy huyệt vị trên sơn chạy ngang (hoành sơn), phải có sự yểm hộ, chống đỡ. Nếu không có yểm hộ, chẳng thể cấm huyệt.

Huyệt vị cần có triều sơn đoan chính.

Huyệt vị quý nhất là có triều sơn đoan chính, gọi là chủ khách nghênh tiếp, có tình ý với nhau. Nếu di động một bước, thì đất di động một tấc, sơn di động một trượng. Sơn di động, thì thủy lưu sẽ di động theo, đất quý cũng tùy theo đó mà phát sinh biến động.

Nội trực ngoại câu, có thể cắm huyệt.

Sa phong bên trong tuy thẳng, nhưng ngoại dương có hình móc câu (uốn lại), thì thời gian đầu tuy kém, nhưng cuối cùng lại phát đạt, cho nên có thể cắm huyệt.

Nội câu ngoại trực, chung cuộc đại bại.

Nếu sa phong bên trong tuy uốn vòng, nhưng ngoại dương lại chạy thẳng đi không chút tình ý, thì tuy lúc đầu có cát lợi nhỏ, nhưng rốt cuộc đại bại, cho nên không thể cắm huyệt.

Đừng nói tạo hóa thiên nhiên khó hiểu, chỉ cần quan sát sự biến hóa động tĩnh là đủ hiểu. Sơn vốn tĩnh, nên cần chọn thế động.

Sơn vốn là tĩnh vật, mà quý ở chỗ nhấp nhô chạy tới, gọi là cầu cái động trong thế tĩnh.

Thủy lưu vốn động, nhưng quý ở thế tĩnh.

Thủy vốn là động, song quý ở chỗ tĩnh lặng, tụ hội, trong trẻo, gọi là cầu cái tĩnh trong thế động.

Tĩnh là nơi ngừng chảy của thủy lưu. Động là sự thoái thác của Long mạch. Nơi quần sơn dừng tận là nơi có huyệt vị thật sự. Nơi nhiều thủy lưu hội tụ là nơi có Minh Đường. Giữa Minh Đường cần tụ lõm, sau huyệt vị tối kỵ hình viên ngói ngửa.

Trong khẩu quyết có câu : "Thử hỏi tình huống nào là không vong ? Là sau huyệt trống trải mà lộ hình thế viên ngói nằm ngửa".

Còn phải xem tình hình quan, quỷ, mới biết huyệt vị là thật hay giả.

Muốn biết huyệt vị thật hay giả, trước hết cần phân biệt quan, quỷ. Nếu có quan, quỷ mới là huyệt vị thật. Không có quan quỷ, ắt là huyệt vị giả. Phàm án sơn bao quanh phía trước mà xuất hiện chân khí dư thừa, thì gọi là Quan tinh; chân khí dư thừa xuất hiện phía sau huyệt vị, thì gọi là Quỷ tinh. Hình dạng quan, quỷ rất kỳ dị, tên gọi rất nhiều, phúc phận cũng rất phong phú. Đại thể chúng đều là các biến dị của cửu tinh.

Hình sơn bên ngoài chầu vào mà bên trong chật chội, thì huyệt vị phải cao. Sơn thế thô tráng mà hình gấp gáp, thì huyệt vị phải ôn hòa. Huyệt vị cao sẽ khiến mọi hung hiểm rớt xuống, huyệt vị ôn hòa sẽ khiến hình thế bốn bề hòa hoãn. Nếu sơn có hình thế hung ác hướng tới nơi nào, tai họa sẽ kéo đến khá nhanh.

Hình thế sơn phía trước huyệt mà nhọn như tên bắn, nham nhở, thô lậu, thì đều hung ác.

Nếu thủy lưu chảy gấp, nhưng đứng trên huyệt vị không nhìn thấy nó, thì hung họa đến tương đối chậm.

Thế thủy quay lưng chảy nhanh đi, kỵ nghe rõ tiếng xối vào đá, chủ hung họa. Nếu đứng giữa huyệt vị không nhìn thấy thủy lưu, thì hung họa đến chậm.

Phải tránh ẩm thấp, chọn nơi khô ráo.

Nơi kiến lập huyệt vị nếu có suối nước, đất bùn ẩm ướt, chủ về hung họa, phải tránh.

Nếu địa hình như có rất nhiều bông sen hồng quần tụ, huyệt vị sẽ ở chính giữa.

Quần tụ nghĩa là yểm hộ dày đặc ở hai bên huyệt vị, huyệt vị nằm ở chính giữa.

Quần sơn quần thủy chầu vào như các ngôi sao bao quanh Bắc cực tinh, thì đó cũng là huyệt vị đại quý.

Án sơn phía trước tạp loạn, cần tìm nơi có ao hồ.

Án sơn nếu tạp loạn, không có hình dạng triều nghênh cân xứng, nhưng ở Minh Đường có ao hồ sâu, thì vẫn là đất quý.

Hình sơn phía sau nếu chênh vênh, kỵ lập huyệt nơi đây.

Núi chênh vênh, cheo leo là nơi chứa sát khí, dù trên đó có chỗ lõm xuống, cũng khó tránh suy bại.

Hình thế kỳ quái, ta lấy người bô.

Long thật sự từ xa tới, nơi tận cùng đa phần kết thành huyệt vị kỳ dị. Người thực tài cấm huyệt ở đó, kẻ bất tài sẽ bỏ không lấy.

Long mạch thu móng vuốt, giấu răng, mấy ai biết là gặp thủy tạo thành chân huyệt.

Phàm Long mạch chưa dừng lại, nó còn nhe nanh múa vuốt. Khi sắp kết huyệt, nó sẽ thu vuốt, giấu răng. Nanh vuốt nhọn hóa tròn, động hóa tĩnh. Đó là chân Long, chân huyệt.

Long mạch khi vượt sông, sẽ vô hình vô ảnh.

Khi Long mạch vượt sông, thạch cốt sẽ ẩn tàng không thể thấy. Phải quan sát kỹ hình thế hai bờ sông mới hiểu được bí ẩn.

Nơi đất bằng xuất hiện mấy chỗ lồi lên, lớn nhỏ bất đồng, khiến người khó hiểu.

Dưới lòng đất có chân khí cát lợi đùn lên, thì mặt đất nơi ấy nhô lên ở chỗ này chỗ nọ.

Phải hiểu quan hệ giữa thủy lưu và Long mạch.

Địa mạch vượt sông cũng vô hình vô ảnh. Long mạch nơi bình địa ẩn hiện khó biết. Không có thủy lưu phân hoạch, thì không thể biết sự hành tiến của Long mạch. Không có thủy lưu phân giới hạn Long mạch, thì chẳng thể biết nơi Long mạch dừng lại.

Địa huyệt nơi bình dương, phải cân nhắc đắn đo.

Tầng đất nơi bình dương mỏng, chỉ nên đào nông, nếu đào sâu, mạch nước sẽ xói lở, gây tai họa.

Hình sơn cao gầy, phải lập huyệt trên cao.

Hình sơn tứ phía cao gầy, huyệt vị sẽ kết tụ ở trên cao.

Huyệt vị trên cao tối kỵ gió thổi.

Huyệt vị trên núi cao tối kỵ chỗ lõm có gió, hoặc núi tứ phía không thể che chắn, bị khuyết hãm bên tả bên hữu, sẽ làm cho sinh khí tiêu tán, gây tai họa liên miên.

Thủy lưu phía trước Minh Đường tối kỵ xối thẳng đến như mũi tên.

Thủy lưu phía trước Minh Đường phải uốn lượn mà đến hoặc đi mới là cát lợi. Nếu xối thẳng tới như mũi tên hoặc như hình chữ Xuyên (川), chữ Bát (八) là hung hiểm.

Đất đỏ, thủy vàng, đá đen, trong ngũ sắc, chỉ có màu vàng là chính sắc. Màu hồng hoàng là vô cùng đẹp, nếu pha thêm màu trắng thì càng hay. Nếu đất đá màu xanh đen và cứng, không đào khoét được là điềm hung. Nếu núi đá phía trên huyệt cheo leo thì không cát lợi. Một ngọn núi đơn độc cũng có thể dùng làm huyệt, chỉ cần tứ phía có che chắn.

Mặt đất đơn sơn độc lũng, nếu hình thế như trăng sao, như xà ngư... gọi là đơn sơn. Nếu Long là chân mà huyệt là chính, thì dù đơn sơn độc lũng cũng có thể là nơi an cư.

Nếu núi đá đơn độc, chẳng thể kết huyệt.

Nơi độc lũng, huyệt vị không có gì che chắn, trước sau không có hô ứng, yểm trợ, thì đó là nơi mạch tận, khí cùng, tuyệt đối không thể kết huyệt.

Nếu có gió thổi, thủy kiếp, không thể hạ huyệt ở đây.

Huyệt vị không có che chắn, yểm trợ là bị gió thổi. Thủy lưu xối đến như mũi tên là thủy kiếp, tối kỵ.

Tả hữu trống không là đất bỏ đi.

Sơn mé tả dài rộng vô tận, mé hữu chẳng có vật gì, là nơi bất lợi, chỉ có họa hại.

Long mạch quá hiệp, nếu gặp gió thổi, thì huyệt vị kém cát lợi.

Hiệp là yếu tố quyết định của Long mạch, do tạo hóa tạo nên. Nơi Long mạch quá hiệp, nếu hai bên không có hộ vệ, bị gió thổi, thủy kiếp, thì chỉ phát đạt phần nào, phúc phận bình thường. Nếu hai bên có hộ vệ, thì kết huyệt ở phía trước nhất định phát mạnh, phúc phận lớn lao. Bởi lẽ huyệt vị do hiệp đẻ ra cũng giống như người thụ thai. Khi hoài thai có bệnh, đưa con sanh ra ắt ốm yếu, kém cỏi.

Thủy lưu phải uốn lượn.

Theo đúng thủy pháp, mỗi một đoạn uốn lượn, phải có vũng nước đọng lại phía sau. Không uốn lượn, không có vũng nước đọng là vô tình.

Nhìn địa hình, phải tùy cơ ứng biến. Huyệt vị cao quá, dễ phát, nhưng cũng dễ tàn như hoa.

Theo huyệt pháp, huyệt vị ở cao quá thì chóng phát, song cũng chóng tàn lụi. Huyệt vị ở chỗ thấp, tuy phát đạt chậm hơn, nhưng cũng bền hơn.

Huyệt vị không được quá thấp.

Bởi lẽ như thế phần môi miệng và mũi quá gần, điểm huyệt quá chậm thì sẽ mất chân khí, hại cho môi miệng.

Có đất quý, còn phải theo đúng táng pháp.

Tuy đã có được đất quý, nhưng điểm huyệt cao thấp, nông sâu sai phép tắc thì vẫn hưng hiểm.

Định hướng, phải lấy phương Tý Ngọ làm chính. Lập huyệt, phải chọn ngày giờ.

An táng, làm nhà, đều phải chọn ngày, giờ, tháng, năm. Đương thời Dương công chọn kỹ ngày tháng năm. Hoặc xem

hướng, hoặc xem có hợp với mạng người chết, người sống. Tóm lại, chọn Lộc, Mã cho hợp với người. Các thầy phong thủy bây giờ khi chọn ngày chỉ tránh hung, sát, không tính đến sự tương hợp về Lộc, Mã, quý nhân, phương hướng Long mạch, là chưa đầy đủ.

Thầy phong thủy phải tinh thông địa lý.

Núi non dù có khiếm khuyết cũng không hạ thấp phúc dày của chân Long. Nhưng chọn sai năm tháng, thì đất cát lợi cũng thành tai họa. Sơn cát, thủy cát, huyệt cũng cát, tại sao lại liên tiếp gặp tai họa ? Đó là vì năm hung, tháng hung, ngày cũng hung. Cho nên phải cần thầy giỏi.

Thầy phong thủy phải coi âm đức là trọng, đừng tham cái lợi trước mắt cho mình mà hại cho người. Chiêm bốc không tinh, thật là đại họa cho mọi người. Chữa bệnh không giỏi, chỉ hại một người. Nhưng thầy phong thủy không tinh thông, thì hại cho cả một dòng họ. Điều này chớ nên xem thường.

Hoạ phúc do thủy ứng nghiệm nhanh chóng, do sơn ứng nghiệm chậm hơn.

Sơn là tĩnh vật lâu năm, họa phúc sẽ ứng nghiệm chậm. Thủy lưu thì động đêm ngày, ứng nghiệm hung cát rất nhanh.

Địa hình tuy cát lợi, nhưng mai táng sai phép tắc, cuối cùng vẫn là hung họa.

Long mạch tuy cát lợi, nhưng mai táng không đúng chính huyệt, phương hướng không hợp với thủy, thì là hung táng.

Định cát hung căn cứ vào tam cát tinh.

Tam cát tinh là Tham Lang, Cự Môn, Vũ Khúc. Xem Long mạch thì tính từ huyệt, tiến một bước và lùi lại một bước, coi Long mạch có mấy tiết mà định cát hung. Nếu thấy ba cát tinh, thì cả một đời sẽ phát đạt. Xem thủy thì tiến về phía trước huyệt một bước mà xem cát hung. Nếu sau vài bước thấy chỗ nước trong và sâu, thì sẽ phát tài bấy

nhiêu năm. Nếu thấy nước chảy xiết thì mấy năm đó sẽ hung hiểm.

Kiếp hại xuất phát từ nơi nào thì sẽ ứng nghiệm tại tam hợp và tứ xung.

Kiếp hại là sơn thủy hung ác. Tam hợp ví dụ như Dần Ngọ Tuất. Tứ xung ví dụ như Tý Ngọ Mão Dậu.

Gặp đất tốt sẽ phát, gặp đất hung sẽ bại. Sơn cao mà thủy thấp, thì Minh Đường rộng và bằng phẳng. Thủy lớn mà sơn nhỏ, thì tổ tông sơn phải cao to. Long mạch nhấp nhô lên xuống, sẽ kết huyệt phú quý.

Long mạch ở giữa các sơn cốc sẽ nhấp nhô lên xuống, đứt rồi lại nối, ở trên bình địa sẽ tiếp liền nhau, dù có đứt lại nối liên tục. Đó là sự hoán đổi tinh tú. Nơi tận cùng sẽ là đất lớn đại phú quý.

Nơi thủy lưu lại có thủy lưu khác uốn quanh như cánh cung, ắt phát phúc lâu dài.

Ở nơi thủy lưu theo Long mạch chảy đến lại có dòng kênh, mương uốn quanh như hình cánh cung, thì chủ nhân sẽ phát phúc lâu dài.

Thiên quan và Địa trục chứng tỏ phú quý nhanh hay chậm.

Thiên quan là cổng trời, là kỳ sơn dị thạch nơi thủy lưu chảy đến. Địa trục là sản vật của đất, là gò đống, thạch ấn che chắn nơi thủy lưu chảy đi.

Trâu đất sợ dây thừng căng.

Trâu đất là chỉ huyệt vị, sợ thủy lưu chảy thẳng như dây thừng, không có chỗ dừng tụ, chủ về sự chết chóc, thất bại.

Mãnh hổ sợ mũi tên bắn lén.

Hổ đây là chỉ Long huyệt, chứ không phải Bạch Hổ sơn ở mé hữu. Khi Long quá mạch, có sơn cước nhọn nhắm vào

lưng huyệt hoặc thủy lưu xối mạnh vào lưng huyệt, thì gọi là bị bấn lén, phá tán sinh khí.

Huyền vũ sơn không nên lè lưỡi.

Dư khí trước huyệt kéo dài mà hai bên không có gì bao bọc, gọi là "Huyền Vũ lè lưỡi". Trong "Huyệt pháp" có nói : "Huyền Vũ lè lưỡi thì điểm huyệt trên cao".

Chu Tước sơn tối kỵ nham nhở.

Sơn phong phía trước huyệt vị tối kỵ nham nhở, lồi lõm, lở lét..., sẽ gây nhiều tai họa.

Trước huyệt, kỵ thấy hầm hố.

Trước huyệt nếu có hố sâu, thì gọi là Âm tuyền, như vậy không có chân khí dư thừa, chủ sự chết chóc, thất bại.

Trên tay tối kỵ có giao lộ.

Trên hai cánh tay Thanh Long, Bạch Hổ tối kỵ có giao lộ, gọi là "giao đao", chủ sự sát thương, tù đày.

Thượng bất chính, hạ tắc loạn.

Phía trên chênh vênh, thì Long mạch tán loạn. Chủ hung hiểm.

Mé tả trống trải, mé hữu được vây bọc, cũng vô dụng.

Đây là nói nếu thủy thế chảy sang mé tả, tất phải có sa phong bên tả bao bọc mới làm cho chân khí tụ lại. Nay mé tả trống trải thì dù mé hữu được nhiều sa phong vây kín, vẫn không thể kết huyệt nơi đây.

Ngoại mạo tựa hồ không đủ, nhưng nội tướng có dư, ai hiểu tình huống này ?

Quan sát diện mạo bên ngoài, tựa hồ sa phong và thủy lưu đều vô tình, không thể tạo huyệt, nhưng leo lên huyệt vị mà nhìn, thấy tình ý có dư. Tình huống này cần phân biệt cho thật kỹ.

Đại thể là chính, tiểu tiết là phụ.

Long mạch, huyệt vị phân minh, sa phong, thủy lưu yểm trợ, thì dù có những thiếu sót nhỏ, cũng có thể biến hung thành cát.

Vì sao tinh thần của Long mạch hiển lộ lại là triệu chứng hung ác ? Vì sao hình thể Long mạch ẩn khuất, lại là triệu chứng cát lợi ? Bởi vì ẩn khuất sẽ xuất hiện tông tích kỳ dị; hiển lộ thì phần lớn là huyệt giả.

Trước Minh Đường có lớp lớp gò đống là cát lợi.

Trước Minh Đường có nhiều đất như những cái chuông úp, như quân sĩ nhất tề tuân lệnh, là đất cực phú quý.

Hoa biểu, Cản môn trấn giữ thủy khẩu.

Một ngọn núi nhô cao gọi là Hoa biểu. Hai ngọn núi cùng nhô cao, gọi là Cản môn. Thủy khẩu được Hoa biểu, Cản môn trấn giữ, thì ở trong tất là đất cực quý.

Lâu đài, Cổ giác trên la thành.

Sơn phong cao tròn lô nhô gọi là lâu đài sơn. Sơn phong nhọn chĩa lô nhô gọi là Cổ giác sơn. Chúng la liệt trên La thành, thì sẽ kết thành đất cực quý.

Địa thế đế đô, đại quận.

Sơn thủy đại hội tụ mà cục thế khoáng đạt, có thể kiến lập đế đô hoặc châu quận, tối thiểu cũng sẽ trở thành thị trấn hoặc thôn trang nổi danh.

Quần sơn hội tụ, chủ nhân vừa phú vừa quí.

Núi non đều dồn tụ chầu vào, thì phú quý song toàn.

Bách vật đồng qui, phúc lộc vô tận.

Quần sơn quần thủy tụ hợp, thì sinh khí đại vượng, chủ nhân phú quí vô cùng.

Sơn thủy tương xứng mới cát lợi.

Sơn và thủy, thủy và sơn chỉ có tương xứng mới cát lợi, toàn thiện toàn mỹ. Sơn hơn thủy, thủy hơn sơn là hung.

Long Hổ tỉ hòa mới cát.

Thanh Long, Bạch Hổ quý ở chỗ nhường nhịn, chứ không đấu tranh với nhau.

Bát môn khiếm khuyết, dù giàu có đến mấy cũng chết đói.

Bát môn là tám hướng, nếu có khiếm lõm, sẽ bị gió thổi tứ phía thốc vào huyệt. Táng ở đây sẽ có người chết đói.

Tứ thủy qui lưu mà tứ thú hội tụ, dù sinh ở gia đình nghèo khó, cũng sẽ làm đến chức công khanh.

Bốn dòng nước quy tụ ở Minh Đường, tứ thú (Thanh Long, Bạch Hổ, Chu Tước, Huyền Vũ) hộ vệ xung quanh Minh Đường, thì sẽ xuất hiện bậc đại quan.

Trong đột có quật, trong quật có đột, nên cấm huyệt.

Đột (nhô) là Dương, quật (hang, hố) là Âm. Trong đột có quật là Dương tàng Âm, trong quật có đột, là Âm tàng Dương. Cát lợi.

Tìm Long mạch tốn bao công sức, thấy gò đất ở nơi bình địa thì lấy ngay.

Sơn cốc là sơ thủy (phần đầu) của lưng Long, nơi đây khí thịnh vượng, dễ có núi cao. Nhưng đến vùng bình địa, khí mạch ẩn tàng, vậy ở vùng đó thấy có gò đất nhô lên chính là nơi chân khí vượng thịnh.

Hình sơn đẹp đẽ mà vọng lại tiếng nước réo, huyệt vị vô cùng hung hiểm.

Núi non tuy đẹp đẽ, nhưng thủy lưu xối thẳng gấp gáp, âm thanh phức tạp, thì sinh khí tán loạn.

Thủy cấp sơn thô, chỉ làm đền miếu.

Nơi nước chảy gấp, âm thanh phức tạp, thế núi hiểm ác, không thể làm nhà, xây mộ, chỉ có thể dựng đền miếu.

Bất luận nơi núi cao hay đồng bằng, phải đào huyệt cho sâu.

Núi cao chân khí trầm xuống, phải đào huyệt sâu. Đồng bằng, chân khí nổi nông, tại sao cũng đào huyệt sâu ? Đó là để người và cây cối không thể xâm phạm, súc vật phá phách. Riêng vùng bình dương mới đào huyệt nông, song phải lấy đất nơi khác đắp mộ cho cao.

Phong thủy địa lý quí ở chỗ Long mạch và huyệt vị chân chính, thủy lưu và sa phong phân minh. Nếu lên núi thấy một dòng thủy lưu chảy xéo, thì chủ nhân sẽ mất chức. Vào huyệt thấy quần sơn quay lưng, thì chủ nhân phải ly hương. Thấy ngọn núi nhọn nhô cao cô độc, ao hồ nước đục, thì tốn công đèn sách mà cuối cùng vẫn chẳng thành danh.

Trước huyệt dù có văn bút phong đẹp đẽ nhưng cô đơn, dù có ao hồ đầy tràn nhưng nước đục, thì dù tốn công dùi mài kinh sử, cũng không thể thành danh.

Tài phú sơn bị thủy kéo đi, như hoa bị ong hút mật.

Sa phong hai bên tròn trịa gọi là tài sơn. Tài sơn phải chầu vào mới cát lợi. Nếu bị thủy kéo đi, thì tiền tài sẽ rơi hết vào tay kẻ khác, như hoa bị ong hút hết nhụy mật.

Một năm nhiều lần di chuyển, nhất định ở huyệt vị thủy lưu uốn lượn chín khúc. Làm quan 10 năm không lên chức, chắc chắn vì sơn không toàn mỹ. Thủy lưu uốn lượn hữu tình, dù không hợp tinh tú, cũng cát lợi. Sơn thế nếu nghiêng lệch, dù hợp quẻ, cũng hung hiểm. Tuyệt tự là do sơn cùng thủy tận. Táng gia bại sản là do sơn phi thủy tán.

Sự cao thấp của tước vị là do Long pháp quyết định.

Thiên Ất, Thái Ất nhô cao, làm đến đại thần.

Thiên Ất, Thái Ất là hai ngôi sao ở hai phương vị Tốn, Tân, ở hai bên phía sau huyệt vị. Nếu hai sao này nhô cao, thì sẽ xuất hiện đại thần.

Cầm tinh, Thú tinh ở thủy khẩu, chủ nhân được vào viện hàn lâm.

Nếu ở thủy khẩu có hai sao tượng Cầm thú, sẽ xuất hiện viện sĩ hàn lâm.

Mấy ngọn núi cao vút tới mây trời, sẽ xuất hiện công khanh.

Đào công nói : "Nếu có các sơn phong chĩa lên trời như cây tháp bút, sẽ xuất hiện bậc hào kiệt".

Thủy lưu chín khúc tụ ở Minh Đường, chủ nhân sẽ làm tể tướng.

Thủy lưu uốn lượn triều hướng Minh Đường, sẽ có quý nhân làm tể tướng. Nhưng nếu thân Long không quý, huyệt pháp không đúng, dù có nhiều ngọn núi cao vút lưng trời, thủy lưu triều hướng Minh Đường, cũng sẽ chẳng ứng nghiệm.

Mé tả có cờ, mé hữu có trống, xuất hiện võ tướng. Mặt trước có trướng, mặt sau có bình phong, xuất hiện quan văn. Nếu có hình dạng trì ngưu vọng nguyệt, xuất hiện thần đồng.

Nguyệt là Kim tinh, nếu thanh tú, thấp nhỏ, sẽ xuất hiện thần đồng.

Văn bút phong nối liền với Cáo trục sơn, chủ nhân đỗ tiến sĩ.

Văn bút phong tiếp liền Cáo trục sơn, xuất hiện bậc văn chương khoa cử.

Tịch mạo sơn nối liền Ngự bình sơn, xuất hiện quan văn.

Tịch mạo sơn nối liền Ngự bình sơn, sẽ làm quan đọc sách làm thơ.

Sơn phong hình đao kiếm, xuất hiện đại tướng.

Một dãy núi nhọn vòng quanh gọi là nhị đao. Hai dãy núi vòng quanh gọi là nhất kiếm. Nếu hai bên thân Long xuất hiện hình dạng đó, sẽ xuất hiện đại tướng cầm quân viễn chinh.

Cổ giác, Mai hoa sơn, chủ nhân làm tri châu.

Cổ giác, Mai hoa sơn là chỉ hình dạng năm ngọn núi liền nhau, nếu ở giữa có 1 ngọn nhô cao, sẽ xuất hiện chức quan tri châu.

Sơn phong có hình lọ bạc, chủ nhân giàu tựa Thạch Sùng.

Ngọn núi nhỏ, tròn như hình chiếc lọ bạc, chủ đại phú.

Sơn phong có hình đai ngọc, cá vàng, chủ nhân cực quý hiển.

Thủy tinh uốn quanh gọi là đai ngọc, Kim tinh tiểu xảo, gọi là cá vàng. Gộp lại gọi là ngọc đới, kim ngư. Thấy hình dạng ấy trước huyệt, thì chủ nhân sẽ quý hiển.

Sơn phong hình hoa sen tụ thành nhiều lớp, xuất hiện bậc công khanh.

Nếu trước huyệt có nhiều sơn phong hình hoa sen, chủ xuất hiện đại thần.

Có Nga My sơn, con gái trở thành vương phi.

Nga My sơn trông như hình trăng non, là Thái Âm Kim tinh. Chủ nữ nhân xinh đẹp, được ân sủng như vương phi.

Có Kim cáo sơn, con trai lấy công chúa.

Kim cáo sơn là Thổ tinh, như cái kỷ án đặt ngang, hai đầu hơi cao, gần đó có Nga My sơn tương xứng, thì con trai thành phò mã.

Ngư đại sơn nếu ở cung Đoài, chủ nhân thành khanh tướng.

Phương tây Kim tinh, gọi là Kim ngư đại (túi cá vàng), chủ xuất hiện quan đại thần.

Thiên Mã sơn nếu ở phương Nam, chủ nhân làm quan đến chức công hầu.

Thiên Mã sơn nhô cao ở phương Nam, gọi là Mã tinh. Nằm ở trong Viên cục thì sẽ xuất hiện đại quan. Lưỡng Mã giao trì cũng vậy.

Trác kỳ sơn chủ xuất hiện tướng quân.

Trác kỳ sơn là Hỏa tinh, nếu nhô cao, sẽ xuất hiện võ tướng.

Văn võ bất đồng.

"Hắc Tương Kinh" viết : "Long mạch quan văn là lâu đài, phượng các (gác tía). Huyệt vị quan văn là Hoa Cái, Tam Thai. Sa phong quan văn là cờ trống, quý nhân. Thủy lưu quan văn là hai bên đi, đến thẳng băng. Long mạch quan võ là Hỏa tinh, Mộc tinh. Huyệt vị quan võ là xuất thân cờ đỏ; sa phong quan võ là đao kiếm triều nghênh. Thủy lưu quan võ là Hỏa thành chảy dài.

Nhận chức nơi đâu, căn cứ phương hướng.

Muốn biết chủ nhà nhậm chức ở châu hoặc quận nào, chỉ cần xem phương hướng của sơn phong cao quý, sau đó đối chiếu với sự phân bố chín châu sẽ rõ.

Cao mà tròn lớn gọi là thương, vuông vức gọi là khố. Nếu thân Long có các sơn phong hình thương khố (kho, đụn) thì ở nơi Long dừng lại kết huyệt, hai bên lại có thêm sa phong hình thương khố yểm trợ, chủ nhân trở nên bậc đại phú.

Nếu có sinh diệu, sinh quan xuất hiện, chủ nhân nổi danh khắp thiên hạ

Nơi Thanh Long, Bạch Hổ có dư khí bốc lên, gọi la "Diệu khí", phía sau Án sơn có sơn phong bái Long, gọi là "Quan tinh". Diệu, Quan chiếu huyệt thì danh nổi như sóng cồn.

Nếu Văn tinh thấp bé, thì văn sĩ yểu tử như Nhan Hồi, nếu Thiên trụ nhô cao, thì người sẽ thọ như Bành Tổ. Có Ấn nổi trên mặt nước, ắt văn chương xuất sắc, có thủy tụ ở thiên tâm ắt sẽ phú quý.

Vật chất có nhiều loại, đa dạng về hình thể. Phàm khi điểm huyệt, phải xem hình thể ngũ tinh mà định cát hung.

Hổ và sư tử có hình dạng tương tự.

Thể hình của mãnh hổ cao lớn mà tròn trịa, của sư tử thì vuông vức hơn.

Đại nhạn và phụng hoàng cũng không khác nhau là mấy.

Đại nhạn đầu đuôi tương đối ngắn, Phụng hoàng thì dài hơn. Tinh phong có hình thể cầm điểu (chim chóc) thì mạng vận cao quý.

Lộc mã dễ nhầm.

Lộc (hươu) có hình dáng gầy mà đầu bằng, Mã (ngựa) thân mập, đầu cao.

Khâu Xà cúng dễ nhầm.

Hình dạng của Khâu (giun) ngắn, Xà (rắn) thì thân dài hơn.

Văn bút và họa bút, nha đao và sát đao, có gì khác ? Nếu dãy núi đẹp đẽ, thì sát đao hóa thành nha đao. Nếu chủ nhân non kém, thì văn bút biến thành họa bút. Giáo mác là hung khí, nhưng gặp võ si sẽ có hiệu quả kỳ diệu. Phù thi (xác chết nổi) vốn xấu, gặp bầy quạ sẽ hay. Ấn kiếm vốn chỉ thiên sư mới biết sử dụng. Hương Lô (lò hương) là của thầy mo.

Ấn kiếm sơn sẽ có thiên sư hoặc tăng lữ xuất hiện, Hương lô sơn chủ xuất hiện thầy mo.

Hổ lô sơn sẽ xuất hiện thuật sĩ, y sĩ.

Long mạch và huyệt vị là chính.

Phàm Long mạch chân, huyệt vị chính, thì dù sa phong hung hiểm cũng sẽ biến thành cát lợi. Long mạch bần tiện, huyệt vị giả, thì sa phong cát lợi cũng biến thành hung hiểm. Cổ nhân từng nói, Sa phong giống như mỹ nữ, quý tiện đều tùy ở người chồng. Thủy lưu giống như tinh binh, tiến thoái tùy ở tướng lĩnh.

Con cháu bất hiếu, thủy lưu trước huyệt có hình chữ bát.

Nếu thủy lưu trước huyệt phân thành hình chữ bát mà chảy đi, thì con cháu sẽ phản nghịch bất hiếu.

Nam nữ dâm đãng, ngoài Án sơn có Bao đầu sơn.

Bao đầu sơn là chóp núi như có cái bao đầu, chủ nam nữ dâm đãng.

Hình chiếc ấn nham nhở, chủ mù mắt hoặc hỏng thai.

Núi hoặc đá có hình ấn nham nhở, chủ về mù mắt hoặc hư thai.

Thám đầu sơn, Trắc diện sơn, chủ xuất hiện phường trộm cắp.

Ngoài ngọn núi có ngọn núi khác hơi nhô lên, gọi là Thám đầu sơn, hơi lộ ở đầu bên sườn, gọi là Trắc diện sơn. Hai hình dạng sơn như thế chỉ xuất hiện phường trộm cắp.

Thức lệ sơn, Chùy não sơn, chủ yểu tử.

Sơn ở hai bên tả hữu uốn vòng thẳng xuống sát huyệt vị như hai tay, gọi là Thức lệ sơn (thức lệ = lau nước mắt). Sơn nhô cao như đánh vào não huyệt vị gọi là Chùy não sơn (chùy não = đấm vào não). Hai dạng sơn này chủ chết non.

Đảo thi sơn, chủ chết đường.

Thủy khẩu có sơn như người nằm ngửa, gọi là Đảo thi sơn. Chủ người chết đường.

Thủy cước sơn, chủ bệnh phù thũng.

Trước mộ có sơn mà phần chân phình to, gọi là Phù thũng sơn, chủ bệnh phù thũng.

Mãnh hổ sơn lâm phải có cách diệt trừ.

Tinh phong kết huyệt cao mà lộ, như mãnh hổ trong rừng, gần đó phải có Án sơn bao quanh, mới tránh được tai họa.

Rắn núp trong cỏ phải có cách chế ngự.

Thế đi như rắn, rất sợ nhọn và có sát khí, phải né tránh sát khí mới mong thoát hiểm.

Thuyền phải ở gần bến bãi.

Hình thuyền phải ở gần thủy, đây là tỉ dụ về huyệt vị đắc thủy.

Mặt nước có cá bơi thì quý.

Đây là tỉ dụ về huyệt vị nghịch thủy lưu, khi có thủy lưu chảy đến thì mở Thiên môn.

Lá sen không thể gánh trọng trách.

Huyệt vị hình lá sen thì lực nhỏ mà chân khí nổi. Dùng lá sen để tỉ dụ.

Long mạch nơi bình dương há sợ gió thổi ?

Long mạch vùng bình dương bằng phẳng như bàn tay, nên không sợ gió thổi.

Bình sa lạc nhạn thích hợp nhất trong thủy.

Đây là nói huyệt vị ẩn tàng trong hồ nước hoặc ở gò đất nổi giữa hồ. Dưới đáy nước có thạch cốt quá mạch, tạo thành huyệt vị, đừng vì xung quanh toàn là nước mà bỏ mất huyệt vị ấy.

Huyệt vị nhân hình, tất phải táng ở giữa phần bụng, chỗ lõm để tránh gió thổi.

Nhân hình đa phần là Thủy tinh, Hỏa tinh cao lộ mà thành, nên rất sợ gió thổi, vì thế phải tạo huyệt ở chỗ lõm để tàng phong, tụ khí.

Huyệt vị cầm hình (hình chim) quý ở chỗ nách cánh, không cần câu nệ bên tả hay bên hữu.

Hai cánh của cầm điểu (chim chóc) quý ở chỗ bao tàng, bất luận bên tả hay bên hữu, chỗ nách cánh đều là cát lợi.

Phải xét kỹ hình huyệt gồm bốn loại Cái, Niêm, Kỷ, Chương.

Cái là chỉ chân khí hội tụ ở đỉnh núi là Thiên huyệt, gồm ba dạng : Hoa Cái, Vân Cái, Bảo Cái. Niêm là khí mạch thịnh vượng, hội tụ ở chân núi, là địa huyệt, gồm hai dạng Hư Niêm, Thực Niêm. Kỷ là chỉ khí mạch tụ hội ở bên cạnh, là Long Nhĩ huyệt, gồm hai dạng Hư Kỷ, Thực Kỷ. Chương là chỉ chân khí hội tụ ở chính giữa, tức Nhân huyệt, gồm hai dạng Khinh Chương, Trọng Chương. Nếu Triều sơn cao là Trọng, là tốt; nếu triều sơn thấp là Khinh, cũng tốt.

Thôn, thổ, trầm, phù, nhất định phải theo táng pháp.

Khí mạch có âm dương, nên huyệt vị có thôn (nuốt vào), thổ (nhả ra), trầm (chìm xuống), phù (nổi lên). Phàm Long mạch đến táng khẩu là thuần âm, thì sẽ thẳng như sống kiếm, thì ván trên của quan tài phải nhô ra thêm 2 phân, gọi là "thổ" (nhả ra), vì âm khí co xuống, phải mượn một hơi dương khí, chân khí mới âm dương tương sinh. Phàm Long mạch đến táng khẩu là thuần dương, giống như đốt tay, thì ván thiên của quan tài phải lui vào 2 phân, gọi là "thôn" (nuốt vào), vì dương khí áp xuống, phải mượn âm khí hút vào, chân khí mới âm dương tương sinh. Âm là cường, khí mạch đến mạnh gấp, từ trên đi xuống, là thiên khí hạ giáng, sinh khí lộ mà không ẩn, gọi là "phù" (nổi). Dương là nhược, khí mạch đến trầm tế, từ dưới mà lên, là địa khí bốc lên, sinh khí ẩn mà không lộ, gọi là "trầm". Táng đúng phép, sẽ thành sinh khí. Táng sai phép, sẽ thành tử khí.

Môi, rốn, mắt, đuôi, trán, bụng, sáu thứ ấy tam cát, tam hung.

Môi, mắt, đuôi là tam hung, trực lộ mà thiên lệch. Rốn, trán, bụng là tam cát, ẩn tàng mà trung chính.

Sừng, tai, lưng, chân, mũi, sườn, sáu thứ ấy tứ hung nhị cát.

Tai, mũi, là nhị cát, chân, sừng, lưng, sườn là tứ hung.

Chóp núi như nấm đấm, xuất hiện hung đồ.

Chóp núi của Long sơn, Hổ sơn nhô cao như nấm đấm là hung.

Thủy lưu xung phá Thái Âm, con gái trăng hoa.

Thái Âm là chỉ Nga My Kim tinh, nếu thủy lưu xói vào Kim tinh thành hố lõm, thì con gái trăng hoa đĩ thõa.

Văn khúc tinh thiên lệch, con gái trăng hoa.

Văn Khúc tinh nghiêng lệch thì là Mộc tinh, chủ con gái, con trai dâm đãng, trụy lạc.

Đầu mọc sừng, con bất hiếu.

Đỉnh triều sơn mọc hai cái như sừng dê, chủ xuất hiện kẻ phản nghịch, bất hiếu.

Trên đầu có nếp gấp như sườn trâu, chủ kẻ phạm pháp bị xử hình.

Núi có hình dạng như sườn trâu, chủ về hình pháp tù đày.

Văn bút phong cư Ngọ, hỏa hoạn đáng sợ.

Văn bút phong là phương vị Hỏa tinh xung thiên, nếu cư ở Ngọ là chính nam, thì sẽ có hỏa hoạn đáng sợ.

Quân tử đứng giữa bầy tiểu nhân.

Sơn phong tứ bề tản mạn, ở giữa có một ngọn núi đoan chính vượt trội lên, thì giống như quân tử đứng vững giữa đám tiểu nhân.

Tiểu nhân như cỏ giữa đám hoa sen.

Sơn phong tứ bề đoan chính, ở giữa có một ngọn núi xấu xí khó coi, thì như trong đám quân tử có kẻ tiểu nhân.

Trong đá có ngọc, con cái thành tài.

Chủ tinh sao chính, ở gần huyệt vị đẹp đẽ hơn hẳn các tinh tú ở phía sau, gọi là mẹ tiện con quý, con sẽ thành nhân tài kiệt xuất.

Tuyệt tự chỉ vì thủy lưu xung phá Thiên tâm.

Thiên tâm là huyệt vị, phàm điểm huyệt phải tiếp nhận sinh khí. Nếu ở chỗ nhập thủ không có khí mạch, thì mặt trên không phân khai, thủy lưu sẽ xối thẳng vào huyệt vị, dẫn đến tuyệt tự, không người nối dõi.

Con cái xuất gia tu hành, vì thủy lưu xung phá chân thành.

Chân thành là chỉ chân núi Long sơn, Hổ sơn, bị thủy lưu xối vào sẽ lở lói, con cái sẽ thành hòa thượng, đạo sĩ.

Tiếng nước chảy nghe như tiếng khóc than, chủ chết chóc. Tiếng nước chảy nghe như tiếng vàng tiếng ngọc, chủ phát tài.

Thanh âm của thủy trong sáng vui vẻ, chủ phát tài, thăng quan tiến chức. Thanh âm của thủy nghe buồn bã thê lương, chủ chết chóc suy bại. Có thanh âm không bằng vô thanh âm.

Một đến một đi, có phúc cũng có họa. Một gấp một chậm, có lợi cũng có hại. Hai mươi bốn sơn, tên gọi phức tạp. Ba mươi sáu huyệt, huyệt pháp cũng rắc rối. Phải chú ý xem xét bốn hướng, nắm chắc ngũ hành. Sơn quay mình mà tạo huyệt, tất chúng sơn bên ngoài phải ngoảnh đầu lại.

Thế quay mình đa phần không có Long sơn, Hổ sơn, bên ngoài phải có ngọn núi quay đầu nhìn lại mới là cát lợi.

Quý nhất có che chắn ẩn tàng, kỵ nhất là khuyết trống.

Minh Đường kín đáo, thủy khẩu che chắn, trong huyệt tàng ẩn, là nơi sinh khí hội tụ, cát lợi. Minh Đường trống trải, La thành khuyết hở, huyệt bị gió thổi, sinh khí tán thoát là hung hiểm.

Sơn ở phía sau huyệt vị không được dựng đứng mà gầy gò.

Sơn ở phía sau huyệt vị dựng đứng gọi là Huyền Vũ không cúi đầu, là "cự tử" (tuyệt tử), nơi như vậy không thể tạo huyệt.

Thủy tối e chảy thẳng đi.

Thủy chảy đi phải uốn lượn, tối e ngại chảy thẳng đi vô tình, vì chủ sự thất bại.

Càng kỵ thủy đến ngắn mà đi đài hoặc nghiêng tả lệch hữu. Thủy chảy đi mà gấp, dù uốn lượn cũng là suy bại. Thủy khẩu tuy có che chắn, nếu không trùng điệp thì dễ thành dễ bại. Thế đến của sơn phong như lớp lớp sóng dồn, là cát lợi.

Long mạch đến tuy không thanh thoát đẹp đẽ, nhưng tròn trịa, trùng trùng điệp điệp như các lớp sóng lớn, cũng được coi là đặc biệt.

Thế mạch liên tục, khỏi cần đồi núi cao.

Nếu Long mạch như đứt mà không đứt, liên tục chạy đến thì rất cát lợi, không cần có đồi núi nhỏ cao hộ vệ.

Mạch thế quí ở chỗ liên tục, sơn phong quý ở chỗ trùng điệp. Can sinh chi, chỉ kỵ tán loạn.

Chính Long gọi là Can, can sinh chi, chi lại sinh chi, phải yểm hộ mới cát lợi, tối kỵ tán loạn vô tình.

Hình thái hồi Long cố tổ, tổ sơn không sợ cao.

Cục diện Long quay đầu nhìn về tổ tông, lấy tổ sơn làm triều củng, nên tổ sơn không sợ cao.

Phải phân biệt lão, nộn, thô, tinh.

Lão là chỉ chênh vênh cứng cỏi, nộn là chỉ thấp lùn mềm yếu, thô là chỉ thô tục, hùng dũng, tinh là chỉ thanh tú, tròn trịa.

Quan sát kỹ sinh, vượng, hưu, phế.

Sơn thế lưu động là sinh, nhô lên là vượng, ẩn phục là hưu, tĩnh lặng là phế. Thủy lưu uốn lượn là sinh, chảy gấp là vượng, dừng lặng là hưu, cạn dần là phế.

Dương trạch kỳ thực cũng như âm trạch.

Nhà ở cũng không khác mộ phần.

Tối trọng yếu là địa thế rộng rãi, bằng phẳng. Minh Đường không nên chật chội. Nếu cư trú ở sơn cốc, quan trọng nhất là kín gió. Ở vùng bình dương, trước hết thủy thổ phải có dư, cần khai mở thì khai mở; sơn phong không đủ, cần bồi thổ thì bồi thổ (đắp thêm đất). Có nhà trước mới có mộ, nếu xây mộ trước, ắt dương trạch (nhà ở) sút kém. Có mộ trước, làm nhà sau, nếu nhà ở hưng thịnh, thì mộ phần suy bại. Thủy lưu phải có tình, nếu quay lưng hướng ra ngoài, là hung hiểm.

La tinh nên ở thủy khẩu, kỵ ở Minh Đường.

Núi nhỏ và gò đống gọi là La tinh, nên xuất hiện ở thủy khẩu, không nên ở Minh Đường. Nếu ở gần Minh Đường, sẽ gây tai họa. Điều vừa nói áp dụng cho cả nhà ở lẫn mộ phần.

*

Pháp độ thăm dò địa lý phong thủy cố nhiên khó mà trình bày cho thật rõ ràng, toàn diện. Những điều huyền diệu phải tự mình tìm tòi mà thấu triệt. Khi đạt tới mức sâu sắc vi diệu, thì tự nhiên sẽ say mê đến quên ăn quên ngủ. Nhưng ít ai lãnh hội đến cùng cái tâm của Khổng Tử. Tin vào sách vở, nhưng còn phải dựa vào con mắt quan sát tinh tường của mình. Tuy bảo là người do trời định, nhưng phúc phận của đời người còn phải do người tự định đoạt. Bậc trí giả coi trọng thủy, bậc nhân giả coi trọng sơn, mỗi người có ý thích riêng. Trời sinh người, đất sinh huyệt, đâu phải lẽ ngẫu nhiên ? Muốn tốt đẹp, phải tích nhiều âm đức. Tích thiện tích đức nhiều, ắt được hưởng cát lợi. Hành ác nhiều, ắt sẽ bị ác báo. Không làm hại người khác, bản thân mình sẽ được lợi. Tuyệt đối không được vi phạm đức thiện, khinh thường thượng thiên. Huyệt vị vốn do thiên nhiên tạo thành, nhưng phúc phận là do cái tâm của mình quyết định.

Nay ta đã đem trình bày cặn kẽ mọi điều cát hung của phong thủy địa lý cổ đại ở đây, nội dung cơ bản, thô tinh đều bao hàm trong đó, hi vọng truyền lại cho các thuật sĩ chân chính hậu thế làm tài liệu bảo tồn và trân trọng mãi mãi.

ĐỊA LÝ ĐẠI TOÀN TẬP YẾU

Quyển 9

Biên soạn : Ngụy Lý Hứa Tử Viễn Đạm Viên
Bổ sung : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am
Hiệu đính : Tôn Ái Thức
Tải Ung

XÍCH ĐÌNH KINH

Bản chú thích

Huyệt vị nhân hình (hình người) nên táng ở chỗ rốn lồi lên.

Nhân hình là chỉ Thái Dương Kim tinh, chỉ ở chỗ rốn nhô lên là huyệt sâu nhất, có thể chứa đựng, vậy nên táng tại đó.

Huyệt vị cầm hình (hình chim chóc) thì hay nhất là tàng ẩn ở hai bên cánh.

Hình cầm điểu là cô âm, không thể sinh hóa vạn vật, nhưng có thể táng ở chỗ kỳ diệu là ở khuỷu của hai cánh. Bất luận là cánh bên phải hay cánh bên trái, chỉ cần căn cứ vào khí thế mà xác định là được.

Tiêu Tức nhạn trận (hình chim nhạn sắp hàng bay) có thể tìm được từ khoảnh đất khúc khuỷu.

Hình con nhạn sà thấp mà tinh khí tụ ở chỗ đất bằng, cho nên có thể đi tìm Tiêu Tức về nó ở khoảnh đất hoang dã bát ngát, chỉ cần có đất đá (sa) che và thủy lưu là được.

Hương thơm của ngư quán có thể ngửi thấy ở ngay chỗ núi quành.

Ngư quán là chỉ sơn trực tiếp chạy tới. Chỗ thơm tho nhất của nó cũng là huyệt vị có chân khí tụ hợp, nên tìm ở ngay chỗ núi quành.

Sơn Thiên Mã từ nam mà đến, chỉ có công hầu xuất hiện.

Sơn Thiên Mã cao vút, từ phương Nam tới, nếu nó cư ở chỗ đất bằng, thì sẽ xuất hiện công hầu.

Sơn Ngư Đại ở vị trí Đoài, thì sẽ có chức khanh tường.

Kim tinh ở phương Tây, thấp nhỏ mà hình tròn trịa, giống như cái túi, cái giỏ đựng cá. Thấy núi có hình dạng như vậy, thì có thể xuất hiện khanh tướng.

Kim cáo nở hoa, nam tử sẽ lấy được công chúa.

Kim cáo là chỉ Thổ tinh, nở hoa nghĩa là trên núi có sắc thái hoa văn. Thấy hình dáng núi như vậy, thì con trai sẽ trở thành phò mã (lấy được công chúa).

Sơn Nga My xuất hiện, con gái sẽ được vào cung làm vương phi.

Núi Nga My là Thái Âm Kim tinh, nó quyết rằng chủ nhà có con gái xinh đẹp, có thể được tiến cung làm vương phi trong triều đình.

Đột bút phong xuất hiện, sẽ có nhiều văn nhân.

Đột bút phong là ngọn núi chĩa lên như cây bút, là Mộc tinh, Hỏa tinh. Núi có hình dạng như vậy, sẽ xuất hiện rất nhiều người giỏi văn chương.

Trác kỳ phong xuất hiện, nhất định sẽ có nhiều đại tướng.

Trác kỳ phong là hỏa tinh, hình lá cờ bay phấp phới. Núi có hình dạng ấy, sẽ xuất hiện tướng quân uy vũ.

Hà diệp sơn phong không thể gánh nặng trọng trách.

Núi có hình dạng tựa lá sen, chân khí mỏng manh, lực yếu, không nên táng ở đó.

Địa huyệt qua đằng chỉ có thể xem xét trong phạm vi nhỏ.

Qua đằng là dưa leo. Hình dạng qua đằng là Thủy tinh, khí mạch vốn rất nhỏ, phải tích thổ gia Kim, chứa đựng chẳng được là bao.

Tinh phong Hổ hình và Sư Tử hình gần giống nhau.

Tinh phong hình Hổ thì thân to đầu nhỏ, tinh phong hình Sư Tử thì đầu lớn thân nhỏ. Tuy tinh thần của chúng đều có thể kết huyệt, nhưng không giống nhau. Khí Thế tinh thần của hình Hổ tương đối hung mãnh, còn khí thế tinh thần của hình Sư Tử thì tương đối uốn lượn.

Chim nhạn và Phượng hoàng cũng khác nhau về bản chất.

Sơn phong hình nhạn đầu đuôi tương đối hậu trọng, nó quyết định sự giàu có. Sơn phong hình Phượng hoàng đầu đuôi tương đối thanh thoát tinh mịch, nó quyết định sự cao quý. Hình thể và bản chất của cả hai có chỗ khác nhau.

Hình dạng Long ở giữa cánh đồng bát ngát, có núi vây quanh, địa thế như con trai ngậm ngọc quý, bốn bề không tạp loạn.

Bốn bề có núi vây quanh như tấm bình phong, Long huyệt nằm ở giữa cánh đồng bát ngát, từ dưới đất bò lên gò đống sẽ tạo nên huyệt vị, như con trai ngậm ngọc quý, địa thế xung quanh không tạp loạn.

Núi như vạn binh sĩ tùy tùng, thành nơi cấm địa, nơi có ngàn vạn sơn phong nhấp nhô, chính là chốn triều đình.

Nơi quần sơn quy tụ triều bái, chính là huyệt vị.

Hình mai rùa ẩn tàng tinh khí.

Phàm địa thế hình mu rùa, hãy tìm huyệt vị mà táng ở ngay trên lớp vỏ (mai rùa). Chỗ không có thịt, không phải huyệt. Chỗ có thịt mới là huyệt vị. Đặt huyệt ở hai bên vai đều tương đối chuẩn xác.

Huyệt vị ở dưới lớp yếm ba ba.

Ở đây cần phân biệt ba ba và rùa. Hãy đặt huyệt vị ở hai bên vai và ở dưới lớp yếm có thịt của con ba ba.

Dùng Kim Xuyên châu, dùng chỉ xâu chuỗi.

Huyệt vị có hình dạng cây Kim xuyên qua ngọc, thì phải có sợi chỉ xâu chuỗi hưởng ứng. Sợi chỉ ấy là thủy vực.

Súng đặt trong hộp, phải nhờ người sử dụng.

Huyệt vị hình cây súng đặt trong hộp, tất phải có sơn phong hình tướng quân hưởng ứng, nếu không thì cây súng trở nên vô dụng.

Lực sĩ mất roi, tất phải dùng tay.

Huyệt vị hình cây roi, tất phải có sơn phong hình cánh tay hưởng ứng.

Hoa lau, hoa trúc bay tán loạn, phải có bến bờ tương ứng.

Huyệt vị hình hoa lau, hoa trúc bay tản mác, tất phải có hướng nhất định mới được.

Roi ngọc, sợi tơ nhất định phải gặp người.

Huyệt vị hình roi ngọc, tất phải có hình người tương ứng. Tuy hoa bay, rơi rụng tản mác, nhưng cành hoa vẫn còn.

Ý nói lá trên cành hoa có chỗ kết trái, cho nên hương hoa tuy bay mất, nhưng trên cành có thể kết trái.

Mưa rửa lá sen, hạt mưa đọng hình tròn.

Địa huyệt hình lá sen được nước mưa rửa sạch, nếu ở giữa lá sen có giọt nước đọng, thì có thể hạ huyệt. Giọt nước đọng là chỉ thạch châu (đá quý).

Nếu còn dây tơ ngọc cầm, thì sẽ xuất hiện thần tiên.

Địa huyệt hình ngọc cầm (đàn ngọc), chủ về thần tiên xuất hiện.

Trăng từ phía tây mọc lên tại bờ phía đông, trời sáng ra, sắc mây từ trên trời rọi xuống mặt đất, trời trở nên âm u.

Hai câu này ý nói bổn huyệt phải xúc kết, hội tụ với triều ứng của nó.

Huyệt vị hình dạng mũi tên bắn hổ tất phải xuyên qua bụng hổ mà lập huyệt. Địa hình người cưỡi lưng rồng tất phải đạp trên đầu rồng mà lập huyệt.

Hai câu này đều nói về huyệt pháp. Địa hình mãnh hổ né tránh mũi tên, tất phải hạ huyệt ở trước bụng hổ. Địa hình người cưỡi lưng rồng, tất phải hạ huyệt tại đầu rồng mới được.

Nếu bên ngoài lan can có hoa tươi nở rộ, thì ngắm hoa ở ngoài đình viên là đẹp nhất.

Đây là nói sơn phong mỹ lệ cần ở gần chỗ Án sơn, có thế nhìn thấy chân núi mới được. Giống như hoa tươi nở ở bên ngoài lan can, đứng ở bên ngoài mà ngắm sẽ chỉ thấy chỗ đẹp của hoa, mà không nhìn thấy những cành hoa tạp loạn ngang dọc ở phía trong lan can.

Nếu lộ mặt ở đầu tường, thì trong nhà sẽ gặp chuyện hung dữ.

Đây là nói ở phía ngoài sơn phong không nên nhìn thấy tình trạng ló đầu dò xét, như thế chỉ khiến bọn đạo tặc (trộm cướp) để ý rình rập với ý đồ xấu xa.

Bầu trời vì mất người khó nhìn xa, nên chỉ cảm thấy một màu xanh ngắt. Nếu cự ly giữa đá núi và người quá gần, thì hình dạng xấu xí của đá núi sẽ lộ ra mồn một.

Ở đây ý nói núi càng ở xa càng đẹp, giống như bầu trời vì quá xa, nên mắt người nhìn khó rõ, chỉ thấy một màu xanh xanh. Cự ly giữa đá núi với người mà gần, thì trạng thái xấu xí của nó sẽ lộ ra rõ ràng. Nếu ở xa, chỉ thấy chỗ đẹp của nó mà thôi.

Lâu đài có nước bao quanh, thì có thể nhìn thấy lâu đài trong nước.

Lâu đài tuy xa, nhưng có thể nhìn thấy nó in bóng trong dòng nước, điều này ngụ ý nhìn thấy nước thì có thể phân biệt rõ hình dạng của núi.

Nếu khí của Long mạch không tiếp nối, thì huyệt vị chỉ là cái xác không hồn.

Đây là nói về khí mạch bị đứt đoạn của Long, sẽ làm cho Long biến thành cái xác khô héo, như người không thở nữa thì chỉ là cái xác chết.

Nếu tứ bề bao bọc có chỗ tán thoát, nhà thành hoang phế.

Nhà cửa dột nát, có lỗ hổng thì bị bỏ hoang. Huyệt vị cũng vậy, nếu có chỗ khuyết, có lỗ hổng, sẽ thành phế huyệt.

Hình cán gáo tương đối bình ổn, địa hình hồ lô không thể có người lai vãng.

Hình cán gáo là chỉ sơn thủy khẩu. Còn hình hồ lô không thể xuất hiện ở chỗ thủy khẩu. Nếu lại có người lai vãng ở hồ lô, thì sẽ dẫn đến hậu quả người rớt xuống nước.

Hình triều sơn như Long giáng, hổ phục là nơi cư ngụ của thần tiên.

Đây là nói sơn phong triều ứng có khí thế Long giáng, hổ chầu, thì nơi đó sẽ xuất hiện thần tiên và là nơi cư trú của thần tiên.

Hậu Long có hình phượng cưỡi loan, đây là nhà hoàng hậu.

Đây ngụ ý trên thân hậu Long có đồ hình cát lợi, thì sẽ sinh con trai được hôn phối với công chúa, sinh con gái được tiến cung làm vương phi. Sơn phong triều ứng có hình dạng như thế thì cũng vậy.

Hoa lá hướng dương thì sẽ mượt mà

Hoa lá nếu hướng về phía mặt trời, thì sẽ nở hoa sớm, không hướng về phía ánh dương, sẽ nở muộn. Hướng dương sẽ được ấm áp, mượt mà.

Sao đều quay về hướng bắc thì có thể tôn xưng.

Sao quay hướng bắc là vị trí của sao ở phương nam mà triều hướng về phía bắc.

Tâm tình của mỹ nữ tùy thủy lưu mà chuyển động.

Huyệt vị hình mỹ nữ ở gần dòng nước, thì sẽ xuất hiện chủ nhân dâm dục.

Uy thế của tướng quân phải dựa vào thành lũy mới an định.

Địa thế hình tướng quân nhất định phải có La thành cao mới được.

Long còn non nớt phải rời xa chủ can mới có thể lớn mạnh.

Long còn non nớt phải qua nhiều lần rời xa chủ can, biến đổi mới được.

Mùi thơm có thể ngửi thấy từ ngoài song cửa.

Điều này ngụ ý Long mạch và huyệt vị đẹp thì không cần đến tận nơi, mà từ xa đã có thể nhìn khí thế cũng đã biết.

Ngọc trai quyết không sản sinh ở nơi ao tù nước đọng, đá quý há ở chỗ đá xấu.

Thủy lưu phải êm ả chảy ra xa, sơn thế phải hùng vĩ.

Hình hổ nhe răng thì giống như thương đao.

Sơn phong hình hổ nhe nanh múa vuốt thì giống như đao, thương, nguy hiểm.

Huyệt vị sơn phong nếu có khe hở mở ra thì sẽ khiến người sinh bệnh.

Đây là nói ở phương vị hung ác có gió thổi vào chỗ lõm, sẽ làm cho người mắc các chứng bệnh nan y.

Sơn phong hình bụi song mây, thì bỏ vợ, núi hình phản kích thì sẽ sinh con cháu phản nghịch, bất hiếu.

Bụi song mây là Long mạch phản nghịch, phản kích là Long nghịch chiếu.

Nếu có mỏm đá dưới đáy nước, ắt sẽ đẻ ra sóng.

Long mạch ở trong nước, mạch lạc, tinh phong của nó đều thông qua mỏm đá dưới đáy nước, ắt sẽ tạo nên sóng ở phía trên.

Trong đám tro có thể nhìn rõ ánh lửa.

Huyệt vị đích thực nằm ở giữa quần sơn thì dễ dàng nhìn thấy được, giống như có ánh lửa trong đám tro than, ánh lửa ấy không thể bị che lấp.

Hai bào thai cùng được thai nghén, cơ thể người mẹ sẽ bị tổn hại.

Lực của huyệt địa nhỏ mà táng hai người, thì khí mạch của Long dễ bị tổn hại. Nếu Long khí rất thịnh thì mới không e ngại.

Hai con cùng ra đời, e khí mạch tổn hại.

Hai thai cùng sinh, chỉ e sẽ thụ khí không đều, có một phía bị yếu đi, khó hưng vượng.

Kiến tạo nhà cửa ở giữa cánh đồng bát ngát, phải chú ý thủy tình.

Đây là nói mặt nước rộng mênh mông mà không thấy thủy lưu động, có thể kiến tạo nơi cư trú trên mặt nước, song còn phải chú ý thủy lưu.

Có thể gieo mạ trên sóng nước, nhưng thủy ở đó không phải là sông.

Nếu mặt nước nông, có thể gieo mạ, song không thể gọi đó là sông. Thủy lưu nông thì phát phúc nhỏ, sức lực non yếu.

Nếu người có thể nằm ngủ trên núi, thì Long mạch sẽ hội tụ ở đấy.

Đây là nói ở nơi địa thế bằng phẳng, người có thể nằm ngủ, mới là nơi Long khí tụ hợp, mới có thể an cư lạc nghiệp và kiến lập huyệt vị ở đó.

Nước chảy vào Minh Đường, tổ yến sẽ an định.

Đây là nói Minh Đường giống như các tổ yến quần tụ, nước rót vào không chảy đi mất, được coi là cát lợi.

Thủy lưu nếu chảy về phía Hỏa tinh, thì có thể phân rõ cát hung.

Đây là nói quẻ Ly và quẻ Khảm hướng vào nhau, thì sẽ có sự xung khắc về cát lợi, tức là hung ác.

Tổ sơn hướng về phía gió cũng phải phân biệt cho kỹ sự biến hóa.

Quẻ Cấn là núi, quẻ Tốn là gió, Cấn Tốn hướng vào nhau thì cũng có sự phân biệt cát lợi và hung hiểm.

Hạt trân châu trên lá sen rất khó trụ lâu.

Đây là nói địa thế hình hạt trân châu trên lá sen không thể cấm huyệt, vì hạt trân châu ấy rất dễ bị rơi vỡ.

Nước trong ống trúc cũng dễ cạn khô.

Đây là nói huyệt vị hình ống trúc cũng không nên cấm huyệt, bởi vì thủy lưu của nguyên thần dài mà địa thế ống trúc lại quá hẹp, không đủ sức tiếp nhận.

Ánh chiều phía tây dễ tắt lặn mà trăng non dễ mọc, gió đông phần lớn thổi chậm.

Câu này khó có thể lý giải hàm ý sâu xa của nó, nên không dám giải thích.

Trước cửa nếu có tiếng chim sẻ kêu nháo nhác thì cô nhi sẽ khóc lóc.

Đây là nói sơn Chu Tước không nên có tiếng kêu tạp loạn, vì nếu có thì sẽ rất khó nuôi con nhỏ, hài nhi sẽ khóc ròng mà chết.

Long mạch dưới huyệt vị bị kinh động thì phụ nữ mang thai sẽ khóc than.

Nếu sơn Huyền Vũ bị đào bới, bất an, thì phụ nữ mang thai sẽ ưu sầu hoặc rất có hại cho việc sinh sản.

Long ngân hổ gầm, trong nhà có họa.

Nếu Long sơn, Hổ sơn há miệng lâu trước huyệt vị, hoặc Long sơn, Hổ sơn bị đào bới kinh động, phát ra tiếng gầm hú, trong nhà nhất định phát sinh tai họa.

Rắn hoảng thỏ chạy, vạn sự đều hỏng.

Tìm Long mạch gặp tình huống này, dù có Long huyệt cũng không nên cấm huyệt, hãy bỏ đi nơi khác, nên mới nói "vạn sự đều hư".

Dây thừng móc cá, chủ nhân sẽ bị ngục tù.

Đây là nói thủy vực ngoằn ngoèo như hình sợi dây xuyên qua mang cá, huyệt vị như thế sẽ đẩy chủ nhân lâm họa ngục tù.

Duẩn khuê phục điểu, sẽ làm cho chủ nhà phát đạt, dựng nhà cao cửa rộng.

Sa phong đằng trước như măng mọc, sơn Chu Tước lượn lờ mà bò lan trước Minh Đường, thì chủ về đại quý, có vua chúa đến tham dự lễ dựng lâu đài.

Về già mới đi tìm gậy chống.

Đây là nói núi già mà khô, chỉ mọc những cây trúc đơn độc.

Khi còn non rất dễ sản sinh tơ tằm.

Đây là nói ở chỗ nộn Long (núi còn non) quá mạch phần lớn xuất hiện địa hình sợi tơ tằm.

Nếu sống cô độc, không ai đến làm bạn, những chỗ như vậy ngày ngày chỉ thấp hương, dùng làm đền miếu.

Đây là nói về Long mạch cô đơn, chỉ có thể dựng đền miếu, không thể làm âm phần, dương trạch ở chốn này.

Cùng Long, Nộ Long khó nhận ra tông tích Long mạch, giống như gió thổi cỏ lá tán loạn.

Đây là nói lai lịch của Cùng Long, Nộ Long không rõ ràng, tìm huyệt vị ở đó thì quá khó khăn.

Chớ ngồi trước trăng mà nhìn thỏ ngọc.

Đây là nói nếu có trăng, thỏ hướng vào nhau, không thể tạo huyệt vị. Thỏ nếu tạo nên hình dạng thỏ ngọc vọng nguyệt, thì không thể từ phương vị vầng trăng mà nhìn thỏ, nghĩa là sẽ khiến chủ nhân bị sứt môi.

Thà rằng từ trên xe thấy Kim ngưu.

Địa thế hình Kim ngưu (bò vàng) kéo xe thì có thể cắm huyệt. Nếu địa thế hình nhọn, thì không nên. Huyệt vị hình xa bàn cũng có thể dùng được.

Hoa lộ trong bụi cỏ đều ở phần đuôi.

Đây là nói về huyệt pháp. Chủ yếu là xem chỗ chân khí tụ hợp mà hạ huyệt.

Hương vị của hoa là ở trong nhị hoa.

Đây là nói về hoa tâm huyệt.

Hoa rụng theo nước mà trôi, theo gió mà kết quả.

Đây là nói về huyệt vị hình hoa rụng, có gò đất hệt như hoa rụng tán loạn, trong đó hẳn có nhiều chỗ kết trái, những chỗ ấy đều là nơi chân khí tụ hợp, nếu muốn tìm huyệt vị ở trong gò đống tán loạn, thì là sai.

Cây cối đổ ngổn ngang trên núi, phải nhìn chỗ phát sáng dưới trăng.

Đây là nói về huyệt vị hình cây đổ. Tuy cây bị đổ, mục nát trên mặt đất, nhưng buổi tối dưới trăng sáng lại lộ khí,

phát quang. Gặp hình dạng này, nên tìm chỗ vượng khí mà hạ huyệt, không thể nói là chỗ cây đổ không có huyệt vị.

Cây khô nếu ra hoa, cũng khó kết trái.

Đây là nói Mộc tinh đã già cỗi lại khô héo, dù có huyệt cũng không còn khí lực, nên vô dụng.

Hoa sen khô đọng nước cũng chẳng thành châu.

Địa thế hình lá sen khô héo không thể kết huyệt.

Nếu xuất hiện địa hình phượng hoàng ngậm hoa, nhất định sẽ có sa trường cẩm tú.

Đây là nói địa hình phượng hoàng ngậm hoa, nhất định sẽ có trướng màn vây quanh.

Địa hình ngọc Long hấp thủy, nhất định có đảo xanh.

Đây là nói địa hình rồng hút nước, nhất định sẽ có ao, hồ, đầm, cồn, đảo... tương ứng.

Gió thổi qua lỗ hổng, rét căm căm.

Gió ở chỗ đất lõm là tối hung ác.

Thái dương chiếu sáng trên không trung, ắt có ánh sáng.

Đất Minh Đường quý ở chỗ rộng thoáng, để cho ánh mặt trời rọi xuống chan hòa.

Có rồng trong nước, thì tôm cá tụ lại một chỗ. Có rắn bò trên mặt đất, thì chuột bọ kinh sợ nháo nhác. Nếu rồng hiện trên núi, thì núi chao động, ngựa phi trên đường, thì bụi cuốn mịt mù.

Đây là nói có sự ứng nghiệm, hình núi và huyệt vị mới là chân xác. Ngoài ra, đi qua núi mà rồng quay đầu, suối đổ ào ào, thì bốn phía xung quanh sẽ đều dao động.

Trăng ở ngoài núi sáng tỏ, thì trong núi có sương đọng; trong đất có rồng xuất hiện, thì trên mặt đất có ao hồ.

Đây là nói nếu sơn thủy ở phía ngoài cát lợi, thì sẽ có phúc khí kết tụ trong huyệt. Chỗ Chân Long hành tiến, nhất định có thủy trì của Long ẩn nấp kèm Long quá mạch, hoặc giả xuất hiện ở hai bên, hoặc xuất hiện trên đỉnh núi, mà người ta quen gọi là thiên trì (ao hồ trên đỉnh núi).

Kinh Hà nước trong, Vị Hà nước đục.

Đây là nói có hai loại thủy lưu trên mặt đất, phải quan sát để chọn lấy dòng nước trong.

Trên cành hồng đào sẽ nở hoa bích đào.

Đây là nói Long có biến đổi.

Nước lớn có thể làm sạt núi, nhưng cây cầu trên sông không bị cuốn trôi; cuồng phong có thể quật gãy cây to, nhưng cành lá sẽ lại mọc ra.

Đây là nói sườn núi bị nước lũ làm sạt lở, núi tuy bị xung phá, nhưng chỗ thạch cốt quá mạch vẫn còn nguyên. Long mạch vững giống như cây bị gãy, lại mọc chồi non tươi tốt.

Hồng loan không ngủ trong tổ, chim yến lại sản sinh trong tổ.

Núi hình loan phụng đa phần kết huyệt ở nơi thoáng đãng, huyệt vị tổ yến thì quý ở chỗ có tổ tương ứng.

Tám cái hồ lô có thể tinh thông thần thuật, ba cái mộc tiêu có thể biết huyền diệu và chân giả. Có quan tài tất có thể phân rõ sáu đường.

Sáu loại quan tài là thượng thủy quan, hạ thủy quan, đình quan, cải quan, tích mãi quan... cát hung khác nhau.

Huyệt vị hình xa thừa nhất định có tam luân. Tam luân của xa thừa là Hậu ngự luân, bàn luân, tri xa luân, mỗi loại có phân biệt quý tiện.

Nón lá cũng có năm hình thể.

Đó là phương sơn lạp, nhai trướng lạp, khất cái lạp, nhiêu phát lạp và hình thích lạp.

Tinh kỳ (cờ) có bốn loại, thực tế chỉ có một.

Bốn loại tinh kỳ là môn kỳ, hợp kỳ, tướng quân kỳ, tặc kỳ.

Mười loại thương đao thực khó kể hết, cũng khó miêu tả rõ ràng.

Đây là nói các loại thương đao có hung, có cát. Thương có mã thương của tướng quân, thuận thương, nghịch thương. Nhọn như cây bút có bút trạng nguyên, bút học sĩ, bút tể tướng, bút họa công (họa sĩ); đao có nha đao, mã đao, pháp trường đao; châm có xuyên châm, thích diện châm, đều phải phân biệt kỹ mới được.

Cổng lớn mở rộng thì không thể phong tỏa, thủy khẩu khép chặt, thì phải khép thật kín.

Đây là nói về Minh Đường và thủy khẩu.

Tân khách thích ngồi đối diện với chủ nhân.

Tại thủy khẩu có núi lớn trông như mãnh hổ, thì long khí trong huyệt vị nhất định rất chính trực. Giống như có khách ở ngoài cửa, chủ nhà dĩ nhiên sẽ không bước ra.

Cá tham ăn dưới đáy nước thèm mồi câu trên núi.

Đây là nói ở thủy khẩu có từng đàn cá bơi ngược dòng, vì trong núi có đất quý, nên bày cá tham mồi mà bơi ngược dòng.

Nước chảy loạn trên ruộng đồng, thì tìm chỗ có cầu mà qua. Dưới sông có núi đi qua, thì cách bờ đã có thể biết.

Đây là nói về tình huống đoạn Long quá mạch. Nếu Long mạch đi từ đồng ruộng mà ra, thì kênh rạch ngang dọc rất khó nhận biết, phải tìm chỗ Long mạch chạy qua; cách bờ trông giống như cây cầu bắc ngang, thì nhất định đó là chỗ Long quá mạch. Nếu Long chui xuống sông mà vượt qua, thì cách bờ sẽ thấy có gò đất nhô cao, chứng tỏ chỗ quá mạch của Long.

Cây cối trong rừng tất phải nhìn thấy từ phía trước núi.

Đây là nói thấy cây cối trong thôn xóm, nhất định phải ở trên núi nhìn mới phân biệt được địa hình dài ngắn, thẳng cong. Khi vào trong rừng, cây cối mọc loạn, dĩ nhiên rất khó chọn lựa. Muốn xem thế núi, tất phải lên cao mới thấy rõ hình dạng chân thực và chính huyệt của Long.

Lâu đài trên bờ sông có thể nhìn thấy từ dưới đáy nước.

Đây là nói xem địa hình khó thấy, giống như lâu đài trên bờ sông, đứng gần khó thấy, lùi ra xa, lại có thể nhìn rõ bóng lâu đài in hình dưới nước. Chỗ Long mạch chân thực mà xúc kết chính huyệt, thủy lưu nhất định sẽ giao hội tại đó. Cho nên cách xem địa hình là trước hết phải xem tình ý của thủy. Nếu có thủy giao hội uốn quanh, thì ở đấy nhất định có giai thành (thành đẹp). Giống như nhìn hình bóng in dưới đáy nước, thì biết có lâu đài trên bờ sông.

Trong núi có tiếng vọng trở lại, người đi nên quay đầu.

Đứng ngoài nói lớn mà trong núi có hồi âm đáp lại, thì khỏi cần tiến vào, mà nên quay trở ra. Bởi vì khí mạch không tụ hợp, sơn thể rỗng không, nên mới có thanh âm vọng lại. Sơn như thế thì cao và âm u, hoặc dây leo chằng chịt, nhìn chẳng thấy ánh nắng, ấnh trăng sao, không nên hạ huyệt.

Trong nước có tiếng kêu bi thương thì ma quỷ xuất hiện.

Đây là nói trong ngoài huyệt vị đều bị khuyết, nước chảy qua, nếu có tiếng bi thương, thì thi thể không sao yên được ở đó, gia đình tất sẽ gặp tai họa. Đây là nói đến tình huống đằng trước Minh Đường có tiếng nước suối nghe ai oán bi thương.

Tổ tông tử tế, linh lợi mà sinh con cháu có ngoại hình xấu xí, thì chỉ những người thông minh mới đem con gái xinh đẹp của mình mà gả cho người xấu xí.

Đây là nói Long tốt phần lớn sinh ra huyệt vị xấu xí, dị hình, khiến người ta khó nhận biết. Chỉ có bậc nhân sĩ

tài năng mới biết được chân huyệt của Long, sự giao hội của khí, do vậy không ngần ngại sử dụng huyệt xấu xí, sẽ được hưởng phúc thâm hậu. Giống như con trai nhà kia, tổ tông rất tốt đẹp, nhưng con cái lại có diện mạo vô cùng xấu xí, chẳng ai chịu gả con gái cho họ. Chỉ có những ông bà thông minh biết đấy là dòng họ tích thiện mới không ngần ngại gả con gái cho họ để cùng hưởng phúc lộc thâm hậu.

Thủy lưu chảy vào trong núi, thì Long ưa thích.

Đây là nói Minh Đường giống như đáy chảo đọng nước lại, thì thần Long sẽ dừng lại ở đó mà làm huyệt vị.

Đồng ruộng gò đống, rắn sẽ tới đó.

Đất quý hình xà (rắn), nhất định có các loại rùa, nghêu sò triều ứng thì mới là huyệt xà hình thực thụ. Nếu không có triều ứng, thì chỉ là du Long tán khí mà thôi, hoặc che chắn thủy khẩu, hoặc bó quấn dưới chân của Long, đều không thể làm huyệt. Cho nên giữa đồng ruộng phải có gò đống như trái núi nhỏ, giống như rùa, nghêu, sò, chuột, địa thế nghênh bái, triều ứng thì mới có thể cấm huyệt.

Long Hổ nếu đồng khoa thì đấu nhau, chuột rắn cùng huyệt thì không hợp.

Long và Hổ ngang tài ngang sức, chuột với rắn cũng không thể triều ứng.

Long có ẩn tàng hay không, trước tiên phải hiểu rõ. Huyệt vị dù tinh diệu mấy cũng khó chỉnh tề. Mẹ dù có đẹp đẽ cũng có thể sinh con gái xấu xí, mà con nhà danh giá cũng sẽ không chọn con gái bề ngoài xấu xí làm vợ.

Long mạch đẹp sẽ tạo ra huyệt kỳ dị, người am hiểu Long thật sự thì không cần huyệt vị khéo tạo.

Nữ nhân cần đức hạnh, không cần sắc đẹp. Người khôn ngoan chỉ cần hỏi đấy là con cái nhà ai. Phàm chỗ hay của một bộ máy đều kín đáo, không lộ liễu, mất người phàm tục khó bề nhận biết. Nhiều khi tìm đến Chân Long mà không biết cấm huyệt ở chỗ nào, dễ bỏ qua chỗ quý.

Đây là nói rất ít người trên thế gian biết cách nhận ra huyệt vị kỳ diệu.

Hình thế khuyết lệch thì khỏi cần, chỉ nên tìm phía dưới Đường cục là được.

Thông qua Đường cục mà quan sát thì sẽ thấy.

Bông lúa nhỏ lép thì nhìn là biết.

Đây là nói khí lực của long huyệt nhỏ yếu.

Hoa thược dược xưa nay kết nụ ở bên trong.

Huyệt vị tâm hoa nhất định rất sâu.

Lá ngô đồng sẽ sinh quý tử.

Cành ngô đồng là chính Long, nhưng nó lại sinh ra trên lá cây.

Đầu cành dương liễu có thể sinh chính tâm.

Cành dương liễu là Long lệch lạc, nhưng ở đầu cành lại là chính tâm.

Một chút sương rơi rớt trên cỏ.

Huyệt vị hình thảo mộc đều nằm ở chỗ cuối cùng.

Hương vị đậm đà nhất là ở giữa tâm hoa.

Huyệt vị hình hoa tươi nằm ở giữa trung tâm.

Lâu đài trên bờ sông đều in bóng dưới nước, cây cối trong rừng đều lan ra ruộng.

Đây là nói hình núi, huyệt vị nằm ở đây mà hưởng ứng với chỗ khác.

Đầu Long nhất định ngóc lên mây.

Huyệt vị hình Long thì đầu não nhất định ngẩng cao.

Cổ rắn rất khó lôi ra khỏi núi.

Hình rắn nhất định sẽ in hình trong ruộng.

Muốn biết tổ tông sơn tốt xấu, có thể xem sa phong đằng trước sâu nông.

Xem chỗ chuyển biến trên tổ tông sơn thế nào, có thể nhìn sa phong ở phía trước.

Trăng mọc phía bờ tây thì bờ đông sáng tỏ, trời có mây thì dưới mặt đất u ám.

Đây là nói về sự tương ứng.

Nếu chỉ truy tìm phần đầu đẹp, dễ coi làm huyệt vị, thì huyệt vị giả thường nhô đầu khá đẹp.

Nếu không quan sát sự chuyển biến của tổ tông, sự hô ứng của sa phong phía trước, thì huyệt vị giả nhô đầu dễ đánh lừa người.

Chỗ khai chi có che chắn như cũ, nhưng chỗ quá mạch không có châm tuyến, thì biết là chân giả.

Hai bên huyệt vị có chi diệp hộ Long tạo nên giả huyệt, loại huyệt giả này có Long che chắn như cũ, nhưng ở chỗ Long quá mạch không có châm tuyến, thì phán đoán đó chỉ là giả huyệt.

Người đời đàm luận về sơn thủy rất nhiều, nhưng đại đa số không am hiểu, chẳng biết thế nào là Long chân giả.

Không thể biết tình huống Chân Long tạo huyệt.

Táng sai chỗ thường vì người ta chỉ thích nơi chính diện. Táng không đúng chân huyệt, chỉ vì người ta bỏ chỗ dốc nghiêng.

Người chỉ cầu nơi chính diện thường chỉ biết chọn huyệt giả ở lưng Long. Huyệt vị thật do Chân Long tạo nên thường lại ở chỗ dốc nghiêng, mọi người đa phần bỏ mất chỗ đó.

Họ nào biết chỗ thực sự huyền diệu. Thánh nhân thường chọn chỗ nghiêng lệch mà hạ huyệt. Giống như người phụ nữ nết na hoàn toàn không đẹp, người có phúc mới nhận ra.

Một huyệt tốt không nhất thiết phải xảo diệu.

Chỉ cần chỗ ngọn nguồn của Long mạch tốt là được, giống như nhà kia chỉ cần xem ông bà có tốt hay không.

Chỉ cần xem tổ tông sơn tốt là được.

Phàm huyệt địa đẹp phần lớn hình thành nên huyệt vị xấu xí khó coi, điều này khó giải thích với người đời. Nếu mấy huyệt tốt chỗ nào cũng lộ rõ, thì bí mật thiên cơ bị tiết lộ hết cả ư ? Đại Long trải dài, chân tay hậu sinh cách xa sơn tổ tông hàng ngàn dặm, chỗ huyền diệu ẩn tàng có khi ở cách vài trăm dặm.

Đây là nói về độ xa và dài của Long mạch.

Một khúc quành, một nhánh rẽ của Đại Long đều rất dài rộng, dù đi cả ngày cũng chưa hết.

Đây là nói chỗ chân tay Long trải dài, đi cả ngày không hết.

Lá nhỏ của Đại Long có thể tạo thành châu, phủ, huyện. Trên can chi lớn, có thể xây dựng kinh đô. Đại Can có phú quý lớn lao rất khó nói hết cho rõ. Chỉ cần có một tòa Hỏa tinh sở ứng, thì hỏa diệm của 80 dặm đất cũng bốc lên trời. Có khi trên dải đất bằng phẳng chỉ có vài gian nhà. Có khi giống vạn mã từ trên cao phi xuống, có lúc như ngàn binh sĩ phất cờ, giong trống mà tới. Hình dạng núi nếu như lầu vàng điện ngọc, thì chỗ cao quý tất nằm ở chiếc mũ miện. Người tháp tùng, tướng quân với cấm vệ đều là vệ sĩ, thật khó giải thích rõ ràng. Không dễ lần theo Long mạch.

Đây là chỉ chỗ Long mạch bị đứt đoạn.

Đáy nước và lòng sông đều có đá làm tiêu chí vượt qua.

Đây là nói chỗ Long mạch xuyên tâm quá thủy có đá ngầm.

Đồng ruộng mênh mông bát ngát dài 80 dặm, đi bộ khó bề lĩnh hội chỗ nào huyền diệu.

Đây là nói rất khó tìm thấy Long mạch ở cánh đồng.

Huyệt vị đa phần nằm ở đài hoa có nhiều lá bao quanh tựa hoa sen, không như lá cọ dễ nhìn thấy.

Huyệt hoa tâm xuất hiện từ trong hiệp cốc, có thể nhìn thấy ở chỗ quá mạch.

Mỹ nữ ngồi dựa sau xe.

Đây là nói đai Long mạch có hình xe kiệu và thị nữ.

Ánh thái dương chiếu sáng từ mé tả, ánh trăng chiếu dọi từ mé hữu.

Ánh sáng mặt trời mặt trăng chiếu vào hai bên Long mạch.

Trong cảnh mây gió biến đổi nhìn quạ bay mà tìm Long mạch.

Chân Long thì giống như quạ lửa trong cảnh gió mây.

Trong sóng lớn thấy lý ngư nhào lộn.

Chân Long ở nơi đất bằng giống như trong sóng lớn ở sông biển có chỗ cá chép nhào lộn.

Vạn vũ điệu giữa triều đình.

Quần sơn giống như hình dạng các vũ công đang múa trong triều đình.

Lại giống như trăm quan đứng trong đại điện thâm nghiêm.

Vạn vũ điệu là quần sơn xuất hiện, nhưng tán loạn. Trăm quan thì chỉ quần sơn có hình thế chỉnh tề.

Cung điện thâm nghiêm có chín tầng cửa hộ vệ, bên trong chỉ có một người dung mạo đặc biệt.

Một người ấy là ngụ ý huyệt.

Qua châu, vượt huyện, lộ trình Long mạch còn xa.

Lai Long từ xa đến.

Dựng ngọa cung, đắp đất tròn, quan viên tháp tùng đều chuẩn bị.

Đây là nói hình dạng sơn triều ứng đều đâu ra đó.

Minh Đường dù hẹp cũng có chu vi 20 dặm, rộng thì chứa vạn má, như đàn kiến bò ở trong.

Đây là nói Minh Đường rộng lớn, dung nạp ngàn con ngựa mà trông chỉ như đàn kiến bò bên trong.

Thử hỏi chỗ nào mới có thể xác định chân huyệt ? Nặng nhẹ, cao thấp thật khó lựa chọn.

Đây là nói Minh Đường rộng lớn, khó xác định huyệt vị.

Mũi thở ra khí tùy lúc mà thay đổi.

Một ngày đêm có thể chia ra 12 giờ, hơi thở của người tùy giờ mà thay đổi, cần phải khảo sát kỹ chỗ chân khí tụ hợp.

Mạch máu ở bụng nối liền với mạch máu ở tay.

Mạch ở bụng và ở tay liên tiếp với nhau, đây là ngụ ý phải làm cho mạch trong huyệt nối liền với mạch hai bên tả hữu.

Trăng mọc phía tây thì vùng trời đông phát sáng, sắc mây bờ bắc tương hỗ với sinh khí bờ nam.

Đây là nói cái khó của sự kết huyệt.

Thông qua ngũ hành mà quyết định sự nông sâu của huyệt vị, sau đó dựa vào con số ngũ hành mà xác định kích thước huyệt vị.

Trước hết xác định hình dạng của ngũ tinh, sau dùng con số ngũ hành mà quyết định sự nông sâu và kích thước của huyệt vị.

Nguyệt hoa không được tiết lộ bí mật nơi ngủ. Đáy quan tài phải sát đất.

Nguyệt hoa là chỉ chân khí của nơi nằm. Vua chúa khi chôn thường trong quan ngoài quách. Theo lối mai táng ấy, không nối tiếp với địa khí, cho nên nói là đáy quan tài phải sát đất.

Nước từ cung Hỏa chảy đi.

Nước chảy từ cung Ngọ, có thể nghe rõ tiếng nước chảy.

Ơn mưa móc khiến thiên hạ một lòng.

Nước từ cung Ngọ chảy ra thì giống như đức hạnh cao cả của minh chúa, ân huệ trải khắp thiên hạ, không như mọi người bình phàm.

Nếu gió động cỏ mọc mà thêm sấm chớp, thì con trai trưởng chủ trì việc cúng tế.

Tốn là gió, Chấn là sấm, đều thuộc Mộc tinh ở phương Đông. Chấn là con trưởng, nên mới nói như thế.

Long sơn dài mà Hổ sơn ngắn, Hỏa tinh không sáng, thì mẫu hậu sẽ lâm triều, thế chỗ thiên tử.

Nếu Long sơn dài, Hổ sơn ngắn, cung Ly không sáng, thì mẫu hậu lâm triều, âm khí thắng dương khí.

Nếu xuất hiện hình dạng hổ gục đầu, chủ nhân sẽ bị coi thường, sẽ xuất hiện một ngọn sơn phong cô lập ở Minh Đường, mĩ nhân không thể có thai.

Nếu đầu hổ chúi xuống ở Minh Đường, thì chủ nhân sẽ tuyệt tự.

Nếu đầu Long ngắn rụt mà đầu Hổ nghển dài, thì hoàng đế ngự giá rời xa đế đô.

Thanh Long ngắn mà Bạch Hổ dài, chủ hoàng đế đi tuần du xa kinh đô.

Chân Bạch Hổ dài và thẳng, mà đầu ngắn rụt, thì công chúa phải gả cho người rợ Hồ.

Đầu của Bạch Hổ ngắn, mà chân lại dài mà thẳng, thì phải gả công chúa cho Hung Nô.

Nếu đường trong hầm mộ thẳng và dài, không uốn lượn quanh co, thì Hoàng hậu không sinh con trai, bị phế truất.

Đường trong hầm mộ phía trước dài và thẳng, không quanh co kín đáo, sẽ khiến Hoàng hậu chẳng sinh con trai, bị giam lỏng một nơi và bị phế truất.

Núi Bạch Hổ nhọn và chân duổi dài, dưới chân hẳng hụt, thì sẽ mọc cánh bay về cố hương.

Đây là nói Hoàng hậu bị phế truất.

Sơn phong đổ nghiêng về hướng cung Chấn, thì hậu duệ ngu si, sử dụng gian thần tặc tử, phá vỡ cơ nghiệp ông cha.

Cung Chấn nếu có sơn phong đổ nghiêng, thì con cháu ngu si giống như vua Phổ Tuệ, tin dùng bọn tiểu nhân gian thần.

Trăm ngọn sơn phong nham nhở tán loạn, thì về phương diện quân sự sẽ rối loạn.

Đây là nói hình dạng tán loạn của các tiểu sơn phong.

Nếu Thủy tinh xung phá Hỏa tinh ngay ở đất Không vong, thì quyền thần làm loạn triều đình.

Thủy thần xung phá Hỏa tinh ở đất Không vong, chủ quyền thần chiếm đoạt quyền hành trong triều.

Tướng quân gõ cửa đa phần đột nhập lối sau, nghịch thần vào kinh phần lớn có tội phản nghịch.

Đây ngụ ý sơn lộ đầu.

Những điều nói trên phải giữ kín, không được tiết lộ dễ dàng cho mọi người. Chỉ cần hiểu đại ý là được.

ĐỊA LÝ ĐẠI TOÀN TẬP YẾU

Quyển 10

Biên tập : Ngụy Lý Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên

Đính chính : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am

Hiệu đính : Tôn Ái Thức Ung

HỘI TỎA TINH VI

GIẢI BÀY TÂM CAN

LẠI VĂN TUẤN

Thời cổ chỉ có Long, Hiệp, Huyệt; về sau người ta mới bổ sung Sa, Thủy mà phán đoán và kiểm chứng họa phúc. Nghiên cứu đạo lý đến mức sâu xa đều lấy sinh khí làm chủ, lấy Long huyệt làm căn bản, lấy Sa, Thủy làm phần kết, chẳng qua là biểu hiện phép thuận nghịch giữa Sơn và Thủy, khí hô hấp Âm Dương, tính chất tụ tán và phương hướng mà thôi. Điều hệ trọng của địa lý phong thủy tựu trung ở chỗ xem tổ tông của Long mạch bề thế, thân Long linh hoạt sống động, nhấp nhô lên xuống, uốn lượn có lực, đứt rồi lại nối, thanh thoát hiền từ, càng già càng dẻo dai, trong thô có tinh, phân rõ thư hùng (đực cái), trung tâm xuất mạch, trùng trùng xuất trướng, có đủ tháp tùng, hộ vệ, có nghênh có tống, quá hiệp tụ khí, lưng ong gối hạc, gió thổi hai bên, mái chèo cân đối, sánh vai thân ái, hòa hợp tinh thần, Long giáng Hổ phục, tả hữu ôm ấp, triều sơn tú lệ, hữu tình, Minh Đường bằng phẳng, thủy khẩu giao kết, La thành kín đáo, lạc mạch kết huyệt, Âm Dương hài hòa, thấp cao minh bạch,

hai vai mở rộng, trên phân dưới hợp, có nhọn có tròn, Thủy trong ngoài đều uốn lượn, Sơn trong ngoài đều vây bọc kín đáo. Đạt được như thế, tự nhiên sẽ là đất lớn phú quý, khỏi cần dùng quẻ cũng cát lợi. Thiên hạ không nên nghe những lời gian trá, chớ tin những kẻ tiểu nhân bốc quẻ hồ đồ mà chuốc lấy sai lầm.

HẮC NANG KINH QUÁI LIỆT

PHẠM VIỆT PHỤNG

Đọc kỹ các bài địa lý ca của các bậc hiền sĩ đời trước, chỉ cần dạy một số khẩu quyết là đủ. Thư tịch phán đoán sa, thủy có hàng ngàn quyển, thực tế thuật điểm huyệt, tìm Long mạch chẳng cần dùng gì nhiều. Chỉ cần nắm vững một số thuật là sẽ thông hiểu toàn bộ. "Hắc Tương kinh" đã nói rõ : Long mạch chủ yếu xem tả hữu dựa vào nhau, huyệt vị chủ yếu xem hai bên tả hữu, Minh Đường chủ yếu xem bốn góc tốt xấu, Tam Dương chủ yếu coi tình hình thành quách. Sáu phương diện ấy đã rõ, thì có thể nhập huyệt đoán định. Còn về việc có dùng quẻ hay không, chủ yếu phải xem có cần định hướng huyệt hay không. Hiện nay nhiều thầy phong thủy dùng quẻ đoán định, sau đó mới biết là sai. Không dùng quẻ mà điểm huyệt mới đúng là tài của Quách Phác.

MƯỜI YẾU QUYẾT CHỌN ĐẤT

Long mạch phải có giáp tùng (kèm theo), có giáp tùng thân Long thì trầm nặng. Huyệt vị phải có bao bọc, có bao bọc huyệt vị thì mới không có khuyết phá. Sa phong phải có tình ý, có tình ý thì mới tôn quý. Thủy lưu phải uốn lượn, có uốn lượn thì mới phát phúc lớn. Long mạch phải có chính tinh, huyệt vị phải có chính danh, sa phong phải có chính hình, thủy lưu phải

có chính thành. Long mạch phải xem tổ tông, rồi mới xem đến con cháu. Huyệt vị phải xem tình ý, rồi mới xem đến phương hướng tới lui.

HAI MƯƠI HAI ĐIỀU TỐT

Long mạch tốt thì sẽ có hình phi loan vũ phụng (loan phụng múa lượn). Huyệt tốt thì có sự tôn trọng nhau giữa trời đất trăng sao.

Sa phong tốt thì đồn quân ủng hộ. Thủy lưu tốt thì có hình sinh xà xuất động (rắn sống ra khỏi động).

Long mạch tốt thì sẽ không đổi chính tinh.

Huyệt vị tốt, sa phong hung ác thì sẽ ẩn tàng trong lá chắn. Sa phong tốt, sẽ có triều có ứng. Thủy lưu tốt thì như rắn bò qua đường mòn.

Long mạch tốt thì sẽ có phòng vệ, hộ tống trùng trùng. Huyệt vị tốt thì tám hướng đều kín gió. Sa phong tốt thì có ngàn ngọn núi cùng nhô. Thủy lưu tốt thì hình dạng cánh cung chùng.

Long mạch tốt thì có cờ xí rợp trời. Huyệt vị tốt thì Minh Đường ngay ngắn. Thủy lưu tốt thì có ánh mặt trời chiếu xuống dòng sông tú lệ.

Long mạch tốt thì giống như hòa thượng, đạo sĩ ngồi thiền. Sa phong tốt thì như người giơ quyền. Thủy lưu tốt thì như dây cung trên cung nỏ.

Long mạch tốt có trên có dưới. Huyệt vị tốt thì có bao có bọc. Sa phong tốt thì có gò có đống. Thủy lưu tốt thì có khép có khóa.

HAI MƯƠI SÁU ĐIỀU E SỢ

Long mạch e nhập huyệt mà vô chủ. Huyệt vị e không có sa phong ngoảnh nhìn. Sa phong e cô phong độc thụ.

Long mạch e quá hiệp không có chỗ đỡ, huyệt vị e đến mộ có đầy nước, sa phong e nhọn cứng như mũi thương, thủy lưu e xung phá Minh Đường.

Huyệt vị E Có Hình Đèn treo trên vách, sa phong e giống chiếc dù rách, thủy lưu e có tiếng ai oán trước mộ phần.

Long mạch e mang quỷ sa, huyệt vị e méo miệng, sa phong e đá nhe răng, thủy lưu e giống như rắn chết.

Long mạch e cô phong độc lĩnh (đơn độc một mình), huyệt vị e nhọn như đao thương, sa phong e thế cổ vịt đầu ngỗng, thủy lưu e hung thần giao nhập.

Long mạch e thô ác, huyệt vị e nhọn hẹp, sa phong e tả hữu sơn nghịch phản, thủy lưu e trước mộ.

Long mạch e bị đào đứt dưới sâu, huyệt vị e quỷ thần uế tạp, sa phong e có đền miếu, thủy lưu e hỏa thành giao kiếm.

HUYỆT KỴ

Đằng sau đền miếu không thể an mộ phần, nếu không sau một thời gian dài con cháu sẽ ít dần. Long sợ đoản (ngắn), huyệt sợ nông, sa triều sợ hẹp, thủy chảy sợ vòng vèo.

Long mạch như rắn chết thì hư kết, sa phong như trái dưa thì mập lồi, thủy lưu như đĩa đèn dầu thì chảy tràn. Long mạch ngắn thì có giàu cũng không bền. Huyệt vị mà lạc hư không thì chẳng thể cấm. Sa phong hướng đến mà nông thì ruộng vườn bán hết. Thủy lưu mà cuộn lại, thì thiếu niên bị tổn thất.

Long mạch tuy tốt nhưng không kết huyệt, gọi là Kiếp. Huyệt vị tuy tốt, nhưng không có Long đến (lai Long), gọi là Giả huyệt. Sa phong tuy triển khai nhưng theo Thủy mà đi gọi là Vô tình. Thủy lưu tuy uốn lượn nhưng không có sa thành, gọi là thiên nga gấy cánh.

NHẬP THỦ MẠCH HUYỆT PHÁP

LÝ THUẦN PHONG

Bắt mạch chọn huyệt, các hiền triết tiền bối vô cùng tinh vi, nhất định phải thận trọng, kín đáo. Cách làm của cổ nhân có đứt có nối, có lớn có nhỏ, có dài có ngắn, cách nào cũng đều hàm chứa đạo lý. Nói chung sơn có mạch giống như mạch máu trên cơ thể con người. Nghiên cứu thịnh suy, cát hung, biến hóa hình dạng, có thể tham khảo kỹ kinh thư.

Nói về việc dùng hành độ của tinh phong mà định huyệt mạch của Long, thì thông qua giáng thế của Long mà bắt Long mạch, xem chỗ dừng mà chọn huyệt, đó là yếu quyết.

Lại có phương pháp nhìn hình dạng mà lấy huyệt. Vì sau khi hình thành khí thế của Long thì có thể nhận ra Long mạch, Long mạch tuy đã rõ ràng, huyệt vị lại trình lộ ở phía ngoài mà không thể né tránh. Tình huống này có ba loại : mạch khởi phục, xuất hiện trên núi cao, mạch tiên đới, giống như cái đai bay xuống, mạch bình thụ, xuất hiện trên bình dương. Trong ba loại mạch này, mạch khởi phục là đại đến tiểu khởi, nội bộ tương ứng, Long từ trên núi cao từ từ, mệt mỏi đi xuống; mạch tiên đới thì Long cũng từ trên cao nhưng gấp gáp lao xuống; mạch bình thụ là ở chỗ rộng rải bằng phẳng chỉ hơi nhô lên, hoặc có ứng, hoặc không có ứng, có ứng cũng không phải là ứng lạc, mà chỉ như tấm chăn trải rộng. Từ ba loại mạch trên hợp với 12 giáng thế của Long tạo nên 36 huyệt, biến hóa thành 368 loại.

BA MƯƠI SÁU KỴ LONG

Ba mươi sáu huyệt Kỵ Long (cưỡi rồng), may ra chỉ có thần tiên mới phân biệt nổi. Thủy lưu phân thành chữ bát mà chảy về dằng trước. Không có Long, không có Hổ, không có Minh Đường, thủy lưu chảy dài mấy dặm. Huyền Vũ sơn tuy đoan chính, nhưng chân khí không thể thông qua, thuật sư bất tài làm sao đoán định nổi. Khí của Chân long cuồn cuộn dâng trào, đã kết thành huyệt mà còn muốn tràn đi. Bản thân tạo nên Án sơn, hình thế bốn phương tám hướng đều hội tụ về đây. Khỏi cần hỏi đất ngoại dương có hay không, chỉ cần xem tình hình che chắn. Nếu hai bên tả hữu đã có Long, thủy bảo hộ, thì chính Long sẽ cư trú ở giữa. Huyệt vị có lúc giống như mu rùa, lưng trâu, có lúc giống như cổ hạc, bụng nhện, có lúc giống như ngựa nghển đầu hoặc rắn bò qua đường.

Án sơn bất luận nhọn hay tròn, ngang hay dọc, đều phải ngay ngắn, không thiên lệch. Chỉ cần tìm đúng chỗ có chính khí. Chính khí có khi ở lưng chừng núi cao, có khi ở dưới đất bằng, hoặc ở bên dòng suối. Nếu tìm được huyệt Kỵ Long (huyệt cưỡi rồng), thì sẽ đời đời vinh hoa, lắm tuấn kiệt, chí sĩ.

KỴ LONG HUYỆT

Ở trên đầu của Chân long mà luận về Kỵ Long thì không biết kể sao cho xiết sự thiên biến vạn hóa. Há có thể bảo rằng chỉ có 36 Kỵ Long là hết, song những bậc cao nhân thực sự thì có thể hiểu sự ảo diệu bên trong.

Sơn có huyệt vị thì phải cao hoặc bằng phẳng, Án sơn trước huyệt phải nhọn hoặc tròn. Chủ sơn dù chạy đi, nhưng không quá xa, thủy lưu phân thành hình chữ bát cũng không chảy quá xa. Sơn, thủy chạy đi, cuối cùng lại trở về, sơn, thủy hộ vệ hai

bên tả hữu cũng không rời xa nhau. Thủy lưu nếu chảy đi, cũng chỉ xa năm, ba dặm, uốn lượn kỳ diệu.

Ngoài ra còn có 12 trực Long huyệt, phối hợp với 36 Kỵ Long thành 48 cái. 48 huyệt vị nếu cắm đúng, thì con cháu sẽ phát đạt phú quy

Còn có 12 đảo Kỵ Long, gần giống với phần Sa pháp đã nói phía trên. Thiên biến vạn hóa quy về một mối, bậc cao nhân đều thông hiểu.

Có thuận kỵ, có đảo kỵ, có hoành kỵ, huyệt đều cần quần sơn tụ tập, tàng phong tụ khí mới đẹp. Nếu loại trừ thứ giả khí làm Án sơn, thì có thể thấy rõ vật trong huyệt. Đảo kỵ hướng về phía tổ tông, mặt trước kéo dài, mặt sau là quỷ. Hoành kỵ, mặt trước còn rớt lại giả khí, quay đầu làm Long, Hổ, mặt sau phải có Lạc sơn mới được.

LUẬN HUYỆT

Sơn khi sắp tạo huyệt thì nhất định có biến hóa, hoặc cao hoặc thấp, tiến sang hướng đông một chút lại quành sang hướng tây, sau đó chuyển lên hướng bắc, rồi quẹo về hướng nam. Có lúc nhanh lúc chậm, có lúc ngả lúc nghiêng, có lúc mạnh lúc yếu. Có lúc rời bỏ tổ tông mà xuống ruộng, có lúc lơ lửng, quay lưng về phía thủy, khiến người ta khó đoán định.

Có khi huyệt vị bình dị, không chút kỳ quái mà lại có phúc lớn. Xem kỹ chỗ xuất mạch, thấy giống như rau, như rêu, nhìn chỗ kết huyệt, thấy tựa tựa tâm của hoa. Cánh hoa hộ vệ tâm hoa thì sinh khí không bị tổn thương.

Phương pháp tìm huyệt nhất thiết phải đến gần mà quan sát địa hình, xem đỉnh đầu non già, hình dạng cổ họng, yết hầu ra sao, sau đó xem não nó hóa sinh, đường mạch của nó chạy như thế nào. Ngoài ra, trong oa (lõm) phải lấy đột (lồi), chỗ lồi lấy lõm, trong đói lấy no, trong no lấy chỗ đói, đây là Dương lai âm thụ, Âm lai dương thụ, một phương pháp vĩnh viễn không thay đổi.

Người ta thường cắm huyệt vị ở chỗ cuối cùng của Long, không biết rằng Long mạch trước đó đã chuyển hướng, chạy ngang ra chỗ khác tạo huyệt, hoặc đã quay mình tạo nên huyệt cố tổ (huyệt hướng về tổ sơn), hoặc Long mạch đi thẳng mà tạo huyệt lệch, hoặc Long mạch chìm xuống mà tạo huyệt ở trên cao. Nếu biết tình hình xuất mạch kiểu chữ cá (↾), thì huyệt ngang, huyệt lệch, huyệt cố tổ, huyệt ở trên cao... đều có thể biết rõ.

ÂM KHẾ DƯƠNG PHÙ

TỐNG LIÊU VŨ

Phàm đoán định huyệt vị, phải nghiên cứu sơn tổ tông có thạch cốt thế nào, tinh tú hành độ ra sao, tinh tú nào làm tổ sơn giáng thế, Long nhập huyệt thế nào, có bao nhiêu tiết hậu, ở khoảng giữa là thuần sắc hay tạp sắc...

Nhô lên là tiết, chúi xuống là hậu; trong một tiết một hậu, có thể biết sự thuần tạp của Long. Một tiết ở phía sau huyệt vị chủ về người đã chết, một tiết ở phía trước huyệt vị chủ về con cháu. Mỗi tiết là một đời, thuần thì là phúc mà tạp thì là họa.

Sơn mạch vận hành trong phạm vi 10 dặm, hoặc trăm bước, hoặc ngàn tấc, chỉ cần hơi lộ dấu vết, đều giúp cho việc khống chế. Quá 10 dặm hoặc ngàn bước, thì dò xét sự tấu hợp của tiết hậu, rồi mới có thể đạt đến chỗ cơ yếu, muốn cát lợi thì sẽ cát lợi, muốn hung hiểm thì sẽ hung hiểm, cát hung, tốt xấu song hành bên nhau. Ba trăm bước là một dặm, 6 tấc là một bước, một dặm có cả thảy 160 trượng.

Nội khí của Long mạch ngừng sinh, thì chủ về Long dừng. Ngoại khí lưu động, thì chủ về chiết giảm. Huyệt vị ở giữa là chính thụ, gọi là Cái niêm huyệt (huyệt kín đầu), chủ về phát đạt muộn, nhưng lâu dài. Huyệt vị ở hai bên tả hữu là bàng thụ, gọi là Ỷ chương huyệt (huyệt dựa dẫm), chủ về phát sớm,

nhưng không lâu dài. Nếu bên tả là chính Long, thì chân khí tụ hợp ở huyệt vị bên hữu, lấy khí bên tả rót sang cho bên hữu phát, đó là chính Long. Chân khí tụ hợp ở huyệt vị bên tả, thì lấy khí bên hữu rót sang cho bên tả phát. Huyệt vị tả hữu thụ khí không nên thành cặp, nếu có chỗ phù hợp, thì nhất định có bên thắng bên thua. Sự tiến thắng hoặc rẽ ngoặt của Long phải tùy theo sự thụ khí rồi mới phát đạt, bởi vì sự thụ khí của Long huyệt không giống nhau ở trên tai hoặc ở dưới eo. Long huyệt là Thể, sa thủy là Dụng, hai khí Âm Dương là Thể, Ngũ hành là Dụng, 24 Long là Thể, 120 phân kim là Dụng. Long, huyệt, sa, thủy đều là Thể, còn năm, tháng, ngày, giờ đều là Dụng. Thể, Dụng xuất xứ cùng một nguồn, nên có thể thừa sinh khí.

SA PHÁP TỔNG LUẬN

ĐỔNG NGÂN PHÒNG

Nói đến Long Sơn tiền nghênh hậu tống, la thành thủy khẩu có quan quỷ, cầm diệu quan tiệt tỏa trấn, la liệt môn đường đều là sa phong. Trong "Minh sơn bảo giám" viết : "Sơn thuộc hai mươi bốn phương vị, từ trước mà tới gọi là triều, từ sau mà tới gọi là tống. Nơi thành long tạo huyệt, thì phải dùng triều tống lại để hổ trợ khiếm khuyết, đó là bảo địa thượng đẳng. Nếu như sơn hình đoan chính phúc hậu mà xâm phạm trời cao, lại từ mặt sau mà tới thì gọi là bảo điện, hô ứng từ mặt trước gọi là long lâu. Sơn hình thon nhọn mà tú mỹ thì gọi là bút, tròn nhẵn mà tú mỹ thì gọi là tiễn, vuông vắn mà tú mỹ thì gọi là hốt. Sơn hình có chân chạy (tẩu cước) gọi là kỳ, cao nghênh gọi là mã, hổ tương liên tiếp gọi là la, trùng trùng điệp điệp gọi là đốn binh nha đội, vuông vắn mà xinh nhỏ gọi là kim tương, tròn nhẵn mà xinh nhỏ gọi là ngọc ấn, nhọn mà sắc gọi là nha đao, ngang mà thẳng gọi là nha trượng.

Nếu là bảo địa thần tiên, sơn hình vẽ giống như tầng mây chồng chất; nếu là bảo địa thừa tướng, sơn hình sẽ giống như

khuê bích; nếu là bảo địa phú quý thì sơn hình như thương khố; nếu là nơi thị tứ thì sơn hình giống như đàn kiến tụ tập, trên dây nói về sơn phong đều là nơi tốt công hầu phú quý.

Nếu như bản thân long mạch không phải là cát lợi, thì sẽ khiến có sơn hình kỳ diệu, phản mà sẽ thành hung ác, tự nhiên quay lưng mà đi. Nếu sơn hình có kỳ, thì là cờ gấy; sơn hình có ấn, thì là ngụy ấn; nha đao thì là sát đao; nha trượng thì là đồ trượng (gậy của kẻ côn đồ đạo tặc); đỉnh núi viên nhuận thì là nhà ngục, sẽ khiến người khó sinh đẻ; sơn hình gầy nhược, thì chủ cột số lao thương; sơn hình mập tròn thì chủ có bệnh hư thũng; sơn hình tựa ngựa ngã ngựa quỵ thì sẽ chủ bị điên, sét gây thương tổn; sơn hình như dạng ẩn náu của rắn, chuột thì sẽ chủ xuất hiện kẻ cường đạo gian tà, sơn hình dạng như nón che và viên thuốc, thì chủ thương do thuốc độc; nếu sơn hình giống như thịt ngỗng, gà, trâu bò thì chủ bị chết chém ở pháp trường; hình dạng đá viên không đều, thì chủ sinh mụn nhọt; nếu như cây cối bò lan, thì chủ có bệnh cũ phát nặng; sơn hình biểu thị cô đơn, độc lộ thì chủ sẽ rụng răng; nếu sơn hình như người mà vùng mất có ắc sa, thì sẽ tổn thương nơi mất; tại vùng cổ thì sẻ bị thương ở cổ, tại vùng trước ngực thì chủ bị bệnh lao; tại vùng ngực chủ có lưng gù; tại vùng lưng thì thân hình cong vẹo; tại vùng cánh tay thì chủ bị gãy đoạn; ở phần chân thì chủ bị mệt mỏi không dứt. Những sa hình ở trên đều rất hung hiểm, hung ác lớn, gây tai họa cho dòng họ.

Sa hình hung cát, cộng có hơn ba nghìn thành thị nổi tiếng đều không trái với lý luận nêu trên đây, hầu hết đều đủ tùy cơ ứng biến. Địa thế bằng phẳng, thủy hơi chậm chảy; địa thế đồi núi, thủy lưu cấp xiết, đó đều là hình thế tự nhiên. Giống như thanh trọc của tinh thần, mỹ ố của hình thế, có cát có hung, có nghèo có giàu, có quý có tiện đều do hình thế. Bởi vậy người phương đông nhân nghĩa, người phương nam thì trí tuệ, người phương tây thì nghĩa khí, người phương bắc thì hào kiệt, người ở miền trung thì thành tín, có sai biệt không đều nhau.

Mệnh là chỉ thiên mệnh, nơi xác lập mộ, cơ chỉ sở trường (gốc nền dài), dương trạch sở dưỡng (nhà ở giữ gìn nuôi dưỡng), nếu khí mạch sơn thủy hướng ngược long thần không hướng,

thiên tinh không chiếu, tự nhiên không cát lợi. Bởi thế, "Tầm long toàn thư" viết : "Sơn dày dặn, người cũng béo tốt, sơn cằn cỗi, người cũng gầy đói, sơn thanh bạch người cũng bần khổ, sơn phá người cũng bi phẫn, sơn thế tới người cũng hội tụ; sơn thế đi xa người cũng ly tán; sơn thế dài người cũng dũng cảm; sơn thế ủy nhược, người cũng thấp lùn; sơn thế sáng láng, người cũng thông minh; sơn thế hôn ám người cũng mê loạn; sơn thế thuận thông người cũng trường thọ; sơn thế nghịch đảo người cũng phản trắc". Sơn hình và thủy hơn là hai cái theo nhau, hung cát, họa phú căn bản như vậy, là điểm người học cần phải xem xét kỹ.

Ta hãy xem câu nói của Đổng công : "Sơn phong phú quý, nếu như long mạch bản thân không cát lợi, trái lại tạo thành nơi hung ác và phản bối" đó cũng là ý "Sa phong cũng như mỹ nữ, quý tiện tùy theo người chồng".

Nhưng người xưa còn nói thêm "Hình thế của sơn bất luận cát lợi hay hung ác, nếu sa phong đoan chính, thì cũng sẽ khiến hung ác phú quý trở lại; nhưng sa phong bị phá vỡ, lại như mũi nhọn trực xạ, tuy trú ở huyệt vị cát lợi cũng bị suy vong". Đoạn này nêu ra, những thuật sư luận sinh lại dùng sa pháp để đánh lừa người.

Tôi cho là lời Đổng công là chính luận, lời người xưa là chuyên nói về sa phong mà thôi, tuyệt không có nói đến tình trạng của long.

LUẬN SA THỦY

Sa là thứ có thể nhìn thấy trong huyệt. Huyệt là Thể, sa phong là Dụng. Sở dĩ lấy sa làm danh, là nói theo hình tượng thấp bằng, củng vệ, thu thủy, chứ hoàn toàn không phải đem sơn nguy nga cao lớn mà xưng danh là sa. Người đời sau gọi triều sơn, án sơn v.v... đều gọi là sơn, là nhầm lẫn, không đúng với bổn ý mệnh danh thời trước.

Người xưa gọi sơn ở hai bên huyệt vị là Long sơn, Hổ sơn; người đời sau câu nệ cái tên ấy, cho rằng Long sơn, Hổ sơn đều là vật ngoại lai, không biết rằng sơn ở hai bên huyệt vị cũng giống như hai vai, hai tay, đều mọc ra từ thân thể. Nhìn kỹ hai vai, hai cánh tay, thấy không thể nghiêng lệch so với đỉnh đầu. Nếu hai vai, hai tay một gần một xa, một trước một sau, thì không phải thật, mà là giả, ngay đỉnh đầu cũng giả luôn.

Cổ nhân có câu "trương sơn thực thủy", nghĩa là ngốn hết nước chảy từ bên ngoài vào, chứ không phải uống hết thủy lưu trong huyệt, giải thích như vậy là thích hợp. Thủy ở trong huyệt giống như bầu vú của người mẹ, huyệt vị thì như đứa bé đang bú. Thủy lưu ở trung gian Long sơn và Hổ sơn giống như đồ ăn, nhất định phải có hai tay mới đưa đồ ăn thức uống lên miệng. Không dùng tay thì đồ ăn không thể đưa vào miệng. Long sơn, Hổ sơn phải nghịch chiều với thủy lưu, đồ ăn mới vào trong miệng, nếu thuận chiều thì không. Thông qua huyệt vị của Long sơn, Hổ sơn, nếu thấy có thủy chảy ngang qua thì biết. Sơn nếu từ bên tả tiến vào, thì thủy lưu trước huyệt nhất định nương theo sơn mà chảy từ bên tả đến, Long sơn tới trước, đến chỗ Hổ sơn nghiêng vào trong thì nghịch với thủy lưu từ mé hữu trong huyệt. Hổ sơn đến sau, tới chỗ mé ngoài của Long sơn thì đón ngoại thủy chảy từ mé tả ngang qua, như vậy nội thủy nghịch chiều với Long sơn sẽ rất kiên cố. Sơn từ bên hữu đến cũng tương tự. Như vậy Long sơn Hổ sơn đều được sử dụng, mà huyệt vị cũng "ăn" thủy lưu. Đó là cái lý bất biến.

Nếu sơn, thủy bên tả đến mà Hổ sơn nghiêng vào trong, Long sơn nghiêng ra ngoài, thì Long sơn thuận thủy lưu mà bị giữ lại, hoặc giả sơn, thủy bên hữu đến mà Long sơn nghiêng vào trong, Hổ sơn nghiêng ra ngoài, thì Hổ sơn thuận thủy lưu mà bị giữ lại. Nếu Long sơn, Hổ sơn có một bên bị thủy lưu ngoại lai kéo theo, thì nội ngoại trở thành thuận chiều.

Nếu huyệt là chân thì Long sơn, Hổ sơn nhất định không thuận. Nếu huyệt là giả, thì Long, Hổ nhất định không nghịch. Hình dạng Long, Hổ có hai cánh tay vươn thẳng về phía trước mấy chục trượng, thấp dần xuống và không khoanh lại, tình huống này gần đó phải có Án sơn che chắn mới có thể cấm

huyệt. Lại có huyệt vị được hai dòng thủy lưu kèm hai bên, không có Long sơn, Hổ sơn riêng của mình, mà mượn sơn ở hai bên thủy lưu cách trở để lưu giữ thủy lưu ở trước huyệt làm Long sơn, Hổ sơn, thì cũng có thể cấm huyệt.

Cổ ngữ nói : "đắc thủy vi sơn" (được thủy làm sơn)". Nhưng ngoài sông, hồ, kêng mương, không thể nói có "đắc", thủy lưu phải nghịch chiều với Long mạch, với sa phong, với huyệt vị, hơn nữa phải từ sinh, vượng mà chảy đến, từ hưu, tù mà chảy đi, mới có thể gọi là "đắc thủy". Người thời nay nói thủy pháp chỉ là uốn lượn lắng đọng, đến đi đều vòng vèo quanh co, mà không biết phải nghịch chiều mới là đúng thủy pháp.

Đại địa nhất định có thủy nghịch Long, đất tốt nhất định có thủy lưu nghịch sa. Nghịch với Long là hay nhất, nghịch với sa là hay nhì. Nói về "đắc thủy", chủ yếu là chỉ nghịch Long, nghịch sa. Sa phong và thủy lưu là sự phối hợp lớn, sơn đắc thủy, thủy đắc sơn là sự phối hợp vợ chồng; thủy nghịch sơn, sơn nghịch thủy là vợ chồng giao cảm. Nếu sơn thủy thuận chiều, thì tuy có phối hợp, nhưng không có giao cảm, sẽ không phải là chỗ thành Long.

LONG HỔ

Hai cánh tay giang ra, bản thân đẻ nhánh bao bọc kín huyệt vị, không để cho gió thổi sinh khí tản đi. Nếu phản nghịch, nhọn hoắt, nham nhở hoặc hai cung cùng đến, đều nên tránh. Nếu tay dưới nghịch thủy cong lên, thì lực nặng; nếu tay trên thuận thủy vòng lại, thì lực nhẹ. Bên trong Long, Hổ không thể bao tròn, cũng không thể giao nhau. Sa phong nhọn hoắt sẽ là điềm hung ác.

LONG HUYỆT SA THỦY

Long có sơn tổ tông, quý có chỗ nhô cao vươn thẳng; có sơn phụ mẫu, quý ở chỗ đoan chính, nghiêm trang; có sơn con cháu, hình thành huyệt vị, quý ở chỗ tủ lệ; tả hữu hai bên là huynh đệ, quý ở chỗ có giáp tùng; sa phong bảo vệ bên ngoài là nô bộc (bạn bè, đầy tớ), quý ở chỗ bao quanh; sơn thủy đối diện là tân khách, quý ở chỗ cúi chào; sơn thủy khẩu là binh tướng, quý ở chỗ có che chắn. Những thứ ấy phải có tình với huyệt, không thể quay lưng mà hướng ra bên ngoài.

HÌNH THẾ

Thế là thể thế của Long đến, hình là hình dạng của bốn sơn. Thế bao hàm cục diện, mà hình thì ở trong huyệt. Do đó nếu là đại thế quần tụ, dù hình và huyệt quái dị, không có Long sơn, Hổ sơn, vẫn có thể cấm huyệt. Đại thế nếu không tụ hợp, dù là kỳ hình xảo huyệt, có đủ Long sơn, Hổ sơn, cũng khó bề hạ huyệt.

HÌNH CỤC

Hình cục thích nghi với nghịch, mà không thích hợp với thuận, thích nghi với việc hướng vào nhau chứ không thích hợp với việc quay lưng lại nhau, thích hợp với uốn quanh, chứ không với đâm thẳng, thích hợp với hội tụ, chứ không với tán loạn, thích hợp với sinh, chứ không với tử, thích hợp với đến, chứ không với đi, thích hợp với đẹp, chứ không với xấu, thích hợp với trẻ, chớ không với già, thích hợp với tinh, chứ không với thô, thích hợp với tàng, chứ không với lộ, thích hợp với kín, chứ

không với khuyết, thích hợp với mềm, chứ không với cứng, thích hợp với thấp, chứ không với cao, thích hợp với sáng, chứ không với tối, thích hợp với giáp kề, chứ không với dồn ép, thích hợp với tròn, chứ không với nhọn.

LONG, HIỆP, HUYỆT MẠCH

Long mạch quý ở chỗ có khởi phục (lên xuống nhấp nhô), hiệp mạch quý ở chỗ ngắn và nhỏ, huyệt mạch quý ở chỗ có quật đột (đột nhiên đào hổ). Nếu từ trung tâm (chính giữa) rớt xuống thì lực nặng; nếu từ hai bên tả hữu rớt xuống, thì lực nhẹ. Mạch có mạch thẳng, mạch ngang, mạch thiên, mạch thiểm, mạch dài, mạch ngắn, mạch rộng, mạch hẹp, mạch quanh co, mạch tụ, mạch đơn, mạch kép, mạch ẩn hiện, mạch lộ dài một dải, đến chỗ thủy lưu mới dừng.

Có mạch vô khí vì bị gió thổi tán thoát, có mạch hữu khí, vì không có gió nên khí tụ hợp. Cao không thể lộ ra ngoài gió, thấp không thể đứt mất mạch. Quan sát mạch khí của Long, ở chỗ giáp giới với thủy phía ngoài Long sơn, Hổ sơn; quan sát mạch khí của huyệt, ở chỗ giáp giới với thủy phía trong Long sơn, Hổ sơn. Thủy lưu ở phía ngoài dễ nhận ra vết tích; thủy lưu ở phía trong khó nhận ra hơn. Gặp tình huống không có Long sơn, Hổ sơn, cũng không cần câu nệ.

TỨ CỤC

Trực Long xô lưng mà tới, hoành Long từ mặt bên mà nghiêng xuống, hồi Long quanh co uốn thân, phi Long kết tụ phía trên, tiềm Long lạc xuống bình dương. Đó là Long cục.

Thiên huyệt tụ tập ở bên trên, nhân huyệt tụ tập ở phần giữa (lưng chừng), địa huyệt tụ tập ở bên dưới; chính huyệt là chính tụ, trắc huyệt là trắc tụ. Đó là huyệt cục.

Sa phong có trực lai sa (đến thẳng), có hồi đầu sa (ngoảnh đầu), có loan bão sa (ôm quành), có thị vệ sa (hộ vệ), có quạn lan sa (che chắn). Đó là sa cục.

Triều thủy là đến ngay trước mặt, hoành thủy là như cánh cung, cứ thủy là ở trong ao hồ, khứ thủy là chảy đi, nghịch thủy là từ dưới lên, vô thủy là kết thành dốc khô. Đó là thủy cục.

TỨ HÌNH

Sinh Long có rất nhiều nếp gấp; Tử Long không có đứt đoạn; Cường Long ồ ạt mà đến; Nhược Long gày gò, mềm yếu, rụt rè; Thuận Long tiến về phía trước; Nghịch Long lùi về phía sau; Tiến Long hậu tiết cao; Thoái Long mặt sau thấp dần. Đó là Long hình.

Huyệt Tam tài là trực kết (kết thẳng), huyệt Tam Thai là hoành kết (kết ngang), huyệt Kỳ Lân nằm tại hai vú, huyệt Hồng Kỳ nằm ở chỗ hẹp nghiêng, huyệt Khúc trì chuyển động, huyệt Thoát Mạch hấp thụ sinh khí, huyệt Chính Câu ở chính giữa, huyệt Đầu sát bị thương ở đầu não. Đó là huyệt hình.

Sa tròn (Viên sa) giống như kim phủ (búa sắt), trực sa (sa thẳng) giống như nha hốt (thẻ ngà), tiêm sa (sa nhọn) giống như đao thương, phương sa (sa vuông) giống như tủ đứng, khúc sa giống như con rắn, chính sa giống như chiêng trống, tà sa giống như cờ phướn. Đó là sa hình.

Kim Thành giống như cái bao, Mộc thành giống như cây thước, Thủy thành giống như vật màu đen, Hỏa thành giống như cây cung ngược, Thổ thành giống như dòng chảy ngang. Đó là thủy hình.

LỤC CÁT

Quan, Diệu, Câm, Quỷ, Thú, La là lục cát. Quan ở đằng trước huyệt, Diệu ở bên tả huyệt, Câm ở bên cạnh hiệp, Quỷ ở đằng sau Long, Thú, La đều ở vị trí thủy khẩu.

Họ Hứa từng nói : "Hoặc Quan, Diệu chiếu ở trước mộ phần, hoặc Quỷ, Câm ở sau Long, hoặc là La tinh hoặc là Thú, có những thứ cát lợi ấy xuất hiện thì sẽ có người làm quan đến chức công khanh. Nếu Bắc thần cao to thì sẽ đến ngôi hoàng đế, nếu Bắc thần thấp nhỏ, cũng có người làm đại quan trong triều. Huyệt hình muôn hình vạn trạng, nhưng cốt nhất là tròn trịa, sợ nhất là nham nhở nghiêng lệch".

TẦN MẪU (ĐỰC CÁI)

Tẫn mẫu là chỉ thư hùng (con đực con cái) ở bên ngoài huyệt. Từ hai bên chiếu huyệt, thì giống như che chắn gió máy. Không có nó thì sẽ khuyết hở, chẳng thể an táng. Huyệt ở chỗ cao giống như cái đầu, cái họng, bộ não, phải có hai tai, hai vai che chắn, gọi là táng đầu Long, gối tai Long. Huyệt vị ở chỗ thấp giống như tim, rốn, âm hộ, phải dùng hai tay che chắn, gọi là táng eo Long, gối tay Long.

Thư hùng giống như hai tay trước huyệt, tả sơn đến trước thì nhận tả, hữu sơn đến trước thì nhận hữu, tả hữu cùng đến thì nhận cả hai. Họ Dương nói : "Hình thế thư hùng không thể cong vênh, vì như thế sẽ khiến cho người bị táng gia bại sản:.

LUẬN MINH ĐƯỜNG

Minh đường xuất hiện ở đằng trước huyệt, chỗ có nhiều thủy lưu hội tụ, gọi là Minh đường. Nó nằm ở chỗ giữa, xung quanh

có sơn bao bọc, Long mạch thấy nó thì dừng, huyệt vị thấy nó thì xác định hạ xuống. Minh đường có hai loại, chỉ có nội minh đường trước huyệt là khẩn yếu nhất. Có minh đường như thế là chân, không có minh đường như thế là giả. Đó là cách phân biệt đơn giản nhất. Long đến triều ứng tại thủy khẩu, mọi điều kiện đều tốt, nhưng không có minh đường, thì là giả. Mọi điều kiện đều bất lợi, nhưng tạo nên một minh đường đẹp, thì là chân.

Chiếu theo huyệt pháp, thấy minh đường ở mé tả, thì huyệt định tại bên tả, minh đường ở mé hữu, thì huyệt vị định tại bên hữu. Minh đường thuận xuất, thì huyệt vị thuận kết; minh đường hoàng xuất, thì huyệt vị hoành kết. Các sách địa lý phong thủy khi bàn về huyệt, nhất thiết sẽ luận về minh đường, bàn đến minh đường, nhất định sẽ luận về huyệt. Xem kỹ phần cơ sở của mộ thời xưa, chưa hề thấy tình huống không có minh đường mà lại có huyệt tốt. Nhắc đến "ao long huyệt" (lũng long huyệt), long dừng ở phía đông mà minh đường kết ở mé tây, thì huyệt vị nhất định ở mé tây, cho nên nói thà bỏ long mà không bỏ minh đường.

Cổ nhân đều đem huyệt đến sát minh đường. "Táng kinh" viết : "Ở trong phải tiếp sinh khí, ở ngoài phải tiếp đường khí". "Trác ngọc tập" viết : "Bất kể nó mờ mờ mịt mịt, chỉ cần tìm thấy minh đường là được. Cầu lấy minh đường trước, sau mới lấy huyệt vị. "Hắc tương Kinh" viết : "Huyệt vị tốt đẹp, minh đường của nó ắt sẽ rất tự nhiên". Lại viết : "Nếu có huyệt tốt, thì sẽ có minh đường, có cục vị". Tuyết tâm kinh" viết : "Leo lên huyệt vị thì phải thấy minh đường". "Mịch huyệt ca" viết : "Cứ theo minh đường rộng hẹp thì biết trong huyệt cao thấp".

Xung quanh minh đường phải có bao bọc, bên trong minh đường phải tròn trịa, bằng phẳng. Thủy lưu đến tụ hợp, nhưng nếu ở đây xuất hiện lồi lõm, lổn nhổn, xô lệch, lở loét, nham nhở, thì không thể gọi đó là minh đường.

Minh Đường thuận hướng phải khúc chiết, minh đường hoành hướng phải uốn quanh, không khúc chiết thì chạy đi, không uốn quanh thì vô tình. Hiểu được minh đường pháp như thế thì khỏi lo khó cấm huyệt.

Chỗ tích nước trước huyệt vị là minh đường, trong Long sơn, Hổ sơn, gần án sơn và triều sơn đều có chỗ thủy lưu hội tụ, đều là minh đường. Nhưng minh đường trong Long sơn, Hổ sơn là quan trọng nhất. Bởi vì huyệt vị giống như tâm can, thủy lưu như tinh khí, dịch thể kết tụ bên trong, thiếu nó thì không thể thành huyệt. Do vậy nói : "Khi kết huyệt phải có tiểu minh đường, chỗ chân khí ngưng tụ thủy lưu giao hội mới là huyệt vị".

Sa phong nghịch thủy lưu, thủy lưu nghịch sa phong, thì minh đường không ổn định vững chắc. Sự tốt xấu của minh đường căn cứ vào sự thuận nghịch giữa sa phong và thủy lưu. Cổ ngữ có câu : "Minh đường có thể chứa vạn mã". Đấy là ngụ ý nó rộng rải bằng phẳng mà thôi, chứ có ích gì ? Phải dăm trăm năm mới có một người hiểu rõ minh đường pháp.

Minh Đường trong triều sơn không quan trọng bằng minh đường trong án sơn gần hơn, minh đường trong án sơn không quan trọng bằng minh đường trong Long sơn, Hổ sơn. Tìm Long mạch, điểm huyệt vị chỉ cần lưu tâm cẩn thận đến minh đường là được.

Tiểu minh đường phải bằng phẳng, không được nghiêng lệch, nội minh đường phải bó hẹp, không được rộng rãi; ngoại minh đường phải lớn và tròn, không được nhỏ và nhọn. Chỗ chân thủy tụ hội phải có sa phong che chắn, không để gió thổi mất đường khí, mới được coi là tốt nhất. Vậy là minh đường thích hợp với ngang, chứ không với thẳng, thích hợp với bằng phẳng, chứ không với cao chênh, thích hợp với hoàn chỉnh, chứ không với khuyết hở, thích hợp với ngay ngắn, chứ không với nhô lồi, thích hợp với tròn trịa, chứ không với nhọn hoắt. So với đáy của huyệt vị, minh đường không thể quá cao, vì nếu cao thì thủy lưu sẽ không tụ hội, huyệt vị sẽ không tiếp thụ.

Minh đường không được nghiêng dốc. Cấm huyệt chủ yếu phải xem thủy thế bình lặng ở phía trước minh đường.

LUẬN TRIỀU SƠN

Có người so sánh triều sơn như quan hệ giữa chủ khách, quân thần, không biết rằng còn có quan hệ phối hợp vợ chồng. Kỳ thực quan sát kỹ hình dạng và sự ôm ấp của triều sơn thì thấy giống như sự giao phối đực cái mà tạo nên thai nhi. Có khi triều sơn là ba trái núi độc lập, có khi là năm trái núi độc lập, mà sơn triều bái nhất định đứng ở chính giữa, đó là loại án sơn cao quý nhất. Có khi triều sơn đẹp đẽ lại không ở hình dạng bái phục, sơn phong nhô lên mà không có hình thế thanh toát, đó là loại triều sơn, án sơn hạng nhì. Nếu sơn phong có đỉnh rất đẹp, nhưng thân thể lại nghiêng lệch, hoặc theo thủy lưu mà chạy đi, thì đó là giả triều sơn, huyệt vị cũng là giả.

Triều sơn bất kể cao, thấp, lớn, nhỏ, tròn, nhọn, vuông vức, chỉ cần ôm ấp kín là có thể sử dụng. Điều quan trọng nhất là xem thủy ở dưới chân nó. Nếu là triều sơn thật sự, thủy lưu nhất định sẽ không chảy đi mất. Thủy lưu của chính huyệt sẽ được lưu giữ hoàn toàn nhờ triều sơn. Triều sơn cũng có tâm hoa, sự che chắn hai bên tựa hồ không khác so với huyệt vị. Điều này rất ít người biết.

Phàm án sơn với triều sơn quý ở chỗ gần gũi mà không quá gần, quý ở chính giữa mà không vượt quá lông mày. Nếu cao mà nghiêng hoặc thấp mà thoát thì đều giảm phúc. Long sơn, Hổ sơn che kín thủy lưu trong huyệt; án sơn che kín thủy lưu của Long sơn, Hổ sơn; triều sơn che kín thủy lưu của của phân Long khởi tổ. Những thứ ấy đều che chắn thủy lưu trong huyệt vị. Cho nên triều sơn, án sơn đều phải nghịch thủy, nếu không nghịch thì thủy lưu trong huyệt sẽ chảy đi mất, phú quý sẽ không lâu dài. Thuận Long nhất thiết phải có nghịch triều, nghịch Long phải có thuận triều.

Khí là mẹ của thủy, thủy là con của khí. Chỗ chân khí kết tụ, thủy lưu nhất định sẽ quy tụ về đó, như con về với mẹ. Chỗ thủy lưu chảy đến, chân khí sẽ hướng tới đó hoặc ôm ấp, bao che, như vòng tay mẹ yêu con.

Như vậy sơn phong và thủy lưu đồng hành thuận hướng, đến chỗ sắp kết huyệt sẽ có sơn hồi thủy chuyển mà thành thế triều bái, nên triều sơn, án sơn lấy nghịch hướng làm cát lợi.

TRIỀU SƠN CHỨNG HUYỆT

Lấy án sơn đoan chính có tình ở gần và án sơn có thủy lưu ở xa làm ranh giới, lấy triều bái làm tiêu chuẩn.

CHIÊN THẦN CHỨNG HUYỆT

Chiên thần là môi, dư khí ở dưới huyệt. Nên bằng phẳng ngay ngắn, cũng là tiểu minh đường. Có chiên thần thì huyệt vị là chân, không phải giả.

THẬP ĐẠO CHỨNG HUYỆT

Cái chiếu sơn trước sau không được thiên sang phải hoặc sang trái, giáp nhĩ sơn hai bên không được thoát tiền thoát hậu. Tất thảy phải đủ chấn gió, không được khuyết hở. Đó là tiêu chuẩn.

TRIỀU ÁN

Triều sơn và án sơn lấy bằng phẳng, ôm bao tròn trịa đẹp đẽ, khai trướng khởi phong, lưỡng thủy giới triều làm cát lợi; coi nhô nhọn, nham nhở, chĩa thẳng, bỏ chạy, nghiêng lệch là hung hiểm. Án sơn phải thấp và gần, triều sơn phải xa và cao lớn. Triều và án sơn phải thoai thoải mà đến, thủy lưu phải chảy vào lòng mới là tốt.

HUYỆT

Đầu nhẫn nhụi, thân thể ngay thẳng, tay dang, mạch đến rõ ràng, sinh khí lộ rõ, trên phân dưới hợp, chắn gió ngăn nước, âm dương hòa hợp, sơn thủy giao hòa, địa khí tinh thuần, hình thế kín đáo, bốn phương có tình, tám hướng không bị khuyết, đó là chân huyệt.

TỨ THỂ CỦA HUYỆT

Oa có tàng khẩu oa, trương khẩu oa, thâm oa, thiểm oa, khoát oa, hiệp oa, biên oa, tịnh oa.

Kiềm có trực kiềm, khúc kiềm, trường kiềm, đoản kiềm, song kiềm, giao kiềm, biên khúc biên trực kiềm, biên trường biên đoản kiềm, phân kiềm, hợp kiềm.

Nhũ có huyền nhũ, trường nhũ, đoản nhũ, đại nhũ, tiểu nhũ, song nhũ, tam nhũ, thiểm nhũ, trắc nhũ.

Đột có đại đột, tiểu đột, song đột, tam đột, cốt đột, tịnh đột.

Bốn thể nói trên có tượng Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ, cũng có mang hình Cửu Diệu. Phía sau phải có mạch lạc, phía trước phải có nghịch thủy thu sa mới là chân.

LUẬN THỦY

Thủy, Long mạch có được nó thì thành Long, huyệt vị có được nó thì thành huyệt. Nó là vật xuất xứ từ sơn mà phối hợp với sơn. Gọi Thủy là tinh huyết của sơn, là ngụ ý chỉ bản thể của nó. Gọi Thủy là ẩm thực (đồ ăn thức uống) của Sơn, là muốn nói đến tác dụng của nó.

Thủy lưu có nghịch với hậu Long mà phối hợp, có nghịch với sa phong hai bên mà phối hợp, có nghịch với huyệt vị mà phối hợp. Thủy lưu tạo xong huyệt vị rồi thì thủy lưu không nghịch nữa. Quách Phác viết : "Đắc thủy mới được coi là thượng đẳng". Chữ "đắc" không phải được nói ra tùy tiện. Có rất nhiều phương pháp đắc thủy, muốn trình bày không dễ gì. Có người dùng tông miếu để luận thuật, có người dùng độ số để luận thuật, có người dùng quẻ để luận thuật, có người dùng dương sơn dương thủy, âm sơn âm thủy để luận thuật. Tuy mỗi cách đều có lý, nhưng người đời sau đều sử dụng sai.

Tôi cho rằng tính chất của sơn là tĩnh, còn tính chất của Thủy là động; âm tĩnh mà dương thì động. Sơn với thủy cũng như âm với dương. Đạo lý âm dương đã rõ ràng, khỏi cần dùng sao, dùng quẻ cũng biết. Cho nên sự thiện ác, linh nghiệm của thủy lộ so với sơn là rõ ràng hơn. Vì sơn và thủy vốn có quan hệ vợ chồng, nên sơn là dương, thì thủy là âm, thủy là âm, thì sơn là dương, sơn sinh thì thủy vượng, sơn vượng thì thủy sinh. Không đúng như vậy, thì không còn là sự giao cảm vợ chồng, cũng không thể kết thành huyệt vị.

Thủy lưu chảy đến thì không thể trực xung, thủy lưu chảy đi thì không thể quá thẳng, thủy lưu dàn ngang (hoành) thì không thể phản, thủy lưu chéo (tà) thì không thể gấp. Thủy lưu triều bái nhất định phải uốn éo mà đến, thủy lưu chảy đi nhất định phải lưng lờ mà đi, thủy lưu dàn ngang thì phải giống như cánh cung ôm lấy huyệt, như vậy mới gọi là lưu luyến hữu tình.

Long nghịch thủy thì lực nặng, long thuận thủy thì lực nhẹ. Nhưng có khi chảy thẳng đi, Long mạch thanh tú, kết huyệt rõ ràng, thì vẫn nên tìm xem nó chảy đến chỗ nào mà sử dụng, chứ không nên vì thuận thủy mà vứt bỏ.

Thủy lưu giống như mũi tên bắn, như dây thừng, như người đeo kiếm, như gà giơ chân, tách ra như chữ bát, xồng xộc đến, hối hả đi, tiếng nghe ồ ồ hoặc ai oán, đều không cát lợi.

· Thủy lưu còn phân ra nội ngoại. Ở trong Long sơn, Hổ sơn mà xuất hiện trước huyệt gọi là nội thủy; bất kể có chỗ nhập huyệt hay không, quý ở chỗ uốn lượn quanh co, chảy ra nghênh

tiếp ngoại thủy. Thủy lưu ở ngoài Long, Hổ sơn, ở trong triều sơn, án sơn thì gọi là ngoại thủy. Như nước sông, hồ, mương, biển thì là ngoại thủy. Nếu nội thủy có bệnh mà ngoại thủy hợp phép, thì về đại thể cũng không ngại. Nhưng nếu nội thủy cát lợi, mà ngoại thủy hung hiểm, thì chớ sử dụng.

"Táng kinh" viết : "Ngoại khí là dùng để tụ tập nội khí, quá thủy là dùng để dừng Long". Đây không phải là luận điểm khinh suất. Bởi vì thủy lưu vào ra minh đường giống như huyết mạch của người, há có thể xem thường ? Sách có nói : "phân nhánh khi chưa thịnh, triều bái khi sắp đại vượng, tụ thành ao đầm khi sắp suy, lưu tán khi tù đọng. Đến thì uốn lượn quanh co, đi thì như dệt lụa, thế mới gọi là đắc thủy".

Còn sơn lớn mà thủy nhỏ, sơn yếu mà thủy mạnh, âm dương không tương xứng, thì chẳng thể kết huyệt.

VI HỘI THỦY

Thủy lưu vi hội có ba loại : giải nhãn thủy (thủy mắt cua) là thủy xung quanh như mắt cua nhỏ giọt tròn; hà tu thủy (thủy râu tôm) là thủy hai dòng chảy hợp làm một; kim ngư thủy (thủy cá vàng), là thủy kín đáo. Không có loại thủy này thì huyệt vị chẳng phải là chân.

CẦU THIỂM

Cầu thiểm là biệt danh của giải nhãn, mặt trên béo mập, tròn như trái cầu, mặt dưới mỏng mảnh, như nước nhỏ giọt từ mái hiên (thiểm = mái hiên).

Mặt trên có mạch đến, mặt dưới không có mạch ra, là tinh thần khai khẩu (hé miệng). Mặt trên có mạch đến, mặt dưới có mạch ra, là không khai khẩu. Khai khẩu là thư hùng (đực cái) kết hợp với nhau ở bên trong. Không khai khẩu là thư hùng kết hợp với nhau ở bên ngoài.

KIM NGƯ THỦY

Thủy kín đáo không gọi là ngư, mà nhất thiết phải gọi là kim ngư, là vì lẽ gì ? Là vì cá uống nước thì nước vào miệng mà ra ở hai bên mang. Chỉ riêng kim ngư uống nước là nước vào từ hai bên mang mà ra đằng miệng, cho nên mới gọi tiểu thủy như dây thừng ở huyệt vị là kim ngư. Cũng là vì hai thủy lưu từ hai bên chảy vào trong tiểu minh đường, rồi mới chảy ra, như kim ngư uống nước vậy.

SA CÁNH VE (THIỂM DỰC SA)

Gọi sa phong là sa cánh ve, vì cánh ve tuy mỏng manh nhưng che kín phần đuôi, hơn nữa lại không có thanh âm, tiếng kêu của ve phát ra từ dưới sườn, ban ngày phát tiếng kêu bên tả, ban đêm phát tiếng kêu bên hữu. Cho nên ở chỗ lập huyệt vị mới gọi tiểu sa phong là sa cánh ve, ngụ ý sa phong tuy nhỏ, mảnh, nhưng vẫn che kín huyệt. Nếu Long từ mé hữu đến, hướng sang mé tả, thì sa phong mé tả phải minh bạch mà tiếp nhận thủy lưu mé tả. Nếu Long từ mé tả đến, hướng sang mé hữu, thì sa phong mé hữu phải rõ ràng mà tiếp nhận thủy lưu của mé hữu. Giống như đôi cánh ve che kín thân thể, không để lộ ra ngoài.

RÂU TÔM (HÀ TU)

Nhiều sinh vật có râu, tại sao lại chọn râu tôm để gọi ? Phàm râu của sinh vật đều mọc ở mép, riêng râu tôm lại mọc từ gáy mà bao bọc lấy đầu, hơn nữa lại có sợi dài sợi ngắn, khi ăn thì dùng sợi dài quặp đồ ăn đưa cho sợi ngắn rồi đưa vào miệng. Cho nên huyền nhũ của huyệt vị có hai dòng thủy lưu,

cũng là có hai tiểu sa phong bao quanh huyệt, một dài một ngắn tương hỗ hút nước. Sa phong như thế có lực mà thủy lưu có thức ăn. Nếu hai sa phong đối đầu nhau thì không cát lợi, cũng không phải là râu tôm thật sự.

Loại thủy và sa như vậy, chỉ chỗ hình thể huyền nhũ mới có.

MẮT CUA (GIẢI NHÃN)

Sinh vật đều có mắt, ở đây tại sao chỉ lấy mắt cua để gọi, vì mắt của con cua vừa to, vừa lộ, lồi hẳn ra, hơn nữa lại có thể xoay tròn. Chẳng những thế, cua còn đi ngang, bò sang bên trái thì mắt trái sáng, bò sang bên phải thì mắt phải sáng. Cho nên nhìn ngang nhìn thẳng không thấy nhũ đột, tiết oa, cũng không có thủy râu tôm, thủy kim ngư. Dùng nó tìm huyệt vị, thì có thể thấy môi tròn trịa tựa cái yếm con cua, bên cạnh yếm có tiểu thủy lưu, giống như từ mắt cua chảy xuống, phía ngoài có sa phong hơi nhô lên như càng cua, mà thủy lưu sáng cả hai bên tả hữu, thế thì huyệt vị sẽ hiển lộ ngay.

CHỈ KHÍ CHÂN QUYẾT

Che gió, khí sẽ tụ hợp lại, ngăn thủy, chân khí sẽ dừng tụ. Chỗ tụ hợp, thư hùng (đực cái) giao hội. Mặt trên có phân thủy, Long mạch từ giữa mà đến. Mặt dưới có hợp kim, chân khí từ giữa mà dừng. Chỗ nhô, chỗ lõm, là nơi chứa chấp sinh khí. Chỗ nhô thuộc Kim tinh, là âm, chỗ lõm là Thủy tinh, thuộc dương. Cho nên kim đến, thì bỏ kim mà lấy thủy, thủy đến, thì bỏ thủy mà lấy kim. đó là cái lý phối hợp âm dương, kim thủy tương sinh.

Thủy lưu của minh đường tụ hội mà không thất thoát; Sa phong của Long, Hổ tụ hội mà không chạy đi, có thể nói đó là chân khí giao hội. Hơn nữa, thủy lưu bên ngoài hữu hình, mà thủy lưu bên trong vô hình, bên có bên không, bên sáng bên

tối, nhất định sẽ có sa phong bao quanh thân thể, có hình ảnh thủy lưu bao bọc, sinh khí như vậy mới là đích thực.

Lại có hai tiết nhập thủ, thủy mộc tương sinh, cũng có sinh khí. Lại như Khôn Long thuộc Thổ, chuyển thành Thân mà kết huyệt, cũng gọi là có sinh khí. Long mạch hoạt động là sinh, cứng đờ là tử; khí dày là sinh, mỏng là tử.

BÁT CỤC TƯỚNG PHÁP

Huyệt ở phía nam thì có thể nhìn thấy từ phía bắc và ngược lại. Từ phía đối diện đến nhìn, thì đỉnh núi của sơn đến thuộc hình thế nào, ngũ tinh, cửu tinh và cửu diệu ra sao, đều có thể thấy được.

Quan sát thủy lưu, cũng phải đứng ở đầu nguồn mà nhìn, thủy lưu chảy sang phía tây, thì đứng ở phía đông; thủy lưu chảy sạng phía đông, thì đứng ở phía tây. Nhìn kỹ hướng chảy đi của thủy lưu, nếu có sa phong nghịch thủy mà che chắn kín mít, không kẽ hở, thiên môn mở mà địa hộ đóng, thì có thể kết huyệt vị ở đó.

Lại leo lên một ngọn núi cao mà nhìn sơn tứ phía, chỗ thấp một chút sẽ thấy huyệt vị.

TƯỚNG PHÁP CHỦ KHÁCH

Chỗ thụ huyệt là chủ, chỗ nghênh đón là khách. Tối kỵ là sơn khách đến gần sơn chủ mà quay lưng chạy đi. Nếu hai ngọn núi nam, bắc đều đẹp, có thể kết huyệt, thì phải xem kỹ minh đường và thủy thành. Thủy lưu nếu bao lấy phía nam, thì Long mạch của sơn phía nam từ từ mở ra mà có dư khí, huyệt vị nhất định ở phía nam. Trong Kinh Thư có viết : "Chủ khách đều rất đoan chính, hai bờ nhọn hoặc tròn cũng đều tương ứng xảo diệu, thì cần dựa vào sự bao bọc của thủy thế mà phán đoán chân giả, chỗ thủy lưu tương phản chính là khách".

Nếu thủy lưu chỉ ngang qua bình thường, thì nên xem sơn phong hộ vệ hai bên, bên nào có tình. Kinh Thư viết : "Phàm quan sát huyệt vị có nghi ngờ, thì phải xem Đường cục. Đường cục thực thụ thì thủy lưu uốn quanh khúc chiết. Nếu thủy lưu lẳng lặng chảy ngang qua, thì chỉ cần phân biệt kỹ sơn thủy hai bên là được".

Nếu cả hai bên đều có vẻ kết huyệt, thì huyệt vị thực thụ nhất định sẽ không xuất hiện từ phía đối diện, thủy lưu phải ôm lấy hướng nam sau đó lại ôm lấy hướng bắc mới được.

TƯỚNG PHÁP THUẬN NGHỊCH

Có một trọng thủy, thì phải có một trọng sa kiềm chế. Nếu có tiểu thủy lưu chảy sang mé tả, mà đại hà thủy chảy sang mé hữu, thì phải có sa phong ở gần mé tả huyệt vị dài hơn, để kiềm chế tiểu thủy lưu, sau đó sa phong ở bên ngoài mé hữu lại kiềm chế đại hà thủy. Đây là thư hùng (đực cái) phối hợp, nếu không thì âm dương bất hòa, linh khí không tụ, không thể tạo thành thai nhi.

Nhưng cũng có đất đại phú quý, đa phần là hình thế thuận đóng thuận quấn, chỉ cần đại hình thế là nghịch cục thì rất hay. Bởi vì nghịch cục mà thuận quấn cũng là cái lý âm dương giao hội.

NỘI NGOẠI TƯỚNG PHÁP

Từ mặt ngoài nhìn vào, từ phía trong nhìn ra, nội ngoại đều rất đẹp, mới là đại phú đại quý. Từ ngoài nhìn vào mà cửa không đóng, vào đến bên trong thì Hổ sơn, Long sơn cùng vây kín, đó là tình huống tiểu địa hữu hình mà vô thế. Từ ngoài nhìn vào, thấy sơn thủy bên trong quấn quít, vào đến bên trong, lại thấy Đường cục mở rộng, bản thân chẳng có Long, Hổ sơn, đó là đại

địa có thế mà vô hình. Cho nên nói : "nhập huyệt xem hình, xuất huyệt xem thế".

NHẬP THỦ KHÁN PHÁP

Một, phải xem hình thế; hai, phải xem tên gọi; ba, phải xem chứng cứ; bốn, phải xem mạnh yếu; năm, phải xem thủy đến, đi; sáu, phải xem thuận nghịch; bảy, phải xem sinh tử; tám, phải xem hữu vô (có thực hay không), chín phải xem chân giả; mười, phải xem tụ tán.

TƯỚNG ĐỊA LỤC PHÁP

Long mạch phải xem thác (nhờ, dựa), huyệt phải xem lạc, sa phải xem cước, thủy phải xem hợp, đường (minh đường) phải xem góc, thành phải xem quách. Thác có hậu thác, tả hữu thác, tất phải có quấn quanh tương đối nhiều. Lạc có trung lạc, tả hữu lạc, tất phải bao bọc kín đáo. Cước có tả hữu cước, tất phải nghịch thủy uốn khúc; hợp có tiền, hậu, tả hữu hợp, tất phải lưỡng thủy giao hội; giác là chỉ bốn góc, phải có hình thế tròn trịa, vuông vắn. Quách là tám quách, phải như La thành vây quanh.

Sự quý tiện của huyệt vị là tùy Long, của Long là tùy hiệp. Họa phúc của sơn là ở thủy, của thủy là ở phương hướng. Cho nên phải tìm Long mạch ở đầu nguồn, tìm hiệp ở Long mạch bên trái, tìm mạch tại hiệp, lấy khí ở mạch, tùy khí mà biết huyệt vị, tại huyệt vị thì xem thủy, tùy thủy mà định hướng, đó là đại lược phải biết.

Chân Long kết huyệt nhất định sẽ có chứng cứ, có chứng cứ rõ ràng, thì huyệt vị mới hoàn toàn chân thực. Chứng cứ cần tìm ở trước huyệt là triều sơn, án sơn hoàn mỹ, minh đường đoan chính, thủy thế tụ hội. Chứng cứ cần tìm ở sau huyệt là

lạc sơn nhô cao, quỷ tỉnh chống đỡ. Chứng cứ ở hai bên huyệt là Long sơn, Hổ sơn có tình, bao quanh kín đáo. Chứng cứ ở bên dưới huyệt vị là thiềm (hiên), chiên (chăn đệm) đoan chính. Chứng cứ ở bốn phía huyệt vị là thập đạo đều tròn vẹn; chứng cứ ở ranh giới thủy là phân hợp rõ ràng. Phương pháp tìm huyệt, điểm huyệt nhất định phải lấy các chứng cứ đó làm tiêu chuẩn.

TƯỚNG THỦY YẾU QUYẾT

Thủy lưu có các loại tùy long thủy, nhiêu long thủy, triền long thủy, triều long thủy, thừa long thủy, tiêu long thủy. Các chỗ đó không chảy ra từ chỗ khí sinh, vượng, từ hai phương vị Thân, Tý là được. Phải xem tình hình trên huyệt mà xác định. Có khi Thổ chân xác, nhưng Thủy có chỗ bất lợi, thì phải cân nhắc kỹ phương hướng của Thủy, nếu tiêu nạp ở đầu thì hung.

Khí sinh, vượng phải dùng Đại huyền không tam hợp mà luận chứng, tiểu huyền không thì chỉ có thể luận chứng về tương sinh, tương khắc của thủy lưu đến và đi. Sự nhập thủ của Long mạch có năm cách : trực, hoành, hồi, phi, tiềm. Liêu công viết : "Trực Long là bị thúc phía sau lưng mà tới, từ trung gian mà ra, quý ở chỗ có thế quanh quẩn, lưỡng lự. Hoành Long nguyên từ mé bên mà tới, chỗ nghịch chuyển thì đỉnh rất hào hùng. Hồi Long nguyên là quanh co vặn mình mà tới, khi ngoảnh nhìn về phía tổ tông sơn phải có vẻ chần chừ do dự. Phi Long nguyên là thượng tụ kết huyệt, đầu ngẩng cao, hình dạng kỳ dị. Tiềm Long vốn sa xuống đất bình dương, long mạch tản khai, hình thế khoan hòa".

THUỶ PHÁP NGHỊ LUẬN HÌNH THẾ NGŨ THÀNH

Bao quanh huyệt vị như cái đai, dây lưng là Kim thành; uốn lượn nhìn vào huyệt là Thủy thành. Kim thành và Thủy thành là cát lợi. Vuông vức dàn ngang là Thổ thành, trông thư thái

bình lặng thì cát lợi, mà phân lưu tung tóe là hung hiểm. Chảy thẳng gấp gáp, vô tình là Mộc thành; nham nhở, nhọn lệch, đâm xéo vào nhau là Hỏa thành. Mộc thành, Hỏa thành là xấu.

Ngoài ra, triều hướng huyệt vị là chính thành, tất phải mênh mang, lặng lẽ không có âm thanh, mới là mỹ mãn, còn bối thành, nghĩa là quay lưng lại, thì chủ về bần tiện.

THẬP BẤT TƯƠNG

Mười điều không hợp. Một, đá thô và xấu. Hai, thủy chảy gấp như tranh giành. Ba, chảy đến chỗ tận cùng. Bốn, đầu Long đơn độc. Năm, thần trước phật sau. Sáu, mộ trạch bỏ phế. Bảy, núi đôi tán loạn. Tám, sơn thủy bi sầu. Chín, chỗ ngồi lún sụt. Mười đầu Long và Hổ nhọn hoắt.

TỨ BẤT HẠ

Bốn điều không nên hạ huyệt. Một, nơi đỉnh đôi đỉnh núi. Hai, nơi Long, Hổ giương mày. Ba, chỗ trước sau có Quỷ kiếp. Bốn, chỗ có tám phía gió thổi.

THẬP HUNG

Mười điều hung. Một gọi là Thiên bại, là nơi từng bị nạn hồng thủy tràn qua, long thần bất an, nếu kết huyệt thì con cháu ly tán, bơ vơ. Hai gọi là Thiên sát, là nơi từng bị sét đánh, Long thần kinh hãi, sẽ khiến con cháu nghèo khó. Ba gọi là Thiên cùng, lạc huyệt cô đơn mà Huyền Vũ lè lưỡi, thuộc nơi đầu nguồn đuôi thủy, sẽ khiến con cháu cô đơn. Bốn, gọi là Thiên khuynh, là nơi minh đường nghiêng trôi, thủy không quy tụ, Long thần không trú, sẽ khiến gia chủ mất người, mất của. Năm

gọi là Thiên vệ, là nơi gió tám phía thổi tới, Long thần không trú, sẽ khiến con cháu du thủ du thực, lười nhác. Sáu gọi là Thiên thấp, là nơi minh đường nhày nhụa hôi hám, Long thần không tốt, sẽ gây bệnh tật triền miên. Bảy gọi là Thiên ngục, là nơi bên dưới có hang, hầm hố, không thấy ánh sáng, Long thần ám muội, sẽ khiến người ngu muội. Tám gọi là Thiên cẩu, là nơi ở ngoài khuỷu sơn, không có Long thần, hai bên tả hữu huyệt vị cũng không có sơn phong hộ vệ, gió thổi thủy cuốn, sẽ khiến con cháu gian nghịch, bất hiếu. Chín, gọi là Thiên ma, là nơi đất đá chênh vênh không chắc, Long thần nông cạn, khiến người nông cạn. Mười gọi là Thiên cô, là nơi da, lông khô nẻ, không tươi nhuận, khiến người thất bại.

Còn có thuyết nói rằng : lạc táng ở mộ cổ hoang phế sẽ khiến đời con bị câm điếc; lạc táng ở trước sau đền miếu, con cháu sẽ bị kiện tụng; lạc táng tại nơi Sơn tiêu mộc khách (nơi có quỷ sơn tiêu trong truyền thuyết), sẽ khiến con cháu tà dâm; nếu táng ở thùng đấu (nơi người ta lấy đất nung gạch ngói) thì con cháu sẽ bị tật, sẹo; nếu lạc táng tại bên đường không rõ ràng, nếu là hung phương thì người bị nạn về thừng chão, nếu tại cát phương thì cũng cát lợi.

BÁT SÁT

Uổng Long chật hẹp, Sát Long nhọn như tên bắn, Quỷ Long phân chi, Kiếp Long bay đi, Du Long đi thuận, Bệnh Long lở loét, Ngạnh Long cheo leo, Tuyệt Long cô đơn. Đó là tám cái sát của Long.

Mạch đoạn sơn không thể nối tiếp, Đồng sơn không có thảo mộc (cây cỏ), Quá sơn hình thế không trụ lại, Phá sơn lỗ chỗ, Độc sơn không có hộ tùng, Trắc sơn bị nghiêng lệch, Lão sơn chênh vênh, Thạch sơn không có thổ mộc, đó là tám cái sát của Huyệt.

Xạ (tên bắn) là chĩa mũi nhọn vào huyệt, Thám là lộ đầu nghiêng gió, Phá là sẹo đầy đầu, Xung là chọc ngang về phía

trước, Áp là sa quật khởi, Phản là ngược với triều, Đoạn là dưới đầu não có tì vết, Tẩu là bay chếch đi, đó là tám cái sát của Sa.

Khắc là Mộc, Thủy khắc huyệt Thổ, Tạp là dương Long lẫn âm thủy, Xung là dương triều thế Đại Hùng, Phá là chúng thủy phá La thành, Xuyên là một thủy xuyên qua Minh Đường, Cát (cất) là trước huyệt chặt bớt chân, Tiễn là trước mặt hướng huyệt, Xạ là một mũi nhọn chĩa vào huyệt. Đó là tám cái sát của Thủy.

Có sát, dù hợp quẻ, cũng hung hiểm. Cho nên quẻ chưa đủ tin.

THẬP YẾU

Mười cái cần. Một, hình thể chủ tinh cần phân minh. Hai, huyệt cần vượng khí ngưng tụ. Ba, minh đường trước huyệt cần trải đệm. Bốn, Huyền Vũ (tức huyệt trường) cần sáng rõ, trong sạch. Năm, cần tiếp thụ động tĩnh hài hòa. Sáu, cần ngăn thủy để tụ lại đằng trước. Bảy, Long, Hổ cần cao thấp tương ứng. Tám, Án sơn Lạc sơn cần trước sau tương xứng. Chín, nhờ mượn cần chính xác. Mười, cửa thành cần đóng kín.

THẬP BÁT KỴ

Mười tám điều kỵ. Sơn thế hùng hậu mà mà không có sắc thái non trẻ, là thô ác. Sơn thế cường bức mà không thể lập thế, là thôi thúc gấp gáp. Sơn thế thô mập mà không chắc, là phù thũng. Sơn thế hư nhược, là hổ dữ. Tả hữu chiết lõm mà không kín đầy, là khuyết hở. Huyệt trường nhận gió mà không lưu tụ là hốc lõm. Sơn hình mỏng manh, không tươi nhuận, là gầy yếu. Phần đầu bị người đào khoét lấy đất, khí mạch bị tổn thương, là phá toái. Tinh thần lệch lạc, xiêu vẹo, không tròn

trịa, là nghiêng lệch. Sơn loang lổ đen trắng, đất đá lổn nhổn, khô cằn, chỉ có cỏ úa, không có cây cối xanh tươi, là sần sùi mụn cơm. Ranh giới thủy không rõ ràng, lồi lõm vô lối, non già lẫn lộn, là tản mạn. Cô sơn độc Long, bốn mặt không có hộ vệ, là đơn hàn (cô đơn lạnh lẽo). Sơn phong tứ phía cao ngất, tam dương không chiếu vào được, u ám thê lương, là u tịch, lạnh lẽo. Sơn thế nhỏ yếu mà nhọn như mũi thương, đuôi chuột, là nhỏ nhọn. Huyệt trường trải rộng như da trâu mà không co kết, là phóng túng. Sơn hình cứng đờ, khô gấp mà không hoạt động, là ương ngạnh, ngu dốt. Đến huyệt vẫn cao ngất, có thể đổ sụp, là thế cheo leo, chênh vênh. Trước huyệt nghiêng đi, không cân, là trôi tuột, tất cả những điều trên đều kỵ.

MƯỜI BA ĐIỀU E NGẠI

Một, e ngại không vong. Hai, e ngại bị ép. Ba, e ngại bay chếch. Bốn, e ngại chèm cắm. Năm, e ngại khí bị rò rỉ mà thủy xối thẳng. Sáu, e ngại Long bay Hổ chĩa thẳng. Bảy, e ngại thủy khẩu minh đường há rộng. Tám, e ngại gió thổi. Chín, e ngại dồn thúc. Mười, e ngại đỉnh cao chơi vơi. Mười một, e ngại vết tích đền miếu cổ. Mười hai, e ngại giếng cổ và hầm hố. Mười ba, e ngại thô lậu và nhọn hoắt.

TÁM ĐIỀU SỢ

Một, sơn cốc sợ gió lùa. Hai, bình dương sợ tản mạn. ba, cành non sợ đá. Bốn, thân già sợ chắp vá. Năm, tiểu xảo sợ lộ liễu. Sáu, khí dày sợ mỏng. Bảy, sơn thẳng sợ xung. Tám, thủy chảy đi sợ thẳng một mạch.

TÁM ĐIỂU KHÔNG HIỂM

Một, bình dương không ngại gió; hai, thủy khẩu giao hội không ngại cao; ba, triều thủy không ngại nghiêng; bốn, tứ thuận lưu không ngại trầm; năm, ngũ mạch gấp không ngại thoát; sáu, mạch chậm không ngại bị nuốt; bảy, chính diện tinh thần không ngại mở tám, hình thế hiển lộ không ngại ẩn.

SÁU ĐIỂU HIỂM

Một, hiểm ly khai thủy địa. Hai, hiểm Long sống kiếm. Ba, hiểm huyệt chứa gió. Bốn, hiểm không có án sơn. Năm, hiểm minh đường sụt lở. Sáu, hiểm Long, Hổ bay.

TỨ CHÂN

Khi hạ xuống có đưa có đón, khi kết huyệt có khí có thế, đó là chân Long (long thực thụ).

Khi thế dừng, đằng sau thẳng, mà đằng trước quành, khi khí tụ thì đằng sau phân, đằng trước hợp, đó là chân huyệt.

Che thân như cánh ve, hộ vệ hai bên như Long, Hổ, đó là chân sa.

Kim ngư kín đáo, hà tu (râu tôm) khép lại, đó là chân thủy.

TỨ VÔ

Long mạch không có hộ tòng thì không được. Huyệt vị không có Kim ngư thì bất thành. Sa phong không có chính hình thì không rõ. Thủy lưu không có chính thành thì không xong.

TỨ KHÍ

Trên Long mạch thấy lở loét, nham nhở là bạo khí. Trên huyệt vị thấy nhọn, chếch, cong, thẳng là sát khí. Trong sa phong thấy ngoẹo đầu nghiêng mặt là dâm khí. Trong thủy lưu thấy chếch, xéo, hỗn loạn là thoái khí.

TỨ THÚ (BỐN CON THÚ)

Huyền Vũ phải lộ đầu, không nên lè lưỡi, trề môi. Chu Tước phải lượn vòng, không nên bay chếch; Long - Hổ kỵ lõm hãm, dồn ép.

Phạm Việt Phụng viết : "Huyền Vũ phải trụ lại bề thế, không nên giấu đầu, co ro. Thanh Long phải ung dung vòng quanh, không nên sa xuống hố. Bạch Hổ phải chậm chập mà chắc chắn, không nên cao nhọn mà ngậm tử thi. Chu Tước phải cao đẹp, không nên có tiếng nước chảy ai oán.

TỨ HƯỚNG

Hướng nam là tốt nhất, kế đến hướng đông, hướng tây, hướng bắc là kém nhất. Bởi vì hướng bắc thì lưng là dương mà mặt là âm, khó chịu đựng nổi gió bấc, gọi là cảnh nam ấm mà cảnh bắc lạnh; nhất định phải có án sơn ôm vào lòng, thủy lưu che chắn gió bấc, thì mới khả dĩ để huyệt quay về hướng bắc.

TỨ DỤC (BỐN MUỐN)

Bốn muốn (tứ dục) là thế, ý, tình, lý. Long thế tất phải phân biệt thế đi, thế tàng, thế ở giữa, thế cùng. Cục ý tất phải phân

rõ xúc, kết, hoàn, tán. Huyệt tình tất phải nhận rõ chính, tà, thiện, ác. Mạch lý tất phải bình tĩnh xem chỗ phân, hợp.

TAM KIẾP

Phàm Long mạch phân chia, vừa lớn vừa dài, không bảo hộ huyệt vị, gọi là Thiên kiếp. Nếu trở lại bao bọc huyệt, hoặc che chắn thủy khẩu mới là cát lợi.

Huyền Vũ lè lưỡi, vừa thẳng vừa dài, gọi là Địa kiếp. Nếu có sơn thủy chắn ngang, thì tiền hung hậu cát.

Mặt trước huyệt vị trống rỗng, gọi là Nhân kiếp. Nếu có dương triều ôm ngang nghịch thủy thì mới cát lợi.

TAM THẾ

Lập (đứng) là sơn phong nhô cao mà chân khí nổi lên. Miên (ngủ) là sơn phong ngẩng lên mà chân khí trầm xuống. Tọa (ngồi) là sơn phong khuất khúc mà chân khí ẩn tàng. Đó là ba thế Thiên huyệt, Địa huyệt, Nhân huyệt. Lớn phải mở rộng, nhỏ phải thu hẹp; thấp thì e ngại bị ẩm thấp, cao thì e ngại gió thổi. Mập thích nghi với nổi lên mà gầy thì thích nghi với trầm xuống. Nhược (yếu) tất phải tiến nhanh, mà cường (mạnh) tất phải hòa hoãn.

LÝ KHÍ

Cái lý âm dương ngũ hành không nhìn thấy, nhưng lại hiển hiện ở hình. Hình là biểu hiện rõ ràng của lý. Khí âm dương ngũ hành không thể nhìn thấy, nhưng lại hiển hiện ở Thủy. Thủy là biểu hiện của khí. Hình lộ, lý ẩn, nội thủy giao hội mà

khí ẩn tàng trong đó, cho nên quan sát hình và thủy thì sẽ biết được lý và khí.

ĐỊA KỶ THIÊN KỶ

Xuyên sơn gọi là Địa kỷ, là khí đã đến nơi, là sơn xuyên hữu hình, cho nên Giáp Tý khởi từ Nhâm. Thấu địa là Thiên Kỷ, là khí còn chưa đến, là khí hậu vô hình, cho nên Giáp Tý khởi từ Hợi.

Nhà địa lý phong thủy xác định sơn đến thủy đi để dùng nhập huyệt, là lấy từ Địa kỷ. Chờ khi khí hoàng tuyền làm tọa huyệt, là lấy từ Thiên kỷ.

Cho nên nói La Kinh của họ Dương là Địa kỷ, la Kinh của họ Lại là Thiên kỷ.

DI HƯỚNG PHÁP

Phương vị Sinh, Vượng, thì thủy phải đến rồi chảy đi, Sơn phải cao rồi thấp xuống. Phương vị Hưu, Tù, thì thủy phải đi rồi chảy lại. Sơn phải thấp rồi nhô cao. Nếu dùng song sơn Tam hợp, Huyền không ngũ hành kiêm chế sự chuyển hướng, thì Thủy từ Sinh, Vượng mà đến, từ Hưu, Tù mà đi, ở phương vị Hưu, Tù thì lõm hãm, tại phương vị Sinh, Vượng thì nhô cao, như thế ắt sẽ cát lợi.

BIẾN KHÍ

Chân âm dương và chính ngũ hành là hằng số bất biến muôn đời, ngoài ra đều là biến thể của chúng. Sơn vốn dĩ là Tĩnh, thì nhất thiết trong tĩnh cần có động, động là biến thể.

Nhà phong thủy địa lý sử dụng biến thể, chứ không dùng hằng số.

THỪA KHÍ

Nếu nạp âm thuộc năm Thổ, mệnh dụng thuộc Mộc phân, Kim Mộc khắc Thổ, hung hiểm. Nếu dùng Hỏa để phân kim, sinh Thổ, thì cát lợi. Dùng Mão, là tử khí. Dùng Thìn, là bạo khí. Dùng Tỵ, là tuyệt khí. Dùng Dần, là bệnh khí. Dùng Thân, là sinh khí. Tại nơi có sinh, vượng thấy cô, hư, không vong, thì 12 chi không có gì kỵ. Hai mươi bốn vị trí đều lệ thuộc ngũ thần, ngũ thần có cát có hung, phải chú ý xem xét.

ĐỊA LÝ LỤC PHÁP ĐẠI TOÀN

CAO SƠN LONG HUYỆT ĐẠI TOÀN PHÁP

Tập 2, Quyển 1

Biên soạn : Đường Quốc Sư Dương Phó Tiên

Đính chính : Minh Địa sư Hứa Đạm Viên

THẤT TINH LONG HUYỆT KINH

Tìm Long mạch phải biết hình dạng thất tinh (bảy ngôi sao) mới có thể phân biệt cát hung, họa phúc. Bảy ngôi sao vốn có ảnh hưởng qua lại, biến hóa sản sinh với nhau, thiên nhiên tạo hóa chỉ phát sinh ở nơi trọng yếu. Tả phụ, Hữu bật thường đi kèm với bảy sao. Hình thế, diện mạo dưới đất vốn liên quan mật thiết với thiên tượng (hình tượng trên trời). Tượng sao trên trời có biểu hiện tương ứng ở dưới đất, chẳng hạn ở nơi đất bằng phẳng, ở nơi núi cao, đá cứng, ở cây cối khô cằn hay tươi tốt rậm rạp. Thậm chí có khi Long mạch tà ác mà gia đình, đất nước lại ngày một phồn vinh; có khi Long mạch cát tường, mà gia đình, đất nước bị suy bại, loạn lạc. Đại khái là do Long mạch và khí hoặc khuyết, xung hoặc bình, hòa, các nhà địa lý phong thủy xác định phần mộ, huyệt vị lung tung. Long mạch thô cứng, chạy thẳng, hùng hậu, kiêu kỳ thích hình dạng đao, kiếm, búa. Long mạch gấp khúc, duổi ngửa, dàn trải thì e ngại tà phong quét thổi. Long mạch đi xuyên bao hàm nhiều yếu tố phá hoại tước lộc và sự liêm khiết. Long mạch cát tường kèm sát Long mạch đi xuyên thì sẽ đem lại hạnh phúc và quyền lực.

Có thư sơn hùng sơn mới hợp thành sơn phu phụ (sơn vợ chồng), có phụ mẫu sơn mới sinh dưỡng nhiều tử tức sơn (sơn con cháu). Long mạch nhấp nhô sóng cuộn, lặn ngụp né tránh khí hung sát. Lại có Long mạch nhe răng, có Long mạch ẩn tàng, có Long mạch vượt sông qua cầu, có Long mạch lưng ong gối hạc. Ba cát tinh, bốn hung tinh đều có huyệt tương ứng, hung sát tinh với huyệt cát tường lại hợp với nhau tạo nên mộ trạch, đem lại ích lợi cho đời con cháu.

Mỗi tinh thần (mỗi sao) phân bố thành bảy hình thái là khẩu, giác, kiếm, thần, oa, nhũ, đột. Bảy hình thái cơ bản này đẻ ra muôn hình vạn trạng. trước hết, xem kỹ thủy khí có hài hòa với nhau hay không, sau đó quan sát kỹ hà tu (râu tôm) cứng hay mềm. Nếu Long mạch ngoằn ngoèo lên xuống bất định, thì trước hết cần đến đầu Long quan sát xem nguyên nhân vì sao. Nếu nửa sau của nó rất xấu xí, thì nửa đầu của nó nhất định đẹp đẽ. Để ý kỹ chỗ góc huyền của Long mạch, căn cứ góc huyền mà phân chia các bộ phận bao hàm của nó. Nếu góc huyền xuyên qua vai lên tới đầu, thì Long mạch ấy không bao dung chân khí. Bộ phận bằng bặn, tròn trịa của Long mạch là mặt của nó, còn bộ phận gồ ghề gãy khúc là sống lưng của nó. Mặt thì khí hài hòa, mà sống lưng thì đầy sát khí. Đặt mộ ở mặt là thích hợp, đặt mộ ở sống lưng thì sẽ dẫn tới tai họa cho con cháu. Nếu nắm chắc các phương pháp niêm hợp, khai thông, oa hoàn vv..., có thể di chuyển mộ phần cho hợp với quy củ, thành hợp lý, xảo diệu.

Nếu Mộc tinh ngang qua đỉnh đầu, Long thai sẽ hiển lộ, như vậy phải chọn đất mộ (mộ địa) ở chỗ thấp và bằng phẳng. Nếu Thổ tinh bình triển hồi oa, thì Long khí không trực tiếp lộ ra, di chuyển mộ địa tại chỗ nhô lồi (tiêm đột), thì tiền tài, lợi lộc sẽ dồn đến. Nếu Kim tinh bằng bặn, tròn trịa, thì cũng có thể đợi thời, đoán định khẩu, giác mà đặt mộ. Nếu Hỏa tinh chỉ có thể làm tổ sơn của Long mạch, thì phải chọn trạch địa ở chỗ núi lửa. Nếu thủy tinh dài mà thẳng nhọn như cây bút, thì sẽ có khí linh tú, mà cây già quý nhất ở chỗ chồi non mọc ra từ gốc.

Chân Long diệu huyệt đều ẩn tàng ở trong bùn nước (nê thủy). Chỉ có Kim và Mộc mới phối hợp được với Thủy. Ba hành

còn lại đều không thể phối hợp với Thủy. Thủy Hỏa đi với nhau thì sinh ra khí tuyệt, khí tử. Thủy với Thủy phối hợp cũng sẽ sản sinh nữ nhân dâm đãng. Thổ với Thủy phối hợp sẽ dẫn đến phù thũng xấu xí. Kim với Thủy phối hợp thì huyệt trạch khiến người phú quý. Thổ với Thủy phối hình sẽ sản sinh tăng lữ. Kim với Mộc phối hợp sẽ khiến hôn nhân liên tiếp bị tang tóc (vợ chết, lấy vợ khác lại chết...). Kim với Hỏa phối hợp sẽ sản sinh tu sĩ mù. Mấy điểm kể trên là lý luận huyền diệu sâu sa của việc xác định phương vị trạch huyệt, không được minh sư truyền thụ, làm sao biết nổi ? Trong sinh có tử, trong tử có sinh, sinh sinh tử tử tuần hoàn vô tận, dựa dẫm vào nhau, mấy ai thấu hiểu cặn kẽ ?

Sao Bắc cực với bảy ngôi sao chòm Bắc Đẩu ở trên trời, hình thế sơn thủy dưới đất cũng tương ứng về diện mạo. Long mạch có thủy khí, Long khí thì hoàn chỉnh. Hình thế Long mạch có thể phân chia ngắn, dài, biến hóa thành các hình dạng khác nhau. Chỉ cần thấy rõ Long mạch có tùy tùng giáp biên mà lại quây tròn, tứ phía kín gió, thì nhất định loại Long mạch này thâm tàng chân khí. Bốn sao Lộc, Liêm, Phá, Văn che chắn bên thủy khẩu, tạo nên La thành kín đáo. Một tiết Long mạch chân chính cũng có thể sản sinh đại quan. Các nhà phong thủy bảo thế là Long khí đoản khuyết (ngắn, thiếu), không biết rằng Long khí hùng tráng sẽ sản sinh các bậc anh tài.

Bảy sao gồm Tham Lang, Cự Môn, Lộc Tồn, Văn Khúc, Liêm Trinh, Phá Quân, Vũ Khúc. Mọi người đều bảo sao Văn Khúc có thể biến thành con báo (cọp), há không hiểu ý nghĩa sâu xa của chữ Văn. Được sao Văn Khúc bao quanh thì sẽ sản sinh trạng nguyên. Luận điểm này đã xuất hiện từ rất sớm và được lưu truyền. Sao quý nhất là Văn Khúc, sao được tôn sùng cao nhất là Lộc Tồn và Cự Môn. Hai sao này đi với nhau thì còn trẻ đã đỗ cao, hưởng lộc thiên tử. Muốn có võ công chói lọi, phải có sao Vũ Khúc chiếu. Tham Lang thì anh tuấn, xinh đẹp. Tả Phụ Hữu Bật đi kèm hai bên, phù trợ thêm cát lợi hoặc hung hiểm...

Tinh hoa của bảy sao ứng hợp với hai khí âm dương, sinh với tử chỉ khác nhau ở chỗ vận động và tĩnh tại. Vận động thì có thể sinh tồn, tĩnh tại thì sẽ tử vong. Kết huyệt hay không

kết huyệt là bắt nguồn từ đây. Vạn vật trên thế gian không có Thủy chẳng thể sinh thành, khô hạn lâu không có mưa ắt chết, người đời đọc qua sách này, khỏi cần minh sư truyền thụ cũng sẽ biết cách sử dụng. Nay tôi lưu lại sách này cho hậu thế, ngõ hầu cứu giúp người nghèo khổ. Hy vọng người đọc bảo vệ bí mật, chớ dễ dàng tiết lộ cho kẻ khác.



Hình 1/1 : Cao sơn cửu tinh cửu biến. Tổng cộng có 81 bức, 27 hàng, mỗi hàng 3 bức.

Khí ngũ hành Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ vận động xuyên thấu khắp trái đất. Chúng tiếp nhận mạch khí của một sao nào đó, gọi là Mẫu tinh, lấy sao ấy (Mẫu tinh), làm gốc mà tiến hành phân chia chi mạch, chủ mạch thì gọi là hành mạch mẫu tinh. Nhưng khí ngũ hành tất phải vận động gián cách với nhau. Hoặc giả vận hành ở phần trước của Long mạch mà phát sinh biến hóa ở phần sau của Long mạch, hoặc giả vận hành trên khắp Long mạch, hoặc giả phát sinh biến hóa trong các hình thái khác nhau. Khí huyệt tiếp nhận ở trong, cuối cùng có thể lấy sao Liêm Trinh làm tổ sơn. Linh hoạt biến hóa khác thường thì sẽ không giống như tổ sơn. Nếu mọi người phân biệt thành thạo các dạng biến hóa của huyệt, thì khi xem phong thủy sẽ không bị nhầm lẫn. Nếu mảnh đất có diện tích 81 mét vuông, thì chắc chắn thấy rõ 72 phương vị có thể điểm huyệt, năm phương vị có thể làm Long mạch, bốn phương vị không thể thành huyệt.


貪
祿
坪掌心
貪武
釵鉗
貪
破
戈矛
貪文
文
坪掌心
貪輔
燕窠
貪弼
乳
貪文貪
乳頭
武
變九曲文
變貪文
輔
康
不成穴
康
出龍
弼
鉗


變
武
變九旦
旦
鉏
鉏
變
旦
變
旦
變
旦


③
破
武九破
貪文
文
貪
武九貪
文
廉
武
文巨
武九破
文貪
輔
武
武曲
文曲
武不變
破
武九祿
文祿
祿
文祿
巨


變輔
變九
變貪
變文
出龍
變輔
變弼
變巨
變武
變弼
文不變
出龍
變破
變破
變祿


變會
輔
文
支九輔
武
輔不變
輔
文
弼不變
不成穴
變會
輔
文
支九輔
武
輔不變
輔
文
弼不變
不成穴


文
⑥
出龍
兼
鴻
巨
鼎
武
武
變祿
破不變

HUYỆT PHÁP

"Nhận huyệt pháp" đã nói rõ cách phân biệt huyệt vị. Xác định Long mạch cát lợi thì dễ, mà thông qua quan sát khí, tượng, phân biệt đất, đá để xác định phương vị huyệt trạch thì lại rất khó. Lắm khi tốn hao công sức khó nhọc tìm kiếm trong phạm vi mấy chục dặm để định mộ phần tổ tông chẳng xong. Kỳ dị hơn nữa là tốn mấy chục năm tầm sư học đạo địa lý phong thủy cùng các bí quyết, vậy mà khi cần điểm huyệt tại thực địa thì chẳng biết đằng nào mà lần. Họ không biết rằng sơn thế bình hoãn thì huyệt vị ở chỗ cao, Long mạch bằng phẳng vuông vức thì huyệt vị ở giữa, Long thế vươn cao thì huyệt vị ở chỗ thấp, mặt Long mập mạp thì huyệt vị gầy ốm, thân Long gầy ốm thì huyệt vị tròn trịa. Rồi nơi lõm hãm có thể lấy chỗ nhô lồi làm quý, nơi hạn hẹp như bị kìm kẹp có thể lấy chỗ tròn trịa làm quý, nơi nhô tròn lấy chỗ lõm làm quý, nơi đột khởi lấy khai khẩu làm quý... Biết được như vậy thì đâu cần tìm cái gì nữa !

Nên nhớ nơi có nhiều huyệt vị tụ hội, nhất định sẽ có triều bái cao quan hậu lộc, là đại phú đại quý. Tìm đến chỗ thấy năm sao vây quanh chính huyệt, thì nhất định đó cũng là đại phú đại quý. Khi ấy cửu tinh chiếu dọi có sai lệch cũng đâu ngại gì ? Trong phạm vi hai trượng, mà chỗ này thì suy bại, chỗ kia lại vinh hoa phồn thịnh. Thời gian trước sau chênh nhau một chút mà quyết định thời hạn phát đạt bao nhiêu năm. Chỉ có thầy giỏi mới xác định chuẩn xác phương vị trạch huyệt trên thực địa.

Biết lý thuyết chung tìm huyệt vị rồi, lại phải biết chắc phương pháp cụ thể của việc tìm huyệt.

Toàn bộ nội hàm của huyệt pháp đều ngụ ý trong hình thái bàn tay đặt ngửa hay úp sấp. Hình thái bàn tay ngửa gọi là chưởng tâm (lòng bàn tay), hình thái bàn tay úp gọi là oa sào (che ổ). Dùng phương vị trạch huyệt tất định chỗ hai khuỷu mở ra. Đó là mặt trên phân tán, phần dưới hợp tụ, y hệt dạng chữ Cá (个), hoặc ià dạng chữ Tam (三), chữ Hựu (又).

Hình từ 1/2 đến 1/8 : Các phép kết huyệt

Long mạch lên đến đỉnh thì mở thoảng, phần môi tròn tròn nhô cao, thì triều sơn không ép hai đỉnh kiếm. Tay có giáp kiếm chạy đến mặt trước. Nếu bản thân huyệt vị có hai kiếm, lưỡi nhác vô tình, bởi vì tinh khí tụ kết ở chỗ cao, đó là huyệt pháp bức sát.



Hình 1/2 : Cao kết huyệt pháp.

Thân thể đoan chính, Long mạch bình hòa, khí Sinh, Vượng tụ kết ở ngay trong huyệt vị, đó là huyệt pháp tàng sa.

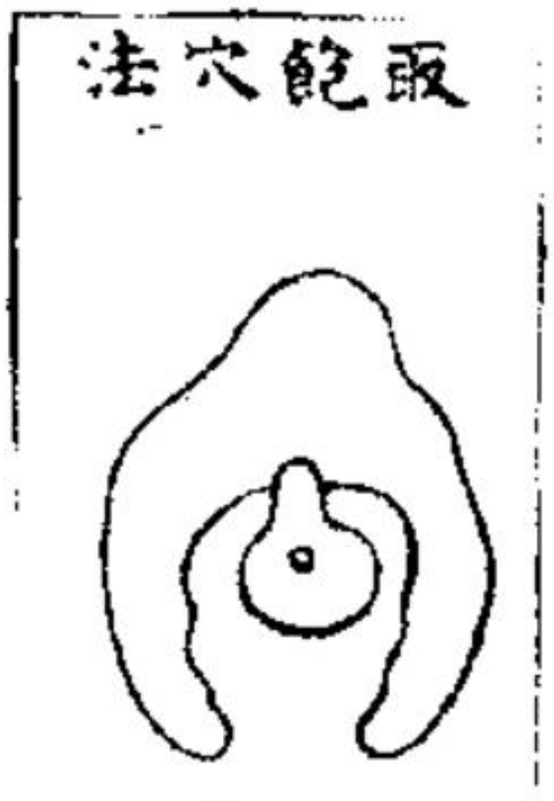


Hình 1/3 : Tiểu kết huyệt pháp.

Khi thế hùng vĩ, Long mạch gấp gáp, nếu huyệt vị tiếp liền Long mạch, thì đẩy sát khí. Sau huyệt có một cái gò nhỏ, là Thiên Canh, quyết không thể phá. Huyệt vị nên an ở chỗ thấp, dựa gần hai cái kiếm ở bên dưới, đây là huyệt pháp thoát sát.



Hình 1/4 : Đệ kết huyệt pháp.



Hình 1/5 : Thủ bảo huyệt pháp.

Long mạch đến đầu nhô lên, chĩa thẳng vào giữa, hai khuỷu tay vừa mở ra. Đấy là huyệt pháp thụ thai, quý ở chỗ dã không thoát ly mà cũng không trấn áp.

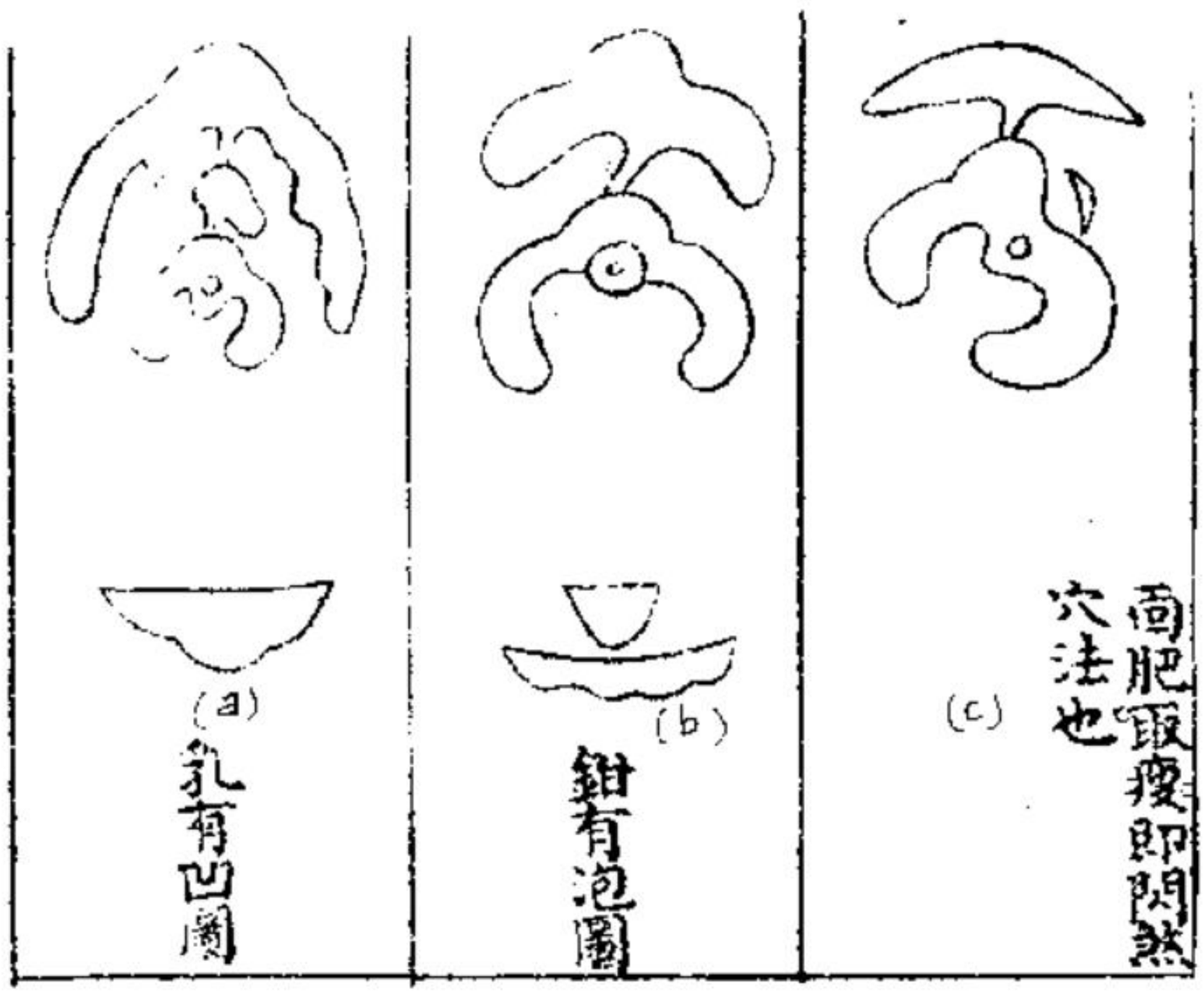
Hình 1/6 : Thú sưu huyệt pháp.

Bao gồm 6 hình :

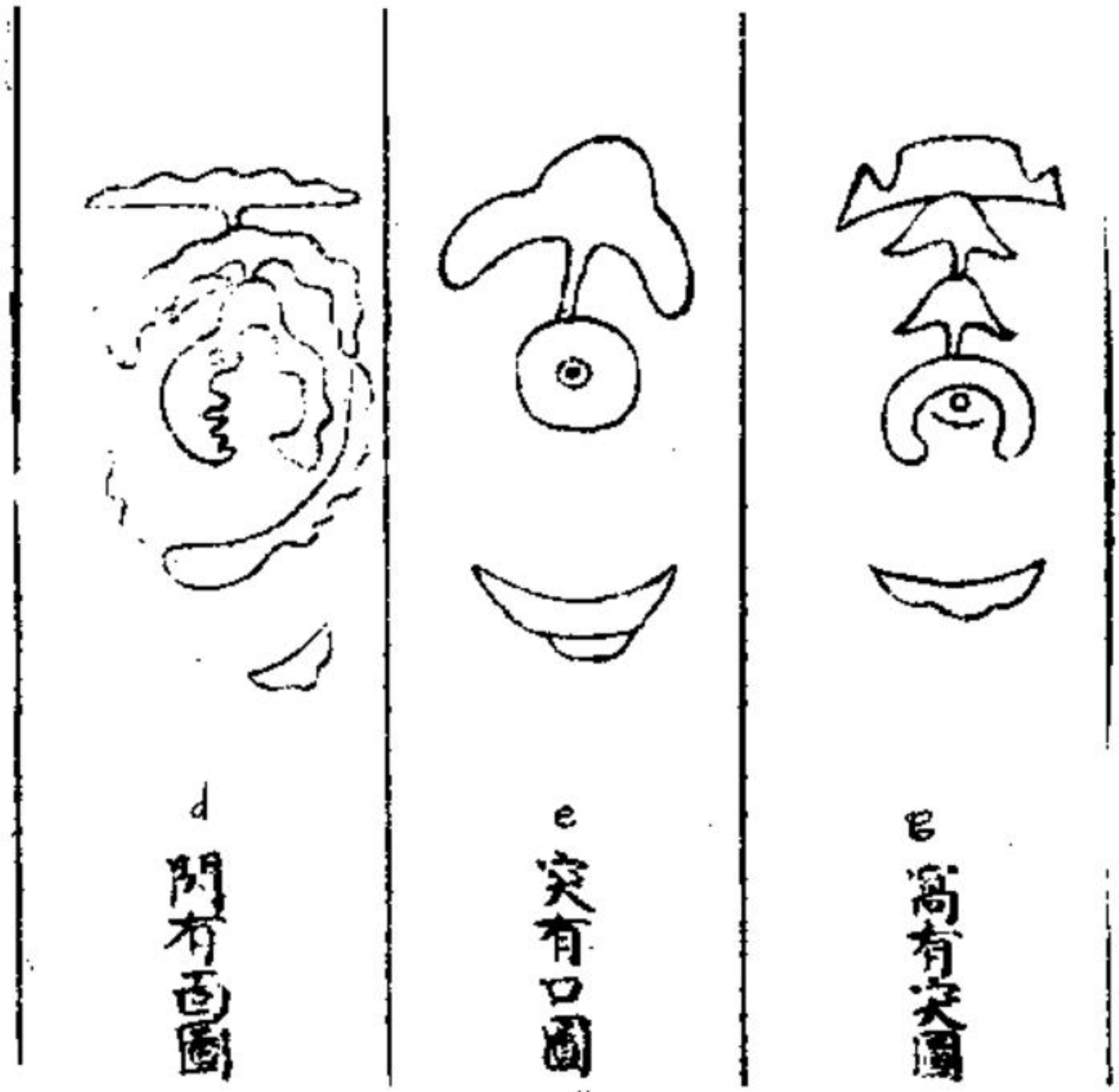
a) nhũ có lõm (lồi có lõm)

b) Kiếm có bào (kẹp có bong bóng)

c) mặt mập lấy gầy



Hình 1/6 : Thủ sưu huyệt pháp

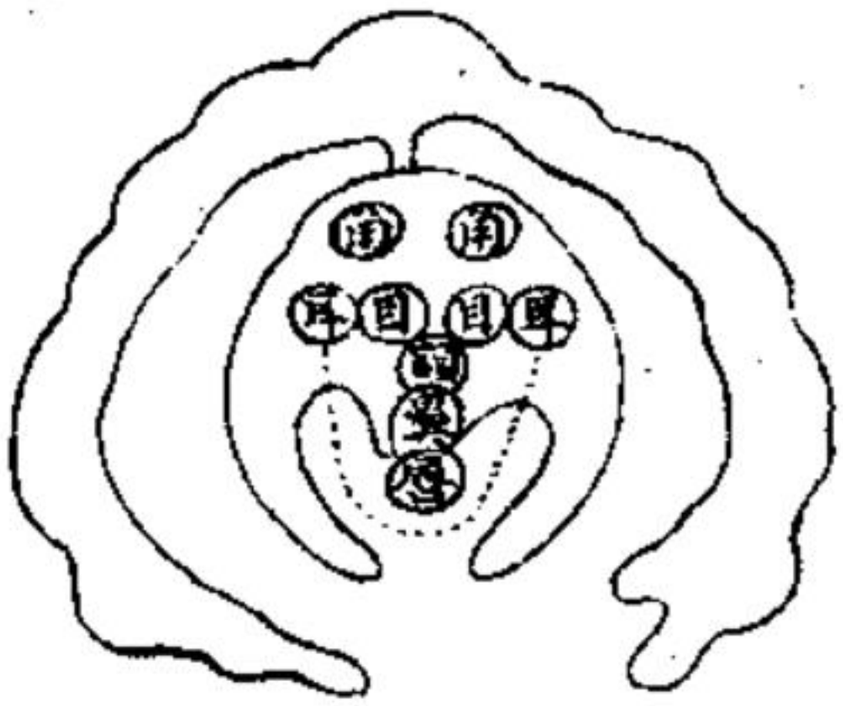


d) thiểm có diện
(thoáng có mặt)

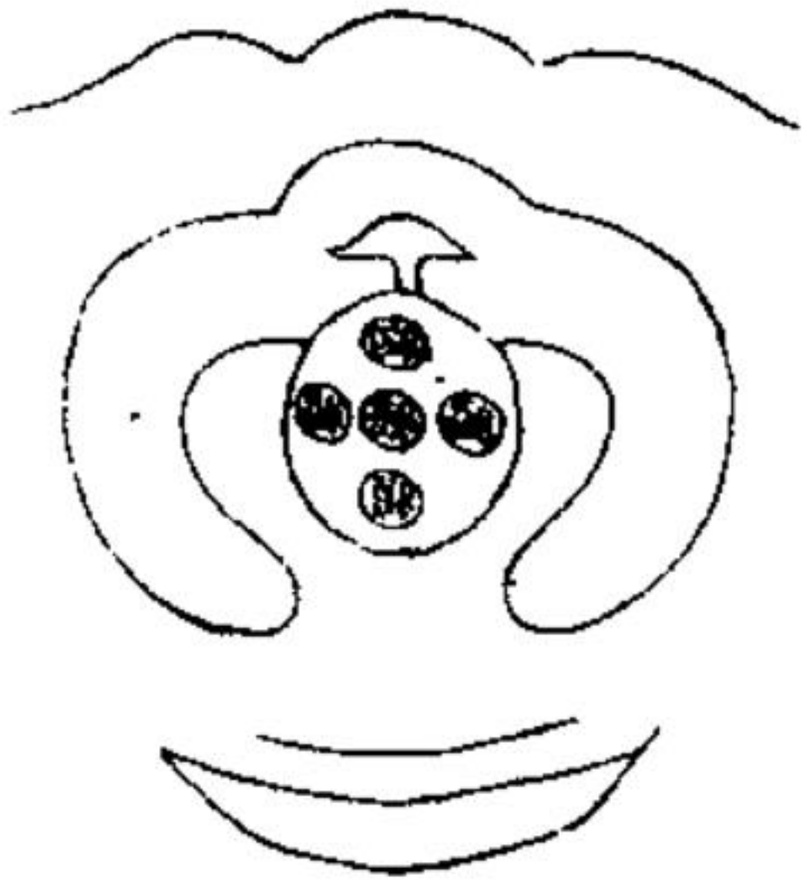
e) đột có khẩu
(nhô có miệng)

g) oa có đột
(lõm có nhô).

Dùng tai, mũi, trán, môi, thuyết minh huyệt vị, sẽ là một hình. Dùng ngực, bụng, sườn thuyết minh, sẽ là một đồ hình khác. Sách cũ nói chỉ có một hình là sai. Địa thế kết huyệt giống như mạch diện của con người. Từ bên góc não sau mà tới, khẩn tiếp khí sẽ kết huyệt vị tại trán; tả kết khí sẽ kết huyệt vị tại tai; từ tiếp khí sẽ kết huyệt vị tại mũi, nói chính xác là tại lỗ mũi. Nếu táng ở góc mắt sẽ mang sát khí, táng tại môi sẽ mang tử khí, đều không hợp.



Hình 1/7



Hình 1/8

Nếu mặt cứng rắn, không thể kết huyệt vị, thì phải thoát ly phần đầu, mặt. Giống nhhư trên thân thể con người, nếu mai táng ở ngực thì tuyệt mệnh, mai táng ở sườn thì tổn thương xương cốt. Nên táng ở chỗ lõm, tụ hợp là rốn hoặc bụng.

Các dãy núi đều bắt nguồn từ núi Côn Luân ở phía tây bắc. Khi chạy đến vùng Trung nguyên thì phân thành ba sơn mạch chính yếu. Đó là ba đại long mạch trải dài mấy ngàn dặm. Sơn mạch chủ can lại đẻ ra rất nhiều sơn mạch, có thể gọi là can mạch trong chi mạch hoặc chi mạch trong can mạch. Các sơn mạch này trùng trùng điệp điệp giống như hàng loạt nóc nhà, trong đó nhô cao rất nhiều tinh phong đẹp hình chóp tương ứng với Hỏa tinh và Mộc tinh gọi là Lầu. Tinh phong đẹp hình tròn tròn, tương ứng với Thổ tinh, Kim tinh hoặc Thủy tinh, gọi là Điện. Nhiều Long mạch từ Lầu chạy xuống Điện, khí thế mạnh mẽ như thiên binh vạn mã, như sóng dồn, đội ngũ chỉnh tề, bình phong màn trướng dàn ra. Trước màn trướng đột nhiên nhô lên một sơn phong, từ xa nhìn, thấy cao hơn cả bình phọng đằng sau, thì gọi là quý nhân xuất trướng; thấy thấp hơn bình phong đằng sau thì gọi là quý nhân nhập trướng. Nơi đây có nhiều chi mạch hộ tùng, Long khí rất vượng. Long khí quá vượng thì dễ bị tiết lộ. Khi đó nó phải thoát thai đổi cốt, tức là quá hiệp. Quá hiệp thuận thế gọi là chính quá, trắc thế gọi là trắc quá. Có nhiều hình thái quá hiệp. Có dạng như từng chồng đá lớn, có dạng như xuyên qua đất hoang, có dạng như vượt qua dòng sông, có dạng như gò đống tròn trịa. Đại thể thì loại quá hiệp

thấp ngửa là âm hiệp, nhấp nhô là dương hiệp, co hẹp ở giữa là hiệp lưng ong, tròn tròn cao cao mà thẳng là hiệp gối hạc. Còn có tình huống khí Long mạch quá vượng, một khi phóng túng rất khó thu hồi, gọi là băng hồng quá hiệp. Hình thái "băng hồng" có dạng như chữ Thập (十), có dạng như chữ Xuyên (川), có dạng như chữ Chi (之), có dạng như chữ Dã (也), có dạng đứt lại nối, lúc đứt lúc nối, có dạng có tiết lại có mất giống như trai ốc, có dạng như vó ngựa vv... Nói cụ thể thì "băng" khác "hồng". Băng (lở) cũng là sơn. Có khi nhô cao tận mây. Có khi nhọn như đao kiếm. Có khi rộng lớn. Hồng là thủy. Có dạng như phi thân qua sơn động, có dạng lại tiềm ẩn sâu lắng như nước trong hồ, cố nhiên khó tìm thấy Long mạch. Chữ Thập mà Liêu công nói, làm sao có thể bao hàm hết ý nghĩa của hai chữ "băng hồng" ? Lại nói các thứ quá hiệp kể trên mới là mặt trước, mặt sau còn phải tìm chỗ thích hợp để kết huyệt. Nhưng cuối cùng có chọn trạch huyệt hay không, còn tùy hình thái quá hiệp mà quyết định. Hình thái đó là nghênh tiếp, tống tiễn, rộng lớn hay hạn hẹp vv... Nếu chỉ có hình thái tống tiễn, mà không nghênh tiếp, thì tuyệt đối không thể kết trạch huyệt. Nếu chỉ có nghênh tiếp, không có tống tiễn, thì nên tìm chỗ kết huyệt ở nơi đón khách. Nơi rộng rãi, lưu thủy tụ hội ở trước minh đường, thì rất thích hợp cho trạch huyệt, vì nó dễ thu nạp Long khí. Nếu vừa có hình thái nghênh tiếp, vừa tống tiễn, âm dương phối hợp với nhau, thì nhất định sẽ có một chi sơn mạch thanh tú mỹ lệ, trước sau hiệp đều có lưu thủy tụ hội ở trước minh đường, thế thì ở khoảng giữa Long mạch này sẽ kết huyệt trạch mỹ diệu.

Có dạng quá hiệp sánh vai mà qua như hai anh em ruột, có dạng một thấp một cao kết bạn đồng hành như một cặp vợ chồng hòa hợp. Nói chung đó đều là chân Long.

Sơn mạch chạy ra từ chính diện, không triển khai ra hai bên, hoặc hiên ngang nhô cao, hoặc trải thấp ngoằn ngoèo, thiên biến vạn hóa khó bề dự đoán, nên gọi là Long. Sơn mạch không có chân Long chân khí xuyên suốt, chỉ qua loa, gọi là Sa. Nếu được chủ mạch phóng ra rồi thu lại mà thành hình dạng bao

tròn, quay mặt lại phía chủ mạch, thì gọi là Bao la sa. Hai bên tả hữu đều có sa thì gọi là Long, Hổ sa. Ở phía trước trạch huyệt là án sa, ở bên dưới trạch huyệt gọi là Thủy khẩu sa. Thuận thế của Long mạch mà trải ra gọi là Thuận sa. Phóng thẳng về hướng huyệt vị gọi là Bức sa. Các dạng ngạnh sa, phản sa, phi sa... đều gọi là hung sa. Tùy theo Long mạch vòng đi lượn lại trước mặt Long mạch gọi là nội hạ sa. Những nhà phong thủy non kém không hiểu về hạ sa. Các dạng hạ sa biến hóa rất vi diệu, phải dựa vào thế và hướng của Long mạch mới hiểu rõ. Nếu muốn kiến lập trạch huyệt ở một nơi nào đó, Long mạch ở đây quay mình sang bên tả thì phải lấy sa mé tả làm hạ sa, Long mạch quay sang bên hữu, thì phải lấy sa mé hữu làm hạ sa.

Tóm lại, sự quý tiện của sa căn cứ vào sự quý tiện của Long mà xác định. Long mạch đẹp ắt có sa đẹp tương ứng. Huyệt vị chân hay giả thì tùy tình huống cụ thể của Long, huyệt mà xác định. Sa mặt sau Long mạch phóng đến gọi là Cầm hoặc Quỷ ? Vì sao gọi là Cầm ? Vì sa dạng này giống loại động vật có bốn chân, như trâu bò, voi, hổ, heo. Xưa nay các nhà phong thủy coi trọng Cầm, bảo Cầm chủ về phú quý. Nếu Long mạch phóng tới mà thanh tú đẹp đẽ, thì Cầm huyệt biểu thị vinh hoa phú quý. Vì sao gọi là Quỷ ? Vì đuôi của Long mạch dài dằng dặc mà không cần quay đầu vẫn thấy được, giống như đuôi bò, đuôi hổ, đuôi rắn. Các nhà phong thủy cho rằng Quỷ huyệt chủ quý hiển rạng rỡ, kỳ thực không hẳn như vậy. Long mạch phóng đến phải bao hàm ánh sáng đẹp của hai tinh tú, phía sau huyệt vị có mạch khí của một tinh tú thì mới đại phú đại quý. Hai ngôi sao kia mỗi ngôi có 36 hình thái biến hóa, nhưng khi quan sát huyệt vị thì khỏi cần chấp nê mỗi hình thái cụ thể.

Sa ở bên cạnh huyệt gọi là Diệu, sa ở trước án sơn gọi là Quan. Vì sao gọi là Diệu ? Có sa ở trước mặt Thanh Long, Bạch Hổ, có sa ở sau lưng Thanh Long, Bạch Hổ; có sa sắc nhọn như dao, có sa sáng loáng như kiếm, có sa nhọn như cây dù. Men theo bờ sông mà phóng đi như một đường thẳng, men bờ sông mà uốn lượn như một cái móc câu. Vì sao gọi là Quan ? Vị trí loại sa này hoặc ở trước huyệt, hoặc ở ngoài án sơn, cũng có đủ

hình dạng khác nhau. Loại sa này ở trong huyệt trạch không thể nhìn thấy thì mới là quý hiếm, mới đem lại phú quý. Sa ở đằng trước gọi là án sơn hoặc triều sơn. Hình dạng án sơn tốt nhất là cong cong như cánh cung hoặc trăng lưỡi liềm. Loại tinh phong giống như Mộc tinh và Hỏa tinh, thì vị trí đẹp nhất phải ở dưới triều sơn, như quý nhân dưới trướng.

Sa nói chung có thiên hình vạn trạng, chẳng thể kể xiết. Sa có thượng, trung, hạ cách. Sa tròn, nhọn, vuông vức,uốn lượn ngoằn ngoèo hoặc thẳng tắp, mà hình thành chính thể là thượng cách. Sa tròn, nhọn, vuông vức, ngoằn ngoèo hoặc thẳng tắp, mà hình thành biến thể là trung cách. Sa nhọn, vuông vức, ngoằn ngoèo hoặc thẳng tắp, mà không hình thành chính thể, hoặc kém cả biến thể, gọi là hạ cách hoặc tiện cách. Trên thân hình chủ mạch thấy được quý sa là thượng cách, gần án sơn, hoặc Thanh Long, Bạch Hổ thấy được quý sa là trung cách. Còn lại là hạ cách.

"Thái Hoa Kinh" của họ Hứa có nói sáu loại sa Quan, Quỷ, Cầm, Diệu, Thú, Bắc thần là Lục cát. Họ Hứa phân tích hết sức tỉ mỉ, nhưng quá vụn vặt, phải gắn chặt với việc quan sát diện mạo của Long.

Long thượng cách là Ngô đồng chi (cành cây ngô đồng). Long ở chính giữa, từ chính diện mà chạy ra. Vì từ chính diện chạy ra, nên có thể trải dài ngàn dặm, uốn lượn mấy chục dặm.

Kém một bậc là Thược dược chi (cành thược dược). Loại Long mạch này nếu Mộc tinh khởi từ Thiếu Tổ sơn là hay nhất. Vì loại Long mạch này phần lớn thiên sang tả hoặc sang hữu; có được Mộc tinh thì sẽ đoan chính, tròn trịa, khí thanh tú bốc lên cao, chỗ tận cùng của nó nhất định có một huyệt hoa tâm.

Kém một bậc nữa là Dương liễu chi (cành dương liễu). Long mạch loại này đa phần chếch xéo, không thẳng, nhìn nghiêng trộng nhu nhuyễn mềm yếu.

Thứ nữa là Kiêm Hà (lau sậy). Loại Long mạch này đầy kỳ xảo. Nhìn thoáng qua có vẻ quá mỏng manh, nhưng nhìn kỹ sẽ phát hiện rất đoan chính. Do đó ở chỗ tận cùng của loại Long mạch này thường hình thành nhũ huyệt.

Dưới nữa là Lô tiên (roi lau). Loại Long mạch này rất quý hiếm nhưng cũng dễ giả. Hoặc Kim tinh rơi rụng tạo nên hoa lau, hoặc Thủy tinh cuộn sóng mà hình thành hoa lau, hoặc Mộc tinh chợt nhọn, chợt tròn mà tạo thành roi lau, hoặc thủy tinh chảy thẳng mà thành roi lau, hoặc Thổ tinh có hình chữ nhất như cây roi lau. Hình dạng thẳng hoặc xiên đều có điểm kỳ diệu của nó.

Dưới nữa là Khởi tử chi (cành khởi tử). Loại Long mạch này có nhiều nhánh và rất nhiều phân tiết (đốt), có khi phân nhánh ra hai bên, có khi chỉ phân nhánh sang một bên, vì thế rất khó nhận ra huyệt vị.

Ngoài sáu hình thái kể trên, Long mạch còn có rất nhiều loại dạng khác nhau. Nhưng sáu loại vừa kể là tốt nhất. Cách thức xem Long mạch để xác định huyệt vị không giống như phần luận bàn về sa cách. Đó là chỗ khác nhau giữa Long và Sa.

BÌNH LONG DƯƠNG HUYỆT ĐẠI TOÀN PHÁP

Tập 2, Quyển 2

Biên soạn : Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên
Hiệu đính : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am
Đính chính : Tôn Ái Thức Ung Khởi Đình
Dao Thức Phỉ Thảo Đình

TRẬT TỰ HÌNH CỤC

Long khí ở bình nguyên (vùng đất bằng phẳng) trầm sâu, tiềm ẩn trong đất. Bờ sông, bờ hồ tích tụ liên kết thành Long thể với hình dạng nằm ngủ, quây tròn xung quanh thành đường cục thoáng đãng rộng lớn. Khí thế Long mạch nơi bình nguyên còn thâm hậu, mạnh mẽ hơn cả các ngọn núi nhấp nhô. Khí thế Long mạch nơi bình nguyên đã trã qua nhiều lần tiêu ẩn, thay đổi, không biết từng ẩn phục, tụ kết từ xa mấy ngàn dặm mới tới đây. Sa ở bình nguyên cũng vô cùng đa dạng, có dạng triều bái, có dạng ứng hợp, có dạng như bình phong che chắn, có dạng đan xen liên tục. Thủy cục cũng từ xa vòng vèo mà đến. Ở bình nguyên, một sa sơn thanh tú có thể vượt qua đỉnh núi mấy dặm, một khúc sông có thể xuyên qua sơn động vài đoạn. Quan sát kỹ chúng, sẽ phát hiện hình dạng của chúng dồn nén, nhấp nhô, hòa hợp như các tiết tấu âm nhạc, sẽ thấy thiên nhiên tạo hóa vốn có quy củ đâu ra đấy. Nếu chưa nắm vững huyệt pháp, không thể khinh suất lựa chọn. Phương thuật quan sát Long, sa ở bình nguyên ắt phải tinh thông vạn vật, bổn tính thiên nhiên của vạn vật trên thế gian. Lại còn phải có tâm trí linh xảo để hiểu sự ảo diệu của thiên địa tạo hóa. Thông hiểu

Long hình và huyệt vị, thu nạp lưu thủy và sơn phong, tan thương sự huyền diệu của phúc, lộc, thiện, đức, hình thành kinh điển nhân từ đáng tin, không chỉ là việc có tay nghề giỏi !

Hình 1/9 đến 1/20 : Hữu bàn cục, Hữu bàn thế.
(Long mạch quành sang bên phải)



Đuôi Long khoanh tròn sang mé phải, đầu Long ẩn tàng ở giữa, móng vuốt, chân không hiển lộ, thần khí uy phong của Long không phát huy. Họ Tôn từng nói : "Thần uy chưa phát, cũng có nghĩa sẽ không phát đại phúc đại quý. Vì sao ? Vì Long thần không hiển lộ, không có điệu tinh phát sinh.

Hình 1/9 : Long hình quành sang phải.



Hình 1/10 :
Long hình cuộn sóng.



Hình 1/11 :
Long hình giơ móng vuốt.

Hình 1/10 : Long hình cuộn sóng. Long mạch màu vàng cuộn sóng lên, thì từ phía sẽ có mưa. Long phát huy thần uy, dựng bờm, thì ân huệ sẽ phân phát cho muôn dân. Họ Tôn nói : "Chúng sinh được hưởng ân trạch, tức là phát đại phúc. Vì sao ? Vì Long thần phát huy uy phong, dựng bờm, phát sinh diệu tinh".

Hình 1/11 : Long hình giơ móng vuốt. Nếu Hoàng Long hùng tráng, giơ móng vuốt, thì sẽ nổi phong vân. Nếu phần đầu và hai góc của Long nhô cao lên, thì sẽ có sấm chớp và mưa lớn.



Hình 1/12 :
Long hình phi yến đầu hồ.



Hình 1/13 :
Long hình phi yến đầu hồ.

Hình 1/12 : Long hình phi yến đầu hồ. Chim yến bay vào hồ, vươn cổ, giương cánh, là được chỗ thích hợp nhất, tất sẽ thành lãnh tụ của vạn người.

Hình 1/13 : Long hình phi yến đầu hồ. Chim yến bay vào hồ, nhưng hình ảnh quá thẳng, thường sản sinh người thông minh, song không được thăng quan vào triều đình, vì dáng không đẹp.



Hình 1/14 :
Long hình khát Long ẩm thủy.



Hình 1/15 :
Quyển Long thủ châu.

Hình 1/14 : Long hình khát Long ẩm thủy. Long khát uống nước, phần đuôi cuộn lại để tự vệ, tất có mây mưa, thu được nhiều tiền bạc, châu ngọc.

Hình 1/15 : Quyển Long thủ châu. Long lớn coi giữ châu ngọc quý, cuộn mình tự nhiên. Bỗng nghe lệnh gọi trên trời, phóng ngay mình lên mây mà tung hoành.



Hình 1/16 :
Tử Long thoát thai.



Hình 1/17 :
Tử Long cố mẫu.

Hình 1/16 : Tử Long thoát thai. Long con rời khỏi bụng mẹ, lưu thủy uốn quanh tùy tùng. Ngọc sáng có bướm đẹp bao quanh. Đây là huyệt đẹp hiếm thấy trong thiên hạ.

Hình 1/17 : Tử Long cố mẫu. Long con về thăm Long mẹ, mẹ con quấn quit với nhau. Huyệt vi này tất sẽ có con trung hiếu tiết nghĩa, phúc lộc song toàn, gia đình đoàn viên hạnh phúc.



Hình 1/18 :
Linh xà cướp mồi.



Hình 1/19 :
Quần nga xuất điền.

Hình 1/18 : Linh xà cướp mồi ăn. Hình thái thanh tú, khí thế hùng mạnh. Huyệt vị như thế ắt sẽ xuất hiện lâu đài cung điện, làm quan quí hiển.

Hình 1/19 : Quần nga xuất điền. Bầy thiên nga cùng bơi lội trong nước ruộng sâu. Con cháu ắt sẽ hưởng nhiều tài lộc.

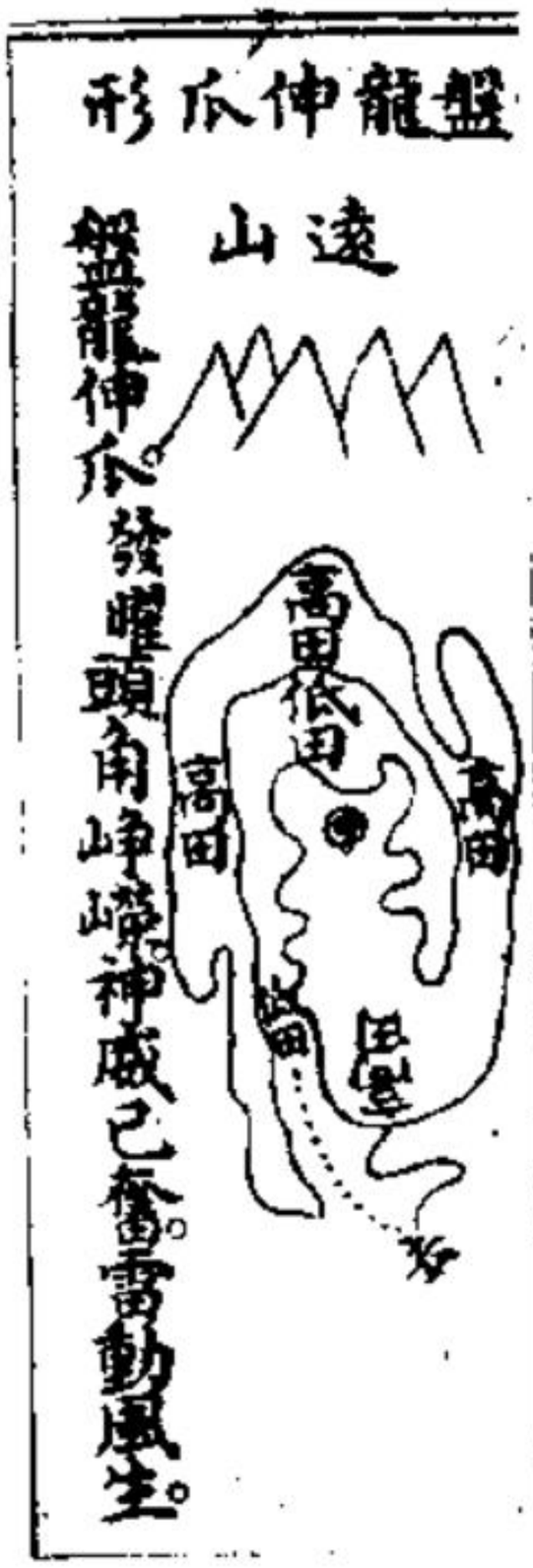


Hình 1/20 :
Bành giải xuất điền

Cua bò ngang khỏi ruộng, chủ về loại phú hào lắm tiền nhiều của, nhưng khí thô, hoành hành ngang ngược ở thôn quê.

Phía trên là 12 hình dạng địa mạo ở bình nguyên, đều thuộc cục diện bao bọc mé hữu. Còn nhiều biến dạng, nhưng đại loại cũng tương đồng, đều là Long mạch quành sang bên phải, lại có lưu thủy mà hình thành huyệt vị.

Hình từ 1/21 đến 1/38 : Tả bàn cục, tả bàn thế.
(Long mạch quành sang bên trái)





Hình 1/21 :
Long giơ móng vuốt.

Hình 1/22 :
Phụng hoàng dang cánh.

Hình 1/21 : Long giơ móng vuốt (phát diệu), đầu vươn cao, thần uy đã phát, sấm vang chớp giật, cuồng phong nổi lên, vinh hoa cực lớn.

Hình 1/22 : Phụng hoàng dang cánh. Phượng hoàng tung cánh bay vút lên mây mà tiêu dao sung sướng.



Hình 1/23 :
Cá thu uốn khúc.



Hình 1/24 :
Long dựng bờm.

Hình 1/23 : Cá thu uốn khúc. Dòng sông cuộn sóng chảy băng băng, cá thu uốn lượn vẫy vùng. Huyệt vị này ắt sẽ phát giàu có vô cùng.

Hình 1/24 : Long dựng bờm. Nếu huyệt vị giống như rồng lớn chuẩn bị bay lên không trung, tất sẽ đem lại vinh hoa hưng vượng. Rồng lên mây, mưa sẽ tưới nhuần mặt đất, hạnh phúc dồn dập đến.



Hình 1/25 :
Thần tiên nằm nghiêng.



Hình 1/26 :
Phi Long trình diễn móng vuốt.

Hình 1/25 : Thần tiên nằm nghiêng. Nếu huyệt vị giống như bậc thần tiên nằm nghiêng yên ổn, thì khí sinh, vượng tất ẩn tàng ở đan điền. Huyệt vị loại này tất thu nạp tinh hoa của trời đất quy tụ ở đây, ắt phúc lộc song toàn, uy danh hiển hách, làm chủ cả thiên hạ.

Hình 1/26 : Phi Long trình diễn móng vuốt. Nếu huyệt vị có hình dạng giống như rồng lớn vẫy vùng, trình diễn móng vuốt, uy phong lẫm lẫm, thì nhân dân được hưởng mưa thuận gió hòa, chủ nhân ở đây tất sẽ là bậc anh hùng hào kiệt lưu danh ngàn đời.



Hình 1/27 :
Hoàng Long cướp châu ngọc.



Hình 1/28 :
Ba ba nhìn dàn con.

Hình 1/27 : Hoàng Long cướp châu ngọc. Rồng vàng đoạt ngọc quý, thần khí uy phong thể hiện hoàn toàn ở móng vuốt sắc nhọn của nó. Vô số hòn ngọc quý bày la liệt ở trong. Huyệt vị kỳ công của tạo hóa như vậy ắt đem lại cho chủ nhân vô số lợi lộc, may mắn.

Hình 1/28 : Ba ba nhìn đàn con. Nếu huyệt vị có hình dạng như con ba ba lớn thần kỳ ngoảnh đầu nhìn đàn con của nó, thì chủ nhân ắt sẽ đông con cháu, gia tộc đông vui. Nếu trước huyệt lại có hồ nước lớn, thì rất phú quý, hiển hách.



Hình 1/29 :
Ba ba thăm con.



Hình 1/30 :
Thánh nhân lên điện.

Hình 1/29 : Ba ba thăm con. Nếu địa thế giống như con ba ba lớn thần kỳ ngoái đầu nhìn đàn con của mình, đầu và chân ba ba đều lộ rõ vẻ hoạt bát sống động, thì ở bên mắt con ba ba lớn sẽ có một huyệt vị quý hiếm khả dĩ làm cho chủ nhân nổi danh và tận hưởng vinh hoa.

Hình 1/30 : Thánh nhân lên điện. Nếu địa hình giống như thánh nhân nghiêm trang bước lên cung điện, mà có đông đảo các vị đại thần ở dưới điện chắp tay nghênh tiếp, thì chủ nhân nơi đây sẽ được tiếp cận đế vương chí tôn, được hưởng phúc lộc vinh hoa.



Hình 1/31 :
Rết xuống núi.



Hình 1/32 :
Long già xuất động

Hình 1/31 : Rết xuống núi. Nếu địa hình giống như con rết lớn bò xuống núi, thì chủ nhân nơi đây tất làm quan văn quan võ trong triều đến chức tam công, trở thành trọng thần hiển hách trong triều đình.

Hình 1/32 : Long già xuất động. Nếu địa hình giống như con rồng lớn lao ra khỏi cửa động, thì con cháu chủ nhân nơi đây sẽ liên tiếp có tên trong bảng vàng, nổi danh khoa cử, được hưởng vinh hoa phú quý lâu dài.



Hình 1/33 :
Tiên nhân đại tọa



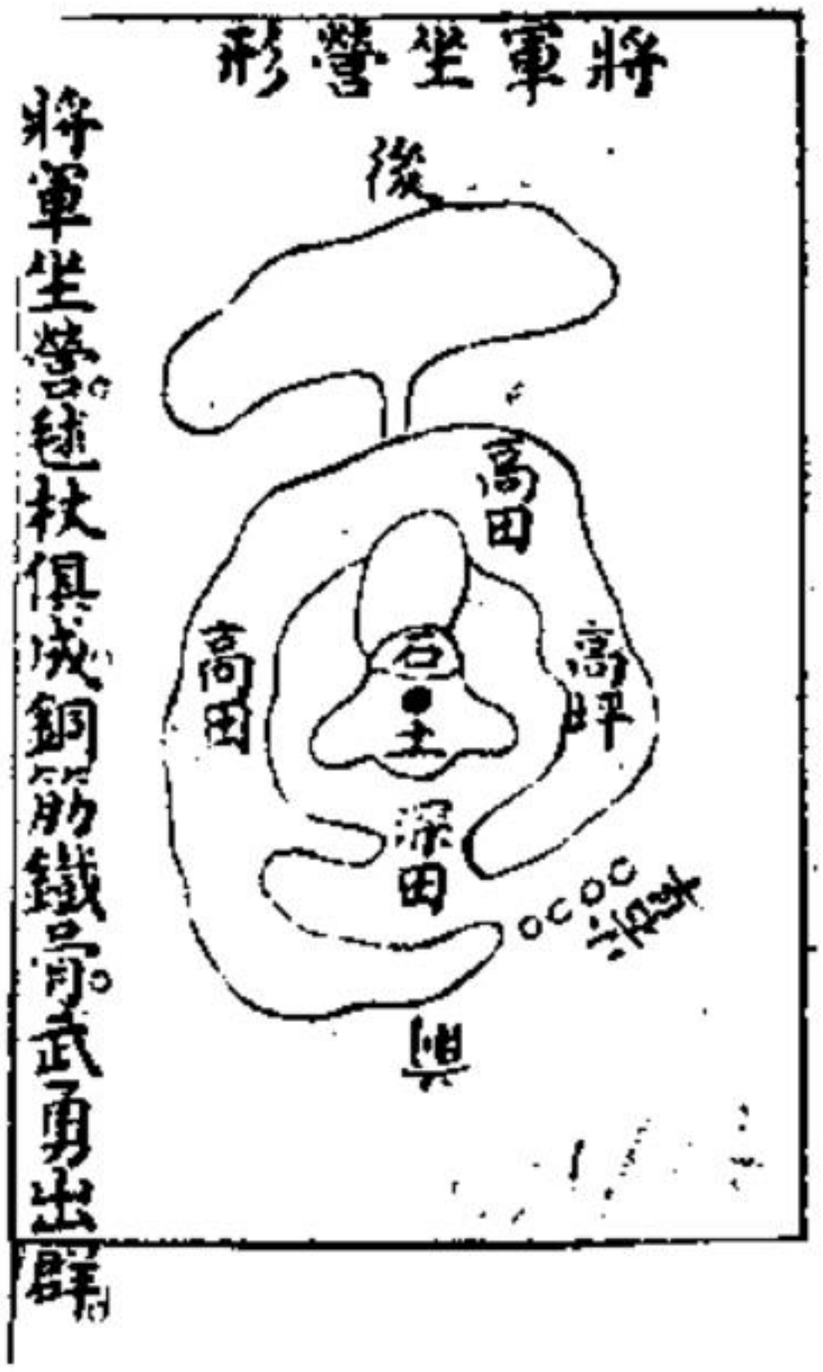
Hình 1/34

Hình 1/33 : Tiên nhân đại tọa. Nếu địa hình giống như một vị tiên uy nghi, đoan trang ngồi xếp chân bằng tròn, thì chủ nhân nơi đây ắt được kính nể, y như trạng nguyên, được chính hoàng đế ban thưởng, có quyền lực và phúc lộc lớn lao.

Hình 1/34 : Nếu địa hình giống như hai con rồng đang vui đùa với nhau, dân chúng sẽ được nhận ân đức, chủ nhân sẽ an nhàn mạnh khỏe.



Hình 1/35 :
Rồng vàng cuộn sóng.



Hình 1/36 : Tướng quân ngồi trong doanh trướng.

Hình 1/35 : Rồng vàng cuộn sóng. Long mạch vùng vẫy trong sóng lớn dưới sông. Huyệt vị loại này mấy năm đầu chưa cát lợi lắm, nhưng về sau tất sản sinh đại quan đến bậc tam công, lục khanh.

Họ Tôn nói : "Mấy năm đầu không cát lợi lắm, nước sông chảy xiết. Vì sao ? Nếu nước sông chảy đến quanh gò cao ở thủy khẩu, thì sẽ sắp phát phúc. Thủy từ phia sau chảy mạnh tới nghịch thế, do đó mạng vận mỗi ngày một tốt".

Hình 1/36 : Tướng quân ngồi trong doanh trướng. Nếu địa hình giống như vị tướng ngồi uy nghiêm trong doanh trướng, có thảm tròn, cây trượng bày trong doanh trướng, thì chủ nhân võ nghệ siêu quần, anh dũng vô song.



Hình 1/37 :
Rồng khát uống nước suối.



Hình 1/38 :
Song ngư vờn thủy.

Hình 1/37 : Rồng khát uống nước suối. Nếu huyệt vị có hình dạng giống con rồng khát uống nước suối, dòng nước trong xanh lững lờ chảy đến, thì chú nhân ắt làm quan chấp chính trong triều.

Ho Tôn viết : "Mặc y phục sắc tim ra vào triều đình, đương nhiên có liên quan tới dòng nước trong xanh chảy tới, nhưng cần có các ngọn núi nhọn như cây bút dàn hàng ngang ở gần đó. Sa thủy đều trợ lực, làm sao không có chức cao quyền trọng ?

Hình 1/38 : Song ngư vờn thủy. Nếu địa hình giống như hai con cá chép đùa giỡn trong nước, dằng trước có lâu đài vuông vức, thì ở đây ắt sinh ra mỹ nhân tuyệt sắc, dâm đãng, gây nên họa hại.

Họ Tôn viết : "Dâm tà phóng đãng, do đó gây nên tai họa, là vì giống như hai con cá đùa giỡn trong hồ. Nếu là hai Long mạch thực thụ tạo nên hình dang song ngư vờn thủy, hơn nữa lại có lâu đài đẹp đẽ, thì huyệt vị nơi

đây tất sẽ xuất hiện trọng thần quyền quý, uy danh hiển hách, chứ đâu chỉ xuất hiện tuyệt sắc mà thôi ?"

* * *

Địa hình cuối cùng không thể điểm huyệt. Còn bốn cách trước nó đều là huyệt vị thực thụ. Các đồ hình kể trên đều là cách chọn huyệt vị khi ta đứng quay lưng với thủy thế. Hình thái cao thấp ở trong huyệt ra sao rất khó nhận biết, do đó phải quan sát kỹ lưỡng, không thể khinh suất, vội vàng. Cao một tấc là sơn, thấp hơn một tấc là thủy. Ở chỗ Long mạch nhập thủ, nhất định có thủy là tốt nhất. Đó là cách thức cố định, bất biến.

LUẬN BÌNH DƯƠNG LONG

Long mạch ở vùng đất bằng phẳng rộng lớn thì cốt tiết khai hợp có độ, sống lưng liên tục từ đầu đến cuối, không khác gì Long mạch ở vùng núi cao. Cũng có Long mạch phân hợp ở hai bên, uốn lượn theo hình thái của sông nước. Long mạch nơi bình nguyên chỉ khác Long mach vùng núi cao một chút về tính tình, sắc thái. Long mạch vùng núi cao thì sống lưng ẩn sâu không lộ, bổn tính thuộc dương, lại khó quan sát. Do đó sự kết hợp ở những địa khu khác nhau cũng không giống nhau, chẳng thể gượng ép. Đất Thẩm, Biện, Tế, Lỗ là vùng bình địa ở phương bắc, đất Tô, Tùng, Gia là vùng bình địa ở phương nam, tính tình nam bắc không giống nhau. Long mạch ở vùng bình địa phương bắc thì Sơn thắng Thủy, do vậy nên từ mặt bên mà tiếp cận khí, từ mặt trước mà tiếp cận Thủy. Long mạch ở vùng bình địa phương nam thì Thủy thắng Sơn, do vậy nên từ mặt bên mà tiếp cận Thủy, từ mặt trước mà tiếp cận Khí. Khí là căn bản, là Thể, do vậy người sinh ở phương bắc thể phách tráng kiện. Thủy là ứng dụng, do đó người sinh ở phương nam đầy đà phúc hậu. Bình địa ở phương nam, phương bắc đều có chỗ ngắn,

chỗ dài. Long mạch thiên về Thể, thì nên tìm trong Thủy, thấy chỗ thấp hơn xung quanh một tấc, đó là Thủy. Long mạch thiên về Dụng, thì nên tìm ở trong Sơn, thấy chỗ cao hơn xung quanh một tấc, đó là sơn.

Huyệt vị ở nơi bình địa là khó nhận biết hơn cả. Muốn biết huyệt vị, trước hết phải quan sát huyệt ở vùng núi cao. Biết nhận huyệt ở vùng núi cao rồi, tự nhiên sẽ biết nhận huyệt ở vùng bình nguyên. Đại khái mà nói, năm sao Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ ở vùng núi cao có thể đứng thẳng, còn ở vùng bình nguyên có thể nằm ngang. Thậm chí Long mạch giao thoa, phân tán, kết tụ, khai trướng, thuận thế, nghịch thế, nghênh tiếp, tống tiễn vv... cũng đại loại như nhau. Cho nên cổ nhân chỉ vẽ đồ hình Long mạch vùng núi cao. Có thể dùng đồ hình Long mạch vùng núi cao mà xem xét hình thế Long mạch vùng bình nguyên. Phương pháp tìm huyệt ở đây là quan sát kỹ chỗ hơi lồi lên, chỗ hơi lõm xuống, rồi xem ở hai bên có vết tích nước chảy (lưu thủy) hợi thấp xuống hay không, ở hai bên chỗ nước chảy có hình thế kiềm (kẹp lại) hay không. Nếu đủ các điều kiện ấy, tức là đã có một huyệt vị tiếp cận khí. Nếu phát hiện nơi nào có hai dòng nước giao hội hoặc một dòng chảy uốn lượn vòng quanh, nơi ấy thấp hơn chỗ ruộng cao chừng một thước, hình thế nằm ngang hợp với ngũ tinh (năm ngôi sao), thì đã có một huyệt vị tiếp cận Thủy. Nếu bình địa phương bắc mất huyệt vị, còn có thể dựa vào tầng đất dày và cứng, nếu bình địa phương nam mất Long mạch, còn có thể dựa vào chỗ thủy giao hội tích tụ. Đó là hình thái, cục diện đại thể của Long mạch ở bình địa phương nam.

Phàm khi điểm huyệt, phải leo lên chỗ Long mạch nhập thủ. Đứng trên chỗ ấy mà quan sát kỹ xem thế đến và đi của Long mạch ra sao, phương vị thế nào, Minh Đường hội tụ ở phía nào, hợp với ngôi sao nào, kết thành huyệt vị có hình dạng ra sao, nhất là xem phần đỉnh đầu của Long mạch nhô hay lõm, phần mặt rộng hay hẹp, tay chân có thu lại hay không. Đó mới là phương thuật thật sự của việc xem mạch điểm huyệt. Ngoài ra, còn phải xem kỹ Long mạch nào là sinh mạch, Long mạch nào là tử mạch, cái nào là hộ sa, cái nào là chính mạch. Long mạch

cũng phân ra âm dương. Long mạch nổi rõ sống lưng là âm mạch, không rõ sống lưng là dương mạch. Đỉnh núi cao là âm, bình nguyên dưới thấp là dương. Chỗ nhô lên, phân tiết, nhú mầm, hình cây dáo, cây lê, cây dương xỉ, cái lá chắn là âm huyệt. Cắm xuống, cúi mặt, bặm môi, khóe miệng... là dương, lõm hẹp, trải đệm, hình tổ yến, hình sóng là dương huyệt. Vận dụng cái gọi là dương lai âm thụ, âm thụ dương tác, trong âm có dương, âm dương hài hòa.

Long mạch to thô, bẹt dẹt, tản mác, thì khuyết hãm ở chỗ khí mạch phân tán, biện pháp cứu chữa là lấp đầy đoạn cong của nó. Long mạch rộng lớn, thô cứng, mạnh mẽ, thì khuyết hãm ở chỗ khí mạch cao và gấp, biện pháp cứu chữa là mau tránh sát khí của nó. Long mạch to thô, trải dài, thấp, chậm, thì khuyết hãm ở chỗ khí mạch chậm chạp, biện pháp cứu chữa là dựa sát vào thế cao gấp của nó. Long mạch ngắn, nhỏ, co rút, mềm yếu, thì khuyết hãm ở chỗ khí mạch nhỏ yếu, biện pháp cứu chữa là lợi dụng khí thế thịnh vượng của nó. Long mạch tán loạn, lệch lạc, thì khuyết hãm ở chỗ không có vết tích, cách cứu chữa là chọn lấy trong đó một Long mạch kỳ dị. Long mạch uể oải, lười nhác, vô lực, thì khuyết hãm ở chỗ không có tụ kết, co cụm, cách cứu chữa là đem trồng nó ở ngay giữa tổng mạch.

Long mạch ở bình địa, điều tối cần thiết là khai quật địa huyệt, hai bên có hộ vệ như hình cái mâu cái thuẫn. Long mạch ở bình điền, điều tối cần thiết là khai thông cửa ra để lấy khí Thuận. Long mạch cả trên lẫn dưới đều nhọn, bé, không tề chỉnh, là do đi qua chỗ âm thấp mà bị khuyết Long khí. Huyệt vị nhỏ hẹp, Long mạch quá nhỏ phần đầu não là do đi qua nhiều thủy mạch. Long mạch đột ngột nhô cao cứng thô là do âm khí đi qua chỗ hung sát. Mấy loại Long mạch như thế đều là hư giả về hình thể, không có khả năng kết huyệt.

Vùng núi cao hay bình địa, Long mạch, huyệt vị đều lấy thủy râu tôm làm minh chứng. Nói thủy râu tôm là chỉ nước sông đã cạn. Nó phân chia ở mặt sau huyệt vị, tụ lại ở mặt trước, giống như râu con tôm vậy. Hai râu tôm, một dài một ngắn, đều khoanh lấy đầu tôm. Khi di chuyển, râu tôm vươn thẳng ra, khi

bất động thì râu tôm khoanh lại. Khi có thức ăn, sợi râu dài vươn ra cuộn lấy, đưa cho sợi râu ngắn đưa vào miệng. Do đó, nếu huyệt vị có hình dạng như cái đầu con tôm, hai bên tả hữu có vết tích hơi lộ, một đoạn lưu thủy nhỏ ở phần trên huyệt vị phân ra, đến chỗ tiểu Minh Đường thì hợp lại, giống như hai cái râu tôm, sẽ gọi là thủy râu tôm. Huyệt vị ở bình dương hoàn toàn căn cứ vào thủy râu tôm để nhận biết.

Bên cạnh thủy râu tôm nhất định sẽ có hai sa sơn nho nhỏ bao quanh, gọi là cánh ve. Vì hai cánh ve tuy mỏng, vẫn che kín thân mình. "Tuyết tâm phú" có viết : "Long mạch có hình dạng chữ Tam, chữ Nghĩa chìa ra hai sa cánh ve, kẹp lấy thủy râu tôm", chính là nói về hình thái này. Còn Kim ngư thủy (thủy cá vàng) cũng gần giống như vậy. Phàm các loài cá khi uống nước, nước vào đằng miệng mà ra đằng mang. Chỉ có Kim ngư thủy là nước vào từ hai bên mang mà ra đằng miệng. Do đó, khí mạch ngắn, nhỏ, huyệt vị nhô ra thì có hình dạng giống cái mép cá vàng.

Còn có thủy mắt cua (giải nhãn thủy). Mắt cua độc đáo khác hẳn mắt các loài động vật khác, có thể xoay tròn. Cua lại bò ngang, khi bò sang bên trái thì mắt trái mở to, sáng rực. Do vậy, phàm huyệt vị kết tụ ở trong hầm hố, ở giữa hơi lộ ra mồm miệng tròn tròn giống cái yếm, mai con cua, thì gọi là thủy mắt cua. Nói chung, thủy mạch có ba hình thái : triều bái, tụ hội và uốn lượn vòng quanh.

Lưu thủy quá ư lớn mạnh mà sơn sa không tương xứng với huyệt của nó, ắt ẩn chứa tai họa. Hà thủy có thế chảy nhỏ yếu, phải áp sát hai bên huyệt vị, có thế chảy mạnh thì phải uốn lượn ngoài chỗ thoáng rộng. Không nên tìm trạch huyệt gần chỗ đại thủy (thủy lớn), vì sau khi kết trạch huyệt, con cháu sẽ bị tuyệt diệt. Nơi tiểu thủy đan vào nhau thường có vết tích kỳ diệu, nếu kết trạch huyệt, thì con cháu có thể làm đến bậc tam công quý hiển.

Lại nói, nếu một nơi đằng trước có hình bán nguyệt, đằng sau giống như hình trăng khuyết, hai bên như hình cánh cung, thì huyệt vị dựa sát thủy lưu. Cổ thư còn nói, Long mạch ở bình

dương ẩn trong điền địa (ruộng đất) như đầu và chân con rùa. Có lưu thủy bao quanh thì là Long thực thụ. Long mạch loại này không ly khai thủy lưu, mà thủy mạch thì không ly khai huyệt vị. Phép điểm huyệt ở bình dương đại địa sẽ nói cụ thể ở phần sau.

BÌNH DƯƠNG LONG HUYỆT PHÁP

Tập 2, Quyển 3

Biên soạn : Hứa Minh Tử Viễn Đạm Viên
Hiệu đính : Nam Vinh Cửu Nhất Quả Am
Đính chính : Tôn Ái Thức Phi Thảo Đình
Dao Thức Ung Khởi Đình

BÌNH DƯƠNG ĐIỂM HUYỆT PHÁP

Phép chọn huyệt tại địa diện trên bề mặt thênh thang của sông, hồ, biển cả, trước hết phải xem kỹ Long mạch có cát lợi hay không. Trên dải đất bình dương, ta thấy nơi Long mạch ngấn ngúi nối liền với đáy sông. Tìm huyệt vị tại bình dương thì đừng ngại khí mạch co cụm, ngắn và nhỏ, sao Văn Khúc rất ưa thích phiếm du tiêu dao trong sóng nước dập dờn.

Dai đất bình dương nếu giống như con thuyền nhỏ lướt đi giữa các lớp sóng trắng, thì nên tìm chọn huyệt vị ở phần cuối, ở đầu mút của nó; nếu giống như vầng trăng cô đơn chìm trong dòng sông, thì nên tìm chọn huyệt vị ở góc bên của nó; nếu giống vầng trăng tròn treo lơ lửng trên dòng sông, thì nên tìm chọn huyệt vị ở chính giữa dải đất; nếu giống một cây thước ngọc, thì nên tìm chọn huyệt vị ở hai đầu của nó.

Nếu dải đất bình dương được thiên nhiên tạo hóa làm cho giống như hình lý ngư (cá chép) vượt Long môn, thì không ngần ngại chọn huyệt vị ở mắt hoặc môi của nó. Nếu dải đất bình dương giống như lá sen, bông sen mỹ lệ, thì nên tìm chọn huyệt vị ở chính giữa. Nếu giống hình con tằm, thì nên tìm huyệt vị thích hợp ở bến nước.

LONG GIA NGŨ HÀNH

Bảy ngôi sao chòm Bắc Đẩu là tinh tướng chí tôn trên bầu trời phương bắc. Hai bên tả hữu là hai sao Phụ, Bật; Cửu tinh (chín sao) phân bổ tại Cửu cung (chín cung). Cửu tinh, Cửu cung khởi từ Long lâu, sắp đặt song song với bảo điện, phân thành hai bộ phận đông tay là Thái Dương và Thái Âm. Bên tả thông đạt thuận chiều, bên hữu nghịch chiều trở lại, tinh tướng hai bên sắp thành hai hàng, nhưng giao hội lưu thông với hai khí Âm Dương. Hà Thủy từ Long mạch bên tả của nó chạy qua thuộc Dương, Hà thủy từ Long mạch bên hữu chạy qua thuộc Âm. Âm Dương của Long mạch được xác định căn cứ vào thần khí hà lưu hai bên tả hữu, chứ không phải theo quẻ. Huyệt vị mà thủy có sinh khí sung mãn hoặc thủy có hình dạng triều bái, thì làm cho đời sau được vinh hoa phú quý, muôn người tôn thờ. Huyệt vị mà lưu thủy hưng vượng cuộn sóng bao quanh thì làm cho tài lộc mau chóng đổn về. Dùng phương pháp Huyền Không ngũ hành có thể làm cho lưu thủy dần dần tiêu tán, Long mạch dương đổn đến mà Long mạch âm chạy đi. Xưa nay không ít bậc đại sư tài trí hơn người đàm luận vấn đề Âm – Dương, lý giải sự biến đổi của trời đất, dùng thuật bói toán lập quẻ mà giải thích Âm Dương họa phúc, quyết định nơi an táng mộ phần; song mấy ai hiểu được đạo lý huyền diệu, sâu xa của Âm Dương.

Hình 1/39 đến 1/85 : Bình dương khai trướng



Hình 1/39

Long mạch hình thành dạng khai trướng la liệt. Từ trong trướng mản Long mạch chạy ra. Đây là huyệt vị cực kỳ quý hiển.



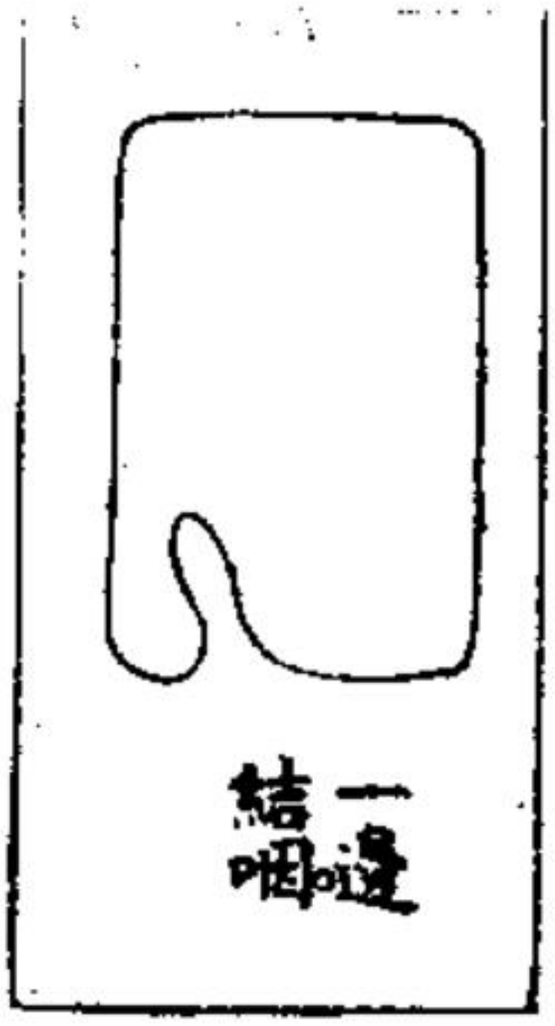
Hình 1/40

Long mạch chạy đến cùng mới mở trướng màn, bao quanh huyệt vị. Loại Long mạch này hiếm có, chủ sản sinh bậc đại quan quý hiển, được muôn người bái phục.



Hình 1/41

Hình vẽ này biểu thị quá mạch thanh tú mỹ lệ, kết thành huyệt vị nhọn sắc, là huyệt vị cực kỳ quý hiển và giàu có. Long mạch tụ kết ở đầu, thành yết hầu, quy tụ và trói buộc khí sinh vượng trong Long mạch, vì vậy chủ về quý hiển, uy danh và giàu có.



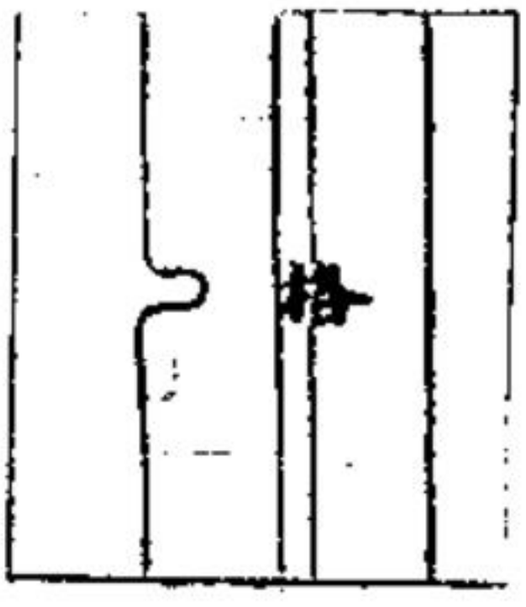
Hình 1/42



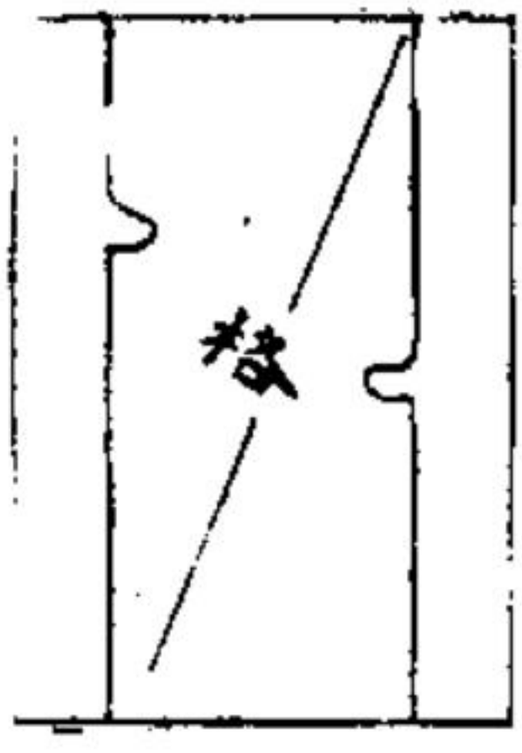
Hình 1/43 :
Cách Long nhận khí.

Hình 1/42 : Một bên Long mạch tụ lại thành yết hầu để giữ chặt khí.

Hình 1/43 : Cách Long nhận khí. Hai tiểu hà thủy từ hai bên kiểm tỏa Long mạch theo kiểu đối xứng, khí sinh, vượng từ trong hà thủy đi xuyên qua. Nên dùng cách chiết trung mạch đến mà chọn huyệt vị.



Hình 1/44



Hình 1/45

Hình 1/44

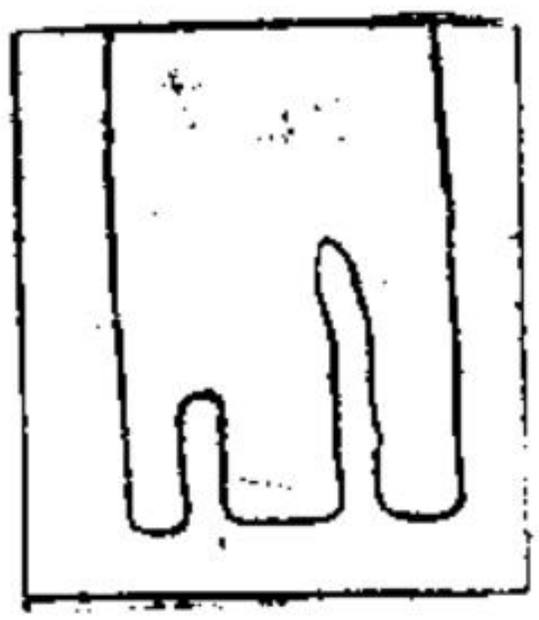
Một tiểu hà thủy kiểm tỏa Long mạch ở riêng một bên, thì thường là cách hạ bàn ở sát tiểu hà thủy, do đó Long mạch chạy đến không có sinh khí thủy lưu.

Hình 1/45

Một tiểu hà thủy ở đằng trước, một tiểu hà thủy khác tụt lại đằng sau. Với hình dạng này, nên dùng cách hạ bàn theo đường chéo giữa hai tiểu hà thủy, bởi vì khí mạch của Long mạch chảy xéo tới.



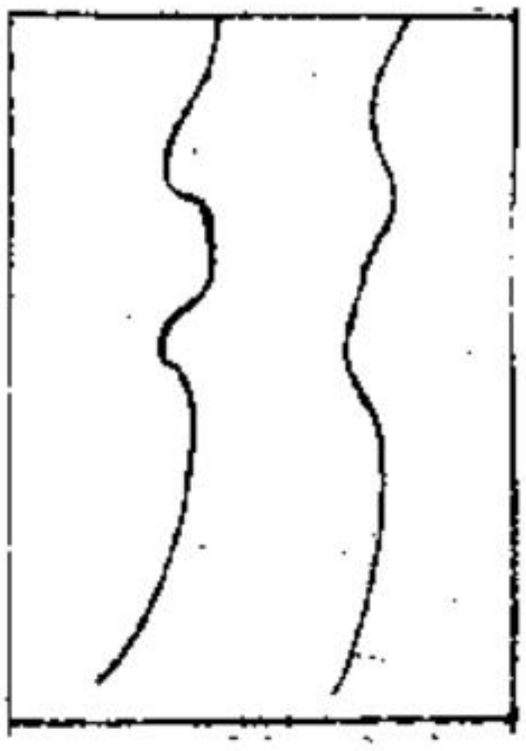
Hình 1/46



Hình 1/47

Hình 1/46 : Một tiểu hà Thủy cắm ngang vào, một tiểu hà thủy khác cắm đứng vào. Với hình dạng này, nên chọn cách hạ bàn ở khoảng giữa hoành thủy và trực thủy.

Hình 1/47 : Một tiểu hà thủy chĩa dài rồi uốn cong đầu, một tiểu hà thủy khác co rút ngắn lại mà dựa sát vào huyệt vị. Với hình dạng này nên tùy theo các tiết của tiểu hà thủy dài hơn.



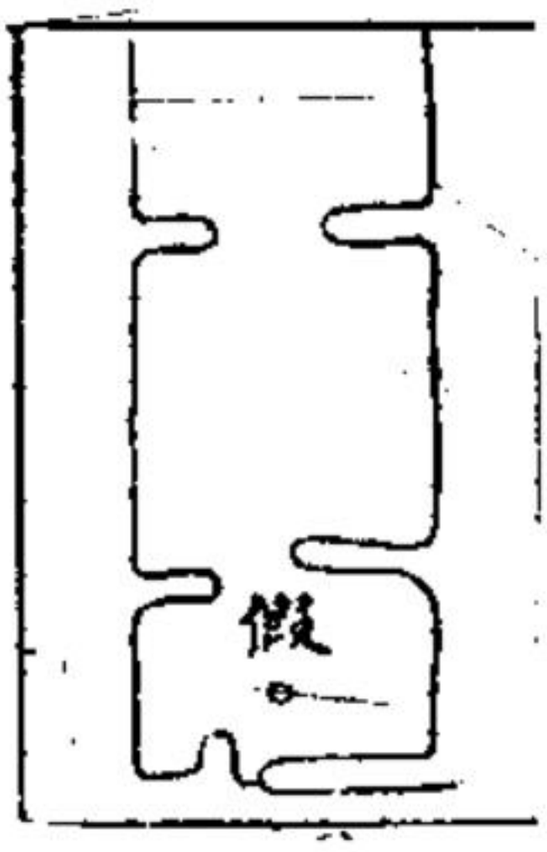
Hình 1/48



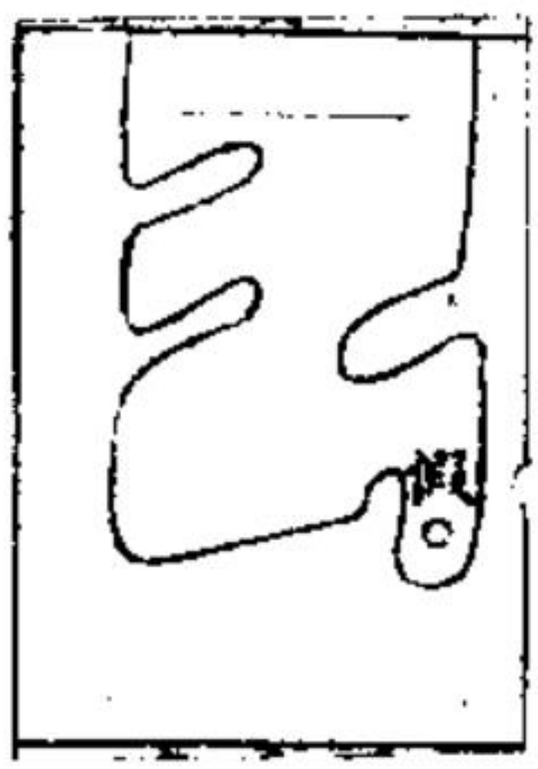
Hình 1/49

Hình 1/48 : Thế đi của Long mạch ngoằn ngoèo, thì tùy theo sự uốn lượn của hà thủy.

Hình 1/49 : Long mạch đi ngoằn ngoèo, uốn khúc, khoanh tròn, thì nên dùng thế đối lưng vòng quanh.



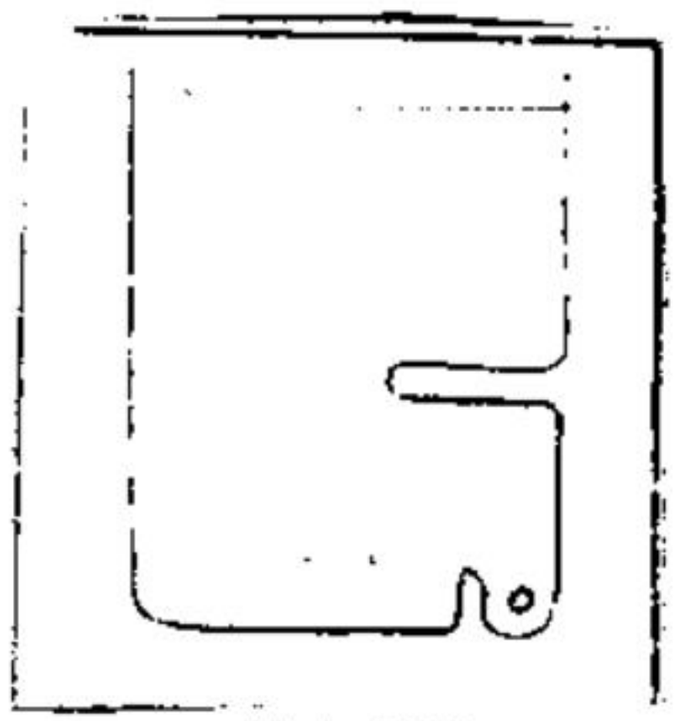
Hình 1/50



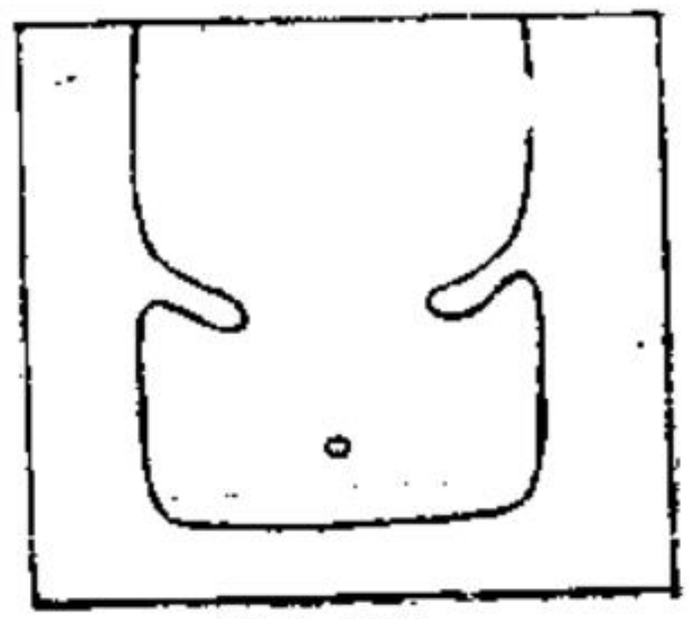
Hình 1/51

Hình 1/50 : Long mạch bị tiểu hà thủy ngăn cách các tiết, khi mạch trước sau không thể tiếp liền với nhau, không phải là hiệp thực thụ.

Hình 1/51 : Tiểu hà thủy hai bên quay lưng vào nhau, không thể hình thành được hiệp, hơn nữa khi mạch trước sau cũng rất khó tiếp liền với nhau.



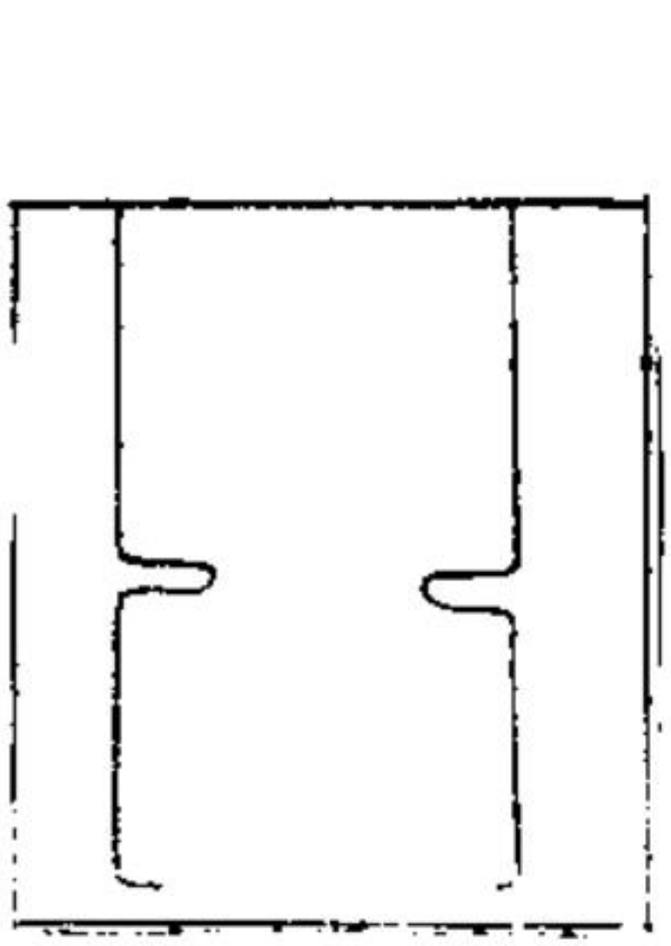
Hình 1/52



Hình 1/53

Hình 1/52 : Một tiểu hà thủy đơn độc cắm ngang vào, cứng đở, thì thường không có hộ vệ để tạo nên Long huyệt. Nếu tiểu hà thủy uốn lượn bao quanh mà chạy về phia trước, tạo thành một yết hầu đơn độc, thì còn khả dĩ hình thành một nơi hạnh phúc vui vẻ.

Hình 1/53 : Hai tiểu hà thủy đều chảy về phia sau, như thế này cũng không thể tạo thành hiệp. Nếu chọn lầm chỗ này làm trạch huyệt, thì con cháu sẽ phản nghịch, bất hiếu. Sống mạch có mấy tiết quải dị, thì sẽ có mấy đời con cháu bất hiếu, phản nghịch.



Hình 1/54



Hình 1/55

Hình 1/54

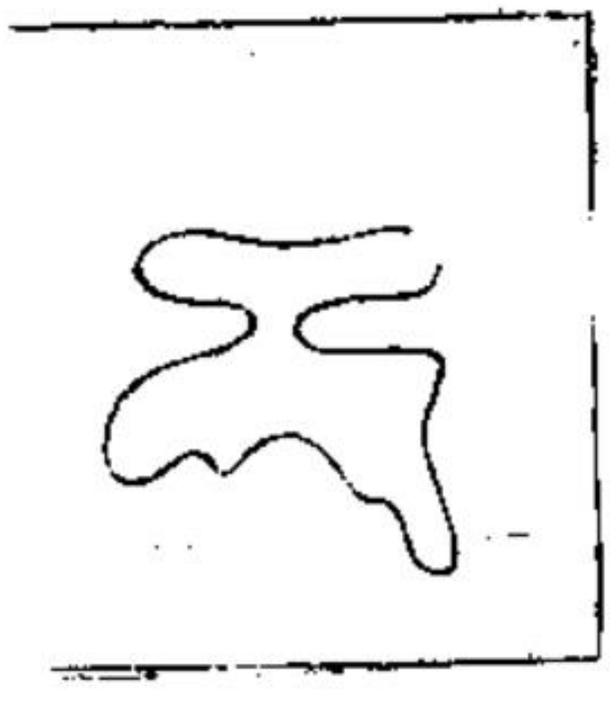
Tuy có hai tiểu hà thủy chảy về phía nhau, kiểm tỏa Long mạch theo kiểu đối xứng, nhưng hai bên không có Thủy hộ khách với dáng vẻ mời chào, thì cũng chẳng phải là huyệt vị.

Hình 1/55

Long mạch khi quá hiệp không có giang tống thủy đi kèm. Vì hà thủy quá hiệp chảy thẳng đi, không tụ nhập trong cục, là loại Thủy lậu thai phi hiệp.



Hình 1/56



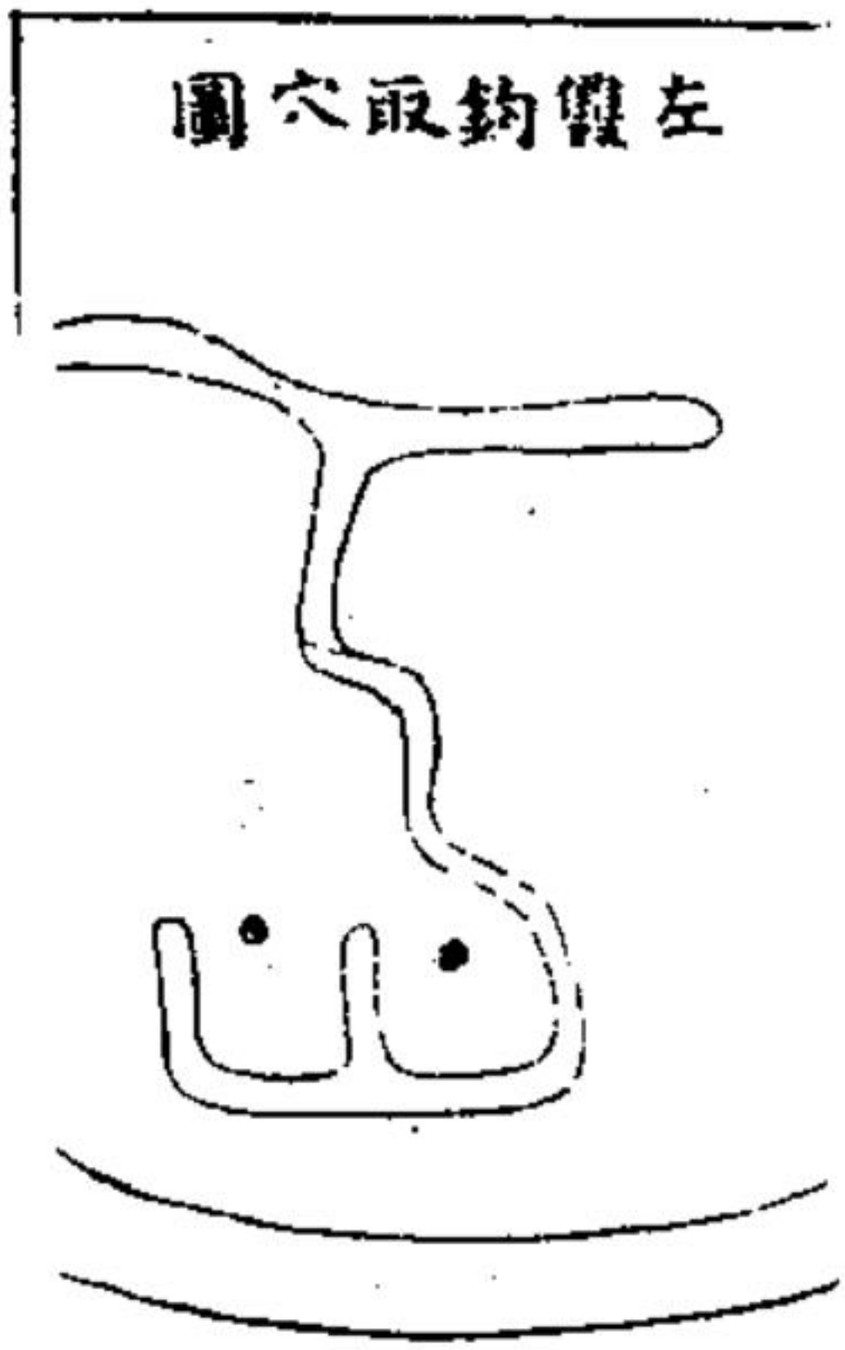
Hình 1/57

Hình 1/56

Long mạch chưa quá hiệp đã phân ly tản mạn, không phải là hiệp thực thụ.

Hình 1/57

Long mạch sau khi quá hiệp liền phân ly tản mạn, cũng không phải là hiệp thực thụ.

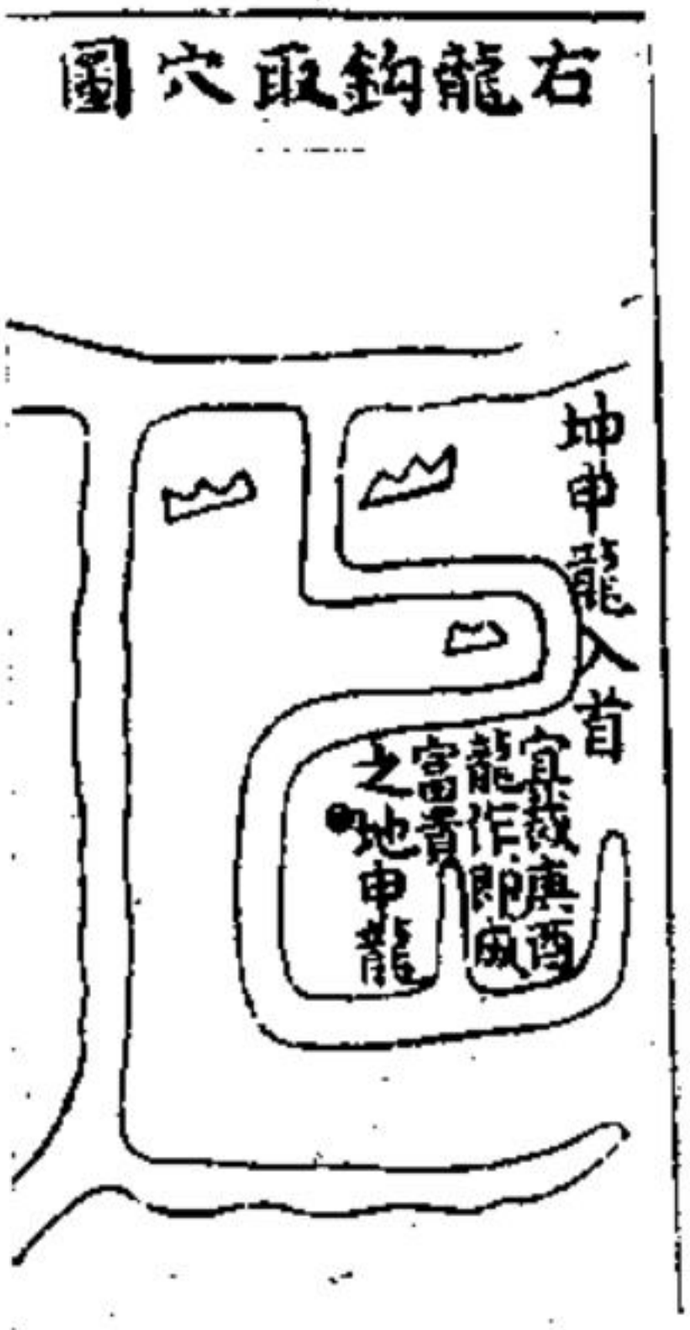


Hình 1/58

Nếu một hà thủy của địa khu bình dương hình thành hai cái móc câu, thì cả hai cái móc câu này đều rất cát lợi. Nếu một Long mạch của địa khu bình dương tụ hội, kết thành hai huyệt vị, thì cả hai huyệt vị ấy đều rất cát lợi, chủ phú quý vinh hiển. trước sau, tả hữu, bốn phía quanh nó đều sẽ xuất hiện con cháu là thánh hiền, hai phía đông tây đều hoàn mỹ kỳ diệu.

Nhưng khi thành tựu cục diện, lựa chọn huyệt vị, xác định phương hướng, hà tất phải quá câu nệ lý khí hoặc mạch tinh. Kiến tạo dương trạch, tất phải tìm phương vị trước sau, bố cục hoàn mỹ. Kiến tạo âm trạch, tất phải tuân thủ đạo lý nông sâu thích hợp. Kiến tạo dương trạch ở bên tả mà mộ phần ở bên hữu, thì dương trạch phải dịch lên phía trước mà âm trạch phải lùi về phía sau. Đông trước, Tây sau, nếu đã xác định cục diện phía đông, thì trạch huyệt không nên quá cao.

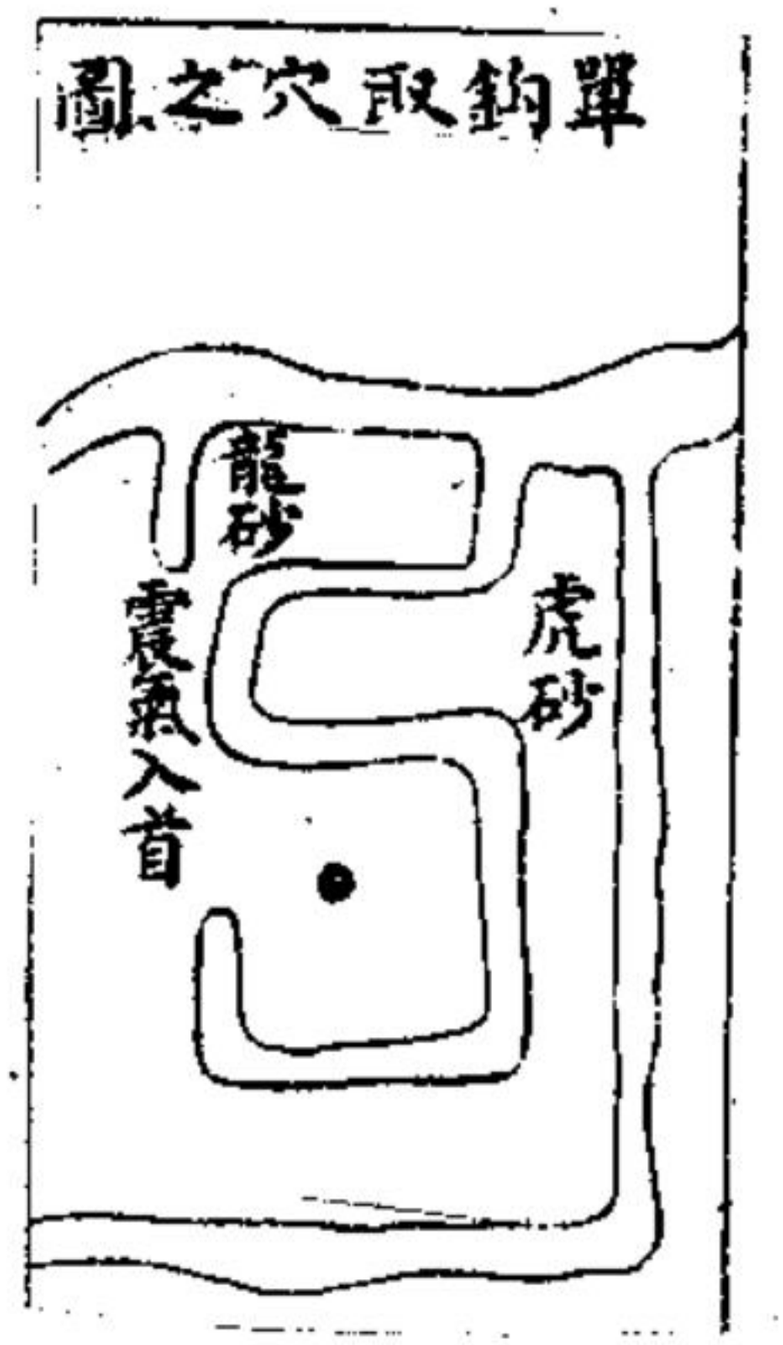
Nếu khi an trí trạch huyệt có thể làm chính xác, hợp tình hợp lý, đoan trang vuông vức thì mới là tận thiện tận mỹ.



Hình 1/59 :
Hữu Long câu thủ huyệt

Nếu có hai hà thủy cùng uốn lượn, chảy vòng sang bên hữu, giống như hai cái móc câu, thì lấy móc câu bên trong làm chính, móc câu bên ngoài làm phụ.

Thủy câu bên trong ổn trọng, tràn đầy, chọn huyệt vị ở đây ắt sẽ phát tài hoặc sản sinh bậc quyền qui có uy thế, hoặc bậc anh tài tuấn kiệt, túc trí đa mưu, trí dũng song toàn. Thủy câu bên ngoài nông cạn bất ổn, nếu chọn huyệt vị nơi đây cũng có thể phát tài, giàu có, nhưng chủ nhân ắt là kẻ tâm địa hẹp hòi, tính cách thô lậu, ưa làm việc xấu xa, hay sinh sự, mà anh em bất hòa, thê thiếp lục đục, lại sinh con chột mắt, bất hiếu, hoặc gian ngoan dối trá.



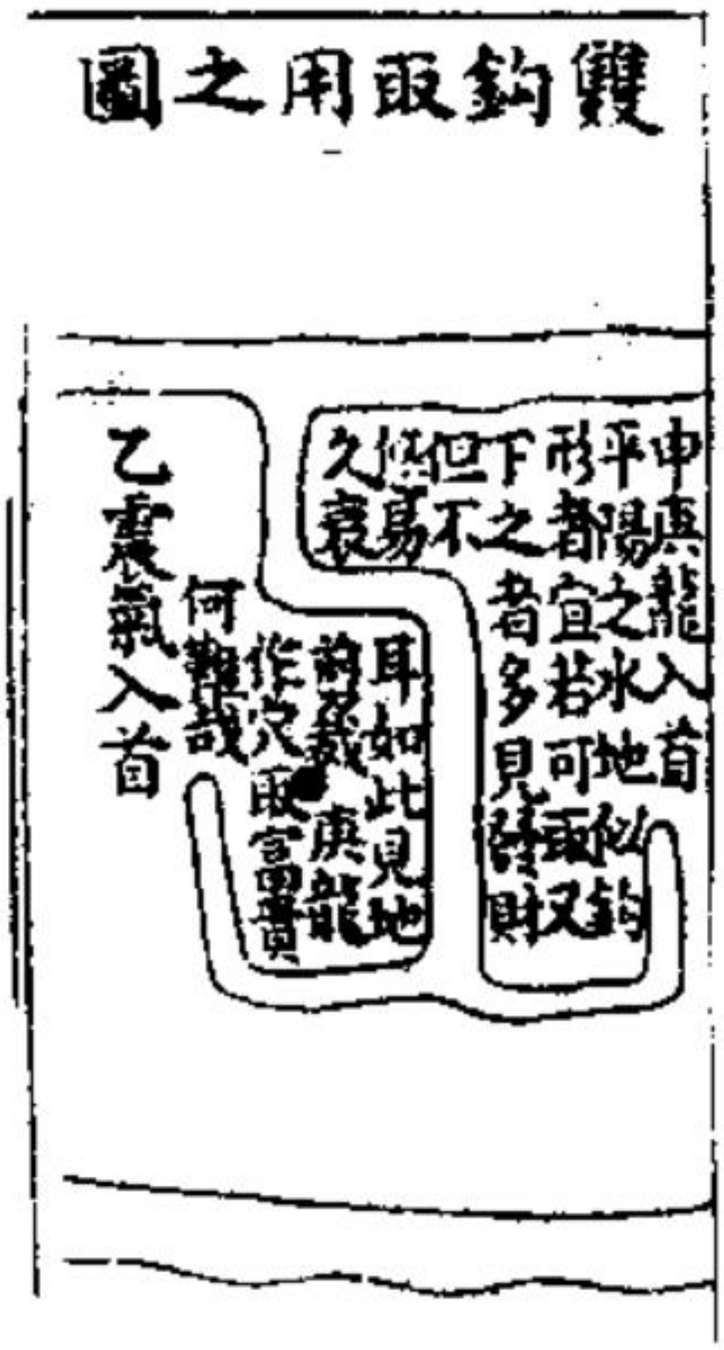
Hình 1/60 : Đơn câu thủ huyệt

Nếu có một hà thủy uốn quanh phía sau như một cái móc câu lớn, đẩy khi thế, lại có hai sa sơn bao bọc hai bên tả hữu đối xứng dịch về phía trước, thi huyệt vị này tăng thêm giá trị bội phần.

Hà thủy đằng trước uốn quanh, hà thủy đằng sau bao bọc, có được hình dạng như vậy ắt đại quý hiển, vinh hoa. Sa sơn bên trái ngăn cách mà sa sơn bên phải kiểm tỏa chặt chẽ, nếu địa khu có được hình dạng như vậy, tất con cháu phát đạt, thông minh anh tuấn.

Chọn huyệt vị dựa theo sự sắp đặt khôn khéo của thiên nhiên tạo hóa, tất phải có tâm cơ. Xác lập phương hướng đúng đắn khôn ngoan, tất phải có con mắt tinh tường. Chọn đúng cách, sẽ sản sinh bậc đại quan, nếu âm đức thịnh vượng, sẽ làm đến tể tướng.

Hình dạng như trên đúng là toàn thiện toàn mỹ.



Hình 1/61 : Song câu thủ dụng.

Nếu một hà thủy tỏa ra hai bên uốn vòng như hai móc câu, thì lấy móc câu bên tả làm chính, móc câu bên hữu làm phụ.

Bởi lẽ bên tả có thể được Chấn khí lớn nhập cục, chủ về việc sản sinh bậc vĩ nhân tài trí mưu lược, quyền thế hiển hách, dựng nên sự nghiệp oanh liệt. Nhưng cũng có thể sản sinh loại tiểu nhân sâu mọt gặp cơ duyên mà nổi danh, vì tiếp nhận Ất khí.

Thủy móc câu bên hữu là Khang khí nhập thủ, chủ sản sinh bậc hiền nhân nghĩa khí, dũng mãnh, hào kiệt mà độ lượng, khiêm nhường, thiện lương. Nhưng sau đó chỉ e quả mẫu quản lý gia đình lại tôn sùng giáo lý, hoặc sinh ra quân trộm cướp nghịch tặc. Bởi vì Khang vốn là Long rất quí hiển, nhưng tiếc rằng bị Dương ở Thân làm cho hỗn tạp dần đi.



Hình 1/62 : Đắc khi lập huyệt.

Một địa khu bình dương, một đại thủy mênh mông sóng nước từ hướng tây chảy đến, sau đó tách thành hai nhánh thủy lưu song song, chảy sang phía đông chừng một, hai trăm bước lại hợp vào nhau. Hai nhánh thủy lưu là Đoài khi, mà sau một, hai trăm bước nhập lại với nhau cũng là Đoài khí. Nếu sau khi nhập lại, hai nhánh chảy một đoạn đều cùng dừng lại, không tụ hướng vào nhau nữa, khi sinh vượng tiễn thủy mà nhập, thì là Chấn Long.

Nếu hà thủy từ phía đông chảy đến, phân nhánh quành về phía nam, hoặc quành về phía đông, hoặc quành sang hướng khác, hơn nữa, mỗi nhánh tự xác lập hướng chảy, thì chính khí cương trực xuyên lưu không ngừng. Nơi này không phải là Long mạch đoan nghiêm mà kết tụ thành huyệt vị, nhưng vì chính khí trản trề nên vẫn có thể sắp xếp hợp lý mà tạo thành huyệt vị đẹp đẽ.

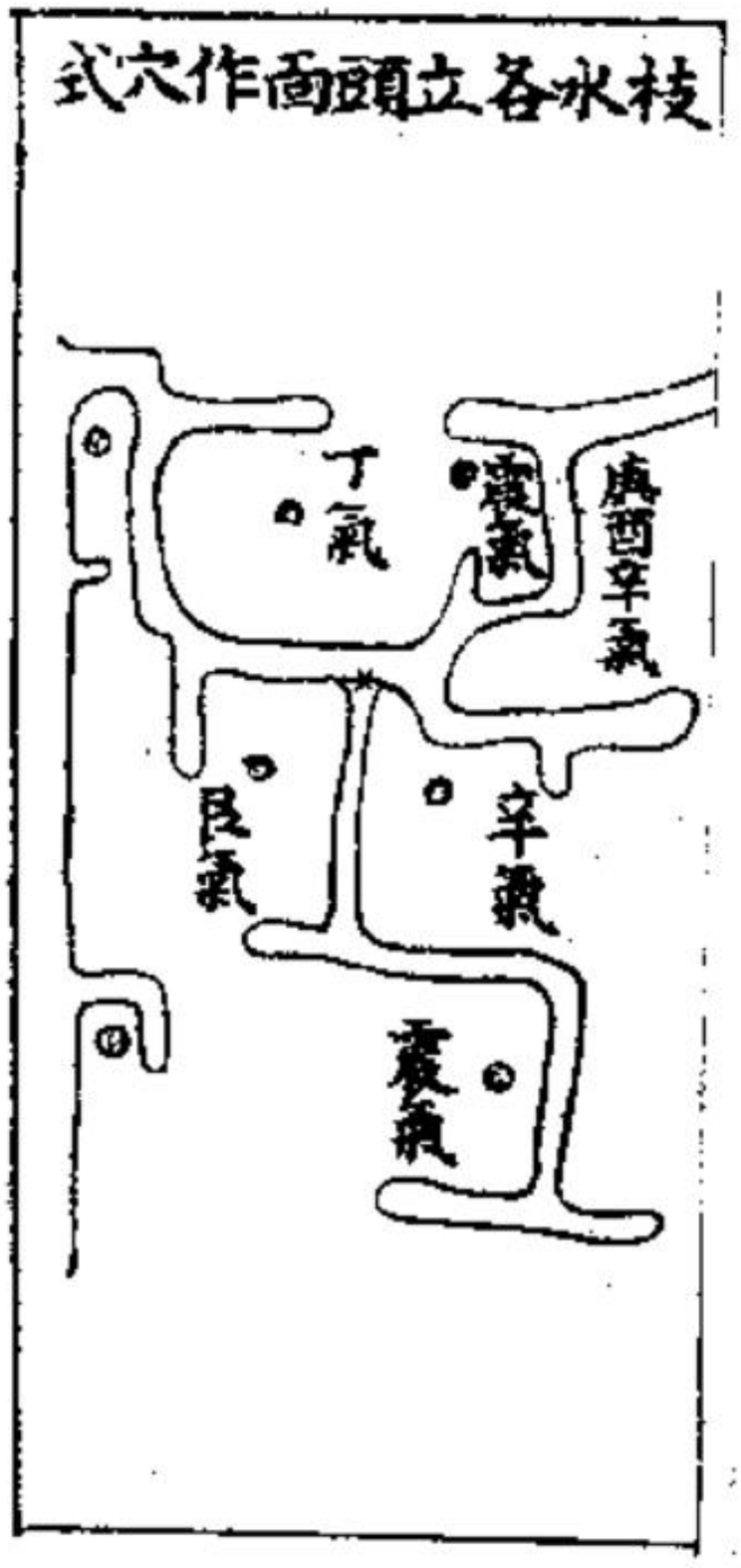


Hình 1/63 : Trảm quan tuyệt khí huyệt pháp.

"Ngọc Xích Kinh" viết : "Hình dạng này là tích lũy lưu thủy, thành thế ngăn chặn ngang lưng, cắt ngang sinh khí".

Long thực thụ chạy về phía trước, hoặc khi gặp chỗ quẩn thủy tụ tập thì phân nhánh thành các chi mạch có ba đầu; hoặc các chi lưu nhỏ bé xuyên tới hai vai, chém cắt phần lưng, sau đó chảy ra phía trước. Huyệt trường nhhư thế là chặt chém vào lưng Long mạch, hấp thu khí vượng, xác lập cách cục, pháp độ. Mặc dù Long mạch hoàn toàn không phải từ nơi chính khí sung mãn mà đến, song trải qua ngăn chặn tích lũy, tự nhiên hình thành nơi tích lũy chính khí tràn về, tuyệt diệu.

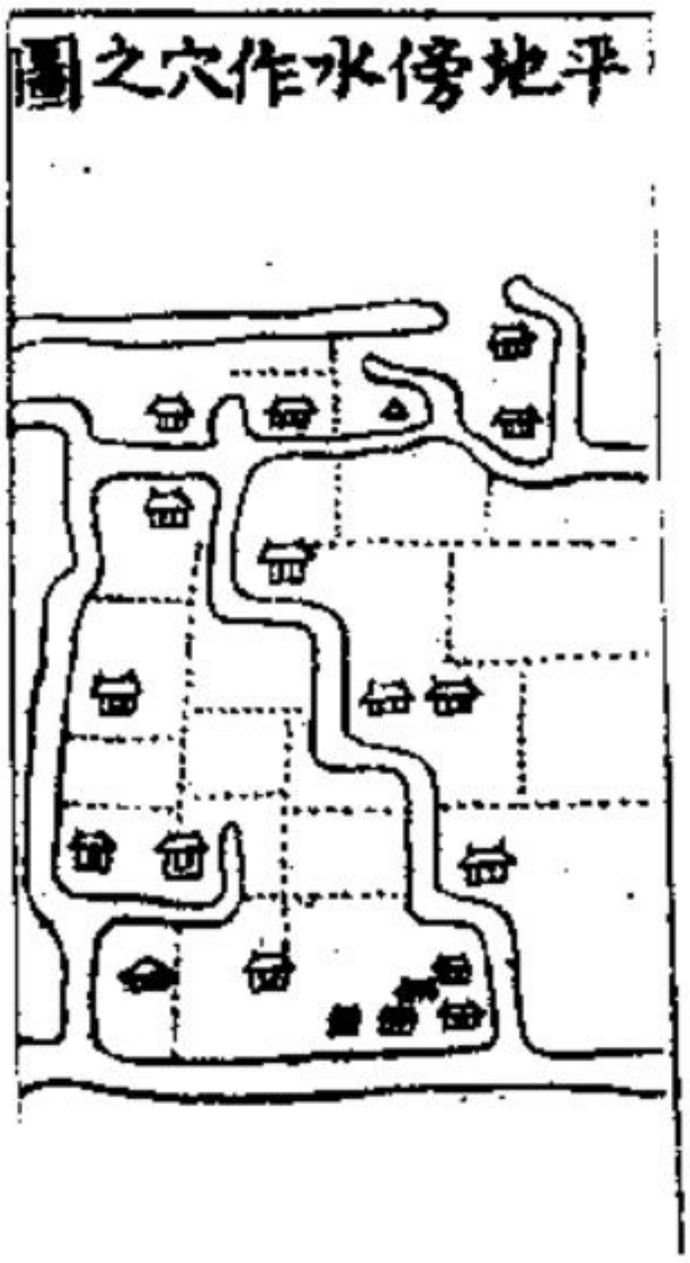
Nơi địa thế pha tạp như trên, phải là bậc đại sư phong thủy tài giỏi mới biết được công dụng của nó, để không vi phạm pháp độ, quy phạm mà thu hoạch hạnh phúc cát lợi.



Hình 1/64 : Chi thủy lập đầu tác huyệt.

Nếu một đại thủy vòng vèo chảy đến, chia thành rất nhiều tiểu chi lưu ngoằn ngoèo lượn quanh, thì các vị trí nằm giữa, xung quanh là thủy, đều có thể chọn làm huyệt vị. Những chỗ như thế tuy không phải là Long mạch đoan chính, kết huyệt đoan chính, nhưng nên quan sát kỹ sinh khí, mạch khi ở chỗ hà thủy nhập thủ xem sao để định cát hung, họa phúc của huyệt vị.

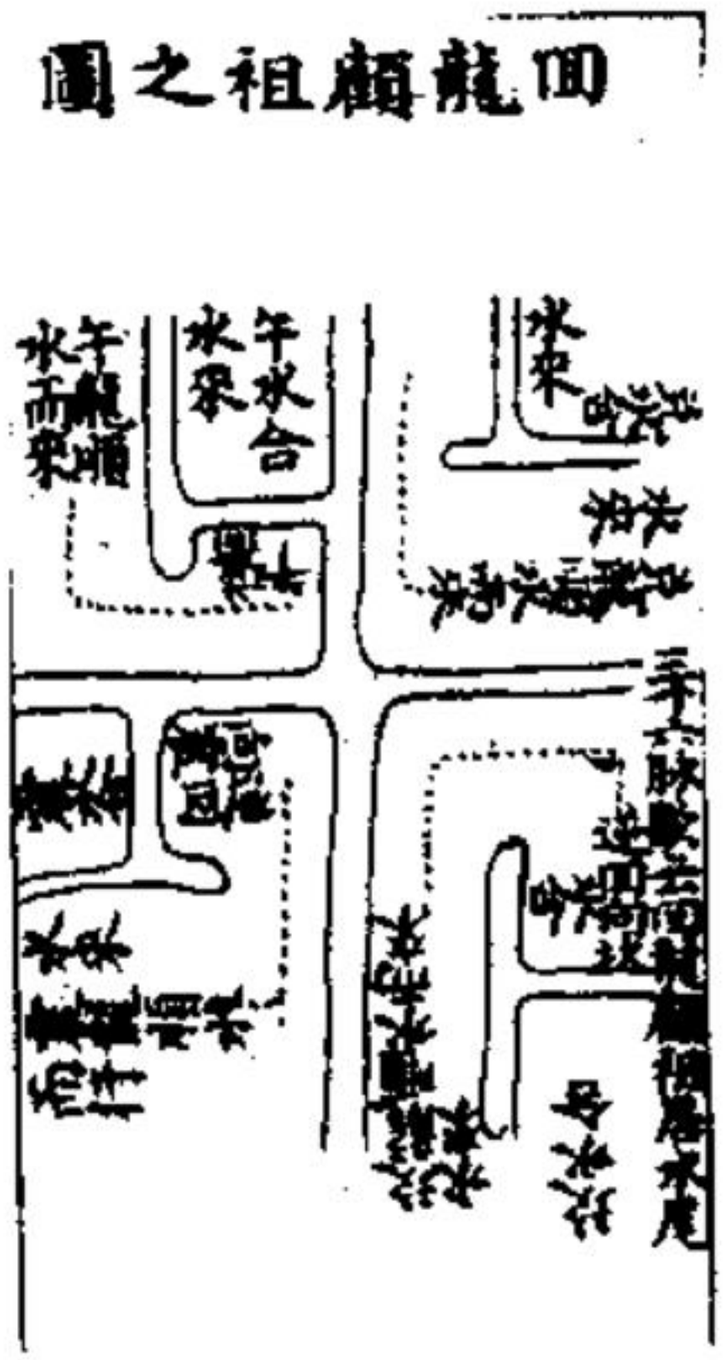
Nếu các tiểu chi lưu nói trên đều có đầu mút riêng, đều hợp với Tam cát, Lục tú, âm dương đâu ra đó, không hỗn tạp, thủy lưu uốn lượn, thuận nghịch đều đúng pháp độ, quy phạm, minh đường vuông vức chỉnh tề, đã không có hộ vệ cũng không bị xung phá, hình thái tiểu xao lung linh, thì cũng có thể cắt xén hợp lý làm huyệt vị, sẽ có đại phú quý, chẳng kém ở nơi rộng rãi thoáng đãng.



Hình 1/65 : Bàng thủy tác huyệt.

Ở địa khu bình dương thường chon trạch huyệt ở bên cạnh thủy lưu. Chỉ cần quan sát kỹ hình thái, thế hướng của hà thủy, nếu thấy giống như rắn bò ngoằn ngoèo, uốn lượn, thì mỗi chỗ uốn lượn có thể là một huyệt, hoặc dùng làm dương trạch, hoặc dùng làm phần mộ. Huyệt vị như thế, thì bờ đất ở bên sóng nước là Long mạch, chỗ địa thế tương đối cao là sa sơn, chỗ tương đối thấp là huyệt vị.

Nếu hà thủy uốn quanh, bao bọc, mạch khí có tình, quyến luyến như không nỡ dứt bỏ, thì chọn phia bờ sông không bị sóng xói lở làm huyệt vị. Huyệt vi nơi đó có thể phát tài lộc, nhưng không thể trở thành đại phú quý. Nếu phát mạnh, sẽ mau tàn, phúc lộc chẳng thể lâu dài.

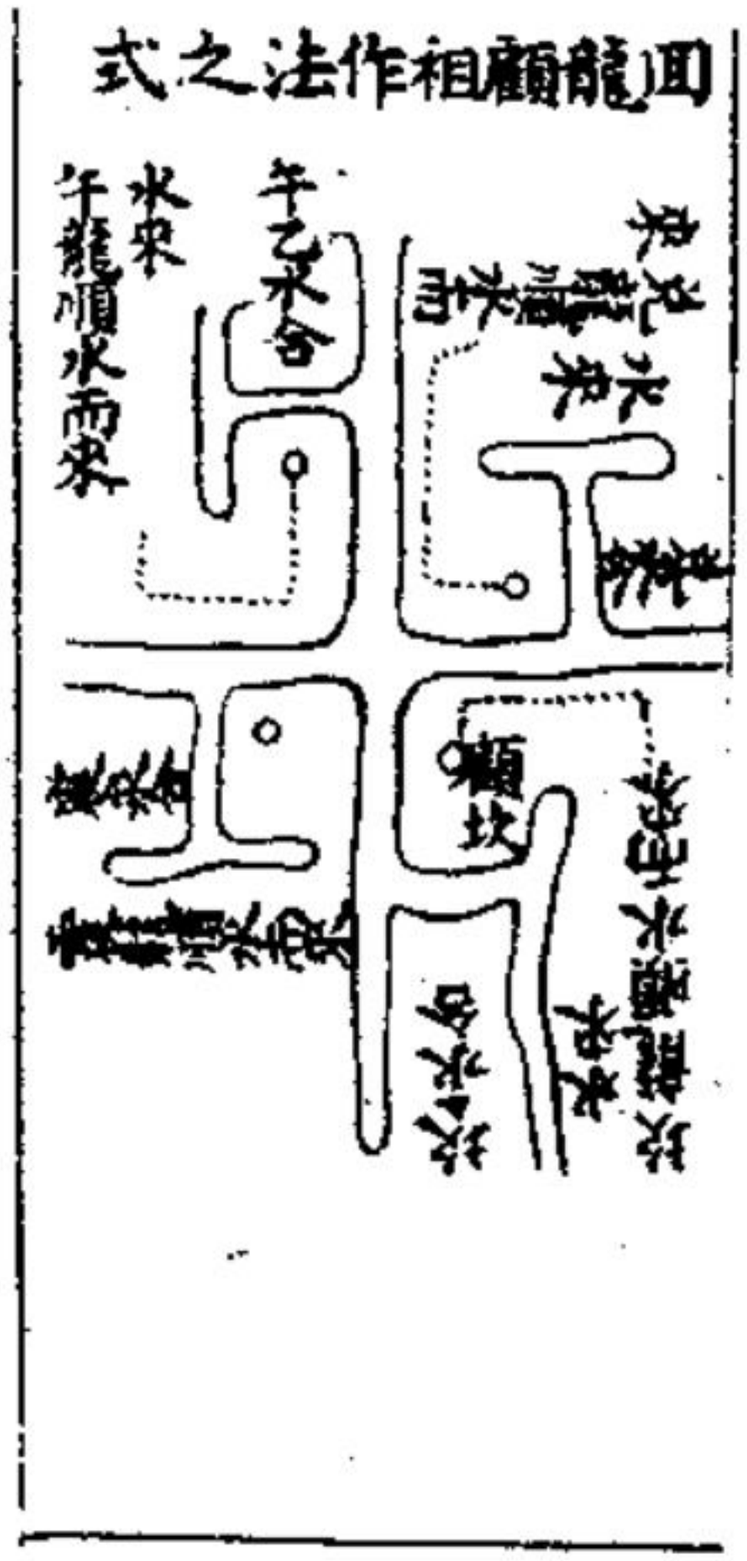


Hình 1/66 : Hồi Long cố tổ.

Nếu Long mạch thuận thế hà thủy mà tới, sau đó quay mình ngoảnh nhìn lại đầu Long mà kết huyệt vị, thì ta có thể xác định Long mạch là chân, chứ không phải giả. Nếu Long mạch nghịch hướng thủy thế mà đến, chỗ liên hợp lại ở phía sau, thì đó là Long mạch giả.

Nơi Long mạch quay đầu, dấu sa không phải vươn ra từ chỗ Long mạch bắt đầu, chỉ là hướng thẳng nghịch chiều với thủy thế mà thôi. Phàm nơi hà thủy tụ hội với nhau ở phía sau, quay lưng về phía Long mạch, tuyệt đối không phải là địa huyệt thực sự.

Một vị thầy phong thủy ngày nay nói : "Thiên Long như cá bay ngược dòng là chuyện hoang đường. Tuy hình thể của nó uốn lượn, hình thái chỉnh tề vuông vức, cũng chỉ là giả tạo. Nếu hà thủy của địa khu bình dương tụ hội ở phía sau, thì khí thế chạy tới của sa sơn bên cạnh cuối cùng sẽ hướng về phía hà thủy giao hội".



Hình 1/67 : Hồi Long cố tổ tác pháp.

Long mạch ở bình dương dù có quay đầu nhìn về tổ tông, cũng không thể thoát ly khí mạch vốn do cha mẹ sinh ra. Hai dãy sa sơn cùng chạy đến, một duỗi dài và thẳng, một ngắn nhỏ và vòng vèo, một bên thô tráng mạnh mẽ, một bên bé nhỏ ốm yếu. Thế đến của sa sơn thô tráng đĩ nhiên hùng vĩ gấp gáp, thế đến của sa sơn bé nhỏ đĩ nhiên uốn lượn chậm rãi.

Chỗ sa sơn bé nhỏ quay đầu có nhiều đất hồi Long hoặc bàn Long (Long quay đầu và Long cuộn mình), nhưng phải có được khí vốn do cha mẹ sinh ra, không thoát ly sa sơn đã chọn, thuận thủy lưu mà đến, thì nơi ấy mới hình thành đại địa thực thụ.



Hình 1/68 : Trảm hoạt thủy bất cát.

Chọn trạch huyệt tại địa khu bình dương, trước hết phải đáp ứng điều kiện có thủy lưu thích hợp. Nhưng hà thủy lại có loại tử diệt, có loại sinh cơ, không thể không quan sát cho kỹ để phân biệt.

Có khi làm nhà, đặt mộ bên một dòng suối lớn, nước trong vắt đến tận đáy, hình thái đến đi cực kỳ phù hợp pháp độ, lại còn kỳ diệu mỹ lệ. Khi mới kiến tạo trạch huyệt, thuyền bè có thể qua lại tấp nập. Nhưng sau đó ít lâu thường bị những kẻ xấu lợi dụng, ngăn nước làm nơi nuôi cá, hoặc con cháu tùy tiện dựng nhà cửa và hành sự lung tung hỗn loạn, tham mối lợi nhỏ cho riêng mình. Thế là nguồn nước bị ngăn chặn, Long mạch, khí mạch bị chặt đứt, hỗn tạp, nhà nào khá giả cũng mau chóng lụn bại. Tình huống ấy thật đáng sợ.

浮劍水之圖



Hình 1/69 : Phù Kiếm thủy.

Có loại huyệt trạch ở địa khu bình dương. Long mạch đoan chính uy nghiêm, huyệt vị hợp lý. hà thủy thanh tú, sa sơn kỳ diệu, cả Long, huyệt, lẫn sa, thủy đều đúng pháp độ, quy củ, huyệt vị như thế thường sản sinh bậc đại phú đại quý.

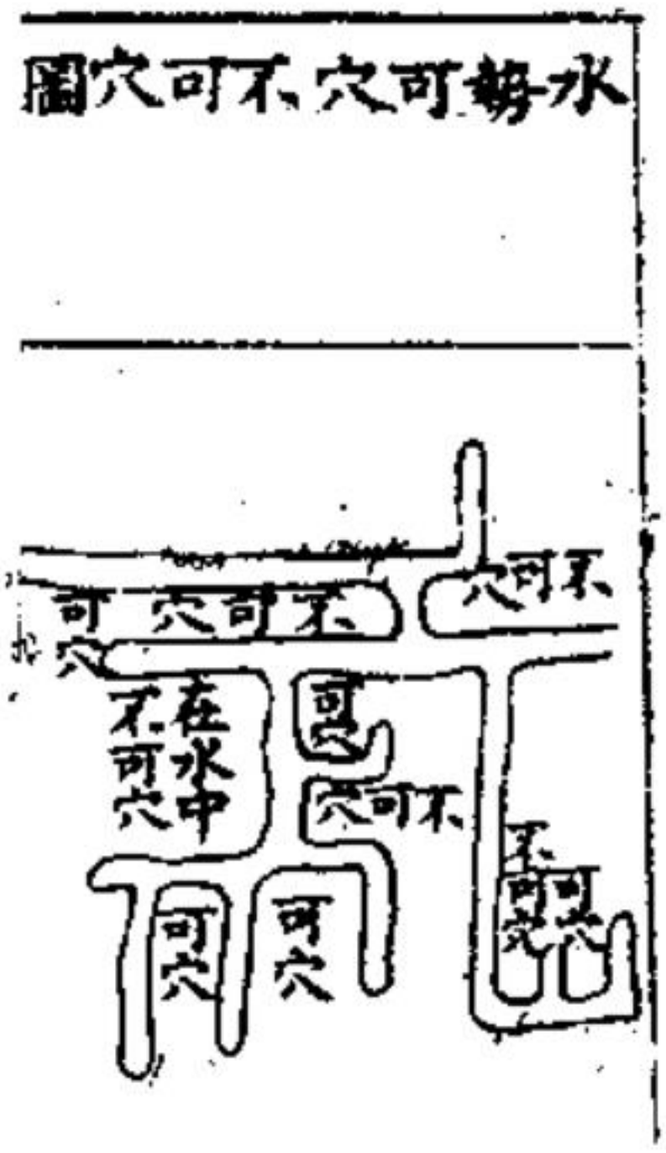
Nhưng cách huyệt vị hoặc gần hoặc xa lại có một thủy trì (ao nước) vừa dài vừa thẳng, gọi là Phù kiếm thủy, hoặc bắn thẳng vào Long mạch, hoặc xung phá huyệt trường, như vậy là hiểm ác đáng sợ mà người đời không hiểu. Huyệt vị loại này chủ về con cháu bỏ xác quê người, hoặc thất bại trong mọi việc lớn. Nếu con cháu phát hiện loại thủy hung ác này, hãy tìm cách lấp nó đi.

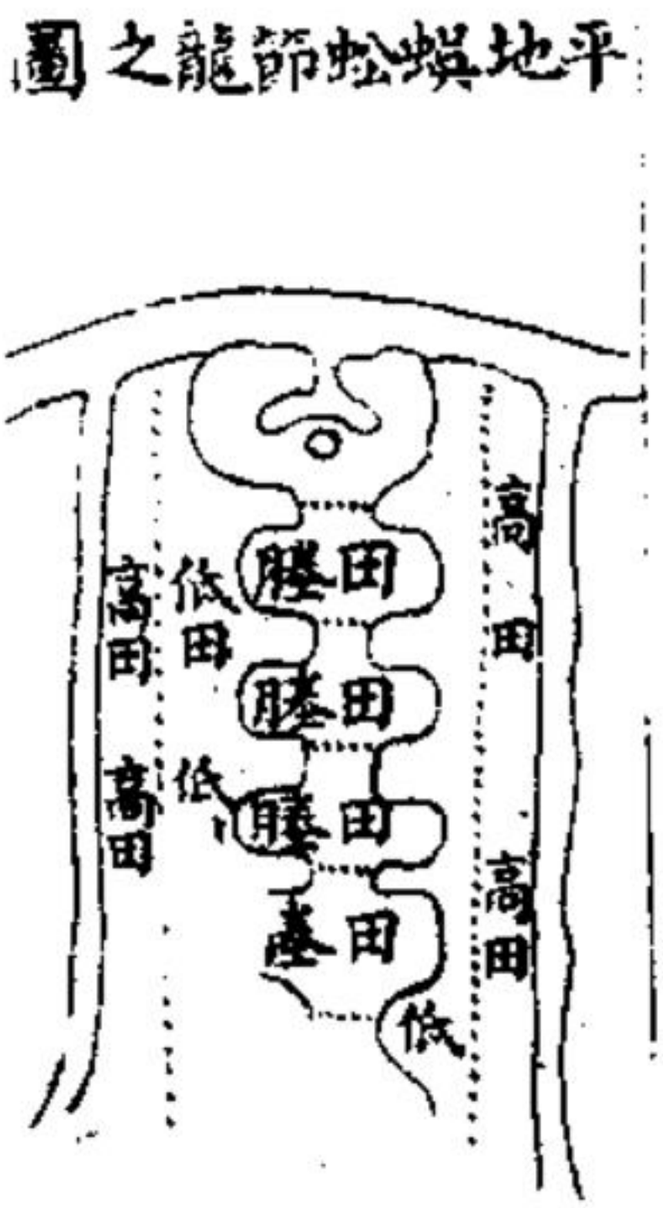


Hình 1/70 : Thủy sinh Kiếp sát ứng nghiệm.

Chọn huyệt vị Long mạch ở địa khu bình dương có cát lợi hay không hoàn toàn lệ thuộc vào sự thuận nghịch, uốn quanh hay đâm thẳng của lưu thủy. Có Long mạch, trạch huyệt chân xác, huyệt vị đoan chính, thủy thần đến đi đều hợp pháp độ. Nhưng sau khi kiến tạo trạch huyệt, sự phân bố tài sản trong gia tộc lại không đều, có nhà giàu có quý hiển, có nhà lại nghèo khổ quẫn bách, đại khái là do hà thủy bị Kiếp sát xâm phạm.

Nếu một nơi hướng về phia nam, hà thủy phát sinh các chi lưu tỏa ra bốn phương tám hướng, hoặc hà thủy sau khi chảy đi lại tỏa ra nhiều chi lưu, cái dài cái ngắn, thì khí sinh, vượng của hà thủy sẽ bị tán thoát đi hết, ắt hình dạng huyệt vị như đồ hình biểu thị ở trên sẽ dẫn đến tai họa.


水勢可穴不可穴圖
可穴
不可穴
不可穴
不



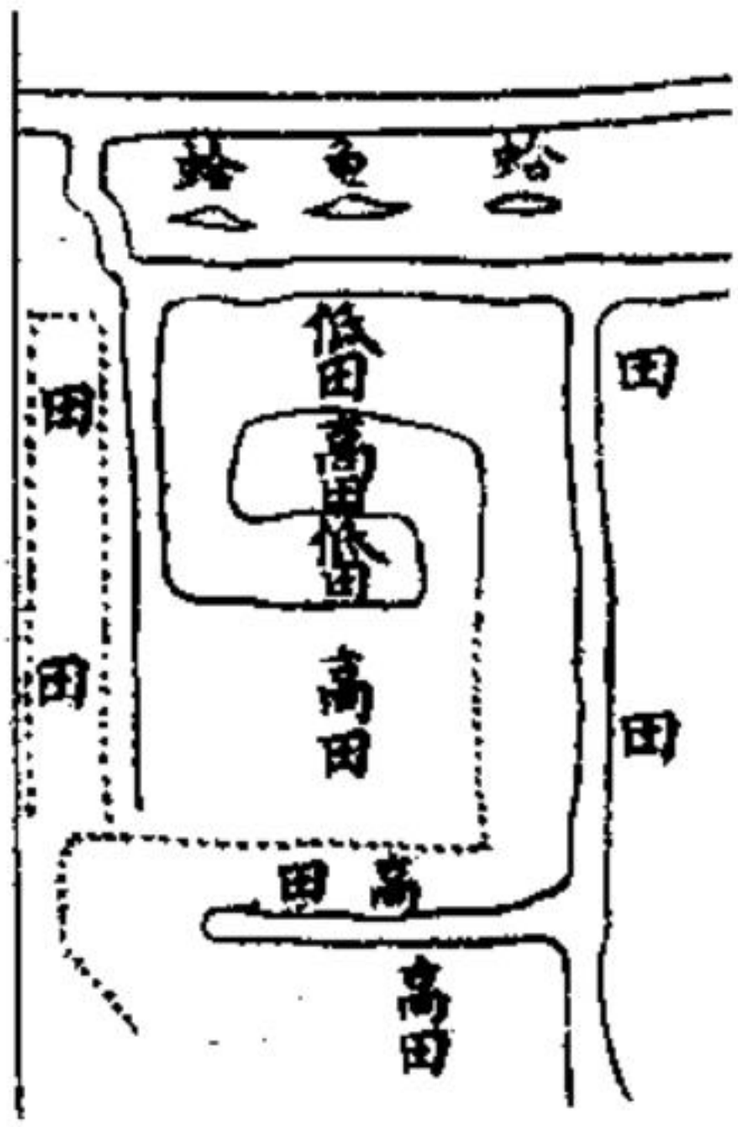
Hình 1/73 : Bình địa Ngô công tiết Long.

Trên đây là hình dạng Long Ngô công (Long hình con rết). Đất lở Thổ tinh sinh Kim. bờ ruộng cao thấp nhấp nhô, kéo dài 7, 8, thậm chí hơn 10 tiết (khúc), mà ở hai bên bờ, ruộng có cao có thấp, có sóng nước dập dờn. Đến chỗ kết thành huyệt vị thì mở ra như chiếc kìm, trông giống như con rết. Đó là đất quý hiển, kỳ diệu về mặt phong thủy, tất sẽ sản sinh bậc đại quan như quốc sư, tể tướng quyền cao chức trọng. Dù Long mạch chạy thẳng hay ngoằn ngoèo mà đến, cũng đều là nơi phúc lộc song toàn, đại phú đại quý.

Nhưng ở nơi này hai bên tả hữu còn cần có sa sơn, lưu thủy bảo hộ nghiêm mật mới là huyệt vị hoàn toàn cát lợi.



Hình 1/74 :
Một nê quy



Hình 1/75 :
Một nê xà điển

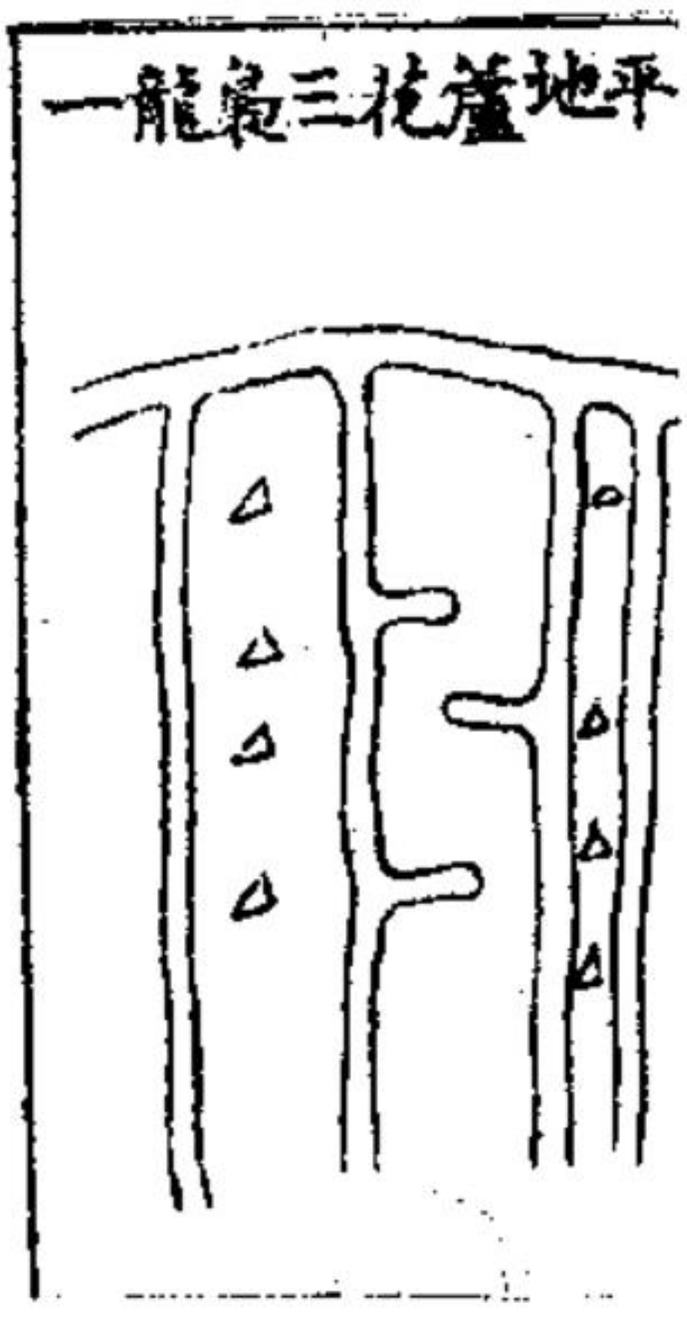
Hình 1/74 : Một nê quy. Một địa hình nơi bình dương, bốn bề có ruộng cao, trùng điệp bao quanh, lại có hà thủy uốn lượn, giới hạn phân minh, hình dạng mảnh đất ở giữa hơi thấp, lại có chỗ nổi cao lên khô ráo, hình thành mặt bằng Kim Thủy, thì gọi là "Một nê quy" (rùa không dính bùn).

Nếu cắm huyệt ở nơi đây đúng pháp độ, tất con cháu sẽ phú quý song toàn, vinh hiển. Tốt nhất là chọn huyệt vị ở hai bên vai con rùa, hoặc ở hai con mắt rùa.

Hình 1/75 : Một nê xà điển. Nếu ở địa khu bình dương rộng lớn có một mảnh đất hình dạng cao, thấp, thẳng, cong, biến đổi linh hoạt như một con rắn uốn mình, thì gọi là Một nê xà (rắn không dính bùn).

Nếu muốn chọn huyệt vị ở đó, thì nên quan sát kỹ cục diện, cắm huyệt ở nơi mạch mạch có tình, triều đối tương liên với nhau. Hoặc chọn huyệt chữ Vương, hoặc chọn huyệt Khi đường, hoặc chọn huyệt bảy tấc. Nếu cắm huyệt đúng pháp độ, con cháu sẽ vinh hoa phú quý, gần gũi đế vương.

Nếu huyệt "Một nê xà" lại có án sa hộ vệ xung quanh, thì sự vinh hoa quý hiển của con cháu càng lâu bền, rực rỡ hơn.

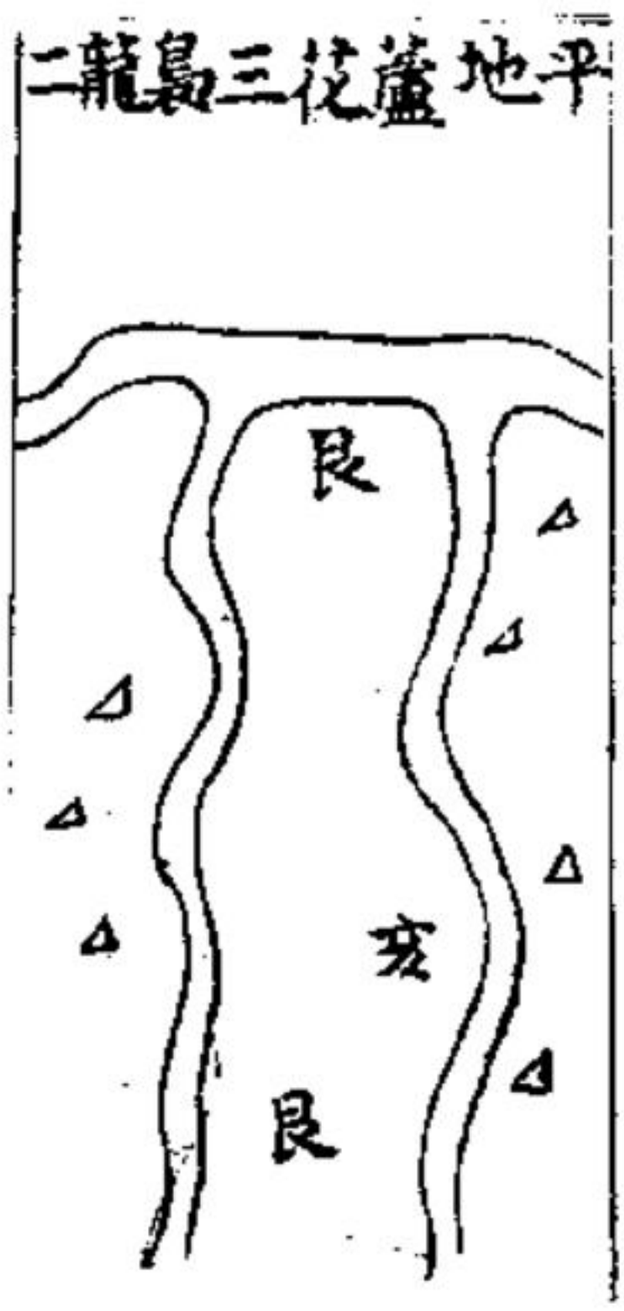


Hình 1/76 : Bình địa lô hoa tam niểu Long nhất.

Lô hoa niểu (hoa lau mềm mại vấn vương) là chỉ hình dạng hà thủy ở địa khu bình dương uốn lượn vòng vèo uyển chuyển. Lô hoa niểu hay nhất là có sao Văn Khúc làm bạn ở đằng sau Thủy tinh. Nếu Lô hoa niểu đơn độc lõa lồ, thì con cháu sản sinh kẻ dâm đãng, loạn luân.

Nếu Lô hoa niểu (h. 1/76) trải dài năm, mười dặm, cuối cùng đến chỗ kết thành trạch huyệt lại khoanh tròn, hộ vệ nghiêm mật xung quanh, thì khi thi tất đỗ trạng nguyên, khi làm quan tất đến chức tể tướng.

Nếu ở hai bên tả hữu nơi đó, hà thủy phân giới rõ ràng, Long mạch thuần nhất, hai bên Lô hoa niểu phát sinh các tiết can chi (cành cây), khí mạch sinh động uyển chuyển, thì huyệt vị này ắt đem lại vinh hoa, phú quý rực rỡ.



Hình 1/77 : Bình địa lô hoa tam niễu Long nhị.

Lưu Thanh Điển viết : "Hà Thủy ở địa khu bình dương nếu tràn ngang mà đến, ắt uốn lượn ngoằn ngoèo mà chảy đi; nếu uốn lượn ngoằn ngoèo mà đến, ắt tràn ngang mà đi thẳng; khi uốn lượn ngoằn ngoèo thì uyển chuyển phất phơ như bông hoa lau. Lô hoa niễu nhập lộ mà đến, khí mạch linh hoạt lưu động, thân thể Long mạch chân xác, bố cục huyệt vị hài hòa, thì sẽ đem lại phúc lộc, phú quý lâu bền".

Lại Kinh Tiên viết : "Hà Thủy nơi bình dương uốn lượn, tựa như nửa đến nửa không, mềm mại uyển chuyển phất phơ như hoa lau". Đây là nói hà thủy có hình dạng cát tường, Long mạch linh hoạt sống động, khí mạch vận hành kỳ diệu (h. 1/77).

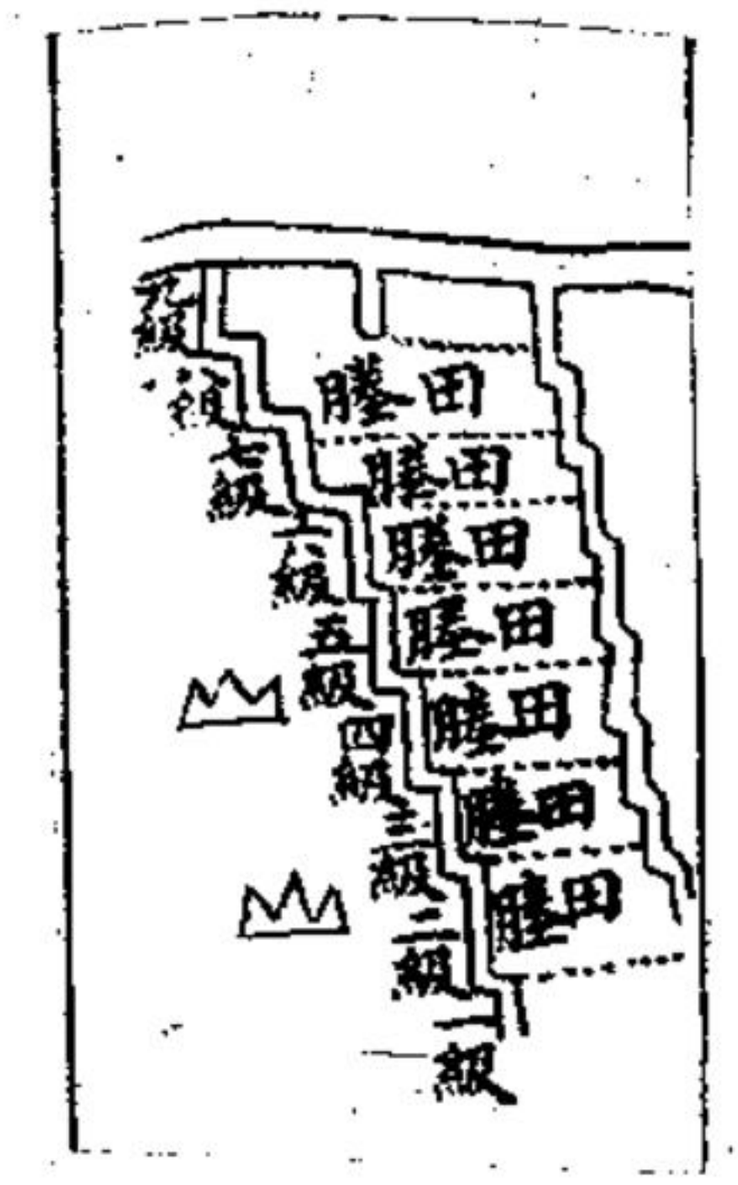


Hình 1/78 : Ngọc Giai Long.

Hai bên địa khu bình dương uốn lượn như sóng, địa hình ở giữa cũng lên xuống nhấp nhô như sóng, tổng cộng chín bậc. Địa mạo như vậy gọi là Ngọc Giai Long (Long bậc thềm ngọc) (h. 1/78).

Ngọc Giai Long từ Hợi nhập Cấn, rồi lại từ Cấn đến Hợi, rồi từ Hợi nhập thủ, chủ về sản sinh các bậc hàn lâm học sĩ và đại quan trong triều, danh tiếng lẫy lừng, vinh hoa phú quý.

Đồ hình trên là Long Cấn Hợi, còn các Long mạch khác như Long Canh, Chấn, Tân v.v... có hình dạng tương tự, như hoa lau (Lô hoa) thì cũng chủ về quan chức cao quý, luận bàn chính sự với đế vương, hưởng vinh hoa, phú quý

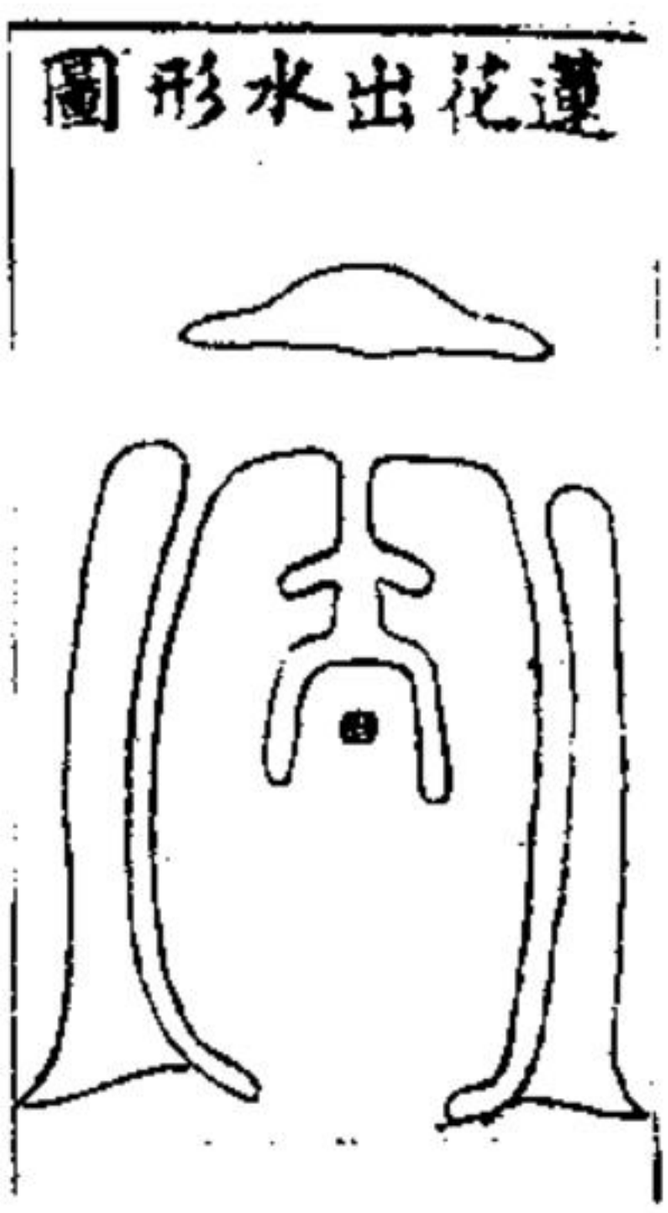


Hình 1/79 : Đường Giai Long.

Nếu hà thủy của địa khu bình dương uốn lượn chảy đến chính diện, thành 9 bậc, 8 nơi minh đường vuông vức ngay ngắn, thì Long mạch này cực kỳ quý hiếm (h. 1/79).

Lại có hà thủy ở hai bên uốn lượn chảy đến, cùng hình thành 9 chỗ uốn khúc, ruộng đất ở giữa cao thấp nhấp nhô giống như các bậc thềm đá, đến chỗ kết thành trạch huyệt thì tạo nên minh đường, hình dạng như thế gọi là Thuận ngọc giai Long, cũng đại quý.

Thuận ngọc Giai Long huyệt chủ sản sinh bậc hiền minh tể tướng thời thái bình thịnh vượng, nắm giữ vận mệnh quốc gia, con cháu đời đời làm quan to trong triều, con gái thành vương phi, vinh hoa phú quý.



Hình 1/80 :
Liên hoa xuất thủy.



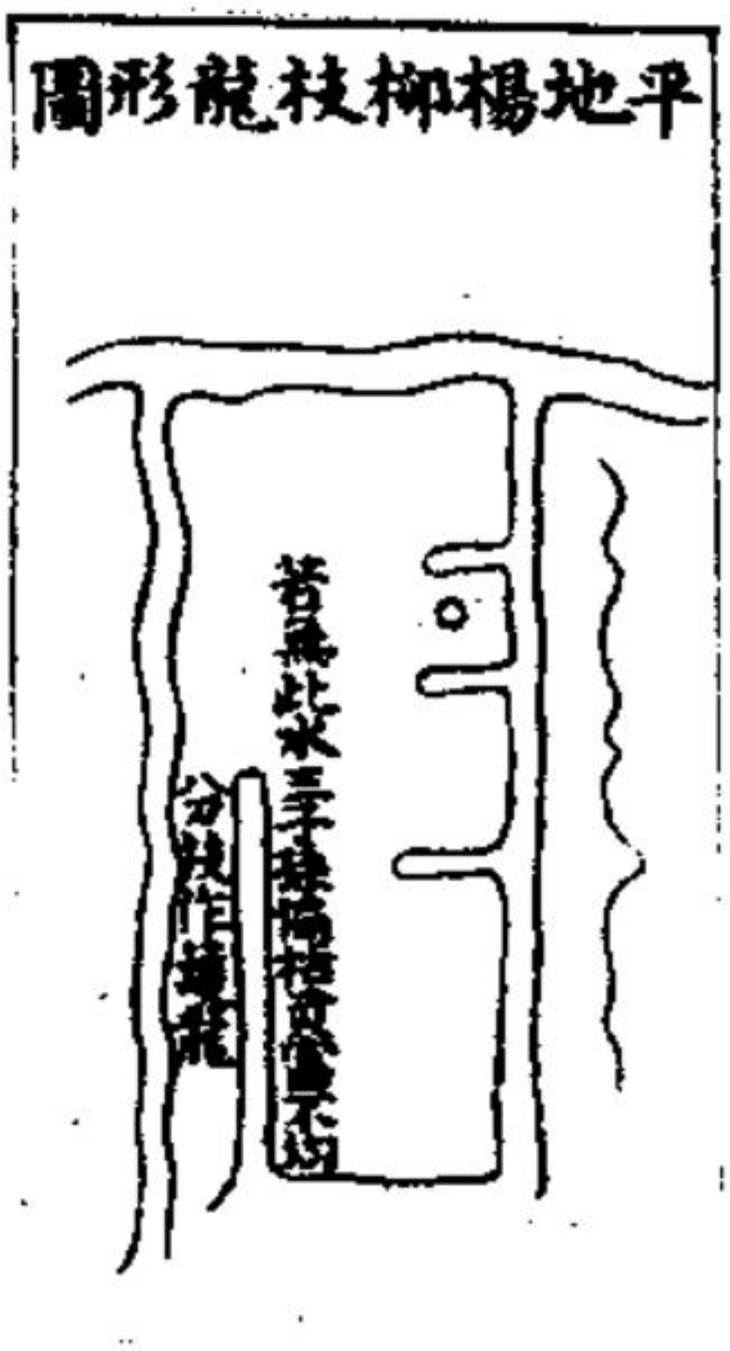
Hình 1/81 :
Thần Long hí châu.

Hình 1/80 : Liên hoa xuất thủy. Đằng trước địa khu bình dương có đại thủy mênh mông xanh biếc hoặc hồ, ao rộng lớn, gần hồ có sa sơn mỹ lệ như gọng kìm mở ra cân xứng ở hai bên; giữa hai sa sơn lại có sa sơn tụ kết thành hình Kim Thủy tròn trịa, hai bên lại tách ra sa sơn dài, thẳng như trên đồ hình, thì gọi là Liên hoa xuất thủy hoặc Liên hoa phù thủy (hoa sen nổi trên mặt nước).

Liên hoa phù thủy chủ về con cháu đời đời làm quan lớn trong triều, hoặc thành phò mã, vương phi, vinh hiển lâu dài.

Hình 1/81 : Thần Long hí châu. Địa khu bình dương ở cạnh ao hồ lớn, uốn lượn ngoằn ngoèo, bỗng xuất hiện sa sơn kỳ diệu thanh tú, mở ra hai bên như hai gọng kìm tương xứng. Phía trước sa sơn lại có một cái gò lớn và dài, trông tựa mây bay. Đó là Thần Long hí châu (Rồng thần giỡn ngọc).

Thần Long hí châu là huyệt vị cực kỳ quý hiếm, chủ anh em đi thi đều đỗ trạng nguyên, làm đến chức tể tướng, con cháu đời đời là trọng thần của triều đình.



Hình 1/82 : Dương Liễu chi Long.

Địa khu bình dương thường sản sinh huyệt vị kỳ diệu, nhưng ít ai hay biết, Tỷ như Dương liễu chi Long (Long mạch hình cành dương liễu – h. 1/82), giới hạn phân minh giữa ruộng đồng bằng phẳng, tứ bề có hộ vệ nghiêm mật. Nếu cắm huyệt đúng pháp độ, sẽ sản sinh con cháu thông minh anh tú, đời đời làm công thần quý hiển.

Dương liễu chi Long ở bình địa chỉ ngại phát triển không đều, lệch lạc. Nếu lệch về một bên, thì sẽ không có con trai, hoặc con cháu dễ bị bệnh tê liệt, điên khùng.


平地捲簾殿試龍
高田
低田
高田
低田
高田
低田



Hình 1/84 : Ngọc hà phù thủy.

Giữa địa khu bình dương gặp đại thủy kết thành cục diện giữa mênh mông đại thủy, trông như con tôm ngọc nổi trên mặt nước, gọi là Ngọc hà phù thủy. Huyệt vị kết tụ ở chính giữa, xung quanh, hai bên có rất nhiều sa sơn liên tiếp hộ vệ, kết thành hình dạng Thanh Long, Bạch Hổ nghiêm mật.

Hình dạng Ngọc hà phù thủy (h. 1/84) là vô cùng kỳ diệu. Nhưng cục diện phải rộng rãi, sa sơn bao bọc tầng bên ngoài phải khoan hòa, không bức bách, mạch mạch có tình, có cao có thấp yểm trợ nhau. Nếu kiến tạo đúng pháp độ, con cháu ắt thông minh tuyệt đỉnh, phú quý song toàn, đức hạnh thanh cao.



Hình 1/85 : Ngọc hà du thủy.

Nếu có ngọn núi chồi ra thoáng rộng, hà thủy gần đó tụ hội thành đồ hình như trên, thì có thể an tâm kiến tạo trạch huyệt.

Trạch huyệt ở mảnh đất giữa hồ, đầm như vậy là tối cát lợi, hiển quý.

Nếu hình ngọc hà du thủy (tôm ngọc bơi trong nước) đơn độc lộ liễu giữa đại thủy, sa sơn bên ngoài thô, cứng, không bao quanh ôm ấp nhau, hoặc bị hà thủy làm xói lở thì không nên kiến tạo huyệt vị (h. 1/85).

LẬP HUYỆT LUẬN

Mỗi địa phương có một tổ tông sơn của địa phương. Trước hết, phải quan sát tổ sơn của Long mạch, xem tổ sơn phát nguồn từ nơi nào, nguồn nước bất nguồn từ đâu, phân tán chảy đi từ đâu, nhập vào đại lộ từ đâu, thủy lưu giao hội ở nơi nào, sa sơn hội họp ở nơi nào. Sau khi nhận rõ các vấn đề đó, sẽ biết nơi thủy lưu chảy đến là lưng, nơi thủy lưu giao hội là mặt. Đã biết rõ lưng, mặt, thì tiếp đó quan sát xem lưu thủy theo Long chảy đến hướng nào, sa sơn hộ vệ Long mạch uốn vòng về hướng nào, sẽ biết nơi sa, thủy vòng trở lại, lưu luyến không dứt là Long, mà nơi sa, thủy chạy thẳng đi, không ngoái lại, không phải là Long. Đã biết rõ thân của Long thì nên quan sát kỹ từng tiết, từng đốt. Nếu thấy hai bên tả hữu của thân Long có tiểu hà thủy đối xứng kiềm tỏa, thành hình chữ bát, thể thế nghịch chiều, thì đó là nơi quá hiệp của Long mạch. Quá hiệp của Long mạch càng nhiều, thì thần thái của Long mạch càng quý hiếm. Nhưng quá hiệp phải có hộ tùng từ hai bên, nếu không sẽ bị cuồng phong quét thổi, lưu thủy xâm thực, sẽ không còn là đất quý về phương diện phong thủy. Ngoài ra còn loại quá hiệp đứt đoạn, lưu thủy xuyên qua. Làm sao mới nhận ra mạch quá hiệp loại đó ? Đại khái Long mạch thực thụ đi xuyên qua thủy, thì hai bên tả hữu nhất định có sa sơn, lưu thủy hộ tống, trong lưu thủy nhất định sẽ có doi đất hơi nhô lưng lên, mùa đông nước chảy ắt chậm rãi, đáy nước ắt là thứ đất kiên cố. Đã biết rõ quá hiệp, thì sẽ rõ tình hình Long mạch vượt sông và lưu thủy hộ tùng Long mạch.

Đã biết rõ tổ tông, lưng mặt, thân Long, quá hiệp, thì quan sát tiếp nơi tận cùng của nó. Nếu là Long mạch thực thụ chạy đến nơi tận cùng, kết thành huyệt vị, thì hai bên tả hữu của huyệt vị nhất định sẽ có tiểu hà thủy như hai cái bọc thong thả đồn khí của Long mạch vào huyệt vị ở giữa. Phía trước huyệt vị nhất định có Minh Đường thấp hẹp, hà thủy ở hai bên theo

Long sẽ đến trước minh đường mà giao hội. Đằng trước minh đường có sa sơn, án sơn cùng với thủy bao quanh huyệt vị. Sa sơn tứ phía hộ vệ huyệt vị đều có tình lưu luyến, sa sơn mé bên trái hướng mặt sang bên phải, sa sơn mé phải hướng mặt sang bên trái, huyệt vị tọa lạc ở chính giữa, như đại quan ở chốn công đường, đó là huyệt vị kỳ diệu.

Địa hình đất đai muôn hình vạn trạng, phương thức kết huyệt cúng thiên biến vạn hóa. Nếu một mảnh đất lớn khi đến chỗ tận cùng, ở hai bên không mở ra, lưu thủy phân giới lờ mờ nửa có nửa không, thế chảy yếu ớt, phía trước huyệt vị là mảnh ruộng thấp làm tiểu minh đường, thì hãy kết huyệt vị tại tiểu minh đường, Nếu khí mạch kết tụ ở một góc bên, chỉ có một tiểu lưu thủy phân giới Long mạch, lưu thủy theo Long hướng ra bên ngoài mà uốn quanh, thì nên kết huyệt ở một góc bên. Nếu một đầu bờ rộng thênh thang, nhìn không thấy bến bờ, bốn phía phân tán chiếm hữu khí mạch, thì tùy Long mạch mà kết huyệt. Nhưng cũng có Long mạch chếch sang một bên, không tồn lưu sinh khí, nơi như thế không thể kết huyệt. Nếu Long mạch từ mặt trước chạy đến, nhưng cục diện huyệt vị ngược với mặt trước, thì nên dùng phép điểm huyệt đảo kỳ Long huyệt. Nếu sau khi kết trạch huyệt, dư khí của Long mạch không ngưng tụ, mà cuồn cuộn đổ về đằng trước, cần xem sa sơn, lưu thủy ở hai bên huyệt, nếu thấy chúng hộ vệ, yểm trợ, lưu luyến có tình, hơn nữa sinh khí thịnh vượng, sung mãn, thì có thể dùng phương pháp điểm huyệt thuận kỳ Long huyệt.

Nếu lưu thủy theo Long mạch giao hội ở mặt ngoài của án sơn, thì kết huyệt ở đấy rất cát lợi. Nếu Long mạch không hình thành án sơn, hà thủy bên ngoài tỏa ra, không giao hội, mà kết huyệt tại đường chạy của Long, thì sinh khí sẽ bị tuyệt diệt.

Trạch huyệt của Long mạch vô cùng đa dạng, khó mà kể cho hết. Cần hiểu sơn thủy là hướng vào nhau hay quay lưng lại nhau, là mở ra hay đóng lại, là tụ hợp hay phân tán, sinh khí của sơn thủy dồn tụ ở nơi nào mà xác định phương vị của trạch huyệt.

Tại địa khu bình dương, nếu hình dạng như bàn tay đặt ngửa, thì dương khí có thừa mà âm khí lại thiếu. Ở nơi tận cùng

tất phải hơi nhô lên, gặp âm khí đầy đủ mới có thể kết làm trạch huyệt. Đây là phương pháp dương lai âm thụ.

Nếu xác lập huyệt vị ở chỗ thấp, bằng phẳng, thì chỉ có dương khí, không có âm khí, dù các mạch sa, thủy ở hai bên có tình, chủ nhân cư trú nơi đó dù tạm thời yên lành, song rất mau chóng suy bại.

Vì lẽ đó, Cảnh Thuần từng nói : "Ở nơi thấp và bằng phẳng, có chỗ lồi lên, thì nơi đó ẩn chứa phúc lộc cát lợi". Trương Tử Vi nói : "Bình dương địa khu, nơi địa hình cứ xuống thấp dần mà đặt mộ, thì con cháu sẽ bị tuyệt diệt". Bốc Tắc Nguy nói : "Nơi kỳ diệu ở địa khu bình dương là tứ bề lõm thấp, duy có một chỗ nổi cao lên" và "Điều nguy hiểm nhất là kết trạch huyệt ở bên cạnh hố bùn".

Bốc Tắc Nguy còn nói : "Khi chọn huyệt vị ở địa khu bình dương, trước hết phải tìm thủy mạch". Nhưng tìm thủy mạch cũng phải có phương pháp nhất định. Lấy hà thủy từ xa chảy đến để đắc thủy là sai, mà lấy hà thủy từ nơi gần chảy đến để đắc thủy cũng lầm nốt. Lấy hà thủy nghịch hướng cố nhiên là sai, mà lấy hà thủy thuận hướng cũng lầm nốt. Lấy đại thủy mênh mông ở gần làm thủy mạch là sai, mà lấy tiểu hà thủy nhỏ hẹp ở gần cũng lầm nốt. Các tình huống vừa kể đều không thể coi là thủy mạch thực sự.

Vậy phải thế nào mới coi là có được thủy mạch thực sự ? Đại khái đạo lý biến hóa của trời đất không có gì quá đáng, và rất chừng mực, tốt nhất là sự chừng mực. Do vậy, nếu lấy thủy ở gần làm thủy mạch, thì phải có dư khí, nếu không phần chân sẽ bị teo tóp. Nếu lấy thủy ở xa làm thủy mạch, minh đường phải thấp trũng, nếu không sinh khí sẽ bị tiêu tán. Nếu lấy đại thủy ở gần thì huyệt vị phải lùi về phía sau, nếu không sẽ bị xung kích làm lung lay phần đầu não. Nếu lấy tiểu thủy ở gần, tất huyệt vị phải nhô cao, nếu không chẳng thể nhìn thấy lưu thủy. Nếu lấy hà thủy chảy nghịch hướng, huyệt vị phải ở gần án sơn để lưu thủy không xói thẳng vào huyệt vị. Nếu lấy hà thủy chảy thuận hướng, thì hà thủy phải giao thoa vào nhau, để thư hùng (đực cái) giao phối với nhau.

Do vậy, hà thủy chảy nghịch hướng phải có hình dạng triều bái, tốt nhất giống như chữ chi (之), chữ huyền (玄), uốn lượn quanh co mà chảy tới thong thả. Nếu xối thẳng đến như mũi tên thì bất lợi. Hà thủy tràn qua minh đường tốt nhất là uốn quanh, ngoằn ngoèo như rắn bò, không nên như mũi tên xuyên thẳng. Đại thủy mênh mông cuộn sóng tràn trề là bất lợi. Hà thủy nhỏ yếu nhưng uốn lượn như một cây roi mềm, cái dây lưng là rất thích hợp.

Dưới đây là các hình dạng hung sát : như hai thanh kiếm giao nhau hình chữ thập, như hai cánh cung đối đầu vào nhau, như tấm màn chụp tới, như lưng rộng mà vai so, như giao Long cuộn mình nằm ngủ, như phát ra âm thanh bi thương mà cuồn cuộn chảy tới v.v...

Phải quan sát kỹ nơi nước chảy vào và chảy ra, phương hướng thu nạp và tiêu tán của hà thủy. Chỉ có lấy nơi hà thủy chảy mạnh tới tích nạp sinh khí vượng thịnh mới là đúng pháp độ.

Đại sư Tả Khâm từng nói : 'Xác nhận hình thái triều hướng của thủy mạch, sẽ thấy có một bên cát tường, một bên hung sát ứng hợp với nhhau. Tam hợp kết liên với nhau như một chuỗi ngọc đều tăm tắp, chính là chủ về cát tường, may mắn". Dùng phương pháp này kiểm nghiệm các huyệt mộ vốn có, đều thấy phù hợp đúng như vậy.

BÌNH DƯƠNG LẬP HƯỚNG THU THỦY PHÁP

Phàm lên huyệt trường, xác định xong huyệt đạo, còn phải xem hà thủy phát nguyên từ nơi nào chảy đến minh đường, từ nơi nào chảy ra khỏi minh đường. Dùng la bàn mà xác định phương hướng, vị trí của hà thủy.

Nếu hà thủy chảy đến phù hợp với phương vị Thủy cục, thì dùng phương pháp Thủy cục mà thu nạp. Nếu hà thủy phù hợp với phương vị Kim cục, thì dùng phương pháp Kim cục mà thu nạp. Nếu hà thủy phù hợp với phương vị Hỏa cục hay Mộc cục

thì dùng phương pháp Hỏa cục hay Mộc cục mà thu nạp... Đó là cách nhận thức thủy mạch, xác lập phương hướng, xác định thu nạp lai thủy. Hà thủy nhất thiết phải từ nơi hoài thai, dưỡng dục, sinh trưởng, quan vận hanh thông, sinh khí sung mãn, vạn sự như ý mà chảy đến, đồng thời phải từ nơi suy lão, bại lạc, tật bệnh, tử vong, họa hại, sinh khí tán thoát mà chảy đi. Chảy đến từ nơi hoài thai, dưỡng dục, sinh trưởng, thì nhân đinh hưng vượng, con cháu đầy nhà. Chảy đến từ nơi quan vận hanh thông, vạn sự như ý, thì trời đất hưng vượng, tài lộc dồi dào.

Nhưng chảy đến như thế nào còn là điều hệ trọng. Nếu cuồn cuộn xối thẳng đến, xung phá địa mạch cát tường, thì bao nhiêu điều tốt đẹp sẽ tiêu tán, chỉ còn là họa hại, tuyệt diệt, suy bại, dâm loạn. Điều này cần xem kỹ "Ngọc xích kinh".

Địa khu bình dương, phải quan sát kỹ phương hướng lưu thủy, căn cứ vào phương hướng đó mà thu nạp hoặc tiêu tán lưu thủy. Đại loại là phương hướng lưu thủy vốn không phân biệt cát lợi hoặc hung sát. Nhưng sự thay đổi, chuyển hướng của thủy lưu sẽ quyết định họa hay phúc. Nếu một hà thủy uốn lượn, từ phương vị Tốn, Kỷ mà chảy đến, tại phương vị Canh, Thân, Dậu chuyển hướng, từ phương vị Sửu, Cấn chảy ra, thì sẽ là Kim thành Thủy cục. Nếu xác định phương vị Tốn, Kỷ thu nạp thủy đến, thì nhân đinh hưng vượng, con cháu đầy nhà. Nếu xác định phương vị Canh, Dậu thu nạp thủy đến, thì nhân đinh và tài lộc cùng hưng vượng, vạn sự như ý. Đại loại là sinh khí tràn trề, lưu thủy hưng vượng nhất định phải chảy qua từ phía trước huyệt vị. Đó là dùng phương thức Kim cục mà thu nạp hà thủy chảy đến từ phương vị Kim cục.

Nếu hà thủy từ phương vị Kim cục chảy đến mà lại dùng phương thức Hỏa cục để thu nạp, thì lưu thủy sẽ không đến được minh đường, do đó nhân đinh sẽ không hưng vượng; nếu dùng phương thức Thủy cục để thu nạp thủy đến, thì hà thủy tràn trề sinh khí cũng không đến được trạch cục, khiến nhân đinh, tài lộc kém dần...

BÌNH DƯƠNG THỦY KHẨU LUẬN

Ở địa khu bình dương, việc chọn mạch kết huyệt tuy không có sơn phong cao đẹp, cảnh trí bên ngoài mỹ lệ, nhưng trấn giữ thủy khẩu vẫn còn phải có sự ảo diệu của thủy lưu triều hướng huyệt vị mà lưu luyến, sa sơn ở hai bên đan xen vào nhau như dệt cửi, sau đó duỗi dài, thênh thang mà đi thì mới tốt. Nếu lưu thủy hàm chứa hình dạng như ấn ngọc, hòm vàng, bày ra như hình chữ Nhất (一), hoặc sa thạch uốn lượn uyển chuyển như cây bút thần, thì càng quý. Có gò cao đối xứng hai bên hà thủy, có một sơn phong nhô cao nguy nga một bên hà thủy, phía trước hà thủy có cầu đá bắc ngang, hình dạng như vậy thì càng quý hiếm.

Nhưng địa hình tuy kết huyệt ở bên trong, mà họa phúc lại biểu lộ ở bên ngoài. Do vậy, nếu thấy hình dạng giống hàn lâm học sĩ sử dụng bút mực, thì sẽ biết nó là huyệt vị thanh nhã, ắt sản sinh văn nhân mặc khách. Nếu thấy hình dạng giống như võ sĩ sử dụng khí giới, thì sẽ biết nó là huyệt vị hùng cường, ắt sản sinh võ tướng dũng mãnh. Nếu thấy hình dạng như kho lương, thì sẽ biết nó là huyệt vị chiêu tài thu phú, ắt sản sinh đại phú gia. Nếu thấy hình dạng như con rùa đen nằm ngủ, như hạc trắng thơ thẩn, như cây gậy chống, thì sẽ biết nó là huyệt vị tàng ẩn khí tiên, ắt sản sinh tăng lữ hoặc đạo sĩ giỏi đàm luận về sự ảo diệu huyền bí.

Căn cứ thủy khẩu rộng hay hẹp, sẽ hiểu nhà kia đoàn tụ hay vợ con ly tán. Căn cứ thủy lưu uốn lượn hay chảy thẳng, sẽ biết chủ nhân huyệt vị là người văn nhã cao thượng hay phàm tục thấp hèn. Căn cứ sa, thủy trùng trùng điệp điệp hay thưa thớt, lẻ tẻ, sẽ hiểu chủ nhân trạch huyệt được hưởng vinh hoa phú quý hay nghèo khó bần hàn. Căn cứ phần đầu của sa sơn đối diện với nhau hay quay lưng lại nhau, sẽ biết chủ nhân huyệt vị là người xử sự thân tình hay bạc bẽo.

Do đó, tại địa khu bình dương, sa sơn của thủy khẩu nếu thuận theo lưu thủy mà như bay đi xa, thì biểu thị sự rời bỏ quê hương, tha phương cầu thực; nếu nghiêng lệch nhọn nhỏ, đối đầu vào nhau, thì biểu thị sự tranh giành khốc liệt, sát thương tàn tệ; nếu như nanh vuốt mãnh hổ hoặc xiềng gông của phạm nhân, thì biểu thị kiện tụng hình ngục, trừng phạt nặng nề; nếu giống mỹ nhân nâng váy yểu điệu múa may, thì biểu thị nam nữ hẹn hò, thích thú giao hoan...

Cho nên mới nói rằng cư trú ở trong cổng lớn là chính nhân quân tử, mà cư trú ở ngoài cổng lớn là kẻ tiểu nhân thiển cận. Bởi vậy, khi tiến vào trong tìm thủy khẩu ở địa khu bình dương, căn cứ vào hình dạng cụ thể của minh đường, thủy khẩu, thì sẽ hiểu rõ cát hung, họa phúc. Song hình dạng sơn thủy thiên biến vạn hóa, ngôn ngữ chẳng thể miêu tả thấu triệt. Phải là người thông minh đọc một hiểu mười, thì qua sự miêu tả bên trên mới có thể thấu đáo.

TIÊU THỦY QUYẾT

Có Long mạch ắt có thủy lưu theo cùng. Đại hà thủy mênh mông ở bên Long mạch thì biểu thị họa phúc, quý tiện của chủ nhân huyệt vị nhiều đời, mà tiểu thủy yếu ớt ở bên Long mạch thì biểu thị họa phúc, quý tiện của chủ huyệt vị chỉ ở tuổi thiếu thời.

Hình dạng của sa sơn cũng biểu thị cát hung họa phúc trong tương lai, nhưng sự ứng nghiệm không mạnh mẽ như thủy mạch. Hình thái khác nhau của lưu thủy tất nhiên biểu thị cát hung họa phúc, hơn nữa, lại ứng nghiệm rất nhanh, có khi tức thời. Tính tình của lưu thủy dễ nhận ra hơn tính tình của sơn. Do vậy, khi tìm Long mạch, nhất thiết phải quan sát kỹ tình thế của lưu thủy. Sau khi biết rõ tình thế cụ thể của thủy mạch, bấy giờ mới chọn huyệt vị.

Quan sát thủy mạch phải xem hình thái cụ thể của nó, xem có cung kính triều nghênh quan quý, phúc lộc hay không, có tống tiễn, vòng tránh suy vong bệnh tật hay không, có hình thành nơi hoài thai sinh trưởng hay không, có tống tiễn vòng tránh suy bại họa hại hay không, có yên lành bình tĩnh kết trạch huyệt hay không, có linh hoạt lưu động vươn tới quan quý phúc lộc hay không.

Phàm lưu thủy nương theo Long mạch chủ yếu tất từ thủy khẩu rất lớn mà chảy ra. Long mạch vận động nghịch thế, thì hà thủy chảy thuận hướng; hà thủy chảy nghịch hướng, thì Long mạch sẽ vận động thuận hướng. Vận động thuận hướng là Dương tính, vận động nghịch hướng là Âm tính. Dùng bản thân Long mạch mà tiêu tán, thu nạp đại thủy chảy mạnh đến; dùng phương hướng hà thủy mà tiêu tán, thu nạp tiểu thủy chảy yếu đến. Nếu hướng nội không phù hợp, thì thông qua nội ngoại mà tiêu, nạp thủy đến. Tại nơi sinh khí hưng vượng phát đạt thì thu nạp, kết tụ hà thủy chảy đến, tại nơi sinh khí suy yếu, bại hoại thì tiêu trừ cho hà thủy chảy đi. Được hà thủy hai bên uốn lượn đúng pháp độ, quy phạm, mới là thực sự phù hợp.

Một mộ huyệt, nếu có long mạch dài 8 thước ở phía sau huyệt vị, có lưu thủy tiêu tán, rơi rớt trong phạm vi vài trượng ở phía trước huyệt vị, là được. Nếu lưu thủy ở bên huyệt không phù hợp pháp độ, quy củ, thì dù địa mạch cát lợi, cũng không được kể là tốt đẹp. Vì vậy cổ nhân có câu : "Long mạch đẹp không bằng huyệt vị đẹp, huyệt vị đẹp không bằng hướng của thủy đẹp".

BÌNH DƯƠNG BÌNH DƯƠNG BIỆN

Địa khu bình dương chủ yếu phân bố tại một dải duyên hải Giang Nam. Sở dĩ gọi là "bình dương", vì nó thừa thủy mà thiếu sơn. Sở dĩ gọi là "dương", vì chỗ của nó nằm trong nước. Cho nên phương pháp mai táng ở đây tốt nhất là chôn nông rồi đắp

đất lên cao. Văn công tiên sinh thời cổ đại từng nói : "Địa khu bình dương chỉ có một dải hồ đầm, không thể đào sâu". Đất vùng hồ đầm, đào xuống một tấc đã thấy nước. Gặp những chủ nhân có huyệt táng ở vùng này đều thấy họ phát đạt nhanh chóng, hơn nữa còn lưu âm đức lâu dài cho đời sau. Người thời nay không chịu quan sát kỹ địa mạo thích hợp, cứ đào khoét sâu xuống, đó là vì ít có người thông minh tài trí. Địa hình địa mạo ở phương nam khác hẳn địa hình địa mạo ở phương bắc, địa khu bình dương ở phương nam cũng khác với địa khu bình dương ở phương bắc, cho nên càng phải biết phân biệt rõ ràng.

LƯU BÁ ÔN và các tác giả

ĐỊA LÝ TOÀN THƯ

Lê Khánh Trường - Lê Việt Anh *dịch*

TẬP II

Chịu Trách Nhiệm Xuất Bản: QUANG HUY
Biên Tập : PHAN THÁI
Trình Bày: ANH QUANG
Sửa Bản In: LÊ PHAN
Bìa : BỬU SINH

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

In đợt I - 1.500 cuốn khổ 13x 19 cm. In tại xí nghiệp DỊCH VỤ TIẾP THỊ - QUẢNG CÁO. Giấy đăng ký KH XB số 718/ CXB ngày 10 - 10 - 1995. Trích ngang KH XB ngày 30 - 12 - 1995. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 - 1996.

